

THANH-LÃNG

# PHÊ BÌNH VĂN HỌC THẾ HỆ 1932



Phong TRAO  
VĂN HỌA

**PHÊ-BÌNH VĂN-HỌC  
THẾ HỆ 1932**



Còn nhiều sách xưa trong Quán Ven Đường kính mời vào lấy về đọc.

## TẠI SAO XUẤT BẢN ?

*Hôm nay, ngày 18 tháng 3 năm 1972, tôi bắt đặc dù phải đưa ra mấy quyết định :*

— *Quyết định thứ nhất là trao cho nhà in để cho xuất bản cắp kỵ 3 trong số 17 tập Lịch-sử Văn-học Thể-hệ 1932, do Chứng chỉ Văn Chương Quốc Âm trường Đại Học Văn Khoa Sài-gòn cho quay Ronéo năm 1966.*

— *Quyết định thứ hai là cho in y như bản Ronéo năm 1969 chứ không in theo các bản đã sửa chữa liên tục từ năm 1966 cho tới nay là năm 1972.*

*Sở dĩ có hai quyết định khὸ tâm này là vì ba đặng đợi văn hóa Nguyễn Tân Long, Nguyễn Hữu Trọng và Phan Canh cứ đánh cắp tà tà các bài giảng khoa in Ronéo của tôi để đem xuất bản thành sách ký tên mấy đặng.*

*Năm 1968 Nguyễn Tân Long và Nguyễn Hữu Trọng đã ăn cắp gần hai chương đầu tập IA của Bộ Lịch sử Văn học Thể hệ 1932 gồm 17 tập đem xuất bản thành sách để là « Việt Nam Thi Nhân Tiền Chiến », Quyển thương.*

Thấy việc mìn ăn này êm thẳm, sang năm 1969, hai đồng đai Văn hóa Nguyễn Tân Long và Phan Canh bèn lầy cắp thêm hẳn hai chương của tập I A và tập I B của Bộ Lịch sử Văn học Thế hệ 1932 gồm 17 tập của tôi để đem in thành sách lầy tên là « Khuynh hướng Thi ca Tiền chiến », Sông Mới xuất bản.

Khoảng tháng giêng năm 1970, tôi tới Tòa Thu Viên để mượn mấy số báo, thì được mấy học trò cũ của tôi hỏi hỏi gọi tôi : « Thày ơi, « cua » Thày dạy chúng em năm xưa mấy tháng cha Nguyễn Tân Long, Nguyễn Hữu Trọng, Phan Canh đánh cắp đem in bán đầy phở ».

Hôm sau, tôi ra Khai Trí mua mấy cuốn sách của Nguyễn Tân Long, Nguyễn Hữu Trọng, Phan Canh thì thấy đúng như vậy.

Sau đây mấy hôm, tôi gặp luật sư kiêm nghị sĩ Nguyễn văn Chúc, tôi đem câu chuyện bức mình ra kè với ông Chúc. Ông Chúc sực sáng dành lầy việc giúp tôi đưa nội vụ ra tòa. Nhưng nhận rồi chẳng hiểu vì lý do gì ông Chúc không đưa nội vụ ra tòa. Lần nào gặp tôi, ông Chúc cũng càu nhau đồ tội cho Tòa án nó bê bối chưa chịu xử. Nhưng mới gần đây, nhân nói chuyện với thẩm phán Trần văn Linh, Chủ tịch Tối Cao Pháp Viện, tôi được biết là ông Chúc cố dìm nội vụ chưa chịu đưa ra tòa chứ không phải Tòa Án nó bê bối như ông Chúc nói với tôi.

Tôi chán vô cùng chẳng biết nên tin ông Luật sư kiêm Nghị sĩ hay nên tin ông Thẩm phán Chủ tịch Tối Cao Pháp Viện. Nhưng đàng nào hai ông cũng ở trong chính quyền cả : một ông thuộc Chính quyền Lập Pháp (Thượng Viện), một ông thuộc Chính quyền Tư Pháp (Tối Cao Pháp Viện).

**Vì bạn nkiều công việc, lâu lâu tôi cũng quên luôn nội Vu. Bất  
thần mồng 03 tháng 3 năm 1972, tôi nhận được tập Văn Học Đại  
Cương của giáo sư Nguyễn Văn Xung gửi tặng, sách do Sống Mới  
xuất bản. Nơi trong bìa cuối sách, nhà xuất bản Sống Mới cho in  
lời quảng cáo: «Đón đọc : Biển cõi Văn học Việt Nam qua 9  
cuộc bút chiến thời tiền chiến».**

Chính lời rao quảng cáo này làm tôi cúi kinh, bực mình đưa  
ra quyết định cho xuất bản gấp kỳ mà không sửa chữa 3 tập, tức  
tập IA, IB và tập XVII của Bộ Lịch sử Văn học Thế hệ 1932 gồm  
17 tập mà sinh viên Chứng chỉ Văn Chương Quốc âm Đại Học Văn  
Khoa đã cho quay Ronéo năm 1966.

Bộ Lịch sử Văn học Thế hệ 1932 tuy mang tên là Lịch sử  
Văn học Thế hệ 1932, nhưng thực ra nó chỉ mới là Lịch sử Phê bình  
Văn học Thế hệ 1932-1945 mà thôi, chứ Lịch sử Thi ca, Lịch sử  
Tiểu thuyết, Lịch sử Sân khấu thì còn đang biên soạn chưa cho  
phô biến.

Để biên soạn bộ Lịch sử Phê bình Văn học Thế hệ 1932-1945,  
tôi đã đẽ ra gần 15 năm làm việc với bốn năm thư ký. Từ xưa đến  
nay, nói đến Lịch sử Phê bình Văn học ở Việt Nam, người ta mới  
chỉ dưa vào các sách Phê bình đã xuất bản mà chưa đi tìm các bài  
phê bình còn nằm rái rác trên khắp các báo xuất bản từ năm 1932  
đến năm 1945. Tôi đã đẽ 15 năm trời đẽ đọc và trình tất cả các bài  
phê bình in rái rác trên các báo xuất bản từ năm 1932 đến năm 1945  
rồi từ đấy, trình bày cho học trò của tôi, các sinh viên Ban Văn

chương Việt Nam trường Đại học Văn khoa Sài Gòn, một cái nhìn tổng quát về sinh hoạt phê bình văn học đọc suốt 13 năm, từ 1932 đến 1945 kèm theo đầy đủ tài liệu. Công việc làm này lúc đầu sơ lược, rồi lần lượt được đào sâu suốt từ năm 1964 đến năm 1966.

Tập tài liệu đồ sộ này, lúc đầu là 1.961 trang rồi lên 2.668 trang, rồi cuối cùng tới 5.442 trang, không phải là một bộ sách mà là một giảng khoa cho ban Cử Nhân Văn chương. Tinh thần của Giảng Khoa, tức Phương Pháp dạy Nghiên Cứu Văn học ở bậc Đại Học, không phải là giáo sư soạn bài sẵn, giải thích nói hết cho sinh viên, để sinh viên chỉ việc học thuộc lòng bài giảng khoa của giáo sư. Phương pháp mà tôi áp dụng là tạo môi trường cho người sinh viên tự làm việc, tự phê phán, là cung cấp tài liệu tôi đã cho sinh viên. Chính vì vậy mà, trong khi trao, vào tay người sinh viên Ban Cử Nhân Văn Chương Việt-Nam, tập tài liệu 5.542 trang, tôi đã chỉ nói với họ trên dưới 1000 trang bằng ngôn ngữ của tôi, còn gần 4.500 trang là ngôn ngữ của các nhà phê bình thuộc thế hệ 1932-1945. Người sinh viên giỏi là người thuộc nhiều, biết nhiều, không phải lời nói, quan điểm của giáo sư mà là nhờ sự hướng dẫn, chỉ bảo của giáo sư, để thuộc nhiều, biết nhiều chính lời nói, quan điểm nghệ thuật của các nhà văn. Chính với tinh thần đó, trong bài Giảng Khoa dài 5.442 trang này, mỗi khi trích tuyên văn của các nhà văn, thường thường tôi vẫn trích trọng yếu cả bài văn. Làm công việc trích tuyên này chẳng những nặng nhọc mà còn tốn kém vô cùng. Phải thuê thư ký riêng vào tận các thư viện, lật từng chồng báo cao ngất, để trích ra từ đấy các bài báo đã được tôi ghi là phải trích.

Nhiều bạn bè, thân hữu xa gần đã nhiều lần yêu cầu tôi:

cho xuất bản toàn bộ 17 tập *Giảng Khoa* này, bởi vì ai cũng phải công nhận rằng trong đó chứa những tài liệu phong phú vô cùng. Những tờ báo như tờ tuần báo **Loa** mà có lẽ cả miền Nam này chỉ có mình tôi có mà tôi phải mua với giá 70.000đ cách đây 10 năm; những tờ báo như tờ tuần báo **Phong Hóa**, ở miền Nam này chỉ có tôi và **Tòng Thư Viện** có, tờ báo mà tôi đã phải mua với giá là hơn 250.000đ; những tờ báo như tờ **Ích Hữu**, tờ **Hà-Nội báo** mà ở miền Nam này chỉ có mình Giáo sư Phạm văn Diêu có mà ông đã cho tôi mượn để trích tuyển. Tất cả các tờ báo này, tôi đã phân tích tỉ mỉ, ghi nhận xem có bao nhiêu biên tập viên, đường lối, chính sách của mỗi tờ báo, rồi trích tuyển các bài cần trích để cống hiến cho người sinh viên những tài liệu mà với phương diện riêng của họ, họ không thể nào có trong tay các tài liệu đó.

Vậy ngoài hàng chục tờ báo có bài được trích trong tập *Giảng Khoa* này, nhưng bởi số bài trích lẻ tẻ cho nên không được nghiên cứu phân tích, tôi đã dành toàn thời gian để nghiên cứu, phân tích và trích tuyển 13 tờ báo sau đây :

**An nam tạp chí**, **Phụ nữ tân văn**, **Văn học tạp chí**, **Đông thanh tạp chí**, **Phong hóa tuần báo**, **tuần báo Ngày nay**, **Tiểu thuyết thú báy**, **tuần báo Loa**, **báo Ích hữu**, **Hà Nội báo**, **Tao đàm**, **Tin mới Văn chương**, **Tritân**.

Khởi thảo bộ *Lịch sử Phê bình Thé* hệ 1932 từ năm 1964 nhưng đến nay tôi mới chỉ cho in Ronéo chứ chưa xuất bản, thành sách.

Sau đây là các bản in Ronéo đã thực hiện liên tiếp từ năm 1964 đến năm 1966.

## A. BẢN IN RONÉO NĂM 1964 :

Có tất cả 7 tập, gồm 1961 trang, chia ra làm hai phần như sau :

### PHẦN NHẤT

Là bài Giảng khoa gồm có 3 tập mang tựa đề là « Văn học Việt Nam, Thế hệ 1932-1945 ». Tổng số trang của 3 tập này là 402 trang.

Nội dung của 402 trang của 3 tập Giảng Khoa này gồm có :

**CHƯƠNG I :** Mang tựa đề: « ĐẶC TÍNH CHUNG THẾ HỆ 1932 » từ trang 1-45 nói về đặc tính chung của thế hệ 1932 : vì là chương mở cho nên 45 trang này được in lại hầu y nguyên ở các bản in Ronéo năm 1965 cũng như bản in Ronéo năm 1966 và bản in ấn loát năm 1967 của bảng Lược đồ Văn học, tập hai từ trang 598 đến trang 642. Phần này là phần mà Nguyễn Tân Long và Nguyễn Hữu Trọng đánh cắp để làm phần mở đầu cho cuốn « Việt-Nam thi-nhân tiền-chiến » Quyển thương » của các ông in năm 1968.

**CHƯƠNG II :** Mang tựa đề « PHÊ BÌNH » (từ trang 46 đến trang 354).

Tiết 1 : (từ trang 46-57)

— Nói tóm quát về « Thế Phê bình Văn học Việt Nam Thế hệ 1932-1945 » : cũng trong mục này, tôi phân các nhà phê bình Việt-Nam ra làm 7 nhóm : các nhà phê bình biện minh ; các nhà phê bình giáo điều ; các nhà phê bình chủ giải ; các nhà phê bình văn học sử ; các nhà phê bình lý thuyết ; các nhà phê bình mác-xít.

**Tiết 2 :** (152 trang, tức từ trang 57-354) dành cho việc trình bày về 16 nhà phê bình:

**1.— Thiếu Sơn** (từ trang 59-88) với hai tác phẩm : Phê bình và cáo luận (1933), Đời Sông Tinh Thần (1943), và cuộc bút chiến « Nghệ thuật vị nghệ thuật và nghệ thuật vị nhân sinh » (từ trang 70-88).

**2.— Phan Khôi** (từ trang 88-202), với Chương Dân thi thoại, (1936) là người khởi xướng nhiều cuộc bút chiến sôi nổi : Bút chiến với Trần Trọng Kim (từ 89-103). Bút chiến với Phạm Quỳnh (từ 103-111); Bút chiến với Lê Du (từ 111-123); Bút chiến với Tân Đà (từ 123-183); Bút chiến thơ cũ thơ mới (từ 183-184); Bút chiến với Hải Triều về duy tâm và duy vật (184-194).

**3.— Trần Thanh Mại** với Trong Giòng Sông Vị (1935), Hán Mặc Tử (1941), Tuy Lý Vương (1938), Đời văn (1942) : từ trang 194-218.

**4.— Lê Thành** (từ trang 218-249) với Thi sĩ Tân Đà (1939), Tú Mỡ (1942), Trương Vĩnh Ký (1943), Cuộc Phỏng văn các nhà văn (1943), Cuốn Sổ văn học (1944).

**5.— Trương Chính** (từ trang 249-257) với Dưới mắt tôi (1939)

**6.— Dương Quảng Hàm** (từ trang 257-270) với Hán Việt Văn biểu (1925), Việt Nam Văn học sử yếu (1942).

**7.— Vũ Ngọc Phan** (từ trang 270-283) Trên đường nghệ thuật (1940), Nhà văn hiện đại (1941).

**8.— Nguyễn Đông Chí** (từ trang 283-294, với Việt Nam văn học sử (1940), Hát Dặm (1944).

**9.— Nguyễn Bách Khoa** (từ 294-304) với *Những Thể nghiệm của Ngòi bút tôi* (1938), *Tinh sò 10 năm Văn học* (1940), *Kinh thi Việt Nam* (1940), *Nguyễn Du và Truyện Kiều* (1942), *Văn chương truyện Kiều* (1945), *Tâm lý và tư tưởng Nguyễn Công Trứ* (1945)...

**10.— Hoàng Ngọc Phách** (từ 305-308) với *Đáu là chân lý* (1941). *Thời thế với Văn chương* (1935).

**11.— Phan Trần Chúc** (từ 308-310) với *Văn chương Quốc âm thế kỷ XIX* (1944).

**12.— Hoài Thanh và Hoài Chân** (từ 308-313) với *Thi nhân Việt Nam* (1942).

**13.— Ngô Tất Tố** (từ 313-322) với *Văn học đờ i Lý* (1942). *Văn học đờ i Trần* (1942), *Thi Văn Bình chú* (1942).

**14.— Đào duy Anh** (từ 322-326) với *Việt Nam Văn hóa Sứ Cương* (1938), *Khảo luận về Kim văn Kiều* (1943).

**15.— Kiều thanh Quế** (từ 331-355) với *Phê bình Văn Học* (1942) *Ba mươi năm Văn học* (1942) *Cuộc Tiến hóa Văn học Việt Nam* (1942).

### **CHƯƠNG III Mang tựa đề « TỔNG KẾT VỀ CÁC NHÀ VIẾT SÁCH PHÊ BÌNH THỂ HỆ 1932** (từ trang 355-402)

— *Trình bày 8 trường phái phê bình Tây phương* (từ trang 355-362).

— *Kỹ thuật phê bình tác phẩm dĩ vãng* (từ 362-384).

— *Kỹ thuật phê bình tác phẩm quen biết nhiều* (từ 384-385).

- *Kỹ thuật phê bình tác phẩm bậc hai, bậc ba* (385-386).
- *Kỹ thuật phê bình tác phẩm hiện đại* (386-393).
- *Kỹ thuật phê bình một thời đại* (393-394).
- *Kỹ thuật soạn thảo Văn học sử* (394-402).

**B.—Phần thứ hai, vừa là Giảng Khoa vừa là trích tuyển,** nhưng vì phần trích tuyển là phần chính yếu cho nên phần này mang tựa đề là : « **Tuyển tập 13 năm tranh luận Văn học ; Văn học Việt Nam Thế hệ 1932—1945.** » Phần thứ hai có tất cả 4 tập, dành cho việc nghiên cứu và trích tuyển 5 tờ báo :

- Báo « **Tiêu thuyết thế bảy** », 151 trang (tức từ trang 1 đến trang 151 của tập I).
- Báo « **Hà nội báo** », 192 trang (tức từ trang 152 đến trang 341 của tập I)
- Báo **Ích hữu**, 56 trang, (tức từ trang 355 đến trang 397 của tập II).
- Báo « **Phụ nữ Tân văn** » 780 trang, (tức trang 398 đến trang 749 của tập 2 và từ trang 752 đến trang 1171 của tập II).
- Báo « **Ngày nay** ». 370 trang, (tức từ trang 1171 đến trang 1541).

## **B.—BẢN IN RONÉO NĂM 1965 :**

Khởi thảo năm 1964 với 1961 trang chia ra làm 7 tập, tập Giảng Khoa của tôi sang năm sau, 1965, được sửa chữa bổ sung thêm: số tập tăng từ 7 tập lên 11 tập, và số trang từ 1961 trang tăng lên 2668 trang. Cũng như Bản in Ronéo năm 1964, bản in Ronéo năm 1965 cũng chia ra làm hai phần :

### **PHẦN NHẤT**

*Nếu cái phần nhất ở bản in Ronéo năm 1964 gồm 3 tập thì cái phần nhất ở bản in Ronéo năm 1965 lại chỉ có*

và tập mà thôi nhưng ngược lại số trang của bản in năm 1965 lại tăng lên từ 402 trang 572 trang. Ngoài việc tăng thêm hơn 70 trang), bản in năm 1965 (so với bản in năm 1964) có nhiều thay đổi trong sự sắp xếp các đề mục.

### **CHƯƠNG I (từ trang 1-48)**

*Chương I này mang tựa đề « ĐẶC TÍNH CHUNG CỦA THẾ HỆ 1932 » tuy số trang có dài hơn chút ít, nhưng nội dung không có gì thay đổi. giống hầu y nguyên như bản in năm 1964.*

### **CHƯƠNG II (từ trang 48-88)**

*Chương II này mang tựa đề « NÓI CHUNG VỀ THÈ VĂN PHÊ BÌNH ». So sánh với bản in năm 1964, thì chương II này của năm 1965 khác hẳn, khác cả về tựa đề, khác cả về nội dung. Nội dung chương II của bản in 1965 này trích phần đầu chương II và hầu toàn vẹn chương III của bản in năm 1964.*

*Nói cách khác nội dung chương II của bản in năm 1966 sau này, trình bày tông quát vì thè văn phê bình : đặc biệt là các trường phái phê bình văn học trên thế giới và các kỹ thuật và phương pháp phê bình từ một tác phẩm, đến một nhà văn, đến một thời đại văn học, cho tới việc viết Văn học sử.*

### **CHƯƠNG III (từ trang 88-236)**

*Chương III này mang tựa đề « LỊCH SỬ PHÊ BÌNH THẾ HỆ 1932*

*Chương III này trích một phần chương II của bản in năm*

1964, bỗng sung nhiều, viết nên một chương hầu như mới với nội dung mang ba phần sau đây :

— Phản một trình bày tóm tắt về sinh hoạt phê bình thế kỷ 1932-1945:

— Phản hai trình bày tất cả 8 cuộc tranh luận.

1) Cuộc tranh luận báo chí

2) Cuộc tranh luận cũ mới

3) Cuộc tranh luận Phan-Khôi, Trần-trọng-Kim

4) Cuộc tranh luận Tân-Đà, Phan.-Khôi.

5) Cuộc tranh luận Quốc học,

6) Cuộc tranh luận thơ mới thơ cũ.

7) Cuộc tranh luận nghệ thuật vị nghệ thuật và vị nhân sinh.

8) Cuộc tranh luận duy tâm, và duy vật.

— Phản ba trình bày 6 trường phái phê bình Việt Nam (cố điển, phe phái, truyện ký, xã hội, văn học sử, duy vật.)

#### CHƯƠNG IV (tập II từ trang 1-65).

Chương IV này mới hoàn toàn, dành cho việc nghiên cứu trình bày về 8 tờ báo mà không trích văn, đó là các tờ báo An Nam tạp chí, Phụ nữ Tân văn, Văn học tạp chí, Đông Thành tạp chí, Phong Hóa tuần báo. Ngày nay tuần báo Tiêu thuyết Thúy bảy, Loa tuần báo, tuần báo Hà-nội báo, Ích hưu tuần báo.

#### CHƯƠNG V (tập II từ trang 65-236)

Chương V này trích ở tiết 2 bản in năm 1964 để bàn về 16 nhà phê bình. Bản năm 1964 chỉ có 15 nhà phê bình. Nhà phê

bình mới của bản in năm 1965 là **Hoa Bằng**.

## PHẦN HAI

Sau phần thứ nhất, nặng hơn về phần GIẢNG KHOA ~~đến~~ 472 trang, phần thứ hai nặng hơn vì phần trích tuyên được coi như là nối tiếp công cuộc trích tuyên của BẢN IN NĂM 1964. Phần trích tuyên của BẢN IN NĂM 1965 dài 2196 trang chia làm 9 tập, trích văn của 5 tờ báo sau đây :

- **An nam tạp chí** (tập V và VI, 558 trang)
- **Đông Thành tạp chí** (tập VII, 262 trang)
- **Văn học tạp chí** (tập VIII và IX, 508 trang)
- **Phong Hóa** (tập X, XI, XII, 730 trang)
- **Loa** (tập XIII, 138 trang)

Chính vì coi 5 tập trích tuyên của năm 1964 nằm trong cùng chương trình của năm 1965 cho nên tập trích tuyên thứ nhất của năm 1965 không để là tập I mà lại để là tập V. Nhờ vậy, cộng chung công cuộc trích tuyên của hai năm 1964 và 1965, tôi đã trích được tất cả 10 tờ báo.

## C. BẢN IN RONÉO NĂM 1966

Bộ Giảng Khoa của tôi khởi thảo năm 1964 với 1961 trang chia làm 7 tập, sang năm 1965 được sửa chữa, thay đổi, bù sung thêm thành 2668 trang chia ra làm 11 tập, tới năm 1966, toàn bộ GIẢNG KHOA này được sửa chữa thêm, thay đổi bù cục lấp nữa và bù sung thêm tăng số trang lên tới 5442 chia thành 17 tập, Thực vật, Bộ Giảng Khoa, 17 tập, 5442 trang của Bản In Ronéo năm 1966 đã được xếp đặt lại hoàn toàn. Bù cục

**Bộ Giảng Khoa năm 1966**, so sánh với **Bộ Giảng Khoa của hai năm trước**, 1964 và 1965, có nhiều điểm đặc biệt. Thay vì chia ra làm hai phần như trước đây (một phần nặng về giảng khoa, một phần nặng về trích tuyển), **Giảng Khoa năm 1966** chia làm 3 phần :  
**PHẦN MỘT** (709 trang)

Phần một của bộ GIÁNC KHOA năm 1966 dài hơn hẳn phần của năm trước. Phần một Bộ Giảng Khoa năm 1966 tăng lên tới 709 trang, chia làm 2 tập, tức tập IA và IB. Phần một này gồm các chương sau đây :

## **CHƯƠNG I** (*từ trang 1-64, tức 64 trang*)

*Chương I mang tựa đề là « Đặc tính chung thế hệ 1932 ». Chương này giống hầu y nguyên chương I của các năm 1964 và 1965. Chính chương một này đã được các ông Nguyễn-Tấn-Long, Nguyễn-Hữu-Trọng và Phan-Canh đánh cặp hầu nguyên văn tới hơn 90%. đã làm phần mở cho hai tác phẩm của các ông.*

## **CHUO'NG II (44 trang)**

*Chương II này mang tựa đề là «NÓI CHUNG VỀ PHÊ BÌNH VĂN HỌC». Bộ cục của chương II bản in năm 1966 chia đề mục rõ ràng hơn.*

**Tiết 1 : Mang tựa đề «Một vài ghi nhận về từ ngữ»;**  
Đây là mục tôi giải nghĩa các từ ngữ: nghệ thuật, văn chương, văn học, phê bình văn học, lịch sử văn học, văn học sử.

**Tiết 2 : Mang tựa đề : «các trường phái phê bình».**  
Trong mục này, tôi lược thuật tất cả 8 trường phê bình : phê bình cổ điển, phê bình lãng man, phê bình khách quan, phê bình ẩn tượng,

*phê bình sáng tạo, phê bình triết học, phê bình duy vật, phê bình bác học.*

**Tiết 3: Mang tựa đề «Kỹ thuật và công tác phê bình văn học».**

*Trong mục này, tôi trình bày lần lượt kỹ thuật phê bình một tác phẩm, một nhà văn, một thể hệ, cho tới kỹ thuật biên soạn một bộ lịch sử văn học.*

**CHƯƠNG III (601 trang)**

*Chương III này mang tựa đề là «Lịch sử Phê bình Văn học Thế hệ 1932». Chương này dài 601 trang. Sáu trăm lẻ một trang của chương III nay đề cập, nhận diện sinh hoạt phê bình văn học Việt Nam thuộc Thế hệ 1932 cực kỳ sôi động, chia thành nhiều chiến tuyến, nhiều phe nhóm. Chương này đã chia làm 2 phần ; phần đầu rất ngắn, tôi dành để nói về 4 khối người đối địch nhau : đó là Khối cựu học, Khối cấp tiến của Tự Lực Văn Đoàn, Khối Tân Dân chống Tự Lực Văn Đoàn, Khối Mác xít duy vật.*

*Sau đây sang phần hai, dài gần 600 trang, tôi dành để nói về tất cả 10 vụ tranh luận văn học, mà trước kia tôi gọi là Bút chiến, nhưng từ năm 1966, tôi gọi là Vụ án. Mười (10) Vụ án đó là :*

1.— *Vụ Án Báo chí*

2.— *Vụ Án CŨ MỚI*

3.— *Vụ Án PHAN KHÔI—TRẦN TRỌNG KIM*

4.— *Vụ Án TÂN ĐÀ—PHAN KHÔI*

5.— *Vụ Án QUỐC HỌC*

**6.— Vụ Án THƠ CŨ và THƠ MỚI**

**7.— Vụ Án ĐUY TÂM DUY VẬT**

**8.— Vụ Án NGHỆ THUẬT VỊ NGHỆ THUẬT và NGHỆ  
THUẬT VỊ NHÂN SINH**

**9.— Vụ Án Cô GIÁO MINH VÀ LÁ NGỌC CÀNH VÀNG**

**10.— Vụ Án HÀN MẶC TỬ**

Trong số 10 vụ án trên đây, thì từ vụ án thứ 8 trở lên đều đã được tôi nói sơ lược ở bản in năm 1964, rồi trường thuật dài hơn ở bản in năm 1965, và nói dài gấp bội ở bản in năm 1966 này, đó là các vụ án: báo chí, cũ mới. Phan.Khôi—Trần-trọng-Kim.Tản.Đà—Phan.Khôi, Quốc học, Thơ cũ Thơ mới, Duy tâm duy vật, Nghệ thuật vị Nghệ Thuật và Nghệ Thuật Vị Nhân Sinh. Riêng về 5 vụ án đầu, trong bản in năm 1964, nhất là ở bản in năm 1965 đã trích văn rất nhiều khi trình bày các vụ án đó. Nhưng trong bản in năm 1966, khi trình bày các bản án đó, tôi lại rút ngắn lại, dành việc trích tuyển các bài tranh luận cho phần trích tuyển các tạp chí liên hệ như Phụ nữ tân văn, An nam tạp chí, Văn học tạp chí.

Còn hai vụ án « Cô Giáo Minh Lá Ngọc Cành Vàng » và vụ án « Hán Mặc Tử » thì tôi mới thêm vào từ năm 1966 mà thôi. Trong tác phẩm « Khuynh hướóng thi ca tiền chiến » xuất bản năm 1969, các ông Nguyễn Tân Long và Phan Canh đã đánh cắp hẳn trọn vẹn hai vụ án của tôi để đem xuất bản. Trong bản in năm 1966, vụ án « Thơ cũ thơ mới » của tôi dài 340 trang; còn vụ án « Nghệ thuật vị nghệ thuật nghệ thuật vị nhân sinh », dài 132 trang, như vậy trong bản in năm 1966

*hai vụ án này cộng lại dài tới 472 trang. Các ông Nguyễn Tân Long và Phan Canh đã đánh cắp hầu toàn vẹn 472 trang này rồi đè tên các ông vào dem in bán đầy phô.*

*Nay trong lời rao quảng cáo ở bìa sách của giáo sư Nguyễn Văn Xung, mấy ông ăn cắp hứa sẽ dem xuất bản 9 vụ tranh luận tức 9 cuộc bút chiến tức 9 vụ án văn học mà eօi đã dày công sưu tầm tài liệu. Các lần trước đây, các ông ăn cướp văn mà ăn cướp ngây ngô quá, chép nguyên văn tới hơn 90%.*

*Có lẽ lần ăn cắp sau này, các ông sẽ ăn cắp tinh vi hơn. Các ông sẽ lấy ý của tôi, nhất là đánh cắp tài liệu do tôi sưu tầm, dem xào nấu lại để rồi tự coi các ông như là đã có công tìm kiếm các tài liệu đó. Tôi viết mấy hàng này, là để tố cáo trước dư luận văn giới và yêu cầu văn giới có biện pháp với phuờng gian thương văn hóa, văn học này.*

## **PHẦN HAI** (dài 4.545 trang)

*Phần hai Bản In năm 1966 này dài 4.545 trang, chia ra làm 14 tập, nghiên cứu, nhận diện và trích tuyển cả thảy 13 tờ báo. Trước đây, năm 1964, tôi đã trích tuyển 5 tờ báo, đến năm 1965, tôi trích thêm 5 tờ nữa, thành ra 10 tờ, và sang đến năm 1966, tôi lại trích thêm 3 tờ nữa, là thành ra 13 tờ. Đáng khác việc trích tuyển của các năm 1964 và 1965 có hơi dài cho nên sang năm 1966, tôi cho trích ít hơn, loại bỏ một số bài ít quan trọng. Thêm nữa, các năm trước, việc nghiên cứu, nhận diện các tờ báo được xếp liền một mực, rồi sau đó lần lượt trích tuyển các tờ báo. Trong bản in năm 1966, ngoài việc thay đổi thể thức bằng việc trích tuyển, tôi còn thay đổi thêm ở điểm : việc nghiên cứu, nhận diện về tờ báo nào, thì xếp đi liền với việc trích tuyển tờ báo đó. Sau đây là thứ tự các tờ báo được nghiên cứu, nhận diện và trích tuyển.*

- 1.— **An nam tạp chí** (*tập II, 441 trang*)
- 2.— **Phụ nữ Tân văn** (*tập III, IV, 654 trang*)
- 3.— **Văn học tạp chí** (*tập V, 334 trang*)
- 4.— **Đông Thành tạp chí** (*tập VI, 259 trang*)
- 5.— **Phong Hóa tuần báo** (*tập VII, VIII, 632 trang*)
- 6.— **Ngày nay tuần báo** (*tập IX, 227 trang*)
- 7.— **Tiểu thuyết thứ bảy** (*tập X, 158 trang*)
- 8.— **Loa tuần báo** (*tập XI, 142 trang*)
- 9.— **Ích hữu tuần báo** (*tập XI, 50 trang*)
- 10.— **Hà nội báo** (*XI, 200 trang*)
- 11.— **Tao Đàm** (*tập XII, 272 trang*)
- 12.— **Tin mới văn chương** (*tập XIII, 297 trang*)
- 13.— **Tri Tân** (*tập XIV, XV, 822 trang*).

### **PHẦN BA** (dài 188 trang)

*Phần ba này dài 188 trang, chiếm trọn tập XVII. Phần này dành cho việc nhận diện về 17 nhà văn phê bình thế hệ 1932. Đó là các ông : Phan-Khôi, Nguyễn-văn-Tố, Thiếu-Sơn, Trần-thanh-Mại, Lê-Thanh, Trương-Chinh, Dương-Quảng-Hàm, Vũ-ngọc-Phan, Nguyễn-đồng-Chí, Nguyễn-bách-Khoa, Hoàng-ngọc-Phách, Phan-trần-Chúc, Hoài-Thanh và Hoài-Chân, Ngô-tất-Tố, Đào-duy-Anh, Hoa-Bằng, Kiều-thanh-Quế.*

xxx

### **D.—BẢN IN ẤN LOÁT** năm 1967

*Các bản in trên đây đều là Giảng Khoa dành cho chúng*

**chỉ Cử Nhân Văn Chương Việt Nam.** Nhưng ngoài việc  
phụ trách Giảng Khoa cho lớp Cử nhân, tôi còn phụ trách một  
Giảng Khoa cho lớp Dự bị Văn Chương Đại Cương. Chính vì  
muốn cung cấp cho lớp dự bị một Giảng Khoa đầy đủ về Văn học  
Việt-Nam mà đầu năm 1967, tôi cho xuất bản Bộ «**Bảng Lược Đồ**  
**Văn-học Việt-Nam».** Đây là một bộ sử Văn học Việt Nam từ đầu  
cho đến năm 1945, in làm 2 tập, mỗi tập gần 1.000 trang.

Riêng về Văn học Thể hệ 1932, tôi chỉ viết có 232 trang.

Để viết về Văn học Thể hệ 1932, tôi trích theo bản in Ronéo  
của năm 1965, tức là trích hầu nguyên văn chương nói về «Đặc  
tính của thể hệ 1932» (theo Bảng Lược Đồ, thì nó chiếm từ trang  
598-642, tức 46 trang).

Sang đến phần nói về Thể văn Phê bình Văn học, tôi đã trích  
hầu nguyên văn chương III của bản in Ronéo năm 1965: gồm ba  
phần: **Phần đầu** trình bày 4 khía cạnh phê bình già; **Phần hai** tường  
thuật 8 vụ án Văn học (vụ án báo chí, cũ mới, Phan Khôi – Trần Trọng  
Kim, Tân-Đà – Phan Khôi, Quốc học, Thơ cũ – Thơ mới, Nghệ thuật  
vị nghệ thuật và Nghệ thuật vị nhân sinh, Duy tâm và Duy vật;  
**Phần ba** trình bày 6 trường phái phê bình.

Chương nói về «Lịch sử Phê bình thể hệ 1932» của Bảng  
Lược Đồ này chiếm từ trang 643 đến 707 của tập hai, tức dài chừng  
65 trang in.

Sở dĩ tôi phải nói vòng vo tam quốc như vậy, là để trình bày  
với học giới cái trường hợp đạo văn to lớn của ba «Nhà Văn hóa»  
Nguyễn Tấn Long, Nguyễn Hữu Trọng, Phan Canh. Người ta bảo  
đó : ba «Đảng văn hóa» vĩ đại này là Ban Giám đốc của Nhà

**xuất bản Sóng Mới, một nhà xuất bản giàu vào hàng nhất Thủ Đô.**

**Tại nơi đây, tôi kêu gọi tới HỌC GIỚI TOÀN QUỐC :  
ĐÃ ĐẾN LÚC CHUNG TA, TẤT CẢ NHỮNG NGƯỜI LÀM  
VĂN HÓA ĐANG BỊ BÓC LỘT, HÃY ĐỨNG LÊN, HÃY LIÊN  
HIỆP LẠI !!!**

*Giới nào trong xã hội đều cung được luật pháp quốc gia bảo vệ. Riêng chỉ có giới văn hóa, cho tới nay, chưa có một luật pháp nào của Quốc gia bảo vệ cả.*

*Như là Hội viên và trưởng ban Nhân văn trong Hội đồng Văn hóa Giáo dục, trong nhiều khóa họp Đại Hội đồng, tôi đã lên tiếng yêu cầu Hội đồng phải khuyến cáo Lập pháp và Hành pháp sớm ban hành Luật bảo vệ Tác Quyền và cho áp dụng nghiêm chỉnh Luật bảo vệ Tác Quyền này. Trong Chính Sách Văn hóa, sắp được Hội đồng công bố trong phần nói về BỘN PHẬN của NHÀ NƯỚC đối với văn nghệ sĩ, có khoản yêu cầu Nhà Nước phải sớm ban hành Luật bảo vệ Tác Quyền của Văn nghệ sĩ. Tôi muốn đây là một thời cơ để HỌC GIỚI vùng lên đòi quyền sống, liên hiệp lại để lập lực lượng, chống lại sự bóc lột, sự ăn cướp tác phẩm mà bọn gai thương văn hóa đang công khai hành hành đối với mọi giới văn hóa*

*Tôi viết dòng vo tam quốc như trên đây là để báo động với Văn Học Giới toàn quốc, báo động với Nhà Nước, báo động với các cơ quan Lập pháp, nơi phải làm luật, báo động với Hành Pháp, Nơi phải duy trì luật lệ, báo động với Tư Pháp, với Tòa Án, Nơi phải bảo vệ luật pháp.*

*Không biết tiếng nói của tôi hôm nay ròi ra có tiêu tan như*

bao nhiêu lần đã tiêu tan trên các mặt báo mà tôi đã lên tiếng tố cáo, tiêu tan như bao nhiêu lần đã tiêu tan khi mà, trên diễn đàn của Hội Đồng Văn Hóa Giáo dục, tôi và những người anh em của tôi đã khẩn tiếng gào thét từ ba năm nay, tiêu tan một cách phũ phàng, chua chát như công việc mà tôi khởi tố vụ Nguyễn Tân Long, Nguyễn Hữu Trọng, Phan Canh đã ăn cắp hàng 5,6 trăm trang sách của tôi đem in bán giữa Thủ Đô. Tôi đã nhờ Luật sư Nguyễn Văn Chúc, ông này còn là một nghị sĩ, là chủ tịch Ủy ba Tư pháp Định chế Thương Viện, để đem nội vụ ra tòa.

Sau khi đã ăn cắp 5,6 trăm trang sách của tôi đem in, Nguyễn Tân Long, Nguyễn Hữu Trọng, Phan Canh và nhà xuất bản Sông Mới chẳng những chẳng hề hấn gì, mà lại còn tò ra cướp đi, chửi thẳng vào mặt luật pháp, dám thẳng vào mặt tác giả, bằng việc tiếp tục ăn cắp thêm, dăng lời rao sẽ cho xuất bản những tài liệu văn học tôi đã biên soạn !

Tôi phải viết vòng vo tam quốc vì

: Ba năm chờ đợi làm cho tôi thất vọng và có thêm cảm rằng thế lực của các tên trộm cướp, to lớn, vạn năng vô cùng. Đã ăn cướp công khai một lần. Nay lại báo trước sẽ công khai ăn cướp nữa. Vậy mà có ai can thiệp đâu. Một vị luật sư như ông Chúc, một vị nghị sĩ như ông Chúc, một ông chủ tịch Ủy ban Tư pháp Định chế như ông Chúc... mà còn thờ ơ, để mặc, coi thường vụ án này, khiến cho can phạm chẳng những không lùi bước mà còn mạnh dạn tiến bước. Một vụ án rõ ràng như vậy, mà Ba năm rồi, tôi phạm tội do hoàn cảnh ở ngoài vòng Pháp luật, tiếp tục báu sách, tiếp tục tái bản sách và loan báo tiếp tục ăn cướp thì, ÔI THÔI !!! làm sao tôi

*có thể còn niềm tin? Làm sao tôi tin rằng quân ăn cướp ngày kia sẽ ngừng tay.*

*Nếu tin* thì, tôi  
chẳng phải vất vả mà viết vong vo tam quốc như vậy làm chi. Bởi  
mặt niềm tin rồi, cho nên tôi phải viết, không phải viết cho Tòa Án  
của Nhà Nước, mà viết cho Tòa Án của Lương Tâm, Tòa Án của  
Lịch Sử, Tòa Án của Công Luận, Tòa Án của Văn Học Giới... .

*Các bài Giảng Khoa của tôi, cho tới nay, như vậy, là đã qua  
4 lần in. Nhưng 3 lần in đầu tiên các lần in năm 1964, 1965, 1966  
chỉ in Ronéo. Và mãi đến năm 1967 mới cho ấn loát.*

*Nhưng khôn nỗi, bản in năm 1967, lại chỉ là bản toát lược.  
Luật sư Chúc bảo in Ronéo không có nạp bản theo luật định thì không  
kiện, cho nên trước tòa án chỉ có thể dựa vào bản toát lược có ấn  
loát và nạp bản theo luật định. Nhưng giả như các bản in  
kia là các bản in không phô biến thì còn hiều được. Đáng này, các bản  
in dù là bản in Ronéo năm 1964, hay 1965, hay 1966, đều là các bản  
in do Sinh viên Đại học Văn khoa ăn hành làm tài liệu học tập, mỗi  
năm có hàng 5,6 trăm sinh viên mua và học các bài Giảng Khoa đó.  
Mười bảy tập Giảng khoa đó, tôi đã có biểu Thiếu Tướng Nguyễn  
-Cao-Kỳ, lúc ấy là Thủ tướng, biểu Bác sĩ Nguyễn-Lưu-Viên, lúc  
ấy là Tổng ủy viên Văn hóa Giáo dục, biểu Bác sĩ Trần-Ngọc-Ninh  
lúc ấy là Ủy viên Giáo dục... Mỗi lần in như vậy, sinh viên in  
hàng ngàn bản. Hiện nay tôi còn giữ tới sáu bảy bộ.*

*Nhiều người trách tôi tại sao không cho xuất bản. Tôi chưa  
muốn cho xuất bản vì bộ tài liệu này không phải một bộ sách. Tin: i hẵn  
viết sách nó khác, cần trình bày kiều khác, cần trích văn kiều khác-  
cần nói nǎng kiều khác.*

Đằng này, bộ tài liệu này là Một Giảng khoa, tức là Nói năng của một giáo sư NÓI VỚI Sinh viên, TRÌNH BÀY là TRÌNH BÀY cho Sinh viên, TRÍCH VĂN là TRÍCH VĂN cho Sinh viên. Chính vì vậy, mà Bộ Giảng Khoa này, phần Căn bản là phần TÀI LIỆU, việc Chính yếu là trao vào tay người sinh viên những phương tiện cho họ làm việc, để người sinh viên ý thức và thâm cảm rằng, ở Đại Học, khác hẳn ở Trung Học, người học trò phải giữ vai trò chính yếu, họ phải làm việc, họ phải nghiên cứu, phải khám phá, đừng bao giờỷ lại vào bài giảng soạn sẵn đã nói cẩn kẽ hết ý của giáo sư. Chính vì coi mình chỉ là một phương tiện, một cơ hội, cùng lầm, là một chínam, cho người sinh viên trong công trình nghiên cứu văn học của họ, cho nên tôi đã soạn thảo bộ giảng khoa 17 tập này, mà trong đó, lời nhận định của tôi bị hiếp, bị lật bên cạnh đồng tài liệu giàu có phong phú của các nhà văn mà người sinh viên phải tự đọc lấy. Nhẽ ra, họ phải vào thư viện để mà đọc, đừng này, vì cảm thông hoàn cảnh thiếu thốn phương tiện của họ, tôi đã trích vẫn luôn giúp cho họ.

Đằng khác, tôi chưa cho xuất bản, vì thực, đến một tuồi nào đó, người ta thường dè dặt, cẩn thận : tôi muốn sửa chữa bồ sung thêm nhiều nữa mà thực tôi đã sửa chữa nhiều lắm.

Nhưng hôm nay, khi cho xuất bản, tôi lại không xuất bản theo bản đã sửa chữa, mà xuất bản hầu y nguyên theo bản in Ronéo năm 1966. Những sửa chữa nếu có, chỉ là sửa các chữ đánh máy sai, đánh máy sót, lầm dòng, dư chữ, thiếu chữ, đánh dấu sai, viết lầm chính tả. Thế thôi !

Bực mình vì vẫn mình bị bọn côn đồ ăn cướp bán buôn làm giàu, nhưng đọc bản văn ăn loát do Nhà Sóng Mới xuất bản, tôi gấp lầm cái thú, đó là cái thư khám phá ra những cái ngu xuẩn của tụi ăn cướp. Cái anh đánh máy chữ nhà in Ronéo

khi đọc bản thảo viết tay của tôi, đã đọc làm chữ này ra chữ nọ, thì cái tên ăn cướp lại cũng dùng lại một cách ngu xuẩn như vậy. Một học sinh ban C hạng bét cũng biết bút hiệu của ông Phan Khôi là «**Chương Dân**» và tác phẩm phê bình duy nhất của Phan Khôi là «**Chương dân thi thoại**». Nhưng thằng cha đánh máy chữ nhả in Ronéo đánh lầm ra là «**Chương Đàm thi thoại**». Máy ông đạo văn, đã đạo văn từ bản in Ronéo, cho nên cũng đè là «**CHƯƠNG ĐÀM Thi Thoại**». Bản in của Nguyễn Tân Long, Nguyễn Hữu Trọng, Phan Canh mang đầy rẫy những lỗi lầm khủng khiếp mà anh chàng đánh máy cho nhả in Ronéo đã vấp phải, điều này chứng tỏ chàng những tội ăn cắp của người ăn cắp, mà còn chứng tỏ người ăn cắp ngu dốt quá, không biết tí gì về Văn học. Tôi viết dài, đồng vo tam quốc là để báo động với Văn học giới hẫu tìm cách tổng cõi những tên gian thương Văn hóa ra khỏi sinh hoạt văn hóa. Còn gì xí nhục cho văn hóa bằng sách ăn cắp của Nguyễn Tân Long; của Nguyễn Hữu Trọng, Phan Canh được bày ở Thư viện Quốc gia, tên của Nguyễn Tân Long; của Nguyễn Hữu Trọng, của Phan Canh được ghi vào niên giám văn nghệ sĩ Việt Nam !!

Chính vì đê độc giả có dịp so sánh sự đánh cắp bẩn tiện, ngu xuẩn của người ăn cắp văn mà tôi quyết định cho xuất bản y nguyên không sửa chữa bản thảo in Ronéo năm 1966. Bản in hôm nay trích ở các tập IA, tập IB và tập XVII, cùng với lời nói đầu cũng của bản in Ronéo năm 1966».

Saigon 18 tháng 3 năm 1972

THANH.LÃNG





## MẤY LỜI NÓI ĐẦU

Người ta thường trách người sinh viên Việt-Nam chỉ biết ý-lại vào bài giảng khoa của giáo sư, ít biết tự mình làm công việc nghiên cứu thêm.

Lời trách cứ ấy có nền tảng hay không, tôi dè người Sinh viên Việt-Nam tự trả lời lấy.

Theo tôi, việc ấy giả có đi nữa, cũng không nên qui tất cả lỗi cho người Sinh viên.

Nguyên nhân chính có lẽ là bầu không khí chung đang bao bọc chúng ta. Tại đây còn thiếu một chính sách văn hóa.

Nói vậy không phải là bảo rằng tại đây sinh hoạt văn hóa nghèo nàn. Thực ra, ở một vài địa hạt, sinh hoạt văn hóa xem ra rất sầm uất. Có lẽ chưa bao giờ thi ca và tiểu-thuyết lại xuất hiện nhiều như bây giờ, ở mọi giai-cấp, mọi tuồi và mọi trình độ học vấn. Trường hợp những học sinh đệ-thất, đệ lục gửi truyện ngắn hay thơ phú đăng báo văn-nghệ rất là thường. Sự sầm uất của sinh hoạt văn-nghệ mang bộ mặt của một trận cuồng phong : tất cả đều quay cuồng ở bề mặt.

Chẳng những tư nhân làm những việc hợp sở thích mà ngay cả nhà Nước cũng chỉ thích cò động cho những việc làm trực tiếp tuyên truyền cho một đường lối chính-trị nhất thời. Biết bao nhiêu cơ-quan văn-hóa đã được viện trợ những món tiền không lồ ! Mà cũng chỉ là dè làm thứ văn-hóa dễ dãi theo

sở thích của người nhận tiền. Hình như chỉ cần cho người ngoài nhìn vào có cảm giác rằng tại đây sinh-hoạt văn-hóa rất ư rầm rộ. Thành ra ở nhiều địa hạt khác, như ở địa-hạt nghiên-cứu có tính cách khoa-học sâu đậm và ẩn hình những tài-liệu cần thiết nhưng không có giá trị thị trường, sinh-hoạt văn-hóa hầu như không có gì. Khốn nỗi ! lại chính ở những địa hạt mà phương tiện tư nhân không làm nổi áy mới cần phải có sự tiếp tay của Nhà Nước.

Thiếu tài liệu !

Thiếu phương tiện làm việc !

Đó là những tiếng kêu cứu của Giáo sư và Sinh viên Văn Khoa,

Tài liệu thiếu thốn !

Việc làm chính của Sinh viên Đại Học, là tìm tòi, là nghiên cứu. Vậy đã nói đến tìm tòi, nghiên cứu, thì phải hiểu là tìm tòi cái gì, nghiên cứu cái gì.

«Cái gì» ấy đối với Sinh viên Văn Khoa, phải là tài liệu văn học. Vậy mà, tại đây, tài liệu văn học hiện thiếu vô cùng.

Các tài liệu cõi hãy còn nằm trong tình trạng vi ảnh. Phải có tờ chức và phương tiện của Nhà Nước in các tài liệu ấy ra thì tư nhân mới xử dụng được

Chẳng nói gì đến các tài-liệu cõi, ngay những tài-liệu gần gũi đây như các tạp chí ra đời trước năm 1945, mà Thư viện Quốc gia cũng chẳng có hay có chăng nữa thì số đủ số thiếu. Muốn tìm tài liệu nghiên cứu chẳng những Sinh viên

phải chịu bó tay mà ngay chính giáo.sư cũng phải đầu hàng. Cần những tài liệu mà tại Thư.Viện Quốc.Gia không có — mà đâu có phải là những tài liệu cò kinh gì cho cam ! — tôi đã từng phải đi chuốc mua một cuốn *Thi Nhân Việt-Nam* của Hoài.Thanh.Hoài.Chân với giá 2.500\$, một tập tùy bút của Nguyễn.Tuân không đầy 100 trang với giá 500đ, một tập *Dưới mắt tôi* của Trương.Chinh với giá 800đ, một tập *Văn-học Khái-luận* của Đặng-thái.Mai với giá 700đ, chẳng hạn...

Trước tình trạng tài.liệu Văn-hóa thiếu thốn hay khan hiếm quá đáng như vậy, cần phải có một chính sách văn-hóa của Nhà Nước nặng về thực tế hơn lý.thuyết suông ; chỉ huy, độn đúc, khuyễn.khích nâng đỡ các tờ chức văn-hóa nhằm cung cấp, phô biến các tài-liệu văn-hóa cần thiết mà các Thư Viện Quốc-Gia không có hay có mà không đủ để cung cấp cho nhu cầu nghiên cứu : đó là việc phiên dịch các tài-liệu cò bằng Hán.văn, việc phiên âm các tài.liệu cò bằng chữ Nôm, việc phiên âm hay dịch thuật các tài-liệu còn đang nằm trong tình trạng vi ảnh, việc phát.động toàn quốc một phong trào cung cấp tài liệu cho Thư.viện Quốc.gia bằng việc Nhà Nước ân thưởng cho những tư nhân còn giữ được những tài-liệu mà thư.viện Quốc.gia thiếu, bằng việc xuất quỹ mua những sách báo mà các Thư.viện Quốc.gia còn thiếu hay không có, bằng việc cho ăn hành tác phẩm của những nhà văn mà toàn bộ sự nghiệp còn nằm rải rác trên các tạp chí hiện nay trở nên quá khan hiếm. Nếu chưa có những phương tiện như vậy để nghiên cứu thì chúng ta đừng quá vội vã kết án người Sinh-Viên ngày nay là ý.lại mà tội nghiệp cho họ.

Đó là một vấn đề mà tôi vẫn hằng âu lo và mong có cơ hội thuận tiện để đặt nó ra cho học giới, nhất là cho Nhà Nước hứa mong sẽ có những giải quyết tốt đẹp cho vấn đề. Cơ hội thuận tiện ấy đã đến, bởi vì cách đây mấy tháng Đài Phát Thanh Saigon có mời tôi đến nói chuyện trong mục «Diễn Đàn tự do». Tôi đem ngay vấn đề trên làm đầu đề cho câu truyện mục «Diễn Đàn tự do» của Đài Phát Thanh Saigon.

Đại khái tôi nói rằng, tại đây, người ta đang vung phí tiền cho những hoạt động văn-hóa có tính cách tuyên truyền và rầm rộ. Nhưng người ta đã lơ là với việc xây dựng nền tảng và cơ-sở văn-hóa là việc sưu-tầm tài-liệu, mua sắm sách báo cũ tăng cường Thư-viện. Đang khi Thư-viện Quốc-gia cực kỳ nghèo nàn, thì các tài-liệu quý giá lại đang từ các tủ sách tư nhân đua nhau chạy sang các Thư-Viện bên Nhật, bên Mỹ, bên Anh, bên Pháp. Nếu Nhà Nước không có một chính sách văn-hóa, một dự án tăng cường Thư-viện, thì nhiều tư nhân và tờ chức văn-hóa ngoại quốc sẽ bỏ tiền ra vơ vét hết tài liệu quý mà sau này, khi Nhà Nước nghĩ đến phải mua, thì sẽ không còn đào ra nữa.

Ấy tôi chỉ nói có thể. Và bài nói chuyện của tôi đã được thu vào băng đĩa hai ngày hôm sau cho phát thanh vào mục «Diễn Đàn tự do». Nhưng, mịa mai thay! cái mục «Diễn Đàn tự do» của Đài Phát thanh Sài Gòn đã không dám tự do cho diễn đàn cái bài thuần có tính cách nhận định về văn-hóa. Diễn đàn TỰ-DO của Đài Sài Gòn đã TỰ-DO kiềm

duyệt cái Diễn đàn tự do của họ. Đấy, cái tự do của chúng ta nó tự do như vậy. Và cái cơ-quan nói rằng lo cho văn-hóa đã lo như vậy đấy.

Trước một tình trạng như vậy, chúng ta chẳng nên trách ai, và càng chẳng nên trách gì người Sinh viên, Mà chỉ nên âm thầm làm việc, bằng lòng với những phương tiện khiêm tốn nghèo nàn ít ỏi của tư nhân để mà làm lấy một cái gì. Bộ «Lịch Sử Văn-học thế hệ 1932» là một cỗ gắng trong chiều hướng đó.

Nó gồm có 4 phần :

— Lịch sử NỀN PHÊ BÌNH VĂN HỌC VIỆT NAM  
Thế hệ 1932 — 1945.

— Lịch sử NỀN TIỀU THUYẾT VIỆT NAM Thế hệ  
1932 — 1945.

— Lịch sử NỀN THI CA VIỆT NAM thế hệ 1932—  
1945.

— Lịch sử NỀN SÂN KHẤU VIỆT NAM Thế hệ  
1932-1945.

Riêng niên khóa 1966-1967 sẽ dành để hoàn tất việc  
nghiên-cứu Lịch-Sử Nền PHÊ BÌNH VĂN HỌC VIỆT NAM  
Thế-hệ 1932-1945.

Cho đến nay, các nhà nghiên cứu văn học, trong khi  
khảo sát ngành PHÊ BÌNH VĂN HỌC thường chỉ dựa vào  
các bài phê-bình đã in thành sách mà thôi. Theo chúng tôi,  
đấy là một điều thiếu sót lớn vì sự nghiệp khảo luận của các nhà  
văn chúng ta lớp trước đây, mà ngay bây giờ hãy còn vây,

thường là được xuất hiện trên báo chương chứ ít khi được khai sinh ngay bằng sách vở. Phê bình «một Phan-Khôi phê bình» mà chỉ gán cứ vào tác-phẩm phê bình *Chương Dân thi thoại* của ông thì chưa phải là phê-bình Phan-Khôi... Muốn có cái nhìn toàn vẹn về nhà văn, ngoài việc dựa vào sách nhà văn đã xuất-bản còn phải tìm tài nghiên-cứu tất cả sự-nghiệp của nhà văn ấy có lẽ còn đang tản mát trên khắp các mặt báo chương. Chính nhằm thực hiện mục tiêu đó mà trong khi nghiên cứu về bộ mòn phê bình văn-học thế hệ 1932-1945, bên cạnh việc bắt người Sinh-viên đọc tất cả sách phê-bình ra đời từ 1932 đến 1945, tôi đòi hỏi người Sinh-viên phải đọc thêm các bài nghiên cứu văn-học xuất hiện rải rác trên các báo chương ra đời trong khoảng 1932-1945. Nhẽ ra người Sinh-Viên phải vào các thư-viện để mà tìm đọc các báo ấy. Khổn nỗi ! Công việc ấy người Sinh-viên hầu như không thè làm được. Một là số Sinh-viên quá đông, mà tài liệu ở Thư-viện như tôi vừa nói ở trên lăm khi chỉ có một bản thì ai đọc ai đừng; hai là tài liệu tuy có đầy mà vì nó quá rách rách xác-xơ, Thư-viện không dám trao vào trong tay Sinh-viên sợ bị tiêu ma mất; ấy chưa nói đến có nhiều tờ báo dù Thư-viện Quốc-gia cũng không có.

Để bù đắp vào chỗ đó, tôi đã phải đề ra hơn 10 năm nay để đọc báo và trích báo cho sinh-viên. Thật là một công việc nhiêu khê, có những số báo mượn được ở các Thư-viện Quốc-gia, có những số báo chỉ có ở tủ sách riêng của tôi hay của những người bạn thân của tôi. Phải chạy xuôi chạy ngược đủ mọi nơi mọi xó như vậy mới đào ra được tài-liệu. Mà đào ra tài-liệu đâu đã đủ ! Phải đọc. Đọc rồi phải phân-tich

rồi phải ghi chú. Ghi chú rồi phải thuê người chép riêng từng bài, sắp xếp theo đề mục, theo tác giả. Sau đó kiểm điểm những tác giả có bài đăng trong một tạp chí ra liên tục từ năm 1932-1945.

Công việc làm của tôi là trích toàn vẹn cả bài tất cả những bài nghiên cứu văn hóa, các bài phê bình văn-học, các bài bút chiến, các cuộc đụng độ giữa làng báo, các bài khảo luận văn-hóa nghệ thuật, các công trình nghiên-cứu học thuật tư tưởng, nghĩa là tất cả những bài phê-bình văn-học; chữ phê bình văn - học được hiểu theo nghĩa rộng.. của các cây bút đàn anh thuộc Văn-học thế-hệ 1932-1945.

— Niên-khoa 1964-1965, tôi đã trích xong các tờ :

- *Phụ nữ Tân-văn* (1929)
- *Tiêu thuyết thú bảy* 1936)
- *Tuần báo ngày nay* (1935)
- *Hà nội báo* (1936)
- *Ích hữu* (1936)

Những bài trích trong 5 tờ báo trên đây, in thành 4 tập, mỗi tập trên 400 trang.

— Niên-khoa 1965-1966, tôi trích thêm các tờ :

- *An-Nam Tạp-chí* (1926)
- *Đồng Thanh* tạp-chí (1932)

- *Văn-học tạp-chí* 1932)
- *Phong-Hóa tuần báo* (1932)
- *Tuần báo Loa* (1934)

Những bài trích trong 5 tờ báo này, đã in thành 9 tập, đánh số từ tập V cho đến tập XIII, mỗi tập trên dưới 300 trang.

— Niên-khoa 1966—1967 này, tôi đã hoàn thành thêm với các báo :

- *Tao đàn* (1939)
- *Tin-Mới văn chương* (1940)
- *Tri-Tân* (1941)
- *Thanh-Nghị* (1941)

Riêng những bài trích ở 4 tờ báo thuộc niên khóa 1966—1967 này nếu in ra cũng có trên dưới mười tập.

Như vậy, sinh-viên thuộc niên-khoa 1966-1967, vì phải đọc tất cả các tài liệu từ niên-khoa 1964 đến nay, sẽ phải đọc tới trên dưới mười ngàn trang tài-liệu.

Vừa phần đề giúp đỡ Sinh viên trong lúc giấy quá đắt đỏ này mà phải tiêu quá nhiều để sắm tài liệu, vừa phần không muốn người Sinh-viên phải làm việc quá mức, tôi đã cho duyệt lại toàn bộ tài-liệu : lược bỏ những bài không quan hệ, những nhà văn ít ảnh hưởng để chỉ giữ lại hai phần ba tổng số tài-liệu. Đáng khác để người sinh-viên dễ học, dễ theo đuổi,

năm nay tôi cho in bài giảng khoa dì liền với tài liệu chứ không in tách rời tài liệu ra khỏi bài giảng khoa như các năm trước.

Như vậy năm nay, tôi sẽ nghiên cứu và sắp xếp các bài vở thuộc về phê bình khảo luận của 14 tờ báo sau đây :

- 1) *An-Nam tạp chí* (1926)
- 2) *Phụ-nữ Tân-văn* (1929)
- 3) *Đông-Thanh tạp chí* (1932)
- 4) *Văn-Học tạp chí* (1932)
- 5) *Phong-hóa* (1932)
- 6) *Loa* (1934)
- 7) *Tiêu thuyết thứ bảy* (1934)
- 8) *Ngày nay* (1935)
- 9) *Ích Hữu* (1936)
- 10) *Hà-Nội báo* (1936)
- 11) *Tao-Đàn* (1939)
- 12) *Tin-Mới Văn chương* (1940)
- 13) *Tri-Tân* (1941)
- 14) *Thanh-Nghị* (1941)

Mười bốn tờ báo trích trên đây chưa là tất cả các báo ra đời từ 1932-1945, nhưng có lẽ đó là những tờ báo tiêu biền hơn cả, đáng khác cũng là những tờ báo hiện có ở dưới tay chúng tôi. Hi vọng dần dần chúng tôi có thể làm tiếp nối với những tờ báo mà hiện nay chúng tôi không có trong tay mà chính thư viện Quốc-gia cũng không có nữa.

Làm công việc cực kỳ nặng nhọc và tốn kém hàng mấy chục vạn với phương-tiện tư riêng như vậy, tôi chỉ mong làm sao trao được cho người sinh-viên ham học nhưng thiếu phương tiện một kho tài liệu quý giá. Một người sinh-viên muốn nghiên cứu Văn-học Việt-Nam không thể không biết đến và đọc đi đọc lại kỹ các tài liệu của thời kỳ thịnh-hành nhất này của nền Văn-học Việt-Nam.

Sau đây, đối với mỗi nhà văn, tôi sẽ làm một nhận định tổng hợp vừa dựa vào các bài họ đã viết trên báo vừa dựa vào các sách phê-bình họ đã cho xuất bản.

Muốn nhìn văn-học của một thời đại như là một sinh-hoạt, chúng ta không thể chỉ biết cầm cúi vào việc khảo sát nghiên cứu tiểu-thuyết, thi ca, kịch-nghệ ở thời đại ấy mà thôi.

Sinh hoạt văn-hóa không những bộc lộ rõ rệt hơn ở các bài phê-bình, các cuộc tranh luận, các cuộc bút-chiến mà còn như được giải nghĩa bởi các bài phê bình hay các tranh-luận văn-học vậy.

Đối với các bạn Sinh-Viên, Bộ «Lịch-Sử Phê-bình Văn-học Việt-Nam» này sẽ giúp các bạn nắm được hầu trọn vẹn mức sinh-hoạt văn-học trong vòng 13 năm, từ 1932 đến 1945 : tất cả mọi ý-kiến về văn hóa, tất cả mọi khuynh-hướng về văn-học, tất cả mọi lập-trường về nghệ thuật, tất cả mọi chủ-trương về triết-học..., đều được trình bày, biện-bạch, khi thì âm thầm lặng lẽ do những phe, những nhóm không những có tôn-chỉ, có chương-trình hoạt-động mà còn có cả cơ-quan ngôn-luận để tranh-dấu cho chủ-trương của mình: nào là cuộc thanh-toán nhau giữa những người thế hệ 1932 với thế hệ 1913, nào là cuộc đụng độ giữa thơ mới và thơ cũ, nào là cuộc tranh-luận giữa

phe chủ trương ta có Quốc-học với phe chối ta chưa có Quốc-học, nào là cuộc bút chiến giữa phái duy tâm với duy-vật, nào là cuộc biện luận sôi nổi giữa phe chủ trương nghệ thuật vị nghệ thuật với nghệ-thuật vị nhân-sinh; ấy là chưa nói đến các cuộc cãi lộn các cơ-quan ngôn-luận không nguyên đẽ làm thăng chủ thuyết mà còn để tranh dành độc-giả mua báo: Bộ «Lịch-Sử Phê-bình Văn-học» này là tất cả chiểu ngang chiểu dọc và chiểu sâu của một cuộc sống sinh-động, sầm uất, ồn ào, phức tạp.. kéo dài từ 1932 đến 1945.

Nó là chìa khóa, là người hướng-dạo cho tất cả những ai muốn đi vào con đường nghiên cứu ba ngành nghệ-thuật thiên về sáng tác tức ngành Tiêu-Thuyết, Thi ca, Sân-k khấu mà chúng tôi sẽ đề cập đến sau này.

Đáng lẽ làm công việc trích văn-nhiền như tôi làm đây, cần phải có phép của các tác-giả. Nhưng hoàn cảnh chiến-tranh đã khiến chúng tôi không làm sao liên-lạc được với các tác-giả. Vậy tôi xin mạn phép đề công khai xin phép tất cả các tác giả ấy trên bài mở đầu này. Dù chưa được phép, tôi tin các vị ấy đều vui lòng ban phép, bởi vì công việc làm này không mang lại cho tôi một lợi nhở nào về tiền nong mà ngược lại làm công việc biên trích các bài từ các tờ báo ra, tôi đã phải tiêu hàng mấy chục vạn rồi. Đàng khác, các tài liệu mà tôi trích đây là đề trao nó cho thế-hệ sinh-viên Văn-khoa—con cháu của quý vị đang bị cái xã-hội này tẩy ra rất thô o lanh đạm, họ phải tự dò dẫm lấy đường mà đi, tự tháo vát lấy phương tiện mà học, nhưng có điều chắc chắn là họ đang khao khát quay về tìm hiểu tâm-tình của cha anh họ để xác định hướng đi cho đời lịc.

Những áng văn trích vầy đầy máu tim của quý vị sẽ là

nhiều tiếng nhắn nhủ, thôi thúc thế hệ đàn em của quý Vị đã  
lên để xứng đáng là con em của những Cha anh hùng liệt. Với  
tất cả và từng quý Vị, riêng tôi và cùng với tôi; toàn thể Sinh-  
Viên Chứng-chí Văn-Chương Việt-Nam tại trường Đại-Học Văn-  
Khoa Saigon đều ghi ơn Quý Vị sâu xa.

Tại đây, tôi cũng không quên tỏ tình cảm ơn Ông-  
Nguyễn-Hùng-Cường, Giám-Đốc Tòng-Thư-Viện, đã dành cho  
tôi mọi dễ dàng trong việc xử-dụng tài liệu, và Giáo-Sư Phạm-  
-Văn-Diêu, người bạn quý của tôi, đã cho tôi mượn những bộ  
báo mà miền Nam này có lẽ chỉ có mình Ông có.

Mùa hè năm 1966.

**THANH-LÃNG**



## CHƯƠNG I

# ĐẶC TÍNH CHUNG THẾ HỆ 1932

Trung thành với phương pháp đặt các sự kiện văn-học vào những «lúc lịch sử quyết liệt», tôi chọn những năm 32 làm điểm khởi cho thế hệ thứ bốn của nền văn học mới: thế hệ 1932(1)

Thực vậy chung quanh những năm 32, nhiều biến cố quan trọng đã xảy ra giúp vào việc sửa soạn và xô đẩy hầu như một cách ức bách, sự thành hình của một hướng đi mới, một lối sống mới, một lối hành động mới, một lối cảm xúc mới, một lối suy tư mới, một lối viết mới... với những nhà lãnh đạo mới.

Lý do rất phức tạp, thuộc đủ mọi chiều hướng: chính-trị, kinh-tế, xã-hội, tâm-lý, văn-học...

### I.— Lý do thứ nhất : Những Biến động chính trị.

Trước đây, chúng ta nhận thấy những thất bại quân-sự đã từng gieo chán nản, tuyệt vọng vào trong các tâm-hồn, khiến nhiều người không còn nghĩ đến chiến đấu : Các bậc túc nho thi di tìm quên lãng trong công việc khảo-cứu (viết báo, dịch sách, khảo luận...) ; phái trẻ thì say sưa đi tìm

(1) Bốn thế hệ của nền Văn học mới là :

- Thời kỳ thứ nhất : Thế hệ 1862 (1862-1900)
- Thời kỳ thứ hai : Thế hệ 1900 (1900-1913)
- Thời kỳ thứ ba : Thế hệ 1913 (1913-1932)
- Thời kỳ thứ bốn : Thế hệ 1932 (1932-1945)

những cảm giác thê-lương, ốm yếu đe, rút cục, tuyệt vọng, thi nhau mà di tản tử. Đó là vào khoảng từ 1922 đến 1926. Tình trạng bi quan quá độ ấy, tất nhiên, tạo ra một sức phản ứng mãnh liệt bùng nổ vào những năm 30. Đêm mồng 9 rạng mồng 10 tháng 2 năm 1930, dưới sự lãnh đạo của mặt trận Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng, cách mạng bùng nổ ở Yên-Báy: điểm báo sự vùng dậy của nhân dân việt-Nam chống thực-dân Pháp. Nhưng, thiếu tồ-chức, cuộc cách-mạng bị đàn áp nặng nề. Tuy vậy, nó cũng gây được một xúc động mạnh mẽ trong các tầng lớp dân-chúng. Cũng trong năm 1930, nhiều đảng phái mới ra đời, đáng chú ý hơn cả là Đông-Dương Cộng Sản đảng. Tất cả những biến cố chính trị như trên đây chaulg những đánh thức dậy ý thức quốc gia mà còn xoay chiều hẳn chi hướng và hoạt động của cả một thế hệ; thế hệ trẻ, mới . . .

## II.— Lý do thứ hai : việc Bảo-Đại hồi loan.

Phải chăng bởi nhìn thấy tinh thần quốc gia đang bồng-bột trong các tâm hồn khờ lòng giập tắt được mà, từ sau năm 1930, người Pháp tỏ ra mơm trớn người Việt Nam, tung ra nhiều điều hứa hẹn. Đặc biệt hơn hết là năm 32, họ đã nắm lấy cơ hội Bảo-Đại hồi hương để gây hẳn một phong-trào cởi mở giả tạo, cốt cho các thành phần Quốc-gia tin-tưởng vào vai trò khai-hóa của Pháp để đưa Việt-Nam đến một tương lai rực rỡ. Chính vì vậy mà họ đã cho nghênh đón Hoàng đế Bảo-Đại hồi loan rất long trọng. Tiên đưa Bảo-Đại tới Marseille, Thượng-Thư thuộc địa Albert Sarraut đã nói với nhà vua : «Tâu Hoàng-Thượng, Hoàng-Thượng sẽ gánh một gánh rất nặng nề, là phải làm một Vị Đế-Vương tân thời, song phải tuân theo cõi-tục, Ngài phải làm cho một nước cõi, hóa ra một nước kim...»

«Chúng tôi không muốn Ngài hóa ra một người cầm cõi

ở một chốn điện đài rực rỡ, người ta đổi đãi một cách rất sang trọng, để hòng lợi dụng lúc Ngài vui, hoặc khi Ngài chán ngán mà xin chuẩn y một đổi đạo chỉ dụ, nghịch hẳn với quyền lợi của nước của dân» (1)

Thực vậy, cùng với việc vua Bảo Đại hồi loan vào tháng chín năm 32, Chánh Phủ Pháp đã hứa hẹn rất nhiều mà điều hứa quan hệ nhất là việc áp dụng đúng các điều khoản của Hiệp-Uớc năm 1884. Theo Hiệp Uớc năm 1884, thì Bắc Kỳ và Trung Kỳ, tuy chịu quyền bảo hộ của Pháp, vẫn tự-trị về nội bộ.

Nhưng người Pháp đã áp bức Nam Triều ra chỉ dụ ngày 26.7.1897 để đặt Bắc Kỳ dưới quyền cai-trị của Pháp, tách khỏi Trung Kỳ, là xứ cũng dần dần mất hết tính cách tự trị.

Năm 32, nghe rằng Pháp định nói rộng để trao trả quyền tự trị nội-bộ cho Nam-Triều ở cả Bắc và Trung, người dân Việt-Nam thực là háo hức. Le Grauclaude, trong cuốn «Những thời kỳ trọng đại của nước An-Nam trong lúc Hồi-xuân» đã ghi chú điều ấy: «vì như người nào xét kỹ xung quanh mình, thì biết rõ ràng sự hồi-loan này đã làm cho thiên hạ nào động vô-cùng, cái ngày ấy càng gần tới chừng nào, thời sự nào động ấy càng rõ ràng chừng nấy, dầu những nhà lãnh tụ các đảng phái lấy ngôn luận làm bút chiến cũng không tả thấu cái tư-tưởng của nhân dân đặng. Nếu biết rõ những sự tin ngưỡng di truyền, thời sau khi có những sự loạn lạc, trùng tri, dối kém, cái phong trào ấy của nhân-dân cũng dễ giải-nghĩa lắm». (2)

Tuy Chánh - Phủ Pháp có thiện chí muốn duyệt lại các điều làm lỡ để nói rộng quyền hành cho Nam-Triều, nhưng quan lại Pháp tại Việt - Nam xem ra

(1) *Henri Le Grauclaude, Những thời kỳ trọng đại của nước An-Nam trong lúc hồi xuân, 8-7-1933, trang 8.*

(2) *Le Grauclaude, tác phẩm kè trên, tr. 6*

chống đối và hình như cũng kéo được một phe cánh theo họ để phản kháng việc trao trả Bắc-Việt cho Nam-Triều. Nói về sự kiện đó, Le Grauclaude viết: «Ở Bắc-Kỳ, hai phe ấy đã khiêu chiến nhau và ông Nguyễn-văn-Vinh đã xưng là thay mặt một phần dân Trung-Kỳ nữa. Một phái kia là «phái quan trường có ông Phạm-Quỳnh là một nhà văn-học trứ danh, làm lãnh tụ, chống với phái thanh-niên, tự xưng là thay mặt bọn thanh niên Trung-Kỳ và Bắc-Kỳ. Bọn này có một tờ báo làm cơ quan là tờ An-Nam Nouveau. Ông Nguyễn-văn-Vinh là một nhà viết báo có tiếng, chủ trương báo ấy. Còn trong nhân dân, ít nữa là bọn thương lưu, chia ra hai phe. Một bên đồng tình với ông Phạm-Quỳnh mà xin giao Bắc-Kỳ lại cho Nam-Triều cai trị với Chánh-phủ bảo hộ Trung-Kỳ; một bên hiệp ý với ông Nguyễn-văn-Vinh mà yêu cầu cho Bắc-Kỳ trở nên một xứ thuộc địa, là thè thức cũng tựa như thè thức bây giờ rồi». (1)

Tuy nhiên, phe theo Nguyễn-văn-Vinh, dẫu sao cũng chỉ là số ít, còn phần đông dân chúng vẫn chủ trương theo ông Chủ-Nhiệm báo Nam-Phong. Được phỏng vấn, Thủ Tướng Nguyễn-Hữu-Bài, tạm coi được là tiếng nói của các phe Quốc-gia, đã trả lời ông Le Grauclaude: «Việc trong thì nước Nam ước ao có quyền nội trị, tự thu xếp lấy. Người ta thường nói người nước Nam không có lòng ái-quốc. Tuy không có cái ái quốc như bên Âu-Châu, song bên chúng tôi, ai cũng có cái lòng trung ái với nước nhà, ai cũng một lòng một chí mà ước ao cho đặng cái quyền tự xem xét lấy các việc chung của nước nhà» (2).

### III.— Lý do thứ ba : Những cải cách của nội các Bảo Đại. Cho viết những lời lẽ trên này, người Pháp đã tỏ ra kiêng

---

(1) *Le Grauclaude*, tác phẩm kè trên; trang 10.

(2) *Le Grauclaude*, tác phẩm kè trên, trang 10.

nè Việt Nam lâm. Lý do là vì họ nhận thấy các phe Quốc-gia mỗi ngày một ảnh hưởng đến dân chúng, đặc biệt là các tờ chức Cộng Sản, được sự nâng đỡ của ngoại quốc, đang thu hút được nhân tâm. Đáng khác, nạn kinh tế khủng hoảng trầm trọng của mấy năm qua rất có thể được các lực lượng cách mạng khai thác để xúi giục dân làm loạn. Để đánh lạc dư-luận, một đảng họ ngầm ngầm đàn áp, một đảng họ công bố những điều hứa tốt đẹp, đồng thời đề nghị với vua Bảo-Đại, vừa mới hồi loan, phải đi tuần du cả Trung và Bắc để làm yên lòng dân và cải tổ nội-các một cách thực mới mẻ. Nội các cũ gồm các quan già bị bãi nhiệm và theo đạo chỉ dụ ngày mồng 2 tháng 5 năm 1933, vua Bảo-Đại công bố thành phần nội-các mới gồm những vị Thượng-Thư rất trẻ: Ngô-Đình-Diệm, Bộ-Lại, ba mươi mốt tuổi; Phạm-Quỳnh, Bộ Quốc-Dân Giáo-Dục, bốn mươi tuổi; Hồ-Đắc-Khai, Bộ Tài-Chánh, ba mươi tám tuổi; Bùi-Bằng-Đoàn, Bộ Tư-Pháp, bốn mươi sáu tuổi; Thái-Văn-Toản, Bộ Công-Tác, bốn mươi bảy tuổi.

Thật vậy, không những người Pháp làm ra mặt hoan-hỉ, không những người dân đơn sơ tỏ ra vui mừng vì được có một vị vua đầu tiên văn-minh tân-tiến, mà cả đến dư-luận báo chí toàn quốc cũng tỏ nỗi hân-hoan trong dịp vua Bảo-Đại hồi-loan. Không những báo hàng ngày mà cả đến các tuần báo, nguyệt báo cũng có những bài xã-thuyết bàn về việc hồi-loan của nhà vua được coi như là một biến cố quan hệ, hứa hẹn nhiều đổi với Quốc-dân.

Ấy là đổi với chính-trị thì như vậy. Mà đổi với việc canh-cải học-chánh, đường lối giáo-dục, vua Bảo-Đại cũng có những ý-khiển đáng lưu ý. Báo văn-học *Tạp chí* số 4 tháng 8 và tháng 9 năm 1932, trong bài cảm tưởng đổi với cuộc ngự giá hồi-loan viết : «Đáng tiếc chỉ có thể mà đáng mừng thì có nhiều điều : một là mừng

được trông thấy cái thái độ khoan-hòà cần trọng của Hoàng-Thượng mà có phần tin chắc rằng Ngài sẽ cầm vững vận mệnh tương lai cho quốc-dân mà thái-độ của Ngài lại chứng tỏ rằng : tiêm-nhiêm văn-hóa Âu-Tây mà tự mình bền chí và có định kiến thì cái kết-quả sẽ được mỹ-mản ; thế là đủ làm cái gương sáng cho bạn thanh-niên du-học sau này, biết noi theo đó thì mới có cái hy-vọng tạo phúc cho đồng bào được.

« Hai là mừng được trông thấy Ngài đối với báo giới chẳng những tiếp đãi trọng-thể mà lại có vẻ chan chứa cảm-tinh, thế là con đường ngôn-luận của ba kỳ bắt đầu từ nay càng thấy sáng thêm và mở rộng vậy.

« Ba là mừng được nghe rõ Ngài là một vị Đế-vương ưa văn-hóa, trọng học-thuật. Thế là nền văn-học nước nhà sẽ nhờ Ngài gây dựng ô bồi họa may có ngày vừng vàng tốt đẹp như nền văn-học các nước văn-minh Âu-Mỹ.

« Vì ba điều mừng ấy mà tôi dám có mấy lời ước cầu :

« Uớc sao về vấn đề phiên-dịch trước-thuật, Triều-định dốc lòng chiểu cõi, hết sức khuếch-trương, khiến cho sách quốc-văn rộng đường ban bô lưu-hành, họa may quốc dân đối với các món phồ thông-trí thức chuyên-môn khoa-học khỏi phải cái khò học nhờ viết mướn. (Nghe nói hiện nay Viện cõi-học ở Huế đã tự xin tờ chức cuộc phiên dịch mà Viện Dân Biểu cũng định xin lập Viện Hàn-Lâm).

« Uớc sao niên hạn của học-sinh, chương trình của học chánh có chút thay đổi thế nào, để trừ bớt cái nạn thất nghiệp của bạn thanh-niên học tử nay mai, vì dân tộc Việt-Nam là một dân tộc có khiếu thông minh, có tánh ham học, nhưng trong đó phần nhiều là con nhà cực khò nghèo hèn». (1)

Sau khi bày tỏ niềm hân hoan và tin tưởng vào Ông vua

(1) Văn-học tạp chí, số 4. tháng 8 và 9 năm 1932

trẻ, báo *Văn học tạp chí* còn trích đăng những đoạn văn quan hệ của lời huấn dụ ngày 10 tháng 9 của vua Bảo Đại liên quan đến dự án sửa đổi niền giáo dục lúc ấy: «Ta sẽ tuyên dụng cũng như thuở xưa là do thí khảo, đề mục luân-lý, kinh văn và cũng có khoa học về chính trị phép luật tân thời, hễ ai được thăng phân số là trúng tuyển. Sẽ lập một trường đặc biệt(là trường sĩ hoạn). Ta sẽ hết sức lo dạy cách chánh trị thực hành làm cho đức dục và trí dục được tấn tới thêm.

«Việc học bây giờ có nhiều người ý kiến trái nhau: kẻ thời nói việc học tần bộ, người thời nói thoái bộ, ta xem ra trong mấy năm gần đây, chỉ lấy những vấn đề học qui làm trọng.

«Vậy học qui há trọng hơn tôn-chỉ, mà sao chỉ chăm dậy khai-trí không chăm dậy thành-đức cho trẻ con là lũ đương nhiệt-tâm về tân học. Ta sẽ hết sức bồ cưu cái hại ai nấy đều phản nàn, là nó làm cho những đời người cận thời giống như đã quên những phong hóa lưu truyền rất tốt của nước ta.

«Chính vì ý ấy, cho nên nhân có chánh phủ Bảo-Hộ đã tổ chức học vụ hay tốt, đặt thầy có mô-phạm tân-thời, cứ cơ sở vững bền ấy, ta sẽ sửa bộ-học lại, sẽ gọi là bộ Quốc-Dân Giáo-Dục, để biểu minh chủ ý.

«Ta muốn sắp đặt việc giáo-dục của quốc-dân theo nền vững bền gia-dinh giáo-dục và luân-lý đời xưa.

«Có trường công về phần quan kiêm sát làm hướng-dạo cho việc giáo-dục quốc-dân. Ta lại tính đường mở mang hương trường và tư trường là nơi gần mặt phụ-huynh, vì theo luật phép và phong tục nước ta, phải có trách vụ to về điều này giáo-dục.

«Ta khuyên kẻ phụ-huynh đem lòng lưu-ý việc ấy, lo việc tương lai đặng mà giúp sức với chánh-phủ, để cho thành được việc gọi là việc xây dựng lại cho dân cả nước, ấy là chính việc xã-hội Việt-Nam phải đem lòng chăm lo vào đó cả..»

«Và lại noi theo thánh ý khoan hồng Đức Tiên-Hoàng  
Hoàng-Tôn-Tuyên Hoàng-Đế, quả nhơn muỗn cho quốc-dân  
thân-ái của ta được trấn-ngôn tiếng thấu tai trên, được tò  
tinh những điều sở nguyện, được thỉnh cầu những sự cần  
thiết phải lẽ...» (1)

Cũng như *Văn-học tạp-chí* của Dương-Tự-Quán, *An-Nam*  
*tạp-chí* của Tân-Đà, trong bài xã-thuyết bàn về việc hồi-loan  
của Vua Bảo-Đại, cũng đã cực lực khen ngợi lời chỉ-dụ của  
Nhà Vua : «Hay thay đức Kim-Thượng là đứng thánh-minh,  
đã hiều cái nhẽ : phải tiến.

«Lời thánh dụ ngày 10 Septembre 1932, nhiều ý hướng  
duy tân đã khiến cho thanh-niên phấn chấn mà đợi buồ  
tương lai» (2).

Tuần báo *Phong-Hoa* cũng có nhiều bài nói về việc vua  
Bảo-Đại hồi-loan, nhất là về việc loan truyền những chỉ-dụ của  
nhà vua đối với công cuộc canh-tân xứ sở.

Tất cả các chủ trương của vua Bảo-Đại cũng như của  
Pháp lúc ấy là hô-hào canh-tân, xây dựng một nước Việt-Nam  
mới, cởi bỏ được các tập-tục cũ. Trong bài chỉ-dụ đặt nội-các  
mới (2.5.1933) cũng như trong bài diễn văn đọc tại điện Càn-  
Chánh trước mặt tân nội-các, vua Bảo-Đại đều nhấn mạnh đến  
tính cách canh-tân của chế độ : «Chỉ tôi là muốn trừ bỏ những  
cách chính trị quá cũ không thích hợp với thời đại này. Tôi  
muốn cho nước Nam tân bộ theo thời, không phải kém các nước  
khác trong thiên hạ nữa. Làm thế không phải là bạo động biến  
cách, tức là tuân tự canh tân, là một việc cần. Nước không đổi  
mới là nước hỏng. Tôi muốn cho nước này được hoạt động,  
nên tôi quyết đem hết quyền lực giúp cho tiến-hóa, cho mau  
bước lên con đường cải-cách văn-minh» (3).

Về phía người Pháp, toàn quyền Pasquier cũng trình trọng

(1) *Văn-học tạp-chí* số 4, tháng 8 và 9 năm 1932

(2) *Annam tạp-chí*, số 4 tháng 8 và 9 năm 1932, trang 3.

(3) *Le Glauc Claude*, tác phẩm kè trên tr. 229

nói đến cái cách với tân nội các : «Cái chế độ cũ trong nước. đã động đến phải cho thận trọng lắm, nhưng mà nếu xét ra thời thế phong tục khiến cho phải thay đổi thì cũng không nên ngần ngại mà sửa đổi» (1)

Những lời cõi vô cho ý hướng theo mới ấy do hai chánh-phủ Pháp và Nam triều phải đã gieo vào dân gian một làn khí mới bắt đầu từ năm 1932 là năm vua Bảo-Đại hồi loan.

Phong trào theo mới hăng say từ sau năm 1932 hẳn một phần đã bắt nguồn từ việc theo mới của Tân Nội các Bảo-Đại rúc ấy.

#### IV.— LÝ do thứ tư : Lối sống xé rào của vị vua trẻ

Việt vua Bảo-Đại về nước năm 1932, chẳng những đã gây xúc động mạnh về phuong diện chính-trị, cũng như về phuong diện canh cải giáo dục và học chánh mà còn gây xúc động mãnh-liệt cả về phuong-diện xã-hội nữa. Thứ nhất vì nhà vua là một tay Tây học, đã dám bôi bỏ tất cả các hủ-tục, nghi lễ phiền phức, thoái hóa mà Nam-Triều đã khuôn mình từ hàng ngàn năm. Thứ hai, tuy không nói ra, tuy không tuyên chiến bằng lời nói, nhưng Bảo-Đại đã tuyên-chiến bằng việc làm đổi với chế-độ Đại-gia-đình. Chính Bảo-Đại đã chống lại quyết-định của Triều-đình Huế, nhất là của Đại Gia-đình Hoàng-Tộc Nhà Nguyễn khi ông cương-quyết cưới cho bằng được một bà vợ là con gái thứ dân chứ không phải con hoàng tộc hay con gái bậc Đại-Thần. Hơn thế người con gái thứ dân ấy lại theo tôn giáo khác hẳn tôn giáo của Triều-đình, của Hoàng-tộc. Chính Bảo-Đại đã tranh đấu thành công chống chế-độ đại gia-đình để thực hiện tự-do kết-hôn. Thứ ba chính Bảo-Đại đã khai mở cái thế-hệ trai độc-thê khác với phong-tục cũ vua chúa bao giờ cũng đa thê. Ngàn ấy cái mới ảnh-hưởng

(1) Le Grauclade: tác phẩm kẽ trên tr. 229

đến lớp thanh-niên rất nhiều và các vai truyện của Nhất Linh hay Khái-Hưng về sau này, tức mãi 1933-1934, cũng không có gì mới hơn Bảo-Đại lúc Bảo-Đại làm trái ý Hoàng tộc để cưới cho kỳ được Bà Nam-Phương làm vợ.

Những luận đề mà mãi đến năm 33 hay 34 có khi mãi đến 1935, Khái-Hưng hay Nhất Linh mới đem ra bàn giải ở trong tiêu thuyết luận đề của các ông, thì Bảo-Đại, ngay từ năm 1932, đã đem bàn giải và biện mi h cho nó ngay trong cuộc đời của nhà vua.

#### V.— Lý do thứ năm : Bé mạc thế hệ cũ và xuất hiện thế hệ mới :

Năm 32 là năm «tổng cựu nghinh tân» giữa hai thế-hệ mới cũ : nếu trong chánh trường những Nguyễn-Hữu-Bài, những Võ-Liêm, những Tôn-Thất-Đàn, những Phạm-Liệu.., đã về hưu để nhường chỗ cho những Ngô-Đình-Diệm, những Phạm-Quỳnh, những Bùi-Bằng-Đoàn.., thì trên văn-dàn những Phạm-Quỳnh, những Đông-Hồ, những Hoàng-Ngọc-Phách, những Tương-Phố cũng rút vào bóng tối để nhường trường sở cho những Khái-Hưng, những Nhất-Linh, những Xuân-Diệu, những Thế-Lữ... Thực vậy, năm 32 đánh dấu một cái mốc quan-hệ : Phạm-Quỳnh bỏ báo Nam-Phong để vào nội-các của vu aBảo-Đại, Phạm-Quỳnh đã ra đi trong vinh-quang, giữa sự nhớ tiếc của mọi người. Nam-Phong còn sống thêm được hai năm nữa, nhưng cũng là sống cầm hơi, không nguyên vì mất người thủ-lãnh có tài mà nhất là vì thời thế thay đổi. Như một viên lão-tướng, dù huấn nghiệp có cao cả đến đâu, cũng phải nghỉ đến ngày rút lui, Phạm-Quỳnh đã ra đi đúng lúc để giữ hồn trọn vẹn cảm tình của văn-học giới.

#### VI.— Lý do thứ sáu : nhiều báo mới xuất hiện,

Điều đáng chú ý khác là cũng trong khoảng thời gian này nhiều báo chí mới ra đời : Phụ nữ Tân-văn ra đời năm 1929, Phụ

nữ Thời-đam, năm 1930 và đặc biệt là vào khoảng giữa năm 1932 cả một loạt báo mới ra đời hay tái bản hoặc chuyên chú hẳn về xã hội hoặc đi sâu vào nghiên cứu văn-học, đó là trường hợp của các báo *chớp bóng*, *Tử bi âm*, *Đông tây tuần báo*, *Văn-học tạp-chí*, *Đông-thanh tạp-chí*, *An-nam tạp-chí*, *Phong-hóa tuần báo*.

*Văn-học tạp-chí*, số 1 ra tháng năm dương lịch năm 1932, trong bài Phi-lộ đã tuyên bố mục đích «là để làm cái cơ quan chung cho tất cả các nhà văn có tài, có học thức trong nước cùng đóng góp vô mồi người một phần tâm lực trau dồi cho, sửa sang cho, sắp đặt cho, gom góp cho, chỉnh đốn cho cái tiếng nói của mình thành một áng văn chương có khuôn phép phân minh, có tài liệu phong thiêmi, có thể thức đường hoàng, có lời lẽ tốt đẹp mà dần dần gầy dựng thành một nền văn học xứng đáng sau này». (1)

## VII.— Lý do thứ bảy : Ra đời của báo Phong-Hóa và Tự Lực Văn Đoàn

Nhưng năm 32 là năm của tuần báo *Phong-Hóa*.

*Phong-Hóa* là một tờ tuần báo ra ngày thứ năm, số đầu tiên ra ngày 16 Juin 1932. *Phong-Hóa* buổi đầu là của Phạm-Hữu-Ninh.

Khô báo buổi đầu thay đổi nhiều. Từ số 1 đến hết số 10, báo ra khô nhỏ 24x33 ; nhưng từ số 11 đến số 20 thì khô báo lại to khác thường, to hơn cả khô giấy nhật-trình ngày nay ; và từ số 20 trở đi thì lại lấy giấy khô trung bình 31x44.

### 1.— Kỹ thuật mới mẻ của báo Phong-Hóa

Xét về hình thức, thì từ số 1 cho đến số 13, ngoài bìa báo không có đề báo do ai chủ-trương hết. Ngay tên Ông Phạm-Hữu-Ninh cũng không hề xuất hiện trên báo bao giờ. Bỗng số 11, ngày 25-8-1932, loan bằng tiêu đề lớn : «Một sự cải-

(1) *Văn-học tạp chí* số 1, Mai 1932, trang 8\*

cách lớn của báo Phong-Hóa..

«Phong-Hóa tuần báo tạm ra 4 trang giá bán opo3 đè dù thời giờ dự định một cuộc hoán cải rất lớn lao.

«Vài tuần nữa tờ báo Phong-Hóa sẽ được vừa lòng độc giả về hết các phương-diện văn-chương, mỹ-thuật, tư-tưởng.

«Xin độc giả vững tâm chờ đợi: Phong-Hóa tuần báo sẽ không phụ tấm lòng yêu mến của độc-giả».

Số 13 ra ngày 8 Sept. 1932, một tiêu đề lớn hơn kéo dài hai cột báo nơi giữa trang nhất.

«Một cuộc hoán cải lớn lao trong báo Phong-Hóa.

«Một sự lạ trong làng báo!

Một cái mới!

Đến ngày thứ năm 22 Sept. 1932

«Báo Phong-Hóa sẽ ra số mới

«8 thay 4 trang (khô nhật trình) mỗi số opo7

«Bàn một cách vui vẻ về các vấn đề cần thiết:

«Xã-hội, chính-trị, kinh-tế.

«Nói rõ về hiện-tượng trong nước

«Có 15 tranh vẽ, nhiều chuyện vui, v.v. . . .

«Cần thiết . . . .

«Hoạt-động . . . .

«Vui vẻ . . . . .

«mãi . . . mãi . . .

«Ai cần xem báo! Ai thích đọc báo!

«Nên đọc Phong-Hóa» (1).

Nguyên đọc nội dung cũng như cách trình bày hai mục quảng-cáo trên đây, ta cũng đã thấy có một bàn tay chuyên

(1) Phong Hóa số 13, ngày 8-9-1932

nghiệp về báo chí nhúng vào tờ tuần báo Phong-Hóa rồi. Trong mục quảng cáo số 13 ra ngày 8 Septembre 1932, ta đọc những câu như: «*Bàn một cách vui vẻ* về các vấn đề cần thiết: Xã-Hội chính-trị, kinh-tế». Lần đầu tiên làng báo Việt-Nam chủ-trương bàn các vấn đề *một cách vui vẻ*, khác với chủ trương các báo đi trước, như Nam-Phong chẳng hạn bao giờ cũng trọng kinh kiệu, quí phái . . .

Các lời quảng cáo trên đây kè ra không phải là quá đáng Thực vậy, Phong-Hóa, từ số 14 ra ngày thứ năm, 22 Septembre 1932, mới lạ từ hình thức đến nội-dung.

Báo ra 8 trang thay vì 4 trang. Trên trang nhất xuất hiện ban lãnh-đạo của Phong-Hóa: Fondateur directeur politique, ông Nguyễn-Xuân-Mai ; Directeur, ông Nguyễn-Tường-Tam ; Administrateur Gérant, ông Phạm-Hữu-Ninh. Tuy chưa được tăng cường như sau này, vì trước khi được đặt dưới quyền điều khiển của Nguyễn-Tường-Tam, tuần báo Phong-Hóa của ông Phạm-Hữu-Ninh, ngay từ số 1 ra tháng Juin 1932, cũng đã có một nội dung khác các báo đương thời, cả về văn cũng như về ý tưởng. Trần-Khánh-Giú Khái-Hưng là cây bút cốt cán, giữ nhiều mục quan-trọng trên Phong-Hóa suốt từ số 1 cho đến số 13.

Nhưng, từ số 14 ra cuối tháng Septembre 1932, khi mà Nguyễn-Tường-Tam đứng ra điều-khiển tờ báo này, với sự cộng tác thường xuyên của Khái-Hưng, Tú-Mỡ, Tú-Ly, Thế Lữ, Thạch-Lam.., thì báo Phong-Hóa quả là một trái bom nổ giữa làng báo.

Thực vậy, từ đấy trở về trước, báo chí ở nước ta có vẻ quan-liêu, khệnh-khạcg. Nam-Phong, mặc dù được coi là một tạp chí tân-tiến, mới mẻ, vẫn là cái tân-tiến, mới mẻ của bọn trưởng-giả, mang tính cách quan-lại.

Phong-hóa đã đưa ra hẳn một tinh-thần mới trong việc làm báo, tồ chức tòa-báo. Điều này chính Nhất-Linh hầu như cũng vô ngực tự-đắc mà nhận như vậy, nhận ngày kỷ-niệm báo ra đời được chẵn ba năm. Đọc bài tự-thuật sau đây của Nhất-Linh, các bạn thấy ngay hồi ức ấy, Nhất-Linh đã có một quan niệm rất mới mẻ về nghề làm báo :

« Chúng tôi ra số báo này để kỷ-niệm ngày báo ra, vì hai năm trước đây, chúng tôi đăng trí nên quên mất việc đó.

« Đã ba năm cùng các bạn cùng đi một con đường, tất là có những kỷ-niệm chung mỗi bước đường lại một nhiều thêm. Vậy bây giờ cùng các bạn dừng chân trông trở lại để nhắc đến những việc đã qua, những cảnh đã gặp và nhân tiện ngồi cùng các bạn hay những truyện riêng trong nhà báo và trong nghề báo, những truyện thân mật mà người ta chỉ thường kề cho nhau nghe trong những lúc nhàn rỗi, nghỉ ngơi. Phải là những lúc đó, những câu truyện trong số báo này kề ra mới hợp thời và không có vẻ cùa kỳ.

« Những lý-tưởng nó sai khiến chúng tôi, những ý muốn của chúng tôi trong khi làm báo, Tứ-Ly đã có bài bày tỏ ở dưới đây.

« Có một điều ai cũng nhận thấy là vào thời báo Phong-Hoa ra đời (kể từ số 14 trở đi, lúc Tự-Lực Văn-Đoàn bắt đầu chủ trương báo P.H), trong làng báo có một khuynh hướng mới về mặt nhà nghề : tờ báo viết để quần chúng xem và tờ báo mong sống về độc giả.

• Thời kỳ những báo vào loại báo Nam-Phong đã tàn, Hay còn nữa thì những thứ báo đó cũng chỉ để cho một hạng người đọc riêng, không có ảnh-hưởng lớn lao đến quần chúng.

Những báo của buổi đời mới không thể là những tờ báo khảo. cõ hay sống dựa vào những tài liệu cũ được nữa. Những tờ mới đó phải căn cứ vào hiện trạng, phải săn sóc đến dư luận, đến thời sự, phải là những bức tranh hoạt động của xã hội trước mắt. Nhà viết báo không thể cầm đầu lục lọi trong kho sách cũ, hoặc bó gối trong phòng viết những bài luận về triết lý vừa khô khan, vừa khó hiểu, nhà viết báo bây giờ phải làm thế nào cho ai ai cũng hiểu được mình mà viết về những vấn đề có liên quan đến một số đông người. Nghĩa là phải làm theo những người viết báo bên Âu Mỹ.

«Báo Phong-Hóa về mặt trong còn có một sự mới khác hẳn các báo trong nước xưa nay. Lẽ thường thì tờ báo hoặc là của riêng một hội, một đảng (ở nước ta ít khi thấy), hoặc là của riêng một người. Người bỏ tiền ra bao giờ cũng nhận lấy chức Giám-Đốc dầu rằng không có một cái tài nhỏ mọn gì về nghề làm báo. Ông Giám-Đốc chủ nhân đó bỏ tiền ra thuê một ông chủ bút và ít nhiều ông trợ bút. Các nhà văn-sĩ vì thế nên luôn luôn xung đột với những nhà tư bản có quyền sai khiến mình mà không có đủ tài để minh phục. Tờ báo ít khi có tôn chỉ duy nhất, vì tòa soạn thay đổi luôn mà ông Giám-Đốc thì không đủ tài để bắt họ theo mình.

«Báo Phong-Hóa khác hẳn không phải là của riêng một người nào. Báo Phong-Hóa là của chung hết thảy những người viết báo Phong-Hóa. Không có ông chủ, người làm công, không có cuộc xung đột giữa các nhà văn sỹ, các nhà tư bản. Những người giúp việc báo Phong-Hóa là những nhà văn độc lập, mà tờ báo Phong-Hóa vì thế là một tờ báo độc lập, không phải theo mệnh lệnh của một đảng nào hay một nhà tư sản nào.

Mỗi người mỗi tháng chỉ cần một số tiền đủ sống, còn tiền lãi, nếu có, sẽ là của chung và sẽ dùng vào những công cuộc chung rồi phải làm sau này».

## 2.— Phong Hóa đả kích, hạ bệ tất cả thế hệ đàn anh

Muốn hiểu cuộc cách-mạng mà báo Phong-Hoa đã xô-đẩy ra năm 1932, ta cần hiểu biết tình hình văn-học từ năm 1932 trở về trước.

Vậy từ năm 1932 trở về trước ta biết triều đình Huế là một triều đình cõ lõ. Cả một cái nôi-các già nua của Nguyễn-Hữu-Bài, toàn là bọn hủ nho, cũng đủ cho ta thấy trình độ dân trí ra sao rồi.

Nếu văn-học là bộ mặt xã-hội, thì văn-học thế hệ 1913—1932 mà các tạp chí, nhất là tạp chí Nam-Phong giữ một vai trò vô cùng quan hệ là hình-ảnh cái xã-hội đời trẻ, quan liêu, kinh kiệu, khệnh khạng của triều đình Huế lúc ấy vậy. Nếu muốn hiểu xã-hội Việt-Nam, cần nhìn vào triều đình Huế thế nào, thì cũng vậy muốn hiểu văn-học Việt-Nam hồi này không gì tốt cho bằng nhìn vào Nam-Phong. Nam-Phong là lirh hồn, Nam-Phong là tất cả văn-hóa thế hệ 1913—1932. Câu nói trên đây quả không phải là quá đáng. Bởi vì, từ 1932 trở về trước, các nhà văn của chúng ta chưa có thói quen viết sách, xuất bản sách mà chỉ có thói quen viết văn trên báo chí. Vậy Nam-Phong hầu như là cơ-quan ngôn-luận duy nhất đã liên-kết tất cả các cây bút có thế giá đương thời, đến nỗi nếu đem đốt hết Nam-Phong đi, thì nền văn-học thế hệ 1913—1932, có thể nói là bị bóc lột rỗng tuếch. Nói như vậy để các bạn ghi nhận thế giá và uy-tín của Nam-Phong nó to tát đến như thế nào. Thực vậy, trong suốt mười mấy năm trường Nam-Phong hầu như giữ vai trò của một viện Hàn-Lâm. Điều gì Nam-Phong viết ra đều hay, văn Nam-Phong

(1) Phong Hóa số 154, 20-9-1935

viết ra là đẹp, ý kiến Nam-Phong bàn là được tôn trọng. Luật-lệ Nam-Phong đặt ra mọi người tuân theo, chữ Nam-Phong ché ra mọi người đều dùng... Người ta coi Nam-Phong như bậc thầy.

Vậy mà năm 1932 vừa bắt đầu ra đời, tuần báo Phong-Hóa đã đánh thẳng vào Nam-Phong: đánh các người lãnh đạo Nam-Phong, đánh ngay cả đường lối chủ trương về tư tưởng và nghệ thuật mà nhóm Nam-Phong bênh vực, tức là quốc dân bênh vực có trên hai chục năm. Thực vậy, tuần báo Phong-Hóa à luồng gió mới, làm xáo trộn tất cả trật tự xã-hội, thổi tung những lớp bụi bặm phủ đầy trên lâu dài văn hóa cũ để lần này nó bay mù trời. Quanh những năm 32, nhiều hiện tượng văn-học xảy đến báo hiệu sự thành hình của nhiều khuynh hướng mới, sự chuyên hướng sâu xa của văn đàn Việt-Nam, nhất là lự trưởng-thành của một thế-hệ văn nghệ sĩ trẻ tuổi ý thức được trách-nhiệm của mình trước lịch-sử và hiên ngang đòi quyền lãnh đạo trong nước Cộng-Hòa Văn-Học.

Phong-Hóa bắt đầu mở chiến dịch khiêu-khích, hạ bệ hai lãnh tụ của hai cơ quan ngôn-luận lớn nhất của thế-hệ trước, lãnh tụ của Đông-Dương-Tạp-Chí và Nam-Phong Tạp-Chí.

Từ bao nhiêu lâu, khắp từ Nam chí Bắc, dư luận đâu đâu cũng coi Nguyễn-Văn-Vinh và Phạm-Quỳnh là hai ông tổ của văn-học thế-hệ 1913-1932. Vậy mà Phong-Hóa số 14, 22 Sept. 1932, đã đặt về đề ché diễu hai ông chủ-bút Đông-Dương và Nam-Phong tạp chí.

### «Phong dao mới»

Nước Nam có hai người tài,

Thứ nhất sùi Ính, thứ hai sùi Uỳnh.

Một sùi béo núng rung rinh,

*Một sùi lèu đều như hình cò hương  
Không vốn liêng chẳng ruộng nương,  
Chỉ đem dư luận bán buôn làm giầu  
Bây giờ đang sỉa sói nhau :  
Người câu «lập hiến», kẻ câu «trực quyền»  
—«Thưa các ngài, thực vi tiên  
Muốn xem chiến đấu quẳng tiễn vào «đây». I)*

Ché diều như vậy chưa lấy làm đủ, cây bút hài hước của Phong-Hóa, sang số 15, ngày 27 Septembre 1932, lại có mấy dòng sau đây bằng văn xuôi không kém mỉa mai đối với Phạm-Quỳnh:

«Báo Phong-Hóa ra buỗi sớm, buỗi chiều đi chơi rong phô, nghe thấy con trẻ hát:

«*Nước Nam có hai người tài . . .*  
*Thứ nhất sùi Īnh, thứ hai sù Uỳnh*

«Hai câu phong dao có lọt vào tai hai ông lãnh tụ hai đảng lập hiến và trực trị, chắc hai ông tài cũng . . . mát dạ.

«Ông Quỳnh có lẽ chưa vừa lòng. Ông có giận, xin đừng giận người làm thơ, nên giận cái người đặt ra điệu thơ sáu tám. Chả nhẽ lại viết, thứ nhất sù Uỳnh, thứ hai sù Īnh».

Người ta không thể bảo báo Phong-Hóa chống Phạm-Quỳnh và Nguyễn-văn-Vinh vì hai ông này làm chính trị mà chỉ vì hai ông bị coi là hủ hóa một lũ mà thôi. Thực vậy, Phong-Hóa đã chế diều nào Hoàng-Tăng Bí, nào Huỳnh-Thúc-Khiáng, nào Nguyễn-Khắc-Hiếu, nào Nguyễn-Trọng-Thuật, nào Nguyễn-văn-Tổ, Chẳng thế mà Phong-Hóa số xuân (24 Janvier 1933), đã có bài chúc Tết «thập bát tú» do Tứ-Lý (Hoàng-Đạo) gửi cho 18 nhân vật:

---

(I) *Phong Hóas số 14, 22.9.1932.*

— «Mừng Cụ Hoàng-Tăng-Bí tăng phúc, tăng-lộc, tăng-thọ  
tăng... bí.

— «Mừng cụ Nguyễn-văn-Vinh đầu năm học xem từ-vi, cuối  
năm xem thày số...»

— «Mừng cụ Huỳnh-Thúc-Kháih dùng chữ nho nhiều bằng  
năm bằng mười năm ngoái.

— «Mừng ông Phạm Quỳnh thăng quan tiến chức.

— «Mừng ông Hy Tông ra ngoài hẵn cái bị của cụ bằng Bí.

— «Mừng ông Nguyễn-Khắc-Hiếu say bằng năm bằng mươi  
năm ngoái.

— «Mừng ông Nguyễn-Trọng-Thuật sinh thêm được năm  
bảy người An-Nam mới.

— «Mừng ông Dương-bá-Trạc đầu năm học xong tiếng Ảng-  
Lè, giữa năm học xong tiếng Quảng-Đông, cuối năm nói truyện  
ông Đinh-bộ-Linh.

— «Mừng búi tóc ông Nguyễn-văn.Tổ năm nay được vào  
viện Bác-cô Hà-Nội.

— «Mừng ông Lê-văn-Phúc năm nay phát tài một mình...»

Chẳng những công kích cá nhân các cây bút đàn anh,  
Phong-Hóa còn bơi móc cả văn của bọn họ nữa.

Đây các bạn nghe Phong-Hóa diễu văn của Hoàng-Tăng-Bí  
và của Dương-Bá-Trạc :

« Trứng vịt khó tiêu, không biết còn cái gì khó tiêu hơn  
nữa không ? Hỏi thế tất ai cũng buồn sắc mặt mà đáp lại rằng :  
Có văn của cụ Hoàng-tăng-Bí.

« Nhưng văn cụ bằng tuy có bí, nhưng chưa đến nỗi bí  
như văn ông cử Dương-bá-Trạc, tự là Tuyết-Huy. Văn cụ Hoàng

bí vì thế văn cụ dài lướt thoát như cái áo thụng nhưng cụ còn có tư tưởng. Đến như ông Dương-Bá-Trạc, văn ông giống như cái thùng sắt tay, ngoài bóng trong rỗng không có tư tưởng gì. Vì thế văn ông lại bí hơn một bực mà bí lại bí «rỗng»,

« Ngày xưa, Chu Du 3 lần hộc máu, ngang cõi lèn giờ mà than rằng :

« Giời đã sinh Du sao còn sinh Lượng ?

« Độc giả báo chí nước Nam mấy lần ngủ gật cũng nên ngáp mà than rằng :

« Giời đã sinh ra cụ bảng Hoàng, sao còn sinh ra ông cử Dương ? » (1)

Và đây Phong-Hóa diêu cợt nhà học giả Hoàng-tăng-Bí :  
« Tài phát minh của cụ Hoàng-tăng-Bí,

Cụ Hoàng-tăng-Bí mới tìm ra một thứ bệnh, cụ gọi là một bệnh chung của bạn thiếu niên ta ngày nay ! Cái bệnh ấy là cái bệnh quá yêu tây học, công kích Nho giáo, không biết rằng dân tộc Việt-Nam còn đoàn tụ được đến ngày nay, xã hội Việt-Nam còn giữ trật tự đến thế này đều là nhờ Nho-giáo !

« Cái bệnh ấy có không, không biết, chỉ biết rằng Cụ bảng Hoàng cũng mắc bệnh, cái bệnh chỉ trông thấy cái tốt đẹp của Nho-giáo.

« Bệnh của Cụ bảng Hoàng nghe như trầm trọng lắm, cụ nên tìm thuốc chữa đi thôi » (2).

Chẳng những diêu bợn nam nhi, Phong-Hóa cũng chẳng thương đến một nữ sĩ đã từng làm cho thanh niên thiếu nữ yêu mến. Đó là nữ sĩ Tương-Phố:

---

(1) Phong-Hóa số 29 trang 5

(2) Phong-Hóa số 28 trang 5

«Gidi quán quân.

«Bà Tương Phố xưa làm bài thơ «giọt lệ thu» đăng trong Nam-phong, ai cũng khen là lâm ly, ai-oán, sầu thảm, thảm thiết, ào-não, và buồn rầu..»

«Tính ra bài văn đó có 61 chữ vừa «than ôi», «ôi», và «lệ», chia ra như sau này :

29 chữ «than ôi»,

18 chữ «ôi».

14 chữ «lệ».

Một bài độ bốn trang, mà có những 61 chừng ấy chữ, thì than ôi ! Làm gì mà chẳng đáng bi thương» (1).

Nhưng chẳng hiểu tại sao Phong-Hóa lại có thù riêng gì với thi sĩ Tân-Đà ! Trong suốt mấy tháng cuối năm 32 đầu năm 33, chẳng mấy số báo mà Phong-Hóa buông tha nhà thơ sông Đà núi Tân.

Họ chế diều báo của ông :

«Báo «Annam» của ông Vĩnh đã là báo «Annam mới» thì báo «Annam» của ông Hiếu hẳn là báo «Annam cũ».., Ông Vĩnh mới ít, mà ông Hiếu cũ nhiều. Nên báo ông Vĩnh phải đặt là Annam mới và cũ mà báo ông Hiếu là «Annam cũ cũ» hay «cũ cũ» không cho xong chuyện !

«Trong số «cũ cũ» mới đây, ông Tân-Đà uống rượu, uống rượu rồi ông say, ông say «rồi thì xuất». Ông say nên ông trót làm bài thơ cảm tình đề cảm-hóa Phong-Hóa.

«Nhưng thôi, ta hãy đợi ông tỉnh đã rồi sẽ nói chuyện» (2)  
«Giữ quán quân về, «chết» đi «sống» lại thì là báo Annam

---

(1) Phong-Hóa, số 29 trang 5.

(2) Phong-Hóa, số 28 trang 13.

của ông Hiếu:

« 3 lần chết  
« 4 lần ra đời

Bao giờ ông Tân.-Đà làm cho số chết và sống đều bằng nhau thì độc giả mới được nhờ ông lăm lăm» (1).

Họ chửi ông đủ điều, họ lầm thơ họa vận đề rêu ruốc Ông. Các bạn nghe Tú-Ly (2) nói về Tân.-Đà và Annam tạp-chí của ông :

«Hoa nguyên vận :

Anh lên giọng rơm khuyên Phong-hóa

Sắc sưa hơi men khó ngửi quá.

Đã dạy bao lần tai chẳng nghe,

Hắn còn nhiều phen mồm bị khóa !

Thân mềm chưa chắc đứng ngay đâu

Lurồi ngăn thì nên co lại nhé !

Phong-Hóa mà không hóa nòi anh,

Túy nhân quả thực là nan hóa !

### PHONG-HÓA

«An-nam tạp chí ví như sao ?

«An-Nam tạp chí ví như đia đói, gai lăm, sống đi chết lại đến mấy mươi lần.

«An-Nam tạp chí giống như con vịt già, nay ở phố Hàng Lọng, mai ở phố Hàng Bồ, nay ở Hà-nội, mai về Nam-Thành, không có cơ sở nhất định, thật là vô gia cư.

«An-Nam tạp chí ví như con sâu róm. Con sâu róm mùa thu còn là trứng ; mùa đông hóa ra sâu, mùa xuân biến ra bướm, nhưng sau trước vẫn là con sâu róm, tai hại vô cùng.

(1) Phong-Hóa số 29 trang 5.

(2) Tú-Ly, Phong-Hóa số 28 trang 5.

An-nam tạp chí năm nay nội dung thay đổi, sang năm nội dung thay đổi, nhưng sau trước vẫn là An-Nam tạp chí, xem đến buồn ngủ vô cùng». (1)

### 3.— Phong-Hóa đả kích tất cả các cơ quan

#### ngôn luận đương thời

Chẳng những Phong-Hóa đả phá chế diều cá nhân này cá nhân khác, mà còn đả phá chế diều tất cả các cơ quan ngôn luận do các nhân vật thuộc hệ cũ chủ trương. Chẳng những *Đông-Dương tạp chí*, *Nam-Phong tạp chí*, *Annam tạp chí*, ra đời đã lâu, thậm chí những báo vừa mới ra đời như *Văn-học tạp chí*, *Đông-Thanh tạp chí*, cũng đều bị châm chọc. Đây các bạn nghe Phong-Hóa phê bình *Đông-Thanh tạp chí*:

«Trong nước Nam tưởng chỉ có một tờ báo cồ là báo Nam-Phong. Dè đâu lại có báo Đông-Thanh. Báo Nam-Phong không định cồ mà thành ra cồ, báo Đông-Thanh định tâm cồ mà cồ thật.

«Các ông bấy lâu chui mũi tìm tòi trong khe đá nứt hay gậm tủ hôi mù quên cả sự đời. Bỗng một hồi, các ông giật nảy mình bảo nhau: «Áy chết, trong lúc ta đang cong-lưng tìm tòi, cả quốc dân đương mong ngóng muốn biết những cái ta đã phát minh ra : Nghĩ thế rồi các ông ra mở báo.

«Đầu tiên các ông đem những con dấu cồ ra lòe bà con dốt nát, rồi các ông bàn chuyện nước Chiêm-thành, các ông lo đời lấy lại tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây như ta đói hai cái lục bình cồ vậy». (2)

### 4.— Phong-Hóa đả kích lý tưởng văn-hóa của thế hệ trước.

Như vậy đối với thế hệ cũ, chẳng riêng gì con ngườì họ bị bêu xấu, cơ quan ngôn luận của họ bị chế diều mà chính

(1) *Phong-hóa*, số 28, trang 5.

(2) *Phong-hóa*, số 17, 13.10.1932.

cả đường lối của họ từng được cả quốc dân ca ngợi nay cũng bị nhạo báng.

Tú-Ly, trong mục « Từ cao đến thấp », *Phong Hóa* số 28 ngày 30.12.1932, còn đả kích Nho giáo nặng nề hơn:

#### « TÀI PHÁT MINH CỦA CỤ HOÀNG-TĂNG-BÍ »

« Cụ Hoàng-Tăng-Bí mới tìm ra một thứ bệnh, cụ gọi là « một bệnh chung của bạn thiếu niên ngày nay. Cái bệnh ấy là cái bệnh quá yêu tây học, công kích Nho giáo, không biết rằng dân tộc Việt-Nam còn đoàn tụ được đến ngày nay, xã hội Việt-Nam còn giữ trật tự đến thế này là nhờ công nho giáo ! »

« Cái bệnh ấy có không, không biết, chỉ biết rằng cụ bàng Hoàng cũng mắc bệnh chỉ trông thấy cái đẹp của nho giáo.

« Bệnh của cụ bàng Hoàng nghe như trầm trọng lắm, cụ nên tìm thuốc chữa đi thôi ! »

« *Cha ra cha, con ra con* »

« Cụ bàng Bí mắc cái bệnh ấy nên nói rằng vì mấy nghìn năm chuộng Nho-Giáo nên trên dưới có trật tự, cha ra cha, con ra con, anh ra anh, em ra em, chồng ra chồng...cụ Hoàng-Tăng-Bí ra cụ Hoàng-Tăng-Bí. »

« Ấy đấy, ý cụ bàng là nếu không có nho giáo thì cha không ra cha, con không ra con, anh không ra anh, em không ra em, chồng không ra chồng, vợ không ra vợ... cụ Hoàng-Tăng-Bí không ra cụ Hoàng-Tăng-Bí. »

« Quái thật có lẽ cụ bàng đồ rằng bên Âu-Mỹ, cha không ra cha, con không ra con, anh không ra anh, em không ra em, vợ không ra vợ, chồng không ra chồng, mà hè Charlot không ra hè Charlot » (1)

---

(1) *Phong-Hoa* số 17, 13-10-32.

Suốt mấy chục năm, tên tuổi Phạm-Quỳnh nổi tiếng như sóng còn vì cái đạo chiết trung, điều hòa Âu Á, tức là cái triết lý vừa phần bảo toàn được quốc hồn quốc túy vừa phần thâu thái được cái hay cái đẹp của văn minh Âu-Mỹ.

Cái chủ chương ấy có lúc bị *Phong-Hóa* nghi ngờ như ta thấy trong bài «Đạo Trung Dung của ông Quỳnh» đăng trên *Phong-Hóa* số 16 ngày 6.10.1932.

#### « ĐẠO TRUNG DUNG CỦA ÔNG QUỲNH.

«Dung hợp Âu-Á, lấy những cái tinh hoa của phương Tây đem hòa lẫn với những quốc hồn, quốc túy của ta, ông Phạm-Quỳnh bấy lâu kêu gào trên tạp chí *Nam-Phong* (nói bắc phong thì đúng hơn) cái thuyết sâu xa ấy.

«Cái gì hay thì ta giữ lại, cái gì giờ thì ta bỏ đi. Chỉ còn một việc đeo chuông.. nghĩa là việc phân biệt cái hay với cái giờ.

«Nghe ra khó tìm phương thi hành. Gặp việc gì khó, tây phương nói tây phương phải, đông phương nói đông phương phải, tiên sinh biết theo bên nào ?

«Lúc đó chỉ còn ngồi mà đợi thời, theo chiều gió mà phất là hơn cả, thưa tiên sinh» (1).

Điều mà lúc đầu *Phong-Hóa* nghi ngờ, thì dần dần sau này *Phong-Hóa* phát động chiến dịch đả phá.

Nhất Linh trên *Phong-Hóa* số 18 (20.10.32) đã kết án cái thuyết dung hợp của Phạm-Quỳnh. Cái điều đáng lưu ý là, ở thế hệ trước, Phạm-Quỳnh vẫn tự coi mình là tay *tân học*, thì, sang thế hệ mới này, cái ông *tân học* Phạm-Quỳnh, đối với

(1) *Phong-Hóa* số 28, ngày 30.12.32, trang 5.

bọn tân học Nhất-Linh, đã trở thành cựu học. Nhất-Linh viết về Phạm-Quỳnh năm 1932.

«Vì vậy trong bọn cựu học, có ông Phạm-Quỳnh, đã xướng thuyết Trung Dung giữ lấy cái hay của Đông Phương, thu lấy cái hay của Tây phương; dung hòa hai cái văn hóa, gây dựng lấy một nền văn minh riêng, cái mộng tưởng ông Phạm-Quỳnh là ở đây.

«Cái thuyết ấy, mới nghe ai ai cũng phải công nhận là hay, là nên theo, song đem ra thực hành thật là khó khăn vô cùng. Ngay đến ông Phạm-Quỳnh cũng phải công nhận như vậy. Tôi, tôi lại vượt qua lên một bức nữa : cái thuyết ấy không thể thực hành được...

«Theo bên nào cũng có cái hay, cái dở, chưa chắc chắn đâu là chân lý. Song cái văn minh cũ đem ra thực hành kết quả còn ở trước mắt ta, cái kết quả ấy làm cho ta bất mãn.

«Ta chỉ còn hy vọng ở cái văn minh của Tây phương, cái văn minh ấy, đưa ta đến đâu, ta chưa biết, song cái vận mệnh con người ta là đi vào vô định, vô thường. Cứ thay đổi mới tiến bộ». (1)

Trong mục «Bàn Ngang», Tú-Ly, trên Phong-Hóa số 28 ra ngày 30-12-1932, còn nói mạnh bạo hơn Nhất-Linh :

«Các nhà Nho còn sót lại trên cõi đất Việt, thường than thở cho luân thường, phong hóa, mà nhất là than thở cho mình muốn chấn hưng được đạo Nho kia, mong cho chúng ta ở lui lại một trăm năm về trước.

«Họ muốn cho chúng ta sống như đời Nghiêm-Thuần, còn trẻ con thì cắp sách Nho, đọc Mạnh Tử «chi hồ giả dã», vang

(1) Số 16.6-10-1932.

khắp bán đảo Đông Dương, nhứt lêo thì *này bút, này nghiên, này leu, này chiếu*, bàn chuyện thì bàn tới *Tam Hoàng Ngũ Đế*, bàn xem Quản-Trọng đã mấy lần tù...

«Những điều hay ho ấy, thật chúng ta không xứng đáng theo. Chúng ta không thể sống như đời cõi được, vì chúng ta đã chịu ảnh hưởng một trang lịch sử vừa qua mà các nhà nho kia muốn xóa bỏ đi. Chúng ta nghĩ khác xưa, xét đoán cũng khác xưa rồi ! Chúng ta không thể tin rằng người Thái Tây chân chỉ có một ống, ngã là không giậy được, đèn phải có bắc, giöc xuöng không cháy được, súng thần công phải là ống súng, có tàn có tần, sot thì đồ mò hôi, ốm thì đồ thuốc vào cho uống.

«Thật là không may cho chúng ta... mà rất buồn cho mấy nhà nho hủ» (1)

### 5.— Chương trình cải cách của Tự-Lực Văn-Đoàn

Có điều các bạn cần ghi nhận là những cái mà Phong-Hóa đánh đắm chẳng phải đánh đắm vu vơ đâu. Nó nằm trong chủ trương, đường lối của cả nhóm.

Một cái bản tuyên ngôn của Tự-Lực Văn-Đoàn đủ nói lên điều nhận định của tôi. Bản tuyên ngôn này tuy ra đời đầu năm 1934 mà thực nội dung của nó đã tản mát hầu khắp mọi trang báo Phong-Hóa ngay từ số 14 là số Nguyễn-Tường-Tam đứng ra điều khiền tờ báo này. Đây các bạn hãy nghe bản tuyên ngôn đó :

«TUYÊN NGÔN CỦA TỰ-LỰC VĂN-ĐOÀN.

«Tự-Lực Văn-Đoàn họp những người đồng chí trong văn giới, người trong đoàn đối với nhau cốt có liên lạc về tinh

(1) Nhất-Linh, Phong-Hóa số 18 ngày 20-10-1932.

*thần, cùng nhau theo đuổi tôn chỉ, hết sức giúp nhau để đạt được mục đích chung, hết sức che chở nhau trong công cuộc có tính cách văn chương.*

«*Người trong Văn-đoàn có quyền đề dưới tên mình chữ Tự-Lực Văn-Đoàn và bao nhiêu tác phẩm của mình đều được Văn-đoàn nhận và đặt dấu hiệu.*

«*Những sách của người ngoài, hoặc đã xuất bản, hoặc còn là bản thảo, gửi đến Văn-đoàn xét, nếu hai phần ba người trong Văn-đoàn có mặt ở hội đồng xét là có giá trị và hợp với tôn chỉ thì sẽ nhận đặt dấu hiệu của Văn-Đoàn và sẽ tùy sức cõi động giúp. Tự Lực Văn-Đoàn không phải là một hội buôn xuất bản sách.*

«*Sau này nếu có thể được, Văn-Đoàn sẽ đặt giải thưởng gọi là giải thưởng Tự-Lực Văn-Đoàn để thưởng những tác phẩm có giá trị và hợp với tôn chỉ của Văn-Đoàn.*

#### « TÔN CHỈ CỦA TỰ-LỰC VĂN-ĐOÀN

« 1.— *Tự sức mình làm ra những sách có giá trị về văn chương chứ không phiên dịch sách nước ngoài, nếu những sách này chỉ có tính cách văn chương thôi : mục đích để làm giàu thêm văn sản trong nước.*

« 2.— *Soạn hay dịch những sách có tư tưởng xã hội chú ý làm cho người và xã hội ngày một hay hơn lên.*

« 3.— *Theo chủ nghĩa bình dân, soạn những cuốn sách có tính cách bình dân và cõi động cho người khác yêu chủ nghĩa bình dân.*

« 4.— *Dùng một lối văn giản dị, dễ hiểu, ít chữ nho, một lối văn thật có tính cách Annam.*

(2) *Tự Lý, Phong Hóa, số 28, ngày 30-12-1932.*

5.— Lúc nào cũng mới, trẻ, yêu đời, có trí phán đấu và tin ở sự tiến bộ.

6.— Ca tụng những nét hay về đẹp của nước mà có tính cách bình dân, khiến cho người khác đem lòng yêu nước một cách bình dân, không có tính cách trưởng giả qui phái.

7.— Trọng tự do cá nhân.

8.— Làm cho người ta biết rằng đạo Không không hợp thời nữa.

9.— Đem phương pháp khoa học Thái Tây áp dụng vào văn chương Annam.

10.— Theo một điều trong chín điều này cũng được miêu là đừng trái ngược với những điều khác» (1)

Chín mục tiêu tranh đấu và đòi hỏi trên đây của Tự-Lực Văn-Đoàn chẳng có điều nào có thể dung hòa được với chủ trương điều hòa của thế hệ trước.

Điều tai ác đáng chú ý hơn hết là Tự-Lực Văn-Đoàn coi việc đả phá, đàn áp, tiêu diệt Nho giáo như là một trong chín tôn chỉ mà tất cả mọi người trong Văn đoàn hầu như phải uống máu ăn thề với nhau để mà triệt để thi hành. Có nhiều nhà văn, nhiều tờ chức đối khi cũng lên tiếng đả kích nho giáo rất kịch liệt, phủ phàng; nhưng chưa có ai coi việc đàn áp Nho giáo là tôn chỉ cả. Tất cả cái khác, cái mới quyết liệt, cái mới phủ phàng của Tự-Lực Văn-Đoàn là ở chỗ ấy. Điều khoản thứ sáu Tôn chỉ của Tự-Lực Văn-Đoàn ghi là : «Làm cho người ta biết rằng Đạo Không không hợp thời nữa».

Nhưng quyết liệt nhất, đồng thời cũng cầm động nhất là bài Bên đường dừng bước của Tú-Ly viết ngày 20-9-1935 đề (1) Phong-Hoa số 87 thứ sáu 2-3-1934.

kỷ-niệm báo ra đời được chẵn ba năm. Sự tàn bạo, phũ phàng đối với Nho giáo được bộc lộ một cách rất cảm động :

« Cách đây ba năm, một đêm thu giá lạnh, tôi và Nhất-Linh từ biệt Khái-Hưng ở báo quán, neden gót trên đường vàng mà về. Lúc đó vào khoảng hai giờ sáng. Da trời sám nhạt, đi kèm mấy ngôi sao thưa, trên rặng cây đèn sâm, chuỗi Bắc-Đầu đã nằm ngang trời. Dưới ánh vàng của đèn điện, thành phố Hà Nội ngủ yên lặng : thỉnh thoảng chỉ nghe thấy tiếng rao của hàng bán rong như ở một thế giới xa xăm khác đưa lại. Trong khoảng đêm dài tịch mịch đương lúc gió heo may thổi lá khô sào sạc, chúng tôi thấy trong lòng nhẹ nhàng vui vẻ... Sáng hôm ấy, số đầu (tức là số 14) báo Phong-Hóa ra đời.

« Nhắc lại đêm hôm ấy, tôi sinh ra một tư tưởng so sánh cái đêm trường tối tăm kia là cái đời cũ, chặt chẽ, phiền nhiễu, vụn vặt, nhỏ nhen. Sống trong cái hoàn cảnh ủ rũ ấy, ta phải mạnh mẽ chống cự lại, đe đợi vùng đông, đợi cái đời mới, phong quang rạng rỡ.

« Đã biết chân lý ở đâu lẽ tự nhiên là phải quả quyết bồng bột mà theo. Vì lẽ ấy, chúng tôi mạnh bạo, hăng hái đem văn chương phụng sự lý tưởng cải cách : phá hủy những hủ tục đời phong, xây đắp một cuộc đời hợp lẽ phải, bỏ thành kiến, trí phục tòng, lấy lương tri mà xét đoán mọi sự... Cái tinh thần vị tha bao giờ cũng soi lối cho chúng tôi đi.

« Tuy sẵn có chương trình phân minh, có phương pháp hẳn hoi, mà Phong-Hóa lúc ra đời không có lấy một bài phi lô. Là vì chúng tôi e nói ra không làm được. Chúng tôi sợ chương trình của chúng tôi cũng đến như chương trình của các ông nghị, có cũng như không vậy.

Ba năm qua... những ý tưởng, những hoài vọng, chúng tôi lần lượt phô bày trên tờ báo, được các bạn đọc giả một ngày

một hoan nghênh, khiến chúng tôi nức lòng hối dạ, càng dốc lòng đi tìm chân lý với các bạn.

Ba năm qua... sự đổi thay của phong tục, lẽ nghi, tuy chưa rõ rệt, nhưng sự thay đổi của linh hồn dân ta đã ngầm ngầm, từ tốn mà tiến hành không có sức mạnh nào ngăn cản lại được nữa. Những lý tưởng, những quan niệm cũ dần dần mất về uy nghi, lâm liệt, tất rồi cũng phải theo thời gian mà phá tan, nhường chỗ cho những quan niệm, những lý tưởng mới. Linh hồn người ta đã thay đổi, tất hoàn cảnh không chóng thì chầy cũng phải đổi thay. *Thay đổi hoàn cảnh*, đó là mục đích của chúng tôi vậy.

«Chúng tôi muốn tiêu diệt cuộc đời cũ. Nó sẽ bị tiêu diệt. Then chốt của nó là cái đạo tông nho. Vì thế mà chúng tôi đã mạnh bạo bài bác cái đạo không hợp thời ấy.

«Có người chê chúng tôi rằng không phô bày những cái hay của nho giáo. Họ không biết cho rằng chúng tôi không đứng về phương diện của nhà triết học : Về phương diện này, nho giáo cũng như tôn giáo khác, không hơn không kém. Đối với nhà triết học, văn hóa đông phương với văn hóa tây phương đều có thể cho là hay cả. Những chúng tôi chỉ muốn làm một nhà cải cách. Nguyên lý của đạo nho, chúng tôi không bàn đến, chúng tôi chỉ nhận ra rằng trong trường thực tế nó đã đưa xã hội ta vào vòng ngừng trệ, tù hãm, kè gì một vài người có trí hướng cao thượng, nếu vì đạo ấy mà phần đông dân ta đầy xéo nhau trong sự nhỏ nhen.

«Cuộc đời cũ mất, sẽ có người thương tiếc ngàn ngơ. Nhưng tiến bộ tức là biến cải không cùng, ta không停滞, trong lúc thế giới đổi thay, sinh sống mãi trong cuộc đời cũ kỹ từ ngàn năm xưa.

« Ba năm qua... Báo chí trong khoảng thời gian ấy cũng tiến bộ một cách mau chóng. Những bài phóng sự, những truyện dài có giá trị thấy dần dần xuất hiện. Báo chí khác trước, ân cần với độc giả tìm cách bênh vực kẻ cô yếu, bài bác những sự bất công... tìm phương pháp, cải cách xã hội một cách sôi sắng hoạt động.

« Ba năm qua... Hôm nay tạm dừng chân đứng lại, chúng tôi nhìn con đường đã đi ; chúng tôi ra báo ngày 22-9 năm 1932, là một ngày rất xấu : ngày tứ ly. Không phải là một sự vô tình : chính là định ý cưỡng lại cái thuyết số mệnh nó bắt dân ta nằm dí một nơi, đương lúc mọi người cùng tiến. Ngày tứ ly, trong ba năm, không thấy reo họa gì cho chúng tôi. Công việc chúng tôi làm, các bạn đã rõ. Công cuộc chúng tôi sẽ làm, xin đợi lúc có kết quả, chúng tôi sẽ bàn đến. Dẫu sao, ký vãng của chúng tôi, xin đem ra bảo đảm cho tương lai. » (1)

### VIII.— Lý do thứ tám : Sự xuất hiện của nhiều cuộc bút chiến

Cũng trong thời kỳ này, xảy ra nhiều cuộc bút chiến gay go giữa nhiều học giả. Phan Khôi có thể coi là một tay chiến sĩ đáng sợ đã khua động cái cảnh bình lặng từ hâm của Văn-Đàn Việt-Nam. Ông gây hấn với Trần-Trọng-Kim và Phạm-Quỳnh ! với ông trên, Phan-Khôi công kích bộ Nho giáo ; với ông dưới, Phan-Khôi hăng hái cảnh cáo cái tính cách học phiệt, gây nên cái mà người ta gọi là « vụ án các nhà học phiệt ». Cùng một đà ấy, từ năm 31, mở ra ở Phụ-nữ Tân-văn, mục « Vai nguy sứ Văn-Đàn », với mục đích đàn hoặc các nhà văn mới tập sự.

Ngoài các việc trên đây, chúng ta còn phải ghi nhận mấy biến cố chứng minh sự xoay chiều của nền văn học mới.

(1) « Phong-Hoa số 154 ngày 20/9/1935 »

## **X.— Lý do thứ chín : Sự xuất hiện những tiểu thuyết theo lối mới**

Chúng ta phải kể đến một số tiểu thuyết hay phóng sự ra đời năm 32 này. Trên các tạp chí, từ năm 32, ta thấy xuất hiện nhiều truyện ngắn của Nhất-Linh, của Khái-Hưng, của Lan-Khai, của Thế-Lữ, mà chiều hướng chúng ta thấy khác hẳn với các truyện của Nguyễn Bá Học, của Tương Phố...

Nhưng điều đáng chú ý là sự ra đời của mấy truyện như *Hồn bướm mơ tiên* của Khái-Hưng, *Kép Tư Bền* của Nguyễn Công Hoan, *Tôi kéo xe* của Tam-Lang. Từ cách xây dựng truyện đến cách đặt vấn đề, cách mô tả tâm lý các vai truyện mà nhất là lối văn dẽ dại, linh động, ba tác giả này như vạch ra một đường rạch lớn phân đôi hai thế hệ trước (13-32) và thế hệ sau (32-45).

## **X.— Lý do thứ mười : Sự xuất hiện thơ mới**

Những điển cố đã gây xúc động hơn hết là sự xuất hiện bài « Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ » (*Phụ nữ Tân-Văn* số 122 ra ngày 10.3.1932).

Trong bài này, sau khi công kích và kết án thơ cũ một cách nặng nề, Phan-Khôi đã trình làng một bài thơ mới. Đây các bạn nghe bài « Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ ».

«Mới đây, tôi có gặp ông Phạm-Quỳnh ở Saigon, trong khi nói chuyện ông nhắc đến mấy bài Trúc chi Từ của tôi đã làm trên Sông Hương khi gặp người bạn cũ là ông Nguyễn Bá Trác ở ngoại quốc moi về; ông Phạm tỏ ý khen mấy bài đó và nói chính mình đã dịch nó ra tiếng Pháp. Sau kết ông khuyên tôi nên giữ cái thái độ ngâm thơ như hồi đó thì hơn.

«Lời khuyên của ông Phạm đó, dù là nói giỡn đi chăng nữa, đối với tôi cũng phải nhìn là có ý nghĩa. Nhưng sau khi nghe lời ấy, tôi chỉ có thè gật đầu mà làm thỉnh không dám

vội vàng tỏ ra mình đã vui lòng lãnh giáo. Vì con người ta mà muốn thay đổi cách sinh hoạt về tinh-thần lại còn khó hơn Chánh-phủ thay đổi chế độ giáo dục hay chế độ nấu rượu nữa không phải việc chơi đâu mà hấp tấp.

«Duy có vì nghe lời đó mà tôi nhớ sức lại sự làm thơ. Thật, cái động cơ khiến viết bài này là chính ở mấy lời của Ông vậy.

«Ông Phạm bảo tôi nên lấy cái thái độ ngâm thơ hồi trước. Trong đó tôi rằng bấy lâu tôi đã bỏ mất hay đã đổi cái thái độ ấy đi nghĩa là bấy lâu nay tôi không ngâm thơ. Mà quả thế, gần mươi năm nay tôi không có bài thơ nào hết, thơ bằng chữ gì cũng không có.

«Trước kia tôi dẫu không có tên tuổi trong làng thơ như ông Nguyễn-khắc-Hiếu, ông Trần-tuấn.Khai, song ít ra trong một năm, tôi cũng có được năm bảy bài, hoặc bằng chữ Hán hoặc bằng chữ Nôm. Mà năm bảy bài của tôi, không phải là nói phách, đều là năm bảy bài nghe được. Vậy mà gần mươi năm nay mót lăm chỉ được một vài bài mà thôi, thì kè như là không có.

«Xin thú thực với mấy ông thợ thơ. Không có, không phải là tại tôi không muốn làm hay không thèm làm, nhưng tại tôi làm không được !

«Vậy thì hiện nay, đừng nói tôi không chịu nhận lời khuyên của ông Phạm, dẫu cho tôi nhận đi nữa, mà tôi không còn làm thơ được, thì ông mới xử trí cho tôi làm sao, Đó chính là cái vấn đề ở đó rồi.

«Lâu nay, mỗi khi có hứng, tôi toan giờ ra ngâm vịnh, thì cái hồn thơ của tôi lại lúng túng. Thơ chữ Hán ư ? Thì ông Lý, ông Đỗ, ông Bạch, ông Tô choán trong đầu tôi rồi. Tho-

Nôm ư ? Thì cụ Tiên Điền, bà Huyện-Thanh-Quan đè ngang  
ngực làm cho tôi thở không ra. Cái ý nào mình muốn nói lại  
nói ra được nữa, thì đọc đi đọc lại nghe như họ đã nói rồi.  
Cái ý nào chưa nói mình muốn nói ra, thì lại bị những niêm,  
những vận, những luật bó buộc mà nói không được. Té ra mình  
cứ loanh quanh lẩn quẩn trong lòng bàn tay của họ hoài, thật  
là dẽ tức.

«Duy Tân đi ! Cải lương đi !

(Bị bỏ một đoạn dài)

«Đại phàm thơ là đè tả cảnh tự tình mà hoặc tình hoặc  
cảnh cũng phải qui cho Chơn. Lối thơ cũ của ta, ngũ ngôn  
hay thất ngôn, tuyệt cú hay luật thè thì nó bị câu  
thúc quá. Mà đầu có phóng ra theo lối thất cồ,... cũng vẫn còn  
bị câu thúc. Hết bị câu thúc thì nó mất cái Chơn đi, không mất  
hết cũng mất già nửa phần.

«Tôi nhìn thấy trong thơ ta có một điều đáng bỉ, là bài  
nào cũng như bài này. Cứ rủ nhau khen hay thì nó là hay,  
chớ nếu lột tận xương ra mà xem thì chẳng biết cái hay nó  
ở đâu...

«Bởi vậy tôi rắp toan bày ra một lối thơ mới. Vì  
chưa thành thực nên chưa có thè đặt tên kêu là lối gì được  
song có thè cử cái đại ý của lối thơ mới này ra, là : Đem ý  
thật có trong tâm khảm mình tả ra bằng những câu, có văn mà  
không phải bó buộc bởi những niêm luật gì hết. Ấy là như.

### TÌNH GIÀ

*Hai mươi bốn năm xưa, một đêm vừa gió lại vừa mưa,  
Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà nhỏ, hai cái đầu xanh,  
kề nhau than thở !*

*«Ôi đôi ta, tình thương nhau thì vẫn nặng, mà lấy nhau  
hắn là khôngặng ;*

«Đè đến nỗi tình trước phu sau, chỉ cho bằng sớm liệu  
mà buông nhau»

«Hay ! Nói mới bạc làm sao chờ ! Buông nhau làm sao  
cho nỡ !

«Thương được chừng nào hay chừng nấy, chẳng qua ông  
Trời bắt đôi ta phải vậy.

«Ta là nhân ngã, đâu có phải vợ chồng mà tình việc  
thủy chung ?

Hai mươi bốn năm sau, tình cờ đắt khách gặp nhau ;

Đôi cái đầu đều bạc. Nếu chẳng quen lung, đồ có nhìn  
ra được

Ôn chuyện cũ mà thôi. Liếc đưa nhau đi rồi ! Con mắt còn  
có đuôi

« Đó là bài thơ tôi làm trước đây mấy tháng mà tôi kêu  
là một lối thơ mới đó. Chẳng phải là tôi hiểu sự,  
nhưng vì tôi hết chỗ ở trong vòng lãnh địa của thơ  
cũ, tôi phải đi kiếm đất mới : mà miếng đất tôi kiếm được  
đó chẳng biết có được không, nên mới đem ra mà trình  
chánh giữa làng thơ. Chẳng phải tôi người thứ nhất làm  
ra việc này. Hơn mười năm trước ở Hà Nội cũng có một vị  
thanh niên làm việc ấy mà thất bại..: Tôi dài gì lại đi theo dấu xe  
đá úp, dường như một chỗ để đồ mà cái vượng khí, đã tiêu tan  
rồi, ta phải kiếm nơi khác mà đóng đô. Tôi cầm chắc việc đẽ  
xướng của tôi đây sẽ thất bại lần nữa, nhưng tôi tin rằng sau  
này có người sẽ làm như tôi mà thành công. » (1)

Phan-Khôi đã nói hai lời tiên tri : tiên tri thứ nhứt ông  
bảo ông sẽ thất bại, lời thứ hai ông bảo người sau ông sẽ thành  
công. Hai lời đó đều đã ứng nghiệm.

(1) Phan Khôi, Phụ nữ Văn số 122, ngày 10.3.1932

Bài thơ đó thực quả là trái bom ném vào thành trì của thơ cũ. Người ta nhao lên khắp nơi: người công kích không ít mà kè tán thành ông cũng không thiếu. Người đầu tiên hưởng ứng Phan Khôi là Lưu Trọng Lư... Ông này viết thư ủng hộ Phan Khôi và làm thơ bắt chước Phan Khôi. Bức thư của Lưu Trọng Lư ký tên cô Liên Hương còn mấy bài thơ thì ký tên Lưu Trọng Lư. Sau đây là lời lẽ Lưu Trọng Lư, bộc lộ với Phan Khôi về thơ mới:

«Phan tiên sinh :

«Cách đây đã lâu, Tiên sinh có đưa trình chánh giữa làng thơ một lối thơ mới. Tôi đọc bài ấy rồi tôi cứ đợi mãi mà sau tiên sinh không thấy ai nối gót theo mà chính tiên sinh hình như cũng không buồn giờ dõi việc ấy nữa. Thế là thôi. Cái «của mới» ấy có lẽ chưa thích hợp với đời này: May mắn dộc giả đã yên trí như vậy. Mình hẵn tiên sinh cũng từng chau mặt giật giật chân mà nói rằng: «Thôi, không ai ưa thì ta xấp lại nữa, đợi khi khác ta lại mang ra». Thưa tiên sinh đợi khi khác, khi nào nữa? Thi ca ta ngày nay đương lúc *ngấp ngoài*, không còn có lấy một chút sinh khí. Nếu không soay phương cứu chữa gấp, thì ôi thôi còn chi là tánh mạng của thi ca. Đừng có nói lắt láy như vậy tiên sinh ạ! Nếu tiên sinh cứ giữ mãi cái thái độ tiêu cực ấy thì bọn thi nhân «rỗng tuếch» kia còn cứ ca đi hát lại những câu sáo hùnghìn xưa mà không thấy nở ra được những bậc thi nhân chân chính.

«Hẵn tiên sinh cũng đủ hiều rằng, những bậc chân thi nhân không bao giờ lại chịu đứng trong cái «lãnh thổ» hẹp hòi ngọt ngạt, mà có thể đưa tâm hồn người ta đưa lên tận mây xanh phảng phất trên những nõm na, phàm tục, vật chất hàng ngày.

«Những nhà chân thi nhân, thà là chỉ rung động (vibrer) trong mình chứ không chịu xuất phát ra ngoài, mà để cho những cái niêm luật khắc khốc, làm dẹp mất cái hồn thơ lai-láng mènh mông. Người ta thường khen Anatole France tiên sinh trọng đời giữ được cái cốt cách của thi nhân, chính là vì lẽ đó. Trong thi giới ta dễ thường được mấy người như thế, phần nhiều nhà thi nhân cần phải xuất phát ra ngoài để cho lòng được nhẹ nhàng, hề hả.

« Nếu cứ phải uốn nắn theo khuôn khồ chật hẹp, như hiện tình thi ca nước nhà thì họ phải thất vọng biết đường nào ! Vậy ta ngần ngừ gì nữa, mà không mở rộng cái « Lãnh thổ » kia ra, để mặc sức cho họ đem những cái thiên tài phú bầm ra mà đua bơi vùng vẫy. Làm vậy, hoặc giả có kẻ hoài nghi mà bảo rằng : « Phóng túng buồng lung quá rồi thành ra lộn xộn, mất cả nề nếp ». Trong cái lúc quá độ,ắt phải như thế, có buồng lung, có phúng túng mới có thể phát triển hết những cái rất hay, rất quí, rất đẹp trong mình, tuy có nhiều lộn xộn, nhưng một ngày kia thành thực rồi, sẽ trở vào trong nhữ ng cái nguyên tắc lề lối, rộng rãi hơn, tự do hơn.

« Dám khuyên tiên sinh nên mạnh dạn một lần nữa mà tiến lên đường.

« Cái lối thơ mới của chúng ta đương ở vào cái thời kỳ phôi phai, thời kỳ tập luyện nghiên cứu. Không biết rồi đây nó đi được đến chỗ thành công, hay là nửa đường bị đánh đổ ! Đó là sự bí mật của lịch sử văn hóa mai sau ! Đầu thế nào đi nữa, nó cũng có giá trị là giúp cho sự tự do phát triển của thi ca đến một chỗ cao xa rộng lớn, nó như thúc giục, như khiêu khích, như kêu gọi nhà thi nhân ra làm một cuộc canh tân, đầu có thất bại, thất bại vì lòng mong ước quá cao, thì nó cũng đã hiến cho ta một cái công lớn : nó chính là một tiếng chuông cảnh tỉnh làng

thơ giữa lúc đương triền miên trong cõi chết.

« Trong lúc ban đầu mà đã vội mong ước có những tay « thầy thơ » chính chơn chính (véritables maitres) thật là không thè nào được. Nhưng trái lại nếu có ai xem thường những người sáng kiến ra cái lối « thơ mới » kia, tưởng e cũng đặc tội với tiền đồ văn học của nước nhà lắm vậy » (1)

Cô LIÊN HƯƠNG — Fai-Foo

*Đứng đĩnh một con thuyền,  
Trăng lên đầu ngọn núi  
Đối cảnh với người yêu,  
Cầm tay tôi gần hỏi :  
« Mộng Vânơi ! vù trụ ngõ bao la.  
Nên cười hay nên tủi ?...  
Lặng lặng tự Hằng Nga,  
Vân nhìn tôi chẳng nói*

*LUU-TRONG.LU'*

\*\*\*

*Trên bãi biển  
Giấc mộng tình  
Thừa lương khách đã vắng ;  
Trời nước mênh mông, duy còn có bốn mắt nhìn nhau  
lặng.  
Trên cát vô tình, vạch chữ : Vân  
Ta vạch vừa xong sóng xoa dần...*

(1) Phong-Hoa số 31, 24-1-1933

*Mim curòi, Vân sê nói :*  
«Người yêu Vân hỡi l  
Sao người lại quá điên,  
Thân này cũng diệt, nứa là tên ? »  
*Hắn thường nghìn thu, nhờ bãi cát,*  
*Tan tác, nào hay, vì sóng bạc*  
*Cuộc trãm năm dừng có đa mang,*  
*Tình nhân chung kiếp dạ tràng*

*LUU-TRQNG-LU*

### **LẠI NHỚ VÂN**

*Hôm nay dạ lại bần thần,*  
*Nhin đám mây chiều lại nhớ Vân*  
*Này mây hỡi ! Mây chiều hỡi !*  
*Đứng lại đây chờ ta với*  
*Theo lối chim xanh,*  
*Rẽ lối trời tình*  
*Cây cùng dì gió,*  
*Tìm nơi Vân ở,*  
*Chờ lúc nàng iura song thưa*  
*Ngang trời ta đò trân mura*  
*Trong cánh song, nàng ngồi ủ dột,*  
*Trên lầu tiên, mura kêu thánh thót,*  
*Kêu rằng : «Vân nương hỡi Vân nương.*  
*Mura nay, là lệ người thường»*

*LUU-TRQNG-LU*

## VÌ SƯƠNG THU ĐỎ

Thế giới bên mình túy lúy say,  
Một nàng năn nỉ với gốc cây  
Lận đận từng trên cõi vường bạc,  
Ôi ! cái đẹp nghìn thu, huống gì ai thắc mắc ;  
Lặng yên nàng đếm giọt sương gieo,  
Cùng với sương thu lệ nhò theo...  
Nương bóng nguyệt rẽ lau tìm tới  
Tới tận nàng, cầm tay tôi hỏi  
— Lệ hỡi lệ, vì ai tôi sụt sùi,  
Vân hỡi Vân vì ai Vân ngậm ngùi,  
Nếu phải vì ta mà thôn thức  
Ta sẽ vì Vân lau hạt ngọc,  
— Ô hay ! sao buộc lấy mình,  
Em buồn há chỉ vì anh,  
Này anh hỡi, kề tai em gạn hỏi :  
Hồ lệ đây, vì sương thu đỏ » (1)

Từ đấy phong trào bùng nổ : Hai phái thơ cũ, thơ mới  
gây chiến sôi nổi kéo dài mấy năm trường nào bằng bút chiến,  
nào bằng khẩu chiến.

### XI.— Lý do thứ mười một : Sự xuất hiện một thể hệ mới.

Như vậy các bạn thấy các biến cố văn học trên đây là  
những hồi chuông cáo tri bế mạc một thể hệ và tuyên cáo khai  
mạc một thể hệ mới. Hay nói cách khác, nó là một đạo chỉ dụ »  
tuyên bố cho về hưu một « nội các già » và công bố danh sách  
«một nội các mới» theo kiều nội các của vua Bảo.Đại

---

(1) Bốn bài thơ trên đây đều đi kèm theo lá thư Lưu Trọng Lư gửi cho Phan Khôi đăng ở Phong Hóa số 31, 24-1-1933

Quả thế, cho dù có tài đến đâu, có huân nghiệp đến thế nào, các ông Phạm-Quỳnh, Đông-Hồ, Hoàng-ngọc-Phách, Tương-Phố, Tân-Đà, Nguyễn-trọng-Thuật, Nguyễn-văn-Vinh... cũng là những ông thượng thư lỗi thời trong cái nước Tân Cộng-Hòa Văn-Học mà phái trẻ vừa thành lập. Bởi vậy, những tay đàn anh đã từng làm ra luật, ngự trị một cách oai hùng trong thế hệ trước (1913-1932), theo nhau mà rút lui, vào hậu trường: Nguyễn.bá.Học, Phan-kế.Bình, Phạm.duy.Tốn, đều đã thành người thiên cõi trước năm 1925. Đến những tay cự phách như Nguyễn-trọng-Thuật, Nguyễn.văn-Vinh, Trần.tuấn.Khai, Hoàng-ngọc-Phách, Nguyễn.hữu.Tiến, nhất là Phạm.Quỳnh tuy còn sống quàng sang thế hệ 32—45, nhưng hầu như thôi hoạt động, hay mất ảnh hưởng, thế giá, trước sức đi lên của một lớp nhà văn mới. Bước vào « chánh trường văn học », bọn này nắm ngay được ưu thế, được quốc dân hoan hô nhiệt liệt. Họ có đủ mọi điều kiện để thắng thế và thiết lập uy-lực : Trên, họ dựa vào thế nhà nước, nhất là dựa vào thế vị vua trẻ mà người dân Việt-Nam hãy còn yêu mến một phần nào, bởi vì vua Bảo-Đại như ta thấy, tỏ ra rất ham cải cách, bỏ các thói tục cõi hủ như tục lạy lục. Lần đầu tiên, một nhà vua Việt-Nam đã dám du tuân khắp nước một cách bình dị như vua Bảo-Đại. Cũng lần đầu tiên, một vua Việt-Nam lấy có một vợ mà người vợ ấy vừa là con gái bình dân, vừa là người Công-giáo, một tôn giáo dẫu sao vẫn chưa được triều đình, nhất là hoàng tộc ưa thích. Vua Bảo-Đại đã hành động theo sở thích chứ không hành động theo lối giáo, hay tập tục cũ, dưới sự thúc bách của Hoàng-tộc.

Đi trước cả Khải.Hưng, Nhất.Linh trong Hòn Bướm Mơ-Tiên, Nửa Chừng Xuân, Đoạn Tuyệt, Bảo-Đại đã tranh đấu thành công cho việc tự do kết hôn, cho chế độ độc thân, mà nhất là trong việc đánh thẳng vào chế độ đại gia đình. Bảo-Đại đã chủ

**trường tự do cá nhân trước cả Tự-Lực Văn-Đoàn.**

Ngoài những điều kiện chánh trị, các nhà văn thế-hệ 32 còn mới một cách hầu như cưỡng bách ở chỗ nếu họ không phải là cánh du học từ bên Pháp trở về như vua Bảo-Đại, như Nhất-Linh, thì cũng là người đã xuất thân từ những trường Pháp — Việt mở ra ở trong nước, hay từ trường Đại-học Hà-Nội thành lập đã có trên dưới mười năm rồi. Món ăn tinh thần của lớp nhà văn này là sách vở Pháp ra đời sau kỳ đại chiến thứ nhất. Thế chiến thứ nhất kết liễu đã đầy một khúc quặt quan hệ cho lịch sử tư tưởng và nghệ thuật của Pháp: tâm lý chung của các nhà văn hậu chiến thứ nhất là lòng hoài nghi mọi giá trị cổ truyền, mọi nền nếp xã hội, mọi chế độ chính trị; ý hướng của họ là muốn đặt lại mọi văn đề, là làm lại con người đã muôn sống như con vật. Cái ý hướng khôi phục lại con người ấy của các nhà văn Pháp, ta gặp thấy tiêng vang ở Thiếu Sơn, tác giả Đời sống tinh thần. Mở đầu cho cuốn sách của ông, Thiếu-Son viết: « Người mà tôi thương tiếc hơn hết là ông Gaston Rageot. Chẳng phải ông là ngôisao Bắc đầu ở trên văn đàn Pháp quốc, nhưng vì ông là một danh sĩ hiện đại mà tôi đã hiểu biết và kính yêu. Trước đây tôi đã được đọc một câu văn như sau này :

« Chúng ta đã hết sống theo người, chúng ta phải trở lại với cái cốt cách nhân loại (Nous avons cessé de vivre humainement. Il faut retourner à la condition humaine). Tôi dịch chưa hết nghĩa. Tôi phải giải nghĩa thêm: Thế nào là hết biết sống theo người ?

« Bởi hoàn cảnh và thời đại đã làm tan nát cái linh hồn cõi hữu của chúng ta.

« Cái linh hồn đó nguyên nó phong phú, nó linh-động, nhưng nó đã bị đầu độc bởi những tư tưởng về chính trị, bị mê muội bởi các tò chỨc của xã hội mà thành ra tầm thường, phúc tạp, cắn cỗi, nghèo nàn » (1).

(1) Thiếu-Son *Đời sống tinh thần* trang 5, 6.

Cũng như trong các nước chính trị quân chủ, vua Bảo-Đại quả quyết canh tân thế nào, thì ở trong cái nước Cộng-Hòa Văn học, chương trình của các cấp lãnh đạo là theo mói hoàn toàn như vậy.

Cái thứ tôn giáo chiết-trung—ý chí điều hòa Đông-phương và Tây-phương — mà thế hệ 1913 đã từng ôm ấp một cách say sưa, ngày nay đột nhiên bị đả phá và mất hết « thiện nam tín nữ ». Chương trình của thế hệ mới là phá vỡ tất cả đề làm lại tất cả từ đầu : nó gây nên giữa xã hội Việt-Nam những rung chuyền sâu xa trầm trọng, mở đường cho sự thành hình những thứ tâm lý mới, những nếp sống mới, những đường lối suy tư mới, cảm xúc mới, lối viết mới...

Những tay chỉ đạo của phong-trào mới hầu hết là những tay tân học, xuất thân ở các trường Pháp và du học ngoại quốc về. Họ bắt đầu hoạt động từ một vài năm trước và có tác phẩm xuất bản từ năm 32.

Sự va chạm với Tây phương đã làm thay hẳn những sở thích và tâm tình họ. Hầu hết họ đều không còn chút lòng kính trọng nào đối với nền cựu học mà thường họ ít hiểu biết. Cái đặc điểm của thế hệ 1913 là nó gồm hầu toàn các nhà học giả, các nhà tư tưởng, những người chuyên chú về lý thuyết : hoạt động của họ vì thế thường là công việc dịch thuật hay khảo luận. Họ tự nhận là «Những người thơ» muốn gop công, gop sức vào công việc xây dựng cơ sở cho chữ quốc ngữ mà họ nhận thấy còn nghèo túng cần phải làm cho mỗi ngày một phong phú thêm.

Thế hệ mới, ngược lại, gồm toàn những người muốn tự xưng là «nghệ sĩ» mà lý tưởng là sáng tạo ra những sự nghiệp có bản sắc và hùng mạnh. Bản tuyên ngôn của Tự Lực Văn-Đoàn đã đặc biệt chú ý đến điểm này.

„) Cái họ thắc mắc từ đây là «nghệ thuật», là cái «đẹp». Họ không còn quan tâm lắm đến đạo đức luân lý như thế hệ trước. Thuyết «nghệ thuật vì nghệ thuật» hầu được toàn thể văn nghệ sĩ ủng hộ. Họ đòi cho nghệ sĩ sự tự do hoàn toàn, nhất là trong việc cởi mở tâm hồn đến chỗ trần truồng. Tất cả họ đều gấp nhau ở chỗ này : đánh dấu cuộc đời bằng một nếp sống lệch lạc, bừa bãi, yếu đuối. Họ muốn chính sự lệch lạc, bừa bãi, yếu đuối ấy sẽ phá tan những điều mà họ dự tính, sẽ đánh lừa những cái họ mong đợi và trùm lên số mệnh của họ vết tích của sự dở dang, sự thất bại. Đàn bà, từ đây, là món sở thích thường ngày và yêu mến của văn nghệ sĩ. Họ tin tưởng có thể có sự điều hòa trong chính những cái tương phản đối lập nhau hoàn toàn : một bên là những bùn đơ nhớp của cuộc sống mà nghệ sĩ đang sống, bên kia là vàng thập của cuộc đời đã được thi vị hóa. Nghệ sĩ, bởi vậy, tin tưởng rằng tác phẩm văn chương phải là kết tinh do chính những mâu thuẫn bi đát thảm hại ấy, nghĩa là do những bước tiến, bước thoái cũng như do những cố gắng của con người vươn tới nhân đức hay trườn xuống trụy lạc. Họ luôn luôn muốn «dẩy loạn», muốn «rupture» mọi ước lệ để đòi tự do phóng đãng hoàn toàn và hưởng thụ tất cả với một sức cuồng nhiệt vượt bực.

Sức hoạt động chính vừa có tính cách bao la vừa có tính cách sâu rộng của văn nghệ sĩ thế hệ mới là một hoạt động thiên về tâm lý mà mục đích là để giải phóng cho tinh thần : khuyến khích văn nghệ sĩ tìm ra những nhân giới mới, thôi thúc họ đem đặt những giá trị nghệ thuật lên trên đỉnh chót mọi hoạt động của con người.

Trước kia, văn gia thường là những nhà bác học, những tay bách khoa, muốn làm hết mọi công việc. Chẳng hạn như

Phạm - Quỳnh, ta thấy ông vừa là nhà báo, vừa là nhà dịch giả, vừa là nhà khảo luận, vừa là sử gia, vừa là triết gia, vừa là nhà phê bình, vừa là nhà tự diễn...

Nhưng từ nay, văn nghệ sĩ có khuynh hướng đi đến chuyên môn và họp thành trường, thành phái mà lý tưởng và chương trình khác biệt nhau hay đối lập nhau.

Đáng khác, những thè văn như báo, dịch, biên khảo v.v... trước kia giữ một vai trò cực kỳ quan trọng, hầu choán tất cả mọi hoạt động văn học, từ nay rơi xuống hàng dưới.

Ngược lại, những thè văn mới như *phê bình, kịch nghệ, tiểu thuyết, thơ ca*, sẽ giữ một địa vị cực kỳ quan trọng.

Chúng ta chọn năm 32, để làm điểm khởi cho thế hệ mới mà chúng ta muốn nó sẽ bế mạc vào khoảng tháng 8 năm 45, bởi năm 32 và năm 45, là hai «lúc lịch sử» vô cùng quyết liệt ? Năm 32 xoay chiều cho một luồng xúc cảm và suy tư rồi đây sẽ kéo dài cho đến ngày Đảo chánh vào tháng 8 dương lịch năm 45. Thực vậy, dầu sau này, Việt Minh vì theo chủ nghĩa cộng sản đã làm lòng người ly tán, nhưng lúc buồi đầu, họ đã gây được hồn một phong trào mạnh mẽ, hay nói cách khác, cuộc Đảo chánh vào mùa thu năm 45 đã xoay chiều hồn lịch sử Việt-Nam, công nhiên trả lại cho quốc dân quyền tự do mà thực dân Pháp đã chà đạp lên trong ngót 80 năm. Chính phủ Trần-trọng-Kim đã nhờ vào thế lực của Nhật, đã được ách thống trị của Pháp để tuyên bố độc lập, nhưng nền độc lập của chính thè Trần-trọng-Kim không được ai đề ý, thậm chí có người không biết đến. Phần vì chiến tranh còn đang kéo dài, phần vì sức uy hiếp của quân Nhật quá mạnh, phần vì nạn đói hành hành làm chết mấy triệu người. Chứ **ngay mà** Chánh phủ lâm thời ra mắt quốc dân ở Hà-Nội,

công nhiên xé hiệp ước đã ký với Pháp và hạ bệ chế độ quân chủ thì không ai là không nức tham dự. Toàn là những biến cố trọng đại chưa từng có trong lịch sử Việt-Nam. Chính bởi thế chúng ta chọn năm 45 là năm bế mạc cho thế hệ mà chúng ta khảo sát năm nay bởi vì hình thức và nội dung văn học từ sau 1945 đã biến đổi hẳn. Thế hệ 32-45 là một thế hệ văn học phồn thịnh và phong phú nhất trong suốt cả hai ngàn năm lịch sử.

Sau tất cả những phân tích trên đây, chúng ta có thể đi tới những nhận định cụ thể sau đây :

## A.— CÁC HIỆN TƯỢNG VĂN HỌC VỪA BẾ MẠC

Điều nhận định thứ nhất là ta trông thấy rõ một bức màn vừa buông xuống, một thế hệ vừa rút lui, nhiều hiện tượng văn học vừa bế mạc.

### a)— Đường lối suy tư.

Trước hết, về mặt tư tưởng, tức đường lối suy tư, ta thấy chấm dứt cái chủ trương từng được đặt lên hàng đầu cho tất cả mọi hoạt động chẳng kỵ là chính trị, văn hóa, hay nghệ thuật : đó là chủ trương hòa hoãn, thỏa hiệp, điều hòa. Cái chủ trương Pháp—Việt đè huề trong chính trị không còn nữa. Cái chủ trương văn hóa muốn tham bác cả Đông lẫn Tây bị đả kích. Cái lý tưởng bắt nghệ thuật phục vụ cho luân lý đạo đức bị đả phá.

### b)— Về mặt tâm tình :

Cái thái độ nhu nhược, nước đôi, nửa chừng bị coi là hủ hóa, lối thời.

### c) — Về chữ viết :

Các văn thể như phiên dịch, biên khảo nếu không biến mất, thì cũng bị gạt xuống hàng hai.

— Câu văn biến ngẫu, nhịp nhàng, dài lướt thượt từng đợt bốn, năm chữ biết mất.

## B.— CÁC HIỆN TƯỢNG VĂN HỌC MỚI KHAI MẠC.

Đồng thời với sự mất đi một số hiện tượng văn học, thì lại xuất hiện ào ạt không biết bao nhiêu hiện tượng mới.

### a) — Lối suy nghĩ

Thể hệ mới, phần nhiều trẻ, tây học hoàn toàn đã có lối suy nghĩ mới hẳn, nghĩ theo tây phương. Những từ ngữ như « *đoạn tuyệt* », « *thoát ly* »... không phải chỉ là đề tài của một vài bộ tiểu thuyết mà còn là *chủ trương đường lối* của thể hệ mới. Thể hệ trẻ đòi *đoạn tuyệt* với Đông-Phương, quyết *thoát ly khỏi nho giáo*, cương quyết giải phóng nghệ thuật khỏi luân lý đạo đức.

### b) — Lối cảm xúc :

Từ lối suy nghĩ với lập trường dứt khoát, con người cũng có lối cảm xúc bộc lộ : cái lối cảm xúc nặng tình cá nhân mạnh nha từ thời trước, nhưng còn bị gò bó dồn ép, đến thời kỳ này, được tràn lan như nước vỡ bờ. Tất cả những gì kín đáo nhất của lòng người được phơi bày ra cho hết.

### c) — Nghệ thuật :

Đề phản ứng lại cái sinh làm thơ, viết văn văn của mấy trăm năm văn học, học giả thế hệ trước có thái độ miệt thị văn văn và đề cao quá mức văn xuôi.

Đối với thế hệ trẻ, văn xuôi, văn văn không thành văn đề. Văn đề thực đáng chú ý là nghệ thuật. Với nhà nghệ sĩ có tài, văn văn hay xuôi không bao giờ làm ngăn cản công trình sáng tác. Và đối với hạng vô tài, thì dù có viết văn xuôi đi nữa, cũng chẳng bao giờ làm nên được cái gì đáng giá. Đây là mấy điểm đáng chú ý của thời đại mới.

— Các văn thể như *thơ*, *kịch*, *tiểu thuyết*, *phóng sự*, *tùy bút*... tức là các loại sáng tác đi vào con đường cực thịnh...

— Các nhà văn họ thành môn phái có lập trường và chương trình riêng.

— Lời văn uyên chuyền muôn mặt, có văn văn, có văn xuôi; văn có câu dài như văn của Thái-Phi, có câu ngắn cùt ngắn như văn của Hoàng-Tích-Chu. Nhưng dù dài hay ngắn, câu văn bao giờ cũng sáng sủa, và không bao giờ đặt theo lối biến ngẫu như văn của Tân-Đà, Tương-Phố, hay Hoàng-ngọc-Phách ở thời trước.

Sau khi trình bày các lý do khiến tôi chọn năm 32 làm năm khởi đầu cho một thế hệ mới, tôi sẽ đi vào thế hệ này để ghi nhận một vài nét chính trước khi đi vào chi tiết trong việc khảo sát các sinh hoạt văn học.

Là một cuộc sống như mọi cuộc sống, sinh hoạt văn học thế hệ 32-45 cũng có một diễn trình biến hóa.

Vậy mươi ba năm văn học, chúng ta đã nói là nó tham dự vào một gia tài chung, nghĩa là nó có những lối suy nghĩ, cảm xúc và viết văn chung. Tuy nhiên, không phải vì vậy mà



nhiệt độ bắt buộc lúc nào cũng như lúc nào.

Mà thực dien hình nhiệt độ của thế hệ này có thể chia làm ba giai đoạn : giai đoạn thứ nhất kè từ 32 đến 37, là thời kỳ mở chiến dịch ; giai đoạn hai từ 37 đến 42, là thời kỳ đồng phản công ; giai đoạn thứ ba kè từ 42 đến 45 là thời kỳ càn quét.

Ở giai đoạn thứ nhất năm 32-37, sự tranh đấu, dầu có hăng hái, nhưng tương đối hãy còn do dự, cầm chừng, và chỉ mới dàn trận trên một số bình diện, như thi ca mà nhất là tiểu thuyết. Mục tiêu của các chiến dịch đặt trọng tâm vào chế độ đại gia đình : người ta muốn đập vỡ chế độ đại gia đình để giải thoát cho cá nhân.

Giai đoạn hai từ năm 37 đến 42, là thời kỳ quyết liệt, chiến tranh có tính cách toàn diện : người ta muốn đánh thẳng vào chế độ cũ, muốn tận việt Nho giáo và qui cho nền văn minh Á đông thoái trào tất cả tội ác của xã hội, tất cả xấu xa đang dâng lên làm ngập lụt, chìm đắm con người. Khi giới đế phản công vẫn là thi ca, tiểu thuyết, phóng sự mà nhất là phê bình.

Sang đến giai đoạn thứ ba, từ năm 1942 đến năm 1945 là thời kỳ càn quét đe tiêu diệt những tàn tích bị coi là phản động còn rót lại. Phóng sự, tiểu thuyết còn được dùng nhưng nghị luận có tính cách tranh đấu là hình thức mới được sử dụng rất nhiều.

Nếu đặt ba giai đoạn trên đây vào hoàn cảnh lịch sử của chúng ta, thì ta thấy giai đoạn đầu (32-37) có thể coi như là phản ứng của lớp người trẻ trước những biến cố xảy ra chung quanh các năm 32 mà ta đã nói ở trên. Giai đoạn hai từ 37-42

là do ảnh hưởng phần nào của *Mặt trận bình dân* vừa mới lèo  
cầm quyền ở Pháp từ năm 1936. Vấn đề ý thức xã hội bắt đầu  
giày vò nhiều tâm hồn. Thời kỳ này cũng là thời kỳ chuẩn bị đại  
chiến và tiếp đến chịu đựng những hậu quả của đại chiến thứ hai.

Giai đoạn thứ ba (42-45) là thời kỳ hậu chiến đối với  
các dân tộc Tây phương mà ngược lại đối với ta nó là thời kỳ  
chiến tranh thực sự : Pháp, Nhật, Mỹ, Trung Hoa... cùng tranh  
kiếm nhau, giày xéo lên đất nước ta : kết cục đưa đến nạn đói  
chết hơn hai triệu người dân năm 1945.

Nói tóm lại, sau đây là các mục tiêu tranh đấu của thế  
kỷ mới :

— Chống đổi chế độ cũ ; Hỗn hào theo chế độ mới, theo  
mới một cách dứt khoát, triệt để, không kiêng nè, e dè, thương  
tiếc.

*Tiêu biểu đại diện cho chế độ cũ :*

— Là những cường hắc gian ác như các ông nghị :

Nghị Hách trong Giông-Tổ

Nghị Quốc      «      Tất đèn

Nghị Lại      «      Bước đường cùng

Nghị Bá      «      Những ngày vui

— Là những quan lại chỉ nghĩ đến làm giàu như huyệ<sup>n</sup>  
Viết trong Gia đình.

— Là những bà mẹ chủ trương môn đăng hộ đối như  
Bà Án trong Nửa chừng xuân.

- Là những người đầu óc nặng về bằng cấp như bà Tuần trong *Gia đình*.
- Là những người đàn bà quái ác xui bầy bọn dâu, rè, trai gái, như bà Ba trong *Thùa tự*.
- Là những bà Mẹ làm khồ con gái như bà Hai, hay làm khồ con dâu như bà Phán trong *Đoạn tuyệt*.
- Là những người làm khồ con chồng như bà Phán trong *Thoát ly*.

— Là những người quyền thế tàn nhẫn, độc ác làm cho Thị Mịch phải điêu đứng (*Giông tố*), làm cho vợ chồng anh Dậu giờ sống giờ chết (*Tắt đèn*), làm cho vợ chồng anh Pha điên cuồng (*Bước đường cùng*).

*Là hình ảnh lý tưởng cho chế độ mới, họ chủ trương :*

- Đẹp đẽ chế độ đại gia đình để giải phóng cho con cái khỏi quyền áp bức cha mẹ, chú bác, phụ nữ khỏi quyền đàn áp của nam giới.
- Đánh vào nền giáo dục gò bó, già hình, dồn ép của Đông-phương.
- Tố cáo những tệ đoan xã hội : như nạn mãi dâm, thất nghiệp.
- Vạch trần những hủ tục phản tiến hóa,

Đó là những nhận định tòng lược toàn diện sinh hoạt văn học thế hệ 32-45.

Sau khi phác vẽ sơ lược bộ mặt văn-học Việt-Nam vào lúc nó vừa khai mạc năm 1932, chúng ta sẽ đi vào khảo sát văn học thế hệ 1932. Ta sẽ chia Văn học Thế hệ 1932 ra làm bốn phần :

- Phần thứ nhất : Lịch sử phê bình văn học Việt-Nam thế hệ 1932
- Phần thứ hai : Lịch sử tiêu thuyết Việt-Nam thế hệ 1932
- Phần thứ ba : Lịch sử thi ca Việt-Nam thế hệ 1932
- Phần thứ bốn : Lịch sử sân khấu Việt-Nam thế hệ 1932

Riêng niên khóa 1966-1967, ta sẽ chỉ làm xong được phần thứ nhất : Lịch sử phê bình Văn học Việt-Nam thế kỷ 1932.



## CHƯƠNG II

# NÓI CHUNG VỀ PHÊ BÌNH VĂN HỌC

### I.— MỘT VÀI GHI NHẬN VỀ TỪ NGỮ.

Trước khi đề cập đến các lý thuyết và kỹ thuật phê bình văn học, chúng ta nên duyệt qua một ít từ ngữ rất thông dụng đối với nhà phê bình.

#### 1.— Từ ngữ « Nghệ thuật ».

Thật là khó mà định nghĩa được « nghệ thuật » là gì.

— Việt Nam Tân Tự Điển của Thanh Nghị định nghĩa : Nghệ thuật là « toàn thể những phương cách đưa ra để khêu gợi những cảm giác, những ý niệm về cái đẹp » (Việt-Nam Tân Tự Điển in năm 1952),

— Việt Nam Tân Tự Điển Minh Hoa Cung của Thanh Nghị bản in năm 1964, đã định nghĩa : nghệ thuật là « cách thức làm một việc gì theo qui tắc và khêu gợi được cảm giác, ý niệm về cái đẹp ».

— Larousse l'universel, in năm 1949, định nghĩa :

« Application de connaissances raisonnées et de moyens spéciaux à la réalisation d'une conception » hay còn định nghĩa khác là « Ensemble de moyens que l'homme emploie pour exciter

**des sensations, des sentiments, en particulier le sentiment du beau ».**

— Vocabulaire technique et critique de la philosophie của André Lalande định nghĩa :

« L'Art ou les Arts désignent toute production de la beauté par les œuvres d'un être conscient ».

Dù có khác nhau trong cách nói, các câu định nghĩa trên đây đều hiểu nghệ thuật là một nỗ lực của con người dùng tài năng khôn khéo của mình để làm ra cái đẹp, với mục đích khêu gợi những tình cảm say mê. Nhưng cái đẹp có thể được làm ra bằng nhiều cách :

— Nếu cái đẹp được làm ra bằng những âm thanh hòa hiệp nhau thì ta gọi là NHẠC.

— Nếu cái đẹp được trình bày bằng cử động, diệu bộ thì ta gọi là VŨ.

— Nếu cái đẹp được thực hiện bằng việc thu ảnh và phát ảnh thì ta gọi là Phim Ảnh,

— Nếu cái đẹp được thực hiện bằng sự chạm trổ, đúc đẽo, gọt giũa thì ta gọi là ĐIỀU KHẮC.

— Nếu cái đẹp được thực hiện bằng màu sắc thì ta gọi là Hội Họa.

— Nếu cái đẹp được thực hiện bằng chữ viết thì ta gọi là VĂN CHƯƠNG.

## 2.— Từ ngữ « Văn Chương ».

— Larousse Universel đưa ra nhiều câu định nghĩa về

chữ Littérature mà ta dịch là Văn chương : «Toutes les œuvres qui utilisent le langage comme unique moyen d'expression de la pensée et des sentiments»—«Ne méritent d'être rattachées à la littérature que celles des productions du langage qui, en dehors du sujet traité, se proposent une fin d'ordre esthétique, en un mot, la littérature est un art du langage».

— Valery (Variété V p.81) định nghĩa : «La littérature se propose d'abord comme une voie de développement de nos puissances d'invention et d'excitation, dans la plus grande liberté, puisqu'elle a pour substance et pour agent la parole, déliée de tout son poids d'utilité immédiate.

— Charles du Bos (Qu'est ce la littérature ? IV, p.88-89) Định nghĩa : «La littérature est la vie prenant conscience d'elle-même lorsque dans l'âme d'un homme de génie elle rejoint sa plénitude d'expression... la littérature est le lieu de rencontre de deux âmes... la littérature est la pensée accédant à la beauté dans la lumière».

— Thanh Nghị Định nghĩa Văn chương là «Diễn tả bằng câu thành bài ghi lại sự việc đã xảy ra hoặc do trí tưởng tượng ».

Theo những định nghĩa như trên đây, ta thấy chữ littérature mà ta dịch là Văn chương được hiểu như là một nỗ lực sáng suốt của trí óc loài người nhằm thực hiện cái đẹp thuần túy vô vị lợi bằng chữ viết, hay lời nói

### 3.— Từ ngữ Văn Học.

— Chính ra từ ngữ VĂN-HỌC là một danh từ kép gồm có hai tiếng : Học (tức Khoa Học) và Văn (tức Văn Chương).

Vậy Văn học là Khoa học nghiên cứu Văn chương.

— Tân tự điển minh họa của Thanh Nghị định nghĩa : «Văn học là môn học nghiên cứu văn chương, thi phú».

— Hai ông Nguyễn Hưng Phấn, tác giả «Tìm nghĩa Văn học», (Tân Việt xuất bản, 1944) và Đặng thái Mai, tác giả «Văn học khái luận» (Hàn Thuỷ xuất bản, 1944), đã duyệt qua tất cả các ý nghĩa đã được gán cho chữ văn học từ Đông qua Tây qua tất cả các thời đại.

— Theo nghĩa thông thường, chữ Văn học ngày nay đã được dùng lẫn lộn với chữ Văn chương. Nhưng xét cho kỹ ra, chữ Văn học hình như mang một nội dung rộng hơn, còn chữ Văn Chương mang một nội dung hẹp hơn.

Nội dung danh từ Văn học bao gồm tất cả mọi công trình suy tư được thực hiện bằng chữ viết, bởi vậy, Văn học bao gồm cả lịch sử, triết học, khảo luận, phê bình tiểu thuyết, thi ca, kịch nghệ...

Nội dung danh từ Văn Chương hình như chỉ bao gồm những công trình có tính cách thuần túy nghệ thuật, nghĩa là lấy việc diễn đạt cái đẹp thuần túy làm mục tiêu trực tiếp: như vậy chữ Văn chương thường chỉ những tác phẩm phê bình, tiểu thuyết, thi ca, kịch nghệ...

#### 4.— Phê bình Văn học

— Phê bình là một sự suy nghĩ, một sự mò xè, một sự nhận định, một sự đánh giá về một vấn đề gì.

— Phê bình văn học là một sự suy nghĩ, một sự mò xè, một sự nhận định, một sự đánh giá về vấn đề văn học. Mà chữ

văn học ở nơi đây, tức là trong phê bình văn học, thường được hiểu theo nghĩa rất rộng, nghĩa là chẳng những nó đi tìm khảo sát các tác phẩm thuần túy nghệ thuật như tiểu thuyết, thi ca, kịch nghệ mà cả những tác phẩm lịch sử, triết học, khảo luận cho tới tất cả những tác phẩm bày tỏ sự suy tư của con người trước bất cứ vấn đề gì có liên quan đến tinh cảm đẹp của con người.

— Phê bình văn học lại có thể hiểu theo nghĩa hẹp nghĩa là công việc nghiên cứu, mò xé, tìm hiểu, đánh giá những sách vở đã xuất bản.

— Trong tập nghiên cứu văn học này, chúng ta dùng chữ phê bình văn học theo cả hai nghĩa rộng và hẹp.

## 5— Lịch sử văn học.

Trong tiếng Việt, thực ra chưa có xác định sự khác biệt ở giữa hai danh từ « Lịch sử văn học » và « văn học sử ». Nhưng trong tiếng Pháp, hai tiếng *Histoire littéraire* và *Hissoire de la littérature* khác nhau xa lắm.

*Histoire littéraire*, ( mà tôi tạm dịch là *lịch sử văn học* ) chỉ công việc ghi chép lịch sử tất cả những sản phẩm được ghi chép bằng chữ viết của một dân tộc.

Còn *Histoire de la Littérature* ( mà người ta quen dịch là *văn học sử* ) là công việc ghi chép lịch sử những công trình nghệ thuật thực sự có một giá trị lâu bền về mặt tư tưởng, hay về mặt hình thức.

## 6— Văn học sử

Theo thói quen tôi cũng không có ý phân biệt hai từ ngữ nói trên: Cho nên lịch sử văn học hay Văn học sử là một

khoa học ghi chép sinh hoạt văn học của một dân tộc ở một thời kỳ nào đó hay đọc cả lịch sử của dân tộc ấy.

### 7.— Sự khác biệt giữa phê bình văn học và văn học sử.

— Phê bình văn học thường làm công việc lè tè, nghiên cứu một tác phẩm, một sự nghiệp, hay cùng lắm là một nhà văn, hoặc thuộc về di vãng, hoặc thuộc về hiện tại. Thường thường nó thiên về mồ xè, nhận định, đánh giá nhiều hơn.

— Văn học sử, vì có ý nghĩa sử, cho nên tự bản chất của nó phải hiểu về việc đã qua, về những sinh hoạt văn nghệ đã qua và những mối tương quan giữa các sinh hoạt văn nghệ ấy.

## II. — CÁC TRƯỜNG PHÁI PHÊ BÌNH.

Sau khi đã trình bày ý nghĩa mấy từ ngữ quen dùng, nhất là nói sơ lược về chữ phê bình văn học theo ý nghĩa thông thường, nay ta đi vào lý thuyết phê bình văn học, hay nói cách khác, đi vào việc mô tả công việc của nhà phê bình văn học phải làm, nên làm, được làm hay không được làm, không nên làm. Vấn đề thực là vô cùng tinh tế, khó khăn. Chẳng mấy ai đồng ý với nhau về công việc và tác phong của nhà phê bình văn học cần có. Chính vì vậy ta thấy xuất hiện rất nhiều trường phái. Sau đây ta kè sơ qua một ít trường phái phê bình đã trải qua các thế kỷ văn học trên thế giới : đại khái có trường phê bình văn học cõi diền, trường phê bình văn học lăng mạn, trường phê bình văn học khách quan, trường phê bình văn học ẩn tượng, trường phê bình văn học tâm phân học, trường phê bình văn học hiện sinh, trường phê bình văn học mác-xít, trường phê bình văn học bác học v.v...

### **1.— Trường phê bình cổ điển :**

Trường cổ điển dựa vào quan niệm nghệ thuật của các triết gia Hi-lạp và Rô-Ma. Người La-Hi tin có một cái đẹp tuyệt đối, cái đẹp lý tưởng. Cái đẹp tuyệt đối lý tưởng ấy phải là cái gì có thực, hợp với trí khôn con người, cân xứng, hòa hợp, có trật tự, thanh cao, trang nhã. Vậy nghệ thuật là gì nếu không phải là một nỗ lực đi tới gần cái đẹp tuyệt đối ấy, bắt chước, mô phỏng cái đẹp lý tưởng ấy, nghĩa là thực hiện một công trình có tính cách chân thực, chứ không giả dối; hợp với trí khôn con người chứ không phi lý quái dị; cân xứng chứ không méo mó; hòa hợp chứ không rời rạc; trật tự chứ không rối loạn; thanh tao trang nhã chứ không tục tằn xấu xa.

Tác phẩm nghệ thuật có giá trị là một tác phẩm thỏa mãn được đến mức tối đa các đòi hỏi trên đây.

### **2.— Trường phê bình lãng mạn.**

Chống lại trường cổ điển là trường lãng mạn. Nếu phải trên độc tôn lý-trí, thì phải dưới độc tôn tình cảm. Nếu phải trên chỉ công nhận cái gì có tính cách tồng quát, vĩnh cửu, trường tồn, thì phải dưới cho rằng ở đời này chỉ có những cá thể, những cái đặc thù, nhất thời. Đẹp là cái gì thỏa mãn tình cảm con người, nó đứng riêng biệt không giống những cái khác. Cái đẹp đối với trường lãng mạn, bởi vậy, phải là cái gì gây được cảm xúc mãnh liệt, lâ lung, chơi vơi, mông lung, là lướt.

### **3.— Trường phê bình khách quan :**

Ra đời sau, trường khách quan chống đối cả trường cổ

diễn lắn trường lăng mạn. Chỗng trường cõ diễn vì họ không tin có cái đẹp tuyệt đối, cái đẹp tiên thiêん, cái đẹp chỉ có trong lý trí. Phản đối trường lăng mạn, họ công kích bọn này là mù mờ thiếu óc khoa học.

Phái này chủ trương nhà phê bình phải là nhà khoa-học chú trọng đến cắt nghĩa hơn là đánh giá. Mục đích của sự cắt nghĩa, tức là phê bình, bởi vậy, là khám phá, phân tích, mô tả những liên hệ ràng buộc một sự nghiệp vào trong các điều kiện đã khai sinh ra sự nghiệp ấy. Nghĩa là coi sự nghiệp là một công trình tác tạo ra bởi con người sống ở trong một thời đại lịch sử, ở một hoàn cảnh xã hội, và mang những truyền thống tâm lý của dòng họ.

Phê bình như vậy là đi tìm hiểu dòng họ huyết thống của nhà văn, hoàn cảnh sinh sống của nghệ sĩ, thời đại hoạt động của con người.

Dòng họ hay chủng tộc là gồm tất cả những khả năng tâm lý tự nhiên và di truyền; hoàn cảnh là gồm tất cả những trường hợp, mà một dân tộc phải đương đầu và đối phó; thời đại là chính sức chi phối của dì vâng đối với hiện tại.

#### 4.— Trường phê bình ấn tượng :

Thực ra khó lòng mà xác định được chủ trương của phái ấn tượng. Chỉ biết rằng phái ấn tượng rất ghét những cái gì kiêu kỳ, hách dịch : họ không muốn chấp nhận một chủ thuyết nào vẫn có cả. Họ cũng rất ghét sự giả hình : đóng vai nhà khoa học để mà cắt nghĩa hay đánh giá thì còn gì là tình cảm nghệ thuật nữa.

Tuy muốn chống đối mọi chủ thuyết đã làm sẵn, phái

án tượng cũng có chủ thuyết. Họ chịu ảnh hưởng của những phát minh khoa học, nhất là những phát minh của khoa học về ánh sáng, về màu sắc, hồi đầu thế kỷ. Cũng như ở trong địa hạt khoa học, mỗi kích thích, nhất là những kích thích gây nên do ánh sáng, do màu sắc, đều để lại trong ta một ấn tượng mà nhà khoa học có thể đo lường được cường độ.

Cũng vậy, sự va chạm giữa độc giả và tác phẩm, cũng để lại nơi độc giả một ấn tượng. Cái ấn tượng nơi độc giả thường thì nó mù mờ, còn nơi nhà phê bình thì nó phong phú. Đáng khác, nhà phê bình một khi có óc khoa học thì sẽ linh hoạt được cái ấn tượng ấy, mở rộng, phân tích nó và ghi nhận nó.

Phê bình đối với trường ấn tượng, bởi vậy, là ghi nhận những ấn tượng, tức những kích thích thầm mỹ mà tác phẩm bắt vào cảm giác, vào tình cảm, vào khứu thầm mỹ của nhà phê bình,

### 5.— Trường phê bình sáng tạo :

Phái này chủ trương mọi công trình trong lãnh vực văn phải là một công trình sáng tạo. Phê bình muốn không bị gọi là các công thức giáo điều thì cũng phải là một công trình sáng tạo. Nhà nghệ sĩ túc thi nhân, kịch giả, tiểu thuyết gia là nhà nghệ sĩ nghĩa là đã sáng tạo ra những hình ảnh, những động tác, những nhân vật ; còn nhà phê bình là nhà phê bình ở chỗ làm công việc sáng tạo trong địa hạt suy tư : cái mà nhà nghệ sĩ đã xây dựng trên thế giới tha nhân, thì nhà phê bình xây dựng lại bằng lý luận, bằng suy nghĩ. Tác phẩm, như vậy, chỉ là một cơ hội để nhà phê bình đặt ra nơi mình một lúc suy tư.

### 6.— Trường phê bình triết học :

Trường phê bình triết học thường đi vào con đường

triết học theo hai ngả đường :

a). Ngả đường bệnh lý và tâm phân học :

Theo các nhà bệnh lý học và tâm phân học, mỗi con người ta, nhất là nghệ sĩ, là những trường hợp đặc biệt của một con bệnh. Cuộc đời của con người chia ra làm ba loại sinh hoạt : hữu thức như hiện có trong ý thức của con người, nghĩa là con người tự coi như đang làm chủ, đang tích cực chủ trương, các sinh hoạt ấy chỉ chiếm một phần mười con người, mà thường cũng chỉ là con người già hình.

Những sinh hoạt vô-thức, tức là những sinh-hoạt hiện lúc này đương sự không làm chủ, không kiềm-soát nó nhưng nếu muốn dùng ký ức và luật liên tưởng thì có thể hồi sinh chúng lại được : đó là những sinh hoạt thuộc dĩ vãng. Phần vô thức này chỉ chiếm chừng độ ba phần mười sinh-hoạt con người, nghĩa là đã là con người hơn là con người ở phần hữu thức. Nhưng vẫn chưa phải con người đích thực. Cái sáu phần mười của con người đích thực thường nó dấu mình, chạy trốn, ẩn ở dưới bè sâu, và chỉ đôi lúc bất thần mới gián tiếp để lộ chân tướng. Nhà tâm phân học bệnh lý là đề đi tìm con người của phần tiềm thức đang chạy trốn ấy. Cũng thế, cái mà nhà văn nói công khai trong tác phẩm, không phải là tác phẩm và càng không phải nhà văn. Đó thì là phần giả dối. Nhà phê bình triết học là người áp dụng luật tâm phân và bệnh lý để đi tìm ra cái chứa bên ngoài, ở bên dưới, bên cạnh tác phẩm.

b.— Ngả đường thuyết hiện sinh :

Nhà triết gia hiện sinh nhìn con người như là một thân phận bi đát, thảm bại, phi lý, mâu thuẫn.

Nhà phê bình theo thuyết hiện sinh nhìn tác phẩm văn học như là một trường hợp, một trường hợp cụ thể mà trong đó con người đang giẫy giập trong cái nhầy nhụa của cuộc sống thảm bại, vô nghĩa. Nhà phê bình phải đi tìm đề khám phá và vạch cho con người nhận thấy quả thực thân phận con người là bi đát, là thảm bại, là phi lý, là vô nghĩa ngay giữa khi con người gân cò lèn mà gào thét cuộc đời là hợp lý, là tốt đẹp. Tại sao vậy ? Tại vì cái hợp lý, cái tốt đẹp, tưởng như có, khi thực ra chỉ có trong tưởng tượng, trên hữu thức nông cạn. Đi xuống bù sâu của vấn đề, nhà phê bình sẽ nhận ra tất cả chỉ là hàm hồ, vô nghĩa.

### 7.—Trường phê bình duy vật :

Phê bình duy vật chủ trương gần giống như trường khách quan. Có điều, *ba yếu tố* (chủng tộc, thời đại, hoàn cảnh) đối với trường khách quan chỉ là ba tiêu chuẩn, thì đối với nhà duy vật, chúng là ba yếu tố tất nhiên của vật chất sinh ra cái mà người ta gọi sai là tinh thần, tức tác phẩm. Nhà phê bình duy vật chỉ công nhận có vật chất và vật chất là tất cả, chỉ phôi và khai sinh ra tất cả. Tác phẩm hay nhà văn chỉ là một sản phẩm, tất yếu của vật chất kinh tế, vật chất địa lý, vật chất khí hậu, vật chất huyết thống, vật chất xã hội ... Nhà phê bình duy vật là người phải khám phá ra các yếu tố vật chất đã cấu tạo tất nhiên ra tác phẩm vậy.

### 8.—Trường phê bình bác học :

Trường phái này là trường phái chủ trương nhà phê bình phải là một nhà bác học uyên thâm : họ không máy móc chấp nhận hay đả phá một trường phái nào toàn bộ. Họ cố lựa lọc những phát minh hay ở tất cả các trường phái như là những

phương tiện hữu ích, những hướng dẫn đáng chú ý. Ngoài ra họ còn đòi nhà phê bình phải quán xuyến không những nền văn học nghệ thuật của nhà văn minh muôn phê bình mà còn phải theo dõi sát các trào lưu nghệ thuật của các nước lớn trên thế giới, nhất là những nước đã có thể ảnh hưởng được đến nhà văn.

### III.— KỸ THUẬT VÀ CÔNG TÁC PHÊ BÌNH VĂN HỌC

Sau khi đã phác họa sơ qua một ít trường phái phê bình chúng ta thử đi vào việc trình bày một ít công-tác thuộc về kỹ thuật nghệ thuật phê bình : các công-tác đó, có thể thuộc phạm vi một tác phẩm, một nhà văn, một thời đại, hay cả một nền văn học của một quốc gia.

oOo

#### PHÊ-BÌNH MỘT TÁC-PHẨM DĨ-VĂNG

Tác phẩm dĩ vãng là những tác phẩm mà tác giả chúng chết đã lâu và thường cũng là những tác phẩm cũng đã trải qua nhiều thử thách của thời gian.

Đối với một tác phẩm như vậy, ta có thể làm những việc sau đây :

##### A.— Nghiên cứu trạng thái bên ngoài của tác phẩm.

Một bản văn nhất là một bản văn cõi, thường ít khi còn giữ được y nguyên hình thức nguyên thủy. Đối với mỗi bản văn cõi, ta cần xét đến :

###### a) Những sai thù của bản văn :

Các sai thù có thể có do nhiều lý do :

- do tác giả quên sót,
- do nhà xuất bản đầu tiên in sai,
- do các lần xuất bản sau thêm lỗi,
- do sự trích lọc, rút bớt, thêm thắt.

**b) Cách lưu truyền bản văn :**

**1.— Thủ bản :**

Có những bản văn lưu truyền đến chúng ta dưới hình thức THỦ BẢN, nghĩa là bản chép tay, hay đánh máy, chưa có xuất bản trên thị trường.

Tìm ra được thủ bản một bản văn là điều hay, nhưng chưa chắc là bản văn đúng : nó có thể là thủ bản của tác giả, có thể là thủ bản chép lại thủ bản của tác giả, cũng có thể là thủ bản chép lại một bản đã in.

Vì thế nhà nghiên cứu văn học cần tra hỏi để thẩm định giá trị của thủ bản. Muốn làm công việc này, nhà nghiên cứu cần :

- Tìm gốc tích của thủ bản,
- Tìm dòng họ của nó,
- Tìm thời điểm của nó.
- Nếu có nhiều thủ bản thì phải xét xem bản nào ra trước bản nào ra sau, xác định mối tương quan giữa chúng, xếp chúng thành từng họ hàng.
- Kết luận về các thủ bản.

**2.— Bản in :**

Phản nhiều các bản văn đều đã đem in rồi. Trong

trường hợp này, tìm xem bản in nào đáng tin cậy, đáng dùng để nghiên cứu:

### Ba loại bản in :

— Bản in chính thức và các bản in do tác giả phụ-trách,

— Bản in thông thường,

— Bản in thầm bình.

Nếu tìm ra được bản in chính-thức hay các bản in do chính-tác-giả phụ-trách sửa chữa ẩn-loát thì khỏi phải đặt-vấn đề. Khi nào không gặp được sự may mắn đó thì phải nghiên-cứu để tìm một bản in thầm bình hay tự soạn ra một bản in thầm bình. Muốn soạn một bản in thầm bình, phải :

— Thu thập tất cả các bản in,

— So sánh tất cả các bản in với nhau,

— Xếp các bản in theo thứ tự thời gian :

● Căn-cứ vào năm để ở sách,

● Căn-cứ vào năm các báo đã đăng tải tin tức, liên-quan đến việc sách xuất-bản,

● Căn-cứ vào những điều ghi nhận trong các tập bút ký, di bút của các nhà văn.

— Nghiên cứu nội dung các bản in để xếp thành loại do những chỗ sai thù giống nhau.

— Chọn lấy một bản mà mình lấy làm hữu lý và thích đáng hơn (không tất nhiên là hay nhất, xuôi nhất, hoàn toàn

nhất, vì độc - giả có thè sửa chữa làm cho xuôi hơn  
nguyên văn).

— Xếp ở dưới cuối trang những chỗ khác biệt ở tất cả  
các bản in khác.

## B.— TÌM RA TÁC GIẢ

Có những tác-phàm không đề tên tác-giả thì lúc đó ta  
lại nghiên - cứu xem tác-giả là ai hay, ít ra thuộc về hạng  
người nào, sống ở thời đại nào, trong hoàn cảnh nào.

— Do các tình tiết trong truyện có ý ám chỉ về  
những biến-cố nọ hay biến-cố kia, ta có thể đoán được tác-  
giả là ai khi mà ta đã biết người nọ, người kia có liên-hệ đến  
những tác-phàm như vậy.

— Gặp trường-hợp mà một văn-phàm được gán ghép  
cho một nhà văn thì lúc đó cần phân tích tư-tưởng, tính tinh  
ở trong tác-phàm, đem đối chiếu nó với tư-tưởng và tính  
tinh của nhà văn xem đôi bên có giống nhau hay không.

— Cẩn-cứ vào cách hành-văn, vào điệu văn, cách dùng  
tiếng để mà thẩm định xem bản văn có thè ghép cho nhà văn  
hay không.

— Tìm ra thời điểm của tác-phàm căn-cứ vào việc nhắc  
nhở hay ám chỉ đến trong sách mà dự đoán được sách viết năm  
nào và do đấy mà đoán ai là tác-giả. Hay ít ra cố-gắng loại hẳn  
được một số người không công nhận là tác-giả để nhận một số  
nhỏ có thè là tác-giả.

Khi đã khám phá ra tác-giả rồi, ta cần tra hỏi như sau về  
thân thế tác-giả ấy :

- Cuộc đời của tác-giả thế nào ?
- Cuộc đời ấy có giúp nhà phê bình hiểu gì về những đặc tính của sự nghiệp nhà văn không ?
- Xã-hội của nhà văn là xã hội thế nào ?
- Tư-tưởng và tập-tục tinh-thần xã-hội ấy thế nào ?
  - Tư-tưởng và tập-tục tinh-thần của xã-hội mà tác-giả sinh sống có giống hay khác nhau đối với các tư-tưởng và tập-tục tinh-thần xã-hội mà tác giả tạo ra ở trong tác phẩm của ông ?
  - Tác-giả chịu thứ giáo-đạo như thế nào ?
  - Học lực tác-giả tới đâu ?
  - Tác-giả sống tự lập từ hồi nào ?
  - Tác giả giao-du với những hội đoàn văn-nghệ như thế nào ?
  - Những thân bằng cố hữu của tác giả là những hạng người nào, đạo đức hay du côn, giàu sang hay nghèo nàn, quý phái hay bình dân.
- Sau khi biết xã hội nhà văn, biết các mối giao du của nhà văn, ta cần xem nhà văn chịu ảnh hưởng của xã-hội và bạn bè ra sao, hay ngược lại, bạn bè và xã-hội đã chịu ảnh hưởng của nhà văn, hay lắm khi các ảnh hưởng đó có tính cách tương hỗ, ở cả hai chiều.
- Nhà văn đã đọc những sách gì, loại sách gì ?
- Những biến-cố nào của cuộc đời đã ảnh hưởng đến

tâm tình của nhà văn, đến quan-niệm chung của nhà văn, về cuộc đời, về nghệ thuật.

Các biến-cố ảnh-hưởng đến nhà văn rất phức tạp :

— Có thè do biến-cố chính trị (trường-hợp Hoài-Thanh, Xuân-Diệu).

— Có thè do cuộc sống dễ dãi hay chật vật mà nhà văn đã sống.

— Có thè do những tang tóc đau đớn mà nhà văn chịu đựng.

— Có thè do bệnh hoạn (Hàn-Mạc-Tử).

— Có thè do tình duyên trắc trở đau thương hay ngược lại do cuộc đời tâm tình bình lặng, vui tươi.

Tác-giả viết tác-phẩm của mình liên tiếp trong một thời-gian ngắn, hay viết dần dần trong nhiều năm tháng, hay viết từng thời-kỳ một. Ngoài ra, còn cần biết xem cái chương trình mà tác-giả phác ra lúc ban đầu, tác-giả có giữ không, hay đã thay đổi nửa chừng.

oOo

## C.— TÌM THỜI ĐIỂM SÁCH RA ĐỜI

— Xem sách viết năm nào ?

— Năm viết và năm in có là một không, cách nhau bao lâu ?

— Muốn tìm niên đại một cuốn sách ta cũng áp-dụng phương-pháp tương-tự phương-pháp tìm ra tác-giả : tức là

tra hỏi ngoại giới, như các bút tích, các báo chí đương thời; nghiên-cứu nội dung tác-phẩm, tức là dựa vào từ ngữ xử-dụng ở bản văn và những sự việc kỹ-thuật trong bản văn đem đối chiếu ngần ấy thứ với các sự-kiện lịch-sử. Chính nhờ phương-pháp này, ở nhiều trường- hợp, chúng ta sẽ xác định một niên đại cho một tác- phẩm thiêus niên đại.

## D.— NGHIÊN CỨU SỰ THÀNH HÌNH CỦA TÁC PHẨM

Tại đây ta cần xây- dựng lại cuộc sống của tác- phẩm từ lúc còn trong bào thai, tức là sự thành hình từ từ của tác- phẩm ở trong ý thức của tác-giả.

Tuy nhiên, nếu chỉ xét đến phần ý-thức của tác-giả thì chưa chắc đã khám phá ra được tất cả đầu mối mọi việc. Có những phần thuộc về vô thức hay tiềm-thức. Làm sao khám phá ra được những yếu-tố vô thức hay tiềm-thức trong công việc thai nghén ra một tác- phẩm. Muốn nghiên-cứu sự thành hình từ từ này ta phải chú ý đến 3 việc :

- a) Tìm hiểu ý tưởng chỉ-huy,
- b) Tìm hiểu công việc bố cục,
- c) Tìm hiểu công việc trình bày.

### I.— TÌM HIỂU Ý TƯỞNG CHỈ-HUY :

Ý tưởng chỉ-huy tức là ý tưởng sơ khởi, ý tưởng đầu tiên của nhà văn, chính chung quanh cái ý tưởng chỉ-huy ấy rồi ra sẽ qui tụ các chi tiết của tác- phẩm.

### LÀM SAO KHÁM PHÁ RA CÁI Ý TƯỞNG ẤY ?

#### 1.— Do lời tuyên-bố của tác-giả :

Nhiều tác-giả tuyên-bố về lập trường, về chủ đích viết

truyện như Hàn-Mặc-Tử (Quần Tiên Hội), như Hoàng-ngọc-Phách (Tố-Tâm), như Nhất-Linh (Văn-hóa Ngày nay).

- Điều cần là xem lời tuyên-bố có chân thành không ?
- Kinh-nghiệm cho ta thấy nó ít khi chân thành.
- Vì thế cần phải nghiên-cứu cẩn-thận.
- Sự sai biệt đó xảy ra luôn luôn như trong cuộc phỏng-vấn, hoặc vì tác giả nói sai biệt, hoặc do người nghe ít tinh ý để không bắt được ý lưỡng đối của tác-giả.
- Sự sai biệt còn do tính cách ca ngợi, phỉnh nịnh như trường-hợp cần đăng quảng-cáo, hay viết ở bài tựa. (Nhất-Linh trong Văn-hóa Ngày nay)
- Lúc đó, ta đừng quá chú trọng đến từng chi tiết mà chỉ nên quan-tâm đến cái khuynh-hướng chung lầm khi sẽ bộc lộ rõ ràng hay mờ mờ vạy cái nỗi xúc động của tác-giả. Ta cần hỏi xem tác-giả quan tâm đến đề-tài của tác-phẩm và đã quan-tâm đến nó như thế nào ?

## 2.— Do các thư từ thân tín của nhà văn, do các ghi chú trong nhật ký, do các hoài niệm của nhà văn.

Thường là trong thư từ, trong nhật ký, nhà văn ít nghĩ đến dàn trận một cách trình-trọng như khi phải tuyên-bố với nhà báo, hay khi phải viết một bài tựa. Ta thấy Hàn-Mặc-Tử chẳng hạn tuyên-bố chương-trình của mấy tập thơ trường thiêng của ông, Nhất-Linh về mấy tiêu thuyết ông đang cho xuất bản ở Văn-hóa Ngày Nay.

## 3.— Dựa vào các thủ bản, các bản thảo, các bản ráp.

Có lẽ đây là những tài liệu chắc chắn hơn cả để biết ý định của tác-giả, những cố gắng lúc đầu và những sửa chữa liên tiếp.

#### 4.—Những dữ-kiện thuộc thân-thể tác-giả.

Ngoài những dữ-kiện trên đây ta còn có thể thêm vào những dữ kiện thuộc về thân-thể của nhà văn. Thực vậy, thân-thể nhà văn cung-cấp nhiều tài liệu quý giá hướng dẫn công việc nghiên cứu của chúng ta. Cho ngay rằng công việc làm kia không cho chúng ta gặp thấy ngay cái lý do đã thôi-thúc tác-giả sáng-tác, nhưng nếu biết nghiên-cứu thân-thể tác-giả cho thật chu đáo, tỉ mỉ, ta cũng có thể xây dựng lại được tâm trạng của nhà văn trong một giai-đoạn nào đấy, có thể xác định cái gì là thông thường liên-tục, cái gì chỉ là thất thường ngoại lệ trong cách cảm nghĩ của nhà văn.

Nhờ vậy mà có khi thi các tài-liệu tìm ra, tự nó, sẽ giúp ta vẽ lại được dần dần sự thai nghén và biến hóa lâu dài, từ từ của một sự nghiệp, có khi thi các tài liệu, tự nó, không đủ để giải-thích thì lúc đó ta lại phải nhờ đến công việc đối chiếu, so sánh.

### II.—TÌM HIỂU CÁCH BỐ-CỤC TÁC-PHẨM

Vấn-đề bố-cục mà ta nói ở đây không phải là vấn-đề toát lược cái dàn bài bên ngoài của tác-phẩm, chẳng hạn như việc phân-tích nút truyện, quảng diễn câu truyện, các tình tiết câu truyện, cởi nút câu truyện như nó hiện đang có. Mà là đi ngầm vào bên trong, đề nghiên-cứu cái lịch-trình của công việc bố-cục, đề xác-định xem tác-phẩm đã trải qua bao nhiêu sự thay đổi biến hóa để đến hình thức ngày nay.

Xác-định những mối liên-quan nối kết các chương mục của tác phẩm. Tác giả đã lần lượt làm bao nhiêu công việc để điều-hòa các chương mục kia. Nói cách khác, đây không phải là vấn-đề đứng ở ngoài mà phê phán ngôi nhà, mà tả về ngôi nhà, chỉ cho thiên hạ nhìn thấy ngôi nhà có mấy tầng, mỗi tầng có mấy phòng, các tầng các phòng có cân xứng hay không, đây là công việc cần trình-bày xem vị kỹ-sư đã làm thế nào để từ xây từng bức tường trên cái nền chính ông đã phác vẽ để sau hết cất thành ngôi nhà. Đây là vấn-đề lịch trình tư tưởng chứ không phải vấn-đề mỹ cảm.

Ta cần tìm xem tác-giả đã đi từ ý tưởng sơ khởi để tiến tới cái kết quả sau cùng như thế nào. Muốn đi vào bên trong để khám phá ra cái công việc bối-cục âm-thầm tận bên trong nội-tâm của nhà văn, ta sẽ liên tiếp nghiên-cứu ba công việc sau đây :

### 1 — Vấn-đề cố kết các ý tưởng chủ cốt sơ khởi.

Bắt đầu viết một tác-phẩm, tác-giả không phải chỉ có một ý định. Thường là tác-giả đồng-thời nhằm một mục-đích chính và nhiều mục-đích tùy. Vậy các ý tưởng ấy hòa hợp, cố kết với nhau thế nào ? Lẽ dĩ-nhiên là lúc đầu bao giờ cũng có sự xung đột giữa các mục-đích đó, mục-đích nào cũng cố gắng kéo phần thắng về mình : sau cuộc tranh giành đó, hoặc là tất cả điều hòa cố kết với nhau, hoặc là sẽ chia lìa nhau, loại bỏ nhau !

*Đoạn Tuyệt* : được xây dựng chung quanh một ý-ưởng chủ cốt : lòng căm thù đối với xã-hội cũ, kết án luân-lý cũ, lật đổ xã-hội cũ.

*Nửa Chừng Xuân*, ngược lại, xây dựng theo ít ra hai ý tưởng chính :

- *Thứ nhất* là chủ trương tự do kết hôn của trai gái.
- *Thứ hai* là tấm lòng hy sinh cao cả của Mai (Thực ra, đáng lẽ tác giả phải xây dựng một cô Mai và một chàng Lộc táo bạo, cách mạng).
- Trong trường hợp này ta thấy rõ chỉ có phương pháp lịch sử, căn cứ vào các sự kiện lịch sử mới giúp chúng ta xác định xem các tư tưởng nồng cốt đã được tận dụng thế nào để có kết được với nhau.

### **2.— Vấn đề biến hóa các tư tưởng chủ chốt**

Tuy nhiên một khi đã án định một ý tưởng chủ chốt hay nhiều ý tưởng chủ chốt rồi, trong lúc bối cảnh, tác giả có thể thay đổi lập trường. Đó là trường hợp của Tố-Tâm. Đầu tiên Hoàng-ngọc-Phách chỉ có ý trình bày một bức tranh xã hội : một đôi trai gái như Tố-Tâm và Đạm-Thủy không thể không yêu nhau khi sống gần nhau. Và một khi mỗi tình đó bị ngăn cản thì chỉ còn có đồ vỡ tất cả. Sự thực nó phải như vậy. Nhưng Hoàng-ngọc-Phách đã không kết thúc như vậy mà ngược lại ông muốn cáo tiều-thuyết của ông nó có hậu, nó đỡ đau đớn, tác giả đã đặt vào miệng Tố-Tâm những lời lẽ để ca ngợi luân lý.

### **3.— Vấn đề thích ứng theo khuôn khổ :**

Các chương trình mà tác giả đã phác họa ra trong tâm trí có khi tự ý tác giả thay đổi, nhưng lầm khi bị bó buộc phải thay đổi để thích ứng theo tập tục hay khuôn khổ sẵn có của xã hội.

Như Kiều chẳng hạn thì Nguyễn-Du có thể cho chấm hết ở sông Tiền-Đường, nhưng vì muốn thích ứng với tập tục,

khuôn khổ làm truyện có hậu mà Nguyễn-Du phải kéo dài thêm mấy trăm câu thơ.

Hoặc nhiều hoặc ít, tác phẩm văn-chương nào cũng ăn nhập vào một dòng tư tưởng hay tình cảm của cả đoàn hè. Không hề có những sự tự sinh ở trong thế-giới văn-học. Sự nghiệp Văn-học nào cũng đều nhiều ít mắc nợ xã-hội. Có những tác phẩm chịu ảnh hưởng những trào lưu tư tưởng mãnh liệt, có những tác-phẩm do những trào lưu tư tưởng yếu ớt.

Đề-tài mà tác-giả trình bày do đâu mà có ?

— Do tác-giả đã nghĩ ra hoàn toàn, hay do cuộc sống thực tế cung cấp tài liệu.

— Tác-giả có vay mượn gì ở đâu không ? Nếu vay mượn, thì nguồn gốc ở đâu ?

— Tác-giả có chịu ảnh hưởng xa gần bởi các sách đã đọc không ?

— Nếu sách có tái bản, thì các lần tái bản có sửa đổi gì không ?

— Nếu đề-tài mà tác-giả chọn không phải mình tác-giả viết mà có nhiều người cùng viết thì đối chiếu các tác-phẩm ấy với nhau, xem những gì là đặc tính của các tác-phẩm ra đời trước, đồng-thời hay sau đây.

— Nghiên-cứu xem tác-phẩm ta đang khảo sát có giống, có mô phỏng một tác-phẩm nào không, ở trong nước hay ở ngoại quốc.

— Tác-phẩm có mô phỏng gì các phim ảnh chiếu trên màn bạc không ?

Những kinh-nghiệm bản thân có thè rất nhiều không bao giờ khai-thác hết được. Chính cuộc sống của nhà văn đã cung cấp những gì cho nhà văn trong khi ông viết văn ? Điều tra cần thận về thân-thể nhà văn sẽ giúp cho ta tìm ra nhiều tài liệu. Nguyên. định. Chiều chẳng hạn đã đem vào tác phẩm Lục.Vân.Tiên rất nhiều biến-cố thuộc đời tư của ông.

Muốn làm công việc đó, cần làm sao tìm được cho thật nhiều tài- liệu liên- quan đến một tác- giả, các thư từ của nhà văn, các nhật ký của ông, các bản thảo, bản nháp.

Tất cả các công việc nghiên-cứu trên đây đều phải đưa đến hai kết-quả sau đây :

- Xây dựng lại con người văn của nhà văn,
- Ngoài việc cho biết về nhà văn, còn giúp hiểu biết các trường phái, cùng những sự biến-hóa của các dòng tư tưởng nghệ-thuật, và cảm mĩ của công chúng.

### III.— Tìm hiểu công việc trình bày tác-phẩm.

Những ý tưởng nồng cốt kia dần dà cố kết với nhau để thành hình mỗi lúc thêm rõ rệt trong tâm trí của nhà văn.

Một khi đã dựng lên cái khung nhà rồi, nhà văn bắt đầu công việc trau dồi trang hoàng cho ngôi nhà. Đó là công việc trình bày, tức công việc làm cho cái khung nhà thành ngôi nhà. Những yếu-tố mà việc trình bày đóng góp thêm vào có thè do nhiều phía.

— Hoặc do đời sống kinh nghiệm của nhà văn : những điều mắt thấy tai nghe (Hoàng-ngọc-Phách, Hán-mặc-Tử).

- Hoặc do tưởng tượng của tác-giả;
- Hoặc do những hoài-niệm của tác-giả.

Phận sự của nhà khảo-cứu Văn-học là tìm ra manh mối nguồn gốc của các yếu tố đã giúp tác-giả trình-bày tác-phẩm, của mình. Như trước đây, khi nói đến việc tác-giả vận dụng đê tài của ông, ta cần tìm xem tác-giả có vay mượn gì từ tưởng, nội-dung câu truyện của người khác hay không. Cũng vậy, trong phần này khi bàn về việc tác-giả trình bày tác-phẩm của mình, ta cần tìm xem tác-giả có mô phỏng cách trình bày diễn tả của nhà văn nào không.

— Có khi nhà văn chú ý vay mượn, mô phỏng lối trình bày, diễn tả của nhà văn đi trước.

— Có khi nhà văn chịu ảnh hưởng một cách vô tình mà không ngờ.

Những sự vay mượn đó có thè là nhiều hay ít : như Nguyễn-Du đã bắt chước *Thanh-Tâm Tài-Nhân*, *Bích-câu.ký-* ngô đã mượn Nguyễn-Du, Nhất-Linh trong *Người quay tor* Nho-Phong cũng đã mô phỏng *Kiểu*.

Trong *Nho-Phong*, ta đọc những câu như : «Lé-Nương năm ấy tuổi mới trăng tròn, nhưng bóng trăng thấp thoáng, dáng liêu thanh tân, làm cho chàng cũng nhiều phen phải man mác trong lòng», «thấy vui ròn bên kia bóng đèn thấp thoáng mà chiều xuân dễ khiến nét thu ngại ngùng».

Nhà khảo-cứu, tuy nhiên, phải thận-trọng, hai bản văn tương tự nhau, tự nó không đủ lý để quyết định bản văn này là nguồn gốc sinh ra bản văn kia. Sự tương-tự, nhiều khi, chỉ

là ngẫu-nhiên mà thôi. Muốn quả-quyết bản-văn này là nguồn gốc của bản-văn kia cần phải đổi chiểu cần thận, nêu ra, để nhận định, những yếu-tố giống nhau của hai đoạn văn & phải ghi nhận sự giống nhau trong cách sắp các yếu-tố, các tinh-tiết.

Hoàng-ngọc-Phách bắt chước Tuyết-Hồng lè-sử; Nhất-Linh, Kim-Vân-Kiều; Tú-Mỡ, Tú-Xương ; Nguyễn-công-Hoan, Guy de Maupassant; Hàn-Mặc-Tử, Malharmé.

Làm sao khám phá ra nguồn gốc một cuốn sách ?

— Theo lý-thuyết, thì tốt hơn hết là đi từ ngoài vào, đi từ mẫu đến sự bắt chước.

— Trong thực-tế, hầu như không thể làm theo cách ấy được.

Làm sao đọc cho hết các sách đã ra đời để mà so sánh đổi chiểu ?

— Kết cục, ta phải tựa vào tiêu-sử của tác-giả để mà hạn định công việc tìm-tòi nghiên-cứu.

Ta có thể đề-nghị mấy lối làm việc :

— Tìm theo văn-thể :

Chẳng hạn ghi các tiêu-thuyết lên các tờ phiếu (ghi tên sách, ghi các cảnh huống, các đề-tài, các sắc-thái, tình-cảm) rồi xếp các tờ phiếu đó lại theo kiều một cuốn tự-diễn, những văn-de gì giống nhau thì xếp lại bên nhau.

— Tìm theo đề-tài

Phân-tích xem đề-tài ta đang nghiên-cứu thuộc loại nào,

thuộc về một nhân-vật điển hình, hay một cảnh huống thê thảm, hay một vấn đề trữ tình.

### — Tìm theo nhà văn

Tuy nhiên, đó cũng hãy còn là một công việc khó khăn vô cùng. Làm sao mà nghiên-cứu cho cùng hết các sách vở. Tại sao lại hạn chế vào nguyên các sách của ta ? Tại sao tác-giả lại không thể chịu ảnh-hưởng của các văn-sĩ Pháp, Anh, Nga? Tại sao lại chỉ nghiên-cứu sách vở mà lại không nghiên-cứu các cuộc nói truyện.

— Rút cục, ta phải căn cứ vào cuộc sống tinh-thần của tác-giả : xem tủ sách của tác-giả. Nhưng nếu tác-giả không có một tủ sách đặc biệt thì ta có thể thăm hỏi ý-kiến bạn bè của tác-giả, các thư từ tác-giả gửi cho bạn bè,

Hay cùng ra ta có thể nghiên-cứu các sách vở ra đời trước tác-giả một ít lâu. Sau hết, ta cần (xem tác-giả đã vận dụng các nguồn gốc thế nào ? Nhiều khi tác-giả chủ ý bắt chước, nhiều khi vô tình.

## E.— KIỂM-ĐIỂM TÀI-LIỆU

Sau khi chúng ta đã có tài-liệu như trên rồi, đây đến việc kiểm-điểm lại :

### a) Chú giải các tài-liệu:

Nhà phê-bình cần nghiên-cứu xem ý-nghĩa mà tác-giả nhằm :

— Nghĩa đen hay là nghĩa bóng.

- Tả thực hay tượng-trưng,
- Tranh luận hay châm biếm bông đùa.

### b) Đánh giá các tài liệu

- Các điều tác giả nói, quả quyết, có đúng không ?
- Đúng là tại làm sao ?
- Sai thì vì lý do gì ?

Vì lưu manh lừa đảo ?

Vì tâm tính

Vì dục vọng

Vì bị mua chuộc.

oOo

Sau khi đã thu thập được đầy đủ các tài liệu rồi ta phải liệu xây dựng lại được bản ngã của tác phẩm, cá tính của nhà văn. Đó là một việc làm hết sức cảm động làm say sưa những ai coi việc nghiên cứu sách vở như là nghiên cứu các tâm hồn. Mà nghiên cứu các tâm hồn tức là thông đồng truyền cảm giữa các tâm hồn vậy. Giraudoux đã nhớ một vai truyện mà định nghĩa « Văn-hóa là nghệ - thuật xếp vào hàng ngũ của chúng ta để tranh đấu bên chúng ta những vĩ nhân của mọi thời đại. Đó là một sự liên hiệp không phải chỉ có qua sách vở mà là một sự liên hiệp thực sự bao hàm ý nghĩa, sự có mặt thực sự của những chiến sĩ cùng tham chiến với chúng ta ». Sự hiểu biết tác phẩm sẽ trở nên dễ dãi hơn, giản tiện hơn nếu chúng ta biết coi tác phẩm như những cuộc sống đang sống, đang tư-tưởng, đang phát-biều ý-khiến, đang yêu ghét giận hờn.

Vì quan-niệm mỗi tác phầm là một cuộc đời, mà đã là cuộc đời thì nó phức-tạp, bí-hiểm, cho nên muốn hiểu nó cần phải biết tâm-lý của nó.

Gần đây người ta đã đem tâm-lý vào khoa phê bình dưới nhiều hình-thức :

### — Tâm-lý bệnh lý

Với Janet, khoa tâm lý tiến-bộ rất nhiều, tựa vào công việc nghiên-cứu các bệnh trạng dị thường, nhất là các chứng bệnh thần kinh.

Nhiều nhà tâm lý đã phân hạng các thứ bệnh thần kinh và quả-quyết nhiều thiên tài vẫn mắc những chứng điên. Đối với những con bệnh như vậy, không thể căn-cứ vào những hoạt-động ý-thức để mà tìm hiểu con người được, mà phải tựa vào tiềm thức. Do đấy người ta có một quan-niệm mới hẳn về bản ngã con người. Cái tôi của mỗi người, ngoài cái phần ý-thức nói trên mà đương-sự kiềm điềm làm chủ được, còn có một bề sâu phức tạp, bí ẩn phải dày công dò xét mới có thể khám phá ra được do các phản ứng đột ngột, bất thắn.

Freud cho rằng tất cả các thái-độ ngượng ngập của con người ta đối với hoàn cảnh xã-hội đều do những nỗi xúc động bắt nguồn từ tuổi thơ, đều do những sự dồn ép tâm-lý khiến cho con người có mặc cảm. Freud đã đem lý-thuyết đó áp-dụng vào việc phân tích tâm-sự nhà văn.

Đó là những phương-pháp mà người ta dùng để đạt đến con người, hiểu con người qua sự nghiệp của họ, và trên cả sự nghiệp của y để đem ráp các cuộc đời lè tè kia vào trong một

cuộc sống vi.-đại, là là cuộc sống của gia-đinh loài người.

Những điều trình bày trên đây là tất cả những gì chúng ta có thể nói về một tác phầm. Nhưng có phải lúc nào cũng đem tất cả ra mà áp-dụng vào việc nghiên-cứu một tác-phầm hay không?

Cái đó tùy sự phân-đoán của nhà phê-bình. Nhưng thường là ít khi ta có thể áp-dụng tất cả vào việc nghiên-cứu một tác-phầm. Có tác phầm ta sẽ đẽ tâm nghiên-cứu nhiều vấn-dề, có tác-phầm ta sẽ chỉ cứu xét một ít khía cạnh nào thôi. Đại khái ta nên phân biệt mấy trường-hợp sau đây:

### Một tác-phầm quen biết nhiều.

Nếu ta phải nghiên-cứu một nhà văn hay một tác-phầm mà người ta biết nhiều, mà thiên hạ đã nghiên-cứu nhiều, thì lúc đó, ngoài việc đọc lại kỹ lưỡng sự nghiệp của nhà văn, ta còn phải đọc kỹ-lưỡng tất cả những sách, những bài đã viết về nhà văn hay về tác-phầm đó. Tuy nhiên ta cũng có thể lựa chọn những tài-liệu cần đọc, ta có thể loại bỏ những tài-liệu khảo-cứu hời hợt, những tài liệu chỉ chú-trọng đến những vấn-dề tòng-quát, chỉ ha những câu phê bình thầm mý chứ không đem lại cho ta những tài-liệu lịch sử quan-trọng. Ta gạt các thứ sách đó ra một bên, đẽ nghiên cứu những sách có thể cho ta những điều chi dẫn cần thiết về những vấn-dề mà ta đang nghiên-cứu. Thường là khi nào ta phải viết về nhà văn quen biết, ta không cần viết đầy đủ mọi vấn-dề về nhà văn đó. Là vì có những vấn-dề đã được giải quyết đầy đủ, dư thừa do những nhà khảo-cứu đi trước ta. Ta có khảo cứu

cũng không đem lại thêm cái gì mới, mà viết sách là có ý đem lại một cái gì mới. Trừ trường hợp soạn một cuốn sách giáo-khoa cho nhà trường thì ta mới cần đặt lại tất cả các vấn đề. Công việc của ta là có khám phá, đặt ra những vấn đề chưa ai bàn đến. Ta viết sách là để trình bày những cái mới là ấy, còn ngoài ra ta chỉ cần toát lược tất cả những điều người ta đã nói vào một chương.

### Một nhà văn bậc hai, bậc ba.

Nhiều khi ta phải nghiên-cứu một nhà văn bậc hai, bậc ba, nhất là một nhà văn lạ ít người biết đến. Lý do khiến ta khảo cứu có thể vì ta thích riêng nhà văn ấy, có thể vì nhà văn ấy thuộc địa-phương của ta. Một nhà văn như vậy thường ít được ai biết tới. Ta hãy đọc kỹ lại tất cả những gì đã viết về nhà văn ấy. Rồi ta đẽ tâm nghiên-cứu thêm xem có bao nhiêu vấn đề còn chưa rõ rệt, hay chưa khám phá ra về nhà văn ấy.

Muốn làm công việc khám phá kia, ta phải đi lùng trong các gia-phả, trong các thư viện, trong các văn khố công cộng, trong các báo chương về thời đó, trong các bảo tàng viễn.

Đối với những nhà văn như vậy, nhà phê bình nên nghiên-cứu về mọi vấn đề liên-quan đến nhà văn để rồi dừng lại nghiên-cứu những vấn đề nào hay, hấp dẫn hơn. Nên nghiên-cứu những vấn đề gì về một nhà văn, đây là thuộc về cái khiếu đặc-biệt của nhà phê-bình. Công việc phê-bình cần thiết nhất là làm sao gầy được hứng thú.

## PHÊ-BÌNH TÁC-PHẨM HIỆN-ĐẠI

Phương-pháp phê-bình tựa vào các tài-liệu như trên đây, nhiều người công-kích, cho là nó có vẻ máy-móc già tao. Thực ra, dù phản đối hay tán-thành phương-pháp lịch-sử, kết cục người ta cũng phải lợi-dụng tất cả những kinh-nghiệm mà phương-pháp lịch-sử đã thu thập được.

Đành rằng đối với một tác-phẩm vừa ra đời ta không thể tìm đến với tác-giả để mở cuộc điều tra tỉ mỉ về tò-tiên, về nhà-gia-đình, về giáo-đục, về thân-bằng-cố-hữu, về các mối-tình của nhà-văn. Tuy nhiên, việc có nhiều tài-liệu, không bao giờ là vô-ich. Mà thường các nhà phê-bình thời danh-xưa nay đều là những người có kiến-thức lịch-sử rất rộng.

Đã hẳn những kiến-thức lịch-sử không đủ bảo-đảm cho khỏi lầm nhưng thực ra nó giúp nhà phê-bình tránh-được nhiều những cái-lầm-lỗi. Nói tóm lại vai-trò của các tài-liệu lịch-sử vẫn-ich lợi ngay đối với công việc phê-bình các tác-phẩm hiện đại. Muốn phê-bình một tác-phẩm hiện đại ta cần chú ý đến mấy điểm sau đây :

### 1.— Phải biết chung cả sự-nghiệp nhà-văn :

Đành rằng, theo nguyên-tắc, một tác-phẩm hay hay không hay là ở giá-trị nội-tại của nó chứ đâu có tùy thuộc ở những tác-phẩm ra đời trước nó hay sau nó. Chẳng cần biết Khái-Hưng đã viết những sách gì ta cũng nhận thấy Hồn-Bướm-Mơ-Tiên là một kiệt-tác của ông.

Ta có thể tựa vào cảm-mỹ mà thẩm định tác-phẩm. Không cần biết tác-giả đã viết những gì trước.

Tuy nhiên việc biết chung sự-nghiệp của nhà-văn vẫn có

lợi hơn, lý thú hơn, Đã nói một kiệt-tác-phàm có cái hay cái dở thì cũng phải nói, tại sao nó hay, tại sao nó dở. Đành rằng cái hay cái dở của một tác-phàm là do ở việc phân tích cách bối cục có tài tình hay kém cỏi, tự-nhiên hay giả-tạo, tâm lý các vai truyện thành thực hay giả dối, văn đơn sơ hay cầu kỳ... ngần ấy thứ thường không liên-quan gì đến những tác-phàm ra đời trước hay sau. Tuy vậy, đem so sánh với những tác-phàm ra đời trước, ta sẽ có thêm nhiều ánh sáng : việc gặp lại cùng những khuyết-điểm đã gặp trong các tác-phàm trước, sự lặp đi lặp lại cùng những khuyết-điểm giống nhau như vậy khiến nhà phê-bình càng dễ quả-quyết mạnh hơn. Có khi ta nhận thấy ở những tác-phàm ra đời trước các khuyết-điểm mới chỉ qua loa hời hợt ; nhưng thay vì sửa chữa, tác-giả cứ mắc nặng mãi thêm. Hay ngược lại, ở trong các tác-phàm mới không còn gặp lại hay chỉ gặp lại qua loa những khuyết-điểm của thời xưa.

Chẳng hạn có đọc tất cả các tác-phàm của Nhất-Linh ta mới nhận thấy Nhất-Linh tiến liên-tục :

★ Với Nho-Phong, Người Quay Tơ :

— Cốt truyện cõi lõ

— Văn cõi lõ

★ Với Đoạn-Tuyệt, Lạnh Lùng :

— Văn mới

— Truyện mới

★ Với Đồi Bạn :

— Văn mới

- Truyện mới
- Nghệ-thuật tể nhị.

Ngược lại, đọc Lê-Văn-Trương, ta thấy các khuyết điểm vẫn được tác-giả lập di lập lại :

- Văn là lối giảng giải
- Văn là các động-tác màn bạc.

Như thế, ta thấy phê-bình, theo như quan-niệm mới ngày nay, không phải chỉ là khen hay chê. Phê-bình còn cần nhất là trình-bày, là giúp hiểu, nghĩa là phê-bình không phải chỉ nói sách hàn hay dở, ý tưởng đúng hay sai, vai truyện sống động hay già-tạo, mà phải trình bày ý tưởng của tác-giả thế nào, vai truyện ra sao, sinh-hoạt ra sao. Việc trình bày kia nếu có tính cách khách-quan thì độc-giả sẽ có thể căn cứ vào đấy mà tự phê-bình lấy. Đó là một vấn đề rất khó. Một phần nào nhà phê-bình phải xóa nhòa đi, nhường trường sở cho tác-giả để giúp độc-giả cảm thông, hòa đồng với tác giả, hiểu được tác-giả mặc dầu do sự hiểu ấy độc-giả có không đồng ý với nhà phê-bình. Mà cái việc trình bày khách quan như vậy càng trở nên minh bạch khi chúng ta đem nó mà đối-chiếu với những tác-phẩm ra đời trước nó.

**Q.— Biết chung về văn-học nhiều ít đồng thời với tác phẩm mà ta phê bình.**

Ở mục trên ta đã nói là muốn phê-bình một văn-phẩm, ta phải biết tất cả sự nghiệp của nhà-văn.

Ta còn đi xa hơn mà quả quyết: muốn phê-bình một tác-phẩm, cần biết chung cả văn-học ra đời đồng-thời với tác-phẩm.

Việc biết chung về các sách ra đời đồng-thời hay ít lâu trước tác-phẩm mà ta nghiên-cứu là một việc hữu ích.

Người ta dễ hiểu một-tác phẩm của một nhà văn khi đem tác-phẩm ấy so sánh với các tác-phẩm khác của nhà văn ấy thế nào thì đem việc tác-phẩm ấy mà so sánh đối chiếu với những tác-phẩm tương-tự như vậy của nhà văn khác đã xuất bản ít lâu trước, cũng là điều giúp ta thấu hiểu tác-phẩm hơn như vậy.

Sự so sánh đó, giúp ta xác định được nhiều điểm :

— Chỉ xem tác-phẩm ta đang phê bình giống (ở hết mọi điểm, ở nhiều điểm, ở một vài điểm), với những tác-phẩm đồng-thời thế nào.

Do đấy ta tìm ra nguyên-nhân sự giống nhau kia : sự giống nhau có thể có nhiều lý do :

Có thể vì tác-giả đã chịu ảnh-hưởng của tác-phẩm ra đời trước,

Có thể là tác-phẩm ta phê-bình với những tác-phẩm ra đời trước không chịu ảnh hưởng nhau, nhưng là chịu một ảnh hưởng chung nào đó, bắt chước một kiều văn chung nào đó. Chẳng hạn các chuyện phiêu lưu ra đời những năm 1920—1925, không chịu ảnh hưởng của nhau, mà là chịu ảnh hưởng của các truyện phiêu lưu dịch của Tây phương hồi ấy.

— Chỉ định xem tác-phẩm của ta (ở tất cả mọi điểm hay ở nhiều điểm) khác biệt những sách đương thời, thế nào. Tại sao có sự khác biệt đó ? Phải chăng vì nhà văn của chúng ta

không nhớ đến các nhà văn ra đời trước, không biết các nhà văn ra đời trước, phải chăng nhà văn chủ trương cõ ý chống đối những nhà văn khác, đối lập lại một lập trường nào đó, một chủ trương nghệ-thuật nào đó, một mốt nào đó. Chẳng hạn đọc những tiêu thuyết trong Văn-hóa ngày nay, ta thấy nó đi giật lùi lại, nó kết truyện cõ lõ. Điều đó chứng tỏ các văn sĩ đó không biết các trào lưu văn học mới, hay chủ ý duy cái trì nếp cảm nghĩ cũ.

Ngoài những lợi ích trên đây, công việc so sánh kia còn giúp ta hiểu tác phẩm rõ ràng hơn ; những gì tự tác-phẩm không hiện ra rõ ràng thì có thể hiện ra rõ ràng nhờ vào sự xếp đặt các chỗ tương đồng hay tương phản giữa nhiều tác-phẩm. Lắm khi một lập trường, một tính tình ở trong tác-phẩm đang nghiên cứu không được trình bày một cách rõ ràng, sâu sắc, nhưng lại được mô tả rất tì mi, cẩn kẽ ở một tác-phẩm khác. Hay ngược lại, cái lập-trường của tác-phẩm mà ta nghiên cứu có thể đi ngược hẳn tác phẩm khác.

Như *Tố-Tâm* chẳng hạn, ta nhận thấy nó bắt đầu một cuộc cách-mạng. Nó đứng biệt lập ra một thế giới. Vậy thế giới ivăn học lúc đó là một thế giới có các đặc tính sau đây :

- Thiên về cáo luận, biên khảo,
- Thiên về lối truyện cõ lõ, ngập ngụa luân lý.
- Thiên về lối văn đạo mạo, dài các.
- Thiên về những mối tình khắc khò
- *Tố-Tâm*, ngược lại, là một tác phẩm :

- Lãng mạn
- Đảo lộn tất cả.
- Nhưng xét về mặt khác ta lại thấy Tố.Tâm không hoàn toàn mới, vì Tố.Tâm chịu ảnh hưởng của Trung-Hoa.

### **3.— Biết tổng quát về văn-học**

Biết tổng quát về văn-học là một điều cần-thiết để công việc thẩm định của ta có giá-trị. Nhưng làm nhà phê-bình coi nhẹ văn-de này. Theo sở thích hay vì chức-nghiệp, nhiều người đe tâm theo rỗi văn-hoc hiện đại. Họ có thể so sánh nhà văn này với một nhà văn khác, nhưng ít khi muốn đi xa hơn. Đối với văn-học cõi, lẽ dĩ-nhiên là họ biết những tác-phẩm thời danh, nhưng làm khi cũng chỉ biết một cách sơ sài hời hợt, không quan tâm làm đến giá-trị lịch-sử của chúng. Họ tưởng muốn phê-phán cuộc đời hiện tại chỉ cần làm sao đừng đi trêch ra ngoài văn-de thời sự. Họ có ngò đâu sự quan-sát kỹ-lưỡng và sâu sắc cái hiện tại đó, cảm thấy được cái gì linh-dộng ở bên trong, làm sao hòa mình được với hiện tại đó, chứ đừng ở ngoài mà ngó suông vào.

Giữa một nhà phê-bình truyền cảm được cuộc đời như vậy nhưng lại ít biết di-vãng cái một nhà phê-bình uyên thâm quảng bác nhưng lại không hiểu gì cuộc đời, lẽ dĩ-nhiên là nếu hai người tài cán ngang nhau, thì chắc người thứ nhất phê phán sẽ chắc chắn hơn. Thực ra sự sáng suốt và sự uyên-bác không phải là hai tư cách mâu thuẫn nhau. Làm sao mà hội họp cả hai tư cách đó thì lý tưởng hơn. Sự uyên bác nhiều khi là cần thiết bởi vì việc đời làm khi chỉ là lặp lại, diễn lại những cái đã có, nhiều hình-thức văn-chương xưa. Cái đã xảy ra trong

dĩ-vãng giúp ta nhận định cái đang xảy ra trong hiện tại. Hiện tại, như vậy, thường có cội rễ ở trong dĩ-vãng xa vời.

Chẳng hạn muốn xác định cái gì làm nên chất thơ, làm khi chúng ta thấy lúng túng. Có thứ thơ được thế hệ này thích nhưng một thế hệ khác lại chẳng hiểu gì hết cả. Có điều chúng ta biết thơ được cấu kết thuần bằng những xúc động trực tiếp, hồn nhiên, thuộc bản năng, tình cảm... Vai trò của lý trí đối với thơ, hầu như không có. Nhưng lịch-sử văn-học cho ta thấy một sự nghiệp thơ có giá trị bao giờ cũng đều dung-hòa cả lý-trí, cả tưởng tượng, cả tình cảm, khó lòng phân biệt phần nào trong ba phần đó bị hy sinh:

Lịch-sử văn-học cũng còn đầy đẽ chứng minh cho chúng ta thấy, ở thời đại nào cũng vậy, thơ sẽ chẳng còn gọi được là thơ khi mà cái phần của lý-trí muốn lấn át nguồn cảm hứng tự nhiên, chân thật.

Lịch-sử văn-học qua các thời đại minh chứng cho chúng ta thấy thơ bao giờ cũng nằm ở trong những rung động của trái tim, những mơ màng của tưởng tượng, mà không cần phải có sự kiềm-soát chặt chẽ của lý trí ; cái điều mà chúng ta vừa nói về thơ có thể áp-dụng cho tất cả thể văn khác.

Thể văn kè truyện chẳng hạn, mỗi thời đại thích một thứ truyện khó mà án định được cái gì làm nên cái hay, cái thần tinh ở trong một truyện

— Nhưng truyện hay nào cũng kỵ một ít cỗ tật mà hễ có cỗ tật đó thời truyện hết hay.

Mấy cỗ tật đó là :

- Sự giả tạo
- Sự miên cưỡng
- Chủ-trương luân lý.

oOo

## PHÊ-BÌNH MỘT THỜI-ĐẠI

### 1.— ĐẶT VỊ-TRÍ CHO THỜI-ĐẠI ĐÓ.

#### a.— Vị-trí khởi hành :

- Vị-trí tôn giáo
  - Vị-trí chính-trị
  - Vị-trí kinh-tế xã-hội
  - Vị-trí văn-học.
- Nhắc lại đặc tính thời đại đi trước.
  - Ghi chú những chuyền hướng mới.
  - Nhận định những sự tồn tại của các hiện tượng cũ.
  - Ghi nhận sự biến hóa của hiện tượng cũ.

#### b.— Vị-trí kết thúc :

- Những nguyên nhân xô đẩy sự kết-thúc.
- Ghi chú những chuyền hướng.

### 2.— NGHIÊN-CỨU THỜI-ĐẠI ĐÓ

**a.— Nghiên-cứu tổng-quát :**

a) Ghi chú những đường lối cảm, nghĩ, tư-tưởng chung mới.

b) Ghi chú những luồng cảm, nghĩ, tư-tưởng biệt lập mới.

c) — Đánh nòi những tay chỉ đạo, những sự phát hiện hay biến mất của mỗi hiện tượng văn-học.

**b.— Nghiên-cứu chi-tiết :**

a) Phân phối các khuynh hướng và chỉ định những tay lãnh đạo của mỗi khuynh hướng.

b) Nghiên-cứu từng nhà văn, từng cuộc đời.

Tại đây chúng ta lại áp-dụng những điều đã nói trên, phần nghiên-cứu về một nhà văn hay một tác-phàm.

oOo

**VIẾT VĂN HỌC SỬ**

Đây là công việc khó khăn hơn hết. Viết một bộ sử Văn-Học không phải là cho ra một chuỗi, một lô những thân thế và sự nghiệp của các nhà văn xếp liền nhau theo một hệ-thống phân chia nào đó.

Văn Học Sử là một khoa-học nghiên cứu về các cuộc đời văn.

Nói cách khác văn-học-sử là khoa-học lịch-sử các cuộc đời, cuộc đời của các tác-giả, của các tác-phàm, của các luồng tư-tưởng, tình-cảm, nghệ-thuật..

Tất cả giá-trị của văn-học sử là ở chỗ nó có cái tinh bao  
muốn **TÌM HIỂU, NGHIÊN CỨU CÁC CUỘC ĐỜI.**

Chúng ta không nói nó nghiên-cứu các nhà văn, hay các tác-phẩm mà ta nói nó nghiên cứu các cuộc đời, tức cuộc đời của nhà văn, của các tác-phẩm của các luồng tư tưởng, nghệ thuật tình-cảm.

Mỗi một nhà văn là một cuộc đời đã diễn ra, nhưng ta đừng quên mỗi tác-phẩm, mỗi luồng tư tưởng, tình-cảm đều là những cuộc đời,

**Đây là những đặc điểm của MỘT CUỘC ĐỜI**

- 1 — Có lúc chịu thai
- 2 — Có lúc sinh ra
- 3 — Có lúc lớn lên
- 4 — Có lúc trưởng thành
- 5 — Có lúc già cỗi
- 6 — Có lúc ốm yếu
- 7 — Có lúc chết đi sống lại
- 8 — Có lúc chết hẳn.

Mà đã là một cuộc sống, nó có mấy tính cách sau đây :

**Chứ sự tác-dụng của ngoại cảnh :**

- Tác-dụng đó có thể do thiên-nhiên
- Có thể do xã-hội
  - Có thể do kinh tế

- Có thè do chính trị,
- Có thè do thời tiết khí hậu,

**— Tác động đến ngoại vật :**

- Ánh hưởng đến ngoại vật
- Hòa mình vào ngoại vật
- Chạy theo ngoại vật
- Phá hoại ngoại vật
- Củng cố ngoại vật.

**— Mưu mô với ngoại vật :**

- Lầm khi cùng ngoại vật lập những mặt trận, những chiến-dịch để bênh vực một lập-trường chung.
- Lầm khi cùng mưu mô, giả dối, bè mặt,
- Lầm khi cùng đau đớn, tuyệt vọng.

**KẾT LUẬN :**

Văn học sử là nỗ lực liên-tục để tìm kiếm, khám phá ra toàn diện **CÁC CUỘC ĐỜI** đó, tức cuộc đời của tác-phàm, của các luồng tư tưởng, tình-cảm, lối viết là vì mỗi tác-phàm, mỗi luồng tư tưởng, tình-cảm đều là những cuộc đời có những nếp sống thường khi còn rạo rực, phức tạp, màu nhiệm hơn cả cuộc sống của con người.

Vậy văn-học-sử là :

- a) Tìm ra và phác họa các cuộc sống đó.

- b) Tìm ra và ghi chú giá-dịnh dòng họ của các cuộc sống đó, đặt họ hàng, thân thuộc cho các cuộc sống đó.
- c) Tìm ra và truy nguyên các mối bang giao giữa các cuộc đời ấy, giữa cuộc đời của nhà văn, với cuộc đời của tác-phẩm, của các luồng tư-tưởng tình-cảm.
- d) Tìm ra và xác định các sự tiếp xúc giữa các cuộc đời ấy với ngoại vật tức là vũ-trụ ngoại giới.
- e) Nhưng văn học sử không phải là mồ xé đẽ ném tung ra đầy các cuộc đời mà cần nhất là xếp các cuộc đời ấy lại, lập thành một xã hội, một cộng đồng có nếp sống riêng, luật lệ riêng, phong-tục riêng, rồi len lỏi vào sống giữa cái xã-hội ấy đẽ nghe, đẽ cảm, đẽ truyền thông vào cái nếp sống rạo rực ấy.
- g) Văn học sử, tuy nhiên, không coi đây là những cuộc sống lẻ loi, biệt lập, đem xếp cạnh nhau, mà là một nếp sống liên-tục, triền miên thông đồng.
- i) Sau cùng, phần quan trọng nhất là tìm ra ý nghĩa của tác-phẩm, tức là dùng sự phân-tích đẽ tìm ra những phương hướng và trọng-tâm của tác-phẩm

### PHƯƠNG PHÁP CHIA LỊCH SỬ VĂN HỌC

Văn học sử là một khoa-học cho nên văn học sử cũng phải có phương-pháp đẽ nghiên-cứu các cuộc đời văn-học.

— Nhà văn, hay tác-phẩm của nhà văn, là đơn vị đối-tượng của công việc nghiên-cứu. Vì con người có thời-gian và không-gian, nên trong khi nghiên-cứu về con người ta cũng phải chỉ định vị-trí của nó ở trong không gian và thời-gian. Chỉ

định vị-trí cho một nhà văn hay những nhà văn tức là công việc chia văn-học vậy.

## A.— PHƯƠNG-PHÁP THẾ-KỶ

— Nhiều người chia văn-học theo các thế-kỷ, như Văn-học thế-kỷ I6, I7, I8, I9, 20...

a) Trong mỗi thế-kỷ thì xếp các nhà văn theo thứ tự năm sinh tháng đẻ.

b) Hay theo các thè văn và năm sinh tháng đẻ.

*Phê bình :* Thế-kỷ dài quá

— Một nhà văn đầu thế-kỷ với cuối thế-kỷ xa nhau, không liên-quan, có thè gần thế-kỷ trước hơn, hay gần thế kỷ sau hơn.

— Miễn cưỡng.

— Có nhiều biến-cố văn-học không liên-hệ gì đến sự bắt đầu một thế-kỷ.

## B.— PHƯƠNG-PHÁP TRIỀU-ĐẠI

Xếp các nhà văn theo triều vua, theo chánh-thè :

a) Rồi xếp theo năm sinh.

b) Theo thè văn.

*Phê bình :* Có cái hay là mỗi triều đại, chánh-thè có những cái hay, đặc biệt, nếp sống riêng.

Nhưng lầm khi miễn cưỡng, dài quá và nhiều khi biến-cố văn-học không theo biến-cố chính trị.

## C.— PHƯƠNG PHÁP THỂ VĂN

Xếp theo các loại văn : thơ với thơ, kịch với kịch ;

*Phê bình :* Có cái hay là đè so sánh sự biến chuyển của một thể văn.

Nhưng vô cùng miễn cưỡng, có những nhà văn thuộc một thể văn mà đứng liền nhau không được vì đường lối lập trường, quan niệm nghệ thuật khác biệt nhau.

## D.— PHƯƠNG PHÁP THẾ-HỆ ,

a) *Thế hệ :* là một thời gian văn nào đấy (thường là không quá mấy chục năm) đã được qui định nên do những sự kiện lịch-sử, kinh-tế, xã-hội, chính-trị, khiến cho khoảng thời gian ấy được coi như là một hướng rẽ, một đường quặt sánh với cái thời gian đi trước nó, và đồng thời từ đấy là trường sở hoạt động và xuất hiện :

- Của những đường lối sống (giống nhau) chung
- Của những đường lối tư tưởng chung
- Của những đường lối tình cảm chung
- Của những đường lối nghệ-thuật chung.

Tất cả những nhà văn thuộc một thế-hệ đều nhiều ít truyền thông cách này hay cách khác, thuận hay nghịch với cái CHUNG CHUNG ở trên đây.

b) Nguyên-tắc xếp đặt các nhà văn vào một thế-hệ :

Xếp một nhà văn vào một thế-hệ không cần

vết vào cái năm sinh tháng đẻ của nhà văn có nằm trong thế-hệ hay không mà là căn cứ vào cái sản văn nghệ phàm của nhà văn ta đổi trong cái thế-hệ này.

Chẳng hạn Phạm-Quỳnh sinh ra cuối thế-kỷ XIX (1892), nhưng không thuộc thế-hệ 1892 bởi vì ông không sáng-tác trong thế-hệ 1892, mà thuộc thế-hệ 1913 vì ông viết nhiều nhất trong thế hệ này.

Đằng khác đã xếp nhà văn theo thế hệ thì ta cũng chỉ xét đến những tác-phàm của nhà văn đã xuất-bản trong thế-hệ chứ không xét đến những tác phàm xuất bản ở thế hệ trước hay đã xuất bản ở thế hệ sau. Tuy nhiên chúng ta có quyền làm rõng việc so sánh.

*Cái lợi* là chúng ta nhờ vậy mà chỉ định được.

- Ai là người thực sự tham dự vào thế-hệ.
- Ai là người đứng hờ ở ngoài.
- Ai là người lãnh đạo thế-hệ.
- Ai là người chỉ chạy theo thế-hệ, giữ vai liên lạc.

Là vì thường thường ít khi có nhà văn giữ vai trò lãnh đạo trong nhiều thế-hệ mà chỉ giữ vai trò đó ở một thế nào đấy để rồi lại giữ một vai trò ít quan-trọng hơn ở một thế-hệ khác.

c) Thứ tự xếp các nhà văn trong một thế-hệ :

Sau khi nêu lên các nguyên tắc như vậy rồi công việc xếp các nhà văn trong một thế-hệ có thể tùy tiện mà thay đổi cách xếp đặt các nhà văn :

- Có thể xếp các nhà văn theo thứ tự già trẻ tuổi tác.
- Có thể xếp theo loại văn đồng thời dung hòa tuổi cao thấp của nhà văn.

Sau khi đã đặt vị trí và ranh giới cho vấn đề như vậy rồi, chúng ta có thể đi vào chi tiết hơn đề nhận định.

Đại đề ta phải đặc biệt chú ý đến các điểm sau đây :

- 1.— Đi từ nhà văn hay tác phẩm đi ra
  - Nghiên-cứn tác-phẩm, nhà văn.
  - Nhà văn hay tác-phẩm đã ảnh hưởng chi-phối văn đàn thế nào ?
    - Nhà văn hay tác-phẩm đã chuyền hướng cho văn-học ra sao ?
    - 2.— Đi từ bên ngoài đi vào nhà văn, tác-phẩm.
      - Văn-học bên ngoài lôi kéo nhà văn hay tác-phẩm thế nào ?
        - Sức chống đối của tác-giả hay tác-phẩm ra sao.
        - 3.— Nêu lên được các dòng ảnh hưởng tương hỗ giữa các nhà văn.
      - 4.— Nêu lên được các luồng tư tưởng tình-cảm xuất hiện trong thế-hệ,
        - Luồng nào ra đời mà bị đào thải,
        - Luồng nào ra đời mà sống yếu đuối
        - Luồng nào ra đời mà sống mạnh mẽ.

a) Ai là người thôi lên luồng đó ? hay tự nó do hoàn cảnh xã-hội gây nên, hay từ bên ngoài vào.

- b) Ai là người chiến-sĩ của luồng đó.
- c) Thái-độ của các văn-nghệ-sĩ đối với các luồng tư tưởng đó ra sao ?
- d) Thái-độ của quần-chúng thế nào, tán-thành hay chống đối.
- e) Ảnh-hưởng của các luồng đó đối với văn-học ra sao.
- g) Bao nhiêu sáng-tác đã được thành hình do luồng tư tưởng đó.
- h) Luồng đó thịnh hành, tàn-lụi, biến-hóa ra sao.
- 5.— Nêu lên các sự xuất hiện, hay mất biến của các hiện tượng văn-học trong thế hệ.
- Cái gì xuất hiện
  - Cái gì yếu đi
  - Cái gì mất đi
  - Cái gì mạnh lên.



### CHƯƠNG III

## SINH HOẠT PHÊ BÌNH VĂN HỌC THẾ HỆ 1932

Phái Thai từ Đông-Dương Tạp-Chí với những bài giới thiệu sách mới, thành hình trên Nam-Phong Tạp-Chí với những bài phân-tích và bình giảng văn cõ hay giới thiệu sách vở ngoại quốc, văn phê-bình Việt-Nam, ngay từ thế-hệ 1913-1932, tương đối cũng đã xây dựng được những cơ sở vững chắc. Nhưng nó chỉ thực sự đi vào con đường thịnh-hành từ sau năm 1932.

Như bị gò bó, dồn ép trong bao nhiêu lâu, lòng người trước làng gió mới như được mở tung ra. Người ta bắt đầu phê phán, tỏ thái độ trước mọi vấn đề, không bỏ lỡ bất cứ một cơ-hội nào. Với sự ra đời ô-ạt của báo chí, thật là một dịp tốt, một trường sở thích hợp để các cây bút đua nhau đấu trí, bày tỏ lập trường, bộc lộ tâm tình đối với nhau. Đặc tính của văn-học thế hệ 1932-1945 là sự động đậy bằng những cuộc tranh-luận sôi nổi giữa các phe nhóm.

Không phải trước đây không có những cuộc tranh luận. Thực ra, lịch-sử văn-học vẫn còn ghi nhận những cuộc tranh-luận mà tôi gọi là vụ án chữ Hán xảy ra giữa Nguyễn-Háo-Vinh và Phạm-Quỳnh, hay vụ án truyện Kiều bùng nổ giữa Phạm-

Quỳnh và Ngô-Đức-Kế.. Ngần ấy thứ, dầu sao, cũng chỉ là những thái độ cá nhân với cá nhân, chứ chưa được cấu kết thành những mặt trận có chiến tuyến rõ rệt.

Đà tiến của văn phê bình, như vậy, là thấp kém thua hẳn các thê văn khác. Phải chăng vì thái độ nghi kỵ và e giè có từ ngàn đời? cái tâm lý đó ngay năm 1933, hãy còn chưa gột rửa hết được. Trên báo Đông-Thanh, số 16 ra ngày 15 tháng 2 năm 1933, nhà học giả Nguyễn-Văn-Tố có viết :

« Nhiều người cho nhà bình phẩm là một kẻ đố kỵ, tự mình không làm được gì, thấy người làm sách đem lòng ghét ghét; không thì cũng là người xét đoán thiên-lệch vì tính chất và cái thị hiếu riêng của mình nó bó buộc: hễ thấy cái gì mình không ưa thì nhất-thiết bài bác cả. Ý kiến ấy có lẽ đối với lối « cảm-giác phê-bình » thì có phần đúng, mà đối với lối « Khoa-học phê-bình » thì thật là sai. Sự học vấn ngày nay càng ngày càng coi như cái kết quả của công-phu nhiều người, Đời bây giờ không phải là đời người học giả có thê tự-cao đứng đặc biệt một mình mà xướng ra những học-thuyết cao kỳ không cần đổi chiếu xem có hợp với sự thực không, miễn là phô diễn ra lời văn xán-lạn thì thôi. Các nhà làm sách nước Pháp có tri thông hiểu hơn, biết rằng trong sự học cốt nhất là phải sưu tập lấy nhiều sự thực, nghiên cứu khắp các phương diện, rồi cái triết-lý tự khắc nó suy diễn ra. Muốn sưu tập nghiên cứu như vậy, thì cần phải có nhiều người gia công học tập người nọ giám đốc người kia, ai sai lầm chỗ nào thì chỉ trích ra, ai phát minh điều gì tuyên bố lên. Như vậy thì mỗi người vừa là nhà làm sách, vừa là nhà bình phẩm, như thế tức là một cách giúp cho đường học-vấn mỗi ngày một tấn tới lên ».

Mấy dòng trích trên đây cho ta thấy, ngay đối với

Nguyễn-Văn-Tố, ông cũng chỉ chấp nhận giá trị phê bình khoa-học, áp-dụng vào việc tìm tra các tài liệu, chứ thực ra phê bình nghệ thuật xét cho cùng chỉ là công việc của hạng người không làm nỗi công việc sáng tác và phê bình, rút cục, cũng chỉ là công kích chê bai cái mà mình chẳng có thè thường thức nỗi, chứ phê bình đâu có phải là một lối thè hiện sự thường thức, thông đạt sự thường thức và càng không phải là một niềm cảm thông giữa hai tâm hồn hay một công trình sáng tạo.

Nhưng, tương đối, từ sau năm 1932, tình trạng đó dần dần cũng có thay đổi. Cái khói người đông đảo bấy lâu tự nhận là phái tân học và dư-luận quốc-dân cũng nhận như vậy, nay bỗng nhiên bị một lực-lượng mới hơn chụp cho cái mũ «cựu học». Trên Phong-Hóa số 18 ra ngày 20 tháng 10 năm 32, Nhất-Linh đã viết : «Vì thế trong bọn «cựu học», có ông Phạm-Quỳnh đề-xướng thuyết trung dung giữ lấy cái hay của Đông-phương, thu lấy cái hay của Tây-phương, dung-hòa hai cái văn-hóa, gầy-dựng lấy một nền văn-minh riêng, cái mộng tưởng ông Phạm-Quỳnh là ở đây,»

Xã-hội Văn-học Việt-Nam, khoảng hai ba năm đầu thế hệ 1932, chia hẳn ra làm hai khối rõ rệt. Tôi tạm gọi là khối A, Khối của tất cả những người thuần cựu học như các ông Dương Bá-Trạc, Nguyễn-trọng-Thuật, Nguyễn-Hữu-Tiến, Huỳnh-Thúc Kháng, Nguyễn-khắc-Hiếu, Nguyễn-Đôn-Phục, Lê-Dư, Phan-Khôi... và của một số rất đông đảo những người bấy lâu vẫn tự xưng ra tân học mà nay bị kết án là cựu học như các ông Trần-Trọng-Kim, Nguyễn-văn-Vinh, Phạm-Quỳnh...Khối A, tức khối của những người mệnh danh là cựu học, toàn thè đều là những người chủ-trương hay viết thường xuyên cho các báo bấy lâu rất được dư-luận quí mến, tôn trọng như là những cơ-quan phò-biển, tuyên-truyền cho văn-hóa mới. Đó là trường

hợp các báo như Đông- Dương Tạp-chí (1913), Nam- Phong Tạp-chí (1917), Hữu- Thành Tạp-chí (1921), An- nam Tạp chí (1926), Rạng Đông (1929), Tiếng Dân (1927), Phụ- Nữ Tân Văn (1929), Đông Phương (1929), Nhựt Tân (1929) Phụ- Nữ Thời-đàm (1930), Tiều Thuyết Tuần san (1931), Khoa- Học Tạp- chí (1931), Đông- Thành Tạp-chí (1932) Văn- Học Tạp- chí (1932).

Tôi tạm gọi là Khối B, khối của phe nhóm Tuần báo Phong Hóa, tức Tự- Lực Văn - Đoàn. Đây là một văn đoàn đầu tiên có chủ trương thuần nhất, liên tục, có lề- chéch-đàng- hoàng, chặt- chẽ, có kỷ- luật nghiêm nhặt ràng buộc hội- viên, có cơ- quan ngôn- luận riêng- biệt, với mục- tiêu đã được chỉ- định minh- bạch, có chương- trình hoạt- động được nghiên- cứu kỹ- lưỡng và được phân- công rất thích- đáng với tài- năng của mỗi- hội- viên.

Lực- lượng của khối B này không có đồng- đảo- gì cho lâm, nhưng tất- cả- đều có tài- cán và được giao những- công- tác thuộc- đủ- mọi- ngành- nghệ- thuật; Khái- Hưng, Nhất- Linh viết- nghị- luận- rất- nhiều- nhưng- chuyên- nhất- về- tiều- thuyết; Hoàng- Đạo, Thạch- Lam- có- viết- tiều- thuyết- nhưng- hoạt- động- chính- là- viết- xã- thuyết; Thế- Lữ- viết- truyện- hay, soạn- kịch- cũng- khéo, phê- bình- có- tài- nhưng- là- kiện- tướng- rong- làng- thơ- mới; Tú- Mõ- thì- thiên- hản- về- thơ- khôi- hài; Nguyễn- gia- Trí- thì- chuyên- giữ- mục- hí- họa- và- trình- bày- tờ- báo.

Tất- cả- đều- trẻ, có- tài, lại- được- chỉ- huy- do- những- chương- trình- đã- hoạch- định- kỹ- lưỡng, thành- phần- của- lực- lượng- khối- người- mới- cấp- tiến- này- gặt- được- thành- công- ngay- từ- buổi- đầu.

Phải- chăng- vì- thế- mà- ngay- từ- lúc- mới- thành- lập, Tự- Lực- Văn- Đoàn- đã- khai- chiến- quyết- liệt- với- lực- lượng- khối- cựu- học, hay- ít- ra- bị- coi- là- cựu- học.

Hầu hết các nhà văn tên tuổi của thế-hệ trước đều bị khống Phong-Hóa ché diễu ; toàn bộ các báo, ngoại trừ báo Phong-Hóa, điều bị khống Phong-Hóa bêu xấu.

Nói cách khác, văn phê bình từ 1932 đến cuối năm 1934 là văn phê bình của hai khối A và khối B, tức văn phê bình của tất cả các nhà văn không thuộc nhóm Phong-Hóa với các nhà văn của khống Phong-Hóa, tức Tự-Lực Văn-Đoàn.

### I.—Đặc-tính của khối A, tức khống bị coi là cựu học

— Thành phần rất phức tạp. Không phải những cây bút cộng-tác với khống này không có những cây bút mới, trẻ, có tư-tưởng cấp tiến, nhưng có thì có đấy, thường khi lại là con số đông hơn cả bên Phong-Hóa, khốn nỗi bọn họ lúc này lè loi, độc-lập, chưa qui tụ thành đoàn thể : đó là trường-hợp các cây bút như Thiếu-Sơn, Vũ-Ngọc-Phan, Dương-Quảng-Hàm, Trương-Tứu, Lê-Tràng-Kiều, Lưu-Trọng-Lư, Lan-Khai, Hoài-Thanh, Nguyễn-Công-Hoan, Hải-Triều... Các ông không chuyên mục cho hẳn một tờ báo nào, và các ông càng không có quyền-lực già đối với đường lối của các tờ báo mà các ông cộng-tác.

Ngược lại, đa số các cây bút giữ vai trò lãnh-đạo, hay chủ biên của các tờ báo đều là thuộc thành-phần cũ, nghĩa là thuộc thế-hệ trước, tức thế-hệ 1913—1932, cái thế-hệ còn đang mơ say việc xây-dựng một nền văn-hóa dung hợp được cả Đông-lẫn-Tây : đó là trường-hợp các ông Phạm-Quỳnh, Nguyễn-văn-Vinh, Hoàng-Ngọc-Phách, Đông-Hồ, Nguyễn-hữu-Tiến, Nguyễn-văn-Tố, Ngô-tất-Tố, Nguyễn-Trọng-Thuật, Dương-bá-Trạc, Lê-Dư, Trần-Trọng-Kim, Dương-Tự-Quán, Hoàng-tăng-Bí, Nguyễn-Khắc-Hiếu, Đỗ-Thận, Phan-Khôi, Bùi-Kỷ, Nguyễn-Công-Tiều, Huỳnh-thúc-Khang...

— Cơ-quan ngôn-luận của các ông, xét về lượng, thật là đông đảo. Có những người làm báo trên dưới hai mươi năm, như các ông Nguyễn-văn-Vinh, Phạm-Quỳnh, Nguyễn-hữu-Tiến, Nguyễn-đôn-Phục, Trần-trọng-Kim ; có những tờ báo xuất bản trên dưới mươi năm như Trung-Bắc Tân-Văn, Nam Phong, An-nam Tạp-chí... Nhưng cái kém của tất cả các tờ báo này là kỹ-thuật làm báo chưa được cải tiến canh tân, từ cách trình bày cho đến nội-dung bài vở, đều cò lô, trình-trọng, dài-cács. Thực vậy, trong khi lớp người trẻ đang khao khát những cái mới lạ thì mấy tờ báo của khối A này đều như chỉ đề tâm làm công việc khảo cõ, viết những bài nghiên-cứu rất xa xôi, không ứng đáp những khát vọng mới lạ của tuổi trẻ mà cũng chẳng phải là những công trình khám phá có giá trị gì cho lắm. Đó là trường hợp của Nam-phong Tạp-chí còn kéo dài thêm hai ba năm, của An-nam Tạp-chí, Rạng-Đông, Tiếng-Dân, Phụ-Nữ Tân-Văn. Đông-Phương, Nhứt Tân, Phụ-Nữ Thời-Đàm, Tiều-Thuyết Tuần-san, Khoa-Học Tạp-chí, Đông-Thanh Tạp-chí, Văn-Học Tạp-chí..

— Văn của khối A này hãy còn lì lõi văn dẽh dàng, trình-trọng, đọc lên nghe rất kêu mà nội-dung thì hoặc là trống rỗng hay có khi còn mâu-thuẫn, phi-lý là khác.

— Với tất cả ngàn ấy thứ, lập trường của khối A hầu như là muốn sống yên-đồn, hòa-hoãn với cái đang có. Nói vậy chẳng phải bảo khối A này không muốn tiến, nhưng chủ-trương của họ là tiến hóa trong trật tự, tiến mà không gây xáo trộn, không phá phách, không đoạn tuyệt, không đứt khoát với những cái mà các ông cho là quốc hồn quốc túy...

## 11.— Đặc-tính của khối B, tức khối cấp tiến.

— Thành-phần của khối cấp tiến, tuy ít, nhưng thuần

nhất, tự đặt mình vào những kỷ-luật chung, có sự kiềm soát chặt chẽ; đàng khác, họ toàn là người mới, trẻ, thường xuất thân từ các trường Đại Học, hay Cao Đẳng ở trong nước hay ngoại-quốc. Đó là các ông Nhất-Linh, Khái Hưng, Thủ Lữ, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Tú Mỡ...

— Cơ-quan ngôn-luận là tờ Phong Hóa và, sau này, là tờ Ngày Nay, đều là những tờ báo, về mặt kỹ-thuật, tờ-chức Tòa-Soạn, nghệ thuật trình bày, về nội dung bài vở... nhất thiết đều mới mẻ, nhẹ nhàng, vui tươi, thích thời....

— Lập trường không còn phải cái thứ lập trường hòa-hoãn nước đôi. Họ muốn tiến với bất cứ giá nào, dầu phải tàn nhẫn, phải đập phá, phải chém giết... Mà thực họ đã tàn nhẫn với tất cả cái gì mà họ coi là cũ, họ đập phá tất cả cái gì mà họ cho là ngáng trở bước đi tới của họ, và lầm khi họ chẳng ngại đồ máu để giật phần thắng lợi.

— Văn của họ rất độc đáo, họ khởi xuất một lối văn mới mẻ, đơn-sơ, bình-dân, dễ-hiểu, vui tươi...

Với ngăn-ÿ thứ khí-giới, họ lập mặt trận và tuyên chiến với tất cả học-giới đương thời.

### **Gây gổ và tuyên chiến với các nhà văn lão thành**

Trong những mục hoặc như *Mực Tàu Giấy Bán*, hoặc như *Từ Nhỏ đến Nhớn* hoặc như *Bàn Ngang*, hoặc như *Từ Cao đến Thấp*, hoặc như *Giòng nước ngược* hoặc như *Cuộc Đièm Báo* thật là những nơi dụng võ thường xuyên của các cây bút như Tú Ly, Hoàng-Đạo, tức Nguyễn Tường Long như Nhất-Linh, Nhị-Linh, Tam-Linh, Tứ-Linh, tức Nguyễn-Tường-Tam, như Tú Mỡ,

tức Hồ trọng Hiếu, như Thạch Lam tức Nguyễn Tường Lân  
như Lê-Ta, Thể-Lữ, tức Nguyễn Thủ Lẽ...

Chẳng có một số Phong-Hóa nào mà chẳng có một vài  
nhà văn, nhất là nhà văn thuộc thế-hệ trước, bị đem ra chế  
diều. Lối phê-bình của Phong-Hóa, qua các mục nói trên, về  
các nhà văn đàn anh, thường là lối phê-bình châm-chọc, chế  
diều, thuộc đời tư hơn là lập-trường văn nghệ. Nếu có lúc  
nào bọn họ đem lập trường văn nghệ của phái già ra mà mồ-  
xé, thì cũng chỉ là đè chê bai là cò lỗ, thoái hóa, không hợp  
thời nữa. Chứ ít khi họ đánh thẳng vào lập trường như là  
lập trường mà thường thường họ đi tìm ở bọn đàn anh của  
họ một ít lối sống, một đôi thái độ, một vài cử chỉ họ cho  
là kỳ cục, thế rồi họ dùng tài thuật châm biếm, hài hước,  
chế diều con người của đối thủ hơn là chính nghệ thuật của  
đối thủ.

Đối với Phạm-Quỳnh và Nguyễn-văn-Vinh, ngay từ lúc  
bắt tay vào làm số Phong-Hóa đầu tiên tức số 14 ra ngày  
22-9-1932, trong bài Phong Dao Mới, Phong Hóa đã chế diều  
ông Vinh béo núng rung rinh và ông Quỳnh gầy lèu-đèu như  
hình cò hương rồi kết án hai ông là phường buôn bán chữ  
mà thành giàu có. Đó chỉ là một trong hàng trăm thí dụ về việc  
Phong-Hóa chế diều hai ông Phạm-Quỳnh và Nguyễn-văn-  
Vinh.

Nhưng chẳng hiều sao lại có hai nhân vật bị Phong-Hóa  
liên-miên đem ra chẳng phải để chế diều suông mà còn để  
chửi bới lải-nhai suốt cả mọi số báo, đó là trường-hợp các ông  
Hoàng-Tăng-Bí và Nguyễn-khắc-Hiếu.

Phong-Hóa, chẳng hạn, ví văn của Hoàng-Tăng-Bí khô  
tiêu như trứng vịt (Phong-Hóa số 29, trang 5), và nhìn họ  
Hoàng như một người mang bệnh nan-y «Bệnh chỉ trông thấy  
cái đẹp của Nho-Giáo. Bệnh của Cụ Bảng Hoàng nghe trầm-  
trọng lắm, Cụ nên tìm thuốc chữa đi thôi» (Phong-Hóa số 28,  
trang 5),

Còn Tân-Đà, trước con mắt Phong-Hóa, chỉ là một anh  
say rượu, say khướt-lướt :

Anh lên giọng rượu khuyên Phong-Hóa

Sặc-sụa hơi men khó ngửi quá.

(Phong-Hóa số 28; trang 5)

Nhưng không ở đâu Hoàng-Tăng-Bí và Nguyễn-khắc-  
Hiếu được mô tả một cách tồi tàn, gàn dở, quê kệch, nhất là  
đê hèn như trong vở «Tuồng cờ tân thời» (Phong-Hóa số 38,  
39, 40, 41, 42). Nơi đây Hoàng-Tăng-Bí và Nguyễn-khắc-  
Hiếu được mô tả như là một lũ mọt đang lập cơ-mưu một cách rất  
buồn cười đê tẩn công thành-trì kiên-cố, tối-tân của  
Phong-Hóa.

Bà Tương-Phố được nêu lên như là một gương điển-  
hình về lối văn rỗng tuếch : một bài «Giọt lệ thu» chỉ có không  
đầy bốn trang mà có 61 chữ vừa Than ôi ! vừa Ôi ! vừa Lê»  
(Phong-Hóa số 29).

Diễn-giả Lê-Dư được mô tả như là một anh hát trống  
quân lầm cầm trong bài «Ông Lê-Dư, còn nói truyện văn-chương  
không phải là cái bánh» (Phong-Hóa số 75).

Nguyễn-trọng-Thuật là một tay cù khôi đã từng chiếm

giải thưởng văn chương với tác-phẩm «Quả dưa đỗ», vậy mà nay Phong-Hóa, trong bài «Nhà nho tương lai» (Phong-Hóa số 108) đã vẽ Nguyễn-trọng.Thuật như là đồ ngu dốt chưa biết chấm câu. Từ Ly đã lấy thí-dụ một ông thanh-trạ bảo một ông Xã là con lừa mà ám chỉ ông Nguyễn-trọng.Thuật cũng là đồ con lừa.

Nhưng trong các bài chửi bới, chẽ giêu các nhà văn ở ngoài Phong-Hóa, có mấy bài đáng chú ý. Bài thứ nhất đề là «Tuồng cõi tâu-thời», Hài-kịch, hai hồi, đăng liền trên năm số Phong-Hóa từ số 38 đến hết số 42. Những nhân vật được đem ra chẽ giêu gồm có Hoàng-Tăng-Bí, Nguyễn-khắc-Hiếu, Nguyễn-văn-Vinh, Dương-bá-Trạc, Nguyễn-công-Tiêu; Nguyễn-Tiến-Lãng, Việt-An, Lê-công-Đắc, Trịnh-Đinh-Rư, Nguyễn-trọng-Thuật, Nguyễn-văn-Tổ, Hy-Tống...

Bằng ấy nhân vật được mô tả như đang thành lập một sào-huyệt mà Đảng chủ là Hoàng-Tăng-Bí với hai tên tham mưu hèn nhát là Nguyễn-khắc-Hiếu và Nguyễn-văn-Vinh. Bộ ba này muốn tấn-công Phong-Hóa mà không dám bèn bày cái trò ày chó bụi rậm, sai khiến bày lâu-la là những Dương-bá-Trạc, Nguyễn-công-Tiêu, Nguyễn-Tiến-Lãng, Lê-công-Đắc, Trịnh-Đinh-Rư, Nguyễn-trọng-Thuật, Nguyễn-văn-Tổ, Hy-Tống. Thật là một cuộc bày binh bố trận đàng-hoàng, trịnh-trọng nhưng buồn một nỗi là bày lâu-la toàn là «kẻ thì chỉ biết lạy như cốc-dế, kẻ thì què khóc lóc như ri, ngâm ba quân tiết lộn mề». Bởi vậy cho nên, dầu chưa làm trận nhiều anh đã chạy trốn. Kết-cục quân của bè lũ Hoàng-Tăng-Bí bị đại-bại, bị quân Phong-Hóa bắt trói hết cả.

Bài thứ hai là bài «Hội-nghị Văn-học», Phong-Hóa số

71, tác-giả vẫn là Tú-Ly như bài trên. Tú-Ly tả phòng hội : «Một gian phòng. Một cái bàn dài phủ dạ xanh, chung quanh các ông hàn ngồi, trước mặt mỗi người có một cặp sách. Ân vận theo lối các hội-viên viện Hàn-Lâm bên Pháp, chỉ khác có cái mũ thồ công».

Đây là một Hội-nghị Văn-học, được tổ-chức bắt chước như Hàn-Lâm-Viện của Pháp. Người đứng ra triệu tập và giữ chức Chủ-tịch là Huỳnh-thúc-Khang. Hội viễn gồm có các ông Hoàng-Tăng-Bí, Phạm-Lê-Bồng, Dương-Bá-Trạc, Phan-Khôi, Nguyễn-công-Tiêu, Nguyễn-khắc-Hiếu, Dương-tự Quán, Lê-cương-Phụng, Lê-Dư, Trúc-Đynthia, Đỗ-Văn, Tùng Vân, Mai-đăng-Đệ. Bây giờ các ông hội họp nhau không phải để bày mưu kế diệt Phong-Hóa mà để tranh phanh nhau, người nào cũng sوت sắng hiến cho hội cái tờ báo đang ngấp ngoài cửa mình. Ai nói thì người ấy nghe, cho nên khi ông Tùng-Vân là người cuối cùng nói thì «các ông hàn lần lượt ngủ dần hết đến bây giờ vẫn còn ngủ, lay thế nào cũng không dậy nữa».

Bài thứ ba đề là «*Non Bô Phong-Hóa*» Phong-Hóa số 125, là một bài thơ dài 84 câu. Tú-Mõ, với những vần thơ dí dỏm, chửi xỏ hầu khắp mặt mọi người :

*Tớn-Đà tửu sĩ thảnh thời ngồi  
Hũ to hũ nhỏ bầy la liệt.*

Đỗ-Thận thi :

*Một hang thăm thăm trông lồng lộng  
Bia tạc «Khâm-Thiên đệ nhất động»*

*Đỗ-Thận tiên ông ấy chủ nhân*

*Luyện đàn tình nhảy và... ôm xổng.*

Nguyễn-văn-Vinh thì được vẽ như anh thầy bối . «Vắng khách, buồn tênh thày tướng Vinh».

Gọi lối kè truyện của Dương-bá-Trạc «Rai như chảo rách đến bao chừ ?».

Gọi Nguyễn-trọng-Thuật là mọi : «Nam man Tòng Thuật tròng dưa đở».

Để thêm tài liệu, các bạn có thể tìm đọc những bài chửi Dương-bá-Trạc ở Phong-Hóa số 120, chửi Nguyễn-tiến-Lăng Phong-Hóa số 105, số 137 ; chửi ông Lê-Dư ở báo Tân Thiếu-Niên, Phong-Hóa số 112 ; chửi Thái-Phỉ của Ngọ Báo, Phong-Hóa số 110, chửi Nguyễn-khắc-Hiếu ở bài «Ba người nói rằng», Phong-Hóa số 115, chửi Nguyễn-Vỹ của bài Tập thơ đầu, Phong-Hóa số 127 ; chửi ông Vũ-Bằng ở bài «Cùng ông Tiêu Liêu Vũ-Bằng», Phong-Hóa số 60.

Chẳng những đánh từng cá nhân, mà Phong-Hóa còn đánh phủ đầu hùa khắp lượt các tờ báo đương thời mà họ chế là làm việc dốt nát, là viết văn cõi lỗ, là tư-tưởng thoái-bộ...

Trong bài « Báo giới với Xã-Hội An-Nam » (Phong-Hóa số 40), Tứ-Linh cho rằng báo chí chưa có ảnh-hưởng gì đối với xã hội...

Tôi tạm kê ra đây cho các bạn ít bài tiêu-biểu về lối Phong-Hóa chế diễu, chửi bới các báo : Tú Mỡ chửi Trung-Bắc Tân-Văn trong bài Phong Dao Mới (Phong-Hóa số 64) ; Tú Mỡ chửi An-Nam Tạp-chí trong bài « Văn tế Phong-Hóa tuần báo

viếng An-Nam Tạp-chí » (Phong-Hóa số 56) ; Thạch-Lam, trong bài « Cái túi khôn » (Phong-Hóa số 111), công kích Tiều-thuyết Thứ bảy ; Việt-Sinh chửi báo Rạng-Đông, nơi bài Bức Tranh Văn Cầu (Phong-Hóa số 70) ; Tú-Ly cũng chửi Rạng-Đông, nơi bài Báo Rạng.., ĐÔNG (Phong-Hóa số 56) ; Thạch-Lam, chửi báo Nhật-Tân ở bài Sự thông thái của báo Nhật Tân (Phong-Hóa số 105) và bài Ai ngủ, ai thức (Phong-Hóa số 104). Báo Tiếng Dân thì bị Ngộ Không chửi ở bài Báo Tiếng Dân bá cáo (Phong-Hóa số 78), bị Lê Ta chửi ở bài « Lũ mọt, người nhà quê ăn muối » (Phong-Hóa số 92), bị Thạch-Lam chửi ở hai bài Câu chuyện con voi (Phong-Hóa số 99) và bài Cuộc Dièm báo (Phong-Hóa số 101).

Phan-Khôi và Phụ-Nữ Tân-văn bị Tú-Ly, đem ra chế Giảm trang bài Trẻ con hay người lớn (Phong-Hóa số 75). Nhưng xem ra báo Đông-Phương là bị chế Giảm nhiều nhất, do Nhất-Linh, trong bài « Loài nhai lại » (Phong-Hóa số 51), do Thạch-Lam, nơi bài Cuộc dièm báo (Phong-Hóa số 126 và số 127), do Tú-Ly nơi bài « Thái độ quân tử của báo Đông-phương » (Phong-Hóa số 35) và bài Cố lén báo Đông-Phương (Phong-Hóa số 35) do Nhất Dao Cạo nơi bài « Hoa giấy trong lọ văn » (Phong-Hóa số 124). Phụ-nữ Thời-dàm bị Tú-Ly chửi nơi bài « Phong Hóa tờ báo trẻ con » (Phong-Hóa số 74) và bài Phụ-nữ Thời-dàm tiễn bộ (Phong-Hóa số 102), bị Tú Mỡ châm biếm nơi bài « Khóc cô Phụ-Nữ Thời-dàm » (Phong-Hóa số 91), bài « Cô Phụ-Nữ Thời-dàm lo ngư nước » (Phong-Hóa số 101), bài « Cô Phụ-Nữ Thời-dàm chết vờ » (Phong-Hóa số 112). Tiều-thuyết Tuần-san bị Nhất-Linh, Nhị-Linh

chửi ở bài Con Khi (Phong-Hóa số 55) và bài Văn vui (Phong-Hóa số 55). Báo Nam-Phong của Phạm-Quỳnh, đổi mới, bị đem ra chế giễu rất chua cay do Tú Ly trong bài Quốc hồn quốc túy (Phong-Hóa số 125) và do Tú-Mỡ với bài «Phong Lãng kỳ duyên : Sự tích ông Nguyễn-Tiến-Lãng chim Ba lão Nam-Phong» (Phong-Hóa số 117). Thạch-Lam cười Khoa-học của báo Khoa-Học (Phong-Hóa số 129), Báo Đông-Thanh bị Nhất-Linh chửi nổ bài Nghĩ lầm quần (Phong-Hóa số 55), bị Tú Mỡ chửi ở bài Phong dao mới (Phong-Hóa số 28). Văn-học Tạp-chí bị Nhất-Linh, Nhị-Linh châm biếm ở ba bài «Sợ ta nhảm» (Phong-Hóa số 35), «Sự thật thà trong làng báo» (Phong-Hóa số 47), «Văn-học quảng cáo» (Phong-Hóa số 119), và bị Nhất Dao Cao chế giễu trong bài Hoa giấy trong lọ văn (Phong-Hóa số 123). Báo Nhật-Tân bị cà Thế-Lữ, cà Nhất-Linh, cà Thạch Lam tấn công nổ bài Tạp phi hè (Phong-Hóa số 112), bài cùng ông Đỗ-Văn (Phong-Hóa 113), bài Bát lịch sự (Phong-Hóa số 131). Báo Loa thì bị chửi liên miên, nhưng ta có thể cù ra ít thí dụ như những bài chửi rất tàn tệ của Tú-Ly, «Loa hay váy» (Phong-Hóa số 91), Lại mỹ nhân gà (Phong-Hóa số 114) của Tú-Mỡ, Nhắn lão Bô cà (Phong-Hóa số 94). Báo Annam Nouveau của ông Vĩnh bị Tú Ly chửi xỏ nổ bài «Ông Nguyễn-văn-Vĩnh muôn giật lùi» (Phong-Hóa số 32). Báo Tạp-chí Việt bị Tú Ly chế giễu nổ bài «Ông Hy-Tống với tờ Việt-Nam» (Phong-Hóa số 116).

Một ít những bài tôi trích đọc cho các bạn nghe trên đây cho các bạn thấy Phong-Hóa đã tung ra chiến-trường những chiến-sĩ thời danh nhất của họ gồm có các ông Nhất Linh, Hoàng-Đạo, Thế-Lữ, Thạch-Lam, Tú Mỡ... để mà

họ uy-tín các cây bút không thuộc nhóm Tự-Lực và hầu hết các báo ngoại trừ Phong-Hóa của họ. Thái-độ Phong-Hóa là thái độ kè-lớn, là tiếng nói làm ra bộ đàm anh đối với bọn đàn em. Phong-Hóa thực ra chưa có đứng trên lập-trường nghệ-thuật, hay nhân danh nghệ-thuật để mà phê-bình đồng-nghiệp. Trái lại, hầu hết các bài đều có vẻ bêu-xấu đồng-nghiệp.

### III.— Đặc Tính của khối C chống Phong-Hóa Ngày Nay.

Những đồng-nghiệp bị báo Phong-Hóa công-kích, bêu-xấu, đong đảo vô cùng, và thuộc đủ mọi lứa tuổi, có người thuộc phái cựu học mà rất lầm người cùn mới hơn cả anh em bên Phong-Hóa. Chính vì vậy mà một mặt trận mới như được liên-kết lại từ năm 1934—1935: một bên là Phong-Hóa, một bên là hầu hết các tạp-chí khác; một trận tuyến được giàn ra, gay go, kéo dài hàng mấy năm liền giữa hai khối. Nếu từ 1932 đến 1934 là trận-tuyến Phong-Hóa giàn ra để đánh tất cả làng báo mà Phong-Hóa coi là cồ lỗ, thì từ năm 1934 trở đi, một sự tòng phản công của các báo chí khác vừa mới ra đời từ năm 1934, đã liên hiệp lại để đánh thắng vào Phong-Hóa. Thực ra, ngoài Phong-Hóa hầu hết các báo từ năm 1934 trở về trước đều nằm trong tay bọn học-gia khuynh về dung-hòa. Bọn trẻ, mới, viết cho các tờ báo này đồng-khá-lăm, nhưng chưa năm được các tờ báo, cho nên vẫn bị nhóm Phong-Hóa coi thường. Nhưng từ năm 1934 trở đi, Phong-Hóa dù trước kia có trẻ mẩy, có duyên mẩy, thì lúc ấy cũng già đi nhiều rồi. Năm 1934 và các năm sau, nhiều tờ báo mới ra đời, mà phần nhiều ban chủ-trương lại là thuộc thành-phần trẻ xưa kia đã cộng-tác với các tờ báo từng

Phong-Hóa chửi bới, cho nên ngày nay họ vô tình mà liên-hiệp  
lại để tấn-công Phong-Hóa. Phải chăng vì vậy mà Phong-Hóa  
mặc phải chết để đầu thai dưới một tên khác «Ngày Nay» ???

Mặt trận hay khối thứ ba, mà chúng ta tạm gọi là khối C  
này gồm có những báo như Tiều-Thuyết Thứ Bảy (1934), Loa  
(1934), Hà Nội báo (1936), Ích hưu (1936).

Loa là tờ Tuần báo ra ngày thứ Năm, 15 tháng 2 năm  
1934. Nếu trước đây, Phong-Hóa liên miên chửi bới các báo,  
thì bây giờ đến lượt Loa thường xuyên sủa lưng Phong-Hóa.  
Loa có những cây bút phê-bình nghị luận tên tuổi như Lan-  
Khai, nhất là Trương-Tửu.

Nhưng các bài tranh-luận liên miên với Phong-Hóa đều  
không ký tên thật mà thường đề một tên giả «Tư Húi» trong  
mục «Mép thơ ngói». Nếu ở Phong-Hóa, các mục «Tử cao  
đến thấp», «Tử bé đến nhỡn» luôn luôn dành để chửi Loa hay  
các đồng-nghiệp của Loa, thì cái mục «Mép thơ ngói» là chỗ  
kết Loa bắc loa sang mà chửi Phong-Hóa. Các bạn có thể tìm đọc  
ở mục Mép thơ ngói của Tư Húi các số 10, 16, 19, 20, 29, 30,  
... hay những bài như «Sau một năm» Ký Loa, số 54, hai bài  
Văn tế Phong-Hóa, ký tên Khai-Anh, số 69, các bạn sẽ thấy rằng lối  
phê-bình mà các báo dành cho nhau chỉ tranh giành độc-giả. Nếu  
Phong-Hóa gọi Loa là vầy thì Loa bảo Phong-Hóa chuyên «dòm  
đò» vầy. Bài «Chính anh chàng ấy dòm đở»... (Loa số 29) thật  
là hài-hước, chua cay và xỏ lá đối với Phong-Hóa.

Sau Loa ít lâu, đến lượt Tiều-Thuyết Thứ Bảy ra đời  
ngày mồng 2 tháng 6 năm 1934.

Tiêu Thuyết Thứ Bảy có những cây bút cứng cáp chuyên

giữ mục Văn-học như Nguyễn-Công-Hoan, Lưu-Trọng-Lư, Hồ-Triều, Thiếu-Sơn, Hoài-Thanh.

Tiêu-Thuyết Thứ Bảy tiếp tay với Loa trong chiến-dịch tấn-công Phong-Hóa. Ngoài rất nhiều bài ngắn trả lời Phong-Hóa, đáng chú ý, là hai bài ký tên Nguyễn-Công-Hoan và một bài ký tên Tân-Dân, tức nhà xuất-bản Tân-Dân.

Trong bài Từ Cõ Giáo Minh đến Đoạn-Tuyệt, số 92, Nguyễn-Công-Hoan kết án Nhất-Linh là người gian-ngon, « không biết mình và không biết người ».

Trong bài « Lỗi trích văn của Phong-Hóa », số 97, Nguyễn-Công-Hoan minh chứng sự gian ác của Phong-Hóa trong lối trích văn cốt ý xuyên-tac để hạ uy-thể đồng-nghiệp.

Trong bài Phong-Hóa gièm pha chúng tôi, Nhà Tân-Dân viết : « Phong-Hóa càng ngày càng xuống. Tiêu-thuyết Thứ Bảy càng ngày càng lên. Ích hưu tờ báo thứ hai của nhà Tân-Dân mới xuất-bản rất được hoan-nghênh.

« Ba sự hiền-nhiên ai cũng nhận thấy.

« Các ông bên Phong-Hóa lo Tiêu-thuyết Thứ bảy và Ích hưu Tuần báo « truy » mất hết độc-giả của các ông nên độ tay các ông hoạt-động dữ ». Sau đây, nhà Tân-Dân tố-cáo thái độ Phong-Hóa cố ý gièm pha đồng-nghiệp.

Tờ báo thứ ba, Hà-nội báo, tuần báo ra ngày thứ tư số 1 ra ngày 1 tháng 1 năm 1936, là nơi qui tụ nhiều cây bút quen thuộc như Phan-Khôi, Phạm-Quỳnh, Lê-Chi, Lê-tràng-Kiều, Nguyễn-Công-Hoan, Trương-Tứu, Lê-Thanh, Vũ-Trọng-Phụng..»

Có lẽ không có tờ báo nào chống đối nhóm Phong-Hóa mạnh mẽ cho bằng Hà-nội báo. Chẳng mấy số Hà-nội báo không có bài công kích Phong-Hóa. Chỉ mới kè ra đây những bài tiêu biếu, mạnh mẽ hơn, ta đã có thể đếm được 11 bài ký Hà-nội báo, 2 bài ký Thiện Quà, 3 bài ký Văn-Tệ, 1 bài ký Nguyễn-Công-Hoan, 4 bài ký Lê-tràng-Kiều... Tôi kè ra đây để làm chứng những bài tiêu biếu ký tên Hà-nội báo :

— Bài « Một việc tối quan trọng trong làng văn » (H.B số 6) tố cáo Phong-Hóa đã đưa ra « lời vu cáo hèn hạ » đối với Nguyễn-Công-Hoan.

— Bài Tò ong vỡ (H.B. số 7) đã mỉa mai gọi Phong-Hóa là bầy ong, bầy ruồi vỡ tồ.

— Bài « Cái thái độ hèn nhát của báo Phong Hóa » (H.B. số 9) kết án Phong-Hóa trả lời đồng nghiệp « bằng những câu thô bỉ, bằng một giọng hèn nhát » không đứng trên lập trường tư tưởng hay nghệ thuật để phê phán mà chỉ cõ ý bêu kíu cá nhân của đồng nghiệp một cách rất vô lý như việc Phong-Hóa chửi Hà-nội báo chỉ vì ông Lê-Cường, chủ trương Hà-nội báo là ông chủ một nhà thuốc lớn, một nhà in bể thế.

Bài « Bức thư ngỏ gửi ông Nguyễn-Tường-Tam », (H.B. số 11), tác giả viết : « Đối với bạn đồng nghiệp cũng như khinh những hạng người không thành thực, nguy hiểm hèn nhát, bao giờ cũng vì một cái lợi nhỏ, một cái thù vặt, mà có ý gieo cho người ta những mối nghi ngờ ác hại ».

— Bài « Tôi trạng báo Phong-Hóa » có những câu như :

«Những tội trạng của Phong-Hóa không phải chúng tôi mới nhận thấy, hầu hết những độc giả ngày nay là của Hà-nội báo, và ngày trước của Phong-Hóa đều đã thấy cả». Thế rồi Hà-nội báo kè các tội trạng của Phong-Hóa như việc chế Giỗ, mạ lị người dân quê dốt nát (Lời nói thêm của Hà-nội báo số 13), như việc phê bình thiên vị, dốt nát (bài Độc giả lượm những cái dốt của Phong-Hóa số 13).

— Khái-Hưng bị đả kích khá nặng nề trong bài «Báo Phong-Hóa vu cáo hèn, ông Khái-Hưng ngụy biện».(H.B số 13).

— Nhưng không có số báo nào đánh Phong-Hóa mạnh bằng số 15 ra ngày 15-4-1936 : hai bài trong một số báo. Trong bài thứ nhất đề «Tội trạng báo Phong-Hóa», tác giả viết: «Tôi thứ ba của Phong-Hóa. Dùm đồng nghiệp... Bất kỳ một tờ báo nào mới ra, cũng bị Phong-Hóa nói xô, nói xiên, nói châm, nói chọc, có khi kéo cả đại đội ra đè công kích. Họ công kích như vậy để làm gì ? Cốt cho đồng nghiệp lui đi, đè bãi cỏ xanh chỉ còn một mình họ ăn» (H.B. số 15).

Bài thứ hai đề «Một bức thư cùng ông chủ bút Hà-nội báo» (H.B. số 15), một độc giả Hà-nội báo đã hạ những lời phê bình gay gắt về Tự-Lực Văn-Đoàn : «Chúng tôi là một bọn độc giả báo Phong-Hóa, cũng như phần nhiều độc giả Phong-Hóa trước kia chúng tôi vẫn thường báo ấy ra đời là vì xã-hội, là vì bình dân, vì một tôn chỉ cao xa, như ông Nguyễn-tường-Tam thường rao trên báo.

«Nhưng dần dần chúng tôi xét ra mục đích của bọn ông Nguyễn-tường-Tam chỉ vì hiếu danh mà làm báo. Muốn đạt

cái mục đích ấy, họ dùng đủ cách để hèn, cái chương trình của họ gồm có hai phần :

«Trước hết họ xoi bối chẽ nhạo thô bỉ tất cả những người tài giỏi hơn họ, hoặc có chút danh vọng giữa xã hội. Làm như thế để quốc dân chán ghét, mỉa mai, khinh bỉ những người ấy. Sau khi đã đánh đồ những người có tên tuổi họ liền đem nhau ra mà tâng bốc, Khải-Hưng khen Thế-Lữ và Nhất-Linh, Nhất-Linh khen Khải-Hưng v.v... để quốc dân tưởng lầm rằng chỉ có bọn họ mới thật là thi sĩ, nhân tài Việt-Nam.

«Cái chương trình của họ ngày nay đã thực hiện. Một phần quốc dân đã bị họ lừa, hoan nghênh bọn họ một cách quá đáng, còn như những ông Nguyễn-Công-Tiêu, Nguyễn-Khắc-Hiếu, Huỳnh-Thúc-Khang bị xem như hạng người đáng cười nhất thế giới.

«Thấy thế bọn họ càng kiêu căng tự phụ, không nề kiêng gì ai nữa. Hễ họ thấy một nhà văn sĩ nào có tiếng tăm, hay một tờ báo nào chạy hơn họ, thì họ tìm cách «dìm» ngay. Hôm qua mạt sát Phan-Khôi, Nguyễn-Khắc-Hiếu, Lãng-Nhân, Nguyễn-lan.Khai, Lưu-trọng.Lư... Hôm nay, họ cố làm mất giá trị Trương-Tửu, Nguyễn-Vỹ, Hoài-Thanh, Nguyễn-công.Hoan... Ngày mai cái tính dỗ ky nhở nhen của họ đưa họ đến đâu?»

Trong bài lời nói thêm của Hà-nội báo» (H.B. Số 56 ngày 16-3-1937), tác giả vạch rõ sự tàn nhẫn của Phong-Hóa : «Phong-Hóa không những đã dìm những đồng nghiệp đương sống mà cả những đồng nghiệp đã chết rồi, Phong-Hóa có

dè yên cho đâu ! Lâu lâu Phong-Hóa lại đào mồ những tờ báo đã chết dè nói cho hả giận.. chẳng nói gì cho lắm, thí dụ như tờ báo Loa.

«Cái tin báo Loa chết đối với Phong-Hóa là một tin mừng... Ngày được tin ấy, Phong-Hóa liền vã ngay lên bìa, một bức tranh Ông Bùi-xuân-Học ngồi vá váy và khóc bù lu, bù loa... Cái tranh ấy kè cũng buồn cười thật, nhưng hơi «mất dậy» một chút». Ngoài loạt bài không dè tên tác giả, mà chỉ dè Hà Nội báo, ta còn có thè kè thêm nhiều bài ký tên tác giả.

Ông Thiện Quả là tác giả bài «Tôi thứ nhất» (H.B. số 13) và bài «Phong-Hóa với dân quê» (H.B. số 15). Ở cả hai bài Ông Thiện Quả điều bài bác thái độ Phong-Hóa đối với dân quê.

Ông Văn-Tệ là tác giả ba bài «Trả lời cho báo Phong-Hó» (H.B. số 6), «Tôi trạng báo Phong-Hóa» (H.B. số 14.) Báo «Phong-Hóa yêu cầu chính phủ trị» H.B. số 15). Ở cả ba bài, Ông Văn-Tệ ghi nhận rằng báo Phong-Hóa ngày một xuống, một ế, cho nên báo Phong-Hóa ngày một phải cạnh tranh bất chính bằng các thứ cười rất tục tằn và tàn nhẫn».

Nhưng trong số những nhà văn có tên tuổi lên tiếng cộng kích Phong-Hóa, ta phải kể đến Nguyễn-công-Hoan và Lê-Tràng-Kiều.

Nguyễn-công-Hoan (H.B. số 9 ngày 4-3-1936), đã cố vạch ra cho độc giả thấy cái gian ý của Tự Lực Văn-Đoàn trong khi họ lên tiếng kết án Cô giáo Minh là bắt chước Đoạn Tuyệt.

Vào hùa và bênh Nguyễn-công-Hoan, Lê Tràng Kiều viết một thời một hồi ba bài để bắt bẻ Phong-Hóa vì bọn này đã công kích Nguyễn-công-Hoan. Các bạn có thể đọc ba bài Lê Tràng Kiều phê bình Tự-Lực-Văn-Đoàn phê bình Nguyễn-công-Hoan. (Vì lẽ gì Phong-Hóa không trả lời, H.B. số 7, Giọng hèn nhát của báo Phong-Hóa, (H.B. số 13). Cuối cùng Lê Tràng Kiều phê bình Thế-Lữ phê bình Khói lam chiều của Lan-Khai. Lê Tràng Kiều đã chê Thế Lữ phê bình khói lam chiều bằng cách đi nhặt những «hạt đậu dọn», nghĩa là xoi bói những cái nhỏ nhen không đáng kể.

Cuối cùng đến ÍCH HỮU lại mở chiến dịch công kích Phong-Hóa hay đúng hơn là Ngày-Nay.

Nguyễn-công-Hoan viết hai bài : « Từ Đoạn Tuyệt đến Cô giáo Minh » (Ích Hữu số 2) và bài « Cùng ông Khái Hưng (Ích Hữu số 4). Ở cả hai bài, Nguyễn-công-Hoan đều trả lời Tự-Lực-Văn-Đoàn về việc công kích tác phẩm Cô giáo Minh bằng đường lối mà Nguyễn-công-Hoan cho rằng có gian ý, muốn đâm đồng nghiệp.

Sau khi Nguyễn-công-Hoan lên tiếng, thì Lãng Nhân Phùng Tất Đắc họa lời bênh vực tác giả Cô giáo Minh và cho rằng lối phê bình của Tự-Lực-Văn-Đoàn là thiên lệch một chiều.

Ngoài ra còn năm bài ký tên Ích Hữu cũng đều kè tội Phong-Hóa hay Ngày-Nay là có dã tâm dèm pha, hạ bệ đồng nghiệp như các bài « Lối trích văn của Phong-Hóa, (Ích Hữu số 6) ; Phong-Hóa gièm pha chúng tôi, (Ích Hữu số 6) ; Cái thói gièm pha của bọn Phong-Hóa, Ngày Nay, (Ích Hữu số 56) ; cái

thói dèm pha của bọn Phong-Hóa, Ngày Nay nhiều báo đã công nhận. (Ích Hữu số 57) : Ngày Nay nhận tội (Ích Hữu số 58).

Các bài phê bình Phong-Hóa hay Ngày Nay đại đè cũng là kết án hai cơ-quan này có thái độ ~~đè~~ dèm pha đồng nghiệp. Trong số các bài kè trên, có bài « Cái thói gièm pha của bọn Phong-Hóa, Ngày nay nhiều báo đã công nhận » (Ích Hữu số 57), tác giả nhắc đến và trích văn các báo đã có bài công kích báo Phong-Hóa, Ngày Nay. Tác giả có kè đến báo Loa, số 10 ra ngày 19-4-1934; báo Đông-Phương hoạt động số 2 ra ngày 13-1-1937; báo Nhật Tân số 36 ra ngày 18-4-1934 ; báo Tương Lai số 8 ra ngày 18-3-1937:

#### IV.— Đặc tính của Khối D, khuynh hướng Mác-xít

Song song và đồng thời với cả khối A, tức khối mệnh danh là cựu học, cả khối B, tức Tự-Lực Văn-Đoàn cả khối C, tức phe mới đổi lập, chống báng Tự-Lực Văn-Đoàn, có thè kè đến khối D, tức phe nhóm của Hải Triều, Hồ Xanh, Bùi-Công-Trường một thiều số các nhà văn có khuynh hướng duy vật mác-xít. Với chủ-trương văn nghệ phải phục vụ cho giai cấp đấu tranh, khuynh hướng duy vật đứng biệt lập ra một phía, chống đối lại cả ba khối trên.



## CHƯƠNG IV

# NHỮNG VỤ ÁN VĂN HỌC THẾ HỆ 1932

Trên đây, tôi tạm phác vẽ sinh-hoạt phê bình dưới hình thức phe phái, trong khoảng từ 1932 đến 1939 hay 1940. Có lẽ chưa có thời nào sinh-hoạt văn học có vẻ hào hứng, động đất cho bằng trong khoảng thời gian này.

Để tóm tắt, chúng ta có thể ghi nhận sinh-hoạt phê bình văn học, hồi đầu thế hệ 1932 như là những vụ án văn học.

### 1. — VỤ ÁN BÁO CHÍ

Chưa bao giờ báo chí Việt-nam bút chiến với nhau dữ dội như ta thấy ở chương ba ở trên đây. Các cuộc bút chiến này, trọng tâm có lẽ là sự cạnh tranh nghề nghiệp, tranh giành độc giả, nhưng cũng gián tiếp đặt ra được nhiều vấn đề, làm sáng tỏ nhiều lập trường văn nghệ, sửa chữa được nhiều lỗn xộn trong nghề viết văn. Các báo chia thành hai bốn khối như tôi đã trình bày ở trên : khối A của các nhà mệnh danh là Cựu học với các tờ báo ra đời từ 1932 hay trước năm 1932 mà còn hoạt động cho tới 1934, khối B của nhóm Tự-Lực Văn-Đoàn với Phong-Hóa và Ngày

Nay; khối C của các báo ra đời từ 1934 trở đi, đổi lập, phản kháng lại Tự-Lực Văn-Đoàn; khối D của nhóm mác-xít với các ông Hải Triều, Hồ Xanh, Bùi Công Trừng...

## 2. — VỤ ÁN CŨ VÀ MỚI

Mặc dầu được Đông dương tạp chí và Nam Phong tạp chí cố gắng đứng ra giàn hòa trong một thời gian khá lâu, phe mới cũ cũng bất đắc dĩ phải cung nhau: Cuộc đụng độ bắt đầu khai mào vào khoảng từ 1931 trở đi. Phan-Khôi, từ khoảng 1932 trở đi, đã lái Phụ Nữ tân văn, đi vào con đường canh-tân. Nhiều cây bút, mà đặc biệt là cây bút Phan-Khôi, bắt đầu tấn công nền cựu học, tấn công Nho giáo, kết án chế độ đại gia đình, công kích kịch liệt chế độ Tam Cương. An-Nam tạp chí của Tân-Đà nhảy vào chiến-trường. Hai nhà nho, nhà nho Nguyễn-khắc-Hiếu và nhà nho Phan-Khôi, giao tranh ác-liệt trong một thời gian khá lâu. Sau này, năm 1932, xem ra Đông-Thanh tạp-chí và Văn-học tạp-chí, như có vẻ đứng về phe Tân-Đà, dù phản đối những kết án của Phan-Khôi đối với nền đạo đức Đông phương, nếu không bằng các bài bút chiến trực tiếp thì cũng bằng các bài trình bày cái hay cái đẹp của đạo đức Đông phương.

Nhưng từ khi Phong-Hóa ra đời, thì một mặt trận đã giàn ra, đầy mạnh chiến dịch mà Phan-Khôi chỉ mới khai mào. Cuộc tranh luận mới cũ được Phong-Hóa đặt lên làm tôn chỉ cho cơ quan ngôn-luận, và là mệnh lệnh mà mọi nhà văn thuộc văn phái Tự-Lực phải tuân theo. Chẳng những người ta dùng nghị-luận để kết án đạo đức cũ mà còn dùng tranh khai hài, thơ trào phúng, kịch hí lông, tiểu thuyết tranh đấu để đánh

thẳng vào nền cựu học, với ý chí quyết liệt và hậm hê được nền  
cựu học.

### 3.— VỤ ÁN PHAN-KHÔI—TRẦN-TRỌNG-KIM

Đầu năm 1930, Trần-trọng-Kim cho xuất bản cuốn I  
nền Bộ Nho Giáo của ông, trình bày khá cẩn kẽ về thân thế, sự  
nghiệp và học thuyết Khòng Tử cùng trường phái nho giáo.

Phan.Khôi đã đọc Nho giáo của Trần-trọng-Kim rất kỹ  
lưỡng và trên Phụ nữ tân văn số 54, ngày 29-5-1930, sau  
khi ca ngợi công lao của Trần-trọng-Kim, đã công kích ông này  
lần lần Khòng Học với Tống Nho.

Sau bài đả kích trên, không còn đợi Trần-trọng-Kim trả  
lời, Phan.Khôi viết một hồi một hồi về nho giáo, khi xa khi  
nhìn, vẫn có vẻ công kích tác giả Trần-trọng-Kim như ta thấy  
trong những bài như : Cuốn sách nho giáo gợi ý cho chúng tôi,  
nhà bảo rằng : người Việt-Nam phải viết chữ quốc ngữ cho  
điing (P.N.T.V. số 56, 12-6-1930), Người mở đường cho luân  
học Á Đông, Khòng Tử và cái thuyết «chánh sách» của Ngài  
V.N.T.V số 57, 19-6-1930) Thuyết chánh danh đính chính  
lại cái tên xưng hô của người Việt-Nam (P.N.T.V, số 28,  
11-6-1930 và số 59, 3-7-1930).

Trần-trọng-Kim đã theo dõi công việc làm của Phan Khôi  
và đề tâm suy nghĩ về những lời lẽ công kích của ông. Chính  
vì vậy mà Trần-trọng-Kim đã lên tiếng trả lời Phan.Khôi nơi  
lần «Mấy lời bàn với Phan tiên sinh về Khòng giáo» (P.N.T.V số  
10, 10-7-1930). Trong bài này, Trần Trọng Kim có chịu là Phan  
Khôi có lý ở nhiều điểm, nhưng không trả lời đúng vào cái  
lầm mà Phan Khôi đã công kích ông.

Có lẽ vì vậy mà trên Phụ nữ Tân văn số 62, 24-7 1930, trong bài «*Cánh cáo các nhà học phật*», cho dù mục đích là để tấn công Phạm Quỳnh, Phan Khôi cũng vẫn trách khéo cả Trần Trọng Kim như là cố ý lẩn tránh vấn đề.

Và sau đây, trên Phụ nữ Tân văn số 63, 31-7-1930, nơi bài «*Mời Trần Trọng Kim tiên sinh đến nhà Mr Logique chơi, tại đó, chúng ta sẽ nói truyện*». Phan-Khôi vạch rõ những điểm mà Trần Trọng Kim đã né tránh không chịu trực tiếp trả lời, đồng thời Phan Khôi cũng chê trách Không Tử và Mạnh Tử là thiếu óc luận lý.

Lần này, thì Trần Trọng Kim không còn giữ yên lặng nữa. Trên ba số báo, Trần Trọng Kim đã lên tiếng trả lời Phan-Khôi: bài «*Mời Phan-Khôi tiên sinh trở về nhà học của ta mà nói truyện*» (đăng lên liên tiếp hai số báo, (số 71, 25-9-1930, và số 72, 2-10-1930) với bài «*Không giáo với khoa học* » số 74, 16-10-1930). Trần-trọng-Kim đã tỏ ra phục thiện, chịu lỗi là do sơ ý mà trở thành bông lông không trả lời đúng vào các điểm mà Phan-Khôi công kích ông. Nhưng rồi Trần-trọng-Kim cũng minh xác với Phan-Khôi nhiều điểm, nhất là điểm Phan-Khôi trách triết gia đồng phương thiếu óc suy luận khoa học.

Vấn đề Phan-Khôi nêu ra năm 1930, và đến năm 1934 khi cho tái bản Nho giáo Trần trọng Kim đã cho sửa chữa, thì Ngô tất Tố lại khơi lại đề công kích Trần-trọng-Kim năm 1940.

Cuộc tranh luận này cho ta thấy hai nhà học giả họ Phan và họ Trần đã có thái độ trí thức rất đáng phục. Chính thái độ trí thức ấy đã giúp làm sáng tỏ nhiều vấn đề triết học bấy

như bị thiên hạ hiểu rất mu mơ.

#### 4.— VỤ ÁN TÂN-ĐÀ — PHAN-KHÔI

Nhân đọc cuốn tiểu thuyết «Cay đắng mùi đời» của nhà văn Hồ Biểu Chánh, Phan Khôi đã viết một bài đại luận về cái cười thường khi rất bỉ ổi, tàn nhẫn của người Việt Nam mình. Bài đó ông đề nó là «Cái cười của con rồng cháu tiên» (P.N.T.V. số 84, 28-5-1931). Phan Khôi đã vạch ra cái khéo léo, tài tình của người bút tả chân Hồ Biểu Chánh trong việc vẽ ra cái cười man rợ, khả ố, đê tiện của cái nòi giống tự xưng là «Con rồng cháu tiên».

«Bộ «Cay đắng mùi đời» hẳn đã có nhiều người nói đến và thấy trong đó tả những gì, khi tôi đọc chắc tôi cũng thấy như người ta. Một bộ tiểu thuyết vẽ ra nhân tình thế thái. Nhất là sự khốn nạn của kẻ nghèo, thật là có ý vị thâm trầm lắm. Vậy mà những điều đó tôi đề ra ngoài hết, khi tôi đọc nó tôi chỉ có một cái cảm tưởng về cái cười trong truyện mà thôi. Hắn tác giả «Cay đắng mùi đời» là ông Hồ-Biểu-Chánh cũng phải bức cười mà cho tôi là tộc mач». (P.N.T.V. số 84, 28-5-1931). Trong rất nhiều thí dụ về trường hợp lố bịch của cái cười Việt Nam mình, Phan Khôi đã đưa ra một so sánh :

«Có một phần đông người Pháp ở đây ta hằng ngày thấy họ cũng có thể chiêm nghiệm được một dân tộc Pháp. Ví dụ như gấp khi trời mưa, đường trơn, có người nào đó bất kỳ đi vội ý mà trượt té, bấy giờ có năm ba người Pháp đứng đó họ có cười hay không ? Tôi, và nhiều người như tôi nữa đảm nhận rằng họ chẳng những không cười mà còn chạy lại để

đó người bị té ấy lên nữa. Còn như Con Rồng cháu Tiên ta, ai không biết chớ tôi, tôi cầm chắc rằng trước khi chạy lại đó, họ phải cười một chặp cho nó nê đã». (P.N.T.V số 84, 25-31).

Sau khi, với giọng bông đùa, Phan-Khôi đã dám đưa ra mà công kích cái cười khắc ố, bẩn tiện của cả một cái nòi giống tự xưng là Con rồng Cháu tiên, thì, đến ngày 13-8-1931, trên Phụ nữ Tân văn số 95, ông lại cay nghiệt chửi túm lum cái phong tục man rợ mà người ta xung tụng là thủ tiết trong xã hội Trung Hoa và Việt-Nam.

Theo Phan-Khôi, cái luật bắt người đàn bà goá chồng, ở vậy, thủ tiết thờ chồng là một luật rất man rợ, thoái hóa, người Trung Hoa đã bỏ nó từ lâu rồi mà người Việt Nam mình cứ giữ nó khư khư để đàn áp người đàn bà. Ý Phan Khôi muốn đồ cái lỗi ấy cho Tống nho, chứ thực tình Không nho chẳng có dạy «cái điều xằng bậy» ấy... Mà ngay đến Tống nho hồi đầu bênh Trung Hoa cũng chẳng ai coi cái luật thủ tiết là quan trọng. Phan Khôi kẽ:

«Các nho gia nhà Tống trước Trinh Hy đối với phụ nữ có ý rất khoan thứ, nghĩa là không bắt buộc họ phải thủ tiết, chịu thiệt thòi cả đời như Phạm-trọng-Yêm (sanh năm 989) đã lập ra cái nghĩa trung trang, trong tờ khoán ước có trích ra một phần ruộng để giúp đàn bà cài giá, còn đàn ông tái thù lụ khôn giúp. Ông có con trai là Phạm-huận-Hựu chết non đã lai một người vợ góa, sau đó, học trò ông là Vương Đào gả vợ, ông bèn đem người dâu của mình mà gả cho, và lại mẹ ông Phạm-trọng-Yêm trước kia cũng cài giá cho một người họ Chu.

Ông theo mẹ về ở với cha già, đổi họ tên là Chu Thuyết đến sau đó đạt rồi ông mới lại theo họ Phạm. Phạm-trọng-Yêm là một bậc danh hiền buổi Tống sơ, một nhân vật lớn trong lịch sử mà cũng không hề cho sự cải giá là phi lý, không hề bắt dàn bà góa thủ tiết ; cho đến mẹ ông cải giá, ông cũng chẳng hề lấy làm sinh hực gì.» (Phụ nữ Tân văn số 95, 13.8.1931)

Chính vì vậy, mà Phan-Khôi xem ra có thù với Tống Nho, nên hễ có dịp là ông đả kích bọn họ. Lần này chẳng hiểu là lần thứ mấy. Chẳng thế mà ngay ở đoạn đầu số báo này (P.N.T.V số 95, 13.8.1931) ông phải nhắc đến việc ông đã từng hô hào chống Tống Nho ở số 89 Phụ nữ Tân văn :

« Trong bài « Lại nói về tam cang với ngũ luân » ở Phụ-Nữ Tân-Văn số 89, tôi có nói rằng : « Trong cái vòng luân lý đạo đức tôi muốn lấy Không-Mạnh làm thầy, mà đồng thời tôi cũng muốn phế truất Hán Nho và Tống Nho ». Tôi nói thế không phải nói bậy dâu. Hán nho như cái thuyết tam cang của họ mà tôi đã bác bỏ trong mấy bài trước đó, đáng phế truất là không哪儿. Tống Nho lại còn nhiều điều không hiệp với Không-Mạnh mà làm hại cho ta hơn nữa tức như cái luật cấm cải giá là bấtông, vô đạo, cướp mất quyền lợi của dàn bà mà không bồi lich gì cho phong hóa, ta nên phế trừ đi là phải. »

Thế rồi, trong phần kết của bài Tống nho này, ông hô hào chị em phụ nữ hãy nêu «phế trừ» cái tục «trái tinh trời» ấy đi:

«Tôi lấy làm lạ, cái kêu bằng cái «tiết đố» không phải tánh trời sanh thì sao lại đem nó đè cùn lên trên cái do tinh trời sanh ? Tôi thì cứ giữ mực quê quê thiệt thiệt, căn cứ ở câu :

«Thực sắc thiên tính» của Mạnh Tử mà nói rằng : *Hè đàn ông chết vợ thì lấy vợ khác, đàn bà chết chồng thì lấy chồng khác.* Còn như cặp vợ chồng nào có cái ái tình đặc biệt, một người chết đi một người đàn bà vậy, cái thì tùy ý họ, xã hội không ép buộc gì. Đến như nói cái thứ hai của tánh trời, gấp lúc đám bỏ phải bỏ, thì, đã cấm đàn bà cải giá xin cũng cấm đàn ông tái thú luôn.

«Trong phụ nữ ta có nhiều người chồng chết, ở trong cảnh ngộ rất đáng thương, buồn rầu đủ một trăm thứ, vậy mà nói đến truyện cải giá, sợ mang tiếng, nhất định không thi thôi. Có người bóp bụng cắn răng cũng giữ được trót đời; nhưng có người khôn ba năm dại một giờ, thì ra mang cái xấu lại còn hơn cải giá. Lại thường thấy bà góa nào có máu mặt thì bọn điêu thoạ trong làng trong họ lập mưu mà vu hâm cho, để mong đoạt lấy già tài. Những sự đó đều là chịu ảnh hưởng của cái luật cấm cải giá mà ra; vậy thì nó chỉ làm hại cho phong hóa thì có chớ có bồ ích gì đâu ? Bởi vậy ta nên phế trừ cái luật ấy đi; từ rày về sau, trong óc chúng ta, cả đàn bà và đàn ông Việt-Nam đừng có cái quan niệm ấy nữa» (P.N.T.V. số 95, 13-8-1931)

Hai bài của Phan Khôi viết ra, một bài vào tháng 5, một bài vào tháng 8 năm 1931, sẽ phải tiếp nhận những nhát búa nặng nề của Tân Đà bắt đầu từ tháng giêng năm 1932. Thực vậy, trên An-nam tạp chí, bắt đầu từ số 26, 23-1-1932, Tân Đà bắt đầu khai chiến dữ dội.

Nơi đây, ta không còn thấy Tân Đà nhà thơ lâng mạn, đôn hậu, mơ màng nữa, mà ta thấy ông khi thì là một quan tòa, khi thì là một đạo phủ nữa. Chính vì vậy, mà ta thấy

**ngay ở phần mở bài thứ nhất trong loạt bài được chọn bằng**  
**một tiêu đề rất đặc biệt «Một cái tai nạn lưu hành ở Nam Kỳ :**  
**Phan-Khôi», Tân Đà mở đầu cuộc chiến của ông như**  
**thế này :**

«Cứ những lời của ông Khôi viết ở trong tờ Tân-Văn có nhiều những tính chất tầm-bậy. (như bài «Cái cười của Con Rồng Cháu Tiên») ; mà hại cho phụ-nữ về phần nhiều (như lời bài kinh Tống-Nho về câu «ngã tử sự thậm tiều, thất tiết sự thậm đại»). Sự hại đó, không phải là ông Khôi có định chí làm hại ; chỉ là ông quá dụng sức về nhẽ «ăn cây nào rào cây ấy» viết bài cho Tân-Văn phụ-nữ thời chiểu theo tâm-chí của phần nhiều phụ-nữ đó mà thôi. Phần nhiều phụ-nữ tân-thời nay muốn tự-do, muốn giải-phóng, ông Khôi phun giải-phóng, phun tự-do. Đối với các độc-giả có được lòng thời tờ Tân-Văn mới phát-đạt; tờ Tân-Văn có phát-đạt thời giá mua bán bài mới cao. Tờ Tân-Văn được lòng độc-giả vì ai, thời giá bài người ấy tất phải đắt. Huống chi chủ-nhân là Mme Nguyễn-Đức-Nhuận tức cũng lại là một vị độc-giả phụ-nữ tân-thời. Ngoài chiểu-ý người mua báo, trong chiểu ý người mua bài, ông Phan-Khôi mới hết-sức viết những lời tầm-bậy. Lời tầm-bậy đã in lên báo, thời chiểu ai mà túc thị hại ai. Đó là do tâm-tình mà những lời viết báo của ông Khôi thành ra làm hại cho Phụ-nữ lưu vạy». (An-Nam tạp chí số 26, 23.1.1932)

Theo Tân Đà, việc bài trừ, «giết bỏ» Phan Khôi, chẳng phải là điều thích làm thì làm mà là một bỗn phận của «anh em sĩ phu trong phái tân học» :

«Thuộc về phần riêng của từng người, thời nghĩ như ông

tú Khôi cùng tôi, có thể cũng kè là hạng sī-phu về bên Hán-học trong nước ta ở cái thời-kỳ hiện tại; nếu ông Khôi mà có làm điều không phải với công-chúng, tôi cùng các người khác trong Hán-học đều không được tự bảo mình là vô can. Cho nên muôn bài trừ những lỗi-tầm-bậy của ông Khôi, tức là tôi không có tự vì một phần riêng, mà vì cả các anh em sī-phu trong phái Hán-học.

Nay xin hãy có lời báo cáo đề Phụ-nữ Tân-văn và các bạn phụ-nữ trong Nam cùng biết trước, công việc bài-trừ còn nhiều, cần phải tra xét tường bạch, và cũng không phải việc cắp-bách; xin ai nấy ung-dung chờ coi». (An-nam tạp chí số 26, 23-1-1932)

Sau khi đã hứa như vậy ở số 26, ra ngày 23-1-1932, Tân Đà đã giữ lời hứa. Ông viết một thôii ba bản cáo trạng rất gay gắt để buộc tội Phan Khôi trước tòa án công luận: bản cáo trạng thứ nhất đăng trên An-nam tạp chí số 29, 20-2-1932, buộc tội Phan Khôi đã xúc phạm đến cả tổ tiên trong bài «Cái cười của Con rồng Cháu tiên», hai bản cáo trạng sau, cũng đăng trên tạp chí trên, ở các số 34, ngày 26-4-1932 và số 37, ngày 16-4-1932).

Ông tự lập lấy tòa án: « Nay tôi xin, trước mặt quốc dân, đở lời công chúng, quyền làm sự thẩm án thuộc về tòa sơ cấp, mong ai nấy cùng nghe » (An-nam tạp chí số 29, 20-2-1932).

Tân-Đà dựa vào lai lịch bốn chữ « Con Rồng Cháu Tiên » là bốn chữ cực cao, cực quý chỉ cả tổ tiên của một dân tộc và chỉ có cả quốc dân có một lịch sử oai hùng để mà kết án Phan-Khôi nhục mạ chẳng riêng gì người ta đời nay, mà còn nhục mạ cả nòi giống tổ tiên ta xưa kia nữa. Ông tuyên án Phan-Khôi đáng xử trảm; nhưng đề Phan-Khôi được quyền

minh oan, nên Tân-Đà tạm cho ông được hưởng bản án « trảm giam hậu ».

Nhưng đây chỉ mới là một tội. Phan-Khôi còn nhiều tội khác mà Tân-Đà tiếp tục đưa ra tòa, đặc biệt là cái tội làm đồi trụy phong hóa. Tân-Đà mở đầu bản án thứ hai :

« Trong Phụ-nữ Tân-văn số 95, ra ngày 13 Aout 1931, ông Phan-Khôi có viết bài « Tống-Nho với Phụ-nữ » viết đại ý ở dưới đây mục rằng :

« Cái luật cấm cài giá là bất-công, vô đạo, cướp mất quyền lợi đàn bà mà không bồ ích gì cho phong-hóa nên phế-trừ đi là phải ».

» Xin cứ những lời tâm-bậy trong bài ấy, chỉ trích và thuyết minh ra, đè phụ nữ trong Nam và chư-vị độc-giả cùng nghe, rồi sẽ kết tội án Phan-Khôi ở cuối. » (An-nam tạp-chí số 34, 26-4-1932).

Tân-Đà cho rằng việc thủ tiết của người đàn bà là một phong tục cao cả có từ đời Khồng Tử chứ đâu phải chỉ mới có từ đời Tống :

« Cứ vậy ngẫm ra, tự thấy rằng một đạo trinh-tiết của đàn bà Á.-đông, thực do thượng-cõi truyền-lại, gốc ở một chữ trong kinh Dịch này mầm ra, đời đời nối tiếp vun-bồi, gây thành cái phong-hóa tuyệt-thanh quý trong nhân-loại. Nay Phan Khôi dám cho những sự đó là đàn bà chịu sự thiệt-thòi, mà lại qui cái ánh hưởng trực-tiếp là chịu của Tống-nho. Thực là loạn ngôn hoặc chúng vậy ». (An-nam tạp chí số 34, 26-4-32).

Tân-Đà kết án Phan-Khôi là dõi truy phong hóa và vi Phan-Khôi với bọn hạ lưu đã dám nói ra những lời xàm xỡ, Tân-Đà viết :

«Gian thay ! ông Phan-Khôi, ác thay ! ông Phan-Khôi, tiêu nhận thay ! ông Phan-Khôi.

«Cứ mấy lời luận lý của ông Khôi, nếu không hết sức bài trừ, mà đề cho ông được hành những cái gian, cái ác, cái tiêu nhẫn, thời nay ông đã viết ra bài này, thời mai ông chắc viết ra bài khác, ngầm ngầm truyền bá vào trong tâm lý một số người trong xã-hội, xui khiến cho gái bỏ trinh tiết, giai bỗ trung hiếu ; phàm những cái tốt đẹp của trong đạo làm người, như nhân, từ, tin, hậu, lễ, nghĩa, liêm, sỉ đều bị những lời luận lý vô đạo ấy làm cho đến mất hết giá trị. Nếu lo cho quá, thời một phần nhân đạo chẳng sẽ do đó mà dần dần lún lút đến trở ra cầm thú cùu. He sao ? Nguy thật thay !

«Cùng hai câu thực ý của ông Khôi.

«Ông Khôi nói :

«Hết đòn ông chết vợ thì lấy vợ khác; đòn bà chết chồng thì lấy chồng khác».

«Xưa nay, đòn ông chết vợ mà họ lấy vợ khác, đòn bà chết chồng mà lấy chồng khác, vẫn là sự thường trong thế tục; có cần chi đến những nhà học vấn phải ra công luận lý mà khuyên bảo cho chúng ru ?

«Đòn ông hóa vợ mà ở yên không lấy vợ khác nữa, hạng người ấy gọi là nghĩa phu, từ xưa đến nay thật ít thấy trong sử sách. Đòn bà hóa chồng mà ở yên không đi lấy chồng khác nữa (người còn trẻ tuổi) hạng người ấy gọi là tiết-phụ, so với nghĩa phu thực có số nhiều hơn. Song tóm tự nghìn xưa, nếu

vô thè công được toàn số đàn bà hóa chồng còn trẻ tuổi mà tính  
kém, chưa dễ nghìn ai mong có một. Vậy thời những người tiết  
phụ kia sinh ở nhân gian thế, dẫu chưa hẳn như phụng-hoàng,  
ky-lân trong phi cầm cùu thú, thời cũng là hòn ngọc ở núi đá  
lạt chau nơi bờ chai. Đời đời vua chúa ơn ban «Tiết hạnh khà  
phong». Cũng vì là vật quý của đời, đời nên biết quý vậy.

«Tục thuần hậu mỗi ngày càng kém xưa, giá trinh tiết  
mỗi ngày càng hiếm có ; vật quý của đời lại đến lúc đời  
không biết quý, phong dao lý ngữ, nhiều câu nghe thấy đã  
thương tâm :

«*Lắng lờ chết cũng ra ma*  
«*Chính tʃuyên chết cũng khiêng ra đầy đồng*»  
— «*Ông chết thì thiệt thân ông,*  
«*Bà tôi sắp sửa lấy chồng nay mai*»  
— «*Bà chết thì thiệt thân bà,*  
«*Ông tôi sắp sửa lấy ba nàng hẫu*»

« Ba câu ca dao đó, ngâm như một câu dẫn ở trước  
nhất, thực là do phong-hóa suy đồi tự ở mõm những kẻ hạ lưu  
xiróng ra. Hai câu dẫn thứ hai thứ ba ở sau, hoặc giả còn là  
có ai đó, vì cái bụng thương cho đời, mới thoát ra những lời  
chưa xót. Tôi tuy chưa dám định nghĩa ; song tóm lại chỉ đều  
là những câu ca dao mà không phải là lời luận lý. Lập thành  
thể, luận thành lý, thời mới thấy như hai câu của ông Khôi là  
thứ tư.

— « Đàn ông chết vợ thì lấy vợ khác.  
• Đàn bà chết chồng thì lấy chồng khác »

« Hai chữ « thì » đó, ngẫm ra cho kỹ không có tinh nghĩa chút tơ vương ; chính cũng như trong xóm Bình Khang thường có câu « Cuốn chiếu nhân tình sạch » Vậy ! Hai câu đó trước lúc chưa đem đăng báo, ông Khôi hoặc có cùng ngồi đám luận với hai vị chủ nhân và chủ nhiệm tờ báo Phụ-nữ Tân-Văn mà đem ra cùng đọc, thời không biết cái cảm tưởng của những người nghe kia như sao ?

« Nghĩ cho phong hóa đến lúc đã suy đổi, chẳng ai có sức nào giữ được. Song thuộc hành vi riêng của cá nhân, ai có muôn sao cù tự ý, thực cũng chưa mấy ai nhẫn tâm dụng lực mong tội hoại cho cái nền hủ cựu đó chóng dò dì làm chi. Có chẳng, thời là ông Tú Phan-Khôi vậy ». (An-nam tạp chí số 37. 16-4-1932).

Sau khi đã buộc tội Phan - Khôi như trên, Tân-Đà long trọng tuyên bản án Phan-Khôi như các bạn đọc sau đây :

« Hợp hai bài «Bài-trù», An-nam tạp chí số 34 và 37 đây, thời Phan-Khôi viết bài «Tống Nho với Phụ-nữ» đăng trong Phụ-nữ Tân-văn số 95 ra ngày 13 Aout 1931 tức là kẻ có tội với danh giáo :

- 1) — Vu hâm tiên hiền.
- 2) — Loạn ngôn hoặc chúng.
- 3) — Bại hoại phong hóa.

« Nay, chiều theo hình luật Á-Đông từ đời vua Thuấn mới đặt, có minh văn trong kinh thư rằng : « Phốc tác giáo hình » Nghĩa là : « Cái roi, dùng làm hình phạt thuộc về sự giáo huấn » Cứ Phan-Khôi phạm về tội danh giáo, vậy nên dùng roi đe chừng.

« Chiều theo các trường dạy nho ta kia xưa, phàm học trò học dốt, đọc không thuộc, hoặc có tội vô lễ thời bắt phải nằm sấp xuống đất, đánh ba roi. Cứ Phan-Khôi can phạm ba điều như đã yết trên đây so với những tội học dốt, đọc không thuộc và vô lễ thực lớn hơn gấp trăm. Vậy nên đánh đòn ba trăm roi.

« Chiều theo pháp lý Á.-đông, làm tội người đem ra ở chợ, đè cùng có công chúng dự biết. Cứ Phan-Khôi phạm về tội danh giáo nên đánh đòn ở trước sân Văn miếu, đè trên có các vị Tiên Thánh, Tiên Hiền cùng giám lâm, dưới có các sĩ phu trong phái Hán-học cũng được dự biết.

« Cứ các nhẽ đã sơ thầm như trên, xin nghị kết Phan-Khôi phải chịu ba trăm roi đòn, chia đánh ở ba nơi:

1.— Đánh ở trước sân Văn Miếu Thăng-Long là nơi gốc văn vật của sự học nho của nước ta từ triều nhà Lý.

2.— Đánh ở Huế, là nơi thủ phủ xứ Trung kỳ.

3.— Ở Quảng Nam, là nơi chốn của tội nhân sinh trưởng học tập.

« Ngoài cái tội án Phan-Khôi đã nghị kết, chiều theo thường luật có bắt tội oa chủ; vậy những tiền phí giải Phan-Khôi từ Nam ra Bắc, cho lại về đến Huế, về đến Quảng-Nam do Ban-Trị-Sự của Phụ-Nữ Tân-Văn phải trích tiền qui của báo quán ấy cung nạp.

« Giờ lên các điều án nghị theo như lệ nghị kết về bài

Phan-Khôi viết «Cái cười của Con Rồng Cháu-Tiên»; riêng bản án này, trên có Tòa Thượng Thàm riêng xét về danh giáo là toàn thè si phu phái Hán học trong nước sẽ cùng phúc thàm, dưới có tội nhân và oa chủ, ai có muốn thân oan, cứ được hết lời thân oan». (An-nam tạp chí số 37, 16.4.1937)

Chính trong lúc Tân Đà hăng hái buộc tội như vậy, hình như Phan Khôi vẫn yên lặng không lên tiếng mà chỉ có bạn bè của Phan Khôi lên tiếng một cách gián tiếp. Ấy là theo sự ghi nhận của Nguyễn Tiến Lãng trong bài «Nguyễn Tiến Lãng và Phan Khôi» (An-nam tạp chí số 38, 23.4.1932),

Thực vậy, Nguyễn Tiến Lãng lên tiếng công kích Phan Khôi trong hai bài đăng trên báo Trung Bắc, viết bằng tiếng Pháp, đề là *Autour d'une Polémique*.

Vì bị Nguyễn Tiến Lãng công kích, Phan Khôi lên tiếng trong bài «Cái học vào lỗ tai ra lỗ miệng» đăng trên Đông Tây số 160, ngày 6.4.32, trong đó Phan Khôi chê Nguyễn Tiến Lãng là dốt, dùng sai tiếng Pháp, không hiểu nghĩa chữ Polémique là gì cả.

Nguyễn Tiến Lãng viết bài kè tội Phan Khôi gửi cho báo Đông Tây, nhưng vì báo Đông Tây không đăng, cho nên Nguyễn Tiến Lãng gửi đăng trên An-nam tạp chí số 38, 23.4.1932, trả lời ít điểm mà Nguyễn Tiến Lãng cho rằng Phan Khôi đã xuyên tạc ông. Đây lời Nguyễn Tiến Lãng :

« Nay tôi giả nhời cho Khôi rõ :

« 1) — Phan-Khôi hỏi : «Ông Lãng có thử đọc qua những bài ấy của tôi không?... Theo nhời ông Lãng, dù biết rằng trong khi viết bài ấy, ông Lãng không có dưới

mắt ông tập báo kia có bài của tôi, nhưng trước kia, thì ông có đọc cả, nên bây giờ mới nhớ mà nhắc lại cho.

«Phải, tôi chép nguyên văn đó «nhời văn» ông Phan-Khôi hỏi tôi. Nhời văn của Phan-Khôi là người chê văn Quốc Ngữ của tôi «còn chưa xuôi», Nhưng thôi.. Nói làm chi. Tôi chỉ đáp câu hỏi kia ; vậy tôi đáp:

« Chính phải thế Phan Khôi nghe ! Mà tôi không có Phụ-nữ tân-văn để giữ luôn ở trong nhà, và không gối văn Phan-Khôi ở dưới giường để xem đi xem lại luôn luôn, sự ấy Phan-Khôi lấy làm lạ ? Xã hội thì hiều rồi, hiều cho tôi rằng tôi còn có việc khác và văn khác để xem chó sao ? »

(2)— Các câu hỏi của Phan-Khôi có ý bắt buộc tôi phải đọc lại văn (!) của Phan-Khôi rồi viết thêm cho báo Đồng Tây mấy cột báo, mà về văn (!) ấy, tôi không đáp ; bởi vì ông Tân-Đà đã có cái Chương-trình bài-trừ cái nạn văn (!) và tư-tưởng (!) Phan-Khôi, mà chương trình ấy đã đang thực hành trong An-nam tạp chí rồi. Việc đời còn nhiều, các bực sĩ phu trong xã-hội nên chia nhau mỗi người làm một việc. Huống chi «bài trừ Phan-Khôi» tôi cần gì phải làm nữa, vì đã có ông Tân-Đà.

(3)— Câu kết của Phan-Khôi : «Ai không biết đến đầu đến đuôi hết, thấy bài Nguyễn-tiến-Lãng nói như vậy rồi tin đi, át phải cho Phan-Khôi là người bậy bạ. Hoặc giả ông Nguyễn-tiến-Lãng dụng tâm như thế chăng ? Ông Nguyễn-tiến-Lãng nên hối ngộ liền, Đừng còn nhỏ tuồi mà lập tâm bất chánh như vậy về sau sẽ hỏng ! »

« Nguyễn-tiến-Lãng tôi đáp : « Phan-Khôi bậy bạ hay không bậy bạ, xã-hội đã thừa rõ, cho nên Lãng này không cần phải nói thêm ; nếu chỉ vì một nhời nói của Lãng mà xã-hội từ trước vẫn nhầm vì Khôi, đến nay mới biết Khôi là người thế nào, thì Khôi dù uất bởi ngoài bút này mà đã phải lớn tiếng nhưng Nguyễn-tiến-Lãng cũng rất vui lòng vì đã làm được một việc ích. Ông Phan-Khôi! nên hối ngộ liền! Tuy đã già đời, nhưng cũng còn thì giờ cải tà quy chánh, một đời chưa đến nỗi hỏng tất cả !.

« Đối với tôi nói thế là đủ; sau này mặc cho Khôi lớn tiếng xin đề xã-hội nghe cáo trạng của Thi-sĩ Tân-Đà mà cũng cười với tôi». (An-nam-Tạp chí số 38)

Như các bạn thấy ở đây, giọng điệu của Nguyễn-Tiến-Lãng đối với Phan-Khôi quả thực gay gắt, phũ phàng.

Sau Nguyễn-tiến-Lãng, đến lượt Văn-Bằng lên tiếng chửi Phan-Khôi (An-nam-Tạp chí số 39, 30-4-1932) trong bài «Tôi thất vọng về Phan-Khôi».

Trước hết Văn-Bằng tố cáo Phan-Khôi như là người hiểu chiến, gây gổ với mọi người, lập dị muốn làm khác người ta :

«Thật vậy, Ông Phan đã có phen khai cuộc «bút chiến» —cái này mới thật là «bút chiến» chứ—cùng ông Trần-trọng Kim về sách Nho giáo. «Đinh chiến» được ít lâu ông lại khởi «thế công», khai một cuộc «bút chiến» khác—cái này cũng thật là cuộc «bút chiến» nữa chứ—cùng ông Lê-Dư về vấn đề quốc học.

«Ông đã có phen hô hào cảnh cáo những nhà «học phiệt» (xin mờ tự vị Khang Hi) làm cho quốc dân đã được hưởng cái thú đọc bài trả lời «mát mẻ» của ông Phạm-Quỳnh-

«Ông đã có phen đem cái tài hùng biện ra trước Tòa án dư luận làm trạng sư cãi «thí» để «thân oan» cho «bà vua Võ Hậu, đã chọn cung nhân bằng đàn ông, để mua vui trong lúc vạn cơ chi hạ» (theo lời ông).

«Ông đã có phen thuyết lý về môn «Lô dich» (logique) là môn ông rất sở trường, và ông cũng đã đem cái thuyết «xưng hô» ra giật đời nữa,

«Vừa đây, ông lại ra công «sáng chế» ra một lối thơ «tân thời, tự do đặc biệt» không cần niêm luật, tự ý vẫn dài làm cho nhiều người «Hoài Cố» phải ngậm ngùi thương tiếc. «Tám vế» Luật Đường !!! Có lẽ vì sự phát minh lối thơ mới này mà phải mai một đi chăng ?

«Đó, cái công trình vĩ đại của ông Phan-Khôi đối với quốc văn là như thế. Cho nên văn-tài ông được nhiều người bái phục, như lời ông Chủ bút báo Đông Tây Hoàng-tích-Chu đã nói rằng : «bạn Phan-Khôi» của ông có một bên (xin hiều là một số người) coi là «Léon Daudet» của Việt-Nam». Sau khi đã vô tình đề cao tán dương Phan Khôi như vậy, Văn Bằng trách Phan Khôi là thô lỗ, bỏ cả phong thái nhà nho để dùng những ngôn ngữ tục tằn khi trả lời ông Nguyễn Tiến Lãng:

«Vậy mà trái đất xoay mình đâu chừng hai mươi vòng, nghĩa là kể từ ngày tôi đọc bài của ông Phan Khôi đăng trên báo Đông Tây số 160 (6-4-32) đến nay chừng ba tuần lễ, thì

bỗng đã làm cho tôi thất vọng ! Tôi hay vậy, dạo trước đừng coi báo Đông Tây là hơn mà cũng đừng mừng chỉ về tài ông Phan Khôi là hơn !

«Xin độc giả chịu khó giờ tờ Đông Tây số 160 ra ngày 6-4-32 mà đọc lại bài của ông Phan Khôi nơi cột năm ở trang nhất thì liền thấy sự thất vọng của tôi là có căn cứ. Sự thất vọng của tôi về ông Phan-Khôi là do ở cái cách «xưng hô» bắt lich sự của ông đối với ông Nguyễn-tiến-Lãng, cái cách xưng hô đó đã tỏ ra rằng ông Phan Khôi không nhớ cái lề độ của độc giả và quên mất cái thuyết «vô bối kính» của làng nho !

«Vậy, tôi cứ theo như cái «sự ngay thật người luận biện phải giữ» mà kè cái cách xưng hô của ông Phan trên tờ Đông-Tây số 160 như sau này : bắt đầu ông viết «Ông Nguyễn tiến Lãng», sau đến «Lãng ta» sau đến «Va» ! sau đến «Tiến Lãng» sau lại «Ông Nguyễn tiến Lãng», Nguyễn-tiến-Lãng, và Lãng trống tron vân vân..,

«Không những riêng cách xưng hô bắt lich đó, ông lại còn mở cuốn «tự vị riêng» mà dùng những tiếng «Xỏ lá, ba que» (xin lỗi độc giả tôi cũng không hiểu nghĩa rõ) trên bài luận thuyết «tràng giang đại hải» của ông (Đông tây số 160 cột 5 trang 1) như vậy thật là thiếu cái vẻ lề độ với công chúng nữa».

Đè ra ngoài những lời nặng tiếng nhẹ mà người ta tặng cho nhau trong lúc tranh luận nóng nảy, ta nhận thấy cuộc bút chiến này cũng đã đặt ra những vấn đề xã hội rất đáng chú ý. Cuộc tranh luận này còn cho ta thấy Phan-Khôi mới lắm. Chẳng những Tân-Đà không chịu được cái mới của ông mà cả đến

Nguyễn tiến Lãng một tiến sĩ Pháp cũng chẳng ưa cái mới mẻ của Phan-Khôi.

Nhân vụ rắc rối đối với Tân-Đà này, ta nhận thấy Phan-Khôi là người có tư tưởng rất mới. Ông muốn xã-hội Việt-Nam phải đổi mới. Mà theo ông muốn tiến tới phải đánh đổ mọi thói mặc cảm tự tôn, ý lại vào những là bốn ngàn năm văn-hiến, những là Con Rồng Cháu Tiên. Ngoài ra ông còn đi trước cả các nhà văn trong Tự-Lực Văn-Đoàn trong chiến dịch hạ bệ Nho giáo, chống chế độ đại gia-dinh, chống tục cản trở đầu bà góa cải giá.

## 5.— VỤ ÁN QUỐC HỌC

Quốc học là gì ? Thực chất của nó ra sao ? Đó là một vấn đề được đặt ra vào khoảng đầu năm 1930. Nhưng hình như hồi đầu người ta không có đặt vấn đề nội dung cho từ ngữ này. Cái người đầu tiên đã dùng tiếng này nhiều có lẽ là Sở Cường Lê Dư : ông lập ra một tủ sách lấy tên là « Quốc học tùng san ». Tất cả các sách do ông biên soạn đều đê là « Sở Cường Văn Khoa Quốc học tùng san ». Rất tiếc là lúc viết về vấn đề này tôi không có trong tay tất cả các tài liệu liên quan đến vụ này mà không biết tìm đâu cho ra. Các thư viện mà tôi biết đều không có.

Năm 1930, Lê Dư cho xuất bản tập nghiên cứu đầu tiên của ông trong bộ Quốc học tùng san, đê là « *Bách Văn Am thi văn tập* » với lời ghi chú « giật-sử và văn thơ sấm ký của cụ Trang Trình Nguyễn-Bình-Khiêm ».

Rất tiếc là hiện giờ tôi không có tập này trong tay. Nhưng tôi nghe rằng trong *Bách Văn Am thi văn tập*, Lê Dư đã đề cao

**Nguyễn Bình-Khiêm** như là người có công nhất trong việc xây dựng nền quốc học.

Trịnh-Đinh-Rư phê bình Bạch văn am thi văn tập của Lê-Dư. Bài phê bình này, tiếc rằng tôi cũng chưa được đọc, chỉ biết, theo Phan-Khôi, trong bài «Luận về quốc học» (P.N.T.V. số 94, 6-8-1931) thì Trịnh-Đinh-Rư không đồng ý với Lê-Dư, không công nhận nước ta đã có cái gì gọi là quốc học trong bài Luận về quốc học, Phan Khôi có trích lại hai đoạn văn Lê-Dư đã trích của Trịnh-Đinh-Rư : « Nước ta từ xưa đến nay chưa từng thấy có cụ nào dựng ra được một học thuyết gì to tát riêng, xét đến lịch sử những nhà học giả Đông Tây mà nghĩ lại đến quốc học nhà, ta tưởng tự lấy làm thẹn» (trích theo Luận về quốc học, P.N.T.V. số 95, 6-8-1931) và của Phạm-Quỳnh : « Nói đến học thuật chơn chánh thì cõi lai nước ta có gì ; không dám nói bậc tiền nhân, nhưng thật không có người nào vậy. Tương truyền lý học thâm thúy có cụ Chu-An và cụ Trạng-Trinh nhưng các cụ phát minh được những điều gì, trừ thuật được những sách gì có ích ?»

Cứ theo Phan-Khôi thì vì Trịnh-Đinh-Rư và Phạm-Quỳnh đã có ý kiến như vậy về quốc học cho nên Lê-Dư đã viết bài «Câu chuyện đọc thơ của ông Trạng» trong đó ông Lê-Dư lên án đích danh ông Trịnh-Đinh Rư và ám chỉ ông Phạm-Quỳnh bằng việc trích văn của ông này như Phan-Khôi tố cáo mà không gọi tên đích danh Phạm-Quỳnh. Trong bài đó Lê-Dư kết án Trịnh-Đinh-Rư và Phạm-Quỳnh rất gắt gao mà ông gọi là vô ơn và nhục mạ tồi tệ. Phan-Khôi có trích mấy dòng sau đây của Lê-Dư : « Ôi ! các ông chưa xét cho kỹ mà dám to gan

dạn miệng bội bạc tiền nhân như vậy ! Sao các ông vụ nhục nền văn hóa nước nhà như vậy ?» (Trích theo Phan-Khôi trong bài Luận về quốc học),

Nếu bài phê bình của Trịnh-đình-Rư chúng ta không được đọc toàn vẹn vì chưa biết nó được đăng ở báo nào, chứ bài của Phạm-Quỳnh thì chúng ta có thể đọc được đầy đủ. Thực ra Phạm-Quỳnh không có ý bàn về quốc học mà chỉ bàn đến vấn đề mà thôi. Phan-Khôi kết án Phạm-Quỳnh là học phiệt, nghĩa là kiêu ngạo, khinh người, không chịu trả lời khi có người công kích. Phạm-Quỳnh trả lời Phan-Khôi qua bài «Trả lời bài Cảnh cáo các nhà học phiệt của Phan-Khôi tiên sanh» (P.N.T.V. số 67, 28.8.1930). Trong bài này, sau khi đã minh xác và thân oan cho thái độ của mình, Phạm-Quỳnh, trong phần kết luận, có bày tỏ nỗi lòng của ông đối với nền học vấn của ta từ xưa đến nay. Phạm-Quỳnh phần nàn rằng tất cả cái học của ta từ xưa đến nay đều là cái học thuê viết mướn chưa có gì đáng giá cả. Thế rồi ông hô hào người trong nước cố gắng gầy lấy một nền quốc học mai ngày bằng việc thành lập hội «chấn hưng quốc học» : «Nói đến học thuật chơn chánh thì cõi lai nước ta đã có gì ? Không dám bội bạc tiền nhân, nhưng thật không có người nào vậy. Tương truyền lý học thâm thúy có cụ Chu-văn-An, cụ Trạng Trinh. Nhưng các cụ phát minh được những điều gì, trừ thuật được những sách gì có giá trị ? Nào đâu là những phái Vương học, phái Thiền tông như ở Nhật bản, cũng học chữ Tàu mà khám phá được nhiều điều người Tàu không nghĩ tới ? Nước mìnhtinh không có gì cả. Đó chẳng qua là bởi cái tinh thần học vấn.

của mình nó bạc nhược quá. Lại bởi cái mồ phỏng của người mình nữa, xưa kia phỏng chép người Tàu, ngày nay bắt chước người Tây...

«Ấy cái hiềm tượng của học giới ta ở đó, ở cái tánh nô lệ của người mình đó, cbờ không phải là lỗi tại người này hay người nọ...

«Phải nên cùng nhau hiệp lực, cố gây dựng cho nước nhà một nền «quốc học» đích đáng, không Tây mà không Nho, có cái tính cách đặc biệt, tiêu biểu được cho cái tinh thần cố hữu của nòi giöng. Cái ý tưởng đó ngày nay Phan tiên sanh mới đề xướng, mà về phän tôi chủ trương đã lâu năm rồi.

«Vậy ngày nay chúng ta có nên cỗ động lập một hội «Chấn hưng quốc học», họp tập những người có chí học vấn trong Nam ngoài Bắc, mỗi năm hội nghị một lần để bàn các kế hoạch nên thi hành cho nước nhà có một nền quốc học xứng đáng không ?

«Thiết tưởng thế còn hơn là cãi vã nhau vô ích. Phan tiên sanh nghĩ sao ?» (Phụ nữ Tân văn, số 67, 23.8.1930).

Vì Phạm-Quỳnh đã hỏi «Phan tiên sanh nghĩ sao ?», nên Phan-Khôi đã trả lời Phạm-Quỳnh trên Phụ nữ Tân văn số 70, 18.9.1930, qua bài «Về các ý kiến lập hội Chấn hưng quốc học của ông Phạm-Quỳnh» ?

Trong bài này, sau khi thương xác với Phạm-Quỳnh nhiều vấn đề, Phan-Khôi tỏ ý không tán thành việc thành lập cái hội gọi là hội «Chấn hưng quốc học». Theo Phan-Khôi

chúng ta đã có quốc học bao giờ đâu mà nói đến mất hay đến  
nay vì khiến phải chấn hưng. Phan-Khôi viết:

«Cái ý kiến của tiên sanh muốn lập một hội kêu bằng  
«Chấn hưng quốc học» đó, theo tôi, tôi tưởng ta chưa làm  
được, mà cái hội ấy hình như cũng không cần có nữa. Nhưng  
rốt bài của tiên sanh, có lời hạ vấn đến tôi, tôi phải trực trán ý  
kiến, xin chờ ai thấy mà trách tôi : Làm không làm, lo  
phá đám !

«Trước hết xin gạn hỏi cái tên hội mà tiên sanh phỏng  
định ra đó. Phảm cái gì từ trước đã có sẵn rồi mà sau suy bại  
đi, mình muốn làm cho nó hồi phục lại cái quang cảnh cũ, vậy mới  
nói là chấn hưng được. Cái này nền «quốc học» của nước ta tiên  
sanh đã nhận rằng từ xưa chưa có, mà tôi cũng từng nhận như  
vậy, thì sao gọi được là «chấn hưng» ?

Áy ngay từ hồi này, như các bạn thấy, chẳng phải chỉ  
có Trịnh Đình Rư hay Phạm Quỳnh chối ta không có quốc học  
mà cả Phan-Khôi nữa. Phan Khôi còn chối mạnh hơn cả hai  
ông Rư và ông Quỳnh. Vậy mà trong bài «Câu chuyện đọc thơ  
của Ông Trạng» Lê-Dư chỉ đả kích có Trịnh Đình Rư và Phạm  
Quỳnh mà không nói gì đến Phan Khôi. Chính sự yên lặng đó  
của Lê Dư đã được Phan-Khôi nhắc tới trong bài Luận về quốc  
học của ông khi ông viết :

«Còn tôi ai khào mà xưng «Lạy ông tôi ở bụi này», cái  
không những là dại mà là dởm. Nhưng vì nếu tôi có thú khai  
tôi ra đây thì cái ý nghĩa bài này mới càng đích xác hơn vậy.

«Cái giọng phủ nhận như ông Trịnh Đình Rư và ông

Phạm Quỳnh đó, thưa thiệt, tôi cũng có thốt ra nhiều lần rồi... Một lần sau mới đây, lời càng thống thiết hơn, là trong bài «Hán học ở bên Tây» đăng ở báo Đông Tây cách vài tháng trước. Trong bài ấy đến nỗi tôi muốn nói rằng nước ta từ xưa đến nay không có cái gì đáng gọi là cái học nữa kia. Những cái luận điệu của tôi đó tưởng ít nữa ông Lê-Dư cũng có thấy qua, song ông chưa tôi ra, là vì ông cùng tôi có tình anh em riêng, với tôi, ông càng không muốn rắc rối hơn với ông Phạm nữa.

«Ông Lê có lòng tốt đối với tôi như vậy tôi nỡ nào để phụ cái lòng ấy của ông? Song tôi nghĩ, cái chân lý giữa cõi học nó bắt phải đề riêng cái tình anh em trong một nhà. Bởi vậy, trong việc này, tôi phải đề mình về bên hai ông Phạm và Trịnh kia, viết bài này cùng ông Lê thương xá lại vấn đề ấy». (Phụ nữ Tân văn số 94, 6-8.1931).

Cuộc chiến bùng ra gay gắt từ đấy. Nhưng trước khi dính vào việc trình bày tiếp cuộc tranh luận này, chúng ta cần tìm xem quan điểm Lê Dư từ đấy trở về trước đối với vấn đề quốc học như thế nào.

Tôi không được đọc Bạch Vân Am thi văn tập là tập I: trong bộ Quốc học tùng san của Lê Dư in năm 1930, nhưng tôi được đọc Vị Xuyên thi văn tập là tập II của bộ Quốc học tùng san, in năm 1931. Nơi đầu tập sách này có hai bài giới thiệu, ngắn một của nhà xuất bản Nam Ký thư quán là nhà xuất bản đứng ra in tất cả sách vở của Lê Dư, một của Sở Cuồng Văn Khố. Theo chỗ tôi phỏng đoán thì hai bài giới thiệu này cũng đã in ở đầu sách «Bạch Vân Am thi văn tập» rồi nay lại được giới thiệu lại ở Vị Xuyên thi văn tập. Bài giới thiệu của Nam Ký thư quán

mang tựa đề là « Lời bá cáo của nhà xuất bản bộ Quốc học tùng thư ». Vậy lời bá cáo này mở đầu bằng những dòng sau đây :

« Quốc hồn ở đâu ? ở tại tư tưởng, tư tưởng phát ra lâm văn chương, văn chương của các nhà học giả nước ta, từ xưa đến nay chính là quốc hồn ở đấy nên quốc học cũng ở đấy.

« Ông Sở Cuồng là một nhà dốc chí hiếu học, cỗ súc vun bồi nền quốc học, phát huy áng văn chương riêng của nước ta, ngót mười năm nay ở trường Bác Cồ, lưu lý sưu tập những tài liệu thuộc về quốc văn, quốc sử biên tập thành bộ « Quốc học tùng san » kè hơn một trăm tập nào là lịch sử, nào là văn chương, tài liệu như núi như non, từ tảo như hoa như gấm, đủ chứng minh kho văn học của ta phong phú như vậy, các bậc tiền bối ta, có công với nền quốc học như vậy» (Lời bá cáo của nhà xuất bản Bộ Quốc học tùng san, trong Vị Xuyên thi văn tập 1931). Đến chính Sở Cuồng cũng có mấy lời giới thiệu Quốc học tùng san của ông, cũng in ở đầu cuốn Vị Xuyên thi văn tập như thế này : « Bản Văn Khố muốn lấy sức mọn vun bồi cái cơ sở nền quốc học, phát huy áng văn chương riêng của nước nhà, ra công sưu tập văn chương và lịch sử của các nhà học già xưa biên thành bộ « Quốc học tùng san » này, phương pháp theo lối khảo cổ, cốt thu thập được nhiều tài liệu cho tiện về sau này, các nhà văn học muốn khảo cứu về vấn đề gì đều sẵn sàng, cho nên cái nội dung có khác với các quyền giáo khoa và các quyền thi văn tinh tuyền khác, xin độc giả lượng xét cho». Bài giới thiệu này ký là « Sở Cuồng Văn Khố ».

Cứ những bài giới thiệu trên đây thì ta thấy quan điểm  
THẾ HIỆP 1932

của Lê Dư chưa được minh bạch rách rời cho lắm. ~~Nếu~~ ~~quang~~  
điểm đó không chỉ cho quốc học là văn học thì ít ra quốc học  
hầu như là văn học. Thứ nhất ta thấy những sách trong bộ Quốc  
học của Lê Dư gồm toàn sách văn chương : nơi bìa tập sách  
Vị Xuyên thi văn tập, tác giả liệt kê « Sách bộ Quốc học » của  
ông chỉ gồm toàn sách văn chương như : Văn đàn bảo giám;  
Bạch Vân Am thi văn tập, Bằng quân thi văn tập, Ôn-Như-Hầu  
thi văn tập, Vị Xuyên thi văn tập, Việt văn dẫn giảng... Thứ hai  
là ta thấy Lê Dư hứa sẽ viết một bộ Việt-Nam văn học sử với  
dụng ý minh chứng nền quốc học Việt-Nam rất phong phú.  
Thứ ba ta thấy lời giới thiệu của Nam Ký thư quán cũng hiểu  
quốc học là văn học như trong câu : « Quốc hồn ở đâu ? Ở tinh  
tư tưởng, tư tưởng phát ra làm văn chương, văn chương của các  
nhà học giả nước ta từ xưa đến nay chính là quốc hồn ở đây,  
nên quốc học cũng ở đây ». Thứ bốn ta thấy chính Lê Dư trong  
« Mấy lời giới thiệu» cũng nói đến việc xây cơ sở nền quốc học  
bằng việc sưu tầm văn chương :

« Bản văn khố muốn lấy sức mọn vun bồi cái cơ sở nền  
quốc học, phát huy áng văn chương riêng của các nhà học giả  
xưa, biến thành bộ quốc học tùng san này ».

Phan Khôi đã chẳng hiểu quốc học như Lê Dư, vì thế  
ông mới viết bài luận về quốc học.

Trước hết Phan Khôi nói đến việc dùng danh từ quốc  
học trong văn giới Việt Nam cũng như văn giới Trung Hoa mới  
là từ mấy năm trở lại đây mà thôi.

Phan Khôi định nghĩa chữ Quốc học rất rành rẽ. Ông  
viết :

«Quốc học là một danh từ mà cũ và mới có nghĩa khác nhau. Hồi trước ta nói «quốc học» tức là cái trường học cho cả nước; như trường Quốc-học ở Huế là lấy nghĩa ấy : Còn chữ «Quốc học» ngày nay thường dùng là chỉ về cái học riêng của một nước, có vẻ đặc biệt, có chỗ khác với nước ngoài. Vậy khi nói «quốc-học» cũng gần giống như «quốc-phục» là y phục riêng của một nước. Nói «Quốc kỳ» là hiệu cờ riêng của một nước.

«Chữ quốc-học trong bài này chuyên nói về nghĩa mới là nghĩa sau đó». (Luận về Quốc học).

Như vậy, theo Phan Khôi, Quốc học là nền học thuật, tức nền tư tưởng, nền triết học riêng của một nước đã thực sự ảnh hưởng, chi phối đời sống của dân tộc nước ấy khiến cho dân tộc ấy thành khác biệt những dân tộc trên thế giới.

Dựa theo giới thuyết như trên về quốc học, Phan Khôi đồng tình với Trịnh Đình Rư và Phạm Quỳnh mà quả quyết nước ta chưa có quốc học. Phan Khôi cho rằng đây là một vấn đề học vấn, vấn đề chân lý; có thì nói có, không thì nói không, chứ đừng vì tình cảm, vì tự ái dân tộc không đúng chỗ mà phải nhận là có cái ta chưa có:

«Ông Lê nói có, ông lại hứa rồi đây ông sẽ đem chứng cứ ra. Song, truyện ấy đê lát nữa sẽ nói, đây tôi xin tỏ ra cái cứ tại sao mà chúng tôi phải hô lên cho người ta biết rằng nước ta không có quốc-học.

«Sự học tức là sự trí thức, nó chuyên khuynh hướng về lý trí mà không nên xen vào một chút tình cảm. Đức Khổng cũng dạy rằng cái học của người đời xưa là vị kỷ và bắt đầu từ

thành ý nghĩa là không đổi mình. Khi nói về cái học của một người đã vậy thì khi nói về cái học của một nước cũng vậy. Nếu nước ta quả không có quốc học thì dầu nó là một sự nhục cho mình đi nữa cũng phải chịu, không nên vì tình cảm mà nói có cho thành ra đổi mình. Đổi mình là một cái hại lớn lắm, cho người cũng như cho nước. Bởi vì, nếu không mà nói có, ai nấy tin rằng có, sẽ sinh ra lòng tự phụ, mà tự phụ một cách hư ngụy, rồi không lo tu tú nữa, nhơn đó cõi học trong nước lại càng tối tăm thêm. Do lẽ ấy trước khi muốn người nước mình bắt đầu từ ngày nay lập nên một nền học thuật chúng tôi phải khai thiêt ra cho ai nấy biết cái tình hình trong cõi học nước ta từ trước ra thế nào ; thấy không có thì chúng tôi phải nói không có, đó là chỗ trung hậu thành khản của chúng tôi, cũng như một nhà kia ông cha nghèo, thì phải khai thiêt là nghèo, không có một cục đất nào thì phải khai thiêt là không có một cục đất; hẫu cho con cháu mà lo làm ăn vậy.

«Đó, nếu ai đã tin bụng tôi, hoặc chúng tôi, thì sẽ không trách sự phủ nhận ấy là bội bạc, là vụ nhục nữa ; bây giờ đây, cái vấn đề chỉ còn là sự «có» với «không» mà thôi. Như ai nói «có» thì phải đem chứng cứ ra». (Luận về Quốc học).

Sau khi minh định quan niệm và thái độ thẳng thắn như vậy, Phan-Khôi duyệt qua một ít các nhà học giả xưa mà Lê-Dư thường nâng lên như là các ông tổ của nền quốc học Việt-Nam thì chỉ thấy họ là những nhà văn học chứ không ai kiến tạo được một hệ thống tư tưởng riêng biệt cho xứ sở này.

Đồng ý và tiếp theo Phan-Khôi, Phạm-Quỳnh viết một bài đại luận «Bàn về quốc học», đăng liên tiếp trên hai số báo Phụ-nữ Tân-văn số 104 (15-10-1931) và số 105 (22-10-1931).

Nơi bài số 104 (15-10-1931) Phạm-Quỳnh thử ngược dòng lịch-sử duyệt qua một vòng xem có thể tìm đâu ra được vết tích quốc học không thì Phạm-Quỳnh đã phải thất vọng hoàn toàn.

Theo Phạm-Quỳnh, anh hùng ta có, liệt-nữ ta có, danh-sĩ, cao tăng ta cũng có, nhưng trong «cõi học nước ta, cõi kim chưa có người nào có tài sáng khởi, phát minh ra những tư-tưởng mới, thiết lập ra những học thuyết mới, đủ có cái vẻ độc lập một «nhà» đối với các «nhà» khác như bách gia chư tử bên Tàu ngày xưa» (bàn về quốc học, P.N.T.V. số 104). Cái học của ta, Phạm-Quỳnh thấy toàn thị là cái học mướn mà học mướn ấy cũng chưa học cho đến nơi đến chốn... Tò tiên ta chỉ chú trọng đến cử nghiệp cho nên rút cục sau hàng ngàn năm các cụ học hành mà con cháu ngày nay nhìn về các cụ chẳng tìm thấy gì gọi được là học thuật tư tưởng đứng đắn cả. Về việc định nghĩa quốc học là gì, ý tưởng Phạm-Quỳnh giống ý tưởng Phan-Khôi, duy có điều Phạm-Quỳnh nói sau nên có chiều khúc chiết gãy gọn hơn. Ông nói :« Quốc học là gồm những phong trào về tư-tưởng học thuật trong một nước, có đặc sắc khác với nước khác, và có kết tinh thành ra những sự nghiệp có trước tác lưu truyền trong nước ấy và ảnh hưởng đến các học giả trong nước ấy» (Bàn về quốc học, P.N.T.V. số 104).

Cứ theo định nghĩa ấy Phạm-Quỳnh đã đồng ý với Phan-Khôi mà bảo rằng nước ta chưa có quốc học. Rồi từ đó ông

đã tìm nguyên nhân đã xui khiến nên tình trạng buồn tủi kia. Phạm Quỳnh cắt nghĩa sự thiếu vắng kia bằng ba lý do vừa địa lý, vừa lịch sử, vừa chính trị. Về địa lý, nước ta quá bé nhỏ cho nên hầu như bị Trung Hoa nuốt trửng nên bị mất hẳn độc lập về tinh thần.

Về lịch sử, nước ta càng bị nước Tàu đè nén hơn nữa. Ngoài ra thế kỷ nô lệ, Việt-Nam trong suốt thời độc lập vẫn phải đối phó gay-go cơ cực với Tàu. Ấy là chưa nói đến việc ta coi các học thuyết truyền từ Tàu sang đều là tôn giáo cả cho nên không khi nào dám bàn cãi.

Thuộc về chính trị, thì nước ta xưa kia bị cái nạn quân chủ chuyên chế. Nhà vua đã đặt ra một lối học rất gò bó để làm tiêu chuẩn tuyển chọn người tài thành ra bao nhiêu sáng kiến tư nhân bị tiêu diệt dần đi.

Sau khi đã nhìn về dĩ vãng mà nhận định vấn đề như vậy, Phạm Quỳnh đã hướng về tương lai mà đặt vấn đề : làm sao để xây dựng được một nền quốc học ? Nếu đã tố cáo cái học nô lệ theo Tàu xưa kia thế nào, thì Phạm Quỳnh lại chống cái học hòa đồng theo Tây như vậy. Cả phần thứ hai của bài bàn về quốc học, tức bài số 105 (P.N.T.V. số 105, 22-10-1931), Phạm Quỳnh dành cho việc phân tích nghiên cứu vấn đề để tìm một lối thoát cho tương lai đang lúc Tây phương chi phối chúng ta nặng nề chẳng kém gì Tàu đồng hóa các cụ ta xưa kia. Phạm Quỳnh muốn đề ra một triết lý văn hóa, nó sẽ là linh hồn, là cơ sở cho nền quốc học tương lai. Triết lý đó là Triết lý dung hòa. Ông viết : « Muốn cho gây

được thành một cái quốc học riêng của mình, thì phải dùng phương pháp phê bình khảo cứu của khoa học mà phân tích những học thuyết cùng nghĩa lý cũ của Á đông ta rồi đem ra nghiên ngâm, suy nghĩ, đối chiếu với những điều chân lý cùng những sự phát minh của khoa học thái tây. Kết quả của sự phân tích cùng tòng hợp đó, tức là tài liệu để gây ra quốc học sau này vậy» (P.N.T.V. số 105).

Sau loạt bài của Phan-Khôi đến của Phạm-Quỳnh, đến lượt Lê-Dư lên tiếng. Không như những lần khác, lần này quan điểm của Lê-Dư được trình bày khá minh bạch. Người ta có thể không đồng ý với ông nhưng biết rõ ông muốn gì chứ không như trước đây. Có lẽ những lời công kích ông trước đây, đã khiến cho Lê-Dư suy nghĩ và cô đúc lại để đặt ra một lý thuyết cho chữ quốc học mà trước kia có lẽ ông chưa có ý kiến rõ rệt.

Lê-Dư cũng tự nhận thấy rằng sự không rõ rệt đó đã xui khiến nên những cuộc tranh luận mà ông cho là vô ích cho nên ông viết bài «Vấn đề quốc học» ghi rõ định nghĩa và nội dung quốc học (P.N.T.V. số 107, Nov 1931).

Lê-Dư đã định nghĩa quốc học : «Quốc học là học vấn, kỹ thuật của một nước : học vấn kỹ thuật ấy là cái cổ hữu của mình hay là cái mình học của người nhưng đã thay đổi nhiều lắm, nay trở thành cái cổ hữu của mình mà người ta không ai có» (P.N.T.V. số 107).

Sau khi định nghĩa, Lê-Dư mô tả nội dung của quốc học : «Quốc học là đối với các học vấn ngoại lai như : Hán học, Phật học, mà nói có chỗ đặc biệt mà từ xưa đến nay đã có học phái, có ảnh hưởng đến nhân quần xã hội ta ; người ngoại quốc bàn đến

cái học ấy, phải cho là cái học đặc biệt của người nước Nam, không giống nước nào hết» (Bàn về quốc học).

Rồi Lê-Dư kè kè lè các yếu tố làm nên quan niệm quốc học theo ông hiều :

«Đã là quốc học thì cái nội dung phải bao hàm cả quốc văn, quốc sử, quốc túy ở trong.

«Quốc văn—lấy nhất ban quốc-văn học làm chủ như các học thuyết, lý thuyết những sách vở của tiền nhân đã trúr thuật dề lại và những quốc ca, quốc ngữ (chữ nôm và chữ quốc ngữ), đặc biệt của ta.

«Quốc sử—lấy nhất ban chính trị sử làm chủ như cách tổ chức, cách hành động về chánh trị và những pháp luật, chế độ, phong tục, tập quán, kỹ thuật đặc biệt của ta,

«Quốc túy—lấy nhất thiết trường sở mỹ diềm thuộc về vật chất, về tinh thần của dân tộc tính cổ hữu mà do cái tình hình địa lý và nguyên nhân lịch sử đã dưỡng thành trong mấy mươi thế kỷ nay.

«Ba cái ấy, tôi đã nhận thấy là quốc học của ta và là chủ nghĩa của tôi chủ trương đó» (P.N.T.V. số 107).

Sau đó Lê-Dư bảo đó chẳng phải ý kiến lập dị riêng của ông mà là chủ trương của cả cái dân tộc cực văn minh là dân tộc Nhật Bản. Và chỉ ai dốt nát không biết như vậy mới dám phủ nhận nền quốc học phong phú của ta. Ta đọc thấy những dòng đại khái như sau đây của Lê-Dư ám chỉ về những người bảo ta chưa có quốc học : « Ôi ! sao các ông không xét đến sự thật

và tình hình học văn nước nhà xưa nay, mà đã vội mạt sát tiền nhân như vậy ?

« Ôi ! không căn cứ theo sách vở, thì dễ nói bậy bạ, cho nên tôi thường có một câu cách ngôn rằng : không biết pháp luật thì dễ nói ngang, không xem sách vở thì sẽ nói cầm » (P.N.T.V. số 107)

Lời lẽ của Lê-Dư như các bạn thấy trên đây quả là kết án bọn các ông Phạm-Quỳnh, Trịnh-đình-Rư, Phan-Khôi là dốt nát.

Sau bài công kích của Lê-Dư, Nguyễn-trọng-Thuật đứng ra hòa-giải qua bài « Điều định cái án quốc học ». Đây nguyên là một bài diễn-thuyết ông đọc tại Hội Trí Tri Hải dương ngày 26.11.1931, rồi sau lại đăng tải trên Nam-Phong tạp chí số 167 ra tháng 12 năm 1931.

Nói là hòa-giải, là điều định, nhưng thực ra Nguyễn-trọng-Thuật đứng hẳn về phe Lê-Dư, công kích phe Phan-Khôi, có điều là Nguyễn-trọng-Thuật công kích bằng lời lẽ phải chăng mà thôi.

Nguyễn-trọng-Thuật mở bài diễn-thuyết của ông bằng việc ghi nhận nội dung và lý do vụ án mà ông gọi là « vụ án quốc học ».

« Hiện nay trong nước ta đang có một cuộc tranh luận về vấn đề quốc học, là cái học riêng của một nước. Nó khác với nghĩa quốc học cũ nghĩa là cái nhà trường học của cả nước như xưa. « Khởi xướng ra hai chữ quốc học về nghĩa mới ở ta đây là ông Lê-Dư ; cãi lại rằng nước ta không có cái học đáng gọi

là quốc học là ông Phan-Khôi. Hai bên tranh luận ở báo Đông Tây Hà Nội, thành ra một cái học án cho học giả trong nước đang bàn xét.

Nguyễn-trọng-Thuật có trách Lê-Dư, nhưng điều ông trách Lê-Dư là điều rất nhẹ. Theo ông, cái lỗi của Lê-Dư, nếu có, chỉ là Lê-Dư «sơ ý một chút» mà thôi.

Nguyễn-trọng-Thuật viết :

«Nay xét đến nguyên nhân cuộc tranh luận này, thì chỉ ông Lê-Dư sơ ý một chút để nên chuyện mà thôi. Nguyễn Ông làm trong trường Bắc Cố Hà Nội đã lâu năm, khảo cứu sưu tập được nhiều những tập văn thi nôm của nước ta, nay ông muốn đem in dàn ra làm một bộ sách tùng thư thuần về bản quốc. Ông lấy việc làm như thế là nó thuộc vào một phần trong khoa quốc học như của Nhật Bản đó. Ông bèn đặt tên cho bộ sách ấy là «Quốc học tùng san». Cuốn in mở đầu là «Bách vân am thi văn tập», trên đầu bìa có bốn chữ tên bộ sách như thế...»

Ngoài ra, cũng theo Nguyễn-trọng-Thuật, cái sơ ý của Lê-Dư là ở chỗ dùng một từ ngữ với một nội dung mới mà không minh định trước cho độc giả biết cái nội dung mới mẻ ấy.

«Đại phàm mới phát minh ra một danh từ về chủ nghĩa gì hay là mới thâu thái nó ở đâu mà đem xướng lên cho xã hội thì phải giải thích cho rõ cái tính cách của nó ra trước. Bởi vì ngày nay thường một danh từ mà nghĩa mới nghĩa cũ, nghĩa rộng nghĩa hẹp nhiều lắm, thế mà ông Lê không giải thích cho cái tên quốc học mà ông mới dùng ấy một câu nào cả. Lại

quyền «Bạch Vân Am thi văn tập ông Lê giữ tinh cách biên tập và tôn cõi, cho nên ông không có bình luận gì vào đây một câu nào. Nghĩa là chỉ để cho học giả được đủ nhiều tài liệu để nghiên cứu mà thôi. Nhưng ông cũng không dặn cho người ta biết thế. Ở cái đời khoa học, thực nghiệm này, trông ngoài bìa sách thấy hai chữ «quốc học» mới mẻ to tát, mở cuốn sách thấy một ít lời sấm, thì ai cũng phải ngờ. Ấy vì thế nghị giả nhận sai nghĩa chữ quốc học đi mà thành lầm».

Nguyễn-Trọng-Thuật cho rằng chính bởi thiếu minh định nội dung từ ngữ như vậy mà làm cho Phan-Khôi hiểu lầm. Ông phân tích và bàn giải về sự lầm lẫn của Phan-Khôi một đàng vì không hiểu biết nội dung từ ngữ quốc học theo nghĩa của Nhật Bản, một đàng vì thiếu sự tìm tòi và đối chiếu các tài liệu cũ của ta với nhau vì so sánh chúng với các nước khác. Đó là ý nghĩa của đoạn văn sau đây :

« Nay xét ra nghị giả lầm vì hai cớ này : một là không biết đến cái nghĩa quốc học đan thuần của Nhật-Bản, nhận thấy ở Trung quốc đâu đâu đời Dân quốc, có một phái nào đó xướng lên lấy sách bách gia thư từ làm quốc học để đối với Tây học đang tràn vào. Quả như lời nghị giả thì nghĩa quốc học ấy là ngoan cố khoa đại đấy, quả thế thì lầm. Hai là nghị giả không đem thời đại học thuật của nước nhà mà so sánh với xa gần, về đồng thời không chịu lượng xét cho học giới ta xưa bị những trở lực gì mà dù có ít nhiều điều biệt kiển cũng phải tiêu trầm, rồi không chịu khó bởi móc trong chỗ giấy rách mà nhặt nhạnh lại, nhất diện cứ câu chấp ở đồng sách bầy bện của Tàu mà kết án cho cõi nhân minh, kết luận rằng : « Nước ta không có cái học gọi là quốc

học ». Xét ra thì ý nghị-giả muốn nói về cái học chung của thế giới kia, mà gọi làm làm quốc học đấy, chứ quốc học thì nước nào mà chả có.

« Song le dù đối với cái học chung của thế giới đi nữa so với cụ Khồng, cụ Phật cùng Đông châu chư tử thì cõ nhân ta không những không có mà lại còn là học đồ, nhưng so với bạn học cùng cái thời đại học thuật với nhau, nghĩa là so với các học giả Hán, Tống, Minh, Thanh, mà đòi kêu là đại nho thì cõ nhân ta đời nào cũng có như thế đấy, chỉ vì số nhiều không biết trọng mà đè trầm mai đi, thì còn lấy đâu mà thành lập lưu hành được. Chứ nếu đều được thành lập « lưu hành » đến nay cả thì đã chả có cái cảnh tượng học thuật khủng hoảng như bây giờ»..

Đoạn văn trích trên đây cho ta thấy Nguyễn-trọng-Thuật chủ trương rằng tờ tiên ta có thua kém thì chỉ thua kém cụ Khồng, cụ Phật thôi, chứ có thua kém gì bách gia chư tử của Tàu và các học giả của Nhật.

Đè minh chứng cho lập trường trên, Nguyễn-trọng-Thuật phân biệt cái học ra làm quốc học và thế giới công học rồi lần lượt định nghĩa, mô tả thế nào là quốc học và thế nào là thế giới công học : « Cho được hiểu rõ hai điều lầm của nghị già trên này, tôi xin bàn giải, so sánh và chứng dẫn luôn làm một bài khảo cứu như sau này, các ngài tự suy xét phán đoán lấy, chứ tôi không muốn theo cách biện luận tia tách từng lời, cái vặt từng câu nữa.

« Dưới đây trước tôi phân giải cho hai cái học ở trong

học giới các nước ngày nay là quốc học với thế giới công học khác nhau thế nào. Rồi tiến lên xem học thuật Việt-Nam đối với hai cái học ấy ; về quốc học thì lấy nghĩa của Nhật-Bản rồi xem Việt-Nam sẽ có những gì ; về thế giới công học thì trước xét ở Trung-quốc, ở Nhật-Bản về đồng thời xem thế nào, rồi xét đến Việt-Nam xem thế nào.

• Hai cái học trong học thuật thế giới :

«Học-thuật các nước thế giới đến ngày nay là hoàn bị và tinh tế, song lấy quốc tính mà phân ra thì có hai loài là quốc học và thế giới công học. Quốc học là cái học riêng chỉ một mình nước ấy có. Thế giới công học là cái học chung của các nước học lẫn của nhau.

«Coi đó thì biết quốc học tức là cái học bất dịch, chỉ một nước ấy có, chỉ người nước ấy cần phải học, hoặc là chỉ người nước ấy mới có thể học thâm thấu được, còn nước khác không có, người nước khác không cần phải học, hoặc là có học cũng không thâm thấu được. Đến như thế giới công học thì là cái học chung, là cái học biến dịch, nghĩa là tùy thời mà đổi mới tùy thời mà khứ thủ không nhất định được.

«Ví như một người, quốc học là phần bản thể; thế giới công học là phần bồi dưỡng. Bản thể thì cần phải nuôi cho lớn khôn khỏe đẹp ra mà không bỏ và thay chỗ nào được, nếu bỏ hay là thay chỗ nào thì là bất cự, quá thì chết. Còn bồi dưỡng thì nếu nhà có thì chó, bằng có mà thiếu, hoặc có mà xấu, hoặc không có đi nữa thì cứ lấy ở ngoài..»

• Xem thế thì về thế giới công học, thiếu đâu cứ cầu ở

ngoài, đã hủ rồi thì cứ cải lại, hoặc khử cả đi, hoặc phát kiêm thêm ra được để đóng góp với đời càng tốt. Đến như quốc học thì phải có sẵn cả rồi, là cũ kĩ tích lũy chứ không phải là mới. Hoặc có nhăng bỏ thì nay đem ra, có tàn mát thì nay thu tập lại, chứ không phải đi chuốc ở đâu đem vào được».

Như vậy, theo Nguyễn-Trọng-Thuật, cũng như theo Lê-Dư, quốc học gồm có «quốc sử, quốc văn, quốc thần, địa dư chí, cõi diền, ca dao và văn thi». Quốc sử thì gồm có «sử ký, liệt truyện, gia phả và bi ký»; Quốc văn tức là «ngôn ngữ văn tự», tức cũng là «cái gốc của cõi học một nước», quốc thần thì gồm «những vị thần từ Hùng Vương trở xuống nào quốc tổ, nào vĩ nhân cùng những vị có công đức», địa dư chí thì biên chép các nơi danh thắng trong nước; cõi diền tức là «chính trị của lịch triều, chế độ của xã hội, phong tục của dân gian; ngàn ngôn phong dao «là cái kho tự diền văn luật, vừa là một pho kinh, diền của cả một dân tộc kinh nghiệm hoặc sở đặc về luân lý, về phép hành vi, về mĩ cảm; văn thi là kho tàng văn học thơ của các văn nhân thi sĩ».

Sau khi đã phân tích và mô tả quốc học và thế giới công học là thế nào rồi, Nguyễn-Trọng-Thuật dựa vào các quan niệm đó mà duyệt lại lịch sử của Việt-Nam, của Trung Hoa, của Nhật để minh chứng, ở mọi địa hạt, ta không có thua kém gì. Trung-Hoa hay Nhật-Bản, có chăng ta chỉ thua kém là không có một «cụ Không», một «cụ Phật» mà thôi.

Cuối cùng Nguyễn-Trọng-Thuật, căn cứ vào lịch sử để trình bày một cách cụ thể nền quốc học và nền thế giới công học như là đã có cơ sở liên tục qua suốt cả lịch sử Việt-Nam.

Cái học của Việt-Nam dưới con mắt của Nguyễn-Trọng-Thuật  
quả cũng đã có trường phái đảng hoàng. Ông viết :

«Tóm lại học thuật Việt Nam trong một thời đại, cả  
Nho học Phật học đều có ba cái tính chất khác nhau là hợp  
sáng, biệt sáng và toàn mô phỏng. Ba tính chất ấy có những học  
phái này : «Về Nho học, tính chất hợp sáng có Hán nho đích  
Việt-Nam học phái; tính chất biệt sáng có Chu-An thực hành  
học phái, Hoa Việt Nho học phái, Quế đường học phái hay là  
Lê-Nguyễn nho học phái, tính chất toàn mô phỏng có Tống nho  
học phái»

Như vậy, chẳng những ta không thua kém Tàu hay Nhật  
mà cũng không đến nỗi hổ thẹn nếu so sánh với các nước  
trong thiên hạ. Nguyễn-Trọng-Thuật diễn tả ý tưởng đó ở  
đoạn sau :

«Bởi vậy tôi đã ví quốc học là bản chất, ví những cái  
học cũ ở Á Đông là nhà trường Đông phương học ; mà những  
cái sở đặc cũ là những cái bằng tốt nghiệp trước vây. Nay giờ  
bạn học cũ đã đều lên trường cao đẳng mới, ta dù chậm chạp  
cũng đã tìm thấy công trường, nhưng trước khi thụ giáo, ta  
phải tự sát hạch lại cái bằng tốt nghiệp cũ của ta là phải lắm.  
Cái bằng tốt nghiệp cũ của ta, về môn quốc học, những tài liệu  
về bản chất, so với bạn học cũ dẫu chẳng được toàn ưu điểm  
giì, nhưng cũng ưu liệt tương bán. Về môn công học dù bị nội  
giới ngoại giới cùng số nhiều ham mê về cử nghiệp khiến cho  
có sở đặc mà không được lưu hành, có lưu hành mà được một  
số ít người hoặc được một thời kỳ ngắn ngủi ; song những tinh

thần chủ nghĩa như là điều hòa siêu việt với thực tế, thực hành minh đạo hóa dân, tự tin, tự giác về quốc âm thô sản như trên ấy, thực đã biết đem cái học công hữu của thế giới biến hóa ra làm cái học độc hữu của một nước rồi đó».

Qua sự phân tích bài «Điều đình cái án quốc học» như trên đây, các bạn đã nhận thấy Nguyễn-trọng-Thuật, tuy nói là không bênh bên nào, mà kỳ thực thì đã bênh Lê-Dư và kết án Phan-Khôi. Có điều là lời lẽ Nguyễn-trọng-Thuật nó thanh-lịch, kín-dáo, nhẹ-nhang.

Phải chăng vì vậy mà Phan Khôi không chấp nhận sự hòa giải của Lê Dư qua bài «Bất điều đình» của ông đăng ở báo Đông Tây số 133. Tiếc rằng bài «Bất điều đình» của Phan-Khôi tôi chưa được đọc cho nên không biết Phan-Khôi đã trả lời Nguyễn-trọng-Thuật những gì : hiện giờ tôi chưa làm sao tìm ra được tờ Đông Tây nào.

Nhưng cứ đọc bài Siêu Việt công kích Phan-Khôi vì Phan-Khôi không chấp nhận sự điều đình của Nguyễn-trọng-Thuật thì cũng biết qua được thái độ của Phan-Khôi đối với Nguyễn-trọng-Thuật. Đề phản đối cái việc Phan-Khôi «không chịu nhận sự hòa giải của Nguyễn-trọng-Thuật, Siêu Việt đã trích những lời Phan-Khôi buộc tội những ai muốn điều đình đều là hạng người bèn nhất :

«Người ta mà ưa làm kẻ điều đình là chỉ vì có ý sợ khổ, có ý chiều đời, có ý thích làm lớn, bằng không có ý đó thì bỗn thân cái thuyết điều đình chẳng đứng một mình được vì nó vừa đen vừa trắng hay là không đen không trắng, dễ nói quá,

mà chẳng có nghĩa gì » (theo bài « Đọc bài Bát điều đình của Ông Phan Khôi trong báo Đông Tây số 133, An-nam tạp-chí số 43, 1.6.1932)

Sau khi đã trích câu văn của Phan-Khôi, Siêu Việt lấy nó để mà đả kích Phan-Khôi là ngụy biện thiếu tư cách của một học giả tự xưng là trọng luân lý : «Ông Phan-Khôi thường tự nhận là một nhà học giả, song đọc đoạn văn trên vừa rút ở bài của ông, tôi không thể coi là cách lý luận của học giả được; gọi là cái luận điệu của trạng sư thì đúng hơn. Cái bồn thân của sự điều đình thế nào? Nó có hại và vô giá trị không, ông Phan hãy cùng tôi nghiên cứu» , (Siêu Việt, An nam tạp chí, số 43)

Phản đối việc Phan-Khôi không chịu điều đình, Siêu Việt đã định nghĩa thế nào là điều đình theo nghĩa triết học. Ông viết : «Điều đình hay là tòng hợp cũng vậy, có khi thì là cái chung cục của một cuộc biến, mà có khi lại là cái mầm của một cuộc biến khác nữa. Một lý thuyết dù hay dù dở, bao giờ cũng có một phái tán thành, hết sức duy trì lấy nó. Đồng thời lại có một phái khác phản đối lại. Bởi đó, sự xung đột của hai lý thuyết mà rút lại thì là sự điều đình vậy. Hết cuộc biến thiên này lại kế tiếp một cuộc khác, nhân loại tiến hóa không biết tới đâu mới là cùng» (An nam tạp chí số 43).

Sau khi đã tranh luận với Phan-Khôi về ý nghĩa của chữ điều đình, Siêu Việt lại thương xác với Phan-Khôi về thái độ cực đoan của Phan-Khôi. Cũng nhờ Siêu Việt mà ta biết Phan-

**Khôi có chủ trương cực đoan.** Siêu-Việt trích lời Phan-Khôi : «Đại phàm sự học nhờ ở sự cực đoan mà mới có tiến bộ. Nói về triết học, ai có khuynh hướng về duy vật thì cứ duy vật đi. Mỗi bên đều cứ theo chỗ mình tin tưởng dựa vào luận lý học và phát huy nghĩa lý cho tới cùng như vậy nền triết học mới càng ngày càng chói sáng thêm. Học giả bên Tây sở dĩ tấn tới mau lăm là nhờ đi theo con đường đó. Con đường đó là gì ? Chẳng phải là sự quan ma tư ích cho nhau của hai cái thái cực duy tâm và duy vật là gì ?» (Siêu-Việt Annam tạp chí số 43).

Trích lời Phan-Khôi rồi, Siêu-Việt lại bàn giải về vấn đề cực đoan như là một phương tiện trên đường khám phá chân lý. Như chỗ tôi hiện biết, thì hình như cuộc tranh luận đã ngừng lại ở đây. Vấn đề tuy chưa ngả ngũ hẳn ra đâu nỗi, vụ án quốc học cũng khai mào cho việc đặt ra rất nhiều vấn đề văn hóa xã hội và hối thúc học giả đi vào con đường tìm kiếm, giải quyết: Văn học nhờ vậy mà tiến bộ rất nhiều.

#### 4.— VỤ ÁN THƠ CŨ THƠ MỚI

Chẳng phải đột ngột, bất thắn mà có cuộc cách mạng về thơ. Cuộc cách mạng ấy, thực ra, đã âm ỉ chuẩn bị từ lâu. Năm 1917, trên Nam-Phong tạp chí, số 5, nơi bài «Bàn về thơ nôm», Phạm-Quỳnh nhân đọc cuốn *Cô xúy nguyên ân* của Đông Châu Nguyên-hữu. Tiết đã tỏ thái độ về thơ cũ mà ông coi luật lệ thực không có khác luật hình : «Người nào thuộc luật thì bằng trắc tất không lộn, vẫn tất áp, luật tất niêm, điệu tất xứng, đối tất chỉnh, sánh những khéo thôi-xao, giỏi những cảnh xuất-sáo mà gây nên những bức thanh âm tuyệt diệu ; người nào không thuộc luật thì phạm phải những tội ghê gớm, đọc đến mà rùng mình : nào là tội thất luật, tội thất niêm, tội khò độc, tội cưỡng áp, tội trùng ý, trùng chữ, điệp diệu». (Bàn về thơ nôm, Nam-Phong số 5, NOV. 1917). Sau khi đã nêu lên những lề luật

chặt hẹp như vậy, Phạm-Quỳnh chê tâm lý của cái thứ thơ ấy là thứ tâm lý đã bị sửa chữa thành ra giả tạo : « Người ta thường nói thơ là cái tiếng kêu tự nhiên của con người. Người Tàu định luật nghiêm cho người làm thơ thực là muốn chữa lại, sửa lại cái tiếng kêu ấy cho nó hay hơn, trúng vẫn, trúng điệu hơn, nhưng cũng nhân đó mà làm mất cái giọng thiên nhiên đó vậy » (Bàn về văn Nôm, Nam-Phong số 5)

Sau đó, Phạm-Quỳnh giới thiệu hai bài thơ, bài « Qua đèo ngang » của bà Huyện Thanh Quan, và bài « Soir en montagne » của Léonce Depont và trình bày cho độc giả nhận thấy thơ Tây tình tứ, dồi dào, siêu việt bao nhiêu, thì thơ ta giả tạo, tiều xảo, gò bó bấy nhiêu. Và ngay từ hồi này Phạm Quỳnh hình như cũng mong có một sự đổi mới bằng sự bắt chước Pháp trong khi ông viết :

« Bọn ta ngày nay thực là đứng giữa nơi giao giới của hai cái tinh thần ấy, hai cái gặp nhau ở ta, nếu ta khéo ra thì có thể điều hòa được cái hay của hai đảng mà không mắc phải những khuyết điểm. Ta cứ nên giữ lấy cái lối tranh cãi của ta nhưng ta nên rộng cái khuôn nó ra một tí mà bắt chước lấy cái vẻ thiên tú của người » (Bàn về văn nôm, Nam-Phong số 5).

Nếu năm 1917 đối với thi ca cũ, Phạm-Quỳnh mới chỉ dám trách nó là quá ư nghiêm nhặt nhưng vẫn nhận nó là tuyệt xảo thì năm 1928 trên Đông Pháp thời báo, Phan-Khôi đã dám táo bạo chê luật lệ thơ cũ của ta là trói buộc, tù hãm đã vậy mà lại còn thô tục nữa : « Song từ ngày đem thất

ngôn luật vào khoa cử rồi thì thè ấy trở nên bô buộc quá mà  
mất cả sanh thú..... Ấy chỉ là luật riêng dạy về lối làm thi  
trong việc khoa cử mà thôi, nào có phải cái phép tắc chánh  
truyền của nghề thi như vậy ? Nhưng mà ngày nay người  
ta cũng tuân theo, không biết cởi mình ra khỏi trói. Thấy  
có một vài cuốn sách quốc ngữ tự xưng dạy phép làm  
thi mà cũng dạy theo lối thi khoa cử ấy, thì thật là tục quái.  
Thi quí cho nhã; mà đã tục thì còn dạy ai?» (Chương Dân thi  
thoại, tr. 46)

Cũng năm 1928 này, lần đầu tiên ta thấy xuất hiện trên  
*Trung Bắc Tân văn*, bài thơ đầu tiên không niêm, không luật,  
không hạn chữ, hạn câu : bài thơ dịch của Nguyễn-văn-Vinh :  
*La Cigale et la Fourmi* :

*Ve sầu kêu ve ve  
Suốt mùa hè  
Đến kỳ gió bắc thời  
Nguồn cơn thật bối rối.*

Năm 1929, Trịnh-đình-Rư viết một loạt bài về vấn đề  
thi ca trong mục «Văn thơ với nữ giới» đăng trên Phụ nữ Tân  
văn mà ta có thè kè ra làm thi dụ tiêu biều các số sau đây : số  
18 (25-8-1929), số 19 (5-9-1929) số 26 (24-10-1929), số 29 (21-  
11-1929), số 31 (5-12-1929), số 33 (19-12-1929), số 62 (20-2-1930).

Trước hết ông trình bày cho ta thấy thi ca của ta từ  
xưa cho đến ngày nay không phải dừng bến bờ neo ở mãi một  
chỗ mà vẫn biến hóa từ đời này qua đời khác, từ chỗ nô lệ

hoàn toàn đi đến chỗ vay mượn chế biến cho tới hình thức  
mảng tạo độc lập đặc thù.

Thực vậy nơi số 13 ngày 25 Juillet 1929 Trịnh-đinh-Rư  
viết : «Văn chương theo từng thời vận mà biến đổi. Từ  
triều Lê trở về trước nhân dân ăn ở dưới quyền quân  
chủ, dân trí hãy còn thuận ngạc cho nên thơ văn về  
những thời kỳ ấy toàn là những giọng chất phác cả... Từ  
cuối đời Lê cho tới triều Nguyễn gần đây dân trí hơi  
mờ mang dần, văn chương có điều lịch sự hơn trước, song cái  
tư tưởng về xã hội chưa có cho nên các nhà làm văn phần nhiều  
là chỉ tả cái chí khí, cái tâm sự cùng cái hứng thú của mình...»

«Cách mươi năm về trước đây, sự học nước ta đã thay  
cũ đổi mới, các nhà học giả đua nhau chuộng về văn quốc âm,  
song buồn đó là buồn quốc văn mới phai phai, lại chưa chịu đủ  
cái sức trào lưu ở ngoài thúc giục, cho nên những tập văn thơ  
xuất bản về hồi ấy, toàn thấy những bài phi tinh thi sầu, phi  
sầu thi phiếm, ngày nay thức giả cho là vô vị mà hồi đó ai cũng  
ưa chuộng ngâm nga ?

«Văn chương là hồn nước. Hồn nước tinh dần thì văn  
cũng phải đổi mới...»

«Ta thử xem ngay ông Nguyễn-khắc-Hiếu. Năm xưa xuất  
hàn những tập «Khối tình con» «Còn chơi» kề có biết bao nhiêu  
là văn thơ gọt nặn tỉ mỉ.

«Thế mà đến hồi năm kia ra chủ trương tạp chí An-nam  
tho đến sau vào viết bài ở Đông Pháp thời báo, thì thơ văn của

Ông thấy đã đòi hẳn ra giọng khẳng khái và hùng hồn không ? ».  
(*Phụ nữ Tân Văn số 13*).

Trịnh-Đinh-Rư cũng tố cáo sự chuyên hướng mãnh liệt nơi chính bản thân ông : « Kẻ viết bài này nhân cũng xin thú thực rằng: hồi năm 1919 đã có xuất bản một tập văn thơ nhưng sau tự xét thấy thiệt là vô vị nên sau đó những thơ văn làm ra có thể tiếp tục in thêm được vô số tập nữa, lại tự xét cũng không thấy ích gì cho xã hội, vậy đã quyết mà đem các bản thảo phô cho thăn lửa thu hết,» (*Phụ Nữ Tân Văn số 13*)

Sang đến số 19 (5-9-1929), nơi bài « Vì đâu mà chuộng thơ sâu cay ? », Trịnh-đinh-Rư nhận rằng hầu hết thi ca của ta lúc bấy giờ đều là thứ thơ sâu cảm rỗng tuếch, vô vị chứ đâu có được thứ sâu cảm toát, sâu xa.

Sự sâu cảm vô vị và rỗng tuếch của thi ca Việt-Nam, theo Trịnh-đinh-Rư, có lẽ vì nó bị gò bó bởi luật thơ Đường quá ướt đật hép.

Có lẽ chính bởi vậy mà bài khảo luận sau đó, đăng *Phụ nữ Tân văn số 26, 24-10-1929*, Trịnh-đinh-Rư đã kịch liệt chống đối bài bác thơ Đường.

Trong bài này, Trịnh Đinh Rư đả kích thơ Đường luật khá gắt gao : « Cái nghè thơ Đường luật khó đến như thế, khó cho đến đỗi kẻ muốn làm thơ, mỗi khi có nhiều tư tưởng mới lạ muôn phát ra lời, song vì khó tìm chữ đỗi, khó chọn vần deo, nên ý tưởng dầu hay cũng dành bỏ bớt. Cái phạm vi của thơ Đường luật thật là hép hèp, cái qui củ của thơ Đường luật thật là tần mòn. Ta nếu còn tra chuộng mà theo lời

thơ này mãi, thì nghe thơ văn của ta chắc không có bao giờ mong phát đạt được vậy.

«Chánh những nhà văn sĩ, nữ sĩ ở Trung-Hoa gần đây, họ cũng ít chuộng thơ Đường luật này nữa, vì họ cho là một lối thơ bó buộc, làm cho người ta khó tả được hết cái cảm hứng. Cho nên họ có làm thơ, thì hoặc dùng lối «trường thiêng» không có hạn văn, hạn câu, hoặc dùng các lối từ khúc không cần phải đổi ghép tinh. Ấy là lối thơ của họ mà ngày nay họ cũng đã tự cải cách rồi đó. Ta còn cứ thẩn phục lối thơ Đường, nô lệ thơ Đường mãi sao?»

Trịnh-Đinh-Rư, tuy đả kích thơ Đường mạnh mẽ là thế, nhưng chưa có đề nghị một lối thơ mới nào cả mà chỉ mới dám đề nghị lấy thơ «lục bát», «song thất lục bát» thay thế mà thôi :

«Ngày nay ta nên biết rằng, hai lối thơ đó mới thiệt là thơ nước nhà, nó không có bó buộc người ta hạn chế, phải nặn chữ như là lối thơ Đường luật. Nè nếp của nhà, văn chương của nhà, tiếng nói của nhà, mà ta theo đòi luyện tập thì còn gì dễ hơn và hay hơn?» (Trịnh-Đinh-Rư, Có nên chuộng thơ Đường luật không? Phụ-nữ Tân văn số 26, 26-10-1929).

Ngoài ra Trịnh Đinh Rư còn viết thêm ba bài ca ngợi những thề thơ hoàn toàn Việt-Nam. Số 29 (21-11-1929) cực tán lối thơ Lục bát : «Viết một bài thơ lục bát, chữ đã không cần phải đổi, văn lại không phải deo nhiều, vui bút kéo đến trăm câu, muôn gọn viết một bài văn, cái thú hạ bút tự do toàn ở tác giả cả. Vả lại thơ lục bát còn có một cái thú nữa, là một bài thơ nếu có lời lẽ khá, có ý tưởng hay, thì người đọc dễ biết và dễ cảm».

Đến số 31(5-12-1929) ông ca ngợi thơ song thất lục bát. Theo Trịnh Đình Rư, song thất lục bát chẳng những hay hơn thơ Đường mà còn hay hơn cả lục bát vì nó tự do, nó uyên chuyền hơn.

Sang số 33 (19-12-1929) ông đề cập đến một lối Ca mới mà ông cho là cũng thuần túy Việt-Nam và rất tự do : « Nay tôi lại xin nói đến một lối ca mới này, là một lối ca do điệu thơ lục bát mà thêm đặt ra thành từng câu. Lối ca này hiện ở ngoài Bắc đang thịnh hành lắm, thường đi chơi khắp kề chợ nhà què, đến đâu cũng nghe có người hát điệu ca này; giọng hát thì nhiều người cho là giọng «sa mạc» còn điệu văn thì nhiều người cho là điệu ca «anh khóa» !

« Bởi sao gọi là điệu ca «anh khóa» bởi vì họ cho rằng khởi đầu từ bài «Tiễn chưn anh khóa» của ông Trần-Tuấn-Khai dắt, in ở quyển «Duyên nợ phù sanh» xuất bản năm xưa » (Phụ nữ Tân văn số 33).

Cuối cùng đến số 42(20-2-1930), nơi bài «Văn thơ nên trọng về ý tưởng», Trịnh Đình Rư lại đả kích thơ cũ vì gò bó về niêm luật mà ý tưởng phải bị hy sinh: « Cái nghè thơ Đường Luật khó đến như thế, khó cho đến đổi kè muôn làm thơ, mỗi khi có nhiều tư tưởng mới là muốn phát ra lời, song vì khó tìm chữ đổi, khó chọn văn deo, nên ý tưởng dẫu hay cũng dành bỏ bớt. Cái phạm vi của thơ Đường Luật thật là hẹp hòi. Cái qui củ của thơ Đường luật là tàn mòn. Ta nếu còn usa chuộng mà noi theo lối thơ này mãi, thì nghè thơ văn của ta chắc không có bao giờ mong phát đạt được vậy » (Phụ nữ Tân văn số 42).

Cái ý tưởng này, Trịnh-Đinh-Rư nhắc đi nháć lại luôc qua tất cả năm sáu bài ta đã kè trên đây.

Nhưng phải đợi mãi đến ngày 18 tháng 3 năm 1932, Phụ nữ Tân văn, số 122, mới cho nô trái bom nguyên tử vào thành trì thơ cũ làm cho nó hầu bị sụp đồ tan tành. Phan-Khôi là người chỉ huy cuộc tấn công này. Thật vậy, trên Phụ-nữ Tân văn số 122, ra ngày 10 tháng 3 năm 1932, Phan-Khôi đã viết bài «Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ». Trong bài này, trước khi « trình chánh» một lối thơ mới của ông, Phan-Khôi đã chia súng bắn tới tấp vào thành trì thơ cũ. Từ xưa ông vẫn làm thơ, mà rồi bằng đi ông chẳng sáng tác được bài thơ nào nữa. Ông gặp ông Phạm-Quỳnh, ông này khuyên ông nên làm thơ như cũ vì Phạm-Quỳnh cho rằng đấy là nghề của Phan-Khôi. Học giả họ Phan suy nghĩ và lấy lời ông Phạm-Quỳnh làm phải và đã cố gắng làm theo ông Phạm-Quỳnh nhưng chẳng đi đến kết quả nào cả. Phan-Khôi đã bộc lộ tâm sự buồn chán, bất lực của ông mặc dầu trước đây trong làng thơ ông cũng là tay đào đẽ, đã không làm thơ thì thôi chứ đã làm là phải hay cả. Ông viết : « Ông Phạm bảo tôi nên lấy lại thái độ ngâm thơ hồi trước. Trong đó tỏ ra rằng bấy lâu tôi đã bỏ mất hay là đã đòi cái thái độ ấy đi, nghĩa là bấy lâu nay tôi không ngâm thơ. Và quả thế, gần mười năm nay, tôi không có bài thơ nào hết, thơ bằng chữ gì cũng không có.

« Trước kia dầu tôi không có tên tuổi trong làng thơ như ông Nguyễn khắc Hiếu, ông Trần Tuấn-Khai, song ít ra trong một năm, tôi cũng có được năm bảy bài, hoặc bằng chữ hán,

hoặc bằng chữ nôm. Mà năm bảy bài của tôi, không phải nói phách, đều là năm bảy bài nghe được. Vậy mà gần mười năm nay mới làm chỉ được một vài bài mà thôi, thì kể như là không có.

Mà Phan-Khôi bảo ông không làm chẳng phải vì ông không muốn, không thèm làm mà thực là ông «một» làm lắm mà làm không được. Ông đưa ra các lý do khiến ông không làm nổi bài thơ nào : «Xin thú thực với mấy ông thơ thơ. Không có không phải là tại tôi không muốn làm hay không thèm làm, nhưng tại tôi làm không được !

«Lâu nay, mỗi khi có hứng, tôi toan giờ ra ngâm vịnh, thì cái hồn thơ của tôi như nó lúng túng. Thơ chữ Hán ư ? thì ông Lý, ông Đỗ, ông Bạch, ông Tô cho án trong đầu tôi rồi. Thơ Nôm ư ? thì cụ Tiên-Điền, bà Huyền thanh Quan đè ngang ngực tôi làm cho tôi thở không ra. Cái ý nào mình muốn nói, lại nói ra được nữa, thì đọc đi đọc lại nghe như họ đã nói rồi.

«Cái ý nào họ chưa nói mình muốn nói ra, thì lại bị những niêm, những vận, những luật bó buộc mà nói không được. Té ra mình cứ loanh quanh lẩn quẩn trong lòng bàn tay của họ hoài, thật đã dẽ tức».

Mà bởi tức như vậy, cho nên Phan-Khôi chửi thơ cũ là già dối, là đáng bỉ. Các bạn nên chú ý đến chữ «bỉ» mà Phan Khôi dùng để nói về thơ cũ : «Đại phàm thơ là để tả cảnh tả tình, mà hoặc tình hoặc cảnh cũng phải quý cho *chơn*. Lỗi thơ cũ của ta, ngũ ngôn hay thất ngôn, tuyệt cú hay luật thè thì nó bị câu thúc quá. Mà đầu có phóng theo ra lỗi thất cồ... cũng vẫn còn bị câu thúc. Hết bị câu thúc thì nó mất cái *chơn* đi, không mất hết, cũng mất già nửa phần.

«Tôi nhìn thấy trong thơ ta có một điều đáng bỉ, là bài nào cũng như bài này. Cứ rủ nhau khen hay thì nó là hay, chứ nếu lột tận xương ra mà xem thì chẳng biết cái hay ở đâu»

Nếu chỉ có thể thôi thì chẳng có gì là đặc biệt. Trịnh-Dinh-Rú mà có lẽ cả Phạm-Quỳnh nữa cũng đã chê trách thơ cũ gay gắt rồi.

Cái mới đặc biệt, có thể coi như quái gở nữa là khác đối với học giả đương thời là ở chỗ ông bày ra một lối thơ mới mà ông chưa biết gọi tên là gì.

«Bởi vậy tôi rắp toan bày ra một lối thơ mới. Vì nó chưa thành thực nên chưa có thể đặt tên là lối gì được, song có thể cứ cái đại ý của lối thơ mới này là, là : đem ý thật có trong tâm khâm minh tả ra bằng những câu, có vận mà không phải bó buộc bởi những niêm luật gì hết».

Sau khi giới thuyết sô lược như vậy về thơ mới của ông, Phan-Khôi đã trình làng một bài thơ mới, bài *Tình Già*.

Tuy là một bài thơ mới đầu tiên, bài *Tình Già* của Phan-Khôi đã táo bạo hơn cả những thơ mới ra đời sau đây xét cả về cách gieo vần, cách đặt điệu, cách dùng tiếng v.v... Câu thơ của Phan-Khôi dài lượt thượt, câu ngắn nhất cũng trên mười chữ, câu dài nhất có tới mươi sáu mười bảy chữ... Luật bằng trắc đã bị phá vỡ hoàn toàn, cho nên câu thơ của Phan-Khôi còn gần văn xuôi hơn cả các thơ tự do ngày nay.

Sau khi trình làng thơ rất «hỗn loạn» của ông, Phan-Khôi phải thanh minh rằng -chẳng phải bởi lạm dị hiểu sự

mà ông làm như vậy, nhưng bởi ông thấy trên miếng đất thơ cũ ông đã mất chỗ đứng cho nên ông phải đi tìm đất mới. Ông chẳng dám tin rằng bài thơ của ông sẽ thành công vì mươi năm trước đã có người làm như vậy mà đã thất bại nhưng nói tiên tri rằng có người sẽ làm như ông mà sẽ thành công : « Chẳng phải là tôi hiểu sự, nhưng vì tôi hết chỗ ở trong vòng lãnh địa của thơ cũ, tôi phải đi kiếm đất mới ; mà miếng đất tôi kiếm được đó chẳng biết có ở được không, nên mới đem ra mà trình chánh giữa làng thơ.

« Chẳng phải tôi là người thứ nhất làm ra việc này. Hơn mươi năm trước ở Hà Nội cũng đã có một vị thanh niên làm việc ấy mà bị thất bại. Tôi dại gì lại đi theo cái dấu xe đã úp ? Nhưng tôi tin rằng cái lối thơ của ta đã hết chỗ hay rồi, đường như một chỗ để đỗ mà cái vương khí đã tiêu trầm rồi ta phải kiếm nơi khác mà đóng đỗ. Tôi cầm chắc việc đẽ xướng của tôi đây sẽ thất bại lần nữa, nhưng tôi tin rằng sau này có người làm như tôi mà thành công ».

Gương Phan-Khôi có người sỏi ngay và lời tiên tri của ông đã ứng nghiệm (tôi tin rằng sau này có người làm như tôi mà thành công) đó là trường hợp của Lưu-trọng-Lư.

Lưu-trọng-Lư đã gửi cho Phan-Khôi một bức thư định kèm hai ba bài thơ mới được Phụ-nữ Tân-Văn đăng số 153 đầu tháng 6 năm 1932, tài liệu mà sau này báo Phong-Hóa cho đăng vào số Xuân, tức Phong-Hóa số 31 ra ngày 25 Janvier 1933.

Trong bức thư này trước tiên Lưu-trọng-Lư như có ý trách Phan-Khôi đã đánh trống bỏ dùi trong lúc thi ca Việt-Nam đang ở trong thời kỳ ngấp ngoái vì thi đàn lúc nhúc toàn ту thi nhân rỗng tuếch ; rồi ông mô tả thế nào là một «chân thi nhân» ; sau đó ông hô hào canh tân thi ca nếu cần phóng túng buông lung thi cứ phóng túng buông lung đừng do dự ngần ngại ; sau cùng ông khuyên người ta tin vào tương lai của thi ca lúc này chờ đợi bắp bênh :

«Phan-Tiên-Sinh,

«Cách đây đã lâu, Tiên-Sinh có đưa trình chính giữa làng thơ một lối thơ mới. Tôi đọc bài rồi tôi cứ đợi mãi đợi mãi mà sau tiên.sinh không thấy có ai nối gót theo mà chính tiên.sinh hình như cũng không muốn giờ dòi việc ấy nữa. Thế là thôi. Cái «của mới» ấy có lẽ chưa thích-hợp với đời này. May mắn độc giả đã yên trí như vậy, mà hẳn Tiên-sinh cũng từng chau mặt giật chân mà nói rằng : Thôi, không ai ưa thì ta xếp nó lại đó, đợi khi khác ta lại mang ra». Thưa Tiên Sinh, đợi khi khác, khi nào nữa, Thi ca ta ngày nay đương lúc ngấp ngoái, không còn có lấy một chút sinh khí. Nếu không soay phương cứu chữa gấp, thì ôi thôi, còn chi là tính mạng của thi ca ? Đừng có nói láy lắt như vậy tiên sinh ạ ! Nếu tiên sinh cứ giữ mãi cái thái độ tiêu cực ấy thì bọn thi nhân «rỗng tuếch» kia còn cứ ca di hát lại những câu sáo hù nghìn xưa mà không thấy nở ra được những bậc thi nhân chân-chính.

«Hắn tiên sinh cũng hiểu rằng, những bậc chân thi nhân không bao giờ lại chịu đứng trong cái «danh thò» hép hòi ngọt ngọt, mà có thè đưa tâm hồn người ta lên tận mây xanh phảng phất trên những sự nôm na, phàm tục, vật chất hàng ngày.

«Những nhà chân thi-nhân, thà là chỉ rung động (Vibrer) trong mình mình chứ không chịu xuất phát ra ngoài, mà để cho

những cái niêm luật khắc khốc, làm đẹt mất cái hồn thơ lai láng  
mênh mông. Người ta thường khen Anatole France Tiên-sinh trọn  
đời giữ được cái cốt cách thuần túy của thi nhân, chính là vì  
lẽ đó. Trong thi giới ta dễ thường được mấy người như thế ?  
Phần nhiều nhà thi nhân cần phải xuất phát ra ngoài để cho nỗi  
lòng được nhẹ nhàng, hèn hè.

«Nếu cứ phải uốn nắn theo khuôn khổ chặt hẹp, như hiện,  
tình thi-ca nước nhà, thì họ phải thất vọng biết đường nào !  
Vậy ta còn ngần ngừ gì nữa, mà không mở rộng cái «lãnh thổ»  
kia ra, để mặc sức cho họ đem những cái thiên-tài phú bẩm ra,  
mà đưa bơi vùng vẫy. Làm vậy, hoặc giả có kẻ hoài nghi mà  
bảo rằng : « Phóng túng buông lung quá rồi thành ra lộn xộn, mấp  
cả nè thơ ». Trong cái lúc quá độ, át phải như thế, có buông  
lung, có phóng túng mới có thể phát-triền hết những cái rỗ  
hay, rỗ quí, rỗ đẹp trong mình, tuy có nhiều lộn xộn, nhưng  
một ngày kia thành thực rồi, sẽ trở vào trong những cái nguyên  
tắc lề lối, rộng rãi hơn, tự do hơn.

«Dám khuyên tiên-sinh nên mạnh dạn một lần nữa mà tiến  
lên đường.

«Cái lối thơ mới của chúng ta là đương ở vào cái thời kỳ  
phôi-thai, thời kỳ tập luyện, nghiên cứu. Không biết rồi đây nó  
đi được đến chỗ thành công, hay là nửa đường bị đánh đổ ! Đó  
là sự bí mật của lịch sử văn-hóa mai sau ! Dẫu thế nào đi nữa  
nó cũng có giá-trị là giúp cho sự tự do phát triển của thi ca,  
đưa thi ca đến một chỗ cao xa rộng lớn, nó như thúc giục, như  
khiêu khích, như kêu gọi nhà thi nhân ra làm một cuộc canh tân  
dầu có thất bại, thất bại vì lòng mong ước quá cao, thì nó cũng

Hiển cho ta một cái công lớn: nó chính là một tiếng chuông  
anh tinh làng thơ giữa lúc đương triền miên trong cõi «chết».

«Trong lúc ban đầu mà đã vội mong ước có những tay  
«Thầy thơ» chơn chính (véritables maîtres) thật là không thể nào  
được. Nhưng trái lại, nếu có ai xem thường những người sáng  
kiến ra cái lối «thơ mới» kia, tưởng e rằng cũng đặc tội với tiền-  
đồ văn-học của nước nhà làm vậy». (Phụ-nữ Tân-văn số 153,  
tháng 6-1932).

Đồng thời với việc Lưu trọng Lư làm công việc khen  
ngợi, hối thúc Phan-Khôi bên Phụ-nữ Tân-văn, thì trên Annam  
tạp chí số 39, ra ngày 30-4-1932, Văn Bằng, trong bài «Tôi thất  
vọng vì Phan-Khôi», nhân trách Phan-Khôi thất lễ với Nguyễn  
Tiến Lãng, đã mô tả Phan-Khôi như là con người ưa lập dị,  
việc gì cũng muốn làm khác người. Văn Bằng đã có những mỉa  
mai sau đây về Phan Khôi tác giả một lối thơ mới: «Vừa đây,  
Ông lại ra công «sáng chế» ra một lối thơ «tân thời» tự do, đặc  
biệt, không cần niêm luật, tự ý vẫn dài làm cho nhiều người  
thoải cồn phải ngậm ngùi thương tiếc. Tám về «luật đường» có lẽ  
vì sự phát minh lối thơ mới này mà phải mai một đi chăng?

«Đó, cái công trình vĩ đại của ông Phan Khôi đối với  
quốc văn là thế, cho nên văn tài ông được nhiều người bái  
phục, như ông chủ bút báo Đông Tây Hoàng tích Chu đã nói  
về «bạn Phan Khôi» của ông có một bến (xin hiểu là một số  
người) coi là «Lionce Daudet của Việt Nam» (Văn Bằng, An-  
nam tạp chí số 39, 30-4-1932).

Như vậy, có lẽ Văn Bằng là người đầu tiên chống lại

nhà thơ mới Phan Khôi. Có điều là những điều nói mỉa mai của Văn Bằng về Phan-Khôi chẳng dè lại hóa thành lời tiên tri. Quả thực là tám vế luật đường sē vì sự phát minh của Phan Khôi mà bị mai một, và quả thực Phan-Khôi đã làm một công trình vĩ đại.

Nhưng ở ngay buổi đầu này, hình như những người nghĩ như Văn-Bằng có lẽ đồng hơn nhưng những người lên tiếng như Văn-Bằng chưa có đồng mà ngược lại những người làm công việc như Lưu-trọng-Lư có lẽ đồng đảo hơn. Phong-Hóa ngay từ số 14, ra ngày 22 tháng 9 năm 1932, đã lên tiếng kịch liệt đả kích thơ cũ và hô hào bênh vực thơ mới. Bài hô hào đó được trích nhắc lại trong Phong-Hóa số xuân 1933, tức số 31, 24 tháng giêng năm 1933 với lời mở thế này : « Trong số báo 14, Phong-Hóa đã bàn về những chỗ không hay, không hay vì bị bó buộc vào trong khuôn sáo của thơ đường luật. Tác giả bài ấy kết luận rằng «bỏ luật, niêm, đối, bỏ điền tích, sáo ngữ, nghĩa là tóm tắt, đừng bắt chước cõ nhân một cách nô lệ. Thơ ta phải mới, mới văn thè, mới ý tưởng. Nay bản báo nhận được bức thư của cô Liên-Hương đề gửi cho ông Phan-Khôi, nói về lối thơ diệu mới của ông, ý tưởng có nhiều chỗ giống với ý tưởng bản báo» (Phong-Hóa số 31, trang 16),

Lưu-trọng-Lư đã từng gửi bài đăng ở Phụ nữ Tân Văn số 153 vào tháng 6 năm 1932, rồi lại gửi đăng ở Phong-Hóa số 31, ra ngày 24 tháng 1 năm 1933 vẫn chưa lấy làm thỏa mãn nên tháng 5 năm 1933, khi cho xuất bản tập tiểu thuyết đầu tay, Người Sơn Nhân, ông còn cho dính kèm ở phần hai một bài đả kích thơ cũ ca ngợi thơ mới. Đó là bài «Một cuộc cải

cách về thi ca».

Bài «một cuộc cải cách về thi ca» này còn được kèm theo 14 bài thơ mới. Xét về nội dung bài «Một cuộc cải cách về thi ca» này, ta không thấy có gì mới mẻ hơn bức thư đã gửi cho Phan Khôi gần một năm về trước. Có điều là ở bức thư trước kia, Lưu-Trọng-Lư phàn nàn là chưa có ai hưởng ứng, còn ở đây Lưu-Trọng-Lư ghi nhận là trên văn đàn đã có khuynh hướng, tức đã có phong trào thơ mới :

«Gần đây trên trường văn học nước nhà thấy ra một cái khuynh hướng mới lạ, mệnh danh là thơ lối mới, muốn cởi trói thi ca ra khỏi cái niêm luật khắc khò. Biểu hiệu cho cái khuynh hướng ấy, đáng kể nhất có ông Nguyễn-Thé Lữ & báo Phong-Hóa và cô Nguyễn-thị-Kiêm ở Phụ nữ Tân văn. Cả hai coi bộ sốt sắng lắm. Nhưng cái «thi trào» ấy còn nóng mãi hay là sẽ nguội dần, đó là sự bí mật của lịch sử văn học tương lai ta không thể đoán trước được» (Người sơn Nhâu).

Sau khi nhận định như vậy về sự phôi thai của thơ mới, Lưu-trọng-Lư tấn công thơ cũ, chửi thơ cũ, nhất là cái thứ thơ cũ được chế tạo rất giả hiệu đang bày biện ở các cửa hàng. Nó là thứ thơ chẳng thơ tí nào : « Một hôm tôi vào một rạp hát nọ tôi không biết là người ta diễn vở tuồng gì, nhưng khi tôi vào là nhầm khi một chú hề đương pha trò trên sân khấu. Chú hề lớn thế nào mà thiên hạ cười như lười ươi nắc nẻ mà tôi thì... khóc không được. Tôi tiu nghỉu ra đi, vẫn nghe tiếng cười vỗ rạp.

« Cái tiếng cười của rạp hát nọ đã chết rồi, vì nó lạt

lẽo, vô duyên quá. Ai bảo thi ca nước nhà với tiếng cười ấy chẳng cùng chung một số phận. Ta thử tìm trong những cái vườn thơ của ta có gì là hoa thơm cỏ lạ đâu nào ? Trong những bài thơ xuất bản trên các báo ngày nay, dưới ký cái biệt hiệu mỹ miều đó, rặt là những câu tràn ngôn sáo ngô, đúc đi luyễn lại từ xưa đến nay, không thêm bớt, không sửa mè. Các tay thơ kia chỉ chuyên một mặt từ chương âm vận : lựa chữ cho kêu, tìm điền cho lạ, đem cái áo văn chương hoa hòe sắc sỡ mà mặc cho những cái tình cảm yếu đuối, những cái tư tưởng tầm thường.

«Cả một đám thanh niết rỗng tuếch, mềm nhũn, ướt hèn đều tấp tênh học thói rung đùi, năn cầu, cũng khóc thør; khóc thê, khóc gió khóc giăng... Họ ca đi ca lại mà không thấy chán, những cái mà một Cổng-Quỳnh hay một cô Xuân-Hường đã quên nhăng. Họ gây lên một cái phong trào làm thơ rất náo-nhiệt, tưởng họ đưa được tâm hồn người ta lên phảng phất, tiêu diêu trên sự nôm na chật hẹp hàng ngày, nào hay chỉ tò làm cho người ta thêm long tai điếc óc» (Một cuộc cải cách về thi ca, Người sơn Nhân).

Một đoạn như đoạn trích trên đây cho ta thấy Lưu Trọng Lư đã đi xa hơn Phan-Khôi. Phan-Khôi mới chỉ chê thơ cũ xưa kia và thú nhận chính ông bất lực không làm nổi thơ ấy nữa. Chứ Lưu-Trọng-Lư chẳng những chửi thơ cũ mà chửi tüm lum tất cả các người đang làm thơ cũ lúc ấy. Phải chăng vì vậy mà gây nên phản ứng mãnh liệt trong làng thơ cũ như các bạn thấy sau này.

Sau cùng Lưu-Trọng-Lưu đã bộc lộ tâm tình của thế hệ trẻ đang khao khát cái gì mới mẻ, đang say xưa chờ đón những thay đổi, đến nỗi ông đã ví người «thanh niên Việt-Nam ngày nay đương bơ vơ đi tìm người thi nhân của mình, như người con đi tìm mẹ». (Người sơn Nhân) :

«Ai cũng biết người thanh niên Nam Việt ngày nay đã chán nản về những sự chánh trị ồn ào mà vô hiệu, đã thất vọng về những cái mộng tưởng mỹ miều mà già dối. Người thanh niên Nam Việt ngày nay chỉ ao ước có một điều, một điều mà thiết tha hơn trăm nghìn điều khác là được có một nhà thi nhân biền thấu minh mà yên ủi mình, một bậc thiên tài lỗi lạc đi vào tận tâm hồn của mình, đến những chỗ cùng sâu, mà vạch những cái kín nhiệm uất ức, rồi đưa phả vào những cái âm điệu du dương cho mình được nhẹ nhàng thư thả. Một việc khó khăn như vậy, tưởng các người Tùng, Tuy ngồi đêm câu, chọn chữ mà làm được ư ?

«Người thanh niên Nam Việt ngày nay đau đớn về những cái đau đớn mà nhà thi nhân Nam Việt chỉ ngồi ca hát những nỗi khóc buồn xưa. Còn gì chán bằng bắt ta buồn mãi cái buồn réo rắt, uất của người cung nữ đời Tần ? Còn gì khóc bằng bắt ta sầu mãi cái sầu dằng dặc, âm thầm của nàng chinh phụ ?

«Người thanh niên Nam Việt ngày nay đương bơ vơ đi tìm người thi nhân của mình, như con đi tìm mẹ. Có ai thấy cái tình cảm thảm thiết ấy không ?» (Người Sơn Nhân).

Lưu-trọng-Lưu xuất bản « Người Sơn Nhân » vào khoảng tháng 5 năm 1933. Cuộc chiến giữa thơ cũ và thơ

mới bùng ra dữ dội từ đây. Hoài.Thanh và Hoài.Chân, trong bài tựa «Một thời đại trong thi ca», đã phác họa lịch sử thi ca trong vòng mươi năm 1932 đến 1942, nhất là đã ghi nhận cuộc chiến bùng ra giữa thơ cũ và thơ mới.

Sau đây là phe phái bên thơ cũ :

«Aout 1933, một tuần sau cuộc diễn thuyết thứ nhất của cô Nguyễn-thị-Kiêm, ông Tân Việt, bỉnh bút báo Công Luận, bênh vực thơ cũ tại diễn đàn hội Khuyến học Saigon, Octobre 1933 : Văn học tạp chí, Hanoi, chê các nhà thơ mới không biết cân nhắc chữ dùng.

«Novembre—décembre 1934 : Tân.Đà nói chuyện thơ mới, thơ cũ trên Tiều thuyết thứ bảy.

«Décembre 1934 : Trên Văn học tạp chí ông Hoàng.Duy Từ phản đối bài diễn thuyết của ông Lưu.trọng.Lư tại nhà học hội Qui Nhơn.

«9 Janvier 1935 : ông Nguyễn-văn-Hanh diễn thuyết tại hội Khuyến học Saigon.

«16 Janvier 1935 : ông Nguyễn-văn-Hanh lại diễn thuyết tại hội Khuyến học Saigon cùng hôm với cô Nguyễn-thị.Kiêm (diễn thuyết tranh luận).

«Avril 1935 : Hai ông Tường-Vận và Phi.Vân xuất bản tập thơ cũ *Những bông hoa trái mùa* ở Vinh.

«Juin 1935 : Ông Tùng Lâm Lê Cương Phụng công kích thơ mới trên Văn học tuần san, Saigon.

«Avril 1936 : Ô Thái Phi công kích thơ mới trên báo Tin văn Hanoi.

«Aout 1937 : ông Nguyễn-văn-Hanh diễn thuyết ở hội  
Quảng-Trị Huế.

«Juin 1941 : ông Huỳnh-thúc-Khang, sau nhiều lần chỉ  
trích và mạt sát, nói quả quyết rằng thơ mới đã đến ngày mạt  
vận» (Hoài-Thanh, Thi nhân Việt-Nam trang 22).

Về phía các nhà bênh thơ mới, Hoài-Thanh ghi : «Từ  
hai tháng trước, hôm 26 Juillet 1933, một nữ sĩ có tài và có gan,  
cô Nguyễn thị Kiêm, đã lên diễn đàn hội Khuyến học Saigon  
hết sức tán dương thơ mới. Hội Khuyến học Saigon  
thành lập đến bấy giờ đã 25 năm. Lần thứ nhất một bạn gái  
lên diễn đàn và cũng lần thứ nhất có một cuộc diễn thuyết  
được đông người nghe như thế.

«Nối gót cô Nguyễn-thị-Kiêm, còn nhiều diễn giả cũng  
theo một mục đích : dành lấy phần thắng cho thơ mới.

«Juin 1934 : Ông Lưu-trọng Lư diễn thuyết tại nhà Học  
hội Qui Nhơn.

«Janvier 1935 : Ông Đỗ-dinh-Vượng diễn thuyết tại hội  
Trí Tri Hanoi.

«Janvier 1935 : cô Nguyễn-thị-Kiêm lại diễn thuyết tại hội  
Khuyến học Saigon để tranh luận với ông Nguyễn-văn-Hanh.

«Novembre 1935 : Ông Vũ-dinh-Liên diễn thuyết tại hội  
Trí Tri Nam Định.

«Février 1936 : Ông Trương-Tửu diễn thuyết về thơ Bạch  
Nga tại hội Khai tri Tiển đức Hanoi.» (Thi nhân Việt-Nam  
trang 19)

Cứ kẽ bằng ấy mà thôi thì đã thấy Vụ án Thi ca đã là

rầm rộ, gay go, sôi nỗi lầm. Rất tiếc rằng hầu hết các bài diễn văn đôi bên bài bác nhau mà Hoài Thanh Hoài Chân nhắc đến trong bài «Một thời đại trong thi ca», hiện lúc này tôi không có trong tay. Tôi mong các bạn sẽ bồi bổ vào bằng việc đi tìm ở các thư viện ở tỉnh, ở các thư viện tư gia.

Nhưng dù thiếu chưa tìm ra các tài liệu mà Hoài Thanh nhắc tới, nhưng một tài liệu tôi hiện có trong tay đã thấy nhiều rồi và càng chứng tỏ chưa có một vấn đề nào, ngoài vấn đề truyện Kiều, đã được văn giới sốt sắng tham gia góp ý kiến hay quyết liệt bênh vực cho bằng vấn đề thơ Mới thơ Cũ,

#### A. — Mặt trận bênh thơ mới.

Tôi nghĩ gọi phe bênh thơ mới đả kích thơ cũ là một mặt trận cũng không là quá đáng : chính bọn họ khai chiến, ngay cả lúc bênh mà họ cho là địch không có ai ra ứng chiến. Thực vậy, lai rai từ lâu trước với Phạm-Quỳnh, Nguyễn-văn-Vĩnh, Trịnh-Đình-Rư và ngay cả chính Phan-Khôi, nhưng đến năm 1932 lại cũng chính cái ông Phan-Khôi lai rai lúc đầu đã ra tay làm cách mạng. Bỏ ngoài phần lớn các tài liệu mà Hoài-Thanh và Hoài-Chân đã trưng ra ở đầu cuốn Thi nhân Việt-Nam của các ông vì chưa tìm ra, tôi xin phép trình bày với các bạn theo tài liệu những sách vở báo chí mà tôi có trong tay. Tôi mong các bạn hợp tác với tôi để bồi túc vào sau. Vậy cũng theo chỗ tôi biết hiện nay thì, tuy báo Phụ nữ Tân văn đã là nơi xuất phát trận tuyển do Phan-Khôi chỉ huy, nhưng tham gia thực sự vào trận mạc lúc ban đầu này lại không phải Phụ nữ Tân văn mà là tuần báo Phong-Hóa của Tự Lực Văn đoàn.

Ngay từ số 14, ra ngày 22-9-1932, Phong Hóa, như các

lại đã thấy ở trên, đã có lời chửi thơ cũ và hô hào theo thơ mới : «Bỏ luật, niêm, đổi, bỏ diền tích, sáo ngũ, nghĩa là tóm tắt, dừng bắt chước cõi nhân một cách nô lệ. *Thơ ta phải mới, mới văn thè, mới ý tưởng*».

Thực ra, đòi cho thơ phải mới về tinh thần tức mới ý tưởng thì đã có nhiều người nói từ lâu rồi, nhưng mới về văn thè thì chỉ có từ Phan-Khôi (Phụ nữ tân văn số 122, 10-3-1932).

Tiếp sang Phong Hóa số 15 ngày 29.9-1932 nỗi bài «Sầu thảm nhiều rồi», Việt Sinh chẳng những chửi thơ cũ mà chửi tất cả văn chương theo lối cũ là chỉ biết khóc, khóc một giọng rên rù từ ngàn xưa : «Xã hội ta xưa nay vốn là một xã hội tiêu điều nhạt nhẽo. Hơn một nghìn năm chịu đòn dát dưới đao Khổng dung đắn nghiêm trang, hiều lầm chẳng, nên chỉ khuôn con người ta vào vòng lỗ phép chặt hẹp vô cùng.

«Nói không dám nói mạnh, cười không dám cười to, cái gì cũng như bó buộc, cắn cõi già sói...

«Văn thơ của ta gần đây thực như khóc như đầm đìa huyết lệ. Một chữ là một giọt nước mắt đ𝐞 ngậm ngùi cho «Đam Thủy với Tố-Tâm», xót thương cho «Lê Ánh với Mộng Hà»... Ta hãy nghe ông Trần-Tuấn-Khai an ủi lòng người «Anh ơi ! anh ngồi xuồng đây, anh xơi chén rượu này, anh nằm anh ngủ cho may... kiếp trần thong thả ngày là tiên!» Ấy thế mà chưa ai ngủ, chỉ riêng Trần-Tuấn-Khai đó «phận kém duyên hèn» này mới tự mình du ngủ lấy mình đến nay ông thật ngủ yên rồi mà ngọn hút quan hoài hẳn từ nay ráo mực. Ông Đặng Trần Phất cũng đã yên giấc ngàn năm không bao giờ dậy nữa...

«Mà nào đã hết cái «thái sầu muôn kiếp không tan được» của bà Tương Phố, cái «tân sầu» khóc ve kêu hoa soan rụng của ông Nguyên Tiến Lãng đã làm rơi biết bao nước mắt» (Phong-Hóa số 15, 29-9-32).

Rồi cũng trên Phong-Hóa số 15 ấy, nơi bài « Quốc văn nó đi như sao ? », với một giọng châm biếm tác giả khi thi nhái văn Tân-Đà, khi thi nhái văn Hoàng-tích-Chu, đã viết một lối văn bông đùa để chửi khéo tất cả các nhà thơ cũ : « Cho đến ngày nay thì biết bao nhiêu văn nhân thi sĩ toàn loạt trừ danh nào Hiếu-Nguyên-Khắc, nào Bi-Hoàng-Tăng, nào Quỳnh-Phạm, nào Dur-Lê, nào Việt-An họ Nguyễn; nào Tuấn-Khai họ Trần kia có vài muôn, nhớ tên sao viết vậy (Phỏng theo lối văn Đức Trần-Hưng-Đạo)... số văn sĩ nhiêu phong như thế thì đáng lý ra quốc văn được bành trướng một cách cấp tốc lắm mới phải ! hà cõi các áng văn tuyệt tác về vận văn, về tản văn vẫn hạn hưu ! Vì cứ tầm quan sát của bỉ nhân thì chỉ về vận văn mấy tập Kim Văn Kiều, Chinh Phụ ngâm, Cung oán ngâm khúc, còn đáng dăng lục luận đẽ, chứ về tản văn thì thực tịnh vô nhất quyền » (Phỏng theo văn Phạm-Quỳnh)...

« Thiếu ý sáng kiến, lối văn mới ta không có một. Thành thử không ai có «Xịch-tin» riêng. Ta viết bá-láp : lăng nhăng, Hoặc ta theo người xưa : lòng thòng. Còn ý tưởng ? Càng tí càng cũ không mấy khi giám bước ra ngoài lũy tre trại thước nước Lô (Không mạnh) và nước Sở (Lão Tử).

« Quốc văn muôn giàu. Phải có nhiều lối, nhiều lối mới. Lối cũ nào không hợp thời : ta phích !

«Lại phải có tư tưởng mới !

«Mới lên !

«Nào chúng ta nhúng tay vào làm việc» (Phỏng theo lối  
văn Hoàng-Tích-Chu)

Từ đó, hầu như chẳng có số báo nào mà Phong-Hóa không dành giảm ba bài để chửi bới, trêu chọc tất cả các nhà văn, nhà thơ cũ. Nhưng mũi dùi hình như chĩa thẳng vào linh tủy của thơ cũ là Tân-Đà.

Phong-Hóa, số 28, 30-12-1932, nơi bài «Họa nguyên vận», đã mô tả Tân-Đà là anh say rượu :

*«Anh lên giọng rượu khuyên Phong-Hóa  
Sắc sưa hơi men khó ngửi quá  
Đã giật bao lần, tai chẳng nghe,  
Hắn còn nhiều phen mồm bị khóa !  
Thân mềm chưa chắc đứng ngay đâu !  
Luzoi ngắn thì nên co lại nhé !  
Phong-Hóa mà không hóa nồi anh,  
Túy nhân quả thực là nan hóa»*

Chẳng phải vô tình mà Phong-Hóa đánh các nhà thơ cũ : nó nằm trong chính sách văn học của Tự-Lực Văn-Đoàn mà chính sách văn học của hội nhà văn này là theo mới. Dĩ nhiên, Thơ Mới phải được Tự-Lực Văn-Đoàn tích cực bênh vực. Như tôi đã nói giàn tiếp ở phần trên, nơi bài «Lối Thơ Mới» (P.H. số 31, tức số Xuân 1933), trong khi cho đăng bức thư Lưu-trong Lư ca ngợi thơ mới, Phong-Hóa đã nhắc lại lập trường của họ đối với thơ mới, lập trường mà họ đã bày tỏ từ số 14 ra ngày

22-9-1932 : « Trong số 14, Phong-Hóa đã bàn về những chỗ không hay, không hay vì bị bó buộc vào trong khuôn sáo của lối thơ Đường luật... Nay bản báo nhận được bức thư của cô Liên-Hương đề gửi cho ông Phan-Khôi, nói về lối thơ điệu mới của ông, « ý tưởng có nhiều chỗ giống với ý tưởng bản báo. Vậy bản báo vui lòng đăng lên mục văn học và sẽ lực đăng các bài thơ mới của các bạn thi nhân » (Phong-Hoa số 31, 25-1-1933).

Thế là từ đây, ngoài việc viết bài chửi thơ cũ, bênh thơ mới, Phong-Hoa còn chú trọng nhất đến việc đăng tải « thơ mới » của các bạn thi nhân, như họ vừa hứa.

Thực vậy, cùng ở nơi số 31, tức số Xuân này, Việt-Sinh và Nhất-Linh đã chế diễu các ông làm thơ cũ :

Việt-Sinh chế Nguyễn-tiến-Lãng làm thơ sáo, đánh cắp văn mà không biết : « Trong bài « nhớ tết năm ngoái » ở sách « Xem tết », ông Lãng hồn thơ lai láng, cầm vì xuân nên vụt nghĩ » ra hai câu thơ :

*Bức tranh vẫn cầu treo rồi xóá  
Cánh nợ tang băng trả lại vay !*

« Vì ông Lãng »Vụt nghĩ» nhanh quá, nên ông quên không nhớ đến hai câu thơ Vịnh nhà hát San-nhiên năm xưa :

*«Bức tranh vẫn cầu treo rồi cuộn  
Một cuộc tang thương xóá lại bầy !*

Nếu chúng ta không nhầm thì hai câu dưới cũng hơi hơi giống hai câu trên. Mà nếu chúng ta không nhầm thì cái « Vụt nghĩ ra » của ông Lãng nó «cũng lâu lâu thì phải».

Sau Nguyễn-tiến-Lãng thì đến Trần-Tuấn-Khai là một nhà thơ lừng danh ở thế hệ trước, cũng bị Việt-Sinh chửi lù nhai lại cái cũ rich thành ra đạo văn :

«Trong «sách chơi xuân» của Nam-Ký, ông Á-Nam vì  
Xuân làm bài thơ xuân rất hay, rất mới :

«Một đời được mấy gang tay,  
Một năm được mấy mươi ngày là xuân  
Gặp xuân ta phải chơi xuân  
Kéo mai hạ tối thì xuân không chờ !»

«Hay tuyệt ! Câu đầu, cả ý lẩn chữ là câu sáo cũ.  
Câu thứ hai cũng hay như câu thứ nhất.  
Câu thứ ba cũng hay như câu thứ hai  
Còn câu thứ tư không hay thì là của ông Á-Nam».

Còn Nhất-Linh thì chế diễu thơ của Phương Lang :  
«Vậy tôi chỉ nói đến bài thơ của ông Phương Lang và xin  
chép lại bài thơ ấy ra đây lần nữa :

Mặt bàn sao chưa lau ?  
Con ra lấy cái thau  
Đồ nước mang khăn mặt  
Mau !

«Thơ như thế sao gọi là thơ được. Đó chỉ là mấy câu sai  
con mà có văn. Bài sai đầy tớ của Ôn-Như-Hầu cũng chỉ là mấy  
câu sai đầy tớ mà có văn và đúng khuôn phép niêm luật. Nó  
cũng như thơ con cóc mà thôi...»

«Nhất-Linh lại xin bắt chước ông Phương-Lang làm bài  
thơ như thế nữa :

#### LẠC QUAN

Trông vào nỗi, cơm hết.  
May còn miếng cháy ròn

*An với cả kho mặn,*

*Ngon !*

### *MỪNG KHỎI BỆNH*

*Tay tôi mun ghê đầy*

*May sao gấp thuốc hay*

*Bôi được một tuần lê*

*Khỏi ngay !*

« Chắc ông Công-Luận phục hai bài thơ này làm, vì theo ý ông tôi đã tránh được những tiếng cao nhã (mots nobles) mà toàn dùng cái giọng thông thường (langage vulgaire) đi thẳng một hơi trôi chảy và通俗» (P.H. số 31).

Sang số 34, 17.2.1933, Tứ Ly lại diễu Tân-Đà trở lại! « ông Hiếu với thầy Nhan Hồi. Trước kia Tứ Ly vì ông Hiếu với anh Tè-Ngā. Nhưng nghĩ cho kỹ, ông Hiếu có lẽ giống thầy Nhan Hồi. Thầy Nhan Hồi đeo bầu, ông Hiếu cũng đeo bầu. Bầu Thầy Nhan Hồi đựng nước. Bầu ông Hiếu cũng đựng nước. Nước trong bầu thầy Nhan Hồi không có men. Nước ông Hiếu lại có men. Cũng vì thế, ông Hiếu giống thầy Nhan. »

Nếu Tứ Ty viết văn xuôi nhạo Tân-Đà thì Văn-Dương làm thơ, mà là thơ mới chửi xỏ Tân-Đà, tuy không có gọi tên tuổi Tân-Đà :

« Ngày xuân ngồi ngắm hoa thủy tiên

Lòng thơ bỗng thấy sôi nỗi lên

Bắt chước thi nhân ngồi bóp trán

Cố vịnh một bài « đứng ngoài hiên ».

Ngoài hiên đứng chờ người bạn quen

*Chờ mãi không thấy dạ ưu phiền  
Mây bay, gió thổi, lá bàng rụng  
Thi nhân bắt nguyện càng buồn thêm  
Không thấy bạn quen, ôi ! một thú  
Thà vào trong nhà đắp chăn ngủ  
Nghĩ vậy vừa toan quay lưng vào  
Bỗng thấy một người nắm cái hũ.  
Người đó ưng dung đi lại gần  
Cất giọng lè nhẹ «Kia Dương quân,  
Ngày tết sao không say túy lúy  
Tôi gì đứng đấy, rét cực thân».  
Chưa kịp trả lời, khách lại nói :  
«Người trấn ai cũng có tội lỗi  
Nên ngày hăm ba cúng ông Táo  
Đè ngài lập bô cho ít ! ôi.  
Chẳng biết ông có cùng gì không ?  
Riêng tôi chẳng dám đè ngài giận  
Một cái lầu bay, nghìn tờ công,  
Gọi chút «vi thiêng» dâng ngài nhận  
Thế giới có lầm sự khốn nạn  
Tôi đều liệt vào tờ cáo trạng  
Đối, nhờ ông Táo đem lên trời  
Đè Đức Ngọc Hoàng coi, xét đoán  
Này, đưa ngông cuồng, ưa theo mới*

Đứa đem quẽ túy, riễu trên báo  
 Bọn gái đua nhau, mờ, lập hội  
 Tôi đều liệt vào trong tờ cáo  
 Phải chăng lời tôi nói là đúng  
 Bác có cùng tôi cùng một bụng  
 Thôi, nói lâu rồi, tôi xin về,  
 Về nhà còn phải sửa cổ cúng...»  
 Khách khom lưng chào, ung dung đi,  
 Tôi nhìn không được, bật cười khi  
 Khách ngoài cổ lại, trợn mắt quát :  
 — Ô hay Bác này giông người gì ! »

Chẳng những viết văn xuôi chửi Tân-Đà, làm thơ diễu  
 Tân Đà, Phong Hóa còn soạn kịch bêu xấu thi sĩ Núi Tân Sông  
 Đà. Tứ-Lý soạn vở tuồng lấy tên là «Tuồng cò Tân thời» đăng  
 liên tiếp trên năm số Phong-Hóa, tức các số 38 (17-3-1933), số 39  
 (26-3-1933), số 40 (31-3-1933), số 41 (7-4-1933), số 42 (14-4-1933).

Trong vở «Tuồng cò Tân thời» này, các nhà văn nhà thơ  
 cũ được trình bày như là tập họp nhau uống máu ăn thè lập  
 sào huyệt để đánh cướp và thanh toán bọn Phong-Hóa Tự Lực  
 Văn đoàn. Chủ trại là Hoàng-tăng-Bí, tham mưu là Nguyễn-khoa  
 -Hiếu và Nguyễn-văn-Vĩnh, lầu la là các ông Nguyễn-tiến-Lăng,  
 Dương-bá-Trạc, Nguyễn-công-Tiêu, Trịnh-dinh-Rư, Lê-công  
 -Đắc v.v... Còn bên địch là cả tụi Phong Hóa, nhất là Tứ-Lý,  
 Việt-Sinh, Nhất-Linh, Nhất-dao cạo... Cuộc tranh hùng đượ  
 trình bày cực gay cấn, sôi nổi, tàn nhẫn nhưng cũng cực là trô

hở, buồn cười, tố cáo cái ngây ngô, nhiều khi ngu xuẩn của phe cũ.

Cuộc giao phong của phe cũ tuy nói thì hăng hárg mà vào việc chưa gì đã mồi anh chạy tháo thân, kết cục bị Phong-Hóa đánh tan tành. Sự tan tành của đảng bí mật trong Tuồng cõi tân thời là sự tan tành của lớp văn sĩ, thi sĩ cũ trước sức di lên của bọn văn sĩ thi sĩ mới vậy. Thực thế, Tú-Ly đã đặt vào miệng của các nhân vật cũ những lời lẽ ngây ngô, và đe vào người họ những cử động điên khùng, khiếp nhược. Tôi chỉ trích cho các bạn nghe một vài đoạn Tú-Ly đặt vào miệng Tân-Đà, vị tướng soái của làng thơ cũ. Đây Tân-Đà tự hé hé nhạc :

«Tân-Đà thi sĩ, Khắc-Hiếu nãi danh, làm tham mưu lạm dự chút quyền, chỉ một việc rượu chàn-quí ti, thơ săn có khối tình bé tí, văn thời nào mộng lớn, mộng con, rượu càng say ngâm giọng càng ròn, tiếng ngông đã vang trời dậy đất.

«Ngâm :

*Say xưa nghĩ cũng hư đời  
Hư thời hư vậy, say thời cứ say  
Đất say đất cũng lăn quay  
Trời say mặt cũng đỏ gay ai cười*

«Tán : Rứa ma chừ, có tin chủ trại triệu đến trường tiền việc dử lành chưa rõ cẩn nguyên, mau tới đó cho tướng hắc bạch.

«Ciròi nói . Kha kha ! Hay chủ trại nhớ tên lính cũ, phở hàng Bông bán đủ hạng vẫn, mà bây giờ cho uống cho ăn, để cho được say lăn lóc (Tham mưu Hiếu cầm hū ra).

• • • • • • • • •

«Hữu tham mưu Hiếu rót rượu uống.

«Tán : Say chuyễn choáng non xanh còn chẳng thấy;  
thời mưu cao kẽ diệu biết đâu tìm, hay bây giờ bọn ta hóa  
ra chim, theo giấc mộng bay về nơi tiên cảnh, hay bây giờ ta  
đem rượu cúc rủ quân thù đặng chén say sưa, bao giờ cho  
say đứt say đứt, khi áy sê ra tay trừ khử !

«(Nói đến đây, hữu tham mưu túy lúy, gục xuống bàn  
không còn biết gì nữa) (Hồi thứ nhất số 38-17-3-1933.)

Sang đến hồi thứ hai (Phong-Hóa số 40, 31-3-1933), Tứ  
Ly cho Tân-Đà ra nghinh chiến với bọn Phong-Hóa : «Trong  
thành Phong-Hóa vẫn có tiếng cười đáp lại : Ha ha ! (Tả tham  
mưu Hiếu a bạch : —Thét —) : Bớ a !

« Phong-Hóa ! Phong-Hóa ! Bọn người thực là lão quâ,  
ta đây còn chẳng xá kè chi, ta say sưa nào có hại cái gì, mà chẳng  
đè tùy ta sở thích. Ta đây giống Lưu Linh thủa trước, đích thực  
là Lý Bạch đời nay, trừ bọn mi, ta quyết ra tay, đem thành  
quách thu vào trong hũ.

«(Hát khách) : Tự cõi thánh hiền giai tịch mịch.

Duy hữu làm già lưu kỳ danh

(Tham mưu Hiếu mở hũ ra say lảo đảo)

«TÂN . Cái thành, cái quách nó ngả, nó... với giềng, hỡi  
đò mách quẽ.

«NGÂM : Văn minh Đông Á trời thu sạch

Này lúc luân thường đảo ngược ru? » (Hồi  
thứ hai).

Cũng lại Tú Ly trong mục « Từ nhỏ đến lớn » (P.H. số 56, 21-7-1933), đã lấy số từ vi cho nhà thơ Tân-Đà một cách rất ư là « xỏ lá » nói theo tiếng Phan-Khôi :

« Số ông Nguyễn-khắc-Hiếu

Lấy văn chương mà suy xét thì ông ấm Hiếu đáng lẽ cũng được văn khúc, văn xương như ông cử Trạc, nhưng xét đến đường công danh thì không có thè được : hoặc giả *văn-xương phùng hình* cho nên lao-lực linh-dinh, chịu làm ông ấm suốt đời chẳng ? Nếu thế thì di hận biết thủa nào nguôi.

«Nhưng ông được sao tham-lang thủ mệnh, nên lòng hận của ông không lâu. Vì có câu rằng :

«Tham lam tính bầm thung dung,

«Say miển gái đẹp rượu nồng mùi ngon.

«Gái đẹp thì không có, hay có cũng không được biết, chứ rượu nồng thì hẳn ông không còn chối vào đâu được !

«Nhưng thế cũng chưa đủ : ông còn là người cả lo, ông lại còn là một nhà thi-sĩ. Nếu vậy thì mệnh ông còn phải có các sao *bạch-hồ*, *tang-môn quan* *phù điếu khách*, hoặc chính vị hoặc phụ chiếu. Vì rằng :

«Hồ tang chẳng việc mà lo.

«Quan phù điếu khách hay phô rộng nhời».

Rồi cũng nơi Phong Hóa số 56, 21-7-1933, Tú Mỡ đã làm bài văn tế viếng báo An-nam tạp chí của Tân Đà vừa chết một cách, theo tiếng nói của Phan-Khôi, vừa xỏ lá vừa ba que. Đây các bạn thử đọc bài văn tế đó . Thật là tàn tệ.

«Ngày 12 tháng năm dư năm Quý-dậu :

« Ngu-hữu là Phong-Hóa Tuần-báo đứng trước linh-vị An-nam Tạp-chí, hậm-hực mà than rằng :

- Đinh non Tân mây đen mù mịt, quần băng tang lặng lẽ âu-sầu (1),
- Giải sông Đà nước sám lờ-đờ, cuộn giòng lệ rèn-rỉ buồn-bã (2).
- Than như không mà khóc cũng như khệng,
- Im cũng giờ mà nói ra cũng giờ.
- Nhớ bạn xưa :
- Giấy trắng mực đen,
- Nhả không tiếng cả,
- Dượng tiều-nghịệp văn-chương đất Bắc, kế sinh-nhai khen dã cố công thay !
- Lấy đại-danh Tạp-chí nước-Nam, tuyên chủ nghĩa thực đà to truyện quá !
- Duy-trì đạo-đức, dương Đông kích Tây.
- Bồi bồ văn-minh, dung Âu, hợp Á.

« Nhồi độc giả năm pho kinh cõi, nhai lại chi, hò, giả, dã, rõ cơ-quan tiến-thủ giật lùi,

« Ru quốc dân hay hũ thơ sầu, mơ-màng tiên, cuội, trời, răng, khiến niên thiểu liên-miên bả-là.

« Ố-kim-Nệ cõi, đã từng phen năm đuôi ngựa Phan-Khôi  
Ghét cợt, chê cười, còn nhớ trận vuốt râu hầm Phong-Hóa.

« Dắng-dai như dia đói, chết đi sống lại bao lần,

« Siêu-bạt tựa vịt trời, nay đó mai đây mấy thưa.

«Hơn bảy, tám năm lăn-lóc, khi Hà-thành, khi Nam-dịnh  
engoêm trăm ấy, veo nghìn khác, than ôi, thua vẫn hoàn thua;

«Non ba mươi tháng vật-vờ, hết Hàng-lọng đến Hàng  
khoai, thay dạng nọ, đổi hình kia, ngán nỗi khá không thấy khá.

«Vé vang thay nghìn rưỡi số in,

«Hân-hạnh lắm được một trăm độc-giả.

«Cứ tưởng tạm ngoét bùa, lấy đà dường sức, cho qua  
thời kinh tế lung lay.

«Nào hay đánh giấc nghìn thu, bật tiếng im hơi chảng  
thoát nạn lý tài trắc trở.

«Hay là ngán tràn tục, viết văn không kè hiều, luồng uồng  
công phu.

«Cho nên thăng thiên đường, tái bản để Trời xem cho  
cao phàm giá.

«Than ôi !

«Cùng làng ngôn luận, tần cựu đổi đường,

Nửa kiếp kinh doanh, âm dương hai ngả.

Bằng-khuâng luồng sót sá lòng,

Tưởng nhớ thêm ngao ngán dạ,

Vừa độ nào ta đây bạn đó, điều phải chăng còn rủa  
bút luận bàn,

Mà bây giờ kè khuất người còn, thơ chua chát biết  
cùng ai xướng họa.

Thôi ! chăng may mỏng phận ngắn đời,

Song nay đã yên mồ đẹp mà.

*Ngu-hữu gọi là lỗ mọn vi-thiêng :  
Rượu lâu một bầu, tráng tươi hai quả;  
Mực nướng vài con, sò huyết một tá.  
Bạn có khôn thiêng,  
Xin về chứng quả,*

*Thượng-huớng.*

*TÚ-MƠ*

Trong một *hài kịch*, một hời một cảnh, tiêu đề là «Hội Nghị văn học», diễn viên gồm có các ông Huỳnh-thúc-Khang, Hoàng-tăng-Bí, Dương-bá-Trạc, Phạm-lê-Bồng, Phan-Khôi, Nguyễn-công-Tiêu, Lê-Dư, Tùng-Vân, tay hài hước Tú-Ly lại một lần nữa đưa các nhà học giả ra làm trò cười. Mà nhân vật được chọn làm hè số một vẫn là vị nguyên soái của làng thơ cũ, thi sĩ Tân-Đà :

«Ông Nguyễn-khắc-Hiếu (ngồi một só, mặt đỏ gay, từ nãy, chốc lát lại thò tay vào bọc lấy bầu hồ lô ra nốc, loạng choạng đứng dậy) - Thưa các ngài, Viện ta là Hàn-lâm viện về... (giọng rượu) văn chương, không phải về khoa học, ông tú Khôi, lý luận xẳng gì ! (lau trán) Văn-chương là... là... (lưỡi lúi dần) mâm gói... là... rượu. Cõi nhân có câu «hỏa nhập thi xuất», tướng anh em ta nên uống rượu cho nhiều, rồi làm việc mới có ích cho nước.

«Nhát-dao-Cạo : Cho rượu..

«Ông Hiếu...—Tôi nói gì rồi nhỉ...(cố nghĩ) À phải... nên nhầm rượu... (rút hũ rượu ra) mời các ngài, văn chương là... thịt chim (say quá ông ngã sụt xuống hũ rượu ngủ...)»

Như vậy, các bạn thấy, buồi đầu này, Phong-Hóa xem ra chưa bày tỏ lập trường minh bạch về thơ mới, thơ cũ mà

thường chỉ làm hai công việc : một là đem ra chế diễu các nhà thơ cũ, nhất là vị lãnh tụ thơ cũ là Tân. Đà được mô tả như là anh chàng hè điên điên khùng khùng; hai là trình trọng cho đăng vào chỗ đích đáng trên hầu hết các số báo những bài thơ mới của Tú-Mỡ, của Thế-Lữ, của Nhất-Linh, của Tú-Ly, của Huy-Thông v.v...

Nhưng vào khoảng cuối năm 1933 sang đầu năm 1934, thì Phong-Hóa đã hẳn vào con đường bênh vực, biện hộ cho thơ mới, phê bình ca ngợi thơ mới. Nhị-Linh trên Phong-Hóa số 67 (6-10-1933) đã lên tiếng chống báo Văn học tạp chí đề bênh thơ mới trong bài diễm báo :

« Một cuốn Tạp chí Văn học ngoài Bắc nơi nồi tiếng là đất văn vật—mà luôn mấy kỳ nay toàn rút bài của báo khác làm xã thuyết, thì cái giá trị của tạp chí ấy cũng đáng ngờ lắm. Dẫu sao Văn học tạp chí đã lấy những ý tưởng của báo khác làm ý tưởng của mình, chịu những ý tưởng ấy là đúng, là hay mà nêu lên trang đầu thì ta cũng cứ bình phàm bài xã thuyết kia như là của Văn học tạp chí.

« Tác giả TR. GI bắt đầu :

« Thường thường các tay thơ ta bây giờ hay có cái khẩu khí : thơ cốt sao tú cho cao, lời cho mạnh là được rồi, chứ hơi nào mà ngồi đeo từng chữ.»

« Biết bao ý tưởng mâu thuẫn trong một câu nhập đề.

« 1. Dù ở Tây phương hay ở Đông phương, trong làng thơ bao giờ cũng có hai hạng : một hạng là thi sĩ (poète), hai là thơ thơ (versificateur). Các thi sĩ thì trước hết cốt tú cho cao, lời mạnh rồi mới nghĩ tới văn thè. Còn hạng thơ thơ thì hì hục ngồi gọt đẽo đục, chạm từng câu, từng chữ như người thợ mộc hay người thợ khắc đục chạm gỗ...

« 2. Người đẽo từng chữ là công việc một thi gia tầm thường. Đây có lẽ tác giả muốn nói cần nhắc cẩn thận từng chữ. Song muốn có lời mạnh mà không chịu lựa từng chữ đích đáng thì mạnh sao được. Muốn tả một sự hùng vĩ mà không chọn những chữ có ý nghĩa, có âm điệu hùng vĩ thì tả sao nổi.

• Ta coi đó đủ biết tác giả viết chỉ để viết chữ không có nghĩ ngợi gì. »

Cũng Nhất Linh, tức Nhị Linh, nơi Phong Hóa số 69, 20-10-1933, đã đi xa hơn bài công kích trên đây mà làm công việc so sánh thơ mới với thơ cũ : thơ cũ chỉ cần chọn tiếng, chọn chữ cho thật đối, đọc cho kêu, còn thơ mới cần chọn chữ cho hợp ý. Nhất Linh cho rằng xét chung, về điểm này, thơ mới hơn hẳn thơ cũ. Ông viết bài « Sự cân nhắc chữ trong thơ cũ và thơ mới ».

« Trong mục «cuộc diễm bá» số Trung Thu, Nhị-Linh có nói đến bài xã thuyết của Văn học tạp-chí, mục đích chỉ để công kích bọn thi sĩ mới, cho bọn này có từ cao lời mạnh, nhưng không biết cân nhắc chữ đúng.

« Văn-học tạp-chí, một tờ báo văn-học mà như không muốn khuyến khích các trào lưu mới về văn-học, vì chân thành thủ-cựu hay vì không có tài theo kịp bọn mới, nên mới tìm cách dìm bọn này đi. Có biết đâu là làm như thế là tự mình dìm mình.

« Đây tôi không muốn bàn xem thơ cũ hay thơ mới hơn, nên làm thơ cũ hay nên làm thơ mới.

« Tôi chỉ xin nói ngược lại ông TR. GI ở Văn-học : các

nhà làm thơ mới cũng chọn chữ như các nhà làm thơ cũ. Nhà làm thơ cũ cân nhắc từng chữ, cốt ý đề câu văn được chỉnh, đọc lên nghe cho kêu, có những chữ đổi chỗ một cách thẩn tỉnh, khéo léo.

«Nhà làm thơ mới cân nhắc từng chữ để đo đắn xem chữ nào diễn được cái cảm của mình, ta được cái ý của mình đúng hơn hết, xem phải cần đến chữ nào, câu thơ mới có cái điệu khả dĩ diễn được sự rung động của linh-hồn mình một cách rõ-rệt hơn.

Đó, hai bên cùng chọn chữ cả: khác nhau chỉ ở mục đích của sự kén chọn ấy.

«Xin lấy mấy câu thơ cũ nổi tiếng là những câu tuyệt-tác làm thí dụ :

Hai bàn tay trắng làm nên thế,

Một tấm lòng son ở với đời.

.....

Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,

Thương nhà mỏi miệng cái gia-gia.

«Cái hay của mấy câu thơ cũ này không phải ở ý nghĩa mà ở những chữ : hai môt, trắng son, thế đời, nhớ thương, nước nhà, lòng miệng, cái con, cuộc gia đối với nhau chan chát, hay ở chỗ chữ quốc (là con cuốc) vận lên chữ nước; chữ gia (con gia-gia) vận lên với chữ nhà mà chữ nhà lại đối rất Chính với chữ nước. Kè về cách xếp chữ thì thật là một công-trình tuyệt-sảo. Nhưng tiếc thay vì quá thiên về cách xếp cho tài-tinh nêun quên mất cái hồn của câu thơ.

«Trái lại nếu lấy câu thơ mới như :

«Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,  
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan..»

• • • • •  
*Mau ! bay, trèo mau ! đứng lẩn nấp !  
Phai cao, cao nữa, xa, xa nữa ...*

• • • • •  
*Ái-ân, bờ cỏ ôm chân trúc...*

• • • • •  
*Rặng lau già sao-sác tiếng reo khò...  
... Như khuyên van như, như dùu dặt,  
Như hắt hiu cùng hơi gió heo may.*

«Ta sẽ thấy nhà làm thơ mới chọn chữ một cách khác hẳn.

«Chữ vàng không cần phải đổi với chữ bạc, mà cốt tả cho thật đúng cái mẫu của một đêm trăng trong rừng. Những chữ ái ân, ôm, đê tả sự dịu dàng sự âu yếm của cỏ cây những chữ hắt-hiu, hơi gió heo may phần nhiều bắt đầu bằng chữ h để tả đúng được tiếng sáo.

«Vẫn biết rằng trong thơ cũ cũng có chữ dùng đúng chỗ, diễn đúng ý, và trong thơ mới cũng nhiều câu chỉ kêu mà không có hồn, song nói về toàn thể, thì khác nhau như trên.

Một bên chỉ cốt cân nhắc để tìm những chữ nào đối chơi nhau, cho ý là phụ, một bên cố cân nhắc để tìm những chữ nào hợp điệu thơ, diễn đúng ý. »

Cũng như Nhất-Linh, Nguyễn-tường-Bách, trong bài «Thơ mới» (P.H. số, 97, II-5-1934) tuy có công kích một ít thơ mới lô lăng, thơ thản, nhưng đã cực tán thơ mới, cho thơ mới

chẳng những không lo bị tiêu ma, trái lại đã xây dựng được cơ sở rất vững chắc mà còn cho thơ mới về hầu hết các phương diện đã hơn hẳn thơ cũ : thành thực hơn, mạnh mẽ hơn, hợp tình hợp cảnh hơn :

«Thơ mới đã bị nhiều người công kích, cho là chỉ mới ở ngoài vỏ, còn bè trong vẫn cũ rích, và khó đọc khó nhớ vì không có âm điệu âm luật gì cả.

Lẽ tự nhiên là trong bao nhiêu bài thơ mới thế nào cũng có bài chỉ nhặt nhạnh những ý tưởng sáo nhét vào một hình thê mới. Nhưng đấy chỉ là một số ít. Ta có thể mang nhiều bài ra làm chứng rằng thơ mới bây giờ đã xứng đáng với tên gọi.

«Thơ cũ chưa bao giờ tả được như thơ mới, những cảnh vui hay buồn, âm thầm hay lặng lẽ, những nỗi yêu thương, nhớ tiếc hay lo sợ, những tình cảm trong lòng người, cao hơn nữa, những sự huyền bí nhiệm màu của đời người và của vũ trụ. Những bài thơ của ông Thế-Lữ, đã tỏ ra rằng thơ mới đã vượt qua những khuôn sáo chật hẹp của thi văn cũ mà đi vào một con đường khác rộng rãi, tốt đẹp hơn nhiều.

Nhưng thơ mới bị công kích nhất là về phần hình thức. Vì nhiều người làm thơ không biết đặt câu cho có điệu, thành ra bài thơ chỉ là những câu nói thường có văn thơ. Như thế, không thể gọi là thơ được. Ta thử nghe mấy câu sau này :

(Trích trong Nhật-Tân)

*Như những hạt lệ của người bạn lẻ loi,*

*Khóc ch่อง trong lúc đêm khuya lòng sôi*

(TRONG BẢN TRẺ)

.. Anh khen cái nhăn mặt của Tây-Thi  
Anh quên cơn cau mày của gái quê  
Anh đè ông dật khách là cao phàm  
Anh quên bác thợ cầy bùn lầm...

(Trong Phụ-nữ Thời-Đàm)

.. Vừa rao vừa lạy mãi mới có người mua  
Tiền chưa kịp trả xe chạy vù...

Đọc lên nó lủng củng, chúc chắc, lại có vẻ ngớ ngẩn, tuy rằng ý tưởng cũng mới.

«Thơ mới hay thơ cũ cũng cần phải có điệu, chỉ khác là làm thơ mới phải tìm lấy điệu chứ không theo khuôn mẫu sẵn. Như thế tìm được điệu cũng khó, nhất là khi dùng câu không có hạn chữ.

«Dùng những câu tám hay chín chữ để đặt điệu hơn cả, tùy ý mình muốn dùng vẫn liền (rimes plates) hay vẫn cách (rimes croiseés). Trong một câu lại phải biết đặt những chỗ nghỉ (coupes, césures) cho điệu lên xuống.

Mấy câu thơ của Thế Lữ để làm mẫu :

VĂN LIỀN :

Trời xanh dịu, sợi mây hồng vor vẫn  
Trên bờ sông, cô em đương thơ thản  
Đáng lặng nhìn, mặt nước chiếc thuyền trôi.  
Với ánh chiều thu, bầm tím chân trời.

Chính vì, hồn thu vi vút ban chiều  
Đã nhắc cho cô, thay lòng cô yêu

### VĂN CÁCH (BÀI HOÀI XUÂN) :

Tiếng ve rại, trong bóng cây râm mát  
Giọng chim khuyên, ca ánh sáng mặt trời  
Gió nồng reo trên hồ sen rào rạt  
Mùa Xuân còn, hết? Khách đa tình ơi!  
Tiếng vi vút như khuyên van như dùn dặt  
Như hắt hiu cùng hơi gió heo may.

«Đọc những câu thơ trên đều biết rằng thơ mới đã có  
diệu cũng ngâm được, du dương, êm ái không khác gì thơ cũ.  
Mà âm diệu lại có thè thay đổi theo những cảnh, những tính  
tình, êm đềm hay dữ dội trong bài thơ. Trong bài « Con Hồ »  
của Thế-Lữ có những câu rất mạnh mẽ :

...Ta sống mãi trong tình thương, nỗi nhớ.  
Thưa tung hoành hống hách những ngày xưa,  
Ta bước chân lên giông đặc, đường hoàng!

.....

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối  
Ta say mòn đứng uống ánh trăng tan,

«Những ý tưởng ấy, nếu diễn ra bằng thè thất ngôn hay  
là lục bát sẽ thấy yếu ớt ngay.

«Hai bài thơ cũ chỉ khác nhau về ý tưởng, nhưng bài thơ  
mới vừa khác nhau ở tinh thần lại vừa ở hình thức nữa.

«Người ta đã có thè làm một bài « thơ mới » nhưng ý  
tưởng cũ hay một bài « thơ cũ », nhưng ý tưởng mới (xem bài :  
Lời than thở của nàng Mỹ thuật, Tiếng sáo Thiên-thai của  
Thế-Lữ) :

«Tuy theo luật thơ cũ, nhưng chỗ nghỉ và chỗ xuống câu  
khác hẳn trong thơ cũ :

Em thấy chàng yêu mới nhớ ra  
Tên em là Đẹp, Bạn em là  
Bao nhiêu cảnh tượng muôn hình sắc  
Ánh sáng, non sông, mây, cỏ, hoa.  
.....

*Trời cao xanh ngắt ! O' kia  
Hai con hạc trắng bay về Bồng lai.*

«Nhưng hay hơn cả là đạt diễn những tư tưởng mới vào một hình thè mới.

«Thơ mới chắc sẽ đưa văn nghệ nước ta trên con đường tương lai rực rỡ, vì hiện nay đã sản xuất được nhiều tác phẩm có giá trị b»

Tôn chỉ của Tự-Lực Văn-Đoàn đã là theo mới, mới trăm phần trăm, thì dĩ nhiên Phong-Hóa phải ủng hộ thơ mới triệt để và phải coi đó là một bồn phận nữa là khác. Thực vậy, Phong-Hóa đã tranh đấu cho Thơ Mới và sau hơn hai năm tranh đấu cho thơ mới, Phong-Hóa đã tự kề công lao mình. Đây lời Tú Ly tinh sò văn học năm 1934 đã có mấy lời về thơ mới như sau, đăng Phong-Hóa số 134, 30-1-1935, nơi bài «Thơ mới và quần áo mới» :

«Về phương diện văn chương và mỹ thuật, thì trong năm vừa qua, Phong-Hóa gây nên hai phong trào mới : phong trào kiều áo mới và phong trào thơ mới.

«Thơ mới bắt đầu có từ bài «Tình già» của ông Phan-Khôi. Nhưng vì thiếu người bênh vực có can đảm, thiếu thi sĩ mới có kiên chí, nên độ ấy không ai ngó tới nó nữa. Đến nay, thơ mới nghiêm nghiêm chiếm một địa vị quan trọng trong làng văn : thi sĩ làm thơ mới rất nhiều, tương lai của thơ mới rất là rực rỡ. Tuy vậy, các nhà thi sĩ lối xưa vẫn nhất định rằng chỉ có thơ làm theo lối xưa là thơ, còn mới không phải là thơ, tuy nó vẫn là thơ.

«Phong trào mặc áo tân thời cũng bồng bột lên như phong

trào thơ mới, Kẻ công kích, người khuyễn khích. Những áo tân thời kè cũng đã làm tốn mực, giấy cho các nhà văn. Dẫu sao, có thay đổi mới có tiến bộ. Mỹ thuật bắt họ phải ăn vận mỗi người mỗi khác, nhưng nền luân lý chặt chẽ của Tống nho lại bắt họ phải ăn vận giống nhau: để lệch một bên ngôi cũng đã là phạm một tội nặng, huống hồ lại đổi cả kiều một cái quần! Tôi thật đáng đây chung thân... Đến bây giờ chính những bà những cô lên giọng đạo đức ấy lại vội vàng đi cạo răng, đi may áo mới... Ý chừng họ lấy làm sung sướng được chung thân.., chung thân với áo quần kiều mới.

« Mong rằng sau hai thứ mới này còn có nhiều thứ khác cần phải mới mà năm trước chưa phải lúc có thể thực hiện được. »

Đằng khác hình như từ trước tới nay Tự Lực Văn Đoàn có chửi thơ cũ, cũng chửi bênh quơ, chửi trống không vậy, chửi chưa có ra mặt bắt bẻ đích danh ai bằng những bài tranh luận. Nhưng từ đầu năm 1935, thì Tự Lực Văn Đoàn đã tiến thân một bước. Ngô Không đã ra mặt bắt bẻ Nguyễn văn Hanh từng điểm một bài diễn thuyết mà ông này đọc ngày 9 tháng 1 năm 1935 tại hội quán S.A.M.I.P.I.C, Saigon.

Ông Nguyễn-văn-Hanh đưa ra năm lý do để bảo thơ cũ hay hơn thơ mới. Trước khi vào việc bác bỏ năm cái lý của ông Hanh và đưa ra năm cái lý là thơ mới hơn thơ cũ, Tú-Ly đã dùng cái ngón châm biếm để vẽ ra một Nguyễn-văn Hanh dốt đặc mà lại khen kiệu muôn học làm sang. Các bạn nhận thấy tất cả sự cay cú của Tú-Ly nơi bài « Một cuộc diễn thuyết ở Saigon : Văn đê Thơ Mới... và Thơ Cũ » (P.H. số 135, 8.2.1935).

« Tôi thứ tư, 9 Janvier vừa rồi, tại hội quán « S.A.M.

I.P.I.C. » đường Galliéni, ông Nguyễn-văn-Hanh diễn thuyết về thơ cũ và thơ mới bằng tiếng Nam, người ta tới đông lăm, vì hai năm nay mới lại có diễn thuyết bằng tiếng Nam. Thấy báo « Tân-Văn » giới thiệu ông Hanh là một nhà giáo « có học vấn » và đã từng có « thịnh danh trong văn giới » nên Ngộ-Không tắt tả chạy tới S.A.M.I.P.I.C thì thấy quả nhiên là ông Hanh « có học vấn » : ông tỏ cho bà con cái học vấn của ông bằng những tiếng Pháp chen luôn luôn vào bài diễn thuyết tiếng Nam, tuy rằng những tiếng Nam ông dùng, bà con đều hiểu cả.

«Nhưng ông không cần, cứ mỗi tiếng Nam ông lại dịch ra bằng một tiếng Pháp, ngộ nhỡ người Nam không ai hiểu tiếng Nam chẳng. Chu đáo lắm vậy !

«Ông nói : « Một bài thơ là một cõi thế giới, «univers»... «thơ không nên coi là một món chơi phiếm «bagatelle»... «thuyết nghệ thuật vì nghệ thuật d'art pour l'art»... trụy lạc ; «dégénération»... những tay thơ «les artistes» (tuy artiste không phải là tay thơ, nhưng có hề gì cái đó)... «những cái hay ở ngoài và những cái hay ở trong, beauté extérieure et beauté intérieure»... «tiếng ta là tiếng độc âm, «monosyllabique» còn tiếng Pháp là tiếng liên âm, «polysyllabique», chữ tây không có dấu, «accents»... «thơ ta không nên làm «enjembement»... vân vân.

«Mỗi lúc ông đọc nhảm, ông vội cl.xa ngay bằng một tiếng «à, bạt đồng !» rất cứng cỏi. Có lúc ông đọc một câu rất dài bằng tiếng Nam, rồi tiếp ngay một câu rất dài bằng tiếng Pháp : «c'est le langage...» làm cho ai nấy giật mình tưởng ông sẽ tiện mồm diễn phăng ngay bằng tiếng Pháp thời nguy to.

«Nhưng may sao ông hãm phanh kịp, nên ai nấy mới hoàn hồn. Ông bảo đó là một câu văn của một thi sĩ người Anh. Nhưng ông đọc bằng tiếng Pháp ? giá ông đọc luôn bằng

Ông Ang-lê có phải càng tỏ cái học văn của ông một cách hùng hồn không. Ông còn có chỗ hờ, tuy rằng ông đã có «thịnh văn trong văn giới» theo lời báo Tân-văn.

«Chưa xét đến nội dung bài diễn văn, cứ nghe ông nói riêng đã thấy vui tai, vì tiếng Pháp, tiếng Nam chen lẫn, thật là : «nghe ra tiếng sắt tiếng vàng chen nhau». Đến nỗi người ta rõ thè nỗi là ông Hanh diễn thuyết bằng tiếng Pháp, chen lẫn tiếng Nam cũng được.

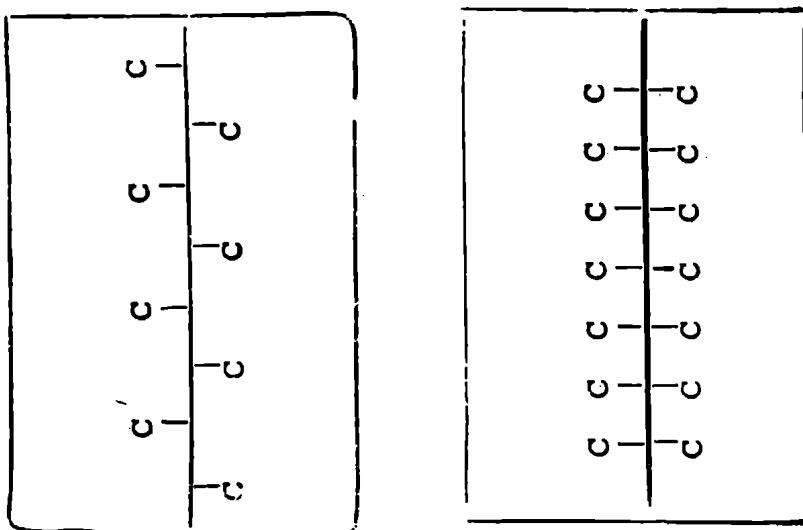
«Người ta chỉ có tiếc rằng có một vài chữ (rất hiếm) ông không dịch ra tiếng Pháp như chữ «tôi» chẳng hạn. Giá ông cứ dịch là «moa» có phải lý thú bao nhiêu : «hôm nay moa nói truyện về thơ với các toa, moa lấy làm bố-cu hân hạnh honoré, vân vân et coetera».

«... nhưng ông vẫn chê thơ mới. Lạ nhất là ông đọc mấy bài thơ cũ, thất ngôn, ông nhất định bảo đó là thơ mới, rồi ông nói : « Tôi không thấy mới ở chỗ nào ». Thế thì còn ai cãi được nữa. Ông lại có cái nhã nhặn đọc mấy câu thơ của cô Nguyễn Thị Kiêm, vừa đọc, vừa nhìn vào tận mặt cô Kiêm ngồi trước mặt ông, rồi ông cười một cách ranh mãnh mà hỏi cô Kiêm : « Thơ của cô như thế thì mới ở chỗ nào, mà hay ở chỗ nào ? » Ông nghiêm nhiên đóng vai ông giáo «chuy» học trò của mình, ông lấy thế làm khoái trí lắm. Tuy vậy, ông còn chưa cho là nhã nhặn lắm, ông còn muốn nhã nhặn hơn nữa kia, ông nói một cách tinh quái : « của cô dài lắm, đây là tôi bỏ đầu, bỏ đuôi, chỉ lấy quãng giữa thôi »... và « cô còn cứng đay, tuy thơ của cô có chữ «mù dégonflée ». Chắc hẳn tối hôm ấy, ông về ngủ ngon giấc lắm vì đã rất nhã nhặn với thịnh giả, và tự cho mình là hôm hình hơn người, tuy cô Kiêm có cự cho ông mấy câu làm

Ông lúng túng một lúc lâu và chối bay chối biển : « Không, không  
tôi có công kích cô đâu, tôi, tôi... tôi có mặt xát cô đâu ! »

### « CÁI ĐỊNH và... CÁI ROI

« Nhưng lúng túng nhất là khi ông đánh rơi một cái định !  
Vâng, ông đánh rơi một cái định, loay hoay mãi không tìm thấy.  
Thính giả cũng có mấy ông đứng dậy quanh co tìm hộ ông hồi  
lâu mà không thấy. Ông tìm định để đóng hai bức tranh  
lên bảng đen, hai bức tranh dùng để cắt nghĩa thế nào là loi de  
symétrie (A) vi loi d'alternance (B) :



« Ông nhô lên, cầm xuống trong nửa giờ đồng hồ không treo xong  
hai bức tranh, rồi ông lúng túng mãi với cái định đánh rơi.

Mất mười phút đồng hồ mới xong cuộc tìm định đóng  
tranah. Xong hai tay nắm chặt một cây gậy tre, ông chỉ lên hình  
A bảo đó là symétrie, lên hình B bảo đó là alternance. Ông kêu  
luận hình B đẹp hơn hình A, vì ông có một người bạn « học ma-  
thématiques supérieures » bảo ông như vậy. Xem chừng thính giả

Không tin mấy, ông tức mình hỏi phăng ngay ông Hồ-văn-Lái họa sĩ, ngồi ngay đó : « Ông Hồ-văn-Lái là nhà mỹ thuật hẳn đồng ý với tôi rằng hình B đẹp hơn A ? » Ông Lái gật đầu thế là ông Hanh đắc chí lắm, vênh mặt lên nói với thính giả, rồi bìu mông mà leo lên diễn đàn.

« Thính giả ngạc nhiên nhau có ý hỏi : Hai bức tranh đó có liên hệ gì với thơ ? hay có bao hàm ý nghĩa gì sâu xa ? nhưng chẳng ai hiểu hết.

« Sau mới vỡ lẽ là ông định cắt nghĩa cái hay của luật Bằng Trắc của thơ Đường.

« Nếu bằng bằng bằng bằng... thì không hay, nếu trắc trắc trắc trắc trắc... cũng không hay phải BBTTTBB thì mới hay à ra thế ! chỉ có thể thôi mà ông phải cầm lăm lăm cái gậy tre ở tay gõ mãi lên bảng đen như nhà giáo dạy học, làm cho thính giả cứ tưởng mình là học trò, mà nơm nớp sợ cái roi vô tình của ông. Nhất là cô Kiêm. Biết đâu lúc cầu tiết, ông lại không ném cho vài roi, theo thói quen của nhà nghề.

« Cái roi của ông từ đây không rời tay ông ra. Khi ông lên ghế ngồi, vẫn để cái roi trên bàn, và luôn tay man mè đến nó một cách khoái lăm.

« Đồng hồ đánh mười tiếng mà ông không cho học trò ra chơi, à quên, ông không cho thính giả về ngủ !

« Ông Hanh bênh thơ cũ một cách rõ rệt, tuy ông nói là « Không nghịch với thơ mới ». Cứ kè ông đã có công trình vát và chép đầy hai cái bảng đen hai bên, nào những bài thơ cũ của Yên-Đồ, nào những TTBBBBTTB, BBTTTBB, BBTTBBT, TTBTTTB...

« Trước hết ông dạy kín bằng mấy tờ giấy nhật trình, sau mới long trọng bóc ra để giảng nghĩa cho thính giả, ông thích chí lắm, hình như đã cho chúng ta biết một cái kỳ quan.

« Tóm tắt đại ý của ông, ông cho thơ cũ là hay, vì có những đặc điểm sau này :

« 1.— Câu trước câu sau đối trọi nhau, đọc câu trên có ý đợi chữ đối ở câu dưới, khi đọc đến chữ mình đương đợi thì sướng lắm. Cũng như trông thấy một cái tai, rồi lại trông thấy một cái tai nữa thì sướng lắm. Vả khi trông thấy một cái mũi, có lẽ nếu thấy một cái mũi thứ hai ở sau gáy thì chắc cũng sướng lắm. Chắc ông Hanh này thích cửa sổ già (Fausses fenêtres) như ông Pascal đã nói.

« 2.— Thơ cũ có những lối yết hậu, chiết hạ... mà thơ mới không thể có được. Những câu thơ tuyệt cú mà ông thích là :

« *Ước gì ta được mà ta đê...*

« *Ta đê đem về đê nữa ta...* »

« Ông thích nhất là những chỗ có chấm lửng(...).

« 3.— Thơ cũ có lè lõi, có khuôn khò. Còn thơ mới chẳng có lè lõi, khuôn khò gì cả thì hay làm sao được. Vậy con chim phải ở trong lòng mới đẹp, nếu bay lượn không trung thì còn có lè lõi gì nữa, đẹp sao được.

« 4.— Thơ cũ theo luật bằng trắc, nên mới có âm hưởng nhịp nhàng, chứ thơ mới có theo luật nào đâu, ai muốn viết sao thì viết. Nói đến âm hưởng, ông đọc câu thơ của Vũ Nguyên-Du :

« Tiếng mau rập rập như trời đồ múa » Cụ Nguyễn-Du có nghe thấy cái âm hưởng của hai chữ «rập rập» cũng phải đến bực tức mà gắt :

«— Đọc lão đến thế thì thôi !

» 5.—Lẽ thứ năm ông yêu thơ cũ...vì...vì lẽ gì không biết, ông liền hỏi thính giả : «những bài thơ cũ còn sống đến giờ là vì lẽ gì ? Nếu không hay sao còn sống mãi đến tận bây giờ ? Rồi ông đứng dậy, không kịp đền thính giả hỏi lại ông : «Thế cái bụi tóc của đàn ông nếu không hay ho, sao còn lung láng mãi tới bây giờ trên đầu Lý Toét ? Vậy nó hay vì cái gì ?

### « ÔNG HẠNH CŨNG LÀ THI SĨ

« Không những ông là thi sĩ, mà ông lại là thi sĩ của phái thơ mới nữa mới kỳ. Nói đáng tội, ông có làm hai câu thơ mới thật, song làm đẽ chẽ riêu thơ mới. Nhân công kích cái lỗi câu trên rót xuống câu dưới (enjambement) ông liền đọc hai câu thơ của ông làm và viết sẵn trong bảng đen :

«Tôi đi đầu trần. Vì tôi không

«Biết trên đầu có ai»

« Rồi ông chẽ nhạo lỗi rót chữ của thơ mới. Kỳ thực, ông không hiểu «enjambement» là gì cả. Và hai câu thơ của ông, ngồi ngàn đã dành là ngớ ngẩn, mà chẳng chẽ riêu được ai hết. Nhất là ông thích rung đùi lúc ngâm thơ, nên ông lại càng là thi sĩ nữa. Ông có hứa sẽ nói tại sao khi ngâm thơ lại rung đùi, nhưng trước khi kết luận, ông tự hỏi : « Tại sao rung đùi ? » Rồi chính ông cũng không biết tại sao cả, nên ông lại thôi không cắt nghĩa cho ai biết nữa.

## «CÁCH LẬP NGÔN CỦA ÔNG HANH

«Ông chê thơ mới mà ông chỉ đọc những câu ngớ ngẩn của những thi sĩ lơ mơ. Mà ông bệnh thơ cũ, ông lại đọc những câu thơ vô nghĩa của Thượng-tân-Thị, và đôi câu đối viếng ông toàn quyền Pasquier cũng của Thượng-tân-Thị. Thành thử ông cũng không che chở cho thơ cũ được tí nào.

«Một điều nhầm to của ông là ông tưởng làm rằng người ta thích làm thơ, là vì không có lề lối bắt buộc, nên dễ làm. Ông khoái chí lắm, kêu lớn lên, làm ai nấy đương lim dim ngủ đều giật mình tỉnh dậy :« À, tôi biết rồi, làm thơ cũ có khuôn khổ, lề lối, nên khó, còn thơ mới không có lề lối dễ làm, nên họ thích làm thơ mới...

## «NHƯNG ÔNG HANH LẠI LÀ TRI KỶ CỦA PHONG HÓA

«Và nhất là tri kỷ của Tú-Mỡ và Lê-Ta (Tất nhiên là ông không đội trời chung với Thế-Lữ). Ông đọc đến tên báo Phong Hóa luôn, hân hạnh cho báo Phong Hóa làm thay mà cũng ăn hận cho Thế-Lữ làm thay vì ông thích văn của Lê-Ta, đọc thơ của Tú-Mỡ, chứ không hề nói đến Thế-Lữ.

«Ông yêu Tú-Mỡ, vì Tú-Mỡ làm thơ.. lối cũ, như bài «Văn sách bà nghị khuyên ông nghị». Ông đọc trọn bài cho thính giả. Ông yêu Lê-Ta vì.. Lê-Ta công kích thơ mới của Nguyễn-Vỹ, ông đọc từng đoạn văn rất dài của Lê-Ta, lấy làm yêu mến lắm. Nhưng ông yêu ông nhất, vì ông đã công kính thơ mới, lối thơ yêu của Phong-Hóa.

«Thành thử đối với ông, P.H không biết nên cảm ơn hay

nên trách. Cứ kè trong cuộc diễn thuyết này, ông nói đến P.H rất nhiều và giới thiệu Tú-Mô với thính giả, cũng là tri kỷ lăm vậy.

### «CÒN CÔ KIÊM ?

«Cô Nguyễn-thị-Kiêm bất bình vì ông Hanh đã mạt sát cô, và đã trái ý cô về vấn đề «mới cũ», nên cô đứng dậy nói với thính giả sẽ tiếp câu truyện ấy bằng một bài diễn thuyết tối thứ tư sau (16-1) cũng ở S.A.M.I.P.I.C.

«Chắc hẳn tối hôm đó, ta sẽ được xem cô Kiêm mắng lại ông Hanh như ông Hanh đã mắng cô ngày hôm nay, chắc là kịch liệt lắm.

»Rồi ông Hanh lại diễn thuyết cốt đề mắng lại cô Kiêm, rồi cứ như thế mãi cho đến ngày nào cả hai người hóa đá có lẽ cũng vẫn còn mắng nhau. »

Sau khi thuật lại cuộc diễn thuyết của Nguyễn-văn-Hanh công kích thơ mới và công kích đích danh cô Nguyễn-thị-Kiêm, Phong Hóa có loan báo là cô Nguyễn-thị-Kiêm sẽ có bài trả lời vào tuần sau. Cô Kiêm đã giữ lời hứa. Ta sẽ nói đến bài diễn thuyết của cô Kiêm khi nói đến Phụ nữ tân văn với vấn đề thơ mới. Đây ta chỉ thuật lại bầu không khí rất hài hước của buổi nói truyện của cô Kiêm do Ngộ Không, đặc phái viên của Phong Hóa tường thuật. Theo lời Ngộ Không thuật như các bạn sẽ đọc sau đây, thì hôm cô Kiêm nói truyện, Nguyễn-văn-Hanh đã huy động lâu la đến đè yèm trợ ông ta hầu phá rối cuộc nói chuyện của cô Kiêm. Đây là một tài liệu rất đặc thù, nó tố cáo sự hăng say của hai phe cũ mới, coi như là một cuộc ganh đua canh bạc chứ không phải chỉ là một cuộc thảo luận về thơ là cái gì móng

lung mơ mộng. Bài của Ngộ Không thật linh động và hài hước hết chô nói, nó cho ta thấy thương cô Kiêm, thương thơ mới và khinh ông Hanh làm trò «mất dậy» và mất cảm tình với thơ cũ.

«Đúng như tối hậu ngôn của cô Kiêm quả nhiên tối thứ tư 16-1, hội quán Samipic biến thành một chiến trường rất náo nhiệt, hay nói cho đúng hơn, diễn đàn ở Samipic hôm đó đã thành ra một lôi đài thí võ. Người đi nghe thì ít, người đi coi rất đông, mà người trợ chiến lại đông hơn hết. Chưa đến 9 giờ, trong gian phòng ầm thấp dưới nhà hầm của hội Samipic đã đông chật những người, không còn chỗ nào lách chân, mà những cái mũi của thính giả ngạc không biết đặt đâu để thở được một chút không khí. Không khí trong hầm lúc đó nồng những hơi người và đầy những sát khí.

«Cuộc tranh đấu bắt đầu, Cô Kiêm, sau mấy lời giới thiệu của bác sĩ Trần Văn Đôn, lên diễn đàn. Cô đứng trước bàn trong 10 phút đồng hồ, mà chưa nói gì được.

«Ngay hàng ghế thứ nhất, ông Nguyễn Văn Hanh ngồi lầm le chỉ chực vọt lên diễn đàn tuy không phải là phiên ông diễn thuyết. Tay sách một cái cặp da, đựng chứng giấy má gì không biết, làm cho mấy người chưa trả xong tiền nhà tiều điện, cứ giật mình thon thót. Mấy ông bạn ngồi cạnh ông và xun xoe khắp mấy góc phòng đều mắng mồi mắng lợi, săn tay áo, đè cổ ý trấn tĩnh và cũng đè nạt cô Kiêm nữa.

«Cô Kiêm biết mình dại, không sớm đề phòng thuê một ít người... trợ lực... Nhưng đã chót lên đền thì thôi cũng phải

nói qua loa cho xong truyện. Thành ra cô bênh vực thơ mới không được hùng hồn lắm, và công kích ông Hanh cũng rất là hèn nhè.

«Ngay bên cạnh chỗ tôi ngồi, có một ông to béo, ý chừng là phe đảng ông Hanh. Mỗi lúc cô Kiêm đọc một câu thơ mới của Thế-Lữ, hay của Tường-Bách hay của một thi sĩ nào ở báo Phong-Hóa, thì ông rún vai biếu ra một cái mồi rất dài và «ú ừ» một tiếng dài gần bằng cái mồi ấy. Tiếng ú ừ của ông ta được những cái mồm đồng đảng họa theo làm cho cô Kiêm sịu hẳn nét mặt lại và ông Hanh thì nở phòng hai lỗ mũi vốn nó cũng không nhỏ gì cho lắm. Cái ông to béo, có lúc nóng nảy dạng hai cái đùi u những thịt ra, như người đứng tần một bài võ tầu làm cho mình suýt nữa bắn xuống đất, vì... thiếu chỗ ngồi, tôi chỉ được ghé một mẩu ghế của ông và một mẩu ghế nữa của ông bạn nhỏ người. Cũng may ông ta chỉ đứng vậy thôi chứ không dì bài võ tầu nào, nên không đến nỗi thành án mạng.

«Cái không khí lúc bấy giờ không phải là không khí một phòng diễn thuyết mà rõ là không khí một đài thi võ. Trong khi cô Kiêm khua mồi trên võ đài, như nàng Sứ-Cầm-Bình (trong truyện Anh hùng nào) múa võ trên lôi dài, thì ở dưới bọn đi xem, phe đảng ông Hanh cũng xắn áo, xắn quần, mắm mồi mắm lợi như chư anh hùng, phe đảng của Lý-Quảng,

«Cái không khí ấy dè néo một cách nặng nề, mãi cho đến khi cô Kiêm nói xong. Cô vừa đứng dậy thì ông Hanh lấy hơi vọt lên... lôi dài.

«Xưa nay ông giáo Hanh trước mặt học trò vẫn phải dứ

dè lời nói, thì tội gì hôm đó được dịp nói nhảm lại không nói. Người ta phải tùy từng lúc mà lịch sự, chứ lúc nào cũng lịch sự, cũng nhã nhặn thì còn có nghĩa lý gì. Vì thế, nên ông Hanh hôm đó quyết trút hết những cái lịch sự, nhã nhặn dè lô hồn chán tưống trên diễn đàn một lần nữa, để tỏ cho bà con biết rằng nếu con em ít giáo dục thì về sau ăn nói như vậy.

« Ông Hanh leo lên diễn đàn, hỏi thính giả :

— Anh em chị em có muốn cho tôi nói không ?

« Những tay trợ chiến của ông đều trả lời :

« Có, có

« Tức thì ông Hanh toét một cái miệng rất tinh và rất rộng, cười mà trả lời cô Kiêm một cách đắc chí lắm. Ông già cô Kiêm là « Nữ thi sĩ » rồi ông quay lại thính giả cười một cách ranh mãnh. Những người trợ chiến lại vỗ tay và cười rất hùng hổ.

« Ông Hach nói ; « Tôi, Nguyễn văn Hanh, cô, Nguyễn thị Kiêm, hay là cô, Nguyễn-thị-Kiêm, và tôi Nguyễn.văn.Hanh lật lại theo lối tây... « Rồi ông ra hiệu cả hai tay, cười một cách khoái lầm. Trong đám thính giả, có bao nhiêu con nít lầu linh đều cười rộ lên. Những người đang ngáp hay đang cãi nhau cũng đặt mình quay lại rồi cười theo và vỗ tay theo.

« Ông Hanh nói tiếp : « Tôi với cô cùng đi trên một con đường tối tăm, mà cô không biết. Ông định nói : Ông không phản đối thơ mới và đồng ý với cô Kiêm. Nhưng ông có một lối nói bồng bát mà xuyên tạc làm vui lòng một số đồng thính giả.

« Ông lại nói : Cô đầy một cái cửa đã mở rồi « vous en-foncez une porte ouverte ». Một số đồng lại cười rộ vì họ tưởng

rằng cô Kiêm đến đây cửa nhà ông Hanh. Nhưng ông Hanh chỉ định nói là cô Kiêm phản đối ông vô ích, vì ông có công kích thơ mới đâu. Phải, ông không công kích thơ mới ông chỉ chê thơ mới thôi. Nhưng ông không dám nói là : « Tôi, Nguyễn-văn-Hanh chê thơ mới » ông chỉ chê thôi, mà ông không nói là chê. Nhưng ông Hanh lại được mẫn nguyệt quá sức mong, là vì không một mình cô Kiêm « mắc cỡ » mà tất cả bao nhiêu nữ thính giả đều mắc cỡ, vì những lời lẽ, những dáng điệu của ông. Thực là kết quả mỹ mãn không ngờ.

« Ông nói với cô Kiêm : « cô bảo cô không sùu (dégonflée) thế là cô còn cứng, vậy tôi xin sùu trước ». Rồi ông lại toét miệng ra cười và lom khom bước xuống ghế ngồi.

« Thế là ông lại được hoan hô một lần nữa.

« Có mấy bà ngồi hàng ghế đầu nhấp nhôm đứng dậy mắng cho ông mấy câu, nhưng thấy vây cánh ông lớn quá, và nhất là cái quả đấm của ông nắm chặt quá, nên lại ngậm ngùi mà ngồi im. Có một bà, trái hẳn lại, vỗ tay dữ hơn mọi người để khen ông Hanh; mọi người trông lại thì bà... bà Nguyễn-văn-Hanh.

« Bỗng một ông nữa vọt lên diễn đàn. Thôi may to rồi, cô Kiêm lại phải một phen run sợ. Nhưng may sao, ông này tuy đem một cái mũi rất lớn lên diễn đàn cũng không đáng sợ bằng ông Hanh. Ông ôn tồn nói một hồi, không ai hiểu ông nói gì, chỉ thấy ông quanh quần mắng hết ông Hanh, lại cự đến cô Kiêm cho là hai bên đều vô lý hết, rồi ông lại cự cả ông, vì ông cũng vô lý nốt.

« Ông Hanh ngứa tiết lại nhảy lên lôi dài. Hai ông dở tài ngọn lưỡi trước mặt cô Kiêm, làm cho cô Kiêm hậm hực muốn

khó ; cô muốn chui xuống đất, nhưng hiềm đất rắn quá, cô lại muốn bay lên trời, thì cái hầm lại thấp quá. Cô Kiêm cầu cứu ông huyện Tri, nhưng ông huyện Tri không động đậy : cô cầu cứu ông Phan-văn-Hùm, nhưng vẫn thấy ông Phan-văn-Hùm nét mặt thản nhiên, lạnh lùng làm cho cô cuống quít ở giữa cái mồm rộng của ông Hanh và cái mũi lớn của ông nọ.

«Ông đốc tờ Đôn lúc bấy giờ vẻ mặt hờn hở lắm. Ông chắc lầm : thế nào chẳng có anh vỡ đầu, sát trán, dập sọ, gãy xương. Nếu không cũng có một vài ba thính giả hoảng sợ mà ngất đi chẳng.

«Nhưng bà con thấy quang cảnh nguy ngập, xô nhau mà chạy trốn làm cho người ngao ngán nhất là ông đốc tờ Đôn».

Cùng một buổi diễn thuyết của cô Nguyễn-thị-Kiêm mà Phong Hóa có tới bốn bài tường thuật. Sau bài tường thuật của Ngộ Không tôi còn kể thêm ba bài tường thuật của Thạch-Lam, của Lê-Ta và của Ngym. Tất cả chúng đều cho ta thấy thính giả say mê tới vấn đề, đến chen chúc nhau thừa sống thiểu chết ! Đây mấy lời mở đầu bài tường thuật của Thạch-Lam :

«Đến cuộc diễn thuyết của cô Nguyễn-thị-Kiêm ở quán hội K.T.T.Đ.

Người đến nghe và đến xem chắc hẳn là đông lắm. Vì một cái lẽ rất giản dị, diễn giả là một người con gái. Một cô con gái diễn thuyết tất có nhiều cô con gái đến nghe, những cô tân thiếu nữ ở Hà-thành, áo tha thưốt và nhiều màu tóc mượt và đen nhánh.

«Người ta đến đây cũng như một cuộc vui chơi. Trong

«một sự hồn độn, bao giờ cũng làm cái bất ngờ, làm cái may rủi.

«Buổi tối hôm ấy không một ai nghe rõ được câu gì. Người ta chỉ thấy cô Kiêm chốc chốc lại đưa khăn tay lên lau mồ hôi trên trán, thấy đôi môi mấp máy. Thành thử không phải như bà Lê. Dư diễn thuyết cho bà ấy nghe ở hội Trí Tri. Cô Kiêm đâu có muốn nghe lời mình nói cũng không nghe thấy gì».

Và đây đến lượt Lê Ta tường thuật :

«Công chúng mỗi lúc một đông thêm. Tiếng ồn ào mỗi lúc một lớn. Trên kia cô Kiêm vẫn nói: Dưới này họ lục đục chen nhau, cãi nhau về chỗ ngồi. Một ông to béo luôn tay run người này ấn người kia đè bênh vực cái đồng hồ đeo tay của ông.

«Giữa lúc mồ hôi đang đua nhau làm ướt áo mọi người, thì bỗng cái quạt điện bùng chạy.

«Một ông dẫm lên chân một cô ngồi cạnh đè tò ý bất mãn, rồi đứng lên diễn thuyết với hai người đàn sau sô lên.

• Dần dần, cả những người ngồi đầu đều đứng lên, rồi muốn cho cao hơn, họ đứng cả lên ghế.

«Một vài ông cố sức mở một đường huyết đạo xông vào gần chỗ tôi, phàn nàn rằng mình vẫn mộ tiếng diễn thuyết mà không được nghe lấy một tiếng nào. Các ông đứng lau mồ hôi một lúc rồi chèo mám lên một cái ghế nghiên cõi trông. Lúc thấy được mặt diễn giả các ông sung sướng chen ra tò ý mãn nguyện lắm.

«Cái nóng bức trong hội quán cùng với sự náo động

cứ tăng mãi lên, đến lúc những cánh quạt vì lòng nguyệt vọng  
nhiệt liệt của công chúng lại bắt đầu quay, mà trật tự vẫn không  
giữ được...Những người ở dưới muốn nghe rõ lần lượt rủ nhau  
lên gác muốn mát lại rủ nhau xuống. Cứ thế mãi không thôi»

Sau cùng là lời tường thuật của một người ký tên là N.ym  
chẳng biết là ai :

«Thính giả, cả hai giống, có đến bảy tám trăm đầu.

•Các bà các cô đến đông. Phần nhiều không được trắng  
như mọi khi, ý chừng nóng quá mồ hôi ra trôi cả phấn.

«Nhưng vì đến sau, phải đứng cả.Có độ hơn 400 ghế thì  
các ông râu mày ngồi mất đến ngoài ba trăm rưỡi ghế. Ông huyện  
Trị thân sinh ra cô Kiêm, đứng lên xin các ông râu mày nhường  
chỗ cho các bà quần thoa «iu đú». Cái gì chứ cái ấy thì cố nhiên  
là thính giả phái khoẻ không chịu nghe viện lẽ rằng họ không  
lắng (nếu tôi có thể dịch chữ «galant» là lắng được).

«Muốn cho thính giả lắng lặng mà nghe, các tờ chức viên  
dùng «suyt». Sau có người. «Chừng cũng thạo về khoa học, nghĩ  
ra được một kế rất diệu là đิ mượn cái chuông. Anh hàng kẹo  
hay anh hàng dầu nào cho mượn cái chuông ấy, chắc cũng được  
biệt đãi».

Sau đấy Lê Ta, nhân đọc một tập cũ «Những Bông Hoa  
trái mùa» của hai ông Tường Vân và Phi Vân làm ra để thách  
đố, đua vai với thơ mới. Lê Ta đã phân tích tập thơ của hai  
ông và trích những câu văn vừa sáo, vừa rỗng, vừa đạo văn, vừa  
ngây ngô để minh chứng thơ cũ mà các ông ca ngợi đã hết sinh

khi rồi. Thực bài trả lời của Lê Ta là cay độc khiến cho làng thơ cũ phải một phen bẽ mặt. Đây bài phê bình « Những Bông Hoa trái mùa » của Lê Ta (P.H. số 148, 10-5-1935).

« Sau khi góp sức chế tạo ra được ngọt ba mươi trang thơ (những bông hoa trái mùa) hai nhà văn Tường-Vân và Phi-Vân « một ngày tốt đẹp kia », đem in thành sách. In sách để tỏ cho thiên hạ biết hai ông cũng có triết lý về cuộc đời, mà hai ông coi như một buổi hát :

*Còn lạ lùng chi cái thói đời.*

*Trăm năm cũng một lớp tuồng thói*

(CUỘC ĐỜI)

« Đề trách trăng, trách gió, trách người bạn gái, khóc ý trung nhân và đề thanh cái nỗi đời xoay chuyền mãi, « dặm liêu » đã mòn chân « ngựa kỵ » mà « đường mây » chưa thẳng cánh « chim đồng » cho nên « anh hùng » còn thẹn mặt trần ai, luống lo tướng đến « nợ kiếm cung », (!) chưa biết đến bao giờ trả được.

« Tác giả thực là người có tâm huyết, có khí khái, có tình cảm và có những giọng cụ đồ cù bất đắc chí ngồi cay ghét móng tay mà giận đời không biết đến mình.

« Bởi thế, cái mới là cái đáng thù, cả sự chân thực cũng vậy. Đứng trên núi cao trông cảnh giang sơn dưới ánh trăng vắng vặc, các ông ngầm, các ông cảm động bằng đôi mắt và trái tim của bà Huyện Thanh-Quan :

*Tuế nguyệt thành xưa tro lớp đá,*

*Tang thương ngõ cũ nhạt làm meo.*

(Trên núi Thiên nhiên)

- Các ông tả cái sắc đẹp của giải nhân trên thuyền bằng văn Cung oán :

*Cá dưới nước ra chiều láng bẳng,  
Hoa trên giồng ra dáng lèn lèn.  
Hoa kia ngọt ngào với tình,  
Cô kia ngọt ngào như hình ai nghe.*

*(Trên mặt hồ tây)*

- Các ông phục cái khí phách của bà Triệu Âu bằng lời của một nhà làm thơ cũ, tôi quên mất tên, nhưng vẫn nhớ kỹ cái nghệ thuật giờ hơi và kiều cách :

*Dai nắng dầm mưa đôi má phấn,  
Xong tên đột pháo một đầu voi.*

*(Triệu-Âu)*

- Các ông khen âm điệu thơ cũ thành thót âm thăm như tiếng đàn năm cung. Không ai cãi hai ông, nhưng tiếc rằng khi nghĩ đến đàn, các ông lại nghĩ đến tính tình của người khác, các ông lại xúc động bằng tâm hồn của người khác vì trong lòng các ông không có một thi-cảm riêng nào.

- Thi-sĩ Nguyễn-Du tả tiếng đàn như thế này :

*Trong như tiếng hạc bay qua,  
Đục như nước suối mới sa nửa vời;  
Tiếng êm như gió thoảng ngoài,  
Tiếng mau sật sập như trời đồ mưa.*

- Các ông liền lấy những ý trên lập lại. Các ông cũng viết :

*Trong như tiếng hạc mới bay qua,*

*Đục tựa lung với nước suối pha.  
Em ái tiếng khoan như gió thoảng,  
Tiếng mua sắm sập lại mua sa,*

• Cái tài của các ông là cái tài sào nảu lại những món ăn cũ. Các ông lấy lời văn, ý tưởng, tình cảm của người khác làm của mình. Trong văn thơ các ông đầy rẫy những cảnh tuyết, mai, thông, liễu, ở những chỗ sông Tân, vườn Thúy, chơi sông đêm trăng các ông bắt chước người ta nhớ câu thơ Xích bích, ngắm nước Hồ Tây các ông cũng chỉ nghĩ đến cảnh Bắc quân sô sát với truyện con trâu vàng. Các ông đi sau cõi nhân đè lượm nhặt những rơm rác ấy là «Những bông hoa trái mùa».

• Các ông đem bó hoa không đáng gọi hoa kia dùng làm thứ khí giới để công kích lối thơ chân thực dồi dào, phóng khoáng mà người ta thường gọi là thơ mới.

• Là vì các ông không làm được thơ mới.

• Các ông không phải là người biết tìm cái đẹp mới mẻ, biết tả đúng tâm sự mình trước cảnh vật, cái cảm hứng của các ông không thè ra ngoài khuôn sáo, chỉ quanh quẩn ở những điển tích mà đã mấy nghìn lần người ta nhắc đến, nghe quen tai quá, chẳng khác gì những lời chúc tụng của bọn người hát «súc sắc súc sẻ» đầu năn.

• Các ông trách lối thơ bây giờ không theo niêm luật cũ, vì các ông không biết rằng thơ bao giờ cũng phải có luật. Không phải cái luật hép hòi hạn câu chọn chữ là một lối rất tiện cho những người khùm núm thi thố cái tiêu sảo của mình. Nhưng thơ phải có thứ luật cao siêu hơn, tinheng liêng hơn: mình biều lộ cảm tưởng, tâm trạng mình một cách êm ái, tha thiết hay

hung trang du duong theo cai ban linh rieng cua minh, khong bao gio chiu theo tu-tuong, tinh cam cua nguoi khac. Nhieu the thi trai voi thuyet tai cua hai ong lam, nen hai ong khong bang long.

\* Các ong chi tra va chi tim duoc nhung loi van hoa san co de tra vao cai khuon khoe san co. Khi tien dua, tat nien phai dung den nhung chur : chuoc chen qua nhua voi duoi dong dam ky ; khi vinh hoa tat nien phai chapp nhact nhung tieng : sac nuoc hương trời. Ma cuoc doi bao gio cung la mot tan tuong cung nhu luc mat troi ve chieu, bao gio cung la ac, la chenh chec, giot sương dung de chi nuoc mat, la ngoc vang rung de ta mua thu. Các ong cung khong quen nhung chur canh biect, bien que, bui hong, mat xanh, khong quen nhung cau :

*Lor tho dam cum lục chen hong,  
Thuong uyên là đây có phải không?  
Hương ngự (!) ngọt ngào đòi khóm cúc.  
Nhạc thiều (!) reo rất mắng cảnh thông (trang 15)*

\* De ta nhung canh... trong vườn bách thú (!) Nghia la nhung cau tho co the ta duoc bat cu canh vutor nào, ma ta canh vutor nào cung rong, cung sáo, cung khong co nghia ly chi het.

\* Ay the mà các ong di công kích bọn làm thơ lỗi mới ; các ong lấy nhung giuong oanh liệt de mang họ :

*Lạy bác xin đừng nói đến thi,  
Nghĩa thi chưa hiểu hãy im đi.*

\* Và gọi họ là bọn mù :

*Chẳng khác anh mù lại nói mơ,  
Chẳng qua một bọn dốt làm thơ...*

«Vâng, họ dốt vô cùng, dốt vì không biết theo kinh điển, vì không biết nhai lại những lời cõi nhân mà các ông quý trọng, vì không biết đề cho cái khuôn khổ buồn cười của thơ (bát cú) kèm kéo, thắt buộc tính tình, cảm hứng của họ.

«Vâng, họ dốt và mù lăm, họ không thè thông sáng như hai ông Tường-Vân và Phi-Vân được, mà như thế, theo ý tôi, thì thực là may cho quốc văn.

«Vì quốc văn cần phải tiến. Quốc văn không phải thứ trò chơi dí dỏm ở trong ấy có những luật lệ bày ra để một ít người thơ khéo chắp nhặt cái tiêu sảo nọ để ghép vào cái tiêu sảo kia. Thơ văn của ta bây giờ mới biết theo khuynh hướng mới cũng đã quá chậm rõi, không cần phải có những bọn văn sĩ như hai ông Tường-Vân và Phi-Vân với cô Bích-Ngọc ngăn cản lại.

«Nói đến cô Bích-Ngọc, người đề tựa cho quyển «Những bông hoa trái mùa» tôi lại tưởng tượng đến một bức nữ-lưu doan trang, trầm mặc. Tôi còn tưởng tượng thêm lên một bức nữa, tuy không được vừa ý cô nhưng tôi cũng cứ mạn phép cô tôi nói : tôi tưởng tượng ra một bức nữ lang... bà già.

«Bởi vì những ý tưởng của cô cũng đã già như cái cây cồ thụ.

«Cô cũng đồng lòng với hai nhà thi-sĩ của cô ham mến cái cõi, coi lối thơ luật cũ rich như những bông hoa thơm, cô lại viết một bài thơ tám câu, có ý cho chúng tôi thấy thí dụ. Cái cụm hoa thơm là bài thơ quý hóa ấy cũng có đủ những biến ngẫu : nhị vàng đิ đôi với cành thắm, lòng bướm với kiếp hoa, đậu cúc với cành hồng, nghĩa là những chữ sáo đิ đôi với những chữ sáo.

«Cô thực là người biết yêu trọng quốc hồn, quốc túy.

Nhất thiết cái gì là mới, là lạ, cô đều ghét cay, ghét đắng lấy  
lẽ rằng cái mới lạ ấy không phải là của nhà. Câu phong dao:  
*Ta vẹ ta tắm ao ta,*

«Có lẽ là câu châm ngôn của cô. Cô thiết tha khuyên  
người ta chê bỏ và tự mình chê bỏ «ao ngoài» để về tắm «ao  
nhà» dù ao nhà ấy đầy nhũng bùn, nhũng vẩn.

«Tôi buồn rằng người «thực nữ» có duyên đến thế lại  
kém vệ sinh».

Phong-Hóa của Tự Lực Văn Đoàn bênh thơ mới mà bênh  
rất gắt, rất tận tinh nhưng không đồng ý cho rằng hễ cái  
giả không phải thơ cũ đều là thơ mới cả. Buổi đầu các ông chưa  
tỏ thái độ gì với các loại thơ rất dở mà người ta tôn xưng nó  
là thơ mới. Nhưng từ giữa năm 1935—có lẽ lúc này thơ mới đã  
có cơ sở rồi—thì các ông lên tiếng loại bỏ những thơ mà theo các  
ý các ông, không đáng là thơ mới hay cho dù có là thơ mới,  
thì cũng là thơ mới hạng bẹt, rất dở chẳng kém gì thơ cũ.

Ngày 18-1-1935, Phong-Hóa số 133, Nhị-Linh công kích  
và phê bình Đỗ-đình-Vượng bằng một giọng mát mẻ. Ông  
Vượng diễn thuyết ca ngợi thơ mới, nhưng Nhị-Linh phản nàn  
rằng giá ông đừng đi nghe ông Vượng thì còn biết thơ là gì, và thơ  
mới ra sao, chứ «lúc tôi ra về không còn hiểu thơ và thơ mới là  
cái quái gì nữa, tuy diễn giả đã chịu khó tra cứu, khảo sát, lục lọi  
trong đủ các sách cổ, kim, tây, tàu, An-nam, nào của Boileau,  
nào của Hồ-Thích, nào của Nguyễn-Du, nào của các thi sĩ cổ  
diễn, lăng mạ».

Ngày 25-3-1935, P.H số 142 Thạch-Lam viết bài «Thơ mới»  
để công kích một số đồng các tờ báo có đăng thơ mới, các

sách có xuất bản thơ mới. Theo Thạch Lam, thơ bọn họ chẳng cũ mà cũng chẳng mới. Các bài thơ đó có năm đặc tính sau đây:

« — Cái đặc tính thứ nhất — và cũng là lùng nhát — là những bài đó không phải là thơ.

« — Cái đặc tính thứ hai là không có văn.

« — Cái đặc tính thứ ba là đọc lên nghe sang sảng như những mảnh sắt vụn người ta đẽ trong bao gai mà sóc lén.

« — Cái đặc tính thứ tư là không có nghĩa lý gì hết.

« — Còn cái đặc tính thứ năm nữa, cái đặc tính này không phải của thơ, mà của người viết ra những thơ đó, cái đặc tính ấy là... xuân.

«Nếu ta có cái đặc tính cốt yếu ấy, và nếu thơ ta có đủ bốn cái đặc tính như trên thì ta thành ra một người làm thơ mới.

«Thơ mới trong một vài tờ báo chẳng hạn.»

Cũng Thạch Lam, ngày 3-5-1935 (P.H. số 147) đã chửi thơ mới của ông Phạm-văn-Kỳ. Thạch-Lam ví điệu thơ của ông Kỳ như đám cháy nhà.

«Đấy là một cảnh thương tâm lắm ; những «khô chủ» thấy thần hỏa đến thiêu nhà khóc vang như ri. Còn những tiếng «hì hục» của vạn người không tên đó, có lẽ là tiếng của những người đến chữa cháy...

*Của vạn người không hạnh phúc,*

*Đợi chết dưới hầm than,*

*Của vạn người đang nhại nhúc*

*Tù tội của thời gian..*

«Kè không có hạnh phúc thì những người bị cháy nhà  
không có hạnh phúc thật ! Nhất là họ bị đốt cháy trong những  
cái nhà như những cái «hầm than» nữa.

*Rồi câu thơ người, thi sĩ,  
Sẽ bọc những tiếng than,  
Góp thành một tiếng rền rĩ,  
Kêu động cả không gian.  
Một tiếng mạnh như tiếng sấm  
Đớp lửa và động mưa,  
Phát hỏa từ trong rừng rậm,  
Lần đến thành phố xưa...*

«Cái tiếng mạnh như sấm đó là tiếng tre nứa nồ dãy.  
Ta thấy nhà thi sĩ nói đến thành phố : Ô hay, thế ~~thì~~  
xe cứu hỏa, vòi rồng trói nước đâu ? A, đây rồi ! Thi sĩ thật  
là người cẩn thận :

*Đỗ ai ngăn được tiếng ấy,  
Nó tràn với sông xanh.  
Đỗ ai trừ được tiếng dày  
Của sức mạnh liên thanh.*

«Nghĩa là cái vòi rồng của thành phố không đủ. Phải cần  
đến tiếng của nhà thi sĩ :

*Rồi tiếng của người, thi sĩ  
Khi sấm hét rền vang  
Sẽ đọng lại thành tiếng ní*

*Non.. như của khúc đờn.*

*Rồi chung quanh người, cả chung*

*Tộc.. đều mở xiêng gông*

*Rồi Nàng-Thơ của người cũng*

*Yêu người một cách nồng,..*

*Thế là thơ hết và cháy cũng hết.*

«Chỉ còn lại tro tàn, lửa bụi, một đống than lùng  
cùng những vôi, những gạch, những mảnh tre, mảnh nứa,  
lá gồi..

«Thơ của thi sĩ Phạm Văn-Kỳ đâu cũng thế. Âm điệu thì  
rèo rất như tiếng tre nõi, tiếng vách sụp, tiếng nhà cháy.

«Còn văn thơ thì lùng cà lùng củng như một đống  
than đầy vôi, những gạch, những tre, mảnh nứa, lá gồi...»

«Mà đọc xong bài thơ «Người, thi sĩ» của ông ta, ta có  
cái cảm giác thoát được một việc nguy nan như khò chủ thoát  
tai nạn cháy nhà..»

Đến Lê-Ta ông đã bênh thơ mới bao nhiêu thì ông lại chửi  
người làm thơ mới bấy nhiêu. Phải chăng bọn làm thơ mới này  
không thuộc phe Phong-Hóa ? Không dám quyết, nhưng người  
ta có thề ngờ rằng thế.

Ngày 14-12-1934 (P.H. số 128), Lê-Ta phê bình để chê bài  
cuốn Mơ Màng của Đức Văn là thứ thơ « văn kêu và rỗng là  
món sở thích của những nhà văn mới mà chẳng biết mình  
nói gì, » khinh miệt tập « Tình em » của Nhuệ Thủy có cái « biệt  
tài là thơ văn ông viết bằng những câu văn và ý tưởng  
người khác».

Về thơ của Nguyễn Vy, Lê-Ta có hai bài phê bình một

bài đăng Phong-Hóa số 127 (7-12-1934, và một bài đăng số 129 (28-12-1934).

Ở bài thứ nhất, Lê-Ta nhắc lại lời phê bình của Nhất Linh về Nguyễn Vỹ, và nhân đấy chửi mắng Nguyễn Vỹ :

«Nhà «thi sĩ» Nguyễn-Vỹ, tác giả tập thơ đầu là một nhà có nhiều tài, tình cảm nhiều, mà lòng tự ái lại nhiều hơn. Cho nên khi ông ra mắt quốc dân, mắt đầy lệ, cây bút cầm tay, ông không muốn cho ai khinh ông cả. Ấy thế mà Nhất-Linh lại bảo tập thơ đầu của người tên là đuôi kia không có ruột ! Muốn khỏi mắt lòng «thi sĩ» tôi phải nói chừa hộ Nhất-Linh : thơ ông Vỹ có ruột đó chứ, chả tin cứ giờ cuốn sách của ông ra mà xem : Chỉ tiếc cái ruột ấy đặc quá, mà khốn một nỗi là người ta lại không biết nó đựng những cái gì !»

Sang đến bài thứ hai, Lê-Ta phũ phàng với Nguyễn-Vỹ hơn, đã ví thơ Nguyễn-Vỹ như thơ của con sen, thơ của vú già :

«Ông Nguyễn-Vỹ là một nhà học rộng. Bàn về thơ ca, ông đã cho chúng ta biết nhiều điều mới lạ : ông hiểu rõ được hết các âm điệu thơ, khuôn phép thơ, mỹ thuật của thơ, tuy ông không hiểu thơ là cái gì, và tuy ông thấy mình là thi sĩ.

«Ông lại khéo nói nữa. Khéo nói lắm, khéo nói quá ! Ông bênh vực ông một cách rất có duyên, rất chu đáo, mà ông phản đối ông lại chu đáo gấp đôi. «Tập thơ đầu» của ông là một tập thơ có khuynh hướng về cải cách, nhưng người làm «Tập thơ đầu» lại sợ cải cách, hay cải cách bằng lối riêng của ông. Ông bỏ cái gông cùm biền ngẫu với phép hạn chế phá, thừa, luận, kết

của luật thơ Tàu, đề mang cái gông cùm mới của luật thơ Tây.

«Thơ của ông Vỹ thiếu cái chi chi kia, chứ «chân» (pieds) thì đủ lắm. Xin đọc thử ít câu sau này :

Những cặp mắt xinh đẹp, mà ta thấy thoáng qua  
Ban ngày, lúc ta thủng thỉnh đi trên đường phố  
Bây giờ một mình ta trần trọc trong đêm tối  
(Lối thơ 10 chân)

. . . . .  
Hai bàn chân linh thiêng ấy; những ngày rầm và ngày hột  
Tôi đã được nhìn rất cảm động những trẻ mồ côi nhỏ  
Những bà già và những cô thiếu nữ xinh đẹp, ngày thơ  
Hôn hit hai bàn chân Thánh hoặc lấy tay vuốt ve, sờ  
Hay là với khăn mùi-soa, vạt áo, miếng nhung, miếng vóc  
Mà họ áp hôn vào môi, hoặc đưa lên đầu tóc

(Lối thơ 12 chân)

«Soi đến kính hiền vi cũng không thấy thiếu một chân nào qua. Thơ ông quả thực không phải thơ quê. Nhưng quả thực là ngô nghê.

«Đem so sánh thơ ông Vỹ với hai bài thơ «Đồng hồ» của tôi ông không bằng lòng là phải, vì nó không đủ chân, nhưng giá đem so sánh với bài «Son-nê» sau này của cô N.T.G. thì hẳn ông ưng ý lắm :

### TẶNG VŨ GIÀ CỦA TA

Hỡi vũ già của taơi; Hỡi vũ già của taơi !  
Vú đến ở hầu nhà ta, may mắn ấy thực bởi trời.  
Vú tuy người chẳng xinh tươi, mà lại cũng không còn trẻ

Nhưng rất chắc chắn, vững vàng, và vừa nhanh và  
vừa khéo.

Gọi thì dạ, bảo thì vâng chưa hề phải mắng một lời,  
Suốt từ sáng sớm đến chiều, chỉ làm lung chẳng rong  
chơi

Nào việc bếp núc nấu ăn, nào giặt quần áo, nào chùi  
củi, nào quét dọn nhà cửa, hết việc lớn đến việc nhỏ.

Tôi lấy hết can đảm để đọc đi đọc lại, lúc thì nhầm thầm, lúc  
thì cất giọng ngâm nga, mà buồn thay cho tôi, tôi nghe nó và  
làm sao ấy.

«Nhưng đối với tác giả thì nó có nhiều thi vị lắm, nó có  
một thứ thi vị ngầm, cũng như người đàn bà xấu số ở trong  
phong dao có duyên thăm vì được chồng yêu quý :

*Lỗ mũi em tám gánh lồng*

*Chồng yêu chồng bảo ráu rồng trời cho*

*Đêm nằm thì ngày o-o;*

*Chồng yêu chồng bảo ngày cho vui nhỉ.*

*Đi chợ thì hay ăn quà,*

*Chồng yêu chồng bảo về nhà đỡ com.*

«Ông Vỹ có quyền yêu thơ của ông lắm.

«Am hiểu âm luật, biết nói đến những chữ trật tự, quy  
tắc, biết chê sự hõn độn, hồ đồ, lại biết ghét những cái ngô  
ngàn ngây ngô, mà viết ra những thơ như trên kia, thì viết  
làm gì?»

Ngày 12-1-1935, (P.H. số 132) Lê-Ta, trong bài « Cuộc  
diễn... mấy Nàng Thơ », đã gọi thơ của Từ bộ Hứa là « một

dứa con xam xám: Vậy mâu thân của nó hẳn là một nàng tây đen»; bảo «Nàng thơ của Nguyễn Vỹ không hay nói tiếng Việt-Nam, người cay nghiệt chặt chẽ từng dòng, từng chữ, nên đứa con của nàng không thiếu một chân, một tay nào hết. Nhưng nó phải cái ngần ngơ cũng như nàng»;

Về thơ Đức Văn, Lê Ta viết :

« Ông Đức-Văn thì vớ phải con mẹ quê mùa, dờ hơi, sống sương. Chị chàng này chỉ biết có thơ văn như hạng Phạm-Công, Cúc-Hoa ở miệng bọn hát xẩm. Cũng có khi tâm hồn súc động, «nàng» cất thứ giọng lèn lõi vỡ của người nhà quê vùng bè mà ngâm rỗng :

*Tách nòng kèo hững mấy nòng*

*Nửa hương nuông đè nạnh nùng bấy nâu*

« Bởi vì nàng vừa ngó ngần lại vừa ngọng. »

Về thơ của Nhuệ-Thủy, thì Lê Ta viết :

« Ông Nhuệ-Thủy thì kết duyên với một chị có họ gần với nàng Đông-Thi. Nghĩa là một người xấu và hay bắt chước vẻ đẹp của Tây-Thi. Thấy Tây-Thi nhẵn thì nàng cũng nhẵn. Nhưng Tây-Thi nhẵn thì thêm duyên, mà nàng nhẵn thì người ta chêp».

Còn nàng thơ của Lan-Sơn thì ôi thôi mía mai làm sao !

«Nàng thơ của ông Lan-Sơn là một người hay vời. Tôi thấy lúc nào nàng ta cũng lèo đeo đi lại nhái theo sau thi sĩ, tay cầm cái mì soa uốt đậm, mặt thì mếu xêch mếu xác. Chẳng biết có bị thi sĩ bạt tai cho cái nào không».

Đến nàng thơ của Huy-Thông thì theo Lê Ta nó thuộc

vào loại tango «gia sản xuất» :

«Nàng thơ của Huy-Thông là một nàng thơ có nhiều tình cảm, nhiều tư tưởng hay. Nàng lại là người «mắn» ta sẽ thấy nàng sinh sản được đông đan. Vậy nàng có thể tự an ủi nàng rằng hồng đưa này, còn đưa khác.

Nói thế không phải có ý bảo tập «yêu đương»—đưa con đầu lòng của nàng thơ Huy-Thông—là một tập thơ dở cả. Những ý tưởng mạnh mẽ, những tình tứ không thường, những hình sắc lộng lẫy hay dịu dàng với những vẻ đẹp trong trẻo, ngày thơ, mong manh, tôi thấy đầy đầy trong tập sách trên một trăm trang giấy tốt.

«Người thiếu niên thi sĩ của tôi biết cảm súc vì cái vẻ hùng vĩ, mênh mông của bờ biển, biết mong gửi lại tiếng lòng «thì thầm lời nước mây kiều diễm» theo tiếng sóng, biết cùng tiếng sóng ca ngợi «lòng kiêu căng không bờ bến» với «nỗi buồn gợm ghê, niềm ngao ngán của một trái tim đau đớn bởi điện cuồng».

«Huy-Thông biết ghi cái vẻ mơ hồ của :

«Ngàn liêu nơi xa trong sương hồng chìm đắm,»

«Biết thời khúc tiêu êm ái để buồn ca những lời tự tình của người tiêu bất tử thiết tha khuya như chàng mục đồng.

Những nỗi niềm âu yếm, nồng nàn và lòng yêu đương đắm thắm của một trái tim sớm đắm đuối vì tình, ông Huy-Thông biết đem thả vào tiếng rộng rãi của gió trên bờ bạc và thu vào trong vỏ hến nhỏ để người yêu nghe.

«Nhưng bao cái hay cái đẹp kia, tiếc thay chỉ là những hạt

trai lóng lánh lẩn vào trong đống đá sỏi sù sì. Nếu ví thơ ông là bát chè thì người ăn chè là chúng ta đến thành móm hết.»

Nhưng cách đây năm tháng, tức đến 24-5-1935, nơi Phong Hóa số 150, Lê-Ta lại có một bài phê bình thơ mới của Huy-Thông. Lần này, tuy có còn chê mát Huy.Thông, nhưng Lê-Ta đã dành nhiều chân tình cho Huy.Thông. Phải chăng Huy.Thông đã cộng tác với Phong Hóa. Đây lời Lê-Ta :

«Góm ! Làm gì mà ầm i lên thế nhỉ ? Truyện tình tự là truyện kín đáo mới phải chứ, là những truyện một người yêu nói cho một người yêu nghe.

«Nói ở phòng riêng, bên bờ nước, ở nơi âm u, nơi tăm tối hay trong ánh trăng khuya.

«Nói bằng cái giọng ní non, êm ấm, dịu dàng hay khẽ nặc, hay khàn khàn như ống bơ rỉ, hay nặng nề như tiếng vịt đực, hay ồm ộp như tiếng ẽnh ương...

«Nhưng mà người ta nói nhỏ.

«Nói nhỏ để cho những lời ở cái miệng đa tình lọt được vào cái tai đa tình,

«Thế thôi ! Chứ người ta không gào tướng lên cho bất cứ hòn đá nào với bất kỳ một «nhân vật» nào cũng nghe thấy được.

«Ông bạn Suối-Đào tôi lại không nghĩ thế.

«Bởi ông là suối. Là suối, nên ông róc rách, kè lại hết cả các tiếng cây, tiếng gió, điều hay truyện giờ, và thiên tình sử rất đáng cảm động của cô Tần-Ngọc với ông Huy.Thông. Ông Huy.Thông, « nhà thi sĩ đã bao nhiêu người biết tiếng và mến

tài... », ông Huy-Thông « mới 17 tuổi đã đỗ tú tài triết học. Cố lẽ từ xưa đến nay chưa từng thấy ai thông minh đến bậc ấy », ông Huy-Thông là một nhà đẹp trai và « có vẻ một nhà thông thái với trán rộng và mái tóc bờm sớm. »

« Đó là lời trong bức thư của cô Tân-Ngọc mà cái suối bếp xếp kia một hôm đã nghe thấy. Rồi bây giờ đi học lại cho chúng ta cùng nghe (Trong Văn học tạp chí đổi mới số 1).

« Suối Đào lại cho chúng ta nghe những lời tha thiết hơn, chân thật hơn trong những bức tình thư nồng nàn của một vị nữ lang mới mẻ vô cùng—là cô Tân-Ngọc—Cô yêu ông Huy-Thông lắm. Cô muốn gặp ông Huy-Thông sau buỗi chiếu bóng ở Palace lắm. Cô muốn cho ông Huy-Thông không « lọ » lắm. Cô cũng muốn ông Huy-Thông « làm mấy bài thơ đăng trong báo Phong-Hóa đà tặng» cô lắm... Trời ! Biết bao nhiêu lời cảm động, làm tê tái lòng ông Huy-Thông đẹp trai lắm của tôi !

« Cả một truyện tình của một tài tử với một giai nhân. Một truyện tình riêng, nghĩa là chẳng có ích gì cho ai hết thảy.

« Vậy mà Suối Đào kè lại tường tận, rất chu đáo, rất có duyên nữa. Người thóc mách đến thế là cùng.

« Có lẽ là vì Suối Đào quá yêu Huy-Thông nên không hề biết gì là giữ gìn, là dè dặt nữa. Ông này quá yêu ông nọ và muốn quảng cáo cho sự đẹp trai và sự... «đa tình» của tác giả tập «Yêu đương». Có biết đâu rằng truyện thóc mách của Suối-Đào sẽ làm cho ông Huy-Thông và cô Tân-Ngọc không bằng lòng.

« Tôi biết ông Huy-Thông là người rất khiêm tốn không

ba giờ ưa người ta nói đến tài của ông lâm, hay có ai nói thí  
không bao giờ ông đem khoe ai... Ông Huy-Thông phải đâu là  
người chuộng sự phô trương trên mặt báo. Không, người thi sĩ  
của tôi ưa ca trong lâu vắng, và chỉ muốn đề cho thiên hạ thấy  
có khúc nhạc réo rắt của mình thôi.

«Cô Tân-Ngọc cũng vậy. Cô không muốn cho ai biết  
truyện riêng của cô. Tình yêu đối với cô là thứ tình kín đáo,  
mẫu nhiệm. Cô yêu ông Huy-Thông vì Huy-Thông «đẹp trai có  
tài» chứ có phải vì đã được người ta làm thơ tặng cô trên  
báo đâu. Khi cô xúi ông Huy-Thông rằng : «Số Phong Hóa sau  
thế nào cũng có một bài thơ tặng tôi(cô Tân-Ngọc) đây» có phải  
là vì hiểu danh đâu ? Đó chỉ là một tấm tình yêu thiết tha, chân  
thực, nồng nàn và kín đáo... nhất là kín đáo.

«Ông Suối Đào thực không biết ý tứ một chút nào hết.  
Những điều kín đáo như thế mà đem nói toạc cả ra !

«Làm như ông Huy-Thông cũng muốn đem việc riêng của  
ông ra công bố.

«Làm như ông Huy-Thông đã thấy mình bất tử và thấy  
thiên tình sử kia đang lưu lại hậu thế.

«Làm như ông Huy-Thông mong mỏi cho người ta ca  
tụng cái tài thi sĩ, cái tài học, cái đẹp như thần tiên..

«Ông Huy-Thông của tôi đọc bài của Suối Đào chắc bây  
giờ đang nỗi giận».

Cuộc cách mạng về thơ đã bùng ra ở Phụ nữ Tân văn với  
bài «Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ» ngày 10-3-1932,  
Phụ nữ Tân văn số 122.

Sau đó im bặt cho đến số 153 ra vào tháng 6 năm 1932, Lưu Trọng Lư, dưới tên giả Cô-Liên-Hương, mới lên tiếng hưởng ứng Phan-Khôi. Rồi hình như viên đá thứ hai của Cô-Liên-Hương ấy cũng không gây được tiếng động nào trên cái hồ văn học Phụ nữ. Tờ báo đầu tiên hưởng ứng nồng nhiệt là Phong Hóa của Tự Lực Văn Đoàn, chứ không phải báo Phụ nữ Tân văn của Phan-Khôi, vì suốt năm 1932 Phụ nữ Tân văn không có một bài nào đề cập thêm về vấn đề thơ mới. Chưa hiểu nửa năm đầu 1933 thế nào, vì các thư viện mà tôi tra cứu thì thiếu những số từ Janvier 1933 đến Juin 1933.

Nhưng từ Juillet 1933, thì trên Phụ nữ Tân văn thấy có nhiều bài đề cập đến thơ mới.

Ngày 6-7-1933 (P.N.T.V số 207) An-Điêm, viết bài «Lối thơ mới». Theo An-Điêm thì trên Phụ nữ Tân văn đã có phong trào thơ mới rồi và nó đã ảnh hưởng mạnh đến văn giới cả trong và ngoài Phụ nữ Tân văn :

«Thiệt, «lối thơ mới» là một cái khuynh hướng đương phát triển trong văn giới Annam.

«Không những là thơ lối «Manh Manh» dăng ở P.N.T.V. được nhiều độc giả hiểu ý nghĩa, tình tứ, mà hoài nghẹn ; và nhiều thi sĩ bắt đầu bỏ thiên kiển mà sẵn bước vào con đường mới lạ, đặt cảm tình tư tưởng vào khuôn mới, khác hẳn phạm vi Đường thi.

«Hình như nhiều giới thi sĩ khác ở ngoài cơ quan PNTV cũng hưởng ứng mà dạn dĩ đặt cho thi cảm của mình vào khuôn

mới, khác náo thi nhau mà thách sự mai mỉa của hủ tục».

Sau đó, An.Điểm tuyên bố P.N.T.V. muốn giữ vai trò lãnh đạo phong trào thơ mới :

«Phụ nữ Tân văn muốn làm một cơ quan tiền quân cho nên trong sự sửa đổi khuôn khổ của thơ ta, cũng như trong mọi vấn đề kinh tế xã hội, thoát ra ngoài thiên kiến, mà dạn dĩ gọi bạn làm thơ đi vào con đường mới — con đường mới hợp với sự sanh tồn mới.

«Khuynh hướng trong vài giới thi sĩ xứ ta đã thấy đòi, thế là bạn làm thơ không phải lãnh đậm đối với kẻ thành niên thi sĩ của báo Phụ nữ Tân văn.

«Ước gì các bạn sẽ tiến mau cho đến ngày đánh vỡ được thành trì giam hãm làm si hổ tình tứ của nhà mỹ thuật là luật nhà Đường; «hồn thơ» trong xứ ta sẽ có cơ tới gần cái thiệt tế hơn».

Ngày 20-7-1933, P.N.T.V số 208, Thạch Lan, trong bài «Lối thơ mới» đã giới thiệu bài thơ «Con nhà thất nghiệp» của Hồ-văn-Hảo :

«Thanh niên thi sĩ Hồ-văn-Hảo ra mắt bạn đọc báo lần này là lần thứ hai. Hai lần thách sự mỉa mai của hủ tục, sự áp chế của kỷ luật nhà Đường; hai lần tỏ ra một sự tiến bộ lớn.

«Lần đầu trong «P.N» kỳ số 205, ra ngày 22 Juin vừa rồi thi sĩ Hồ «Tự tình với trăng».

• • • • • • • • • •

«Hôm nay xem bài thơ sau này, các bạn sẽ có dịp cùng

chúng tôi nhận một sự tiếc bô lớn».

### *CON NHÀ THẤT NGHIỆP*

« Ngọn đèn leo lét,  
Xác xơ một nóc nhà tranh ;  
Trên chiếu tan tành,  
Một trẻ thơ nằm im, xanh mét..

• • : . . . . .

*Ngoài, trời mưa xào xạc ;*

*Gió tắt  
Vào, vách thưa  
Máy hạt mưa  
Mảnh mùng rơi tan tác...*

• • . . . . .

*Lạnh lùng đưa bé  
« Cựa mình, cắt tiếng ho rang,  
Người mẹ với vàng  
Vuốt ve rằng : « Nin đi con nhé !*

• • . . . . .

*Cha con gần về tối,*

*Con ôi,*

*Nin đi nào ! »*

*Dạ như bầu,*

*Miệng cười, hàng lè xối*

*Cánh cửa tre từ từ mở*

• • . . . . .

*Một luồng gió lạnh chen vỡ.*

*Đèn vụt tắt ; tối mờ...*

*Ai đó ?*

*Ai ? Minh vѣ đѣy .*  
 . . . . .  
*Chút nѣra đѣa bị cồng :*  
*Mới chun vào, họ la : ăn trộm !*  
*Nếu chân không chạy sớm,*  
*Mặt vợ con còn thấy chí mong !*  
 . . . . .  
*Thôi ! bây giờ tiền đâu mua thuốc*  
*Cho con ; chết nỗi đi Trời !*  
*Tung quá mới ra nghѣ nhơ nhuດ.*  
*Chắc mai đѣy nhện đói lѣm, mìnhơi !*  
*Hồi làm cu li,*  
*Đến mua, tiệm còn bán chịu ;*  
*Nay sờ đѣa đuỗi ra, thì*  
*Một đồng điếu*  
*Họ cũng bảo : đi !*  
 . . . . .  
*Âm thầm, vợ đốt đèn dẫu*  
*Ra chiều buồn bã.*  
*Chồng quên lạnh dạ.*  
*Ngồi thở ra, chắt lưỡi lắc đầu.*  
 . . . . .  
*Ngoài, vẫn mưa xào xạt*  
*Trong, đứa bé ho rang...*  
*Ngọn đèn tàn*  
*Hết dẫu nѣn lu-lạt...»*  
 . . . . .

Đó là một trong những bài thơ mới của khoảng giữa năm 1933 nghĩa là một năm sau bài Tình già (10-3-1932).

Thơ mới tuy phát xuất từ Nam Kỳ với Phan-Khôi, là người Trung, nhưng dư luận học giới Nam Kỳ lúc ấy cũng phản tán lắm. Nguyễn-văn-Hanh phản đối chống đối thơ mới bao nhiêu thì cô Nguyễn-thị-Kiêm, bút hiệu Nguyễn thị Mạnh. Mạnh sốt sắng bênh vực thơ mới bấy nhiêu. Ngày 26 Juillet 1933, cô Nguyễn thị Kiêm diễn thuyết bênh vực thơ mới tại hội Khuyến học Saigon. Theo Phụ nữ Tân văn số XII ra ngày 10-8-1933, số đăng bài diễn thuyết của cô Nguyễn thị Kiêm thì cô Kiêm nói truyện lâu trong tiếng rưỡi đồng hồ «mà vì ứng khẩu mà diễn» cho nên báo Phụ nữ Tân văn chỉ thuật lại được những đoạn cốt yếu :

Vì bài diễn thuyết này gây xúc động mạnh trong thi giới miền Nam, nên ta cần biết qua về bài diễn văn này. Đây các bạn nghe cô Nguyễn-thị-Kiêm nói truyện về thơ mới :

Trước khi nói về vấn đề thơ mới, tôi xin thử giải thơ là gì. Thơ là một danh từ để chỉ chung các vận văn. Làm thơ là gì ? Làm thơ tức là lựa một vận văn trong các thứ vận văn, hay là đặt ra một vận văn để phô tả tánh tình, ý tưởng của mình, những quan niệm của mình đối với sự đời, với vũ trụ, những cảnh vật, những hiện tượng của sự sống.

«Thi sĩ An-nam hồi nào tới bây giờ thường dùng ba lối thơ : thơ Đường luật; lục bát; song thất lục bát. Không kè thơ Đường luật, là thơ của người Tàu, ta chỉ có hai lối thơ sau, còn bao nhiêu lối khác chỉ cho chung về điệu ca (như hát sầm,

hát nhà trò vân vân...): Phần nhiều thơ Đường Luật là thơ tả tình cảm về thân thể của tác giả, còn thơ lục bát và song thất lục bát thì hay thiên về lối tả cảnh, thuật truyện (Style narratif).

«Thơ Đường luật là một lối thơ rất bó buộc về từng câu từng chữ, chắc chịa về luật bình trắc, về phép đối câu, đối chữ. Vì khuôn khổ luật phép phiền phức nên người làm thơ Đường luật phải ở trong một phạm vi eo hẹp lúng túng, hẽ cảm hứng ra bài nào thì câu văn như nhái lại, mấy trăm bài khác; còn ý tưởng thì dường như đã có nhiều người «phát minh» ra trước rồi.

Bằng muôn bỗ hết mấy «sáo cũ, diên nhưng tư tưởng mới mẻ thì không trúng khuôn khổ. Ta có thè nói rằng thơ Đường luật không dùng được nữa, vì bao nhiêu cái đề hay; bao nhiêu cái ý tưởng sâu, đều đã có một hạng thi sĩ tài đời xưa, phô tả hết rồi, người sau đây vì cái vòng niêm luật ấy, phải lập lại câu cũ ý xưa mà thôi, thành ra lời văn không thích hợp với sự đời bây giờ mà ý tưởng thì không tả ra hết được.

«Hai lối sau, lục bát và song thất lục bát thì giản dị hơn : cách đặt câu định vẫn cũng không cần phải đổi, phải hạn câu. Tuy vậy, về nội dung của nó, ý tưởng ít bị khép hơn thơ Đường luật, song cái hình thức cũng còn ép ta phải lập những sáo cũ.

«Muốn cho tình tứ không vì khuôn khổ mà bị «đẹt» mất thì rất cần phải có một lối thơ khác, do lẽ lối nguyên tắc rộng rãi hơn. Thơ này khác hơn lối xưa nên gọi là thơ mới.

«Năm ngoái, trong báo Phụ nữ Tân Văn, ông Phan-Khôi «trình trong làng thơ» một lối thơ mới, nhưng ông cũng kề rằng, mười năm trước, có một thiêub niên thi sĩ ở Hà nội có sáng

kiến này đầu nhứt. Chưa thấy được bài thơ mới đầu nhứt, tôi chỉ đọc bài thơ «Tình già» của ông Phan-Khôi.

«Hai mươi bốn năm xưa, một đêm vừa gió lại vừa mưa,  
dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà nhỏ, hai cái đầu xanh kề  
nhau than thở vv... »

«Bài thơ này ít người thích. Người ta cho nó là dài lăm  
và không có nguyên tắc. Thật, về hình thức thì bài «tình già»  
không được gọn, nhưng về nội dung, tình tứ giải ra một cách  
rõ ràng, dễ hiểu mà thật thà. Chỉ đọc qua là nghe khác hẳn  
lối thơ xưa, có vẻ thiết thực và cảm hóa được người đọc. Chính  
ông Khôi đã nói đó là một lối thơ làm thử (un essai) cốt đem  
tình tứ có thật trong tâm hồn mình mà tỏ ra bằng những câu  
có vận chớ chẳng buộc niêm luật, hạn câu chi hết.»

«Sau ông Phan-Khôi chẳng bao lâu, báo Phụ nữ Tân văn  
có đăng bài hưởng ứng lối thơ mới của cô Liên-Hương (Trung  
Kỳ) và một bài thơ mới của ông Lưu-trọng Lư sau đây :

#### TRÊN ĐƯỜNG ĐỜI :

*Lăn bước tiếng gieo thăm, bóng ai kia lủi thủi ?  
Lặng lặng với sương deo im đìm cùng gió thổi,  
Không tiếng, không tâm, không thưa không hỏi.  
Không hát, không cười, không than, không tủi.  
Lận đận với năm canh, bóng ai kia lủi thủi.*

(P.N.T.V số 211 10-8-1953)

«Tôi chắc là bài «trên đường đời» được nhiều người  
thích hơn bài «Tình già». Câu văn bài sau nghe thâm trầm, có

nhip có văn hơn, song nên đề ý rằng ý nghĩa của bài này không rõ rệt hơn bài trước mà lại có hơi mờ ám. Nhưng phải biết rằng bài này rút trong một tiêu thuyết (Hai cái thời đại) chờ chẳng phải một bài thơ riêng, vậy muốn hiểu nghĩa của nó phải biết chuyện trong tiêu thuyết hay là hiểu sơ bài ấy nói về khúc nào trong tiêu thuyết. Theo ý tôi là người chưa đọc quyển tiêu thuyết kia, đọc bài « trên đường đời », định phỏng rằng tác giả (ông Lưu-trọng Lư) muốn tả thân cô độc, đau khổ, của một người trên đường đời có khác nào một bóng người âm thầm đi một mình trong cái đêm tối.

• • • • • • • • • • • • • • • • •

« Bài « trên đường đời » không gọi được là một bài vì nó vẫn lầm, sau này khó làm mẫu để tỏ tư tưởng khác, chỉ kêu là một khúc trong một bài (une strophe). Böyle giờ muốn làm ra một bài một điệu thì nên thêm một khúc nữa tương tự mẫu khúc trên rồi hai khúc sau chỉ có bốn câu hay ba câu tùy ý, như vậy hình thức điệu này rõ rệt, chắc chắn, có hơi giống điệu sonnet của thơ Pháp. (Đọc một sonnet Pháp). Đây là tôi bày một ý kiến cho các thi sĩ (unepro position) chớ không phải nói ông Lưu-trọng-Lư bắt chước theo thơ Pháp mà các ngài hòng la lên :

« Bỏ thơ Tàu lại vở thơ Tây !

« Sau bài « Trên đường đời » còn có một lối thơ mới. Tác giả Ký-thanh-Tâm (không biết của ông hay là bà nào) gởi đăng báo P.N.T.V.

« Tôi thử đọc bài này, tựa là « Vắng khách thơ ». Hình thức bài này chia rõ ra ba phần : phần đầu : Xuân năm ngoái, phần thứ nhì : ly biệt, phần thứ ba : xuân năm nay : ý tưởng rõ rệt

dễ hiểu. Nên đề ý rằng bài nói về sự buồn (ly biệt, nhớ thương) mà câu văn lại gọn gàng, phe phẩy như nhảy nhót (Style santi-lant) vì tại câu văn vẫn, chấm phết nhiều. Thành ra đọc bài «Vắng khách thơ» xong, người đọc sẽ la : «Cái bài ngộ nghĩnh quá !» chứ không có cảm tưởng buồn. Đây, ta thấy rõ cái hình thức bài văn có quan hệ lớn đối với nội dung.

«Đó là ba bài thơ mới đầu hết mà ít có ai đề ý tới. Bay giờ tôi sẽ bàn đến thơ mới sau này, của tôi và bạn hướng ứng như Hồ-văn-Hảo, Khắc Minh vân vân là bọn người làm đại nao trong làng thơ.

• Đầu năm ngoái, trong số báo mùa xuân của Phụ nữ Tân-văn, có bài thơ mới đầu nhất của tôi, tựa là «Viếng phòng vắng» (Đọc bài thơ) tả những tư tưởng của người khách, đến một phòng xưa, phòng của người bạn yêu đã quá cố,. Bài này thấy rõ rệt 7 strophes, mỗi strophe giống nhau, strophe đầu và trong strophe chót hơi đồng chữ mà khác ý.Khúc đầu và khúc chót :

*Gió lọt phòng không  
Tạt hơi đông  
Lạnh như đông.  
Ngồi mơ tư tưởng..  
Ngày xưa phất phuờng  
Đẩy động tơ lòng*

*Gió lọt phòng không  
Tạt hơi đông  
Lạnh như đông.  
Ngồi tơ tư tưởng  
Tình xưa phất phuờng.  
Âm dịu cõi lòng.*

• Một khúc có 6 câu. Câu thứ 1 và 5, 6, thì mỗi câu có bốn chữ, câu 2, 3, 4 mỗi câu có 3 chữ. Vận thi câu 1, 2, 3, 6 ăn nhịp với nhau ; 4, 5 vẫn với nhau. Khúc đầu là nhập đề liền,

lại là cái giàn cảnh : Người khách đến viếng phòng vắng, ngồi trong phòng. Cửa phòng mở hé hé, luồng gió lạnh tạt vào làm cho khách rung động ; tưởng ngày xưa phất phướng ; lòng lại hồi hồi. Khúc thứ 2, 3, 4, 5, 6 tả những tư tưởng của khách. Do theo mấy tư tưởng ấy, ta có thể thấy cái phòng không.

*Trái đã mấy trăng.*

*Hồi nhện giăng,*

*Với rêu lan,*

*Tấm vách cũ..*

*Từ khi người chủ*

*Một giấc lặng trang ?*

«Khúc chót là cái kết luận của mấy tư tưởng nọ, là cái tâm hồn (etat d'âme) của người khách sau khi ôn truyện xưa nhớ người xưa... Tình xưa phất phướng, ấm dịu cõi lòng.

«Sau bài này, tôi cũng theo điệu này mà viết một bài khác, tựa là « Thơ gửi cho em Vân » (Đọc và cắt nghĩa bài sau...) Còn đây là một điệu khác. Điệu này tôi có làm hai bài « Canh tàn » và « Mộng du » (đọc hai bài ấy...) (Tôi xin chép một bài ra đây để tiện chỉ cách đặt.

### CANH TÀN

*Emơi, nghe lồng nghe*

*Gió đêm thoáng qua cửa,*

*Lụt tàn một góc lầu,*

*Lạnh ngọt chốn buồng the !*

• • •  
*Gió đêm thoáng qua cửa..*

*Não dạ, dể ti-te.  
Lạnh ngắt chốn buồng the.  
Em ôi, khêu chút lửa.  
..*

*Não dạ, dể ti-te.  
Gió ru... « thiết chi nǔa !... »  
Em ôi khêu chút lửa,  
Rồi lại ngồi đây nghe.*

*Gió ru... « thiết chi nǔa !... »  
Sụt sùi mấy cành tre...  
Em ngồi đây có nghe.  
Tơ lòng chỉ đứt nǔa ?..*

• Bài này có 4 khúc, mỗi khúc 4 câu, mỗi câu 5 chữ. Khúc là câu thứ 2 và 4 của khúc trước đem vô khúc kế làm ra câu thứ 1 và 3. Tôi ngũ ý đặt điệu này theo bài (Hasmaire Soir) của thi sĩ Pháp Charles Baudelaire. (Đọc bài ấy) có mấy câu lặp đi lặp lại. Không phải là túng vận hay là chỉ đề êm tai, mà thật là cái dụng ý đề tả cái buồn, một cái ý tưởng đang vấn vít theo mãi,

• Trong một điệu khác, tôi cũng dùng lối lặp đi lặp lại câu văn, nhưng cái dụng ý lại khác và văn đề bài cũng khác xa bài này. Ấy là bài « Hai cô thiếu nữ » (đọc bài ấy).

• Bài này cũng có nhiều khúc, Mỗi đoạn có 4 câu, câu 1 và 3 có 7 chữ, câu 2 và 4 có 8 chữ. Câu 1 và 9 là câu lặp lại. Cái đề là « Hai cô thiếu nữ » thì bài này chỉ thuật chuyện hai, cô thiếu nữ tác giả không đề mình vô trong đó, không nói cảm tưởng của

mình, cũng không phê bình câu chuyện; để cho mặc ý người đọc phán đoán.

*Hai cô thiếu nữ đi ra đồng.*

*(Một cô ở chợ một cô ở đồng)*

*Hai cô thiếu nữ đi ra đồng,*

*Một mảnh lụa hồng, một vóc vải đen.*

«Mấy câu lập lại vừa là cái giây liên lạc (lien de transition) trong bài vừa là cái điệu riêng của bài. Có nhiều người cho rằng lập lại câu văn là đỗ kiểm vẫn và dễ làm lắm, kéo dài bao nhiêu cũng được; làm mấy chục bài như vậy cũng được. Tha hồ cho mấy ông cứ làm ! Nhưng lập lại câu văn như trong bài «Canh tàn» và bài «Hai cô thiếu nữ» mà không khéo lập, cho ăn nhập với câu trên câu dưới, thì mấy câu lập đi lập lại sẽ làm «nghẹt» bài thơ, lui không lui, tới không tới, khác nào người dui là chàng. «Vân tiên công mẹ» vô không vô mà ra không ra. Tôi nói như vậy là có một bài thơ ngộ nghĩnh, giọng khôi hài, không biết tác giả là ai, hình như của Cồ Nguyệt Nguyên thì phải.

*Vân Tiên công mẹ trở ra,*

*Đụng lấy cột nhà công mẹ trở vô.*

*Vân Tiên công mẹ trở vô,*

*Đụng lấy cột bồ công mẹ trở ra.*

*Vân Tiên công mẹ trở ra.. vân vân...»*

«Tôi cũng có dùng lối song thất lục bát, rồi xen một lối vần khác vào, để thành ra một lối thơ mới như trong bài «Sa Đà» (đọc và chỉ nguyên tắc bài ấy).

«Gần đây người mình có dịch văn Pháp nhiều lắm. Dịch ra bằng lối bát cú, từ cú cũng có, lối lục bát, song thất lục

bát cũng có. Song hai lối sau thường dùng hơn vì theo hình thức, dễ phô tả ý tưởng của tác giả hơn hai lối nọ. Dịch các thơ Tây bằng lối song thất lục bát tôi chẳng nói gì, đến như dịch mấy bài thơ của thi sĩ Pháp Paul Verlaine là một lối lối thơ đặc biệt quá mà dịch bằng lối lục bát thì không trùng ý tác giả. Ông Verlaine muốn cho thơ đặt làm sao mà đọc nghe như tiếng đờn. Thế nên ông có một lối văn riêng. Nhưng vậy, không phải thơ ấy không có nghĩa. Đọc nghe êm ái mà lại cho người « thấy » được thường thức được cảm giác khác.

« Tôi xin đọc hai bài thơ của ông, hai bài này có nhiều dịch giả (Đọc là bài *La lune blanche* và *Chanson d'automne*). Rồi bây giờ tôi đọc mấy dịch văn. Đây là bài « khúc ca hay » (*La bonne chanson* hay là *La lune blanche*) của ông Phạm.đình-Nguyên dịch « khúc ca hay » theo lối lục bát, lời văn hay, ý tưởng trùng, nhưng lối lục bát khác với lối văn riêng của Verlaine quá thành ra không tả hết cái hay. Bây giờ tôi đọc bài « Vầng trăng bạc » của ông Đào.thanh-Phước cũng dịch bài *La lune blanche* mà dịch bằng lối thơ mới. Tôi cũng xin đọc hai bài dịch « Chanson d'automne » của hai ông Đào.thanh-Phước và Dương.Quang, bằng một lối thơ mới, ý tưởng trùng mà câu văn dồi dào có lẽ đạt được ý muốn của tác giả. Nay giờ tôi nói đến dịch văn tây là có ý tôi rằng với lối thơ mới người ta sẽ dịch được nhiều bài hay.

« Trước khi dứt câu chuyện thơ mới, tôi xin bàn đến vài bài thơ mới của thi sĩ Hồ-văn-Hảo. Tiếc rằng tôi không đủ thời giờ để nói đến các bạn hướng ứng khác như Khắc-Minh vân vân... Bài thơ của Hồ.văn-Hảo là « Tự tình với trăng » (Đọc

và chỉ nguyên tắc bài ấy) câu văn thật êm đềm mà rõ rệt, người xem bài này có thể vẽ ra một cảnh.

*Màn trời ai vén,  
Đè chí Hằng mặt then đỗ tươi tươi  
Một nụ cười,  
Ra chiều xén lèn..*

•Tiếc là ý tưởng bài này có hơi cũ, tác giả chê cối đời là «bè khờ trầm luân» không thiết gì đến, đời, muốn lên ở cung trăng cho êm tịnh.

«Nhưng bài sau thì lại khác hẳn. Ấy là bài «con nhà thất nghiệp» mà người ta cho là chẳng phải thơ.» Chỉ vì chẳng phải than thân trách phận, tả cảnh hoa tàn, nguyệt xé, suối chảy chim ngâm mà là một cảnh thiết thực, một cảnh khờ có thực trong đời : người thất nghiệp.

•Có lẽ trong thơ văn, người cui li ở trần quẩn vẫn là một động vật không có gì lảng mạn chẳng ? Có lẽ cái bi kịch một người nghèo khờ phải đi ăn trộm « hụt », chúng ta hay được la « ăn trộm » ! rồi anh chạy trốn, kịch ấy không gì lạ, đáng đề ý chẳng ? (Đọc bài « Con nhà thất nghiệp » và phê bình).

«Kết luận tôi xin nhắc rằng chúng tôi chẳng hề nói mình đặt ra những « thơ mới » hoàn toàn xuất sắc bao giờ, chỉ mong rằng lối thơ mới được nhiều người để ý đến và nó có thể trở nên một lối thơ thông dụng để tả một cách thiết thực rõ ràng những thi cảm của các nhà thi sĩ hiện thời. »

Cô Nguyễn Thị Kiêm diễn thuyết ngày 26 Juillet 1933. Bài diễn thuyết của cô tuy mãi sau này mới đăng lên Phụ nữ Tân văn

số 211 (10-8-1933) đoạn đầu và đoạn sau mãi đến số 213 (24-8-1933) mới đăng hết, bài diễn thuyết ấy đã được báo Phụ nữ tường thuật ngay từ số 210 và liên tiếp các số sau.

Nơi số 210 (3-8-1933), nghĩa là một tuần sau khi cô Kiêm đọc diễn văn, bài xã thuyết của trang nhất tựa là «Đáp lại một cuộc bút chiến» tác giả ký Phụ nữ Tân văn đã cực tán dương cô Kiêm như là người đầu tiên dám can đảm dạn dĩ đi «hắn vào con đường mới, không quản sự mỉa mai của nhiều người thù cựu» (P.N.T.V số 210):

«Cô Nguyễn-thị-Kiêm đã diễn thuyết ở hội Khuyến họ Saigon về lối thơ mới.

«Tất cả bạn đọc giả có xem qua cuộc bút chiến то tài của vài tờ báo đối với thơ mới đăng ở Phụ nữ Tân văn sẽ nhận được ý nghĩa cuộc diễn thuyết này.

«Vài năm nay, đành rằng vẫn có nhiều người bảo phải bỏ những khuôn khổ cũ trong thi ca An-nam, vì nó không còn thích hợp với tình tứ và tư tưởng của thi sĩ đời nay, là đời diễn khí.

«Có người cũng đã bắt chước lối tây hay là tự ý bày ra lối mới để làm thử một hai bài thơ.

«Nhưng, thật ra, chưa có thi sĩ nào dạn dĩ bước hẳn vào con đường mới, không quản sự mỉa mai của «nhiều người thù cựu»,

«Không ai có thể cãi rằng cô Nguyễn thị Mạnh Mai đã đem thi cảm thật mà đặt vào khuôn khổ mới, tỏ ra là một

tâm nhân vật chịu ảnh hưởng trực tiếp của thơ Tây.

« Người nào chịu bỏ thiên kiến không kể những lời chế diễu quá đê dàng của vài ông túng « câu chuyện hằng ngày » ; người nào có huấn luyện về văn thơ, người nào chịu khó suy nghĩ trong khi đọc, tất nhận được thi cảm trong những bài thơ mới của cô Nguyễn, và đã tự hiểu rằng : tình tứ mới cần diễn ra trong khuôn khổ mới.

• . . . .  
« Cô Nguyễn đã tỏ ra quan niệm mới đối với thơ văn ; cô lại là người có thi cảm cho nên sự sáng kiến của cô có ảnh hưởng và nhơn đó mà sinh bất tiện cho cô. Ta cứ xem cuộc bút chiến to lớn và phi thường về thơ lối mới thì đủ biết.

« Người thi sĩ của báo P.N.T.V đối phó với sức phản động ra thế nào ?

« Cô đã dũng cảm diễn thuyết để đáp lại những lời chỉ trích ; cô đã tỏ ra nghị lực phẫn đấu một cách rõ rệt.

« Thái độ của bạn nữ lưu này sẽ có ảnh hưởng hay cho vận động phụ nữ ; bạn đàn bà có thể tự phụ vì cô Nguyễn đã dạn dĩ phản đấu như thế ! chúng tôi xin chỉ em lưu ý tới thái độ của bạn nữ biên tập chỉ là vì cơ vận động phụ nữ ; chúng tôi nêu việc này ở mục xã thuyết là vì cái ảnh hưởng cũ nó đối với trào lưu phụ nữ, chớ không phải vì nhà diễn thuyết là bạn của chúng tôi đâu.

« Chỉ em đọc báo tắt đã nhận chủ tâm của chúng tôi... (Phụ nữ Tân văn số 210, 3-8-1933).

Các bạn nên ghi nhận kỹ lưỡng đoạn văn trên đây. Nó không phải của một nhà văn nào nhận định về cô Kiêm, về thơ mới, về cuộc tranh luận giữa thơ cũ thơ mới, mà nó là bài xã thuyết, bài lập trường của báo Phụ nữ, tức là nó nằm ở trong chính sách, nằm trong đường lối của Phụ nữ Tân văn.

Rồi cũng trong số 210 này, sau bài lập trường kè trên đây, còn có một bài tường thuật của Huấn Minh tựa là «Cô Nguyễn thị Kiêm diễn thuyết tại hội Khuyến Học về LỐI THƠ MỚI». Đây là một bài tường thuật rất có ý nghĩa, bởi nó hợp với điều mà Ngộ Không đã tường thuật ở Phong-Hóa nghĩa là nó tố cáo sự hăng say của văn giới đối với văn đề. Trong bài tường thuật này Huấn Minh đã ghi nhận bảy điểm bằng bảy tựa đề in chữ to :

I. Tựa đề thứ nhất «Cuộc diễn thuyết về lối thơ mới», Huấn Minh ghi : «Một tuần lễ nay, đi đến đâu cũng nghe bàn bạc về «lối thơ mới» của cô Nguyễn thị Manh-Manh, và cuộc diễn thuyết về lối này.

«Văn sĩ Tân-Việt và nữ sĩ Tịnh-Đế dùng lối trào phúng mà biện «nhàn đàm» và «câu chuyện hàng ngày» để kích báo Nguyễn nữ sĩ, tự nhiên làm cho công chúng chú ý tới cuộc diễn thuyết của bạn chúng tôi.

«Cuộc diễn thuyết này là một lời thanh minh; nó mở ra trong văn học xứ này một trương mới; nó có hai đặc sắc. Một lần đầu, ở xứ này có cuộc tranh biệt kịch liệt về thơ, về khuôn khổ cũ và mới, lần này là lần thứ nhứt, một thiếu niên nữ ni đứng ở trước chỗ đông người làm án một bọn văn sĩ thủ cựu».

2. Tựa đề hai «Đông nhứt các buổi hội» Huấn Minh ghi : «Buổi diễn thuyết tối hôm thứ tư 26 Juillet vừa rồi được đông người nghe nhứt...

«Tân Việt và bạn của ông ngồi rải rác các nời, tức là đại biểu cho sức phản động. Trong thi giới cũng như trong các phạm vi khác vẫn có lắm kẻ bảo thủ».

Điều ghi nhận ông Tân-Việt và bạn ông kéo nhau đi đầm phá cô Kiêm là điểm các bạn nên ghi chú.

3. Tựa đề ba : «Thơ hăm dọa», Huấn Minh ghi «Cô Nguyễn-thị-Kiêm tới hội quán ! Người trong hội trao lại cho cô một sấp dày những thơ hăm dọa»

Điều ghi chú này lại càng là một điểm độc đáo, tố cáo vấn đề gay go đến mức độ nào.

4. Tựa đề bốn : «Từ hai mươi lăm năm nay !», Huấn Minh ghi : « 8 giờ rưỡi ! ông hội trưởng hội Khuyến học, đốc tớ Trần-văn-Đôn, đứng ra giới thiệu nữ diễn giả.

— «Hội Khuyến học có đã hai mươi lăm năm nay : lần này là lần thứ nhứt, một người phụ nữ đăng đàn ! ».

5. Tựa đề năm : «Diễn giả nói một tiếng rưỡi đồng hồ» : Huấn Minh ghi : «...Cô Nguyễn nói về lối thơ mới. Cô bác những lời nghị luận vô giá trị của ông Tân Việt và cô Tịnh Đế, vẫn vẫn, bảo rằng những thơ cô cho đăng trên báo P.N.T.V. không niêm luật. Cô giải thích chữ thơ...

«Cô giải rõ ràng vì sao mà phải bỏ khuôn khò cũ, không

phải vì phạm vi 8 câu 56 chữ không thể giúp cho thi sĩ diễn tả cái thiệt tế ngày nay, bày rõ vấn đề sự sống, cho đến những lối cũ mà hơi rộng hơn là lối lục bát và song thất lục bát cũng không thể làm khuôn cho tình tứ mới được. — Lời qua quyết này quả đúng sự thật ! »

• • • • \*

6. Tựa đề sáu : « Thái độ của người phản đối », Huấn Minh ghi : « Tuy những nhà phản đối cô Nguyễn đã cao rao là sẽ xin đứng lên phản đối cô tại hội quán, mà họ vẫn ngồi im.., Diễn được một tiếng đồng hồ thì chừng mươi người trong bọn phản đối ấy rút về êm. »

7.— Tựa đề bảy : « Cảm giác », Huấn Minh ghi : « Trừ những kẻ tật đố, còn thì ai cũng nhận rằng buổi diễn thuyết hôm thứ tư rồi có ảnh hưởng tốt trong mọi đường.

« Đầu sao, lối thơ mới đã chiếm được quyền sống còn trong văn học An-Nam,

« Hết thảy bạn nam nữ thấy cô Nguyễn nhận chon trách cứ của mình và cõ động cho cuộc biến đổi trong thi giới như vậy—Có người đã gọi là một cuộc cách mạng trong làng thơ,— đều hưng khởi trong lòng.

« Văn sĩ An-nam phần đông rất lãnh đậm với mọi sự biến đổi, nhờ cõ động cương quyết của cô Nguyễn kích thích mà sẽ đổi thái độ của mình ». (P.N.T.V số 210, 3-8-1933).

Cũng trong P.N.T.V, số 210, sau bài của Huấn Minh, chính bà chủ nhiệm Nguyễn-Đức-Nhuận cũng có bài « Nghe cô

**Nguyễn-thị-Kiêm diễn thuyết».** Các bạn có thể ghi mấy dòng tiêu biều hơn sau đây : «Một người thiếu nữ đứng trước gần ba trăm thính giả nam nữ mà giảng về thơ, văn chương, cắt nghĩa chức vụ của thơ là thế nào, thỉnh thoảng cầm múa tờ đề đọc những lời chỉ trích của bạn đồng nghiệp mà thái độ rất tự nhiên, rất vững vàng !

«Cái quang cảnh ấy làm cho lời nói của bác sĩ Trần thêm có ý nghĩa.

«Hội Khuyến học ra đời hai mươi lăm năm nay, mới có lần diễn thuyết này diễn giả là một người thiếu nữ! Một người thiếu nữ có tư tưởng, có văn tài. Một người thiếu nữ đã dám bảo rằng phải bỏ những khuôn khổ cũ của thơ ta, phải ngâm vịnh trong khuôn khổ mới !

«Một người thiếu nữ chống lại bao nhiêu nhà thủ cựu trong thi giới mà nói rằng cần phải tả sự thật đời nay trong khuôn khổ rộng hơn khuôn khổ Đường thi.

«Một người thiếu nữ dám ca tụng những thơ rất mới như là bài «Con nhà thất nghiệp» của thi sĩ Hồ-văn-Hảo, làm cho bọn công kích thơ mới khó chịu phải kéo nhau ra về !

«Quang cảnh hay thay !

«Tôi ước ao các ngài phản đối lối thơ mới cứ tha hồ phản đối, nhưng giữ phép lịch sự đối với một nữ đồng nghiệp đã dạn dĩ đi vào con đường mới lạ.

• • • • • • • • •  
«Nếu các ông chịu nhận như vậy rồi đem sự tranh luận

về lối thơ mới lên trình độ cao, chứ không nói pha lüng về «bài thơ cõi cóc» một cách vô vị, thì các ông sẽ được người nghịch nẽo.

Sau cùng, cũng ở P.N.T.V. số 210, còn có bài «Lối thơ mới» của Thanh-Lan (ký tên T.L.) giới thiệu bài thơ «Tình-Thâm» của Hồ-văn-Hảo. Thanh-Lan nhận định cái gì ở xã hội ta cũng đang đổi mới, văn xuôi đổi mới, văn vần đổi mới. Mà theo tác giả, về sự đổi mới của văn vần, có người chỉ muốn đổi mới về nội dung còn giữ y nguyên hình thức cũ. Thanh-Lan không chịu thế : «Những sự biến đổi kịch liệt trong xã hội An-nam về kinh tế và chính trị đã có vang bóng trong văn chương An-nam.

«Về văn xuôi, lối văn đổi từng câu từng chữ, luộm thuộm lòng thòng, dần dần thối bộ để nhường chỗ cho lối văn mới, hợp với đời mới này hơn.

«Về văn vần, tuy rằng thơ của các thi sĩ Nguyễn thị-Manh Manh, Hồ-văn-Hảo, Khắc-Minh và các bạn khác nữa đăng ở Phụ nữ Tân văn vẫn còn đương bị chỉ trích dữ, nhưng số độc giả đã đổi thị hiếu mà cảm biết cái thi vị của lối này mỗi ngày mỗi đông.

«Kẻ bảo thủ thấy mình có mồi thất bại, thì đổi chiến sách. Bấy giờ họ bảo rằng :

«Đã dành là thi sĩ phải diễn cái thiệt tế mới trong xã hội, nhưng can chi lại phải bỏ lối thơ Đường luật là lối thơ đã từng nhờ những bài thơ tuyệt bút của bao nhiêu thi sĩ đời xưa mà nỗi danh ? Can chi mà đổi cái hình thức ? Chỉ vụ tất ở hình thức chẳng là nồng nỗi lầm ru ? Chỉ bằng ta lo về nội dung,

nghĩa là cứ diễn đạt từ tượng và cảm tình mới trong khuôn khổ cũ.

« Tôi xin đáp ngay với người phản động :

— Hình thức và nội dung quan hệ cùng nhau mật thiết lắm.

« Cái áo dà không đủ tỏ là kẻ tu hành chân chính (L'habit ne fait pas le moine) ; nhưng mà cái áo dà (hình thức) cũng đã tỏ ra một cái tinh thần (nội dung) đặc biệt. Vì, quả nhiên, người mặc áo dà có tâm lý khác với người vận y phục thường. Dầu không phải là thầy tu chân chánh chẳng nữa người vận áo dà vẫn không phải tâm lý như người thông thường.

« Nói thiết thực hơn về vấn đề thơ mới, thi sĩ nào có tình tứ mới mà chịu diễn đạt trong khuôn tám câu năm mươi sáu chữ, thì sẽ thấy cái kết quả này.

« Tình tứ thật của mình không thấy phát biểu ra được, mà chỉ thấy mình nói những lời mình không muốn nói. Cái khuôn khồ cũ giam mình trong một hoàn cảnh không thật.»

Ngày 7 tháng 9 năm 1933 (P.N.T.V. số 215), một tác giả khác, ký tên L.Đ đã viết bài «Nên bàn về lối thơ mới». Bài «Nên bàn về lối thơ mới» này đã được báo Phụ-nữ Tân văn giới thiệu thế này :

«Bồn báo đăng bài sau này của ông L.Đ để mở đường tranh luận về lối «thơ mới» trong tập báo này. Phụ Nữ Tân văn không thè làm cơ quan cho đảng phái chính trị hay là văn học nào hết; trên tờ báo chúng tôi có thè đăng bài tả ra những khuynh hướng khác nhau để cho công chúng tranh biện rồi tự kết luận lấy». B.B.

Bài này, trước hết, thuật lại nền học của Việt Nam từ đầu, là một nền học lệ thuộc hoàn toàn vào Trung Hoa cho nên các kỹ thuật làm thơ viết văn, nhất thiết đều bắt chay/ Tàu :

«Nước ta từ xưa đến nay vẫn là một nước có một nền văn-hiến ; song xét ra cho đúng văn cho đúng, văn-hiến ấy phần nhiều chuyên chú vào các hạng nhà nho.

«Còn về mặt quốc âm vẫn còn kém sút nhiều lắm, kém sút về hình thức mà về phương diện tinh thần cũng quá eo hẹp.

«Ngày nay hán học đã sắp diêu tàn, e có ngày phải tuyệt diệt. Vậy thì cần nhất là ta phải kiểm một lối học thuật mới để thay vào. Đó là lẽ cố nhiên ai ai cũng đều công nhận ; nhưng trong nước hiện thời có hai nền văn-học. Thứ nhất là Pháp-văn; thứ nhì Quốc-văn. Pháp văn cần phải học đã đành rồi, song học để mà làm một cái lợi khí để hấp thụ lấy tinh thần Âu Mỹ hầu truyền bá trong dân gian, chớ không thể lấy đó mà thay cho Quốc-văn được.

«Vậy thì điều cần thiết hơn hết là ta nên lấy quốc văn làm một môn học phổ thông. Dân ta là An-nam, lại học nói, họ viết tiếng An-nam, há chẳng phải là một điều tiện lợi lắm ru, Thế mà từ xưa đến nay có mấy ai cho rằng tôi học quốc văn ở trường này.. trường kia ra chẳng ? Hắn là không ! Ta định lấy Quốc văn là môn học phổ thông, mà hồi nào đến giờ không có trường, không có cơ quan cho đúng đắn thì người thức giả phỏng ai lại chẳng đem lòng lo nghĩ.

«Người nho học thì ngồi chênh chệ, run đùi tẩm tài

khen thâm văn ông Lý, ông Đỗ là hay. Còn hạng tân học lại khen Pháp văn là cao thâm uyên bác, khen thơ ông Victor Hugo là khéo, khen văn ông Lamartine là nǎo nuột thâm trầm. Những hạng có học thì tùy theo sở thích của mình mà ưa chuộng, không mấy ai chịu ngóng ngàng đến Quốc văn; thành thử từ xưa đến nay, cái tình đối với Quốc văn thật là nguội lạnh lợt lạt. Vẫn biết rằng Quốc văn đã phát hiện từ hồi đời nào kia, cũng có người quan tâm đến, nhưng đó là phần ít. Nếu không có thì sao lại có cuốn Kim Vân Kiều, cuốn Tân Cung Oán, cuốn Chinh Phụ Ngâm, cuốn Lục Vân Tiên là mấy bộ văn chương kiệt tác như thế. Song xét cho kỹ thì các nhà văn sĩ hồi xưa làm ra những áng văn ấy vì một cơn ngẫu hứng, hoặc là đem tả lấy cái tâm sự của mình nó uẩn khúc trong lòng chứ chưa phải là vì vấn đề Quốc văn mới sản xuất ra mấy tập văn kia vậy.

« Các nhà nho kia hẽ mỗi khi cầm hứng thì làm toàn là thơ bằng Hán văn, mấy ông cho rằng nôm na là mách que. Bởi thế có mấy ai ngó ngàng đến vận mạng, đến tiền đồ Quốc văn làm chi. Có lẽ vì duyên cớ ấy mà làm cho lầm điệu trở ngại về Quốc văn, sự tấn bộ về Quốc văn cũng phải dậm đà chèn mảng. Hiện nay chúng ta đã biết rằng Quốc văn là eo hẹp, nên chỉ lật đặt tu bồ, trau dồi lại cho tốt ; xây tường đắp móng cho nền Quốc văn được rực rõ thêm nhiều. Kèo lo tìm kiếm nhiều tiếng mới, người lại lo bầy bối nhiều lỗi thơ. Nói tóm lại ai ai cũng đều lo sửa đổi « cái kho hương hỏa » của mình cho hoàn toàn thiện mỹ, hầu chẳng hồ rằng người nước ta là một giống

dân hiểu học, văn chương nước ta chẳng kém chi người.

«Nay thử hỏi ý kiến bày ra «thơ mới» phát hiện vào thời kỳ nào ?

«Người nước ta thuở xưa phần đông chuyên về hán họa. Cứ theo sách cũ tra cứu ra thì nước ta biết chữ Hán tự đời Hồng Bàng, nghĩa là lúc ban sơ mới khai quốc thì trong nước ta đã có chữ Hán. Tiền nhân của chúng ta học hán văn tất phải dùng chữ, đặt câu theo Hán. Trở về sau, dần dần Hán mạt, cải Đường là lúc chữ Hán thạnh hành mới biến chế và phân ra nào là : ngũ ngôn cõi thè, ngũ ngôn cận thè, ngũ ngôn bài luật, ngũ ngôn luật; ngũ ngôn tuyệt cú ; thất ngôn cõi thè, thất ngôn cận thè, thất ngôn luật, thất ngôn bài luật, thất ngôn tuyệt cú vv , song thè cách thơ từ cũng chưa phải là vào tình trạng quá gắt gao. Trở về sau, từ đời Trung Hưng trong nước ta sắp xuống chuyên dùng lối thơ thất ngôn luật, trong một bài thơ phải có câu : phá đề, nhập đề, thượng trạng, hạ trạng, thượng luận, hạ luận, thượng kết, hạ kết; bó buộc bách xúc thái quá, xưa nay không có thể bao giờ.

«Về sau, các nhà nho nào là văn nhân thi sĩ, hê môi cõi khiền hưng thì mượn lối đó mà làm, thét rồi đời này sang đời kia thành di truyền ra một tánh quen, nói trắng ra thành một «cái tật» là đúng hơn, không thể nào trừ bỏ được.

«Đến sau — không biết vào thời kỳ nào ? — hoặc giả vì lối thơ ấy câu đã ngắn, lại có hạn; phần niêm luật quá gắt gao, trang nghiêm, hiềm hóc, sao là «bình», sao là «trắc», lại còn «âm vịnh» hâm người làm thơ phải theo lấy đó. Thành thử cái ý kiến của mình không thể nào đem tả ra cho hết nội trong «năm mươi bài»

chữ ấy. Phải cần nhắc tì mì từng câu, từng chữ, thật là trong óc lúng túng, bức bối vô cùng những người làm thơ đều biết — vì thế mà ngoài bút không đặng một tí tự do, và câu văn cũng kém mất đôi phần linh hoạt.

«Thật vậy, có nhiều khi tôi tập làm thơ trên này, hễ bị «bị» một cái, xuất mồ hôi hột chẳng chơi ! Cào tai, gãi cổ ; chọn tiếng này, lựa tiếng kia mãi rồi trọn một ngày thơ đâu chẳng thấy, chỉ thấy trí óc nó dật dờ chóng mặt, mà dầu có đặng đi nữa đọc bài thơ nghe cũng «xẳng lè». Vì sao ? vì trong bài thơ có nhiều chữ tôi không muốn đề mà buộc lòng tôi phải đề». Trước sự bức bách của thề cách Tàu, chẳng phải bây giờ mới có người nghĩ ra thơ mới, mà đã có người nghĩ ra thơ mới từ thủa nào rồi kia : đó là hai thề lục bát và song thất lục bát.

«Thiết nghĩ, vì duyên có áy mới có người phát minh ra hai lối thơ mới — ngày nay đã cũ rồi — chính là thơ lục bát, và song thất lục bát kia vậy. Ấy đó, vấn đề thơ mới này sanh ra trong óc tiền nhân ta lâu rồi ; chờ không phải đến nay mới có chúng ta là trước nhứt. Song đó chẳng qua là mấy tay thi sĩ đại tài sáng kiến ra một lúc mà thôi. Trở về sau cái tình ý ấy thường đâu là phải tiêu diệt mất, vì người ta đối với nó một cách hững hờ là ; khác nào một luồng gió vừa thổi lai rai, một đốm lửa con con trong đống củi».

Lần thứ hai, văn sĩ ta, theo ông L.Đ, đã lại nghĩ ra thơ mới, đó là ông Trần-Tuấn-Khai với điệu «Anh khóa».

«Về thời kỳ gần đây thấy trong quyển «Duyên nợ phù sinh» của ông Á Nam Trần-Tuấn-Khai có một bài thơ mới

tự là : «Tiễn chân anh khóa xuống tàu. »

Anh Khóa oi em tiễn chân anh xuống tận bến tàu. (x)  
Đôi tay em đỡ lấy cái khăn giấu (trầu) em lấy đưa anh

• • .  
«Ấy cái điệu thơ mới của ông Trần là như thế.

«Ông khéo sáng kiến dùng điệu thơ lục bát thêm tiếng thêm điệu vào thành ra bài thơ, không có hạn câu, hạn chữ, dễ đạt được ý tứ và phô bày ra rõ ràng tình tiết. Khi đọc lên lại nghe rất êm tai, dễ cảm hóa được lòng người, vì câu văn thật là nǎo nùng uyền lầm.

Các nhà làm thơ mới sau ông Trần-tuấn-Khai, cũng theo ông L.Đ, hình như cũng chỉ là theo dà tiến hóa chung mà gây thành phong trào rầm rộ hơn chứ không có gì là lạ lùng hay lập dị.

«Về sau phong trào « thơ mới » sôi nổi, không khác nào luồng gió lai rai kia hóa thành luồng giông lớn, đốt lửa con con kia bùng cháy. Lửa càng cao, giông càng lớn ; bao nhiêu người tinh giác đều đối với vấn đề thơ mới một cái tình cảm rất nồng nàn ». Sau đây, ông L.Đ. kè tên và khen một số nhà thơ mới như Phan-Khôi, Lưu-trọng-Lư, Hoàng-xuân-Mộng, Nguyễn-thị-Kiêm :

«Đến đây có lẽ là thời kỳ giải quyết. Nào là bài «Tình già» của Ông Phan-Khôi «Trên đường đời» của ông Lưu-trọng-Lư «Trên con đường cũ» của ông Hoàng-xuân-Mộng vân vân... Lại có Nguyễn-thị-Kiêm là một nhà tân nữ lưu, sốt sắng đứng lên diễn thuyết tại nhà hội Khuyến học để bàn về lối thơ mới; thì thật là hay lắm, tốt lắm.

«Tôi xin biếu đồng tình cùng cô, và tôi còn trông mong,  
khuyến khích sau này sẽ còn nhiều cô Nguyễn-thị-Kiêm nữa.

«Tôi lấy làm tiếc không đặng lên mục kích và nghe mấy  
lời của cô phun chau nhả ngọc, song xem trong báo chương  
thì cũng đủ biết rằng lời của cô là chánh-đáng.

«Một đoạn cô bình luận bài thơ «Tình già» của ông Phan  
Khôi có câu «Bài thơ này ít có người thích. Người ta cho nó  
là dài lăm và không có nguyên tắc. Thật, về hình thức thì bài  
Tình-già không được gọn... «Cô cho nó không có nguyên tắc và  
không được gọn tôi xin đồng ý cùng cô; còn cô bảo nó là «dài  
lăm» thì tôi cho rằng trái.

Ý kiến phát minh ra thơ mới là để tránh lỗi thơ  
Đường vì câu nó quá ngắn không thể nào đạt hết ý. Đã cho đó là  
phiền phức, rắp toan kiểm một con đường mới-mẻ rộng rãi,  
thênh thang để mặc sức ngồi bút vây vùng, tình tứ hoạt bát,  
mà cô còn câu nệ «dài lăm» tôi e trái chang? Thế thì ta cứ theo  
lỗi cũ, cứ tám câu bảy chữ, hoặc 5 chữ 3 vẫn càng tốt hơn, hà  
tất phải bày ra lỗi mới?

«Mong rằng cô suy xét và biết giùm cho, vì chính cô cũng  
có nói: «Muốn cho tình tứ không vì khuôn khổ mà bị «đẹt» mất,  
thì rất cần phải có một lỗi thơ khác, do lẽ lỗi nguyên tắc rộng  
rãi hơn. Thơ này khác hơn lỗi xưa nên gọi là thơ mới».

Nhưng L.Đ. mong rằng thơ mới, tuy hình thức có tự do  
hơn thơ cũ, nhưng cũng phải đặt ra thể cách cho nó đàng hoàng,  
chứ không thể để cho ai nấy muốn tự do sao cũng được:

«Còn về nguyên tắc một bài thơ thì cần phải có: Những

nha phat minh tho moi cung nen biết rằng tho moi la de cho ta  
đặng tự do; song cái tự do ấy có mực thước, có chuẩn bẳng,  
có qui tắc. Lời thơ phải ở trong một cái phạm vi nhứt định.  
Nếu kè làm thơ muốn vượt ra ngoài lề lối ấy, thì tôi tưởng  
rằng bài thơ không phải là vận văn mà là «tản văn» là phải,

«Ngoài cái nguyên tắc ấy thơ lại phải có âm hưởng véo von. Khi đọc bài thơ nghe ra như khúc đờn êm ái :  
khi khoan, khi nhặt, lúc bồng lúc trầm; người xem thơ tư  
tưởng rằng đứng vào cảnh ngày hè hoặc đêm thu, nghe dễ ngâm  
ve hót.

«Đó là kè sơ qua phương diện bề ngoài bài thơ  
lại phải có ý tứ xâu xa, lời lẽ hùng hồn, câu văn chánh đáng.  
Tho có hồn mà không có xác thì chưa phải là thơ toàn ; mà  
có xác lại không có hồn thì khác chi đáo hoa tươi không hương  
nhụy ; chỉ đáng cho ta vất bỏ đi mà thôi !

«Tôi nói nghe ra hơi lạc đầu đẽ, nhưng muốn luận cái  
đặc tính về hình thức, về tinh thần bài thơ ra thế nào, cùng  
cô Nguyễn nên mới dông dài như thế. Tưởng lại bà con  
cũng chẳng đem lòng cố chấp. Böyle giờ tôi nói lại chánh đẽ  
«thơ mới !»

Sau đấy ông L.Đ. đề nghị đặt cho thơ mới một cái tên  
riêng, chứ chẳng nhẽ cứ gọi nó mãi là thơ mới sao cho tiện.  
Bây giờ là mới, chứ sau này, giăm bảy chục năm, một trăm năm,  
cũng cứ gọi là thơ mới thì không khỏi vô nghĩa.

«Thơ mới là gì ? Đã có người nói đến rồi ! Kêu rằng  
«thơ mới» chỉ là một cái tên kêu đỡ, tạm một lúc vậy thôi. Về  
sau, trải qua năm này tháng kia lối «thơ mới» mà ta đang kêu

đây cũng phải cũ. Chừng ấy không lẽ ta cứ gọi hoài « thơ mới ». « Thơ mới » hay là ta cứ đề tên đó, rồi đậm thêm như vậy. « Thơ mới mà xưa » chẳng ? Vậy thì mỗi lối « thơ mới » buộc phải có một cái tên riêng, đề sau này khỏi lấn lộn.

« Vẫn đề đặt tên thơ mới là một vấn đề cần nên bàn đến và giải quyết ngay mỗi khi có một lối « thơ mới » xuất hiện. Song cũng không phải là dễ !

« Ít nữa phải có nhiều người hiệp ý kiến lại để cộng đồng; kẻ da người già bao giờ tột lẽ mới thôi. Làm như vậy một lối thơ đối với cái tên của nó mới xứng. Khi kêu đến « tên » nó thì người đọc có thể hiểu ngay tính cách riêng của nó ra sao ? Tỷ như thơ « Lục bát » thì hiểu thơ ấy là thơ câu trên 6 chữ câu dưới 8 chữ; thơ « Song thất lục bát » thì tự hiểu rằng : hai câu 7 chữ, kể đó một câu 6 một câu 8...

Thấy đó thì đủ biết sự đặt tên cho thơ mới tưởng cũng không phải là vô ích; nhưng hiện thời nó cũng lắm nỗi khó khăn, vì mỗi lối thơ mới còn phải đề cho độc giả lựa chọn cho xác đáng rồi mới công nhận».

Nhưng bàn thì cứ bàn chử thực ra chính tác giả cũng không biết đề nghị được cái tên gì cho ôn, thành ra tác giả dành p hó cho thời gian thôi :

« Bao giờ lối thơ đã đăng « nhập tịch » rồi, thì chừng đó cái tên của nó cũng có lẽ phải xuất hiện ra.

« Chính tôi đem hiến cho bà con một lối thơ mới, mà bài thơ của tôi cũng là một lối thơ « vô danh ». Suy nghĩ hoài, định cho nó một cái tên nhưng không biết tên chi ?...

«Ấy mới biết «bày ra một lối thơ» có lẽ dễ hơn «đặt tên một lối thơ» nhiều lắm.

«Hiện thời phong trào «thơ mới» lôi cuốn bao nhiêu người có nhiệt huyết với quốc văn điều quan tâm chú ý đến rồi, sắp sửa làm cho cái lâu dài quốc văn cực đẹp thêm lên. Bản đồ (Plan) đã vẽ, còn chờ có nhân công thì khởi cất.»

Tác giả L.Đ. chẳng phải là người đứng ngoài mà bàn suông. Ông bàn rồi ông cũng hăng hái góp công góp sức. Ông cũng đã làm một bài thơ mới để góp mặt với làng thơ mới :

«Thấy cái nhà ấy là một nhà chưng, sa nay chúng tôi sẽ trông, mong nhờ cậy vào nó nhiều lắm nên không dám làm lơ. Đã biết bao nhiêu người lo tạo tác chúng tôi tuy rằng bất tài, không dám đương lên là «tay thơ» lên tường đắp móng dựng cột, ra kèo chúng tôi làm không nỗi, song chẳng lẽ điềm nhiên ư? Hoặc là đê chúng tôi tiếp phụ công vào ôm gạch, chở cát, trộn hòi tưởng cũng nên.

«Một ngày kia cái lầu cao, mát mẻ ấy gầy dựng hoàn thành rồi, chúng tôi bước đến ở mới là không thẹn và tự nghe trong mình vô cùng thơ thới vui vẻ lạ thường.

«Vì vậy chúng tôi cũng xin đem sau đây «Một lối thơ mới trình chính giữa làng thơ» đề cho văn nhân, thi bá liệu lượng chấm giùm. Bài thơ ấy như vầy :

### NHẤN AI.

*Ai chẳng bảo rằng duyên đôi ta là duyên đầm ấm?*

*Rày đường xa muôn dặm, ai có biết vì đâu mà nên cuộc bẽ đâu?*

*Kìa trời nước một màu, ai tỏ lời thề hẹn, dành giữ nguyên không vẹn?*

*Đã lắm lúc đói phen, nguyện đá vàng liêm tiết dẫu cuộc đời  
giải kiết...*

*Quan san rày vĩnh biệt ngao ngán bấy tình trờng lại xé  
gánh chia đường  
Nào ! luôn lý cang thường thử xem đường bao nã ? Ôi ái  
tình nước lái*

*Danh dự xem bā già vì thế lực kim tiền, nên lối uớc  
phụ nguyễn.*

*Tất thành lại khuân-thiên, âu thả gièo giòng nước, thà phụ  
lời sau trước.*

*Miễn sao là mình được phú quý với công danh thì thỏa nguyện  
bình sanh*

*Ôi ! duyên nợ mông mành, nhân tâm thường tráo chác hối  
ơi người quá ác !*

*Hồng nhan thường phận bạc, nàng biết thế hay chưa, cuộc  
đời lại nắng mưa.*

*Nhắn ai khéo lọc lừa, tài tai thường đi cặp mây ai người  
khởi gấp !?*

Đến ngày 15-9-1933 (P.N.T.V số 216) Lưu-trọng-Lư lại  
cho đăng lại bài «Một cái huynh hướng mới về thi ca», bài mà  
ông đã viết và cho in trong tập tiểu thuyết «Người sơn nhân»  
xuất bản vào tháng 5 năm 1933.

Ngày 14 tháng 12 năm 1933, (P.N.T.V số 228), cô Nguyễn  
thị-Kiêm lại gửi một bức thư ngỏ, tựa đề là «Bức thư gửi cho  
tất cả ai ưa hay là ghét lối thơ mới».

Chính bức thư là một bài thơ mới khá dài ký tên Nguyễn  
thị Mạnh-Mạnh, nhưng bài thơ này được giới thiệu bằng  
những dòng văn xuôi sau đây ký tên Nguyễn-thị-Kiêm :

«Tờ phụ trương văn chương của Đuốc Nhà Nam ngày 3,4.12.-33 vừa rồi, có một bài của ông Hoàng-Tâm dở ra câu chuyện thơ mới, thơ cũ mà cãi nãa: Trong bài ông ấy có nói đến tôi, nói rằng tôi đã thất trận, đến đây phải gởi thơ mới đăng trong báo Phụ nữ thời đàm ! ông Hoàng-Tâm lầm đấy, Nguyễn-thị-Kim ở Phụ nữ thời đàm với Nguyễn-thị-Kiêm viết cho Phụ nữ Tân văn là hai người, chứ không phải một: Đến chuyện ông cho tôi «rút cờ» lại là một việc sai nữa, Lâu nay trong báo Phụ nữ Tân văn không có đăng thơ mới chỉ vì không trống giấy mà thôi. Người ta vẫn gởi thơ mới đến cho chúng tôi nhiều lắm và chính tôi cũng có làm nhiều bài. Vì có nhiều vấn đề đáng quan tâm hơn là thơ nên chúng tôi hoãn lại chưa có dịp đăng lên báo. Nay ông có nhắc đến, sửa soạn ăn mừng cuộc thắng trận của ông, tôi xin soạn một bài thơ mới của tôi viết cách đây hai tháng nay đăng lên báo. Nếu ông có dư thi giờ và báo Đuốc Nhà Nam có thiếu bài, ông cứ cho tôi hay, tôi sẽ đưa mấy bài thơ mới để cho ông đăng lên báo Đuốc Nhà Nam và phê bình luôn thè. »

Đây bài thơ, tức bức thư ngỏ mà Nguyễn thị Kiêm gửi cho người ưa và người ghét thơ mới. Nó bộc lộ một tâm hồn thiếu nữ đất Lục Tỉnh, thẳng thắn, dót ngọt, hăng say :

«*Phải tôi đấy, Manh Manh, mấy bạn à !*  
*Lâu quá không làm thơ, mấy bạn cũng «nợ dại» ?*  
*Phải, tôi đây Manh Manh, mấy ông à !*  
*Lâu quá không làm thơ, mấy ông lấy làm lạ ?...*

*Bạn yêu tựu hỏi nhõ : «E...chỉ sợ ?*  
*Tội nghiệp chó ! Người thì trẻ nên có hơi khờ»...*  
*Bạn ghét xúm hét to : «À ! nó sợ !*  
*Đáng khiếp chửa ! Người thì đeted mà muỗn vát cờ».*

Nghiêng mình thưa : «Hỡi các bạn qui yêu,  
Gi mà sợ ? Nghe tôi nói nho : Mạnh chưa xiết»  
Khoanh tay gọi : «Hỡi các ông trớn trêu,  
Khoan vinh măt, đừng ngay cho tôi tỏ mấy điều

Thật, lâu nay tôi vẫn đến «làng thơ..  
Các bạn ơi, không phải phụ ai mà hờn hờ.  
Ừ, lâu nay tôi không có làm thơ,  
Các ông ơi, không phải sợ ai mà lu lờ.

Bị lôi cuốn trong chiến trường hoạt động.  
Há được ngồi không mà sấp «mẩy sợi tư lòng».  
Trước là hành động, thơ không mấy trọng,  
Suốt đời nào đè nghe quả tim con phập phồng !

Tuy vậy, giữa những lúc đi hăm hở,  
Đôi khi tôi giựt mình nhớ đến khách làng thơ.  
Ừ, mình ninh thỉnh họ cho nhát dở !  
Thôi, lấy «túi văn chương» vét một vài bài thơ,

Bấy lâu đành với tình cảm hờn hở,  
Bây giờ cần tới nó e hồn thơ không tới ?  
Nó chơi chớ có gì đâu mà chớ,  
Đây một bức thơ, thơ mới ! thơ mới ! thơ mới !

... Rồi tôi thấy biết bao người rũ tới.  
Vừa nghe hò thơ mới của Nguyễn thị Mạnh Mạnh  
Người ưa với kẻ ghét lỗi thơ mới,  
Ưa đến nghe, phết đến «bời» làm tôi tái xanh  
„, Rồi tôi nghe tiếng cười rõ lớn thêm,  
Và được chuyện, họ cầm bút viết thôi kịch liệt !

*Kè nghịch la : «Đá đáo ! chẳng đè êm ! »*

*Bạn thích gật đầu nói : «Cái lỗi thơ hay thiệt»*

*Kết luận chuyện mới gần thành chuyện cũ*

*Các bạn ơi, cãi với nhau thết đã nhảm rồi*

*Làng thơ, thơ cũ, thơ mới, có đủ :*

*Thơ xưa là đất cũ, thơ nay tỳ đất bồi ;*

*Đất trước đè yên, đất sau lo xói,*

*Đất mới thì ít khô khan hơn đất dụng rồi.*

*Rủ nhau khai phá, cắt thêm sở mới,*

*Nếu thật tình mong cây thơm mọc nhánh đậm chồi.*

*Bây giờ tôi thử khuyên khách làng thơ :*

*Đồi lại, ai ra thơ mới lo tìm chỗ dờ,*

*Ai ghét, ráng kiêm cái hay của thơ*

*Vậy, chê, khen, có giá trị hoa mới sẽ nở».*

Ngày 3 tháng 5 năm 1934 (P.N.T.V. số 240), Phan.văn Hùm đã viết bài « Thảo luận về thi : Nguồn thi cảm mới » để phê bình về tập thơ « Nguồn thi cảm mới » của Xuân Giang, tên thác giả của Đông Hồ Lâm Tân Phác.

Phan.văn-Hùm đã ví thơ mới của Xuân Giang với thơ của thi hào Sully Pruo'homme của Pháp :

«Theo lời của ông Đông-Hồ ở trong số báo «Việt-dân», ra ngày 7 Avril 1954, thời một nhà thi sĩ sành về thơ cũ, ông Xuân-Giang có một tập thơ tên là « Nguồn thi-cảm mới ».

«Hai bài : 1. Cái hôn lần đầu — 2. Cô gái xuân) trích tập thơ này đăng ở báo «Dân-Việt» có cái giọng thật là mới mẻ. Tôi không ngại gì mà không thú thật rằng, khi đọc qua, ngâm

tại, tôi đã buông ra lời «in giọng Sully Prud'homme !» Nhưng mà đó là cái ý riêng của tôi, không đủ kính trọng.

«Ở đây tôi dẹp lại những vấn đề lý-luận cùng học phái. Tôi không muốn động đến vấn đề thơ cũ thơ mới, dẫu cho tôi hết sức hoan-nghinh lối thơ sau, hết sức hoan-nghinh bài «*bắt chủ nghĩa*» của Hồ-Thích, hết sức hoan-nghinh tập *Les Douze Poètes* của bộ tùng thơ «Horizon». Phan.văn.Hùm đã có một lối phê bình thơ mới rất mới không đứng ở ngoài đè mà khen câu này hay, chữ này khéo, ý này mạnh. Ông đã muốn bắt chước một kỹ sư, một kiến trúc sư... đi vào bên trong, hay đúng hơn nhìn công trình kiến trúc thơ từ bên trong :

«Tôi chỉ muốn đứng về phương diện nghệ thuật (art) không, tôi còn muốn thâu hẹp ranh rắp hơn nữa : tôi chỉ muốn đứng về phương diện kỹ thuật (point de vue la technique) muốn vào trong công trường (atelier) vào trong trung điện mật-nhiệm của nhà nghề, để xem cái tay thơ đương kiến trúc.

«Tôi sẽ xem được hay không, tôi xem mà sẽ thấy hay không ? Mặc kệ, cứ bước sẵn tới thử xem.

«Trước hết tôi không muốn đè chữ quốc ngữ nó làm lầm tôi, vì tôi đã quen với sự in lầm nhiều lắm rồi. Nghề in xứ này, thật là bất tiện quá.

«Hai bài thơ trích tập «*Nguồn thi cảm mới*» thể chất và cách điệu, cũng như nhau. Hai bài cũng chỉ có một chủ chi (um mène thème) là cuộc cách mạng nỗi dậy, do ái tình phiến động, làm khuynh đảo tâm hồn đương yên tĩnh êm đềm của người con gái, hoặc nói của «con người» cũng được.

Thực vậy, qua mấy trang liền, cùng với việc trích văn đè làm chứng, Phan.văn.Hùm đã cố gắng lấy tư cách chuyên môn

của nhà kỹ sư hay kiến trúc sư để vẽ lại cái họa đồ kiến trúc của thơ Xuân Giang. Đây các bạn nghe Phan-văn-Hùm phê bình thơ mới của Xuân Giang Đông Hồ theo con mắt của kiến trúc sư :

«Tác giả dùng lối «bồi thẩn» tả hai cái hiện tượng tiếp nhau mà khác nhau của một cái bản thè duy nhất, để làm cho càng biều-lộ những nét tinh vi của nó ra.

«Vẽ cái bản thè của ái tình, là điều có phải để dàng đâu. Tác giả trôi qua phía khác, mà cứ ở hiện tượng. Cái hiện tượng của ái tình, ở đây lại khéo mượn vật cụ thè (concret) để dụ dẫn, làm cho người đọc dễ cảm-xúc. Hoặc lấy nước hồ khi băng-phẳng mà tả tâm hồn người chưa biết ái tình :

*Mặt hồ lặng lẽ, xuân êm ái...*

«Lại lấy nước hồ khi giợn sóng, mà tả cái tâm hồn người đã vào ái tình.

*Một hôm gió giợn mặt hồ xao.*

*Ngọn sóng lòng em bỗng dạt dào.*

«Hoặc lấy bóng râm, gió mát, bướm bay mà tả cái tâm hồn người chưa biết ái tình còn thường cảnh vật thiên nhiên một cách thản nhiên :

*Lá rập cảnh xoài, bóng ngã ngang.*

*Cô em dừng bước nghỉ bên đường.*

*Cởi khăn phảy giọt mồ hôi trán.*

*Gió mát lòng cô cũng nhẹ nhàng.*

*...Vội vàng đe vở lên bờ cỏ.*

*Thoán thoát theo liền đàn bướm xinh.*

«Rồi lại lấy bóng râm, gió mát, bướm bay mà tả cái tâm hồn người đã vương ái tình, dõi cảnh mà tình tha thiết :

*Lẽ rợp cảnh xoài, bóng ngã ngang,  
Cô em dừng bước nghỉ bên đường  
Cởi khăn phây giọt mồ hôi trán.  
Gió mát, lòng cô những cảm thương.  
...Ái tình nào phải bướm ngày xuân  
...Một thoáng bay qua không trở lại*

Trước sau cảnh một mà tình hai, hiện tượng dấu hai mà bản thể vẫn một. Cái bản thể « một » không phải hai đó, tác giả biểu xuất được rất thành tinh là nhờ cái kỹ-thuật « trùng phục ». đem lời tả cảnh trước mà tá lại cảnh sau. Trước sau lời dấu có như nhau, mà kỳ trung vẫn khác. Khác ở ý nghĩa, khác ở chỗ đổi thay, thêm bớt hình dung từ (adjectif) hoặc trạng từ (adverb)

*Anh sáng tung bừng em chẳng cảm.*

*Mặc chùm hoa nở, tiếng chim kêu.*

« Là tâm hồn trước khi biết ái tình. Mà sau khi biết ái tình »  
đời thời.

*Anh sáng tung bừng, em hờn hờ,*

*Chim kêu, hoa nở, cảnh vui sao !*

« Thời cũng người ấy, cảnh ấy, bàn thề ấy, cũng  
Trong xóm làng trên, cô gái thơ  
mà tình chưa nhồi sóng, khi.

*Tuổi xuân mơ mòn vẻ đào tor*

« Thời tâm lòng yên tĩnh :

*Gió đông mơ mòn bông hoa nở*

*Lòng gái xuân kia vẫn hắng hờ,*

« Chờ... rồi chợt thấy, gần như được. Nào ngờ thành  
ra một chuyện bắt bướm hụt, mà

*Lững-thững bên đường cô ngắn-ngo.*

*..Cô buồn, cô tiếc, cô ngồi ngậm*

*Cô nhớ ngày xuân, nhớ tuổi thơ.*

« là cái tuổi « trong trẻo, bình minh » còn

*Lặng thảng lên đường bùi sờm chiều*

« Mỗi một lượt thấy « bướm bay qua bãi cỏ xanh... »

là một lượt « lòng pháp phói ».

*Vội-vàng đè vỡ lên bờ cỏ.*

*Thoăn thoắt theo liền đàn bướm xinh*

« Đó là hai chỗ xuất sắc trong kỹ thuật tác giả.

« Một là dùng phép « bồi thẩm » hai là dùng phép « trùng phục ». Phép nào tác-giả dùng, thời tác-giả cũng chủ nó được, điều khiền nó được cả.

« Ngoài ra, còn những cái đặc sắc, « mà tôi không nỡ bỏ qua không nhắc đến. Như khéo dùng âm-hường cho kêu câu văn :

*Tuổi xuân hơn hớn vẻ đào tơ :*

*Khéo dùng vật cụ thè dụ dẫn sự vô hình*

*Chim con nằm dưới tò em đêm*

*Lòng anh ấm áp, em sung sướng.*

*Tình ái êm đềm như tò chim.*

« Nhứt là khéo dùng hình linh hoạt và có thè sắc làm thành những bức tranh nhỏ thần-tinh :

*Anh sáng tung bừng*

*Hồi hộp nhìn em ngần ngo..,*

*Quần đen, áo trắng khăn hồng nhẹ.*

« Câu sau đó, làm cho tôi nhớ câu.

*Vân Tiên đầu đội kim khôi*

*Tay cầm siêu bạc, mình ngồi ngựa ô*

« Hay là câu trong Chính-Phụ ngâm.

*Ao chàng đỗ tơ ráng pha.*

*Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in.*

«Lối dùng màu này, Nguyễn-khắc-Hiếu khéo dùng nhứt, trong bài hát xàm, tựa là «cô tây đen».

«Tác giả lại có cái tài khéo dùng tiếng nói chuyện thường ngày, mà đẽ vào chỗ hợp hình hạp tiết, thành ra «có duyên» như những tiếng :

*Lòng em trong trèo : Em không náo nức ;*

*Ánh sáng tung bừng : — hồi hộp nhìn anh ;*

*Lặng thừng lên truwong : — lặng thừng bên đường : — lòng em phấp phới.— v.v...*

«Kỹ thuật được như vậy, thi tú dồi dào, khó mà luyện tập cho nên. Tiếc vì, về tự nghĩa, sao chừng như tác giả không chắc cho mấy, hay là không lưu tâm đến mấy. Tôi không hiểu như nước triều mà tác giả dùng, nghĩa ra làm sao. Cứ như câu :

*Đầy đặn lòng em, mặt nước triều,*

«Thời chư triều có nghĩa là yên lặng. Mà thủa nay thời cái nghĩa của nó là lưu động xem như câu truyện Kiều nói :

*Ngọn triều non bạc trùng trùng...*

«Còn về cái tờ «ồ» chim, thời có thè dùng tiếng dưới mà chỉ cái đáy nó hay không, mà nói :

*Chim non nằm dưới tờ êm đêm ?*

Lại còn tiếng mơn trớn, tác giả hiểu nghĩa nào mà nói là:

*Gió đông mơn trớn bông hoa nở ?*

«Tôi cũng lại không biết ngần-ngo ngơ tác giả hiểu làm sao mà.

*Hồi hộp nhìn anh em ngần ngo*

*Lặng thừng bên đường cô ngần ngo.*

«Tôi không dám nói nhiều lời nữa, chỉ còn muốn hỏi xem tác-giả dùng tiếng Nam tiếng Bắc trộn trạo là ý làm sao.

«Tờ chim (Bắc).mồ hôi (Nam).giọt lệ (Bắc) rỏ lệ (Bắc) ».

Sau khi phân tích tỉ mỉ kỹ thuật của Xuân Giang, Phan-văn-Hùm đã đề những lời kết luận cực tán thơ mới, và tin vào thơ mới như sau :

« Mà đó chỉ là những chỗ sơ lậu còn con, không có nghĩa gì, không có phuong hại gì cho cái thi tài của tác giả, là người thật có biệt tài. Tôi chưa được dịp biết nhà thi sĩ nào trong làng văn chữ nho hay quoc-ngữ, mà lìa bỏ được cái phóng tú mờ màng, đuổi rượt những cái tư-tưởng vu vơ theo gió trăng, non nước, cùng những cái tư-tưởng thông thường về nhân tình thế sự, nghĩa là lìa bỏ được cái ngoại giới mà quay trở về mình, chú lực vào trong thân trong mình, để miêu tả nội giới hay không ? Thật tôi chưa từng thấy có, mà cũng có lẽ tại kiến-văn tôi có lậu thật.

Nay thấy ông Xuân-Giang là một. Cái ráng sức mà nội tinh đó (cel effort d'introspection) cái ráng sức mà phân tích (cel effort d'analyse) những nỗi uẩn trong tâm hồn đó, là một điều rất đáng hoan nghênh và tưởng lệ. Giả thử tôi mà có văn tài thế lực thì tôi không ngại gì giới thiệu ông Xuân-Giang một cách sорт sảng về phuong diện kỹ thuật mà thôi. Tôi nói «về phuong diện kỹ thuật mà thôi» là khen kỹ thuật vị tất là khen người về phuong diện khác, một là bởi không bằng cứ được ở nơi sự thành tựu của một người phụng sự một cái chủ nghĩa nghệ thuật nào, mà dám quyết rằng người ấy sẽ thành tựu, khi phụng sự một cái chủ nghĩa nghệ thuật khác, nhứt là cái chủ nghĩa nghệ thuật có hàm lý tưởng xã hội. »

Sau bài phê bình của Phan-văn-Hùm, ngày 24-5-1934, Đông Hồ lên tiếng cũng trên Phụ nữ Tân văn (số 243) để tự tố cáo cái tên thác giả Xuân-Giang là chính tên của Đông Hồ,

tức người giới thiệu thơ Xuân-Giang trên báo Việt-Dân với Xuân-Giang chỉ là một người.

Đây lời Đông Hồ giải thích lý do tại sao ông phải giả thác như vậy :

« P.N.T.V. số 240, ngày 3-5-34 vừa rồi, ông Phan-văn-Hùm đã đứng về phương diện nghệ-thuật mà phê bình hai bài (1 — Cái hôn lần đầu, 2.— Cô gái xuân) trích ở tập « Nguồn thi cảm mới » Cuối bài có mấy chỗ, vì Phan quân còn ngờ nghĩa nên hỏi lại. Nay tôi xin viết bài kinh답 này.

« Trước khi vô bài, tôi xin mở cái dấu ngoặc.

« Tôi xin chịu tội với Phan-quân và với cả các bạn đọc già báo Việt-dân số 6 và đọc già P.N.T.V số 240 cái tội đã nói dối. Nói dối vì tôi đã đem hai chữ Xuân-Giang mà che đậy cái tên mình rồi lại giới thiệu thơ của mình làm một cách ân cần, tội nhứt là trong lời phê bình đó có một ít tiếng khen, là lời giới thiệu mình mà tự mình lại khen mình.

« Nguyên tôi muốn đem hai bài thơ nọ đăng báo khi toan gởi đi tôi lại sợ đề tron như vậy khi đăng báo, tất nhà báo cho đăng lộn vùi trong đám rừng « thơ nay » độc giả tất không đề ý xem đến. Tôi có cái ý nghĩ đó vì khi làm xong hai bài thơ, không dám nghĩ được xứng đáng như lời khen lao của Phan-quân, chớ cũng tự biết là nó có một ít định giá trị đặc biệt. Và đem đăng báo là tôi có ý muốn cho độc giả nhận thấy cái đặc biệt của nó ở chỗ thoát được cái tư-tưởng ý tứ « xôi thịt » của thi ca ta, chính tôi cũng đã từng chau-tuần một lúc lâu trong cái phạm vi tư-tưởng ý tứ « xôi thịt » đó rồi. Đó là bởi thành thực muốn mở một thè thê, một cách lập luận mới cho thi ca nước nhà, chớ quyết không phải bởi lòng tự-khoa tự-dại. Vậy thì cần phải có một ít lời

giới-thiệu. Đáng lẽ tôi viết bài giới thiệu đó là về phần tòa soạn của báo V.Đ. nhưng tôi ở xa xuôi cũng bất tiện. Nơi gần tôi không kiếm được ai — ở một nơi cô-lau hẻo lánh, nó có những sự thiệt thòi cho học văn như thế — nơi xa thì bất tiện. Đánh bạo, tôi đành phải dùng cái phương «giả thác»... Giả thác ra đó là thơ của một người bạn mà mình đứng ra giới thiệu, nên trong lời giới thiệu tôi dùng tiếng đè gọi tác giả là : «anh-Xuân-Giang» là cái cách kêu gọi thân thiết như thường dùng trong văn tiều thuyết, chuyện bịa đặt, chứ không dám ngay thẳng mà gọi là «ông Xuân-Giang» vì theo phép giao tế, đem một nhà thi sĩ giới thiệu với quốc dân trên báo chương thì phải gọi là «ông» chứ sao được gọi là «anh».

«Nay Phan-quân đã phê bình đến một cách nghiêm trọng thành thực thì tôi thiệt không dám dấu cái tên mà không xứng, không dám nuộm sự giả thác—hay muốn nói là sự giả dối cũng được—ấy mãi, mà phải thành thực cùng Phan-quân tiếp chuyện, bày tỏ cái duyên cớ như trên, đè trước là khỏi đè làm lầm nhà phê bình, sau là đè khỏi lầm cho độc giả. Lại một sự giả thoát đó, cũng nên cải chính, sớm muộn rồi cũng phải làm, đè tránh khỏi nhiều điều lầm lẫn về sau trong thi giới.»

Tiêu thuyết thứ Bảy đối với phong trào thơ mới cũng không kém sỏi nòi. Người lên tiếng nhiều trên Tiêu thuyết Thứ bảy cũng là người đã lên tiếng ở Phong-Hóa, ở tiêu thuyết Người Sơn Nhân, ở Phụ nữ Tân văn người đó là Lưu-trọng-Lư. Ông đã viết ba bài bênh vực thơ mới trên Tiêu thuyết Thứ bảy. Bài «Phong trào thơ mới» (T.T.T.B số 27, 1.12.1934) đã được tờ báo giới thiệu thế này : «Kỳ trước ông Tản-Đà có nói đến bài diễn văn ông Lưu-trọng-Lư đọc ở nhà Hội học Qui Nhơn nay trích đăng một đoạn đè các bạn đọc cùng xem».

Như lời giới thiệu, bài «*Phong trào thơ mới*» này là một bài diễn văn. Có lẽ vì vậy mà ta thấy, nơi bài này, có rất nhiều ý, nhiều đoạn, ông đã nói ở bài gửi cho Phan-Khôi đã đăng ở báo Phụ nữ Tân văn số 153 tháng Juin 1932 rồi sau lại đăng ở Phong Hóa số 31 Janvier 1933, hay ở bài đăng ở tiểu thuyết *Người Sơn Nhân* tháng 5 năm 1933 rồi lại đăng lại ở Phụ nữ Tân văn số 216 ngày 14-9-1933. Có điều, ở đoạn trích bài diễn văn này, Lưu-trọng-Lư nói mạnh mẽ hơn, so sánh thơ cũ thơ mới để tìm ra nguyên nhân sự khác biệt của đôi bên.

Trước hết, Lưu-trọng-Lư nhìn nhận bọn thanh niên đã đưa thơ mới đến chỗ đặt được cơ sở rồi:

«Gần đây trong học-văn nước nhà thấy có một cái phong trào mệnh danh là «*Thơ mới*»... Nó đã thành một sự hiền-nhiên, dù muốn dù không, nó cũng cứ ngày một bành trướng. Cũng như mọi cái mới có ở trên đời, phong trào ấy chia dư luận ra hai phái: Phái hoan-nghênh và phái phản đối. Tôi không cần nói, các ngài cũng đều rằng phái hoan-nghênh là hạng thanh-niên tay học, phái phản đối là các cụ nho học. Hai bên đương sừng sộ nhau, đương giằng co nhau... Thắng bại về đâu không thể đoán trước được, đó là sự bí mật của lịch sử văn-học mai sau. Dẫu sao, có một điều chắc chắn là những điều kiện ở bên ngoài đã biến thiên thì tâm-hồn của người ta cũng thay đổi».

Sau đó Lưu-trọng-Lư phân tích tâm lý thi gia thời xưa để tìm nguyên nhân tại sao các cụ ta ưa lối thơ gò bó chật hẹp' nhiều giả dối nữa :

«Những sự thương đau buồn chán, vui mừng, yêu, ghét của chúng ta không còn giống những sự thương đau, buồn chán, vui mừng, yêu, ghét của ông cha ta nữa đó là một sự thực ! Các cụ ta xưa sống trong một cuộc đời giản dị, êm đềm, sinh hoạt dễ dàng, tiếp xúc ít ỏi, cho nên tâm hồn

các cụ cũng đơn sơ nghèo nàn, phảng lặng khờ khan như cái cuộc đời của các cụ, già dì văn hóa Tàu tràn sang, đưa đến cho ta những kỷ-luật nghiêm-khắc, hép hối của Khòng-giáo. Cái chế độ chuyên chế trong chính trị cũng có ảnh hưởng lớn đến thi-văn vì các thi sĩ ta xưa đều là những nhà nho mà miệt mài năm đèn sách, là chỉ lăm le có một ngày kia xuất chinh. Thi văn của họ là một thi văn qui phái, bệ-vệ, đường hoàng, có lề, có lối để thù tạc với nhau, hay để ca tụng những kẻ quyền thế đương thời, những công danh sự nghiệp của người và của mình. Những nhà nho ấy, nếu không may thất thời, lỡ vận, hoặc giả có tiềm nhiệm một ít tư tưởng Phật, Lão mà đâm ra chán đời, thì đã dành họ không thèm ca tụng những cái công danh sự nghiệp ở đời, nhưng khi dưới bóng trăng trong, dốc bầu rượu, họ cũng chỉ ngâm được một câu sáo : « chiếc hoa tàn, bóng mây qua, đời là bè khò »...

« Thật thế, lòng chán đời của các cụ cũng tầm thường, ít ỏi như cái lòng yêu đời của các cụ ! cái tình cảm đã tầm thường ít ỏi như vậy, thì cần gì có một cái khuôn khὸ rộng rãi hơn mềm mại hơn ?

« Một nhà thi sĩ có biệt tài, theo các cụ, là kẻ đã đưa một cách khéo léo những cái tình cảm cũ rích ấy vào những cái niêm luật khó khăn hơn hết.

« Họ không cần tưởng tượng cao xa, có tình cảm thành thực vì cái giá trị bài thơ không phải ở chỗ đó. »

Sau khi chê bai tâm tình các cụ là chật hẹp nhỏ nhen, Lựu-trọng-Lư chửi bới, châm biếm các kỹ thuật tiều xảo mà các cụ nghĩ ra để gói ghém những tình cảm nhỏ nhen của các cụ. Dưới con mắt người đời mới, cái mà xưa kia các cụ cho là tài tình, tể nhị, ngày nay chỉ là ngây ngô, tàn mầu :

«Họ có một cái lối đối đáp rất buồn cười là hễ khi tôi thấy «con chó đi ra» thì thế nào tôi cũng phải nghĩ đến «con mèo chạy vô» dầu lúc bấy giờ trước mắt tôi thấy chiếc lá rụng. Nếu tôi không nói thế thì là không hay, không hay vì đối không chính, Ngay người có tài như bà Huyện-thanh.Quan cũng vì mắc phải cái bệnh ấy, mà viết ra lăm câu buồn cười. Rất đối người có trí xét đoán chắc chắn như Phạm-Quỳnh tiên sinh, khi đọc bài «Đèo ngang» mà phải phục là «Tuyệt-bút». «Tuyệt bút» theo Tiên-sinh, nghĩa là không thể đặt bút vào chỗ nào nữa, hết nước hay, hết nước đẹp, nhưng thưa các ngài, chỉ có một cái lối nhỏ là chẳng thành thực chút nào hết.

«Nhớ nước đau lòng con quốc-quốc

«Thương nhà mỏi miệng cái gia già»

Không biết các ngài thì thế nào, chứ tôi thì khi đọc 2 câu ấy, thấy cái lòng nhớ nước, thương nhà của bà Huyện mất vẻ tự-nhiên và thành thực nhiều lắm. Tuyệt bà đã kiểm được những chữ «sướng» nhưng không phải giúp bà diễn tả cái nỗi lòng tha-thiết của mình, mà chỉ là để kết thành hai câu thơ tài-tinh. Tài tình đây là tài-tinh về mặt tiêu xảo. Hình như bà đã bỏ cái tình cảm đầu tiên của bà, mà theo dõi những sự đổi chọi từng chữ, từng câu, cái vẻ không thật ấy, ta thấy hầu hết trong các bài thơ bát cú xưa nay ».

Theo Lưu-trọng-Lư, ngày nay ta chẳng nên trách các cụ, nhưng ngày nay các cụ cũng chẳng nên bắt ta sống theo các cụ, yêu, ghét theo các cụ. Người giữa thế kỷ hai mươi nghỉ, cảm.. bao la hơn các cụ nên phải đi tìm cái thế thức rộng rãi hơn để mà diễn tả tâm tình.

Lưu-trọng-Lư viết :

«Ngày nay ta đã có cái ý muốn lập một nền văn học hẳn

hoi cho nước nhà, thì cỗ nhiên không còn là cái lúc nói bằng những điền-tích mơ hồ, nói những điều mình không cảm, nói mãi những điều cũ mèm sáo hủ. Phàm cái gì mà lặp lại hai ba lần là thành «máy móc, là mất hẳn sự thành thật, sự sống, là vô hồn... Vậy ta phải đi tìm những tình cảm mới-mẻ. Mà sự thật, thì ngày nay ta được tiếp xúc với văn-hóa Âu-tây, với những thực trạng mới lạ, không phải tìm; ta cũng đã có những tình cảm mà cha ông chúng ta không có.

«Các cụ ta chỉ thích cái bóng trắng vàng giội ở trên mặt nước; ta lại thích cái ánh mặt trời buỗi sáng lấp lánh, vui vẻ ở đầu ngọn tre xanh. Các cụ ta ưa màu đỏ choết; ta lại ưa những màu xanh nhạt.— Một dòng máu chảy làm cho các cụ giùng mình.— Chỉ một cái quan tài phát giấy đỏ lững thững dì dưới bóng mặt trời ban trưa cũng có thể làm cho ta rờn óc.— Các cụ bâng khuâng vì tiếng trùng đêm khuya, ta nao nao vì tiếng gà đúng ngọ.— Nhìn một cô gái xinh-xắn, ngây thơ, các cụ coi như đã làm một điều tội lỗi; ta thì cho là mát-mẻ đứng trước một cánh đồng xanh ngắt, cái ái-tình của các cụ thì chỉ là sự hồn nhiên, nhưng đối với ta thì trăm hình, muôn trạng, cái tình say đắm, cái tình thoảng qua, cái tình gần gũi, cái tình xa xôi, cái tình chân thật, cái tình ảo mộng, cái tình ngây thơ, cái tình già giặn, cái tình trong giây phút, cái tình nghìn thu... Các ngài xem đấy, cái tình cảm của người đời bây giờ dồi dào, phiền phức như thế, liệu có khép vào trong những niêm luật khắc-khô được không? Ông Lanson chẳng đã nói rằng : «Với những cái tâm trạng mới, phải có những văn thể mới» (*à des états d'âme nouveaux, des genres nouveaux*), thì trong Văn-học ta bây giờ mà có cái phong trào «Thơ mới» cũng là tất-nhiên vậy». (Tiểu thuyết Thứ bảy, số 27, 1-12-1934)

Sau khi đã tàn nhẫn phũ phàng phần nào với thơ cũ như

vậy ở số 27 (1-12-1934), thì đến số 29 (15-12-1934) trong «Bức thư thứ nhất gửi lên Khê-Thượng» cho Tân-Đà, Lưu-trọng-Lư đã đòi hân giọng nói. Đây không còn phải là một người muốn tranh hùng, cãi cọ mà là một «tâm hồn muôn mở ra với một tâm hồn». Thực vậy, Lưu-trọng-Lư đã nói với Tân Đà bằng một ngữ ngôn đầy tình yêu, lòng quí mến, niềm kính trọng một người anh đã áp ủ lòng người em bé bỗng. Đây lời Lưu-trọng-Lư thò lộ với Tân-Đà :

« Tân-Đà Tiên sinh,

«Lần này là lần đầu tiên, tôi được biên thơ cho tiên sinh, nhưng tôi đã hân-hạnh được làm quen với tác-giả «khởi tình con» từ ngày tóc còn đẽ trái đào. Đối với tôi, Tiên-sinh không phải là một người lạ ; đã có lúc Tiên-sinh đi bên cạnh tôi, đưa quyền phép thiêng liêng dẫn tôi vào một thế giới thần tiên, mộng ảo, thế giới của Chiêu-Quân, của Dương-quí-Phi, của Hằng Nga... của Tô-nữ... Đã dành rằng lúc mộng thì phải có lúc tỉnh, khi ra khỏi cuộc phiêu lưu kỳ lạ, lại thấy mình quạnh quẽ lạc loài không hiều mình, không biết người, ngờ ngác lạ lùng giữa một đám người quen biết, nhưng riêng tôi vẫn lấy điều ấy làm thích thú :

« Ai bảo rằng ta hay mộng thường ? »

« Cuộc đời áu cũng giắc chiêm bao ! »

«Ở trong thế giới này, nếu có điều bất ý, thì tôi đây cũng muôn mơ luòn không muốn tĩnh «cũng, muốn đi vào thế giới đẹp đẽ hơn do ta tạo láy... mà ai ngăn ta điều ấy được ? » Tiên-sinh ạ, thì ra chúng ta đã quen nhau tự hồi nào, mà nay mới biên thơ cho nhau, kè cũng đã muộn lắm.

«Vậy trong bức thơ này và những bức thơ sau, Tiên sinh cho

phép tôi gác hết những giọng khách sáo thường tình, nói phăng ra những điều tôi thường bâng khuâng trong trí về một vấn đề quan trọng giữa làng thơ. Tôi muốn nói là vấn đề « *Thơ mới* » mà thiên hạ bàn tán đã nhiều. Một hôm tôi đưa vấn đề ấy ra chất vấn một ông bạn tôi. Bạn tôi bình sinh là người ngay thẳng, minh bạch rất ghét thái độ mập mờ, thế mà đối với vấn đề này cũng phải trả lời một cách lúng túng : « *Thơ mới* hay *thơ cũ* thơ nào hay thì tôi thích và ngâm mãi ».

« Câu trả lời lúng túng của ông bạn, sau này tôi xét lại thật chí lý, ví dụ : như tôi đây là một người rất yêu « *Thơ mới* » mà trong làng « *Thơ mới* » dầu có sản xuất ra được một bậc thiên tài lôi lạc tài không vì bậc thiên tài ấy mà rẻ đúng ông Nguyễn-Du thân yêu của tôi, ông Nguyễn-Du bất diệt, nhà thi sĩ của muôn đời. »

Như vậy, ta thấy Lưu-trọng-Lư chẳng có ghét, chẳng có chán thơ cũ khi những nhà thơ cũ ấy là Nguyễn-Du, khi các vần thơ cũ ấy là « *khối tình con* » của Tân-Đà. Nhưng Lưu-trọng-Lư đã thở thê với Tân-Đà rằng : thằng em bé bỗng là chàng ấy ngày nay lớn khôn rồi, mái nhà cũ của cha mẹ, tuy nó vẫn yêu, vẫn qui, mà không muốn ở nữa, nó ra đi xây dựng một mái nhà khác để ở riêng với người yêu của nó. Lưu-trọng-Lư đã ôn tồn giải thích cho Tân-Đà thấy tại sao ông phải làm thơ mới :

« Cuộc đời dầu có thay đổi, bao giờ tôi cũng vẫn là người ưa ngâm... ngâm mãi mà không biết chán những bài « *Chiêu hồn*, bài *Má cũ*... Nhưng tôi không thể giấu Tiên-Sinh cái cảm tình rất nặng của tôi đối với « *Thơ mới* »... Tiên-sinh cho phép tôi nói ra đây cái có tại sao tôi làm « *Thơ mới* » tôi cần phải sáng tạo ra những điều mới... »

«Sau đó, với tất cả tình trung mến, say sưa, Lưu-trọng-Lư đã trình diễn lại các tâm trạng mà ông trải qua khi làm một bài thơ mới, từ chỗ nghĩ ra đề tài, đến tinh tú gợi lên; tới việc tìm chữ, chọn văn, lựa điệu :

«Nói đến mình, tôi tưởng là một điều khiếm nhã, nhưng cũng chỉ có mình, mình mới hiểu được rõ ràng thôi.

«Tôi còn nhớ một buổi sáng về mùa Xuân ở quê nhà, ngồi bên một cánh song, tôi nhìn bóng mặt trời lấp lánh ngoài vườn hoa, giữa những màu xanh, đỏ, tím... Những hoa hoàng lan, hoa tử vi, cúc trắng, hồng bạch phơn phớt rung đinh trong bầu xuân khí ấm áp, lòng tôi bỗng thấy nhảy nhót, vui vẻ, phe phàm. Tôi bèn đặt mình vào cảnh ngộ một người thiếu nữ, bên người tình để hưởng cho hết diễm phúc, làm ra bài thơ đề là «Ngày xuân» :

*Năm vừa rồi  
Chàng cùng tôi  
Nơi vùng giáp Mô  
Trong gian nhàn cõ  
Tôi quay tờ  
Chàng ngâm thơ  
Vườn sau, oanh giục giã  
Nhìn ra hoa đua nở  
Dùng tay tôi kêu chàng :  
«Này ! Ngày ; bạn ! xuân sang»  
Chàng nhìn xuân mặt hớn hở  
Tôi nhìn chàng, lòng vồn vã...*

«Nhưng một ý nghĩ tàn ác thoát len vào trong trí tôi : tôi chợt thấy sự mỏng mảnh của tạo vật... Hoa sẽ tàn... Ngày tháng đi ! lòng người thay đổi — Bao nhiêu cái đẹp đẽ, êm đềm, thân yêu ở trên cõi thế rồi sẽ tan tành, đồ bè vào vực thẳm, của thời gian, lòng tôi bỗng xám tối lại :

. . . . .  
*Rồi ngày lại ngày  
Sắc màu phai  
Lá cành rụng  
Ba gian : trống  
Xuân đi...*

«Những vật kia kề còn bền chắc, dài dẻo hơn người. «Vật» còn mong trở lại chứ «Người» thật là một đi ngàn thu mất biệt: ..Xuân kia còn trở lại  
*Người xưa không thấy tôi*

«Thè tho ấy là do tôi tạo ra để cho hợp với sự uyền chuyền ngoắt nghèo của thi-tinh, thi-tú, rồi tôi gọi nó là «Thơ mới».

«Muốn tả cái lòng hờ hờ, cái vui phe phẩy, khi thấy ánh trời buỗi sáng nhởn nhơ với những đóa hoa mờ mờ, ta cần phải dùng một «thi-thè» riêng, gọn gàng, văn vǎn, văn trắc cùng ngang với văn bằng.

«Cũng như khi tả sự nhanh chóng của thi giờ ta phải đi từ câu dài đến câu văn hồn để người đọc nhận thấy sự nhanh chóng ấy một cách rõ rệt :

*Rồi ngày lại ngày  
Sắc màu phai  
Lá cành rụng.*

*Ba gian : trống*

*Xuân đi.*

«Thưa Tiên-sinh theo ngu ý, cái điệu thơ thật có quan hệ đến bài thơ. Sống ở trong cuộc đời mờ mè, lòng thấy vài cái tình cảm khác khác, mà muốn diễn tả ra cho hết, không thể không tìm đến những cái điệu rộng rãi, mềm mại hơn. Âu đó cũng là một điều bất đắc dĩ, có ai cho là lập dị, cũng dành cam tâm..»

«Hôm nay xin tạm biệt Tiên-sinh ở chỗ này đã... Trong những thư sau, ta sẽ còn trở lại với «Thơ mới». (T.T.T.B số 29, 15-12-1934).

Trong bức thư sau đề ngày 19-1-1935 (Tiểu thuyết thứ bảy số 34), Lưu-trọng-Lư đã viết cho Tân-Đà, phân tích và cực tán bài thơ «Non xanh xanh» của Tân-Đà, bài thơ mà Lưu-trọng-Lư bảo cũng có thể xếp vào hàng thơ mới.

«Tân-Đà Tiên-sinh

«Trong bức thư trước, tôi có câu rằng : « Cái điệu thơ thật quan hệ đến ý từ của bài thơ ». Bức thư ấy viết xong, thì tờ T.T.T.B. số 26, mang lại một cái chứng thực nữa cho lời tôi đã nói, bài «Non xanh xanh» của Tiên sinh đăng trong số báo ấy, ở mục văn nghệ, ngoài cái giá trị tưởng tượng, nó còn có một cái giá trị ở chỗ khác nữa : ở điệu thơ...

«Dương-quí-Phi và Chiêu-Quân là hai kẻ đa tình có danh tiếng ở trần gian, lúc về tiên giới ngày nhìn xuống cõi trần hoàn xa thẳm, mù mịt là chốn «tình trường» của mình ngày trước thì lòng thương giật dào những nỗi nhớ nhung, thương tiếc.. Cái tình thật là kỳ lạ, mà cũng thật là giéo giắt, não nùng, mênh mông ! chẳng ngại gì. Tiên-sinh đã tự ý tạo ra một cái điệu

riêng cho thích hợp ; từ đầu đến cuối bài thơ. Tiên.sinh gieo toàn một vần bằng ngô hầu diễn cho hết cái « giéo giắt » cái nǎo nùng, cái «mênh mông » của khói tinh kỳ lạ ấy !... Trong âm hưởng của ta, những tiếng «bằng » thật là dồi dào, uyển-chuyền, « huyền-diệu » có thể diễn tả được hết cái buồn của người ta, cái buồn muôn hình vạn trạng..

« Giả thử Tiên.sinh đem phả cái tình của hai bà tiên vào một điệu thơ rất bó buộc, toàn vần trắc chẳng hạn, thì cái tình ấy sẽ tiêu tan đi mất hoặc trở nên buồn cười. »

Sau khi cực tán thơ của Tân Đà, Lưu-trọng-Lư đồng ý với Tân Đà rằng có rất nhiều bài thơ mới rất dobr, cho nên mặc dầu sốt sắng bênh thơ mới Lưu-trọng-Lư cũng chẳng muốn bênh vực những thứ thơ đó.

« Trong bài «*Phong trào thơ mới*» Tiên sinh có câu : «..cũng có xem đến một vài bài thơ mới đăng trên các báo chí nhưng thực chưa lấy làm xứng ý » mà tôi đây cũng lấy làm bất mãn lắm... Tôi là một người yêu «thơ mới» — xin thú thật với Tiên sinh như vậy. Nhưng tôi cứ thành thực tố cáo với làng thơ rằng : phần nhiều những nhà thi nhân hình như không hiểu cái âm luật huyền bí, cái cách tiết-tấu tự nhiên của tiếng ta...

«Đã dành có khi cần phải tạo ra những điệu mới nhưng người nào nghĩ rằng muốn tạo ra thế nào thì tạo, thật là lầm to... Cái «điệu» phải hợp với thi-tình, thi-tứ, mà cũng cần phải hợp với những luật phép nhất định của thanh-âm. Trên các báo chí ở đây tôi thấy nhiều bài «thơ mới» chữ dùng rất sỏi nồi vàn-diệu khó khăn, lại có những câu dài dằng dặc đọc lên nghe lồng chòng nghênh nghênh thế nào !

«Đối với người thường, một câu thơ có thể dài mấy cũng

được, nhưng đối với các lỗ tai rất sành sỏi của thi-nhân sự ấy rất có hạn định... Trong thế ca trù cũng có lăm câu rất dài, những câu dài ấy là gồm nhiều câu ngắn nương tựa vào nhau, câu thơ mới dễ ngâm...

«Hãy bình tĩnh mà xét, ý tứ của những bài «Thơ mới» ấy không phải là không hay, nhưng ý tứ hay mà làm gì, nếu không biết diễn tả ra được một cách dễ dàng, trọn trù, êm ái... Cái «thi tứ» nào luyện bằng một âm hưởng du dương, mới hòng đi tới lòng ta được, bằng không nó sẽ đi lên trí ta và nó chỉ làm cho ta suy nghĩ mà không làm cho ta cảm xúc».

Tuy có đồng ý với Tân-Đà mà chê một ít bài thơ mới, Lưu-trọng-Lư cũng tha thiết yêu cầu Tân-Đà không nên vì những sự sơ suất đó mà hờ hững ác cảm với thơ mới:

«Đầu sao cũng không nên vì đôi điểm lầm lỗi của nhà Tân thi nhân mà hờ hững với «phong trào thơ mới».. Hình thức của thơ phải mới, mới luôn, cho hợp với tâm hồn của ta, cái tâm hồn phiền phúc của ta, trong khi tiếp xúc với hoàn cảnh mới, lại càng thêm phiền phúc..

«Tiên-sinh nghĩ sao ?».

Đồng thời với Lưu-trọng-Lư, Hoài-Thanh cũng dùng tiêu thuyết thứ bảy (số 31, 29-12-1934) để bàn về « Thơ mới ».

Theo Hoài-Thanh, xét cho cùng ra, không có thơ mới cũng như không có thơ cũ : chỉ có thơ mà thôi, tức là thơ làm ngày xưa và thơ làm ngày nay. Cái hay, cái kiệt tác không lệ thuộc ở thời gian mà ở thiên tài của thi nhân :

«Trước hết một câu hỏi, thơ mới có hay không có ?

«Nói một cách tuyệt đối văn thơ không có xưa không có nay, vì vô luận xưa nay, hễ ghép chữ thành câu, có ý tứ, có âm

Điều, gọi được mỹ cảm cho người nghe, đều gọi là thơ că.

«Ta đọc những câu :

*Dưới dòng nước chảy trong veo.*

*Bên cầu tơ liêu bông chiều thướt tha...*

• . • . , . . •

*Cánh ấy tình này thôi hết muôn.*

*Trời kia đất nợ nỡ cho dành*

chay những câu của Thế-Lữ :

*Lor lồng cao đưa tận chân trời xanh ngắt.*

*Mây bay, gió quyền mây bay...*

*Tiếng vi vút như khuyên van như dù đặt*

*Như hắt hiu cùng hơi gió heo may.*

•Mấy đoạn văn này đều gọi được thi-cảm trong lòng ta,  
ta cần gì phải phân biệt xưa nay ».

Tuy nhiên nếu bình tâm mà nhận định ta vẫn thấy có một  
cái gì khác biệt giữa hai thể thơ mà người ta gọi là cũ, là mới  
« Tuy vậy cái mục đích của nhà làm thơ, cái công dụng của  
thơ không khác, mà cách xếp đặt có khác, có bài thơ làm  
theo lối nhất định ngày xưa, có bài lại không theo  
niêm luật nào, những bài thơ không niêm luật này, quả như  
ông Tân Đà đã nói, không phải đợi đến vài năm gần đây mới  
có, song chắc ông Tân Đà cũng phải nhận rằng chỉ trong khoảng  
vài năm gần đây, lối thơ ấy mới thành phong trào, có địa vị hàn  
hoi trên văn đàn nước nhà, phong trào thơ mới ngày nay đã  
thành sự thực hiền nhiên, « thơ mới» có vậy.

«Thơ mới không những có, mà lại có những tay thi sĩ tài  
tài sản xuất nhiều tác phẩm rất giá trị nữa. »

Sau đó, Hoài-Thanh trích của Thế Lữ mà Hoài Thành  
gọi là những văn thơ kiệt tác :

« Những câu thơ của Thể-Lữ tôi đãn trên kia hay những câu sau này của Lưu-trọng-Lư có dăng trong một kỳ Tiêu thuyết Thứ bảy vừa rồi. «Nếu đem so sánh với các áng văn kiệt tác xưa nay của nước ta, tưởng không có gì phải hò thẹn.

« Ban đêm đi dạo, thoảng nghe mùi thơm của một đóa hoa mà tưởng tượng :

... Kiếp trước hoa là thiếu-nữ.

Sống một kiếp, vạn người thương.

Chết vô duyên vùi bên đường.

. . . . .  
Một đám đất vàng.

Đất nắng, dầu sương...

Trên đồng sương lạnh

Thồi lên một nhánh

Lúc canh tròng

Thoảng mùi hương...

« Mới trong thời gian rất ngắn, mà đã có những kết quả tốt đẹp như thế, thì thơ mới còn nhiều hy vọng về sau. »

Cũng giống như Lưu-trọng-Lư, Hoài-Thanh nhìn nhận toàn thể cơ cấu xã hội đang bị cuốn phăng theo trào lưu mới ; tất cả cuộc đời dân tộc ta đang đổi mới. Tâm tình ta, tuy có thay đổi chậm hơn cả, nhưng cái lúc nó thay đổi cũng đã đến rồi :

« Nước ta trong mấy ngàn năm sống một cuộc đời chất phác, bình dị, tư tưởng, tình cảm, người ta cũng vì đó mà bình dị, cứ phô diễn theo những qui tắc đời trước cũng đủ.

« Nhất đán, phải tiếp xúc với văn-minh Âu Tây, bao nhiêu nền tảng kiên cố về lễ nghi, về tôn giáo, về xã hội, về chính trị,

Đều bị một phen rung động, điên đảo, trước mắt, bỗng bầy ra những cảnh rực rõ nguy nga, cũng những cảnh thảm mạc, thương tâm chưa bao giờ từng thấy. Lúc đầu còn ngạc nhiên chưa hiểu ra thề nào dần dần cũng uốn mình theo cuộc sinh hoạt mới để mưu lấy sự sinh tồn, ăn bận theo lối Tây, nhà ở xây theo kiểu Tây, cũng dùng ô-tô cũng đi xe lửa, cũng mở thương tiệm, công trường, đó là cuộc cải cách về vật chất.

«Tiếp đến cuộc cải cách về tư tưởng, người mình cũng có kỹ sư, cũng có bác sĩ, cũng nghiên cứu khoa học, triết học thái tây.

«Song cuộc cải cách chỉ ở trong vòng vật chất và tư tưởng thì chưa được sâu xa, hoàn toàn; còn phải có một cuộc cải cách về tình cảm nữa. Phong trào thơ mới là tiêu biểu cho cuộc cải cách này vậy, cũng bởi tình cảm là phần cốt yếu trong tâm tình người ta, khó thay đổi hơn lý trí cùng mọi tập quán sinh hoạt hằng ngày, nên mãi hơn nữa thế kỷ tiếp xúc với văn hóa Âu-Tây mới thấy có sự thay đổi rõ rệt, sự thay đổi này không phải chỉ riêng vài người mà chung cho rất nhiều người. Các thi sĩ trong làng thơ mới đã được hoan nghênh một cách đặc-biệt cũng vì hợp với lòng khát vọng của phần đông.

«Người ta thường nói «Nguồn thi cảm», mà quả thế, thi cảm là một dòng nước vô hình chảy ngầm ngầm từ đời này qua đời khác trong tâm hồn dân tộc. Lúc thường dòng sông phẳng lặng đi theo lối có sẵn từ ngàn xưa, gấp lúc giông tố, năm bảy nguồn nhộn lại, sức nước quá mạnh, tung bờ, vỡ đê, chảy tràn lan khắp đồng ruộng. Nhưng tràn lan một lúc rồi cũng phải tìm lối đi, nhân đó sẽ có thêm nhiều dòng sông mới, dần dần lại cũng phẳng lặng chảy hoài như xưa cho đến ngày có một cơn giông tan khác.

« Tôi muốn dòng sông kia như khuôn phép mà làng thơ mới sẽ tự tạo ra và buộc mình vào trong vì một lối thơ mới tồn tại không thể có qui tắc nhất định. Người có thiên tài thì tự nhiên sẽ lựa được những âm điệu có thể làm dung động lòng người nhưng thiên tài hiếm, lẽ tất nhiên làm cho không phải ai cũng có thiên-tài, một người tìm ra được âm điệu hay, năm ngàn người cùng làm theo âm điệu ấy đã thành ra qui tắc rồi đó.

« Vậy bây giờ thơ mới đã có qui tắc gì chưa ? Hiển nhiên là chưa có. Không theo phép tắc khuôn khổ xưa thì người ta gọi là mới, hai chữ thơ mới hiện nay chỉ có thể định nghĩa một cách tiêu cực như vậy, mà thôi, lối thơ sau này, câu thơ sẽ dài hay ngắn thế nào, điệu thơ sẽ thế nào, chưa ai biết được, song có điều chắc chắn, là thơ thì phải có văn. Những bài Nguyễn-Du, Nietzsche của Thái-Can trong quyền Những Nét Đan-Thanh, ý tứ dồi dào đều là những bài văn xuôi rất hay, nhưng không thể xem là thơ được, thơ phải có văn, phải chú trọng về âm điệu, phải mượn thêm âm điệu trao mối cảm cho người ta nhiều hơn là mượn ý tứ ly kỳ hay sâu sắc ».

Sau cùng cũng giống như Lưu-trọng-Lư, Hoài-Thanh đều có trách một ít sơ suott của làng thơ mới vẫn bênh vực thơ mới, vẫn chịu rằng thơ mới đã có những thiên tài xứng đáng :

« Các ông trong làng thơ cũ thường hay có ác cảm với thơ mới đó là lẽ tất nhiên. Họ lại còn nói xấu nữa « mấy anh trẻ con không có nho học, không biết niêm luật thơ là thế nào cũng muốn kiểm một chỗ ngồi giữa đình làng thơ, nên mới phải bày ra lối thơ mới. » Điều này quả là một điều vu oan. Tôi thấy phần nhiều các ông làm thơ mới đều có biết làm thơ cũ, chỉ vì qui tắc thơ cũ quá chặt hẹp không đủ phô diễn những mối cảm xúc, những tính tình mới mẻ phức tạp của họ nên họ phải tìm những phép tắc rộng rãi hơn đó thôi. Một đôi khi vu

vui, họ cũng làm thử lối thơ cũ thì thơ họ hay lắm. Những bài « Học trò đi học đã về » (1) « Hoa ái tình » (2) của Thái-Can « Túp lều cỏ » « Nhớ lại ngày » (3) của Lưu-trọng-Lư bài « Năm qua » (4) của Leiba, bài « Than thở của nàng Mỹ-Thuận » (5) cũng nhiều bài khác của Thế Lữ đều là những bài thơ có giá trị; cùng với mấy bài này ta có thể kể luôn mấy bài thơ của « Đồng Hồ : « Bốn cái hôn » (6) « Cô gái xuân » « Cái hôn lần đầu » (7) tuy ông Đồng Hồ không tự nhận mình là một nhà thơ mới.

« Có một điều, nguồn thi cảm mới đầu có đi theo những phép tắc xưa vẫn giữ tính cách riêng của nó ; mà những bài thơ tôi vừa kể trên này nếu gọi là thơ mới có lẽ đúng hơn là thơ cũ. » (Tiểu thuyết thứ bảy, số 31, 29-12-1934).

Sau Tiểu thuyết thứ bảy, đến báo Loa cũng bênh vực, ca ngợi thơ mới, được gọi bằng một tên đẹp « Nàng thơ ». Trong bài « Mộng thơ » (Loa số 79, 22.8.1935), B.C. Văn Thức đã nhân hóa thơ thành một thiếu nữ trẻ, đẹp, duyên dáng, say sưa, yêu đương, si tình. Người thiếu nữ mới này bạo dạn, tự do chứ không e lệ, kín đáo, ít lời như người thiếu nữ xưa.

Cũng trên Loa số 79, 22.8.1935, nơi mục Văn Học Việt Nam hiện đại, Trương-Tửu đã đem so sánh tài nghệ của ba nhà văn tả cảnh Thế-Lữ, Lan-Khai, Lưu-trọng-Lư với các đại văn hào thời xưa như Nguyễn-Du, Bà Huyện-thanh-Quan, Hồ-xuân-Hương rồi ông ghi nhận rằng nghệ thuật của ba nhà văn mới hơn hẳn các nhà văn xưa.

Trương-Tửu đã phân tích nghệ thuật tả cảnh xưa kia của bài Đèo ngang của Hồ-xuân-Hương. Bài thơ tuy có tài tình,

THẾ HỆ 1932

nhưng không đặc sắc, không bao la như thơ mới, tức thơ bắt chước của Pháp :

«Thứ tả cảnh này vẫn có trong thơ Việt-Nam từ ngày thành lập nền văn học. Những truyện có giá trị như *Thúy Kiều*, *Hoa-Tiên*, những ngâm khúc tuyệt bút như *Chinh-Phụ*, *Cung-Oán* và phần nhiều những bài thơ hay của Hồ-xuân-Hương, Thanh-Quan nữ sĩ, của Nguyễn-Khuyến, Nguyễn-công-Trú... đều là những bức tranh đậm đà, lý thú của màu sắc thiên nhiên.

«Nhưng ta phải nhận rằng lối tả cảnh hồi xưa, thiếu ba tính cách cần yếu :

- 1.) Rõ ràng.
- 2.) Đầy đủ.
- 3.) Linh hoạt.

«Muốn chứng thực điều nhận xét của tôi vừa viết, tôi đơn cử ra đây một bài thơ tả cảnh một nhà văn, theo tôi thấy, ưa thích tả cảnh hơn tất cả những người khác, tôi muốn nói bài *Đèo Ngang* của Hồ-xuân-Hương nữ sĩ.

*Một đèo, một đèo, lại một đèo  
Khen ai khéo tạo cảnh cheo leo.  
Cửu son đỏ toét bùm tum nóc.  
Hòn đá xanh rì lún phún rêu.  
Lắt lẻo cảnh thông cơn gió dật.  
Đầm đìa lá liễu hạt sương gieo  
Hiển nhân quân tử ai mà chẳng  
Mỗi gối chồn chân vẫn muôn chèo*

«Theo quan niệm văn học cũ về thơ, thì bài này tuyệt mĩ. Nhưng đã có ý kiến mới về lối tả cảnh thì nó không còn một mảy giá trị nghệ thuật nào.

« Dùng những danh từ : đèo, cửa, nóc, đá, rêu, thông, liêu  
gió, sương, những phàm từ : cheo leo, đỗ toét, xanh rì... không  
phải là tả, chỉ là gián trên mỗi vật một mẫu giấy kê tính chất  
(ce n'est pas prendre c'est posser des étiquettes).

« Ủ, đèo cheo leo, nhưng cheo leo ra làm sao? cửa đỗ toét  
nhưng đỗ giống màu gì? phải tả thế nào mà người xem vẫn  
trông rõ cảnh sắc ấy như ở trước mắt, không cần dùng đến  
những chữ cheo leo, đỗ toét.. mà ai cũng có cảm giác  
tương đương...»

« Tả cảnh không được nói trọn tính chất, màu sắc của vật  
chỉ cần bày ra tất cả những điều kiện thành lập của tính chất,  
mẫu sắc ấy.

« Một cái nhận xét này có thể ứng dụng vào cả bài thơ.

« Lấy một vài nét đơn sơ để thu tóm đại thể, một cảnh  
sắc, chủ ý kýthic vào thiên nhiên, một cảm tình tồng quát, đó  
là nguyên lý (le principe) của lối văn tả cảnh ngày xưa ».

Sau khi đã giới thuyết và lấy thí dụ để mô tả nghệ thuật  
một phần nào giả tạo, tiều xảo của thơ cũ, Trương-Tửu đã phân  
tích và trình bày cái nghệ thuật uyên chuyền, bao la của thi ca  
Pháp mà thi nhân Việt Nam cần bắt chước :

« Tôi nói : hồi xưa, vì từ khi chịu ảnh hưởng của Pháp  
văn, nó đã thay đổi nhiều, nghĩa là tiến bộ nhiều.

« Dưới ngòi bút các nhà văn Pháp, cảnh vật trở thành rõ  
rệt, linh hoạt. Họ tả cẩn kẽ, tỉ mỉ mà không bè-bộn. Mỗi nét  
vẽ họ đặt trên tờ giấy là một cảm giác in vào hồn người đọc.

« Muốn có thí dụ thì phải vài mươi pho sách mới chép hết  
được.

« Cũng một cảnh dãng sơn mà trong bài thơ của bà Thanh

Quan ta chỉ thấy hình bóng lờ mờ : cỏ cây, vách đá, tiều phu, chợ... Với thi-sĩ Pháp Léonce Dépont ta được nhìn rõ những vực sâu, hang thẳm những « đầu người đội mũ đá, mọc sừng thông, màn sương như tấm lụa đào che phủ cả bầu trời trái đất. Những đàn bò vừa đi vừa kêu dưới ánh xiên khoai của tà dương ». Ta còn được nghe tiếng chuông, tiếng suối làm rung động cả thỉnh không tiếng nhạc rung vang khắp sườn núi tro-vơ... (!)

« Nữ sĩ của chúng ta, trước cảnh thần tiên của Đèo-ngang, chỉ có cảm tưởng nhớ quê hương, trơ trọi. Léonce Dépont làm ta « cao hứng, say mê, khoát đạt, thấy mình trở lại cái thời kỳ áu trĩ mang một tâm hồn trong sạch, thơm tho ». Thi sĩ truyền cho ta cảm giác của « một con ong nở ra giữa mùa mật, tha hồ mà hút những bông hoa ảo tượng... »

« Một đằng tả sơ sài, một đằng tả kỹ lưỡng.

« Một đằng cảm nồng nỗi, một đằng cảm sâu sa.

Đó là hai cái sai biệt của hai lối văn tả cảnh Pháp Nam. So sánh hai văn chương, tôi thấy rằng dù tả cảnh hay tả tình, nhà văn Pháp cũng chuộng sự phân tách tinh vi. Còn ta chỉ sở trường sự tổng hợp xảo thú.



« Như vậy, là vì hai văn hóa khác nhau.

« Một bên tôn sùng đạo lý, xã hội nên khinh bỏ và tỏa chiết cái sinh hoạt của thân, tâm (Nam).

« Một bên phụng sự nghệ thuật, cá nhân nên quý trọng và hỗ trợ sự phát triển tự do của giác quan, tình cảm (Pháp).

« Ngày nay muốn gây một văn học xứng đáng cho dân tộc, chúng ta phải phá đồ cái giáo lý khô khan tò truyền để vun trồng chủ nghĩa cá nhân cho đậm đong này qua. »

Nhưng người đã viết nhiều nhất về thơ mới trên Hanoi báo là Lê-tràng-Kiều. Trong hơn ba tháng trời, ông viết một loạt 13 bài bàn về thơ mới hay bênh vực ca ngợi các nhà thơ mới.

Ngày mồng 8 tháng 4 năm 1936, Hà Nội báo 14, Lê-tràng-Kieu viết bài « *Thơ Mới* » đề kiêm điểm về thành tích của thơ mới qua ba năm sóng gió bão táp. Lê-tràng-Kieu đã ví ba năm thi ca của thế hệ 1932-1936 như một thế kỷ : « Cách đây hơn ba năm, trong Phong-Hoa số mùa xuân (1933), ông Lưu-trọng-Lư đụt đè, dẫu mình dưới một cái mệt hiệu, lần đầu tiên gieo một cách mạnh mẽ, hạt giống thơ mới, vào đất Bắc...;

“ Ba năm qua...

« Cái lối « thơ mới » mà ông Lưu bấy giờ còn cho là một sự bí mật của lịch sử văn học, nay đã thành sự thật ai cũng công nhận, hơn thế nữa, một sự thành công vang.

«Ba năm qua, văn học ta đã bước được một bước dài. Một sự may mắn không ngờ ! chỉ trong vòng ba năm mà lần lượt đưa nhau xuất hiện ra không biết bao nhiêu tác phẩm có giá trị, mà trong cái dĩ vãng rất bằng phẳng mấy ngàn năm chỉ lơ thơ một vài cái.

«Từ bao giờ đến bây giờ, người ta đã có mấy lần một  
tâm hồn.

- *Hùng tráng* như *Huy Thông*
  - *Dồi dào* như *Thế Lữ*
  - *Huyền diệu* như *Thái Can*
  - *Âm thầm* như *Đông Hồ*
  - *Trong sáng* như *Nhược Pháp*

— *Mơ màng như Lú ba*

— *Buồn bã như Nguyễn Vy*

« Và một tâm hồn đầy âm nhạc, đầy mong ước như Lưu-trọng-Lư.

« *Ba năm qua*

« *Như một thế kỷ đã qua !*

« Bây giờ tôi tưởng đã đến lúc nên xóa bỏ hai chữ « *Thor mới* » đi thôi.

« Hai chữ « *Thor mới* » là biểu hiệu một cuộc cách mạng đương bồng bột.

« Cuộc cách mạng về thi ca ấy, ngày nay đã yên lặng như mặt nước hồ thu.

« *Thor mới* không còn lạ lùng nữa.

« *Thor mới* đã thuần thực rồi !

« *Thor mới* đã trở vào khuôn phép rồi !

« *Thor mới* đã quen với chúng ta rồi, và có lẽ « quen thân » nữa !

« *Thor mới* không còn cái gì bỡ ngỡ và dại dè lúc ban đầu... »

Hình như Lê-tràng-Kiều đã hơi nói « phết » thì phải khi viết, vào khoảng tháng tư năm 1936 « cuộc cách mạng về thi ca ấy, ngày nay đã yên lặng như mặt nước hồ thu ». Là vì chính bài « *Thor mới* » mà Lê-tràng-Kiều viết tựa, cho cuốn « *Những áng thơ hay* », bài tựa mà ta vừa phân tích và trích mấy đoạn ở trên đây khiến cho Thái Phi nổi nóng, lên tiếng công kích Lê-tràng-Kiều trên báo Tin Văn. Tài liệu báo Tin Văn tôi không có. Nhưng biết được sơ qua ý của Thái Phi qua bài trả lời

Thái-Phi của Lê-tràng-Kiều (Hà Nội báo số 17, 29-4-1936), Lê-tràng-Kiều phải công nhận rằng Thái-Phi «phát biểu toàn là những ý kiến ngờ vực đối với phong trào thơ mới, đối với các nhà thơ mới mà thôi». Như vậy thì năm 1936 chưa hẳn là cuộc cách mạng về thơ mới đã chìm xuống.

Chẳng những có những cá nhân như ông Thái-Phi còn chống thơ mới, mà Lê-tràng-Kiều cũng còn phải nhận rằng còn có cả những cơ quan ngôn luận ở Bắc cũng như ở Nam hiện đang chống thơ mới.

«Không hẹn mà nêu tờ Văn học tuần san ở trong Nam và tờ Tin văn ngoài Bắc, đối với thơ mới cùng đồng một ý kiến với nhau, mỗi khi nhắc đến «Thơ mới» là họ bùi môi với nhau một cách khinh khỉnh.

«Tôi có thể nói một cách cả quyết rằng : một cơ quan văn học mà không nhận giá trị của «Thơ mới» là một cơ quan văn học không xứng đáng đại biểu cho nền văn học một nước ! vì không nhận giá trị của «Thơ mới» — Tôi cần phải nói cả quyết thêm điều này nữa — tức là không hiểu gì về thơ mới cả.

«Không trách, những tờ báo văn học mà tôi vừa nói đó, không được các bạn thanh niên hoan nghênh một cách xứng đáng

«Mỗi lần tôi đọc những bài công kích «thơ-mới» ở trong Văn học tuần san, hay ở Tin văn tôi cứ bâng khuâng nghĩ ngợi mãi, tự hỏi một trăm lần « có thể như thế được ư ? bọn họ có thể căm thường đến thế ư ? hoặc giả là lúc mới lọt lòng ra họ mang mối không đội trời chung với thơ mới rồi » (Hà Nội báo số 18, 6-5-36).

Nhưng Lê tràng-Kiều cho rằng sở dĩ họ công kích thơ mới chẳng qua vì thiên kiến mà thôi. Cho nên ý ông là thuyết phục, đánh đỗ thiên kiến đi, mà đánh đỗ bằng lý luận cãi cọ ít hơn là bằng tình cảm, bằng sự phân tích, giới thiệu các bài thơ mới có giá trị.

«Rồi tôi biết họ công kích «thơ mới» là vì những thành kiến đã che mắt họ. Nghĩ vậy, hôm nay tôi mới trả lời cho họ bài này, có cái ý như làm cái công việc của một viên y-sĩ đã chưa mắt người ta vậy.

«Làm sao, họ lại cần hỏi một câu lần thầm rằng : «Thơ mới có khuôn phép không, và khuôn phép thơ mới là thè nào ? Nhưng câu hỏi của họ tôi sẽ lần lượt trả lời sau, bây giờ tôi tưởng cần nói ngay một điều :

«Nếu họ thật quả là có nhận thấy giá trị của nhiều bài thơ mới, thì một cái kết quả tốt đẹp như thế, tất nhiên đã chứng một cách hùng hồn, một công phu dồi dào, một phương tiện rạch ròi, và thơ mới có một cái lẽ sống rất chính đáng vậy».

«Bằng như trái lại, thì cái câu hỏi của báo Tín Văn đã nêu nêu đó, tôi cho là thừa.

«Một ông bạn của tôi thường nói : «Muốn cho người ta nhận cái giá trị của thơ mới không nên biện luận «con cà con kê», với người ta làm gì vô ích, chỉ nên bảo người ta ngồi im như ngồi thuyền đinh và đến đọc vào tai người ta, mấy bài thơ mà mình cho là có giá trị, rồi bảo người ta, một là gật đầu, hai là lắc đầu, người ta gật đầu thì cần phải nói thêm nữa nếu người ta lắc đầu, thì mình quay lưng đi mà thôi. Thơ là một «giống thiêng liêng » người ta chỉ đọc trong

giờ thiêng liêng, khi tâm trí trong trẻo và bắng phẳng như một tấm gương. Nói chuyện thơ mà chỉ hòng cãi lộn nhau thì còn bao giờ hiểu thơ được ! »

« Tôi cũng công nhận như ông bạn tôi rằng : « Không có cái lý luận nào hùng hồn để bênh vực thơ mới cho bằng chính nó là những bài thơ mới... Nhưng với người không kịp hiểu, ta chớ vội quay lưng đi, ta phải làm cho tất cả mọi người và những người thù ghét của thơ mới, cũng phải cúi đầu trước thơ mới và ăn năn vì sự ruồng rãy trước kia của mình vậy. Một nhà thơ như Thế Lữ chẳng hạn, không phải là của anh, của tôi, của một người nào, mà là con công của một nước, của hiện tại, của hậu thế. »

« Những bài thơ như bài « Tiếng Thu » « Bao la sầu » « Một chiều thu » không phải là di sản của một gia đình nào, của một phái nào của một thời đại nào, nó đáng cho mọi người trong nước nghe, đáng dịch ra tiếng ngoại quốc cho người ta thấy rằng : cái dân tộc của ta, không phải là không còn có người hiều cái hay cái đẹp ở đời.

« Lại những nhà thi sĩ có tâm hồn kỳ dị như Thái Can, như Huy Thông, như Nguyễn Vỹ. Không phải giỗng thường có ở nước ta.

« Mặc ai bỉu môi, mặc ai khinh khỉnh chúng ta cũng có quyền kêu to lên rằng ; « chúng ta ngày nay đã có những nhà thi sĩ, xứng đáng vậy » (Hà Nội báo số 18)

Thái Phi có trách Lê-tràng-Kiều ở báo Tin văn nghệ ông mâu thuẫn thì ta cũng chẳng lấy làm lạ. Ông đã từng cho rằng thơ mới đã làm một cuộc cách mạng sôi nổi mà nay đã lặng lẽ rồi ông lại nhận thấy nó chưa có lặng tí nào. Đến nay, ngày 13 tháng 5 năm 1936, Hà Nội báo số 19, ông lại cho

như từ khicó thơ mới chưa ai lên tiếng bênh vực thơ cũ, công kích thơ mới. Tưởng như Thái-Phi là người đầu tiên thì quả thật là lầm chứ đừng nói là mâu thuẫn.

« Cách đây đã 6,7 năm, lần đầu tiên ở Trung Đông pháp thời báo, ông Phan-Khôi là một nhà nho (thoát-ly) quay giáo đánh lại đạo nho, viết nhiều bài đề mật sát đạo nho, hình như cốt khêu tức mấy nhà nho chơi, thế mà rồi, đáng phục thay, các nhà nho vẫn hững hờ như không, không có một ai chạy ra tiếp chiến, đến nỗi bên nghịch đánh mãi ở chỗ không, chán phải kêu : « tình đời bạc bẽo thay !

Ý ông Phan bảo rằng : nhà nho hèn nhát đến nỗi một cái đạo đã nuôi sống mình mấy nghìn năm bây giờ bị nạn, cũng không ai ra cứu chữa !

« Kè thi tình đời bạc bẽo mà người đời hèn nhát thật ! Nói như trong một vấn đề «thơ mới thơ cũ đây» ta cũng thế thấy cái tâm lý ấy một cách rõ rệt. Thủ hỏi từ khi có phong trào «thơ mới» ở Bắc-kỳ này, trong phái thơ cũ, bị người ta đưa ra công kích.

Có ai dám đường hoàng viết lên báo, lên sách một bài cõn con đề tự bào chữa cho mình ; có ai dám đường hoàng bài trừ thơ mới mà theo các ông, là một cái dịch đáng sợ. Các ông chỉ được cái tài nói sau lưng người ta ! Mỗi khi các ông tinh cờ đọc được một bài thơ mới chẳng hạn, thì các ông nhăn mặt, bung mũi, làm đủ thứ khó chịu và bêu môi bảo một cách khinh khỉnh : «Thơ mới «cóc rách» gì thế này ! lúng cúng lúng ca.

« Đến đây mới thấy một người : người ấy là ông Thái-Phi, đực vào trong bụng các nhà thơ cũ, đưa những điều uất ức, âm thầm nén ở trong bụng họ, và đường hoàng viết lớn ra ở trong cơ quan văn học mà ông chủ trương.

«Ở đất này, giống thơ mới đã nở hơn ba năm rồi, mà nay mới có một người, ở trong óc người ấy mới nở cái ý : phá cái giống ấy đi, vì là một giống xấu, kè thì cũng hơi muộn một chút ! Nhưng ông Thái-Phỉ ơi ! ông hãy đợi cái cây ấy cao hơn một tí nữa, rồi hãy chặt, nếu như ông đủ sức chặt được. Cái công ông đối với nền văn học nước nhà mới lại càng to lớn vậy.

«Ông Thái-Phỉ chỉ là tiếng của cả một đội tàn quân, liềng xiềng, cố thu toàn lực để đánh một trận cuối cùng » (Hà Nội báo số 19).

Chiến thuật của Lê-tràng-Kiều từ đây đe dọa phó với «đội tàn quân, liềng xiềng», cố thu toàn lực để đánh trận cuối cùng, này là đưa các tay nghệ sĩ tài danh ra chiến trường.

«Xưa nay ta chỉ buồn vì đánh mãi ở chỗ trống, nay mới biết mình cũng có kẻ địch đáng sợ, thật là nhíp tốt đe thử cái oai lực của ngọn kiếm «thơ mới» của mình vậy.

«Nhưng tôi cần phải phân vua với các bạn một điều rằng, với phái thơ cũ không cần đến người như tôi, ra tiếp chiến : dù có những ngọn kiếm hùng mạnh thay tôi, ra mà chống cự với địch quân. Một người như tôi chỉ đáng ở nhà « khui chiêng, đánh trống » để ày người khác ra đánh thay mình mà thôi.

«Tôi sẽ ày ra mặt trận, lần lượt : ông Thái Can, ông Nguyễn-Vỹ, ông Nguyễn-nhược-Pháp, ông Thế Lữ, ông Huy Thông, ông Lê-trọng-Lưu.

«Nếu trên mặt trận văn học sau này, họ cầm lá cờ Thơ mới thì khúc khải hoàn : thi công ấy hoàn toàn công của ông vây.

«Nhà thi sĩ tuy là trẻ tuổi mặc lòng nhưng mà... ông Thái-Phỉ chắc cũng biết câu bất tuyệt của nhà kịch sĩ Cornielle vây..

« Họ trẻ tuổi nhưng mà.. có múa gươm, mới biết tài nhau ». (H.B. số 19, 13-5-1936).

Lê tràng Kiều hứa là sẽ « ày ra mặt trận, lần lượt : Thái Can (H.B số 20, 20-5-36), Như ợc Pháp (H.B. số 21, 27-5-36), Đặng Hò (H.B. số 22, 3-6-36) Nguyễn Vỹ (H.B. 23, 10-6-36), Thế Lữ (H.B. số 24, 17-6-36), Vũ định Liên (H.B. số 26; 1-7-36) Lưu trọng Lư (H.B số 30, 29-7-36).

Thế là đến ngày 20-5-36 (H.B. số 20), Lê-tràng-Kiều tuyên bố « ày » Thái-Can ra mặt trận». Lý do khiến ông « ày » Thái-Can ra trước tiên vì, dù có chịu ảnh hưởng Tây, Thái-Can vẫn gần gũi thơ cũ, gần gũi Tân-Đà, Chu-mạnh-Trinh, Bà Huyện-thanh-Quan. Nếu đem so với Tàu thi ông gần Lý-thái-Bạch, còn nếu đem sánh với Tây, thì ông giông giống Rignier hay Hérédia..

« Muốn cho cuộc bút chiến khởi động, kỳ này tôi muốn « ày » Thái-Can ra trước mặt trận, vì nếu trong các thi sĩ mới, có một thi sĩ gần Nguyễn-khắc-Hiếu, Chu-mạnh-Trinh, bà Huyện-Thanh-Quan hơn hết, thi sĩ là Thái-Can. »

« Thái-Can là một người trẻ tuổi về phái Tây học nhưng— điều này mới quí — trong thơ văn của ông không chịu ảnh hưởng Tây học mấy, hình như một đời bài, một đời ca từ cũng thấy có phảng phất chút ít Régner, hay là Hérédia còn phảnghiều, ở đâu, trong lúc nào, ta cũng thấy họ Thái là một đứa con cưng của Lý-thái-Bạch, Bạch cư-Dị, lạc loài vào thời đại này vậy.

« Thật thế, nếu thi văn của đời Đường, cái đời có một không hai ở trong lịch sử Trung Hoa, còn có dấu vết gì ở xứ này, ở thời đại này, cái dấu vết ấy không thể tìm trong tâm hồn của một nhà thơ nào khác mà chính là ở trong tâm hồn của Thái Can vậy.

« Một ông bạn tôi đọc thơ Thái-Can thường bảo rằng

«Thơ họ Thái «Tầu» quá, chữ «Tầu» đây không có cái nghĩa của người Tây thường hiểu, chữ «Tầu» đây nói bằng một giọng thành kính, xuất từ một tấm lòng sùng bái những cái tinh-hoa, cái đẹp đẽ của nước Tàu cõ.

«Một hôm tôi hỏi họ Thái : «có nhiều người liệt anh vào phái thơ cõ, anh có cho vậy là đúng không ?» Họ Thái cười và đáp : «Áy là họ chưa hiểu nghĩa chữ «mới» đó mà thôi.»

«Ý họ Thái cho rằng : những bài thơ của Lý-Thái-Bạch bao giờ cũng là «mới».

«Nói về văn thơ Thái-Can, tôi tưởng phải hiểu chữ «mới» một cách hết sức rộng rãi.

Sau đây Lê-tràng-Kiều phân tích và mô tả cái mới cái cũ trong thơ Thái Can. Riêng về cái cũ, cái cõ điền ở Thái-Can Lê-tràng-Kiều đã hạ những lời phê bình rất toát :

«Nhất là nên hiểu chữ «mới» về phương diện tinh thần mà thôi. Về hình thức, thì ta thấy Thái-Can chỉ «mới» một cách rụt rè. Thị Thái-Can chỉ «mới» một cách dứt đè, nhưng thực ra sánh với các nhà thơ cũ khác, thì Thái-Can cũng đã là táo bạo lắm, có đủ những cái táo bạo đẽ cho bọn này buộc tội, nội chô họ Thái nhất thiết không dùng lối gò chữ «đối ngẫu» là cái lối sở trường của một ông Trần-tuấn-Khai, cũng đủ cho phái thơ cũ, họ không công nhận mình. Mà ngay cái lối tú tuyệt là lối Thái Can thường dùng, cũng khác cái lối tú tuyệt của nhà nho. Nó rộng rãi và phóng túng hơn nhiều.

«Nhưng ở Thái-Can, còn có nhiều cái gì khác đẽ lập cho họ Thái một cái địa vị riêng ở trong văn-học sử nước nhà.

«Những nhà nho ở nước ta gần đây—ngay những người như Yên-Đỗ, Tú-Xương đều là những người học trò đã lạc bước của thầy. Tôi muốn nói rằng : trong sự cảm hứng của họ,

không thấy phảng phất một tí dấu vết nào của Lý, Đỗ là những bực thi thánh mà họ hết bực tôn sùng, có lẽ những nhà thi sĩ này chỉ giống họ Lý, họ Đỗ & chả « uống ba trăm chén mà không hề ngừng » chỉ thế thôi; điều này hình như vô lý, nhưng mà sự thực là như thế.

« Với Thái-Can đời Đường sẽ sống lại, nói thế không phải là có ý bảo rằng : Thái-Can chỉ là một kè học trò trung thành nhai lại một cách vô ý thức, cái hay, cái đẹp của họ Lý, họ Đỗ đã phun ra một lần rồi ».

Khen Thái-Can là cái cầu bắc vào dĩ vãng rồi, Lê-tràng-Kiều ca ngợi ông đã đi vào sâu trong thế giới mới, làm công việc sáng tạo, chế biến ra cái mới.

« Không, Thái-Can chỉ tìm cái nguồn cảm hứng của mình trong thơ Đường mà thôi, chứ Thái-Can vẫn riêng có một cái tinh thần sáng tạo rất rõ rệt, rất chắc chắn.

Mà nói « sáng-tạo » tức là nói « mới » vậy trong bài tựa cuối « Những áng thơ hay » tôi có bàn rằng : đã đến lúc nên xóa bỏ hai chữ thơ mới đi thôi.

Đọc thơ Thái Can ta thấy sự cần xóa bỏ ấy, lại càng tha thiết, vì một bài thơ có sáng tạo tức là một bài thơ « mới ». Một bài thơ sáng tạo tức là một bài thơ « mới » vậy.

« Sự thay đổi thi thể chỉ là một việc nhỏ, đưa lại cho thi văn ta một cái tinh thần sáng tạo đó mới là cái công lớn của các nhà thơ mới vậy. Họ đã sáng tạo, họ đã đưa lại cho thi văn ta một cái tinh thần sáng tạo, đó mới là cái công lớn của các nhà thơ mới vậy. Họ đã sáng tạo, họ đã đưa lại một cái tinh thần sáng tạo, văn học sử còn đợi gì nữa mới ghi chú tên tuổi họ.

« Nhưng tôi cứ thuyết lý mãi như thế này thì ai tin ? các

bạn đọc hãy lặng im mấy phút. Trong cái im lặng của tâm hồn các bạn hãy đề yên cho rơi vào từng giọt thánh thót, những tăm vỡ của tâm hồn nhà thi sĩ. Lặng im : vì những chi ấy là tiếng nói của nàng họa, tiếng chân di của cái xác thịt đã biến thành linh hồn, cái bóng thấp thoáng của ánh sáng. »

Sang phần hai, Lê-tràng-Kiều trích thơ của Thái-Can để biện minh cho những điều ông đã nói ở trên.

Cũng ở trong tinh thần muốn là nhịp cầu thông cảm giữa cũ và mới và cũng ở trong chủ trương cho thơ hay không có cũ mới, sau khi «ày» Thái-Can, Lê-tràng-Kiều đã muốn «ày» Nhược Pháp vì ông cho Nhược Pháp gần Thái-Can lắm. Thực vậy, ngày 27-5-36, (H.B. số 21), Lê-tràng-Kiều viết về «*Thơ Mới Nhược Pháp*»:

« Viết xong Thái-Can, thì tôi liền nghĩ đến Nhược Pháp, cũng vì tôi không muốn đi từ sự đột ngột này qua sự đột ngột khác. Tôi chưa muốn nói về nội dung, về hình thức, tôi đã thấy Nhược Pháp và Thái-Can gần nhau lắm : hai người đều «mới» một cách dứt đẽ như nhau, Thái-Can thì thích lối thất ngôn, mà Nhược Pháp thì bình dị hơn nữa rất thích lối «ngũ ngôn».

« Một sự bình dị về hình thức, tiêu biểu một sự bình dị về tinh thần ». (H.N. số 21, 27-5-36).

Sau đây, Lê-tràng-Kiều lại cũng phân tích và mô tả những đặc tính của thơ Nguyễn-Nhược-Pháp, gồm có sự bình dị, trong sáng, nhí nhốm, ngộ nghĩnh, hồn nhiên :

« Nhược Pháp là một tâm hồn bình dị.

« Hơn thế nữa, một tâm hồn trong sáng, nhí nhốm, ngộ

nhighthinh, hồn nhiên, trong sáng như mây mùa Thu, nhí nhốm như đôi chim nhảy truyềnl ở trên cành, ngọt ngighthinh như cô gái Saigon, hồn nhiên như rầu sáng mới hái ở nguồn.

«Với một tài nghệ không có gì, Nhược Pháp đã dựng lại một thế giới : Ngày xưa.

«Ngày xưa, cái tên nó nặng nề biết bao đối với ông đồ nho ! Ta hãy tưởng tượng một thế giới mà từ nam chí bắc, từ già đến trẻ, từ kẻ đại phu đến kẻ dân cày, từ tâm hồn vô tri của cậu học trò nhỏ đến cái ngọn tre vô giác kêu kẽo kẹt ở bên sông, cũng như nhuộm một tư tưởng nặng nề, âm u đen xám như cảnh tang vạy, cái tư tưởng ấy, là cái tư tưởng Khòng-giáo, linh hồn cái thế giới ngày xưa...

«Thế giới ấy gặp Phương Tây, đã tan như một giấc mộng chỉ còn lưu lại những dấu vết rất mơ hồ càng ngày càng nhạt đi một ngày kia mất hẳn.

«Giữa lúc ấy, có một người trẻ tuổi... «cố nhiên không phải một ông đồ nho — vào cái thế giới cũ ấy nồng nàn theo thiết như một kè phương xa nay trở về với cõi hương.

«Người trẻ tuổi ấy là một nhà thi sĩ.

«Vì là thi sĩ cho nên chàng chỉ là... thi sĩ với những vật liệu của một nhà thi sĩ chàng dựng lại cái thế giới «ngày xưa»

«Ngày xưa, đứng dậy.

«Ngày xưa» đã cởi bỏ cái bộ đồ tang phục của mình.

«Ngày xưa» đã rũ sạch những tư tưởng nặng nề của Khòng-giáo.

«Với Nhược Pháp, cô gái «ngày xưa» đã biết cười, một nụ cười nura miêng. Ô, duyên thầm tệ !

.. «Ta ngồi bên tảng đá  
Mơ lều chiếu ngày xưa  
Mơ quan nghè, quan Thám.  
Đi có cờ lọng đưa.

Rồi bao nàng yêu-điệu  
Ngấp nghé bay trên lầu,  
Vừa leng keng tiếng ngựa.  
Lẹ gót tiến gieo cầu.

Tay vor cầu ngũ sắc  
Má quan Nghè hây hây  
Quân hầu reo chuyền đất.  
Tung cán lọng vừa quay.

Trêu lầu mấy thị nữ  
Cùng nhau rúc rich curòi,  
«Thưa cô đừng thẹn nữa.  
Quan Nghè trông lên rồi. (Tay ngà)

«Thật là ngày thơ và thật là giàn dị.

«Ngày thơ không phải là khờ dại, không biết gì ; biết nhưng mà vẫn ngày thơ như thường».

Sau khi đã đầy hai nhà thơ mới, rất mới mà lại có duyên rất nhiều với thơ cũ ra chiến trường, đè minh chứng thơ mới là hay là đẹp, Lê-tràng-Kiều đã làm một công việc phũ phàng, tai ác hơn thế là đầy ra mặt trận một nhà thơ cũ, dã như «về hàng thơ mới» và được thơ mới đón nhận, tiếp rước linh đình. Người thi sĩ cũ đã bỏ hàng ngũ ấy là Đông Hồ (H.B số 22, 3-6-36).

Lê-tràng-Kiều đã mô tả rất tỉ mỉ sự lột xác của nhà thơ cũ Đông Hồ, một sự lột xác kỳ diệu, quái gở :

«Đọc hết thơ Đông Hồ, từ quyển «*Tho Đông Hồ*» do Nam Kỳ xuất bản cho đến những bài thơ rải rác đăng các báo gần đây, ta nhận thấy sự thay đổi lạ lùng — tôi toan nói một cuộc cách mệnh vĩ đại — ở trong tâm trí, ở trong tâm tình, ở cái cách cảm xúc cũng như ở cái cách phô diễn của nhà thi-sĩ.

«Thật có thể như thế được ư ?

«Cái mà người ta gọi là cái tài đó — cái phần thiêng mà trời riêng phú cho những con cưng của mình là các nhà thi-sĩ đó.— cái ấy nhất đán có thể thay đổi, có thể chịu ảnh hưởng một sức mạnh nào mà thay đổi được ư ? như vậy tức là tự mình tạo ra cho mình một cái «tài» được ư ? Như vậy là không có cái quyền nào là cái quyền của tạo hóa nữa ư ?

«Thật là một điều không thể tin được.

«Nhưng khi ta theo bên cạnh Đông Hồ, dò xét từng ly, từng tí, những cái triệu chứng phát ra ngoài, ta thấy ngay có một sự thay đổi ở trong, sự thay đổi giống như sự biến hóa của một con tằm, con tằm «Đông Hồ» đã ăn dổi, đã nhả tơ, đã «kéo kén» đã hóa thành «nhộng» và tưởng đã vô dụng rồi. Nhưng không ngờ con «nhộng» ấy, một ngày kia, trên lưng mọc lên những chiếc cánh nhẹ: nó bay được. Nó là là ở giữa vùng hoa lá xanh tươi, nhởn nhơ dưới bóng nắng. Nó là con bướm bướm của các cô thiếu nữ thân yêu..»

«Nhà thi sĩ Đông Hồ đã trẻ lại.

«Đông Hồ ngày trước là một ông (cụ non) lụ khụ, bệ

và, đạo mạo — chỉ còn thiếu một bộ râu nữa, thì nhà thi sĩ của chúng ta đã là một ông lão hoàn toàn.

«Cái ông Đông Hồ ấy, trong chúng ta ai là chẳng biết. Ai có đọc qua những bài thơ của ông ở tạp chí Nam-Phong, ai có đọc qua cuốn thơ Đông Hồ chắc cũng phải nhận điều tôi nói đây, quả không ngoa chút nào. Nói ra thì mất lòng, chớ sự nghiệp của ông về trước, chỉ là con zéro to».

Lê-tràng-Kiều đã chê bài, khinh thường nhà thơ cũ Đông Hồ bao nhiêu thì lại say mê nhà thơ mới Đông Hồ bấy nhiêu;

«Thứ hỏi ông đã làm được cái gì, ông đã sáng tạo ra được cái gì gọi là đặc sắc của ông, khả dĩ sau này còn có người nhắc đến tên ông ? Ngoài những bài thơ thủ tục, đi lại, nay tặng cho ông Đồ Nam, mai tặng cho ông Tùng-Vân. Ngoài những câu sáo về thời thế, về nhân sinh, về vũ trụ mà ông «phỏng» của Tô-đêng-Pha, của Bạc-n-cư-Dị vân vân... Ngoài những thứ không đáng kể ấy, mà tôi không nhắc lại đây, ông đã làm được gì ? Thỉnh thoảng cũng có một đôi câu «được» mà đôi câu «được» ấy, không đủ tỏ ra rằng : ông là một thi sĩ có tài. Có người bảo «thơ Đông Hồ» không có hồn, và Đông Hồ chỉ là một anh thơ ghép vần khéo. Thật trước kia, tôi cũng không nghĩ khác người ấy. Muốn chứng điều ấy ra đây, tôi tưởng không khó gì. Nhưng ta hãy để yên cho dĩ vãng, hơi đâu xới lại đống tro tàn.

«Vì Đông Hồ ngày nay là một người khác rồi !

Như vậy, dưới mắt Lê-tràng-Kiều, Đông Hồ chẳng phải chỉ đôi khác mà còn đôi giống : đang là một ông lão, Đông Hồ đã được giải phẫu thành một cô gái trẻ đầy duyên dáng ; chính Thơ Mới đã làm cuộc giải phẫu thành công ấy. Còn gì chua

chát cho thơ cũ hơn nữa !

« Đông Hồ ngày nay là mùa xuân, là « cô gái xuân » là con bướm trắng, là « cái hòn đầu tiên », là tình yêu, tình yêu trẻ trung, đẹp đẽ, ngày thơ với bao nhiêu cái đức tính và đặc tính của tuổi trẻ.

« Bác sĩ Voronoff đã « ghép hạch » cho thi sĩ Đông Hồ.

Bác sĩ Voronoff ấy chẳng ai khác là cái Phong trào mà người ta đã quen gọi là « thơ mới ». « Thơ mới » như một làn khí xuân nhuộm tươi cái huyết đèn chạy ở trong toàn thân nhà thi sĩ... « thơ mới » sẽ thành một danh từ thừa, nhưng có lúc nó đã biểu hiệu cho một cuộc cách mệnh có thực, cuộc cách mệnh ấy đã đưa lại cho ta những bài thơ có giá trị, hơn thế nữa, nó đưa lại cho ta một tinh thần sáng tạo mới, một cách cảm xúc mới, một cách phô diễn mới—nói tóm lại, là : một quan niệm mới và một nghệ thuật mới. Cái quan niệm mới ấy về thi ca, đã giúp cho biết bao thi sĩ biểu lộ được hết cái tài của mình — nếu như quả là có tài thật.

« Trái lại, thơ cũ, với những khuôn khổ bó buộc với một quan niệm hẹp hòi đã dìm biêt bao là cái tài.

« Biết bao thi sĩ đã ngàng đầu không nỡ dứt cái làn không khí nặng nề ấy.

« Bảo rằng : Đông Hồ là một người không có tài thì thật là vô lý, nhưng bảo rằng cái tài ấy không nở được ở trong cái hoàn cảnh cũ, thì đó quả là một sự hiền nhiên không một nhà phê bình nào, mà ngay cả tác giả nữa cũng không thể chối được...»

« Cái tài của Đông Hồ đến nay mới phát triển kè cũng đã chậm lắm. Nhưng là một sự rất hiếm có ở trong lịch sử thi

ca, và còn cái thú nào hơn, là khi người ta quá thi rồi mà bỗng được «xuân» lại như gái 15, 16, đó, tôi tưởng là một cách làm cho cái ngày Xuân thêm dài, cái ngày xuân mà biết bao tình sĩ thương hay tiếc. Vì mỗi khi ngày ấy đi qua, nhà thi sĩ đương nhầm mắt lại để lặng hưởng cho hết cái thanh thú, thì nó đã vụt đâu rồi... khi bừng mở mắt ra.

« Cái «ngày xuân» ấy đã trở về với nhà thi sĩ ». (H.B. số 22),

Thật là với trường hợp Đông-Hồ, Lê-tràng-Kiều đã đánh vào thơ cũ một đòn nặng nề : tác giả bài thơ mới Đông-Hồ xem ra khoái trá về việc điều khiển mặt trận chống thơ cũ mà có Đông-Hồ trợ chiến.

Để bênh vực cho thơ mới, Lê-tràng-Kiều đã dùng một tên lính khá nguy hiểm, tên lính khá nguy hiểm ấy là Nguyễn-Vỹ. Thực vậy, Nguyễn Vỹ là một nhà thơ mà làng thơ cũ ghét cực điểm đã dĩ nhiên rồi bởi vì ông mồi lầm, mồi quá nứa. Khốn nỗi Nguyễn Vỹ cũng bị làng thơ mới chối bỏ, không chịu cho Nguyễn Vỹ nhập tịch. Vậy mà Lê-tràng-Kiều cứ đưa Nguyễn Vỹ ra làm lính để bênh đỡ thành trì thơ mới, cho Nguyễn Vỹ nhập đoàn quân tấn công thơ cũ.

Ngày 10-6-36, (H.B. số 23), viết bài thơ mới Nguyễn Vỹ, Lê-tràng-Kiều đã phản đối Thể-Lữ để bênh Nguyễn Vỹ. Lê-tràng-Kiều bảo Nguyễn-Vỹ có nhiều câu thơ không hay, nhiều bài thơ không ra gì, nhưng tất cả sự nghiệp thơ mới của Nguyễn Vỹ chẳng phải chỉ có như vậy mà thôi...

« Kẻ bầy giờ mà mới nói, Nguyễn-Vỹ đã là chậm lầm rồi, người ta nói đến Nguyễn-Vỹ nhiều lầm, nhiều quá...

« Chỉ một cái được người ta nói tới nhiều, cũng đủ vinh

để cho nhà thi văn, vì vô duyên nhất, đau đớn nhất cho kẻ hao  
tồn không biết bao tâm trí, biết bao thời giờ, để làm nên một  
bài thơ, in lên một cuốn sách mà không ai nói tới. Đã dành rằng  
những lời nói tới đó, chẳng đẹp lòng ông Nguyễn-Vỹ, nhưng...  
người ta công kích ông ta, chỉ chứng rằng ông ta sống...

«Thơ ông Nguyễn-Vỹ đã là một cái đầu để cho người ta  
viết, một câu chuyện cho người ta bàn, thơ Nguyễn-Vỹ đã sống  
một cách đầy đủ ở trên mặt các tờ báo ».. (H.B. số 23, 10.6.36).

Theo Lê-tràng-Kiều, Thế-Lữ công kích Nguyễn-Vỹ có  
lẽ chỉ vì lòng ganh ghét vì cùng là thi sĩ như nhau :

• Quyền .tập thơ đầu» mới ló đầu ra đã bị ông Lê-Ta ở  
báo Phong-hóa, công kích một cách tàn tệ... cũng lại chỉ vì cái  
lẽ ông Lê-Ta (Thế-Lữ) cũng làm thơ mà ông Nguyễn-Vỹ cũng  
làm thơ đó thôi. Chứ công kích như kiêu ông Lê-Ta trong cái  
thời kỳ văn học đương phôi pha này, có nhà văn nào,  
có tác giả nào là không đáng công kích ? Cứ theo cái phương  
pháp phê bình của ông Lê-Ta, thì ông Thái-Can ông Lê-trọng-Lữ,  
ông Huy-Thông, ông Thế-Lữ trong các văn thơ của các ông ấy,  
ta cũng thấy nhan nhản những điều đáng công kích. Phê bình  
mà chỉ tìm cái kém, cái dở chưa hẳn là phê-bình. Một nhà phê-  
bình có tiếng đã nói : « Cố ý để mà hiểu lấy tác giả... Vì lẽ rằng :  
không có cái gì hoàn-toàn ở đời này, ta hãy tìm lấy ở trong cái  
thiểu-kém một viên gạch một miếng vôi để mà góp vào sự xây  
dựng cái tòa-lầu Nghệ-thuật, cái tòa lầu ấy không thể do độc lực  
một người mà xây nổi, vì nó phải giàu giãi nhiều mưa gió, chịu  
sự vùi giập của bão thổi kỵ. Cái tòa lầu ấy phải là công xây  
dựng của Quá khứ, của Hiện tại, của Tương lai».

«Ông Nguyễn-Vỹ chẳng hạn, đưa lại cho sự xây đắp ấy,  
một mảnh vôi nhỏ, cũng đã là nhiều lắm rồi. Ta có cần gì hơn

nhà ở họ một sự hoàn toàn không bao giờ có. Thật là không biết người biết của vậy ! Giả như tôi đưa mấy quyển *văn-thơ* của ông Thế-Lữ, tôi bỏ ra ngoài vài ba bài «được» rồi tôi cứ đưa những bài «lủng củng lủng ca» đầy dẫy ở tràng sách, ta mà bắt mà bẻ (diều ấy khó gì mà không làm được, thì chừng ấy ông Thế-Lữ còn gì mà lên mặt thi sĩ» với đời.

«Ai đã thấy Nguyễn-Vỹ một lần rồi, đã có gặp ông ấy một lần nào ở trong cái nhà ấy, thì sẽ không ngạc nhiên chút nào, khi thấy văn-thơ của ông ấy nhiễm đầy một vẻ buồn thảm náo-nùng ! cái cuộc đời buồn thảm của ông đi qua, đè lại ở trên cái mặt ông cũng như ở trong văn thơ của ông, những nếp răn, những nếp răn đã thành cái dấu hiệu cho ông ở trong đám người chen chúc ở chợ tràn đát người mà ông đem lòng khinh thị không bờ bến...»

«Cứ một hôm, lối 9-10 giờ đi qua xóm Khâm-Thiên, vừa khỏi phố cõi đào rực rỡ ánh điện, và lộng lẫy như cõi tiên, gần đến Ô chợ dừa, ta ngang lên sẽ thấy có một cái gác nhỏ.. mồ mòn ở dưới một ngọn đèn liu-hiu, trong cái gác ấy có một cái bóng đen đi đi lại lại, cầm một cái que gỗ vào tường như muốn làm này ở trong cái vật vô tri, một cái tư tưởng linh động, mấy câu thơ, mấy cái linh hồn.

«Cái bóng ấy là cái bóng của một thi sĩ.

«Cái que ấy là cái quản bút thân yêu của thi sĩ.

«Cái gác nửa sáng nửa tối ấy là cái tâm hồn thi sĩ.

«Cái tâm hồn ấy là một bè sầu não, những «giọt thơ» từ đây rơi ra là những giọt sầu não, những tư tưởng ở đây bay ra đều có đôi cánh đen, đen một màu đen thẳm đậm, như đôi cánh quạ.

**«Con quạ đen ấy đã hơn một lần, đưa sự buồn não cho thi sĩ, chính ngay lúc thi sĩ đương triền miên trong giấc mộng si tình.**

*Lần đầu hai ta hôn nhau.*

*Đứng so đôi trên cành già.*

*Một cặp bồ câu trắng gáy*

*Em buồn... và em ngần ngại.*

*Hồi anh.. «mình yêu emơi.*

*Ngày ta yêu nhau được mấy?*

*Hai ta yêu nhau lần đầu*

*Lần đầu hai ta hôn nhau.*

*Một cặp bồ câu trắng gáy.*

*Ai tình ru bên tai ta.*

*Ta sẽ yêu nhau đến giờ.*

*Như cặp bồ câu trắng ấy...*

*(Tiếng quạ kêu)*

Sau khi đã công kích Thé-Lữ (ngày 10-6-36) để bênh vực Nguyễn-Vỹ, thì một tuần sau, ngày 17-6-36 (H.B, số 24) Lê-tràng Kiều lại viết bài cực tán Thé-Lữ và đầy Thé-Lữ ra mặt trận. Kề ra Lê-tràng-Kiều đã biết dụng binh cho nên việc tấn công vào thành trì thơ cũ lần này được coi như là thành toán chiến trường.

Tuy chẳng dám ngạo nghễ đặt Thé-Lữ ngang hàng với Nguyễn-Du trên mọi địa hạt, Lê-tràng-Kiều cũng muốn ví Thé Lữ với Nguyễn-Du ở một ít điểm.

«Trước đây, phê bình ở trong báo Tràng-An, có người nói một câu rằng: «Tài nghệ của hai người (Nguyễn-Du và Nguyễn-Thé-Lữ) vị tất đã có hơn kém» làm cho nhiều nhà thơ cõ phái biếu môi...

«Cố nhiên là Nguyễn-thế-Lữ không thể phun ra được những câu :

*Lơ thơ tờ liêu buông mành.*

*Con oanh học nói trên cành mía mai...*

hay là :

*Dưới cầu nước chảy trong veo.*

*Bên cầu tờ liêu bóng chiều thưốt tha...*

«Cố nhiên là Nguyễn-thế-Lữ còn xa lăm, hay là không bao giờ viết ra được những câu nhẹ nhàng bay bồng, những câu thơ như có đôi cánh nhẹ, bay là lượt ở trên đám ruộng mạ xanh trong một cảnh chiều xuân êm và trong như mộng.

«Cố nhiên là ta không bao giờ khờ khạo đến nỗi đặt ông Nguyễn-thế-Lữ ngang hàng với ông Nguyễn-Du, nhưng ta có thể so sánh mà không ngượng, ông Thế-Lữ và Nguyễn-Du ít nhất về một phương diện» (H.B. số 24, 17.6.36),

Lê-tràng-Kiều muốn so sánh với Nguyễn-Du nghệ thuật tả tiếng, bắt chước âm thanh tự nhiên của Thế-Lữ. Ông trích và đổi chiều thơ tả âm thanh của hai nhà thơ :

«Ở đây, tôi muốn so sánh những câu thơ tả «tiếng» ở trong mấy văn thơ và ở trong «truyện Kiều». Tôi xin chép hết ra đây để cho độc giả đối chiếu :

*Trong như tiếng hạc bay qua.*

*Đục như nước suối mới sa nửa vời.*

*Tiếng khoan như gió thoảng ngoài.*

*Tiếng mau sầm sập như trời đồ mưa.*

(Kiều)

*Một cung gió thảm mưa sầu.*

*Bốn giây đờ máu, năm đầu ngón tay.*

*Ve kêu vượn hót vào tay...*

• • • • •

*Phim đàn dùu dắt tay tiên.*

*Khói trầm cao thấp, tiếng huyền gần xa.*

*Khúc đâu được ấm dương hòa.*

*Ấy là Hồ Đệp hay là Trang-Sinh*

*Khúc đâu êm ái xuân tình.*

*Ấy hồn Thục-Đế, hay mình Đỗ-Quyên.*

*Trong sao chầu rõ ghênh quyền.*

*Âm sao hạt ngọc Lam diễn mới đông.*

*(Kiều)*

*Theo chim tiếng sáo lên khơi  
Lại theo giọng suối bên người tiên nga.*

*Khi cao vút tận mây mờ.  
Khi gần vắt ved bên bờ cây xanh*

*Em như lọt tiếng tư tình.  
Đẹp như Ngọc nữ uốn mình trong khồng.  
Thiên Thai thoảng gió mơ màng.  
Ngọc Trân buồn trường tiếng lòng xa bay...*

*(Tiếng sáo Thiên Thai)*

*Lơ lửng cao đưa tận lưỡng trời xanh ngắt.*

*Mây bay... gió quyền.., mây bay...*

*Tiếng vi vút như khuyên van, như dùu dắt  
Như hát hiu cùng hơi gió heo may...*

*(Tiếng trúc tuyệt vời)*

*Trong khi lật đật rẽo sông Mê*

*Trận gió heo may, đuôi nhạn về...*

*Bụi cuồn, đường xa, chinh khách mỏi  
Bóng nghe tiếng hát vắng bên kia.  
Tiếng hát trong như nước Ngọc Tuyền  
Em như hơi gió thoảng cung tiên.  
Cao như thông vút buồn như liễu.  
Nước lặng, mây ngừng, ta đứng yên...*

*(Tiếng hát bên sông)*

«Vất hết những thành kiến trong óc, cứ bình tĩnh mà đọc những đoạn thơ trên, chắc ai cũng phải nhận rằng : Cái tài nghệ của Thé Lữ về một phương diện này quả không kém Nguyễn Du là mấy.

«Nếu tiếng sáo của Thé Lữ kém thâm trầm réo rắt, thì nó lại dợ lủng» «vết veo» hơn.. ta đọc những câu :

*Khi cao vút tận mây mờ.  
Khi buồn vút veo bên bờ cây xanh.*

hay là :

*Cao như thông vút, buồn như liễu.*

• • • • • • • • • • •

«Thì ta thấy cái «tiếng» là cái vô hình, trở nên có hình có bóng, khi bay vút lên cao, khi lướt vươn giữa đám cây bờ.. Thơ như thế mới thật là hoạt.. vậy.

«Không những «tiếng» có cây, mây nước, những vật vô tri vô giác, thì sẽ đã khéo làm cho linh động như con người ta.

«Nhưng câu :

*Mây hông dừng lại sau đèo.  
Mùa cây nâng nhuộm, bóng chiều không đi.*

làm cho ta phải nhớ đến cái nghệ thuật tả cảnh của Chateaubriand trong bài «Đêm ở rừng Mỹ». Trong bài ấy, những dòng sông, bóng trăng, cây cối... «hoạt động» một cách lạ thường khiến cho ta đương ở trong cái rừng sâu tịch mịch mà không thấy tịch mịch chút nào... (H.B số 24).

Sau khi mải mê đi theo Thế Lữ người tiên dẫn mình vào thế giới tiên, Lê tràng Kiều đã quay trở lại trần đè đi theo Vũ đình Liên dẫn ông đi vào dĩ vãng, vùi mình trong những cảnh đồ võ hoang tàn. Tuyệt vời, Lê tràng Kiều đã giới thiệu thiên tài thơ mới Vũ đình Liên trong việc làm sống lại dĩ vãng, làm sống lại những hình ảnh diệu tàn.

Đè làm nỗi cái diệu tàn rã rời mà Vũ đình Liên đang cố vẽ lên trên lụa, Lê tràng Kiều đem so sánh Vũ đình Liên với Nguyễn nhược Pháp:

«Nếu có nhà thi sĩ khêu gợi lại những cái nhí nhốm, ngộ nghĩnh của cái thế giới cũ như Nguyễn nhược Pháp thì cũng phải có một nhà thi sĩ như Vũ đình Liên đưa ta về cái dĩ vãng thân yêu, đầy tuyết đẹp sương trong, đầy lá thu và hoa xuân, đầy những điều dàng và êm ái.

«Những bức tranh xưa ấy do nhà thi sĩ phác họa ra treo ở trên vách trong cái tòa lâu mới mẻ ngày nay đè làm gì, — Nếu không phải đè cho người ta những nỗi nhớ nhung, mến tiếc, mến tiếc hão huyền, mà đã từng phải tồn hao biết bao giọt lệ thầm.

«Với Nguyễn nhược Pháp, miệng ta chỉ muốn mim một nụ cười hồn nhiên.

«Với Vũ đình Liên... thì thấy buồn buồn một cách buồn man mác, có khai réo rất nữa, như buồi chớp choáng ta nhìn

**những nỗi sông lờ mờ ở trên trời xa, đương biển hành  
đồi dặng.**

6

« Ta thấy ta nhớ những cảnh cũ niềm xưa... Ta thấy  
ta là một kè mãi bước giang hồ, chợt nhớ đến cảnh quê hương.

« **Quê hương!** cả một dĩ vãng ở trong ấy đã êm đềm sông  
những tâm hồn mộc mạc và hồn nhiên cả cái thế giới của cha  
ông ta đó chẳng phải mới thực là cái quê hương của những bọn  
chúng ta còn sống sót ngày nay. Sông một cách chật vật giữa  
những cái thực trạng mới mẻ mà khô khan tựa hồ như là tý  
tiện nữa, vì là vật chất, những cái thực trạng do Âu-tây  
mang lại.

« Trong lúc tâm hồn ta cuốn theo làn sóng Âu-tây, làn  
sóng, than ôi! không biết còn đây ta đến chỗ nào nữa, mà được  
trong giây lát, đứng im lặng để hồi tưởng cái dĩ vãng đã xa  
mờ thì cái giây lát ấy nó thành kính, nó long trọng, nó ý nghĩa  
biết bao, hơn thế nữa, nó cho ta một luồng mát mẻ làm rời cù  
tâm hồn,

*Nhưng mỗi năm mỗi vắng  
Người thuê viết đi đâu?  
Giấy đỏ, buồn không thắm  
Mực đựng trong nghiên sầu.  
Ông Đồ vẫn ngồi đấy.  
Qua đường không ai hay.  
Lá vàng rơi trên giấy.  
Ngoài giờ mưa bụi bay.*

(Ông Đồ)

« Ta cảm thấy cả một thế giới diệu tàn đã rời rạc, đồ,  
võ... » (H.B. số 26).

Cuối cùng ngày 29-7-36 (H.B số 30), Lê tràng Kiều đã

dành cho nhà thơ yêu dấu của ông một sự giới thiệu đặc biệt : Lưu trọng Lư, người chiến sĩ cuối cùng được đầy ra trận đè dẹp chiến trường. Có lẽ không ai chiếm trọn vẹn cảm tình của Lê tràng Kiều như Lưu trọng Lư. Lê tràng Kiều đã chọn Lưu trọng Lư để trả lời phái thơ cũ ở điềm mà họ từng công kích thơ mới mạnh mẽ nhất : thơ mới không có âm điệu. Lê tràng Kiều lặp lại luận điệu của phe bênh thơ cũ thường kết án thơ mới :

«Những người phản đối thơ mới đều nói một cách hờ hững : «Thơ mới là một thứ thơ không niêm, không luật, đọc lên nghe «lủng ca lủng củng» rồi họ kết luận : Thơ mà không có âm điệu là thơ bỏ đi, vắng, thật có thể ! Nhưng «thơ mới» đâu phải như lời họ nói — là thứ thơ không có âm điệu. «Thơ mới» có âm điệu lắm chứ. Nhưng là một thứ âm điệu riêng, khác hẳn âm điệu của thơ Đường, của Lục bát, của Song thất lục bát. Âm luật của một thứ tiếng rất là dồi dào, và huyền diệu, ai bảo rằng ngoài điệu Đường luật, Lục bát, Song thất lục bát, không còn có nhiều điệu khác nữa, những điệu vô danh mà hữu thực, lại rất hợp với sự tiết tấu thiên nhiên của thanh âm ?... Chẳng qua vì trước kia người ta không nghĩ tới, cho nên người ta bảo là không có mà thôi».

Lê-tràng-Kiều cho rằng muốn chứng tỏ thơ mới có âm điệu hẳn hoi, mà thường khi còn là âm điệu du dương, réo rắt, không gì bằng lấy thơ Lưu-trọng-Lư ra mà làm chứng. Vì không quá khích nên Lưu-trọng-Lư đã dung hòa và thừa hưởng tất cả âm điệu cũ mới, cõi kim. Lê-tràng-Kiều viết :

• Lưu-trọng-Lư chính là một người đầu tiên gieo hạt... «Thơ mới» vào đất Bắc. Trong một số mùa xuân của báo Phong Hóa lần đầu Lưu quân cho đăng mấy bài thơ của mình...rồi từ

đó, mỗi kỳ luân luân trên mặt báo ấy người ta thấy đăng những bài của Nguyễn-thé-Lữ, của Tân-Việt và của Vũ-dinh Liên. Đặc già làm quen với Thé-Lữ dần dần quên lảng Trọng-Lữ. Điều ấy rất rõ hiểu, vì bao giờ người ta cũng thích những cái thái quá hơn là những cái vừa chừng... Người ta ưa «thơ mới» người ta lại ưa cho thật «mới». Cứ bình tĩnh mà xét thơ Trọng-Lữ không phải là không mới, nhưng cái «mới» ở trong thơ «Trọng-Lữ» rất khó nhận vì nó mới ở tình cảm, ở âm điệu, ở hình ảnh. (Images) thơ Thé-Lữ, thơ Huy-Thông thì phần nhiều «mới» ở tư-tưởng, ở ý từ «mới» một cách rõ ràng hơn, «mới» một cách táo bạo.

Thơ Trọng-Lữ thì những ý tưởng cũ biết pha vào điệu mới, nó cũng còn có nghĩa và cảm người ta một cách mèm. Vì thế Lưu trọng Lữ chú trọng phương diện âm-diệu hơn các phương diện khác ví dụ như bài «bên thành» mà tôi chép lại đây :

*Bên thành con chim con  
hát ní non.*

*Giục lòng em bồn chồn  
Buồi hoàng hôn.*

*Em trách gì con chim con ?  
Em oán gì con chim con ?*

*Em chỉ hận  
Sao em ngớ ngẩn.*

*Đã đẽ tình lang em lận đận  
Chốn xa xôi...*

*Nơi tuyệt vời...*  
*Trong lúc con chim giờ  
Bên em nó hót những lời  
... nước non...*

«Về ý tưởng thì không có gì đặc sắc lắm, tình cảm thì không có gì sâu xa lắm, bài này ta sở dĩ đọc thích là vì có một cái diệu mới, một cái diệu riêng, một cái diệu ngộ.

«Cái diệu ngộ ấy, ta thấy hầu hết trong những bài thơ của Lưu Trọng Lư» (H.B số 30).

« Thường thường người ta không hiểu được họ Lưu là vì hồn nhà thi sĩ như chỉ bàng bạc, phờ phạc phát triển cái thế giới vô hình : trong một hơi thở, trong bóng trắng mờ, trong một vài vong hồn hay là những cái nhỏ nhặt quá mà mắt người thường bỏ qua.. anh bước nặng, anh hát lớn, anh sẽ không bao giờ tìm nhà thi sĩ động mạnh, là hồn nhà thi sĩ sẽ tan ngay.

« Cũng đồng tà tiếng, mọi thi sĩ thi thích những tiếng đàn sáo thâm trầm, réo rắt, làm rung chuyển cả tâm hồn. Trọng -Lư thi riêng thích «những tiếng» rạo rực, ríu rít những tiếng mà người thường không nghe thấy..

*Em không nghe mùa thu*

*Dưới trắng mờ thôn thức ?*

*Em không nghe rạo rực :*

*Hình ảnh kè chỉnh phu.*

*Trong lòng người cô phụ ?*

*Em không nghe rừng thu.*

*Lá thu kêu xào xạc :*

*Con nai vàng ngoe ngác*

*Đẹp trên lá vàng khô ?*

( *Tiếng thu — I.H.* )

«Những tiếng mà chúng ta không nghe, đều lọt vào tai nhà thi sĩ ? Xưa nay, trong văn chương Tàu và ta có mấy ai dám tả «tiếng thôn thức» của trắng mờ ?

«Ai dám bảo rằng : «cái hình ảnh của người chính phủ  
lại «kêu rạo rực» ở trong lòng người cô phụ ? ai dám tả mùa  
thu, bằng «tiếng kêu xào xác» của chân một con nai ngơ ngác dẹp  
lên trên những lá khô ?

«Ta có thể nói rằng : đây là một bức tranh phả vào  
một khúc nhạc, hay là một khúc nhạc vẽ thành một bức  
tranh.. Đọc bài thơ này, ta không còn phân biệt được Thơ..  
Họa và Nhạc.., nữa ? »

### PHẦN ỦNG LÀNG THƠ CŨ.

Chẳng hiểu dựa vào đâu mà có người cho rằng trước  
sự tấn công của làng thơ mới, làng thơ cũ đã chịu thua ngay  
từ đầu không có một ai lên tiếng. Hình như đó cũng là ý tưởng  
mà Lê-tràng-Kiều đã biếu lộ trong bài trả lời ông Thái-Phi,  
Hà Nội báo số 19, 13-5-1936.

Sự thực đã không hẳn như vậy. Trong khi tường thuật  
những vụ diễn thuyết ủng hộ thơ mới ở Nam và ở Bắc, tôi đã  
đọc cho các bạn nghe những bài tường thuật của báo Phong Hóa  
và báo Phụ nữ Tân văn. Cả hai tờ báo đều tố cáo thái độ quyết  
sống quyết chết của phái bênh thơ cũ. Chẳng thế mà khi cô  
Nguyễn-thị-Kiêm diễn thuyết mấy lần ở Nam kỳ và ở Bắc kỳ,  
phe phản đối thơ mới như các ông Nguyễn-văn-Hanh chẳng  
những huy động bạn bè đi nghe để gây rối, để đăng đàn phản  
đối cô Kiêm tại trận mà ta còn thấy có lần cô Kiêm bước  
vào phòng diễn thuyết đã được người ta trao cho cô một  
túi đầy ắp những thơ hăm dọa. Cô Kiêm quyết liệt đối với thơ  
mới thế nào thì ông Hanh hăng say đổi với thơ cũ như vậy.  
Thực là trong cuộc chiến tranh này chẳng những cá nhân chơi  
với cá nhân mà còn các cơ quan ngôn luận chơi với các cơ  
quan ngôn luận nữa ; trận tuyến lan tràn từ Nam ra Bắc kéo

dài suốt mấy năm truwong. Nếu bênh thơ mới có Phong Hóa, Phụ nữ Tân văn, Tiều thuyết thứ bảy, Hà nội báo, Loa, Ngày nay... thì bênh thơ cũ có An nam tạp chí, Văn học tạp chí, Công Luận, Tiếng Dân, Văn học tuần san, Tin Văn... Xét số đông thì bênh thơ cũ buồi đầu chắc là ăn đứt bênh thơ mới.

Tân Đà, tuy chẳng ưa gì thơ mới, nhưng xem ra nhà thi sĩ của chúng ta tể nhị lăm: chính ông không đè cơ quan ngôn luận của ông là An nam tạp chí tấn công thơ mới. Còn đối với thơ cũ, ông thản nhiên bênh vực nó một cách gián tiếp bằng việc cho đăng thơ cũ, bình giảng thơ cũ. Đề cập thẳng đến thơ mới với luận điệu mỉa mai có lẽ có trường hợp Vân Bằng trong bài «Tôi thất vọng về ông Phan Khôi» (An nam tạp chí số 39, 30-4-1932)

« Vừa đây, ông lại ra công «sáng chế» ra một lối thơ «tân thời, tự do đặc biệt», không cần niêm luật, tự ý văn dài, làm cho nhiều người « hoài cổ » phải ngậm ngùi thương tiếc, « tám vế » luật Đường ! Có lẽ vì sự phát minh lối thơ mới này mà phải mai một đi chăng ?»

Ngoài An-nam tạp chí, tờ báo thứ nhất ở Bắc tổ về chống thơ mới là tờ Văn học tạp chí của Chất Hằng Dương Tự Quán.

Trong bài « Âm Hiếu không thè làm Tú Khôi hay là Một cái tí hiếu luận giữa Phan Khôi và Nguyễn Khắc Hiếu », Chất-Hằng, trong lúc đả kích Phan-Khôi ở nhiều phương diện, đã mỉa mai lối thơ mới do Phan-Khôi khai mào. Nói về Phan-Khôi làm thơ, Chất-Hằng viết : « Người ít tình cảm thì sự cảm giác về cái bản ngã cũng kém cho nên Phan-Khôi không hay làm thơ mà chỉ ưa nghiên cứu về thơ. Đôi khi Phan-Khôi cũng làm thơ, nhưng thơ của ông cũng « hùng hổ » như ông..»

hay khắc khò như văn xuôi của ông, hoặc nhạt nhẹ vô duyên như hình dáng của ông.

«Có lẽ vì thế mà Phan-Khôi muốn thay đổi cái hình thức của thơ mà xướng xuất ra một thể thơ mới nó thật ra chẳng mới chút nào, và cũng ít người cùng ông hưởng ứng» (V.H.T.C số 18, 1-6-1933).

Sau khi chế diều thơ mới một cách nhẹ nhàng ngày 1 tháng 6 năm 1933 (V.H.T.C số 18), Chất Hăng viết liên tiếp ba bài công kích thơ mới đăng Văn học Tạp chí các số 22 (1-8-1933), số 23 (15-8-1933), số 24 (1-9-1933). Bài đăng số 22, với tựa đề «thơ mới», đề cập đến cuộc cải cách thơ của Phan Khôi từng được mệnh danh là cuộc cải cách của thơ mới. Chất Hăng cho rằng cái mà Phan Khôi nhận là mới ấy, chẳng phải Phan Khôi là người đầu tiên xướn xuất ra, người đầu tiên xướng xuất ra là Nguyễn văn Vĩnh :

«Phá cũm và cắt xích cho những nhà thơ, công cuộc giải phóng đá k僇n: phải là chặng hợp lý và chẳng thích thời.

«Nhưng khi ấy cũng ít người hưởng ứng, trong số tôi thấy có ông Thượng Minh mà các bạn độc giả của Văn học Tạp chí chắc còn nhớ là một người vì quá hâm mộ ông Phan Khôi mà liệt ông Nguyễn khắc Hiếu vào hàng nhà văn điện cuồng, gàn dở.

«Mới đây một tờ báo có tính cách hài hước «lại đem cái văn đẽ thơ mới ấy đặt lên thảm xanh» và hết sức cõi động cho «lẽ thơ Phan Khôi» như lời ông Thượng Minh đã nói trong báo Đông Tây.

•Nhưng trước khi bàn về việc đổi mới cho thơ, ta hãy

nên trả cho César cái gì cửa César đã» Tôi muốn nói rằng ông Phan Khôi chẳng phải là người thứ nhất đã có cái sáng kiến làm thơ quốc-văn theo lối tây vậy.

«Người ấy có phải ai đâu mà chính là ông Nguyễn-văn-Vinh Ta hãy đọc mấy câu trong bài ngũ ngôn «*Con ve và con kiến* » dịch của La Fontaine ra đây :

*Ve sầu kêu ve ve, suốt mùa hè.  
Đến kỳ gió bắc thôi.  
Ngoan cơn thật bối rối.  
Một miếng cũng chẳng còn  
Ruồi bọ không một con.  
Vác miệng chịu khum nùm.  
Sang chí Kiến hàng xóm.  
Xin cùng chí cho vay  
Giảm ba hạt qua ngày.* »

Đối với Chất Hăng, Nguyễn-văn-Vinh hay Phan-Khôi cũng thế thôi, toàn là người lập dị, phản động : vẫn biết phải đổi mới cho thơ, nhưng chỉ nên đổi mới tinh thần thời chứ ai lại kỳ cục mà sửa đổi hình thức theo đây :

« Song tôi không đồng ý hẳn với người hay những người đã và sẽ sáng tạo ra các lối thơ mới, tuy trên kia tôi nói rằng công cuộc giải phóng cho thơ không phải là chẳng hợp lý và chẳng thích thời.

«Tôi thích đổi mới cho thơ, nhưng tôi chú trọng về tinh thần của thơ hơn là đường hình thức. Về đường hình thức của thơ, tôi dám nói rằng những nhà thơ cổ của Trung-quốc đáng là thầy ta. Lối thơ Đường luật tuy bị giam hãm vào trong cái thi-pháp chặt chẽ nhưng ta thử hỏi có lối thơ nào là chẳng phải bó

buộc bởi những luật-lệ nhất định. Nay như thơ tây cũng còn phải theo phép tắc rất phiền phức. Vì nếu không thể thì không phải là thơ nữa.

Và ngoài thè thơ Đường luật nghiêm nhặt ra, ta há lại không còn thè nào rộng rãi nữa hay sao ? »

Còn như coi thè thơ Đường có chặt hẹp quá, thì có thè cò phong cũng là rộng rãi lắm chứ, việc gì phải lập dị. Tinh thần hướng dẫn nhà thơ hiện đại phải là « dùng lối cò mà diễn những tư tưởng mới » :

« Thị thè cò phong đó thật đủ tư cách để ứng phó cho sự nhu yếu của ta. Cò phong là lối văn có văn mà không đối nhau. Nếu có đối nhau là tùy ý của nhà làm văn, không phải là một luật nhất định. Cò phong không có niêm luật, không hậu câu, tự bốn câu cho đến bao nhiêu câu cũng được. Cả bài dùng một văn túc là độc vận, như :

*Hôm qua có bạn, rượu lại hết,  
Hôm nay có rượu, bạn không biết,  
Cắt đi, đợi bạn đến lúc nào;  
Cùng uống cùng vui trời đấttit.  
Khi say, quên cả ai là ta.  
Còn hơn lúc tỉnh nhớ mà mệt.*

Cả bài dùng nhiều văn là liên vận, như :

*Đá xanh như nhuộm, nước như lọc.  
Có cây hoa lá dệt như vóc.  
Trời hoang mây tạnh gió hiu hiu.  
Ai thấy cảnh này mà chẳng yêu.  
Mới biết Hỏa công tay khéo vẽ.*

*Tuy người điềm xuyết ra nỗi non.*

*Bè cạn non bộ nhớ con con.*

*Sao băng tiêu giao cùng Tạo hóa.*

*Bốn mùa phong cảnh thật không giả.*

Đọc qua mấy bài thơ thề cõ phong tôi lục ra trên đây, chắc phần nhiều các bạn đọc già sẽ nghĩ như tôi rằng những người khởi xướng và cõ động cho lối thơ mới chỉ là «chợ mây chạy rụt lùi» mà thôi, chứ có chi là đặt ra mới đâu.

Vì vậy tôi cho cái hình thức của thơ chẳng phải đổi mới. Việc các nhà thơ nên làm ngay bây giờ là cứ theo cái hình thức thơ cõ và diẽn những tư tưởng mới.

Sang đến bài «*Làm thế nào để đổi mới cho thơ*» (V.H: T.C số 23, 15-1933), về vấn đề hình thức, ngoài việc đề nghị hình thức cõ phong, còn đề nghị thêm hình thức lục bát và song thất lục bát nữa, nhưng ông không ưng cho người ta đi xa hơn nữa. Thế rồi ông kịch liệt tấn công sự nghèo nàn của thơ hiện tại về phương diện nội dung. Ông hô hào phải đổi mới cho thơ về mặt đề tài, về nội dung. Ông bảo :

«Sao người ta không vịnh cái máy bay, cái tàu thủy, cái ô tô, cái xe lửa, mà cứ quanh đi quẩn lại hết cái diẽu, cái chòi lại đến cái nón hay cái hỏa lò ?

Dá ông thi sĩ nào vịnh cho tôi cái toa máy xe lửa cũng linh động gần được như mấy câu sau này :

*Sur le taureau de fer qui fume, souffle et beugle*

*L'homme a monté trop tôt...*

*Mais il faut triompher du temps et de l'espace.*

*Arriver ou mourir..*

.... *Mair aucun' est le maître.*

Du dragon mugissant qu'un savant a fait nattre, của thi sĩ Alfred de Vigny tả những toa máy thứ nhất (*Les premières locomotives*) thì có phải ông ấy đã mở được cho thơ quốc văn một con đường mới không. Tôi lại ước ao có nhà thơ nào đem con mắt biết quan sát mà ngắm những nhà máy và cảnh sinh hoạt anh em chị em lao động rồi vẽ nên được những bức tranh tuyệt xảo giống như của thi sĩ Verhaeren nước Bỉ, thì lúc này chúng ta còn có thể lạc quan, trong khi dự đoán tiền đồ của thơ quốc âm.»

Chẳng những bảo thơ mới của Phan-Khôi chẳng có gì mới mà còn cho thơ mới của bọn các ông chẳng qua chỉ là một thứ từ khúc hết sức cồ lỗ, lời thời trước đây đã có biêt bao nhiêu người làm rồi, Bài này tựa đề là « *Thơ mới tức là Từ Khúc* » ký Thương Sơn một bài bô khuyết bài « *thơ mới* » của Chất Hằng và được ông Chất bàn gopies thêm ở phần cuối (V.H.T.C. số 24, 1-9-1933). Theo cả hai ông Thương-Sơn và ông Chất-Hằng thì thơ mới thực ra chỉ mới ở mỗi cái chỗ gieo vận. Vậy mà các lối vận của cái thơ được mệnh danh là thơ mới, lại chỉ là vận của các lối từ khúc mà thôi. Ông Thương-Sinh phân tích các vận của hai bài: bài « *con ve và con kiến* » của Nguyễn-Vinh, cũng như bài « *Tình già* » của Phan-Khôi, rồi đem so sánh với cách gieo vận của nhiều bài Từ Khúc để kết luận: thơ mới là một hình thức đi giặt lùi.

« Kẽ ra thi trong bài « *con ve và con kiến* » cái lạ ở nơi cách bắt vận, cách này cũng hai câu một vận với nhau, đến hai

câu khác lại văn khác, có giổng như lối văn « liên tiếp » (rimes suivies) của tây. Ấy, cũng vì cái giổng ấy mà chúng ta tưởng àm rằng, cách bắt văn này mới lâm, song kỳ thực trong văn Tàu nó đã có từ lâu, nó đã cũ, tôi nói cũ để khỏi nói xưa đó thôi.

Thì cứ xem bản dịch Tỳ-bà của Tân-Đà thư điểm cũng đã thấy cách bắt văn ấy rồi, nên bản Tỳ-bà của Cao-Đông-Gia ở tận đời Nguyễn. Đây xin trích mấy văn :

Thám hoa (đọc) :

Bác chẳng thấy năm ngoái quen nghè Bùi ?  
Ngã ngựa ái tảng một bên đùi.  
Lại chẳng thấy năm trước quan đốc Phàng.  
Ngã ngựa vẹt hẩy một bên mông ?  
Ở đời có ba sự rất sợ,  
Chờ đòn, đánh đù cùng cưỡi ngựa.

• . . . .

lại điệu từ « Bồ-tát-Man » dịch đăng ở Nam-Phong :

Bằng láng non vàng cảnh minh diệt  
Mây in mái tóc, tần pha tuyết.  
Ủ-dot nét mày ngòi.  
Điềm trang cùng với ai ?  
Cánh hoa lướt trong khinh  
Mắt hoa cùng lớp ánh  
Mới mè búc la-nha,  
Đời chìm ai thùa ?  
cùng điệu « Mộc-Lan-Hoa »  
Đàn ái liêu sái,

*Khiến khách giang hồ tình ái ngại ;  
Lơ lửng trăng sân,  
Bóng minh minh ngỡ bóng gai nhọn.*

chẳng phải là bắt văn như bài dịch của ông Vĩnh ru ?  
Tôi còn nhớ như bài «Khóc Lâm-Tú.Nương» đăng ở tạp chí này, nguyên Hán-văn cũng bắt văn như thế.

«Vậy thì cách văn ở bài «Tình già» cũ lầm lầm chứ có cũ vừa đâu ! — ông Chất Hằng lại rõ thật là sơ ý. Ông không thấy rằng bài ông Vĩnh cũng bài cõ-thè thứ hai mà ông chép ở đoạn sau bài là giống nhau lắm ru? Bài trên là một bài ngũ-ngôn; cái lạ chắc không ở đó, mà ở cách bắt văn, song cách bắt văn lại giống bài dưới mặt, nghĩa là người ta đã làm rồi, thì còn gì là sáng kiến nữa đâu ! Họa chăng chỉ còn ở mấy chữ «suốt mùa hè».

«Từ trên tới đây, đó là tố một phần cũ của bài thơ ông Phan. Trước khi nói đến phần cũ khác của nó, ta hãy thử xem vì sao cách bắt văn «liên tiếp» nó đã có từ lâu rồi mà người ta lại ít làm tới, cho đến bây giờ người ta ngộ nhận rằng nó là «tân thời». Ấy cũng vì nó không hay gì cho lắm không êm ái bằng cách bắt văn như thơ Đường vậy, ấy nó cũng sắp vào vòng «đào thải» rồi. »

Rồi Thương Sơn đem so sánh bài «Tình già» của Phan-Khôi với bài «Mỗi tình ngầm» của Trần-qu-Thường H.T, đà quả quyết rằng thơ Phan-Khôi còn cõi hơn là Từ Khúc nữa kia :

« Ông Chất-Hằng chép bài «Tình già» sai với nguyên văn,

nên chỉ chú đến cách bắt vẫn, mà không biết đến cái tự do của nó. Như thế, những người đã « lại đem cái vẫn đề thơ mới ấy đặt lên thảm xanh » chắc sẽ không khỏi nói qua nói lại. Vậy xin thay ông chép lại mấy câu thơ gốc của « lối mới » rồi chỉ một chỗ « cũ » khác của nó, mà chỗ này quan hệ hơn.

*Hai mươi bốn năm xưa  
Một đêm vừa gió lại vừa mưa.  
Đưới ngọn đèn mờ trong gian nhà nhỏ  
Đôi cái đầu xanh kề nhau than thở  
Ôi ! đôi ta tình thương nhau thì vẫn nặng.  
Mà lấy nhau hẳn là không dặng,  
Đè đến nỗi tình trước phu sau  
Chi cho bằng sớm liệu mà buông nhau,*

Đọc bài ấy rồi, đọc giả đọc bài này :

*Lá liễu xanh.  
Hoa hồng đỏ  
Trăng rạng rõ.  
Thấp thoáng trong màn hãi to nhỏ,  
Ai to nhỏ ?  
Vườn xuân có cây tươi tốt,  
Khi xuân đậm ấm dương hòa.  
Dan dìu cùng ai lời thề thốt,  
Hẹn dưới hoa.*

Ở trên bài đây, ta nếu thử đe rằng « Thơ mới » mà gửi cho mấy tờ báo vẫn chắc rằng lối « thơ Phan Khôi » là mới, họ sẽ dưng ngay, vì nó có theo luật lệ gì đâu, người ta cũng tự do

đặt nó ra, nó là thơ «mới» vậy. Nhưng nó «mới» từ độ mươi năm nay ; trong Hữu-Thanh khi xưa ; tôi đã thấy trích ở trang bài nói về từ khúc của ông Nguyễn-Üng, nó là «Từ khúc vậy». Từ khúc lúc ấy rất thịnh trong thi ca. Ấy là một lối thơ tự do, nhưng tự do ở trong «giới hạn» âm nhạc câu thơ, tự do phải đường.

Cũng trên Văn học tạp chí số 49, 11.8-1934, Đặng Đình viết bài «Bàn thêm về lối thơ mới», lời lẽ có vẻ còn cay nghiệt hơn trước đây. Trước hết, Đặng Đình cho rằng luật thơ cũ chẳng có gì là khó khăn gò bó cả :

«T lâu nay cái phong trào thơ mới sôi nổi dữ. Các báo thường thấy hô hào cải cách về thơ. Nào bài xích lối thơ Hàn luật, đòn tội cho thơ cũ của ta phải tội niêm luật quá nghiêm khắc, làm cho mất cả tinh thần tự do của văn chương đi. Nhưng nói thế là lầm, ta hãy xét lại những lời xưa ý cũ của các thi sĩ đời xưa xem có diễn được hết ý tứ, ngữ được đủ tinh tinh của người làm thơ, tả được hết cái trạng thái của vũ trụ, của cảnh vật không».

Đem so với thơ mới bây giờ hì thơ cũ hơn vô cùng, thơ mới vô vị thế nào thì thơ cũ thi vị và ý vị như vậy :

« Cái thi tú thi vị ngày xưa so sánh với thơ mới bây giờ ra sao. Thật là thơ Hàn luật vẫn ý vị vô cùng, thanh tao biết mấy, bóng bẩy đường nào, đọc lên, nghe đến ai mà không hiểu. Tuy, cái niêm luật, thè văn, lối thơ cũ của ta nó hơi khô, hơi nghiêm một chút, nhưng âm điệu vẫn thâm trầm, mà tinh thần vẫn hàm súc đủ các ý tưởng, tình tú. »

Động Đinh cho rằng những lẽ người ta viện ra để bảo thơ cũ luật lệ chặt hẹp là không đúng, có thứ chặt chẽ như thất ngôn bát cú, nhưng lầm thứ chẳng có luật lệ gì gò bó như ca, hát, từ, khúc, trường thiêng, cò phong :

« Vả lại thơ cũ có thật niêm luật khắc khắt nghiêm ngặt thì sao từ trước đến giờ thi sĩ có ai chịu không theo nỗi cái niêm luật thè thức ấy đâu ?

« Kè thơ Hàn luật còn lầm điệu, nhiều thè rộng lầm như các bài ca, hát, từ, khúc, trường thiêng, cò phong, chữ và văn vẫn tự do chẳng cũng là đặc điểm khoan hổng cho thi luật lầm đó sao ? Bất tất phải thay đổi chi thêm phiền, thêm rắc rối. Còn lỗi thơ mới bây giờ, xét ra cũng bất ngoại cái khuôn sáo cũ. Thè cách tuy có hơi khác, nhưng cái tinh thần vẫn cũ rich.

Động Đinh đồng ý phải đổi mới cho thơ, nhưng chỉ đổi mới về nội dung mà giữ y nguyên về hình thức chữ, theo ông, thơ mới, ngược lại, chỉ có mới về lời mà ý thì cũ rich và lạc hậu :

« Trường đã duy tân cho thơ thì cần ở chỗ tinh thần hơn là hình thức thì mới nên. Chứ chỉ bỏ cũ niêm luật thè vận cho để viết mà thôi, thì e rằng rừng rừng thơ thêm gai góc, bồn thơ tờ vẫn đục.

Duy có một điều mà tôi muốn bàn đây là chỉ nên cải cách nguyên cái tinh thần cũ. Vì ít lâu nay thơ ca thường như phần nhiều đều phải chung cái bệnh không hồn. Phàm gọi là thơ, văn phải có tình, có tứ, có khí, có hồn, ấy thế mà chỉ thấy giọng sầu oán bi ai cả là nghĩa lý gì.

« Sao lại có thứ văn chương phù phiếm ấy, nhu nhược thế. Hay là vận thế đến lúc suy, mà văn cũng suy theo chăng.

« Văn túc là hồn nước, rất có ảnh hưởng đến nền tiến hóa».

Cuối cùng Động Đình chê thơ mới yếu đuối, phản động vì buồn bã, ủy mị, hại dân hại nước, không bồ ích cho ai :

«Ta nên rèn dũa sao cho văn chương được hùng hồn, có vẻ hoạt động, thực tế, thì ở thế kỷ 20 này mới thích dụng. Lại còn phải thông thường thì mới có bồ ích. Bởi thứ văn sầu cảm đã không bồ ích gì cho đường thực tế, mà lại làm thêm ủy mị đi, mất cả cái nhuệ khí phấn đấu, cái mãnh lực tiến thư, đâu có hay mấy cũng là vô dụng».

Nếu ở ngoài Bắc có Văn học tạp chí đồ kỹ thơ mới thì trong Nam có Văn học tuần san chửi bới thơ mới. Hai nhà văn của Văn học tuần san bênh thơ cũ chửi thơ mới quyết liệt hơn cả là Tùng-Lâm Lê-cương-Phụng và Thiết-Diện.

Đề bênh vực thơ cũ là thứ thơ có âm điệu, có tiết tấu, nghĩa là có chất thơ, tức là đáng gọi là thơ, Tùng-Lâm Lê-cương-Phụng viết bài « Nói chuyện văn văn : lịch sử và giá trị của nó » (V.H.T.S. số 5, 1-5-1935). Trước hết Tùng-Lâm phân biệt văn văn với văn xuôi :

« Tình cảm ở trong, phát lộ ra tiếng nói, tiếng nói có tăng thứ, có ý vị, có âm hưởng, làm cho người ta dễ cảm xúc được, ấy là nguồn gốc của văn văn.

« Tiếng chim hót mùa xuân, tiếng ve ngâm mùa hạ, tiếng đế khóc mùa đông, tiếng cao, tiếng thấp, tiếng nhặt, tiếng khoan, ấy là mạnh mẽ của văn văn.

« Văn văn có cái đặc điểm khác văn xuôi là câu đặt gọn gàng mà bóng bẩy, lời đưa uyển chuyển mà tiêu dao. Nay xin kể qua lịch sử và giá trị của nó. »

Thế rồi ông ngược dòng lịch sử mà phác vẽ nguồn gốc của thi ca từ Tây phương qua Đông phương, từ đời thương cổ cho đến nay, đâu đâu người ta cũng thấy văn văn là thứ văn của thần linh :

« Lịch sử văn văn ở Thái tây phát sinh từ đời nào tôi chưa được chắc ; chỉ theo thần thoại Hy Lạp, tôi được biết rằng Apollon là một đứng thi thần (dieu de la poésie) ; còn theo lịch sử văn chương Ý-Đại-Lợi thì tôi thấy người ta tôn sùng Daute làm thi thần, vì cuốn La divine comédie của Daute,

« Ở Pháp hình như bài vận văn đầu tiên thì thuộc vào thế kỷ thứ IX (chỗ này chúng tôi đương còn tra cứu). Ở Tàu thì trước kỷ nguyên Thiên Chúa hai nghìn năm vào đời Nghiêu, Thuấn đã nứt mầm rồi, đại đẽ như bài ca Cao Dao, bài đờn Ngu Thuấn, bài hát Khang Cù... đều là câu có vận cả.

« Trải qua một khoảng thời gian khá dài hơn hai ngàn năm nữa, từ đời Thành-Chu tới đời Lục-Triều, iúc bấy giờ văn văn mỗi ngày một tiến lên, và biến thể rất nhiều, từ lối Quốc-Phong, Nhã, Tụng mà tiến dần tới thi Ngũ ngôn, Thát ngôn. Dẫu rằng các nhà học giả sinh vào thời kỳ ấy có trứ tác lối văn lý thuyế như Tiêu-dao-thiên của Trang-Chu, Đạo-đức-Kinh của Lão-Tử, và các sách của Tuân, Dương, Quản, Án... nhưng đó chỉ là một thể văn, không thể đánh dò nỗi lối văn gọi là văn tánh tình như vận văn được. »

Tùng-Lâm ví thơ với hội họa : cái khó của đôi bên làm nên chính cái giá trị của cả đôi bên. Hội họa tài tình vì những

nét tì mỉ, thơ kỳ diệu vì những luật lệ tinh vi. Bỏ tất cả các thứ đó đi, họa không còn là họa và thi cũng hết là thi :

«Nhà làm văn vẫn, cũng như nhà hội họa, nét bút nhà hội họa càng tì-mỉ, tinh tế, bóng bẩy đúng mẫu mực, thì mới thấy cái khéo của nét bút thần tình. Trái lại nếu không có cái sở thích (gout) và không thường để ý thưởng thức nó thì không bao giờ nên một nhà danh họa được. Nhà làm văn không có cái đặc tính sở thích thì bao giờ làm nổi văn vẫn ? »

Sau đó ông bác bỏ những lý lẽ người ta viện ra để chê trách các luật lệ gò bó, câu thúc của văn vẫn, tức của thơ cũ. Theo ông, thơ là cái gì tinh hoa nhất trong nghề văn :

«Tôi đã có thường thấy nhiều người phản đối văn vẫn. Họ cho rằng : lối văn ấy câu thúc trong quyền sáo, tằn mẫn đeo gợt, mất hết tự nhiên, và nhiều khi vì vội mà ép câu vì lời mà hại ý, mà nhất là phí mất cả thì giờ.

«Phải, chính lúc ban sơ tôi đây cũng nghĩ như thế. Nhưng rồi sau tôi nghĩ lại : Văn vẫn đứng trong các thứ văn cũng như một mỹ-thuật đứng trong các nghệ-thuật.

«Văn vẫn như cánh hoa cắm để chơi, bức tranh treo để ngắm, cây đờn đờn để nghe. Nếu cắm cành hoa không sắc không hương, treo bức tranh vẽ vụng về thô tháp, nghe tiếng đờn không nhịp không nhàng, thì cái giá trị đặc biệt nó ở chỗ nào ? Thà đứng có còn hơn.

«Một lẽ nữa: văn vẫn là một lối văn để thưởng thức mà chơi. Muốn chơi đến nó, tự nhiên phải theo niêm luật, vận âm của nó, nghĩa là phải nằm trong khuôn sáo của nó ; cho được

câu văn chải chuốt bóng bảy, tự nhiên phải phí mất thì giờ. Cái đó để riêng phần cho các nhà tao ông, mặc khách là, những nhà tài tử phong lưu, lúc nhàn du ngâm vịnh, chờ mình, thày lay chơi đến nó làm gì mà bảo rằng tốn công tì mỉ, phí uồng thì giờ ?».

Cuối cùng Tùng-Lâm kè ra tất cả thề thơ của ta, từ lối bắt chước Tàu (hết Tàu có gì thì ta có nấy) đến các lối riêng của ta như lục bát, song thất lục bát, ca trù, ca Nam, xoang xâm, trống quân... rồi ông kết luận rằng thi ca Việt Nam phải là theo truyền thống ấy.

Theo ông, thơ mới chẳng qua chỉ là sự lập dị của một người (chắc ám chỉ Phan-Khôi) không thể lấy đó làm khuôn phép :

« Thì tôi dám nói quả quyết rằng, lối văn vẫn chẳng hạn ở Tàu, ở Tây, hay ở Ta, cứ mỗi ngày mỗi tiến mãi lên vì nó có cái giá trị đặc biệt, cho nên nhà làm văn vẫn chú ý đến nó và muốn bồi bõ cái gốc nó mà khuếch trương mãi, trừ ra một ít người không muốn dụng công đặt đề tìm theo cách dễ dàng, mau lẹ, khuynh hướng về lối thơ mới. (Chúng tôi sẽ có bài nói riêng về thơ mới) Còn riêng ra những hạng người thích ngâm vịnh, chuộng tài hoa thì thật không bao giờ bỏ qua các lối văn cũ để có qui tắc như từ lâu nay chúng ta thường thấy đó được » (Văn học tuần san số 5, 1-5-1935),

Sang đến Văn học tuần san số 6, 1-6-1935, Tùng-Lâm tấn công thơ mới ra mặt. Vì chưa có trích tuyển ở đâu nên tôi trích vào đây toàn bài để các bạn tiện bì so sánh. Trong bài này Tùng-Lâm đề cập đến các điểm sau đây :

1) Chỉ có **hạng dốt** mới muốn thơ mà lại thơ dễ dãi  
**không** niêm luật.

2) Thơ mới là thứ thơ bừa bãi, vô kỷ luật.

3) Minh chứng những chỗ dở của các bài thơ mới.

4) Trách Đông Hồ đã đi lâm đường bỏ thơ cũ là chỗ sở trường của ông để đi vào thơ mới với những bài thơ vô vị:

« Thi vẫn một món trong các thứ văn vần, nhưng đối với các thứ ấy nó lại rắc rối mắc mòi hơn nhiều. Người đã từng chơi với nó và nếu được ý vị nó ít nhiều, thì lại càng thấy cái khó của nó ; trừ ra những hạng « bướng » hoặc chưa có nhà « đại gia » « cảng nọc » ra chỉ vạch những chỗ khuyết điểm cho, thì bao giờ họ cũng vẫn cho là dẽ.

« Mà thật thế, có khó chi, cứ đủ văn đủ chữ, đừng thất niêm thất luật, ấy là thi đó chứ gì. Đó là nói về lỗi thi ngũ ngôn, thất ngôn, chớ còn cái lỗi thi như hiện thời gọi là « thơ mới » đó lại càng dẽ hơn thê thảm nữa. Cứ việc kéo, tha hồ kéo, kéo lượt bượt, mấy văn cũng được, mấy chữ cũng xong, không có khuôn sáo nào, luật nào bó buộc, dẽ biết bao nhiêu, không trách gì hập với thời thượng cũng phải.

« Họ bảo rằng: Cái thời đại này là thời đại máy móc, trãm ban vạn sự gì cũng cần sự mau chóng tiện lợi, đâu có phải như cái đời cũ kỹ trước kia, bất kỳ việc gì cũng chán chường, chậm chạp, làm phi mất thì giờ, nhà văn sĩ cũng thế, ngồi rung đùi tối ngày, tẩn mẩn tỉ mỉ, đeo gọt từng câu từng chữ, đối với thời buổi này không dùng lối ấy được đâu ». Nghe có lý lắm ! Nhưng có người các cô hỏi vặn lại một câu : « Thi là một món chơi, để tiêu khiển thì giờ, nó đối với nhân sinh thực tế không quan thiết gì, có cũng được, không không sao, ai bảo đeo đuổi nó làm chi, rồi chê bai nó, ghét ghen nó, mắng nó là lỗi văn chất

chia, ở trong quyền sáo niêm luật, không được tự do ? Nếu muốn dẽ dãi thì hắn cứ viết văn xuôi đi, cho người ta dẽ hiều, việc gì phải ngụy tạo ra cái lối văn «cồ chẳng ra cồ kim chẳng ra kim» ? Thị đây, tôi xin đem ra một bài này để làm đại biểu cho trăm nghìn bài khác :

### « CẢNH TRỜI XUÂN »

« Cảnh trời xuân,  
« Em dạo ra sân,  
« Đứng trông, em càng khoái tinh thần.  
« Kìa kìa, con chim nó hót cái giọng  
• Thành thót như một vị mĩ nhơn, khảy khúc đờn.  
« Khúc đờn này, tiếng nhặt tiếng khoan, tiếng cao tiếng  
« Thấp, dường như khêu gợi mối xuân tình của em  
« từ bấy lâu nay dồn dập.  
« Rồi em nghĩ vơ nghĩ vẩn, tâm hồn em lẩn thẩn.  
« Nghĩ cái tuổi xanh này, là cái tuổi thơ ngây  
« Một mai xuân này đã qua, thân em già  
« Lúc bấy giờ, em trưởng tượng lại,  
« Em chỉ xiết ngậm ngùi, nỗi ngậm ngùi.  
« Mây bay, nước chảy, hoa trôi. »

(Xin dấu tên của tác giả)

« Đó, thơ mới đó ! Tác giả chính là tín đồ của thơ mới, thật tôi ráng đọc; tôi muốn nói thơ, thì thơ chẳng ra thơ, tôi muốn nói ca, thì ca cũng chẳng ra ca. Tôi chỉ hiểu cái bài ấy là cái bài ấy đó thôi !

« Song, cái bài này đây, nghe ra còn có câu, có nghĩa, chỉ hiềm nó không ở trong một khuôn sáo là « thè » gì cả.

« Tác giả bài này trước kia là tín đồ của thơ luật, có nhiều bài thần tình lắm, chẳng biết bị cái phong trào thơ mới nó lôi cuốn thế nào, nay lại xoay sang làm tín đồ thơ mới ?

« Lại gần đây, có nhiều nhà phỏng theo điệu thơ Tây  
làm ra nhiều bài, cũng tự cho là thơ mới.

Như bài này :

« BÊN GỐC CÂY DỪA »

« Anh nắng trời thu dịu dàng êm mắt,  
« Bên gốc dừa, cô em ngồi lặng buông câu.  
« Trên thảm cỏ xanh, bên sông bát ngát,  
« Cô đăm đăm nhìn dưới nhịp cầu.  
« Phong cảnh đẹp bóng cây in bóng nước,  
« Lá rung rinh, tàn xanh lá lướt.  
« Mặt cô em tròn trắng xinh tươi,  
« Dưới vành khăn, phor phất mái tóc mai.  
« Mắt lóng lánh, làn môi tươi thắm;  
« Khiến cho tôi nhìn cô em say đắm.  
« Nhẹ nhàng tôi bước lại một bê.  
« Ngồi gần cô, tôi lắng lặng ngắm xem,  
« Giờ lâu tôi mới tìm lời ướm thử  
« Răng « câu cá vẫn là một cái thú :  
« Những người thanh tao ăn đậm xưa nay,  
« Chỉ biết thanh nhàn với cỏ cây.  
« Sớm vác cần câu bên khóm trúc...  
« Buông cần cô em ngẩn nhìn tôi :  
« Cặp mắt ngây thơ, cô trả lời :  
« Em nào phải thanh nhàn phong phú,  
« Mượn cảnh thiên nhiên làm vui thú.  
« Nhà nghèo sớm tối em nhọc nhăn,  
« Lúc dưới nắng hạ, lúc mưa xuân,  
« Lúc gió đông thổi lạnh lung rét mướt,  
« Và sương thu rơi thảm ướt,  
« Em vẫn phải làm với ngày tháng cho qua,

« Bên gốc cây, câu đè nưỡi nồng mẹ già,  
 « Trong túp lều tranh, sớm mong chiều đợi.  
 « Hai mắt đã lòa, hai chân đã mõi,  
 « Chỉ trong vào em, kiếp sống chiều tàn...  
 « Căn lòng yêu, đè che nỗi khóc than...  
 « Em nào phải thanh nhàn phong phú,  
 « Morgen cảnh thiên nhiên làm vui thú,  
 « Sớm câu, chiều câu, lại mai câu.  
 « Mong có cá nhiều và mong mẹ sống lâu,  
 « Bữa qua bữa với tấm lòng vui vẻ,  
 « Của một mẹ già, trông mong ở con trẻ.

« Thè thơ đó, bắt vẫn như thế thơ Tây, nhưng tác giả phun chau nhả ngọc, muốn bao nhiêu tùy ý. Có bài gấp đôi, lại cũng có bài ngắn bằng nửa.

« Mà rồi ta thử lắng lặng ngâm coi, coi cái giọng ngâm nó ra sao ? Ngâm như rgâm thi thì ngâm thế nào được, hay là phải ca như ca Văn Thiên Tường ? Hoặc phải bắt giọng như giọng ca Tiều của cô Phùng Há ?

« Xét cho kỹ, chẳng qua tác giả chán nản cái công phu đặt thi luật, nó chỉ có bốn câu tám câu năm văn, ba văn mà phải cho đủ ý, đủ lời, không thất niêm, không phản luật, không lạc văn, thấy khó chơi, rồi thì băng qua một con đường khác để dang cho dễ dãi, nhưng không ngờ lại đậm ra cái bãy đại sa mạc minh mông !

« Muốn cho dễ dãi một ít, khỏi mất công phu đẽo gọt, thì tôi xin hiến cho một kế là hăng làm theo lối thơ Đường, mà thế Đường có phong. Thì như bài này :

### *THƠ VUA SIAM MỚI GỬI CHO VUA CŨ*

« Năm xưa chú bảo chú đau mắt ;  
 « Bà con ai cũng cho là thật ;

« Cả nước chờ chú về làm vua ;  
« Ai ngờ tin chú ngày một mệt.



« Bây giờ chờ chú gửi về nhà,  
« Rằng chú ở lại nước người ta,  
« Ngôi vua chú không muốn ngủ đến,  
« Thịnh suy mặc kệ nghiệp ông cha.



« Không lẽ nước có, vua không có,  
« Đinh thần mới chọn cháu lên đó,  
« Cháu đã nghĩ tới rồi nghĩ lui,  
« Cháu biết làm vua là chuyện khó.



« Vì rằng trong nước đảng phái nhiều,  
« Quân chủ, dân chủ biết bao nhiêu,  
« Rất nhất là chính sách lập hiến,  
« Quyền vua chỉ còn có một thu.



« Cũng vì mẹ cháu bàn giải mãi,  
« Cháu không làm vua cháu cũng dài,  
« Dẫu chỉ có vị không có quyền,  
« Nhưng mình ăn tiêu còn rộng rãi »



« Hỗnг chỉ kính tē buồi khó khăn,  
« Tay làm không đủ cho miệng ăn,  
« Ai chê ai cười chi cũng mặc,  
« Làm vua còn suróng hơn làm dân.

### ĐƯỜNG QUANG

(Trích ở báo Ánh Sáng)

•Đó cũng là lối thơ dễ dãi, mà nghe hay, lại có lý thú nữa.  
Nếu muốn văn hoa thêm thì phỏng như bài này :

### HOA THẬT HOA GIÀ

(Lời cô hàng hoa)

«Cô em hàng xóm sinh nhà nghèo,  
«Trồng hoa dưới hoa sớm lại chiều.  
«Gió đông vừa thời hoa vừa nở,  
«Cắt bó vội vàng đem bán chợ.  
«Chợ chiều lác đác người hờ quang,  
«Gánh hoa còn nặng cô bàng hoàng.  
«Nào đâu quà em, nào cháo mẹ,  
«Mẹ yêu em thơ lòng những thương !  
«Đè hoa xuống rãnh bưng mặt khóc,  
«Khóc ra giọt lệ như giọt ngọc.  
«Cúi đầu gạt lệ sợ người cười,  
«Nhìn hoa dưới rãnh mắt khôn rời.  
«Thương hoa thương cả công van xói,  
«Sương nắng công trình biết mấy mươi !  
«Ô hay ! người đời riêng tinh lá !  
«Hoa thật chẳng thích, thích hoa giả,  
«Hoa thật hỏi mua nào mấy người ?  
«Hoa giả đắt hàng như tôm tươi,  
«Cô em ngâm nghì bụng sục nhớ,  
«Vì nghèo nên phải liệu chiều đời,  
«Mua lụa mua phàm, mua giày sắt,  
«Nhuộm đủ các màu đem kéo cắt,  
«Nào cành, nào cành, nào dài trang,  
«Khéo làm chẳng khác chi hoa thật.  
«Làm xong hoa giả bán nhiều tiền,  
«Lãi lời tốn túi ngày một lên.

«Mẹ khỏe, em học, chị buôn bán,  
 • Tay không bỗng chốc đư bạc nghìn !  
 «Cô khi thông thả thăm vườn cũ,  
 «Mắt trông trăm hoa chiều ủ rũ,  
 «Tàn tàn, nở nở biết bao lần,  
 «Mưa mưa, gió gió ai là chủ ?  
 «Tàn ngắn ngắm nghĩa cô thương tâm !  
 «Chứa chan dòng lệ khôn ngắn cằm !  
 «Thương hoa, thương cả nghè buôn bán,  
 «Lai láng tình riêng năm lại năm.

### NHƯỢNG-TỔNG

«Gần đây lại nỗi cái phong trào thi bình dân. Thấy có  
 nhiều tờ báo đăng những bài thi, trong đó tác giả dùng nhiều  
 tiếng rất tục tiêu khó nghe quá. Như là : ỉa phết phết, ăn ngủ  
 đ......., bày mồng tròn... Bão rằng đó là thơ bình dân. Lại còn  
 ngực biện bảo là lỗi tả chân. Gớm thật !

«Đâu có hiều rằng, thơ bình dân nghĩa là thơ có tánh chất  
 bình dân, không cái «mốt» thường nguyệt xem hoa, đề non vịnh  
 nước, tiêu sầu khiền hứng như những trang tài tử phong lưu,  
 không mơ mộng lên cung quế, gặp Hằng Nga, uống rượu đào,  
 nghe khúc sinh ca, như phái thi-ông lăng mạn. Chỉ cốt lời văn  
 mộc mạc, tả ra cái phong vị của hạng bình dân mà thôi.

«Muốn tập làm thi bình dân thì hẵng bắt chước như  
 bài dưới này :

### « ĐI LÀM THUÊ »

«Miền tôi ở lù dờ,  
 «Đã cách với nguồn lại xa chợ.  
 «Muốn buôn, không có đồng vốn nào,

«Muốn cày ruộng, không có môt sờ:  
«Học mới học cũ cũng dở dang,  
«Không phải thầy, cũng không phải thợ.  
«Trong tay không có nghề,  
«Thêm nạn khủng hoảng gớm ghê !  
«Ma đói đục thúc mãi.  
«Buộc mình bước churen đi làm thuê  
«Nghe nói miệt trong đường xe lửa,  
«Các ông đứng thầu làm nhiều sờ.  
«Lật đật mang gói đi ngay vào,  
«Cùng bạn cô li làm đợi bùa.  
«Đào đất đập đá,  
«Công việc vất vả.  
«Mong rằng mồ hôi đồi bát cơm.  
«Đồng công đồng nợ, có tiền trả,  
«Nào hay vài tháng nay,  
«Làm rồi tiêu rồi, không có đồng nào còn dính tay.  
«Chỉ lừa cái mình mộc,  
«Đi về lỡ curòi lại lỡ khóc !

Người Làm Thuê  
(Trích ở báo Tiếng Dân)

« Đó, xem có chữ nào quê kịch, sống sương, tục tiều  
không ?

«Luôn dịp nói chuyện thơ, tôi xin nói đến thơ Đông Hồ :  
«Đông-Hồ tiên sinh, một nhà thi sĩ đã viết ra nhiều tập,  
in ra nhiều cuốn, hình như tác giả có cái sở thích về thơ.

«Tôi đề ý xem thì đoán được ngay nhà thi sĩ này có mấy cái đặc tính :

«Mấy năm trước, nhà thi sĩ vẫn là tín đồ của phái thi niêm luật, khoảng trung gian lại ít chuyên về lối ấy, thường dùng «Thơ tản văn».

«Tôi không hiểu lối này là lối gì. Xin trích ra một hai bài dưới đây :

### BÓNG TRĂNG TÀN

«Bàng hoàng tình giặc, mảnh trăng khuya chắp chời giài  
bên màn, ngửa mặt nhìn trăng, lòng sầu quẩn quít Cùng ai  
dưới bóng trăng này : Gió hắt, sương bay, đêm thu lạnh. Cảnh  
xưa tình cũ nào đâu : tay ngọc ai cầm, lòng son ai tựa, tóc  
mây ai buông tỏa bên vai.

«Với bắt bóng trăng, bức màn rung động, nòo phải đâu  
tay ngọc ai đưa, đè áu yếm mõi ân ti iờ trèn đâu năm ngón..  
gối nghiêng trắn trọc suốt cảnh dài !»

### CÀNH HOA HỒNG

«Bình pha lê lóng lánh, cầm cành hoa hồng, tay ai vừa cắt  
«trước sân nhà, buỗi tan sương sớm. Đôi má hây hây, kẽ tựa  
đóa hoa mơn mởn, vẻ đẹp như lán, khiến cho bông hoa hồng  
«thìn thẹn nụ cười. Một ngày qua trở lại, cánh hồng bay rơi  
«tả khắp bàn...

«Một năm qua trở lại, đôi má hây hây đâu đã vắng, cánh  
hoa hồng năm trước đã héo khô rồi. Đôi má hây hây, nay có  
elé, đang kẽ tựa đóa hoa mòn mởn nào đâu, nhưng vẻ đẹp biết  
«có như lán, mà khiến cho bông hoa hồng thìn thẹn nụ cười  
nữa không ?»

«Còn nhiều nữa, vô khổi ! Tôi chỉ trích ra hai bài đó  
cũng như các bài khác.

« Tản văn là tản văn, mà thơ là thơ, đâu có thơ với tản văn chung với nhau làm một được ? Nếu bảo thơ thì tất nhiên phải có văn nghe mới được chứ, dầu cồ, dầu kim, dầu Đông, dầu Tây, chưa từng thấy lời thơ nào mà thơ không văn, xin hỏi Đông Hồ tiên sanh ?

«Gần đây, nhà thi sĩ lại cũng chịu ảnh hưởng «thơ mới» ít thấy làm tú tuyệt, bát cú như trước nữa, hoặc giả bị cái trào lưu thời thượng nó lôi cuốn rồi chẳng ? Nhưng xem thơ mới của tác giả thì có phần kém hơn thơ luật nhiều. Tôi chưa nói chỗ hay chỗ dở, ý thì ít mà lời thì nhiều, đại khái như bài thơ này :

### TRƯỚC GIÓ

(Tặng Thanh Lan)

«Chập tối hôm qua, ta gặp một người trong mộng.

«Người có cái đẹp dịu dàng, xinh tươi lồng lộng.

«Là cái đẹp mặn mà, đầm thắm của người con gái đến thì,

«Cái đẹp dễ khiến cho người nhìn đắm đuối say mê.

«Nàng đứng trước chỗ ào ào cơn gió rét,

«Hơi gió lạnh như thấm vào trong xương thịt,

«Chiếc áo lụa phong phanh màu tuyêt trắng bong, giải khăn

«san phon phót màu hồng bay lá lướt, phất phơ theo chiều

«gió lốc, như một áng mây tàn lòn vòn trên cành cây ngọc.

«Ta, bấy giờ, thấy người giá buốt, mà trông nàng thì  
«như chẳng chút lạnh lùng. Âu yêm, ta sẽ hỏi : Emơi ! Lạnh  
«nhi ? Mim cười, đáp lại lời ta : Anhơi ! Tuổi trẻ ! tuổi trẻ  
«là tuổi êm đềm, đầm ấm, nồng nàn, thì chỉ có sợ nỗi lạnh  
«lùng của sương gió, của thời gian.

«Mặc gió thời, sương gieo, thời gian lạnh đạm, ánh  
«thanh hồng của lòng ta vẫn ấm và vui với văn chương, trắng

*gió, cỏ hoa, với non sông, ánh sáng và nhất là với tình ái của đôi ta ?*

### ĐÔNG-HỒ

« Tôi xin mạn phép tác giả, cũng trong bài ấy, bấy nhiêu thứ, tôi xin rút lại 8 câu như thế này :

*Gặp người trong mộng tối hôm qua,  
Trạt tuổi xuân xanh nét mặn mà.  
Chiếc áo phong phanh màu tuyết nhuộm,  
Giải khăn phơn phớt áng mây qua.  
Lạnh lùng chẳng quản cơn sương gió,  
Đầm ấm như say thú cỏ hoa.  
Ấu yếm, ta vừa lên tiếng hỏi,  
Mỉm cười, liền tỏ tấm tình ra.*

« Như vậy cũng đủ ý, đủ nghĩa, mà chẳng gọn hơn sao ?

« Tôi đã đọc qua các tập thơ Đông-Hồ, tôi có đề ý đoán xét được tác phẩm của nhà này hầu hết chín phần mười là thư tình, mà là tình mơ mộng cả, thành ra hão và phù phiếm quá, ít có bài nào vịnh vật hoặc kỷ sự như mây nhà thi nhơn khác. Thủ lật một tập «Thơ Đông Hồ» ra xem thì nhan nhản những bài : *Chơi hoa, Khóc hoa, Nhớ Mai, Trông trắng nhớ người, Dưới hoa, Buồn nhớ người xưa, Buồn vơ buồn vẫn, Gặp nhau, Trách nhau...* chan chứa cả giọng bi sầu ảo não.

« Rồi xem đến cuốn « Cô gái xuân » cũng thấy rặt những bài :

« Ngắn lệ, Quả tim, Cái hôn lăn đàu, Giặc mộng tình, Dưới nhau, Hôn em, Dưới cây, Hỏi nhỏ, Gió buồng xuân... Cũng là lai láng cả tình là tình !

« Thì ra cái tâm hồn nhà thi sĩ này thường vơ vẩn ở cõi

« Cánh hoa thủy nguyệt » cùng là tiêu-dao noi « hận hãi tinh thiên » trừ ra không mấy khi thấy lỗi văn nào khác nữa. Tản Đà Nguyễn khắc Hiếu cũng bị mấy cái tật ấy mà Phạm-Quỳnh tiên-sanh tặng cho cái tiếng « văn-choi » « Ngông » chỉ nghĩa là không thiết thực.

« Vậy xin thi sĩ Đông Hồ cũng nên bót bót cái lỗi văn tình đi, xin luôn đừng chơi thơ mới nữa, hãy khôi phục lại lỗi thơ như các bài mấy năm trước đã từng làm, mong sau này sẽ trở nên một thi-gia thẳng mặc ».

Sau khi chửi bới thơ mới và khuyên Đông Hồ nên bỏ thơ mới trở về với thơ cũ, Tùng Lâm Lê Cương Phụng còn lên tiếng cực tán thơ Đường mà ông cho là hơn hết mọi thứ thơ vì năm lý do sau đây (xem bài *Những cái đặc sắc của Đường thi*, V.H.T.S số 9 tháng 9 năm 1935).

- 1) Là nỗi tiễn cuối cùng, tột đỉnh của thi ca Tàu.
- 2) Là vì nó là thiê thơ đã cả xã hội cực văn minh Trung Hoa trau dồi tô điểm trong mấy trăm năm.
- 3) Là vì nó là một kho tàng văn chương vô cùng phong phú, đủ màu, đủ sắc.
- 4) Là vì nó là thiê thơ thuần nghệ thuật chứ không phải là thiê thơ đạo đức.
- 5) Là vì lắm khi nó còn bao hàm ý nghĩa bình dân, phồn thông.

Đều là thi, trước đời Đường thì Hán, Tấn, Ngụy cũng có thi, sau đời Đường thì Tống, Nguyên, Minh, Thanh cũng có thi. Thế sao lại Đường thi vẫn có giá-trị hơn ? Các nhà thi-sĩ phê-bình nhau cũng lấy thi Đường làm căn cứ, các nhà nho-học, cũng lấy thi Đường làm Thi-pháp nhập-môn. Cho đến mấy câu

sao. ngữ ở Tàu thường nói «Đường thi, Tống tự, Hán văn-chương» «Đường nhân phong vị» v.v... Thì biết thi Đường có giá trị hơn các thi khác. Nhưng, ta nên biết cái đặc-sắc của nó ở chỗ nào?

«Có người nói: Lục-triều vẫn có thi, nhưng thi ấy phần-nhiều phức-tạp, Tống, Nguyên, Minh vẫn có thi, nhưng thi ấy không được phong.tao, không bằng Đường-thi gồm đủ các thè tài. Nói thế, vẫn có lẽ, song chỉ lấy một phương-diện chớ sự thật thì còn nhiều chứng tá. Muốn biết cái đặc-sắc của Đường thi, nên xem lời phê-phán của ông Hồ-vân-Đực thì mới biết rõ là xác đáng hơn.

«Ông Hồ là một thi.sĩ có tiếng ở đời nhà Thanh, người có công nghiên cứu về thi học, có viết ra cuốn nghiên-cứu về Đường-thi, trong có nhiều đoạn bài bác các nhà thi.sĩ xưa nay nhiều chỗ ngộ giải; nay tôi chỉ xin lược trích ra một chương nói về chỗ đặc sắc của Đường-thi, hiến cho các thi-nhân được biết một ít Đường.nhân phong-vị,

«Đường-thi sở dĩ hơn các thi khác, có bốn cái đặc-sắc:

«Một là do thè thi của Tán, Ngụy mà biến thành mới, có niêm luật, có cò, cận thè, có trường đoản thiêng. Tức như các bài đã tuyển trong bộ Đường.thi tam-bách-thư.

«Hai là đời Thạch-Đường từ vua Cao.tôn về sau, hơn ba trăm năm triều-đình chỉ chăm một mặt dùng thi-phú từ-chương làm nấc thang cho sĩ-phu trong nước. Đại đè như ông Lý-thái-Bach làm ra ba bài «*Thanh bình Địch*» thi được vua Huyền-tôn yêu quí lạ thường, ông Bạch-cử-Dị làm bài *Trường Hận Ca* thi vua Hiển-Tôn vời làm chức Hán-lâm học-sĩ, vua Mục-Tôn thấy tập thi-ca của Nguyên Thận thi vời làm chức xá-nhân, cho

đến cáccung-phi, hoàng hậu như Võ-Hậu, Vi-Hậu, Mai-Phi, Dương-Phi đều là các bà thích ngâm-vịnh cả. Người bè trên đã ham chuộng, tự nhiên kè bè dưới phải lấy đó làm con đường tiến thân, thành ra một phong-khí tập-quán.

«Ba là ảnh-hưởng của thời-cuộc; vì đời Đường từ khai-nghiên Thiên-hữu sắp về sau, trong nước thường gặp nhiều cảnh éo-le, những cảnh ấy dẽ làm đề tài cho thi nhơn đẽ vịnh, đại khái như việc An-Lộc-Sơn đời Minh-Hoàng, việc Sứ-tư-Minh, đời Túc-Tôn việc Trần-hoàng-Chí đời Hiển-Tôn, việc Chu-toan-Trung đời Chiêu-Tôn, thấy thấy những đại biến trong nước, nhà làm thi hay dùng sử liệu vào thi ca, mở xem một bộ Đường thi bao nhiêu bài đáng ca tụng, đều là những bài thời thế, như *Điều chiến trường*, *Yên ca*, *Tùng quân*, *Khuê oán*, *Cung trung tử*... Có nhiều cảnh nên thơ, thơ mới này ra nhiều tinh tú, mới thấy chô đặc sắc.

«Còn một lẽ nữa, đời nhà Đường lấy thi làm tác phẩm văn-chương, chứ không như Hán, Ngụy và Tống chỉ lấy thi làm tác phẩm đạo đức, vì người đời ấy cho rằng dã là thi mà ngũ cái giọng đạo đức thì lời văn không được thôi xao, thành ra không lưu truyền được rộng, xem như thi của Châu-Mậu-Thúc, Thiệu-nghiêm-Phu ở Tánh-lý thì đủ biết.

«Vả lại, Đường thi thi có cái đặc sắc là phần nhiều có chứa chất nhiều quan-niệm văn-học bình dân. Đại khái như thi của Nguyên-Thận, Vương-xương-Linh, Bạch-cử-Dị, Cao-Thích, Vương-Duy... Phần nhiều thi của các ông ấy lời văn giản dị mà thâm, ý tứ dồi dào cà g dẽ cảm, thành ra một lối thi phò-thông trong đám bình-dân. Lục trong thi Đường có nhiều bài miêu tả cảnh thống-khổ của xã-hội, như là trọng-phú (thuở-nặng), Phụ-nhơn-khổ (cái khổ của người đàn bà), Mãi-thán-ông (ông

bán than) Chiết-tí-ông (ông gãy tay)... Nay tôi xin trích mấy câu trong bài Ông bán than dịch ra đây, để cho các bạn đọc biết rằng lối thi bình-dân đã xuất hiện từ đời Đường :

« Mãi thán ông, phật tân thiêu thán nam san trung, mẫn diện trần khôi yên hỏa sắc, lưỡng mán thương thương thập chỉ hắc, mãi thán đặc tiên hà sở dinh, thân thương y-phục khầu trung thực, khả liên thân thương y chánh đan, tâm ưu thán tiễn nguyễn thiên hàn»..

«Ông bán than, đốn củi đốt than núi Nam-san, mặt mày khói khém lem lợ bôi, mái tóc xanh kịt, tay đen thùi, bán than kiếm tiền lo mưu sinh, lo ăn trong miệng, mặc trong mình, thương hại mình ông áo mỏng lét, ông lo than ế, cầu trời rét...» Lối thi đó đủ chứng là một lối thi bình dân ».

Thế rồi, để kết luận bài «Những cái đặc sắc của Đường thi», Tùng Lâm kết luận bằng việc hô hào các ông làm thơ mới hãy thôi lập dị :

«Hỡi các nhà thơ mới của ta ! Đường, tưởng rằng Đường thi là thi cõi hãy chịu khó tìm kiếm trong thi Đường mà xem thử coi, không có lối nào mà thi Đường không có, cái đặc sắc của nó là gồm đủ các phương diện, các thè tài, cảnh có, tình có, tả chân có, qui phái có, cần gì phải bịa ra thơ mới làm chi, làm cho nhiều bạn trẻ em học cách háo kỳ, tập làm theo, đã bất thành cú, mà rồi một ngày kia không còn ai biết Đường thi là gì, chẳng là uồng cho văn nghệ ba trăm năm của một đời toàn thạnh lầm sao ?»

Cùng một quan điểm như Tùng-Lâm, Thiết-Diện bày tỏ thái độ ác cảm của ông đối với thơ mới ở bài : «Quan niệm của tôi đối với thơ mới » (V.H.T.S. số 8, tháng 8 năm 1935). Trong

bài này Thiết Diện cực lực chê trách thơ mới, coi nó chỉ là thứ đồ rác rưởi, trò múa máy quay cuồng của bọn người ngu dốt, nào có khác gì bọn du đảng mặc áo rắn ri, bọn lảng lơ đi giầy cao gót. Theo ông đã gọi là thơ mới thì phải mới như thơ của Hồ Thích bên Tàu, chứ đàng này thơ mới Việt Nam chỉ mới có mõi; một cái là bỏ niêm luật, còn tất cả đều cũ, đều xưa. Cái cũ và xưa ấy là cách dùng chữ; cách chọn đề tài, nhất là cái tinh thần từ chương, bạc nhược, thua trận, thiếu hẵn tinh thần bình dân, xa cái đại chúng vô sản lam lũ.

«Trong vũ trụ này, không có gì là không thay đổi ! Trái đất này vẫn xoay, thì tư tưởng người ta vẫn tiến ! Chúng tôi có lý nào không biết đến lẽ tuần tự tiến hóa mà lại đi nhận rằng thi phải ở trong khuôn mẫu chặt hẹp của luật Đường và chỉ có thi nào ở trong khuôn mẫu ấy mới gọi là thi.

«Nhưng muốn làm một nhà thi chân chánh trong phái mới, thì ít ra cũng phải biết thi là gì đã, và cũng phải biết qua những luật Đường, làm được một bài thi cõi, dầu không hay cũng phải đúng với thi pháp. Như thế, nghĩa là tôi muốn nói nhà thi sĩ, phải có một cái khiếu về thi, phải có một cái học chắc chắn, chó chẳng phải cợp nhặt nấm bảy câu vô ý thức làm thành một bài vô nghĩa lý mà đã lên mặt thi hào đậu !

« Một ông bạn già yêu quý của tôi thường hay nói : « Thời hử qui lộng, Bọn ranh con thường hay cho mình hủ lậu, nhưng cái mới của chúng chỉ mới ở hình thức, mà mới một cách lỏng lǎng theo cái kiều áo rắn ri dài không khỏi đầu gối, và đôi giày cao gót cao gần một tấc tây :

• Tôi hiểu ông bạn ấy lắm. Theo ông bạn, thì dầu mới dầu cũ, cũng đều có khuôn phép cả, nếu không thì 20 triệu người

ý muốn của mỗi người !

« Chắc ai cũng biết bác-sĩ Hồ-Thích là người đề-xướng ra thơ-mới ở Tàu, trong cuốn « Thường thi tập » tiên sanh có đặt tám luật cho thơ mới, gọi là luật « Bát Bắt » :

- 1)— Không dùng diền tích,
- 2)— Không dùng chữ sáo,
- 3)— Không buộc đổi vế;
- 4)— Có thể dùng chữ tục,
- 5)— Phải biết văn pháp,
- 6)— Bỏ lỗi không đau mà rên,
- 7)— Không buộc theo người xưa,
- 8)— Phải nói có sự thật.

« Thơ mới của ta đã có luật gì chưa, hay là mạnh ai nấy đặt luật ?

Ông bạn già yêu quý của tôi lại một phen chíp miệng thở dài :

« Than ôi ! Mấy ông làm « thơ mới » ở nước ta miệng còn hôi sùa thì đâu phải là Hồ-Thích ở nước Tàu ! »

« Thơ phải kè cái hồn của nó đã rồi sẽ kè đến cái hình thức. Cái hồn chưa thoát khỏi sáo cũ, cũng còn nghe « Tiếng sáo Thiên Thai », « Tiếng trúc tuyệt vời », « Tiếng nhạn kêu sương » v.v.. thì đòi cái hình thức phỏng có ích gì ? Đó cũng chẳng khác chi bắt một bà già mặc áo rắn ri, đi giày cao gót. Độc già thử tưởng tượng trong iri, coi có được không ?

« Tiếng nhạn ở đâu, kêu sương hồi nào, và sao gọi là Tiếng Sáo Thiên Thai ?

« Thế là ở trong những bài thi cũ, người ta còn dung thứ ;

chó đã tự xưng là «thơ mới» mà còn sáo hù như vậy, thì đâu phải là những «chiến sỹ chắc chắn!» đè đở gạt những mũi tên của những người đại biều cho thơ cõ có cái tên như «Nguyễn-khắc-Hiếu», «Trần-tuấn-Khai»..?

«Tôi vẫn biết rằng văn chương thi phú chỉ là cái phản ánh vật chất, trên chỗ vật chất đã có điều cài cách thi trên chỗ văn chương làm sao cũng không khỏi có điều biến dịch. Nhưng một nhà thi chân chánh, ngoài việc biều lộ tư ý ra, còn phải làm một người hướng đạo cho quần chúng nữa.

«Nhà thi phải nhắm đến quyền lợi của quần chúng trước nhất, chứ chẳng phải chỉ biết có mình mà không biết có ai. Vậy thi ca không phải chỉ dùng để biều diễn cái tâm hồn của cá nhân mà đủ; cái quan niệm của phái thi sĩ lối mới như thế nào?

«Nếu có dịp «giải phẫu» những tác phẩm của họ ra, thì cũng chỉ thấy đầy cả sự yêu đương mơ mộng, vì họ chỉ biết phát biều tâm hồn đau khổ của một giai cấp «thua trận», không nữa thì họ cũng chỉ biết sùng bái một vài cử chỉ anh hùng, sự sùng bái ấy chỉ là cái óc nô lệ của thời đại phong kiến còn sót lại mà thôi.

«Thiệt nhắm ra chẳng bồ ích gì cho hạng bình dân nghèo khổ, vì đối với cái quan niệm trên ấy thì hạng người sau này vẫn không ham muốn thú ái tình mơ mộng viễn vong của một số người phong lưu dài các và cũng không có tư tưởng giống với tư tưởng sùng bái anh hùng, yêu nhà yêu nước của số ít người kia, đời bây giờ biết bao nhiêu đứng vô danh anh hùng đã phơi thân giữa đầm bình nguyên để mua cái tiếng anh hùng cho một mình Mussolini, Hitler, hay Tưởng Giới Thạch..

«Đời bây giờ, không có tư bản thì không có nhà, và anh lao động ở đâu sống được thì ở đó là quê hương, vậy thuyết yêu nước yêu nhà có còn đứng vững không ?

«Cái quan niệm của mấy ông «thi sĩ mới» đối với cuộc thiết kế sanh hoạt tôi chẳng thấy có chút gì là mới cả, mới chẳng là mới với các ông ở giai cấp tiêu tư sản chớ chẳng mới gì với giai cấp bình dân.

«Xét về phuơng diện vật chất, thì những bài thơ mới của một vài ông bạn thiếu niên thi sĩ mà ông Nguyễn triều Luật gọi là «một tai văn sĩ non hưng lấy mà vung vẩy những áng văn không xuôi không văn», xem ra chưa có những niêm luật gì nhứt định. Thế nghĩa là thơ mới có kỳ cương đáng ở riêng vào một học phái. Đọc phần nhiều những bài thơ mới bây giờ, người ta đều có cái cảm tưởng rằng nhà thi sĩ bỏ cái khó tìm cái dễ dè mạnh ai nấy viết, mạnh ai nấy ngâm. Đó là chưa nói đến sự dùng chữ sai (như nàng Ly Tao là nghĩa lý gì!).

«Xét về phuơng diện tinh thần, thì những bài thơ mới ngày nay đó chỉ là cái tiếng nói của giai cấp tiêu tư sản, là một giai cấp bại trận không có sức phản đấu hắn hòi như cấp bình dân. Chính giai cấp sau này mới là nguyên động lực tiến hóa của xã hội.

«Mấy ông bạn trong làng «thi mới» nếu có cho tôi hủ tôi xin chịu, nhưng tôi không sợ mất lòng mấy ông mà đám nói lớn với anh em bình dân rằng :

«Cái phái thi mới ấy vừa xác, vừa hồn không có ích gì cho anh em, chị em chúng ta cả ! Hãy tẩy chay đi!»

«Không tẩy chay cái tinh thần bạc nhược của giai cấp

thưa trận thì anh em chị em ta sẽ gặp lầm điều trở ngại trên con đường tiến thủ của chúng ta.

« Chứng nào thi mới của các ông có một khuôn khổ « mới » nhứt định, và thứ nhứt, chứng nào thi mới có một tinh thần bình dân đặc biệt, không có cái lối ru ngủ, cái lối mơ mộng hão huyền và biết ca tụng sự phẩn đấu của chúng tôi thì chứng ấy chúng tôi sẽ hoan nghinh ngay.

« Rồi đây chúng tôi sẽ lần lượt đem những bài thi mới mà một số người làm thi mới đã ca tụng đề bình phầm, chúng tôi sẽ chỉ cho tác giả các bài thi kia thấy rằng tinh thần và thề chất mảnh là cũ.

« Xin ai kia đừng trách rằng chúng tôi cay nghiệt với phái thi mới, mà biết cho chúng tôi chỉ muốn làm một người bạn « ngang bằng số thẳng » mà thôi.

« Chúng tôi không chê thi cũ là sáo, bởi vì mấy ông đã chê nó là sáo rồi ».

Mang nặng óc đảng phái, có khuynh hướng thiên tả, Hoàng Tân Dân, không công kích thơ mới vì thơ mới bỏ phép tắc cũ, mà chê thơ mới có thái độ phản động, phản cách mạng & chố chỉ phục vụ cho tư bản, không đau mà rên, cho nên lúc nào cũng xướt mướt (V.H.T.S. số 9, tháng 9 năm 1935).

Sau cùng, Đầu Tiệp, vào tháng 11 năm 1936, (V.H.T.S số 26), lại lên tiếng « Nói chuyện về thi ». Trong bài này, Đầu Tiệp kết án Phan Khôi rất nặng nề. Theo ông, chính vì ganh ghét Tân Đà hơn mảnh về thi mà Phan Khôi phải lập ra thơ mới để được thiên hạ biết đến tên tuổi mình. Và bọn thanh niên ngu dốt không làm nổi trò trống gì đã ùa chạy theo Phan Khôi. Thành thử bên thơ cũ gồm bao nhiêu thiên tài thì bên thơ mới gồm bấy nhiêu tại nhãi con, ngu dốt, bất tài. Giới thuyết

như vậy rồi, Đầu Tiết đưa ra các diềm mà người ta chê thô cũ để lại bênh vực thơ cũ, từng diềm một, như việc dùng điền, dùng sáo ngũ, lặp lại tư tưởng của tiền nhân.

« Từ ngày ngọn cờ ba sắc đã dựng nên giữa cõi trời Nam, muôn hiều biết ngôn ngữ của người Pháp để tiện ra hợp tác với họ, hòng giành lại trong muôn một, một ít quyền lợi của ông cha để lại, quốc dân ta đều đua nhau xu hướng về đường văn học. Chữ Hán, một thứ chữ trước kia người mình vì dùng quen đã lâu đời, đã hầu thành ra một thứ tiếng mẹ đẻ, từ đó theo có chuyện vận đã hầu lọt ra ngoài vòng đào thải. Nhân tài nước ta bây giờ tâng học càng rộng, thì Hán học càng hẹp; Hán học đã hẹp thì quốc văn phải kém, vì chữ hán mà có người đã gọi là chữ Hán Việt, nghĩa là chung của Tàu và Ta, vắng nó thì chữ Annam nói ra hầu không thành tiếng nữa.

« Tuy vậy mỗi khi đọc đến những tác phẩm bằng tiếng mẹ đẻ của các cụ Nguyễn-Tiên.Điền, Nguyễn-Công-Trứ, tâm hồn ta tự thấy rung động rồi đem lòng khao khát, thèm thuồng, nhưng cố làm cho được một bài thơ như người xưa thì ngồi bóp trán mãi cũng chẳng thấy ra được chữ gì, hoặc được thì lồ dồ vài chữ kết lại cũng chẳng thành câu! Thẹn thuồng và tức giận, bọn thanh niên ta đồ ra ghen với cõi nhân hầm hầm, toan đập đồ những xiềng xích trong lối thơ Đường.

«Đường lúc ấy, thì Phan Khôi và Nguyễn khắc Hiếu hai người không biết tại sao lại có điều xích mích nhau, rồi nỗi giận cãi nhau, mắng nhau, rồi ghét bỏ nhau!

«Tự nghĩ Nguyễn khắc Hiếu là kẻ thù của mình, mà trên đàn thơ lúc nào mình cũng nhường hắn đứng trước, Phan Khôi bèn muốn rẽ ra một con đường khác, bụng bảo dạ rằng dusk hắn có đi trên con đường ấy, thì ta cũng được đi trên con

đường này, cũng như một bên làm tướng nước Nhựt, một bên làm tướng nước Xiêm, nghe nói hai bên làm tướng cả thì người đời cho là hai bên nghịch nhau, nào ai biết tài bên nào cao, trí bên nào thấp mà phân biệt trên dưới. Nghĩ thế rồi Chương Dân tiên sinh vung vẩy vác bút chạy ra một con đường mới «Đá đảo Đường luật, làm thơ theo lối mới». Bọn thanh niên nói trên nghe được câu nói của Chương Dân tiên sanh liền hăm hở bắt hơi nỗi gót theo tiên sanh. Phái thơ Đường điêu cợt họ càng cay thì họ lại châm chích phái thơ Đường càng độc. Phái thơ Đường gần những bậc lão thành hay thanh niên kiêm thông cả tân học cựu học, hay riêng giỏi về một môn học thì cho họ là «một túi văn sĩ non hứng lấy mà vùng vẫy một thứ văn không xuôi không văn». Hoặc có người độc hơn thì lại thuật bài thơ cõi người ta vịnh con cóc đè cười những kẻ làm thơ không ra thơ.

*Con cóc trong hang, con cóc nhảy ra,*

*Con cóc nhảy ra, con cóc ngồi đó,*

*Con cóc ngồi đó, con cóc nhảy đi !*

«Rồi kêu bọn «thơ mới» mà cười rằng tôi tướng thơ mới của các anh ra thế nào té ra cũng như thơ con cóc mà có người đã làm hơn trăm năm trước. Lời công kích có thú vị và cay độc quá. Tôi xin giả làm một nhà thơ mới đáp lại.

«Người làm bài thơ con cóc, là vì ngó thấy con cóc như vậy mới làm thơ, người không biết céc thì biết gì mà bình phẩm thơ cóc ! Không, những nhà thơ mồi gồm có những kẻ mới học tòm tem được 3 chữ Pháp, không hề hiểu một giọt (ne comprendre goutte) về hán văn họ không thèm đáp lại một cách vu vơ như vậy đâu. Trái lại câu trả lời của họ có nhiều khi nghe ra cũng có phần xác thực lắm.

« Họ nói: các ông chỉ là những bọn nô lệ chịu trói buộc trong những luật pháp nghiêm khắc của thơ Đường.

«Nhưng họ quên rằng chính nhờ ở chỗ pháp luật nghiêm khắc đó mà thơ Đường rất dễ nhớ. Vì trong bài thơ đã hẹn trước rằng «chữ nào trắc chữ nào bằng», nên khi ta đọc mà thấy sai thì tự nghĩ liền và đổi lại, tuy vậy ta cũng đừng nệ theo Đường luật lăm, chịu thất luật một đôi chỗ mà câu thơ thấy già hẳn lên ta cũng thấy vui lòng, nhưng chỉ khi nào bắt đắc dĩ không dùng chữ ấy mà dùng chữ khác thay vào không thú bằng thì ta mới chịu dùng chữ ấy và cam tiếng thất luật vậy. Phái thơ mới lại chê : thơ Đường của các ông chỉ biết khóc trăng khóc gió. Thơ Đường luật cũng có nhiều bài khắng khái lăm chữ, Các ngài hãy đọc thử lại những thơ văn cõi ngày nay quốc-dân hãy còn truyền tụng mà xem. Người xưa dẫu có nhiều khi họ than khóc thì trong tiếng than tiếng khóc của họ cũng nghe rất là động truỵt phu. Tả một cảnh đang roi châu đau ruột, như trong *Chinh phủ ngâm*, họ chỉ biết dùng ngòi bút vẽ ra một bức tranh khiến ta trông vào mà tự đau ruột roi châu, chứ trong bài nào họ có hè dùng tới một chữ roi châu đau ruột ? Các ngài không nhận rằng sẵn là một cái bệnh chung của con nhà văn nhà thơ mà nỡ công kích kẻ đa sầu đa cảm ? Ấy thế mà các ngài chỉ biết làm những lối thơ phóng đãng là gì ? Các ngài thường « ôi ! thấy hoa bay các ngài cũng « ôi ! thấy lá rụng các ngài cũng « ôi ! Thậm chí có ngài viết « ôi đau đớn, ôi huyền diệu » ! Các ngài lại nói thơ Đường luật hay dùng những điền tích mơ hồ, như có người làm bài thơ «Vịnh Trường Lương»:

*Mình dịu dàng như gái,*

*Bao trời một lá gan !  
Bốn trăm năm nghiệp Hán,  
Ba tấc uốn trong màn.*

« Vẫn biết ba tấc dây là ba tấc lưỡi, nhưng ba tấc lưỡi uốn trong màn, thì có thể khiến cho mọi người hiểu được không ? Cách dùng điền như vậy coi cũng mơ hồ lắm, nhưng đó là tay vụng chớ tay khéo thì nhiều khi họ dùng điền chẳng những đã rõ mà lại hay ; có một cảnh dùng điền mà tự lấy làm thú lắm khi họ dung hòa hai điềm lại một. Như nguyên trong sách *Thúy Kinh* của Tàu có nói : Giống cá Gáy hẽ đến tháng ba thì đua nhau nhảy lên thác Long Môn (cách Trường Yên cao 900 dặm, con nào nhảy lên được thì hóa ra rồng, cho nên người đời hẽ ai thi đậu thi người ta ví như cá Gáy nhảy lên được Long Môn, còn con cá Gáy nào mà không nhảy lên được thì phải vạch cả trán mà phải trở về chỗ cũ).

« Nhân vây rồi Lý Bạch có câu thơ nói người thi hỏng : « Điềm ngạch bất thành long » vạch trán chẳng ra rồng ! thú vị biết là bao nhiêu, còn trong đám thi sĩ ta thì có người làm câu : « Lò đời thời gió un mây... » thì ai cũng biết rằng là đời là một điền, gió mây là một điền, nhưng tác giả khéo biết dung hòa vào trong một câu «thời gió un mây» ứng với lò đời cũng như câu thơ của Lý Bạch ra rồng ứng với vạch trán, điền tuy cũ mà vẫn mới đó vậy. Dùng điền mà dùng được như vậy thì cũng đáng dùng lắm chứ, còn như không thêm được cái ý mới vào chỉ biết lặp lại những tư tưởng cũ của người thi xem ra cũng nhạt. Ví dụ bậc thi bá đời Đường đã nói «xử thế như được đại mộng» rồi ta lại lặp lại : Trăm năm giấc mộng cười thân thế ; lời thơ tuy cứng nhưng phái thơ mới họ bảo dở đó kia.

« Họ lại chê thơ Đường-luật quen lập lại những tư-tưởng của tiền nhân.

« Vẫn có thể nhưng cũng chỉ có những kè bát tài mới có thể thôi, chứ phàm người có tài năng họ cũng biết rằng trong mỗi bài thơ ít nhất cũng phải có một câu từ mới. Đường nói đến thơ nôm, nói ngay đến một số câu thơ chữ của người xưa cũng đủ thấy rồi. Khi trong bài «Đi chơi đêm với Cụ Nguyễn-hàm-Ninh ở núi Tùy-Vân», ngài Tùng-thiện-Vương có câu :

*Ngư xướng tròi thanh ngoai,  
Chung minh thọ sắc trung.  
Chài reo ngoài tiếng sóng,  
Chuông điền giữa màu cây !*

« Trong bài mừng được ân ban một chiếc thẻ ngà khắc-Tứ Nguyễn-hàm-Ninh nhập các, được ra vào tự do trong các.. của cụ Nhâm Sơn có câu :

*Cung nhật hồi xuyên ánh,  
Giai hoa phật bội thanh.*

Dịch :

*Vầng nhật trên cung xây bóng vách,  
Cành hoa quanh lối gõ bài ngà,  
Mấy câu thơ đó ông Cao-bá-Quát đã khuyên đặt cả mặt giấy chẳng phải đều có từ mới sao ?*

« Phải thơ mới lại chê : các cụ ấy chỉ ngồi mà đẽo gọt từng chữ.

« Lạ chưa ! thơ đã gọi là một môn mỹ thuật thì dầu cho đẽo gọt chạm trổ cũng là lẽ thường. Nhưng bao giờ câu thơ

từng được về tự nhiên, nhà thơ vẫn dư biết thế ! Mở lời ra mà gặp liền được chữ đổi xứng thì cụ Dương-bá-Trạc cũng đổi chơi :

*Ta già núi bụi hồng đeo đắng,  
Núi xa ta mây trắng mịt mờ !*

«bằng không, thì cụ Huỳnh-thúc-Khang cũng chỉ cười một hơi mà thành ra bài thơ vậy.

*Tớ đẻ tháng mười năm bính tị,  
Năm nay bính tị sáu mươi năm !  
Kè vòng hoa giáp quanh đà khắp,  
Còn nợ non sông chết chưa cam v.v..*

«Nhưng các bạn thơ mới lại nói rằng : Các ông có học chữ tàu mà làm thơ nôm thì chúng tôi học chữ tây lại không có quyền bắt chước thơ tây mà chế ra một điệu thơ riêng để chúng tôi ngâm vịnh ?

«Đã bắt chước thì hễ ai có cái hay ta cũng có thể bắt chước được cả. Song thử hỏi lối thơ ta phỏng theo lối thơ tây, thì có thể ngâm nga được như lối thơ ta đã phỏng theo lối thơ Đường không ? Nói thế tất sẽ có người lấy làm lạ mà hỏi rằng vậy sao ta vẫn ngâm được thơ tây ? Vì ngâm thơ tây ta vẫn ngâm theo giọng tây, còn khi ngâm thứ thơ mới kia ta không thể ngâm theo giọng tây được, mà ngâm theo giọng ta thì nào có âm hưởng gì đâu ? Đến như thơ Đường luật sở dĩ mình ngâm lên mà nó réo rắt như tiếng đòn nguyệt là vì hợp với tiếng ta đó vậy.

«Tóm lại, dầu chi ta cũng nên hoan nghênh lối thơ Đường luật, nếu có chê nó là khó thì cứ làm theo lối tú tuyệt,

lối song thất lục bát hay lối thượng lục hạ bát, cùng đi nữa thế  
những từ khúc,

«Thơ Thanh-Lữ, những bài xuất sắc cũng vẫn làm theo-  
những điệu ấy, thế sao vẫn gọi là thơ mới ?

«À phải ! Ông Lê-tràng-Kiều có nói : Vô luận thì làm theo-  
diệu thơ gì có từ mới thì đều gọi là thơ mới. Song tôi lại xin trừ-  
ra lối thơ mà ta vẫn mô phỏng theo thơ tây một cách vô ý thức,  
vì ngoài một đôi người như Thanh-Lữ là vẫn có một chút tài, còn  
thì lối thơ lố lăng ấy chỉ tạo ra được những bài thơ non như  
là Phúc-Nhuận, ông Đỗ-Phủ (ông Đỗ-Phủ người Bắc chứ không  
phải cụ Đỗ-Phủ người Tàu đâu !). Nhưng điều đó ta cũng chẳng  
cần lo, vì ông Phan-Khôi thì đã ngỏ lời từ biệt lối thơ «không xuôi  
không vần» kia trên báo Trường-An độ nọ, còn những đồ đệ của  
ông mỗi ngày mỗi vắng dần. Nhiều kẻ hộ hào đào thải thơ Đường-  
luật, ngày nay lại muốn trở về với nó. Đáng khen thay những kẻ  
biết rộng thấy xa, lâu nay vẫn dốc một lòng thờ phụng thơ  
Đường» (1)

Trong cuộc tranh luận thơ mới thơ cũ này, Tân-Đà  
xem ra có cảm xúc lắm, nhưng Tân-Đà khôn lắm, ít khi lâm  
trận đánh thẳng vào địch, dù địch đó là Phan-Khôi. Trong  
mấy lần đụng độ với Phan-Khôi, như vụ Nho Giáo, vụ Cái Cười  
Con Rồng Cháu Tiên.., Tân-Đà đã hăng hái, quyết liệt, phũ-  
phàng nữa là khác. Vậy mà trong vụ thơ cũ thơ mới, Tân-Đà  
xem ra đứng ở ngoài. Bài Tân-Đà đả kích thơ mới mạnh-  
nhất có lẽ chỉ là một bài chửi mạt, mà cũng chỉ là chửi mạt  
Phan Khôi trong bài «Hài đàm của Tân-Đà: Thơ mới» đăng ở  
Phụ nữ Tân văn số Xuân năm 1934. Tân-Đà đem so sánh Phan  
Khôi với Lý Bạch cũng như so sánh một họ Quách nào đó phải  
chẳng là Quách Tân với Bá Nha để rồi kết luận : dàn của

(1) Văn học tuần san, số 26, 1.11.1936

chàng Quách thì «ngó ngần» còn thơ của chàng Phan thì «vẫn vỡ».

*Hài đàm của Tân-Đà :*

*«Thơ mới»*

« Từ khi Lý Bạch chết, thiên hạ không chuộng thơ mà thơ kém hay Bởi thế mới có Phan tiên sinh ra đời.

« Từ khi Bá-Nha chết, thiên hạ không chuộng đờn, mà đờn kém hay : Bởi thế mới có Quách tiên sinh ra đời.

« Phan tiên sinh cải lương về nghề thơ, ở đời chưa gặp ai tri kỷ :

« Quách tiên sinh cải lương về nghề đờn, ở đời chưa gặp ai tri âm.

« Một hôm, kỳ ngộ duyên may, hai tiên sinh gặp gỡ.

« Trong một nhà ở phố Khâm-thiên, Phan đương nằm hút ở trên gác, bỗng nghe ở dưới gác có tiếng đờn gày, nhân lâu rất thấy khác thường; tiếng đờn thực hay mà như không có cung bức do bụng hoài nghi, Phan tiên sinh bước xuống bức thang, ngó thử coi thấy người này đờn đó chừng cũng là một du tử, mà coi ra có vẻ cao nhân, nhân bước luôn xuống thang, làm quen nói chuyện chơi. Người đó là ai ? Tức là Quách tiên sinh vậy. Rồi đó, Quách tiên sinh nói chuyện đờn, Phan tiên sinh nói chuyện thơ.

Rồi Quách đờn một chap, Phan thơ một hồi.

Rồi Quách lại đờn ; Phan lại thơ.

Rồi Phan, Quách lại truyện thơ truyện đờn.

« Cái thú gặp tri kỷ, khó bút mực nào vẽ cho hết. Chỉ chủ đó nguyên là một tay tài tình, văn thơ âm nhạc, đều có hiểu qua, nhân bàn quanh một cuộc cầm thi, cũng cầm tác một bài « Thơ mới »:

Đờn là đờn  
 Thơ là thơ  
 Thơ thời có chữ, đờn có tor.  
 Nếu không phá cách vứt điệu luật.  
 Khó cho thiên hạ đến bao giờ!  
 Bác-Nha xa.  
 Lý-Bach khuất.  
 Thơ có họ Phan, đờn họ Quách.  
 Thơ có chữ.  
 Đờn có tor:  
 Đờn thời ngọt ngắn, thơ vẫn vor  
 Tài tử vẫn nhân nhường rúa rúa,  
 Bách huê ngao ngán bận đề thơ »

Sau bài nói khái, chửi mát Phan-Khôi và thơ mới trên số Xuân Phụ nữ Tân văn, Tân-Đà viết một thoi năm sau bài về thơ mới đăng trên Tiều thuyết thứ bảy vào cuối năm 1934 :

1) — Phong trào thơ mới muốn cùng ai trong bạn làng thơ (T.T.T.B. số 26, 24-11-1934)

2) — Cùng các bạn làng thơ (T.T.T.B. số 28)

3) — Tính chất của thơ (TTTB. số 30 và số 32)

4) — Một chữ trong nghề thơ (TTT.B số 40)

Bài « Phong trào thơ mới muốn cùng ai trong bạn làng thơ » là đề thương xác với Lưu-trọng-Lư về bài diễn thuyết ông đọc ở nhà Học Hội Qui nhơn.

Với một tâm hồn cởi mở, và những lời lẽ rất ư là khiêm tốn, Tân-Đà đã bày tỏ thái độ của ông đối với thơ mới, thơ cũ. Tân-Đà cho rằng giữa lúc xảy ra vụ tranh chấp thơ cũ thơ mới thì Tân-Đà không có mặt ở Hà Nội, cho nên không theo rõ được sự diễn biến của cuộc chiến. Phải chăng đây là thời kỳ Tân-Đà

đang buồn chán vì Annam tạp chí của ông bị chết lần thứ tám, tức là lần chót. Biến cố đau thương đó đã khiến Tân-Đà tủi dỗi đời nên tự đặt mình ra bên ngoài xã hội:

«Mới đây một người bạn tôi gửi cho bài diễn thuyết của ông Lưu Trọng Lư đọc ở nhà Học hội Qui Nhơn, tôi đọc tới bài đó, tâm hồn, xúc động, không thể lại lặng lẽ mà ngồi yên. Cứ như bài diễn văn của ông Lư, cảm tưởng và kiến giải, phần nhiều thiệt tôi lấy làm phải, có nhiều chỗ lại thấy là rất tinh.

«Song mà trong sự quan sát cũng còn có chỗ không thường xác; cái kiến giải đề hướng đạo cho quần chúng coi chưa đủ phát dương hiệu lệnh trên thi đàn. Bài tôi viết đây, không chuyên cùng ông Lưu Trọng Lư biện luận, cho nên không dẫn đến những chỗ mà tôi cho hơn kém ấy. Nay tôi chỉ cần muốn biện bạch trước độc giả, công chúng vì thấy có mấy lời trong bài diễn văn của ông Lư.

«Trong bài ông Lư nói, ngay một đoạn mở đầu rằng: «gần đây, trong văn học nước nhà thấy có một cái phong trào mạnh danh là «thơ mới». Cái phong trào ấy dư luận chia ra làm hai, phái hoan nghênh và phái phản đối. Tôi không cần nói, các ngài cũng dư hiểu rằng phái hoan nghênh là phái thanh niên tân học, phái phản đối là các cụ nho học. Hai bên đương sừng sộ nhau đương giằng co nhau».

«Ông Lư đã nói, chắc là ông có thấy như thế, mà lâu nay tôi xa đất Hà Thành, thực tình trạng trong văn giới như sao, ít có tiếp đến tai mắt, riêng về phần tôi, thời như lời ông Lư nói đó, tôi quả không phục tình.»

Sau đó, gián tiếp Tân-Đà muốn bảo rằng cái mà người

ta gọi là thơ mới, Tân Đà vẫn làm, làm từ lâu, từ 20 năm nay mà chỉ khác là ông không gọi nó là thơ mới. Ông trích mấy bài thơ ông đã làm trên dưới hai chục năm :

«Cứ vẫn vận của tôi đã làm ra trong khoảng 20 năm nay, kè có không ít; mà nay nếu có người hỏi tôi rằng : bài nào hay hơn hết ? Thời phải lấy một bài trong cuốn tiểu thuyết *Giặc mộng con thứ hai*, làm cho Dương quý Phi, Tây Thi... ở Bồng lai, bài ấy rằng :

*Non xanh xanh.*

*Nước xanh xanh*

*Nước non như vẽ bức tranh tình.*

*Non nước tan tành.*

*Giọt lệ tràn năm canh*

X

*Đêm năm canh.*

*Lụy năm canh*

*Nỗi niềm non nước,*

*Đó ai quên cho đành !*

X

*Quên sao đành ?*

*Nhớ sao đành ?*

*Bồng lai non nước xanh xanh ?*

«Cuốn tiểu thuyết ấy viết ra, trong khi tôi giúp việc Đông pháp thời báo của ông Diệp-văn-Kỳ ở Nam, là khoảng năm 1926 cách đây đã 8 năm.

Lại như bài «*Cảm thu liễu thư*» của tôi, một đoạn tả cảnh ở đầu rằng :

«*Từ vào thu đến nay.*

*Gió thu hiu hắt*

*Sương thu lạnh  
Trăng thu bạch  
Khói thu xây thành  
Lá thu rơi rụng đầu ghènh.  
Sông thu đưa lá bao ngàn biệt ly.  
Nhạt vè...*

• • • • •  
« Mấy câu đó, riêng tôi thật ngâm mãi không chán; mà bài văn đó tới nay ở trong báo Saigon lại có người lại đem ra đề phê bình, kè cái thời gian tôi viết ra thời vào khoảng năm 1921, trong lúc tôi làm việc cho báo Hữu Thanh, cách đây có 14 năm.

« Lại như những bài « *Hoa rụng* » in ra ở Khối tình con, đòi văn rằng :

*« Hoa ơi, hoa hỡi, hoa hời !  
Đang ở trên cành bỗng chốc rơi !  
Nhị mềm cành úa,  
Hương nhạt mờu phai.  
Sông chia bao lâu đã hết đời  
Thế mà hoa lại sướng hơn người.*

• • • • •  
« Bài này viết ra, kè cách nay có tới 20 năm.

« Những điệu văn thơ đó, thật tự tôi đặt ra, không theo niêm luật ở đâu hết, duy tôi không gọi nó là thơ mới mà thôi. »

Ngày 8-12-1934, Tân-Đà viết bài « *Cùng các bạn làng thơ* » (An nam tạp chí số 28), bàn về ý nghĩa của thơ mà ông phân biệt làm nghĩa rộng, nghĩa hẹp.

Về nghĩa rộng của thơ, Tân-Đà viết :

« Theo nghĩa rộng mà nói, thì thơ là lương năng

của mọi người, cho nên không có hạng người nào, đều có thể nên thơ. Như thế, phạm vi của thơ thật rất rộng, ~~hàng~~ người ta nói ra mà hơi có vấn, đều là thơ, không thể cách phi hết. Những thơ đó, theo ý kiến của người quan sát, chỉ có thể nhận cho những câu nào, những bài nào là hay; mà không thể phán đoán bảo như những câu nào, những bài nào là dở».

«Hiều theo nghĩa rộng, thơ là thú tiêu khiển ai cũng có thể làm được. Nhưng hiểu theo nghĩa hẹp, thơ là «một thứ kỹ thuật phải người có học mới biết làm, mới làm được; vì như đánh đàn phải có cung bức, đánh cờ phải sạch nước cản, nếu không thì không là thơ».

Đối với Tân Đà, thơ hiểu nghĩa hẹp là các lối thơ thất ngôn, ngũ ngôn, cồ phong, tú tuyệt. Như vậy mà trong cuộc tranh luận thơ cũ thơ mới, chữ «thơ mới», theo Tân Đà là một danh từ lạm dụng, hiểu sai nghĩa,

Sau khi bàn về danh nghĩa của thơ, Tân Đà dành hai số báo để bàn về «Tính chất của thơ» (TTTB số 30 và 32). Theo Tân Đà, thơ có hai tính chất : «tài và tình. Tài là tài nghệ, tức là thuộc về nghĩa mỹ thuật ; tình là tình hoài, tức là thuộc về nghĩa lương năng» (TTTB số 30). Tân Đà đã dựa vào hai tính chất tài và tình để tìm ra cái đẹp trong các câu thơ cũ. Không nói rõ ra, nhưng cứ theo lối trình bày, người ta cũng nhận ra rằng thơ mới thiếu hẳn tính chất «tài», cho nên thơ mới là thứ thơ lệch lạc, là thứ thơ không hoàn toàn.

Những tài liệu tôi trích trên đây chưa phải là tất cả các tài liệu liên quan đến cuộc tranh luận gay go giữa thơ mới và thơ cũ và có lẽ cũng chưa phải là những bài quyết

viết nhất. Chẳng hạn ba bài diễn thuyết này lứa của Nguyễn Văn-Hanh bênh vực thơ cũ, của Thái Phi công kích Lê tràng Kiều, của Tường Vân và Phi Vân tác giả tập «Những bông hoa trái mùa».

Qua những tài liệu trên đây, ta thấy cuộc tranh luận có vẻ gay gắt, quyết liệt vào khoảng từ 1932 đến 1937. Nhưng từ năm 1938 trở đi, tình hình lắng hẳn xuống. Vấn đề thơ mới thơ cũ, không phải người ta không nói đến nữa, nhưng người ta nói đến bằng luận điệu khác, ôn hòa chứ không có vẻ bắt bẻ, chửi bới nhau nữa: người ta vẫn yêu những áng thơ cổ tuyệt tác, và người ta không ngớt ca ngợi những bài thơ mới kỳ diệu của hàng trăm nhà nghệ sĩ trẻ.

Một điều cảm động nhất là trước đây, ai nấy đều đỗ xô vào mà chửi, mà chê Tân-Đà, châm biếm hài hước nhà thơ lúc nào cũng như say sưa, thì từ năm 1938, nhất là sang năm 1939, 1940 trở đi Tân-Đà được coi như vị thánh sống của làng thơ. Người ta chia nhau viết về Tân-Đà, ca ngợi thơ của ông.

Nguyên một mình Nguyễn Tiến-Lâng đã viết một thoi một hồi về Tân-Đà :

1)— Nửa đời thi sĩ Tân Đà Ng. khắc Hiếu (Tràng An số 315, 20-4-1938).

2)— Nửa đời thi sĩ Tân Đà (Tràng An 317, 3-5-1938)

3)— Nửa đời thi sĩ Tân Đà (Tràng-An số 319, 10-5-1938)

4)— Nửa đời thi sĩ Tân-Đà (Tràng An số 320, 13-5-1938)

5)— Nhân ngày giỗ Tân-Đà (Tràng An số 164, 5-6-1943)

6)— Đọc lại một kỹ thuật nói về Tân-Đà (Tràng An số 367, 12-6-1943)

7)— Mùa xuân với Tân-Đà (Tràng An số 253, 20-1-1944)

Ngay đến Tự Lực Văn Đoàn trước kia thù hận Tân Đà,

luôn luôn bông đùa, bới móc Tân-Đà vây mà năm 1939, báo Ngày Nay đã dành không biết bao nhiêu bài nói về Tân-Đà:

1) Thi sĩ Tân-Đà do Văn Bình viết (Ngày Nay số 147, 28-1-1939).

2) Công của thi sĩ Tân-Đà do Xuân Diệu viết (Ngày Nay số 166, 17-6-1939)

3) Một tháng với Tân-Đà do Lâm Tuyền Khách (Ngày Nay số 171, 22-7-1939).

4) Vài truyện vui về thi sĩ Tân-Đà do Khái Hưng viết. (Ngày Nay số 167, 24-6-1939).

5) Cái duyên của Tân-Đà cũng của Khái Hưng (Ngày Nay, số 166, 17-6-1939).

Báo Tao Đàn, số 9, 1-7-1939, ra số Đặc biệt về Tân-Đà:  
1) Lưu-trọng-Lư viết « *Bấy giờ đây khi cái nắp quan tài* đã *đẩy lại* ».

2) Trương-Tửu viết « *Sự thai nghén một thiên tài* ».

3) Nguyễn-Tuân viết « *Chén rượu vĩnh biệt* ».

4) Nguyễn-triệu-Luật viết « *Ánh hường Tân-Đà đối với nhà văn lớp sau* ».

5) Trúc-Khê viết « *Tân-Đà triết học* ».

6) Xuân-Diệu viết « *Một vài kỷ niệm về yêu thơ Tân-Đà* »

7) Nguyễn-Xuân-Huy viết « *Tân-Đà dịch văn* ».

8) Nguyễn-Tuân viết « *Tân-Đà một kiếp khách* ».

9) Nguyễn-công-Hoan viết « *Ông Tân-Đà đi bàn việc và tái bản An Nam Tạp Chí* ».

10) Ngô-tất-Tổ viết « *Tân-Đà ở Nam Kỳ* »

11) Nguyễn-nhất-Lang « *Tân-Đà tưu diếm* »

12.— Nguyễn Công Hoan viết « Ông soát vé xe lửa với thi sĩ Tân-Đà ».

13.— Lê Thanh viết « Mộng và mộng ».

Từ cuối năm 1936, sang đầu 1937, nhất là từ 1939 trở đi, không còn có vấn đề cũ mới nữa mà chỉ có vấn đề nghệ thuật, đẹp hay không đẹp: người ta đã giải thoát được cái mặc cảm mới cũ.

Một người say mê thơ mới trước tiên, làm thơ mới chỉ sau có Phan Khôi, và lên tiếng đả kích thơ cũ kịch liệt ngay sau Phan Khôi, người đó là Lưu Trọng Lư, thì, nay chính người đó lại như lơ là với thơ mới quay trở về dĩ vãng. Cuối năm 1942 sang đầu năm 1943, trên báo Tràng An, Trọng Lư viết nhiều bài phân tích cái hay cái đẹp của thi ca cổ diền Việt Nam, và công kích sự đi quá trớn trong việc tây hóa. Đó là ý kiến Lưu Trọng Lư trong bài « Dân Nam giao, một nền văn chương Việt Nam » (Tràng An số 34, 9.7.1942) :

« Tôi không nhớ vị giáo sư Pháp nào, ở lâu bên ta, đã nói: «Những thanh niên Việt Nam đào tạo ở trường học mới, không có một tinh thần sáng tạo chắc chắn ». Lời bình phàn có vẻ vội vàng, gắt gao nhưng không phải là không có một phần sự thực. Vì sự thực: cái bệnh ỷ lại là bệnh của ta và đã ăn sâu trong xương tủy người nước ta, cơ hồ không gột rửa được nữa.

« Không phải bây giờ mà từ bao giờ, không phải ở văn chương mà ở khắp các địa hạt, người Việt Nam đã tỏ ra mình là một giống người sống một cách lười biếng và cầu thả.

« Nếu dân Pháp đợt được người ta khen là một thứ dân «biết sảng», thì dân Nam rất đúng cho người ta chê về phương diện ấy. Dân Nam cầu thả và biếng nhác trong sự ăn, sự mặc,

sự ở, nhất là trong sự phô diễn về tư tưởng. Ở đây, tôi chỉ muốn nói đến cái đều cuối cùng này mà thôi, vì tôi không muốn ra ngoài phạm vi văn học.

« Cái tinh thần lười biếng và cầu thả ấy đã làm cho văn chương ta nghèo nàn gần như « không có ». Từ ta, ta không hề cố gắng và tạo ra một cái gì hoàn toàn của ta; ta chỉ muốn hưởng thụ những «của sẵn», và cam tâm làm kiếp con ve của thơ Ngụ Ngôn. Ta đã vay mượn của người hàng xóm từ một diệu thơ nhỏ nhặt đến một đạo lý cao xa.

«Hồi xưa kia chúng ta là những người Tàu, gần đây chúng ta là những người Tây, và chưa có một lúc nào chúng ta là những người Việt Nam cả.

«Nếu ông cố đạo kia không có cái ý hay hay, ngộ ngộ áp dụng vào tiếng ta cái lỗi viết la tinh, thì ta đến nay có lẽ cũng chưa có chữ quốc ngữ. Và nền văn học của ta không biết còn nghèo nàn đến thế nào nữa.

«Nhưng ta cũng không nên bị quan lâm, và thứ nhất là phải hết sức công bình. Cách đây độ vài mươi năm, ở nước ta đã có một phong trào sùng bái quốc văn, cầm đầu là Phạm - Quỳnh tiên sinh.

«Người ta kiềm soát lại các giá trị hiếm có, và «phát minh» ra truyện Kiều. Người ta mới bắt đầu tin ở mình, tin ở tài lực mình, tin ở cái thiên tài của dân tộc, tin ở những cái khả năng ghê gớm của quốc âm. Một tương lai rất mênh mông và rất gần gũi. Người ta hăng hái, người ta nhiệt thành, người ta chỉ xin «cúc cung tận tụy» cho quốc văn. Một sự nỗ lực đáng đánh dấu lại trên cái lịch trình tiến hóa của dân tộc. Nhưng cái bệnh của nhà Nho ngày xưa vẫn chưa tuyệt nọc :

ta vẫn đi vay mượn của người. Xưa kia người ta vay mượn vì quá siêng năn. Và vì một nguyên lý khác : Làm cho tiếng Việt Nam được giàu thêm. Nhưng chẳng khác nào người ta đã «ghép» một giống cây tốt vào một thân cây đã khô héo. Người ta ham vay mượn mà nhãng quên cái gia tài sẵn có của mình. Phải chăng tại những người lúc bấy giờ quá sùng thượng truyện Kiều và coi nó là một cái khuôn vàng cho sự đúc nặn Quốc văn. Mà truyện Kiều, dầu sao ta cũng phải nhận là một tác phẩm chưa thoát khỏi lề lối Tàu : từ cốt truyện cho đến triết lý cuốn sách, nhất là lời thơ, đầy những điều cõi Tàu.

«Truyện Kiều là cái thí nghiệm tốt đẹp thứ nhất của tiếng Việt nam mà còn bị phai «cố tật» ấy huống hồ là những người sùng bái truyện Kiều, lấy truyện Kiều làm «Kinh nhật tụng». Không những người ta không nhận cái bệnh ấy của truyện Kiều mà người ta còn coi đó là một sự vè vang cho truyện Kiều. Chẳng thế mà ta thấy những nhà chú giải truyện Kiều bắt những câu thơ hay, hay một cách vô tình và tự nhiên, cũng phải tựa tựa với những câu văn xưa nào ở trong các Kinh truyện Tàu, nghĩa là họ đã cố làm cho bức thiên tài Việt nam không sản xuất được một cái gì thật là của riêng mình, của dân tộc Việt nam. Họ đã gán cho Nguyễn Du những sự vay mượn mà tiên sinh không hề làm.

Theo cái óc của nhà Nho thì một bậc thiên tài trước hết phải là một «bồ cữu» đồng một cái gì cũng có thể «dẫn sách» được. Họ không biết rằng : cái giá trị của mình chỉ có thể có bởi mình. Và những câu thơ hay, đẹp nhất ở trong truyện Kiều lại là những câu thơ thuần túy Việt Nam. Những nhà nho chú giải truyện Kiều vô tình đã gây nên một lề thói rất không tốt cho sự gây dựng quốc văn mà chính họ chủ trương : vô tình

người ta vẫn khuyến khích sự vay mượn những danh từ, những diền tích Tàu. Họ có biết đâu rằng tinh thần sáng tạo của ta vì thế trở nên lười biếng và quốc văn không tiến được như ý nguyện. Cái thời kỳ vay mượn của Tàu đến nay đã qua rồi, nhưng điều di hại vẫn còn từ nhà nho Tàu người ta trở nên nhà nho Tây. Ta hãy để lại một bên những người mê say viết Pháp văn ta chỉ nói đến những ngọn bút vẫn một niềm phung sự tiếng mẹ đẻ và chỉ nên tiếc rằng : Cũng như xưa, tiếng mẹ đẻ không được phung sự một cách toàn vẹn hơn ? Họ là những người học Tây; họ có cái huynh hướng « Âu hóa » những danh từ, những diệu ngữ, cả cái cách xuất diễn tư tưởng. Họ còn dám làm một việc không thể làm được, họ sửa đổi cả những tiết tấu thiên nhiên, những âm luật huyền bí của tiếng Việt Nam. Nhiều khi, việc ấy cũng có thể coi như là một sự cải cách cần thiết, một sự nhu cầu của cuộc đời mới.

« Những cái gì cũng có một giới hạn : cái giới hạn đã bị vượt, điều hay lại trở nên dễ dàng một điều rất xấu. Xưa kia, chúng ta có những chữ sáo rỗng không mượn ở Tàu, thì bây giờ chúng ta cũng lại có những chữ sáo vô nghĩa dịch ở Tây. Thật là không nên nói, mà thật là có như vậy. Những ngữ diệu bị « Phá hóa » đó hay những danh từ bị Việt hóa đó chính không phải là tai nạn, mà chỉ chứng tỏ một cái bệnh về tinh thần, nguy nan hơn : Chúng ta đã cảm xúc, đã tư tưởng theo người Tây. Cái hình thức kia chỉ là kết quả đương nhiên của biến đổi của một tâm hồn. Trong một bài nói đến thơ Xuân Diệu, tôi có tự hỏi : « ... đã từng ở giữa những xóm dừa, ăn rau sống, ngủi mùi lúa ngự, ta có thể nhất đán trở nên một người Tây, một người Tây thành thực và trọn vẹn được không ? » Ở đây, ta hãy thí dụ là có thể được nữa, nhưng đó không phải là một cái lý để « Âu hóa »

nền văn chương Việt Nam. Nền văn chương ấy nếu nó đã có thì nó phải có mãi, và phải độc lập mãi mãi, đứng riêng ra một địa vị ngoài sự chi phối của chính trị hay kinh tế. Chúng ta có thể mất hết, trừ văn chương. Và chúng ta chỉ mất «văn chương» khi ta muốn «ngoại hóa» nó đi mà thôi, nghĩa là muốn lột hết những tính cách riêng của nó.

«Với sự «âu hóa», tôi sợ nền văn chương Việt Nam sẽ mất những tính cách riêng, rồi sẽ không thành thực nữa vì bị «mất gốc». Mà sự «mất gốc» ở địa hạt văn chương rất nguy hiểm. Văn chương không cần phải có những sự phiêu lưu nguy hiểm mới to lớn. Điều trái lại có lẽ đúng hơn. Một ngày rời khỏi khí hậu, cái cây ấy sẽ héo ngay. Nó phải hút chất màu ở ngay chỗ nó mọc. Thật ra nhiều khi nó cũng có thể mang trôi qua chỗ khác được; nó cũng vẫn sống như thường.

«Cây cam Xã-đoài dời qua làng cạnh nó vẫn sống, nhưng không còn là cây cam Xã-đoài nữa. Văn chương Việt nam chỉ có thể có giá trị khi nó là văn chương Việt Nam mà thôi.

«Chúng ta là lớp người cuối cùng được dự xem một thế giới đương suy tàn: Cái cuộc đời Việt nam đương trở nên một cuộc đời khác... Đó là ta muốn gọi là một sự tiến bộ cũng được, nhưng khi trèo bước tới một cuộc đời quốc tế đó, ta phải nhận rằng: cái gì sâu xa, chân thật trong tâm hồn, trong cuộc đời Việt Nam đã rơi rụng hết, để nhường chỗ cho những cái khác ở ngoài vào... Đó có thể là một sự rất may mắn cho cuộc sinh hoạt của cả dân tộc, nhưng là một điều rất không may cho văn chương. Cái nhiệm vụ của nhà văn Việt Nam trong lúc này thiệt là nặng nề mà cũng thật rõ ràng: được chứng kiến một giai đoạn độc nhất trong lịch sử, nhà văn Việt Nam với sự tai nghe mắt thấy trong giờ phút này

phải tạo tác ra một nước Việt Nam trong văn chương.

Một nước Việt Nam còn ngần mãi bởi những câu hát đúm của các cô gái quê, còn sống mãi bởi cái phong vị say xưa của các cô gái quay tơ -(vì cái chế độ đại kỵ nghệ sáp làm chết cái nghề tầm tang đầy thi vị) và lưu giữ mãi bởi cái này và cái kia đã làm lên những cái đặc sắc của một nền văn chương.

«Nhà văn Việt Nam trong lúc này có cái sứ mệnh phải tiếp tục quá khứ, và truyền giao quá khứ ấy lại cho hậu lai, làm cho người Việt Nam bất diệt trong timi thần, trong tư tưởng.

«Xưa kia ta đã sống một cách rụt rè, lười biếng.

«Đã đến lúc ta phải siêng năng trong sự phô diễn tư tưởng cố gắng trong sự sáng tạo. Với những tài liệu hoàn toàn Việt Nam, ta sáng tạo lại những cảnh đời Việt Nam sắp sụp đổ.

«Tôi cầu nguyện cho sớm xuất hiện một cuốn thơ hay một cuốn tiểu thuyết xứng với những tài liệu lấy ở đất nước và một thiên tài của xứ sở, một cuốn thơ hay là một cuốn tiểu thuyết có thề nói với thiên hạ rằng : «Đây là một tác phẩm của người Việt Nam, một giống người đã nghĩ và đã cảm».

«Cái tác phẩm mong mỏi ấy, ta phải can đảm mà nhận rằng hiện nay ta chưa có, nhưng rồi ta phải có — nếu quả Trời chưa muốn nước Việt Nam ta phải diệt hẵn ở trong tư tưởng của người đời».

Trên Tràng An số 69 (3-10-42) Lulu-trong-Lư viết bài «Sự hài hước trong dân chúng Việt Nam», lên tiếng cực tán nền văn chương dân gian, một nền văn chương thuần túy dân tộc, không chịu ảnh hưởng Tàu hay Tây.

«Nước ta là trong những nước có một nền phong tục thuần nhã và trang nghiêm vào hàng nhất. Ảnh hưởng Khiều giáo với

một luân lý chặt chẽ đã đi sâu vào tâm hồn mỗi chúng ta ; những khuôn phép, lề lối đã làm cho ông cha chúng ta trở nên những trang văn nho lê độ và dài các.

« Văn chương vì vậy lúc nào cũng được một vẻ nghiêm nghị, thận trọng, và nhà văn sĩ hay thi sĩ trước nhất là một nhà đạo đức. Người ta ít tìm thấy những cử chỉ hài hước, bông lơn. Hồ xuân Hương là một ngoại lệ.

«Nhưng đó phải chăng là tính cách đặc biệt Việt Nam. Văn chương ấy là do một số thương lưu, tinh ba trong nước, được thấm nhuần văn học, những lời lẽ của Thánh Hiền. Họ là số ít. Ta phải đi xuống thấp hơn, đến những hạng người mà sách vở là non sông, cây cỏ, những người chỉ được học trong quyển sách thiên nhiên : đất đai, đồng ruộng, là nơi họ sống.— Tôi muốn nói đến bình dân—Chỉ có bình dân là hình ảnh rõ rệt của một dân tộc... Chỉ ở đó ta mới nhận thấy tâm hồn chất phác, tự nhiên này nở, không bị ràng buộc bởi những tục lệ quá cầu kỳ,

«Đó ta thấy họ ca tụng ái tình, họ biết yêu, và không dấu điểm cõi lòng.

« Cả một văn chương chân thật, cảm động, súc tích trong những câu ca dao mộc mạc, mà bà mẹ hát ru con hay đưa mục đồng nghêu ngao trên lưng trâu giữa những lè ruộng um cỏ, trong những câu hò trên sông, trong những điệu hò khoan, mà ta đã nghe trong những cuộc giã gạo dưới trăng, giữa những làng quê bình lặng, hay trong những truyện cổ tích mà ta đã được nghe bà hay mẹ kể lại cho.

« Tôi dè riêng những tính cách đạo tình—người ta đã nói nhiều—tôi, chỉ nói riêng về tình thần hài hước. Họ châm

biếm nhau trong những lời hát ứng khẩu giữa trai gái... Đây ta thấy người dân Việt Nam ranh mảnh, lanh trí, nhận xét rõ ràng về thực tế, thấy rõ những tật xấu, tính hờ của người bên cạnh và rất sẵn lòng nêu ra cho kẻ khác thấy. Thực họ cũng hơi ác thật... Đây là người học trò « dài lìng tốn vải » bị diễu :

« Nhất sỉ nhì nông, không gạo chạy rông, nhất nông nhì sỉ ».

« Đây người trọc phú hà tiện bị đem ra làm trò cười, đây một ông già có hầu non, đẹp bị họ chê nhạo...

«Nhưng những tính cách ranh mảnh, mồm mép, đùa bỡn, hơi cay nghiệt ấy không đâu rõ rệt bằng trong một bộ sách — ta có thể gọi đó là một bộ sách, dầu không ai biết nó dày mỏng bao nhiêu — một bộ sách mà ít người đề ý đến, tuy nó rất có giá trị để hiểu biết rõ ràng tâm lý của người Việt Nam dân giả.. Quyển sách đó, có lẽ là quyển sách bài hước bức nhất trong tất cả các văn chương, là quyển « Ế lâm». Và đó có lẽ là bộ sách đặc biệt Việt Nam nhất.

«Tương truyền rằng tác giả Tiêu lâm là một người học trò thi mãi không đậu, phẫn chí, viết ra để công kích, chế diễu thiên hạ. Khi làm xong, vì châm biếm tất cả trời đất nên lăn ra cười rồi chết.. Tuy nhiên, đó không phải là công việc của một người. Nó cũng như ca dao ngan ngữ, là của chung của nhiều người, lănほi truyền tụ g. cho nhau.

«Người ta đã buộc nhiều về «Tiêu lâm». Nhưng tại sao bấy người ta phải dẫu diếm hững cái mà lòng họ nghĩ ra... Người ta thường nói đến tính cách quá số sàng, hay cứ nói thẳng, tục tằn của bộ sách ấy, — nhưng nó là cái biểu thị dĩ nhiên của những hạng người sống tự nhiên giữa ruộng lúa, giữa

khoảng đất rộng trời cao, không bị một bó buộc tinh thần nào cả.

«Nhưng nếu công việc của «Tiểu lâm» là làm cho cười, những câu chuyện cỏn con, lý thú ấy đã rất thành công. Cái cười tuy通俗, nhưng nó là cái cười nở trên những cặp môi bình dị, tự nhiên, nó không như chiếc hoa tia vē, uốn nắn trong những chiếc chậu kieng xưa, nó là cây đại thụ bao quát cả một khoảng non sông.

«Ta đã nói bộ «Tiểu lâm» cho ta biết rõ tâm lý của người dân Việt Nam. Trước hết đó là một người vui vẻ, thích diễu cợt, bông đùa. Họ lại rất tinh tế về khoa nhận xét... vạch rõ những bí ẩn của những đời tư... của ái tình... Và họ cười... Họ cười không phải để cải tạo xã hội, để sửa sang tính nết của người họ cười, theo như quan niệm của nhà triết học, họ cười vì họ ưng cười.. Nhưng cái cười ấy có vẻ chua cay lắm. Họ nhận xét quá rõ ràng thành ra họ không còn tin tưởng gì nữa. Họ không tin cả đến ái tình, mà ta cho là thiêng liêng, đáng quý.

«Từ chỗ thiếu tin tưởng, họ đến chỗ không biết kính nể ai cả. Cả đến trời đất, quỷ thần họ cũng đem ra châm biếm...»

«Sự dĩ nhiên đó không phải là tánh tốt, nhưng đó là sự thật,

«Và cũng như bài ngũ ngôn của thời phong kiến Pháp (Roman de Renart, Les Fabliaux) ta không nhắc đến thơ của La Fontaine, vì đó là văn chương, lời lẽ quá đẹp, ý tứ quá sưa sảng, khuôn phép là tinh thần của người dân già Pháp... «Tiểu lâm» là hồn của dân già Việt Nam.

«Ta có quyền khinh họ, nhưng ta phải công nhận rằng họ không đổi lòng họ. Việc gì phải che đậy những cái không đáng che đậy.

Tuy nhiên tôi không khuyên đọc «Tiểu lâm» biết đó là những sự thật nhưng có những sự thật ta không cần biết đến. Và ta chỉ nhắc đến tên «Tiểu lâm» để biết rằng nước ta không phải thiếu tinh thần hài hước» (1)

Tràng An số 107 (5.1.43), Lưu-trọng-Lư nói về Nguyễn-Công-Trú và coi ông có một cái gì chưa từng có ở trong văn chương Việt Nam, một nguồn cảm hứng mau lẹ, quả quyết như một đạo cảm tử :

Nguyễn-công-Trú không chỉ là một thi sĩ của Quốc gia, mà còn là một bậc công thần xứng với nền Quân chủ, một nhà nho xứng với Thánh đạo, hơn thế nữa, một võ tướng có thao lược, một nhà chính trị có tài kinh luân, một người có tiết tháo. Cái sự nghiệp của tiên sinh ai cũng biết rõ, không cần phải nhắc lại nữa. Ta chỉ nên ký nhận rằng trên tâm hồn của tiên sinh, trên thân thể của tiên sinh ; đã ưng đúc, đã tụ kết lại bao nhiêu cái hay, cái đẹp, cái hùng, cái mạnh của cái tinh hoa chủng tộc.

«Thật là sự điều hòa của những cái tương phản nhau : sự điều hòa của Mộng với Thực, cái ngang cuồng của một kẻ lăng tử, với cái nè nếp của một nho sinh, và cuối cùng là một sự điều hòa của thơ văn với Khổng giáo. Nguyễn Du muốn là người bạn hoàn toàn của thơ văn, đã phải làng Nho mà theo Phật... Nguyễn công Trú vẫn ở trong cái phong khí khắc khổ của Nho, mà vẫn khoáng dật thích thảng như một đồ đệ của Lão Trang. Tiên sinh vừa hành binh, trị nước, vừa ngâm hoa vịnh nguyệt mà cái này không hại đến cái kia.

«Thành thực ta phải nhận rằng Nguyễn công Trú không có cái nghệ thuật điêu luyện của Chu mạnh Trinh, Nguyễn

---

(1) Lưu-trọng-Lư. Tràng An, 3.10.1942, số 69.

thị Điểm, không có cái tâm hồn uyên chuyền của Nguyễn Du, hay cái giọng điệu dễ dàng của Hồ Xuân Hương, nhưng ở trong thi văn của Nguyễn Công Trứ, một cái gì chưa từng có ở trong văn chương Việt Nam—một nguồn cảm hứng mâu le, quả quyết như một đạo cảm tử. Cái thè ca trù nhờ pháp thần của Nguyễn Công Trứ đã trở nên một thè cách hoàn toàn Việt Nam, rất thích hợp với sự diễn xuất hùng mạnh... Tôi nhớ như có một lần ông Huỳnh thúc Kháng ví cái điệu thơ ấy với thủy triều—thật không phải là một lời nói vu vơ. Điệu ca trù còn hơn là một sức mạnh nữa. Nhưng khi những bài thơ ấy, ngâm lên với điệu phách nhịp đàn, thì ta lại thấy nó có một vẻ hào phóng vừa trả lời vừa kín đáo, vừa gắn bó, vừa sốt sắng. Nó là một thứ sản vật hoàn toàn Việt Nam, nó phải lâu dài với đất nước. Một ngày kia, năm bảy trăm năm sau, trong cái đám hậu lai man mác, nếu có một người nào còn ngâm được một bài ca trù của Nguyễn Công Trứ chẳng hạn, tôi tin rằng người ấy có một mối u sầu nặng bâng khuâng nhói tiếc một thời khoáng dật to nhơn, rộng rãi và kiêu xa. Cái thời buồm của những nhà nho tuy vẫn nhẹn cặm cui với nhân sinh, nhưng cũng là những kè « bốc giờ » phung phí mà không tiếc tay, những kho tang vũ trụ, những kè biết sống mà cũng biết chết, biết làm trọng nghĩa vụ mà cũng biết rõ cái đùi non mà giocard hớp rượu cuối cùng..

« Cho nên sau một cuộc đời sóng gió, hoạt động, Nguyễn Công Trứ hàng ngày thường thằng một cái xe bò mà ngao du sơn thủy. Đó cũng chỉ là để tỏ một lần nữa rằng : sau khi là một bậc công thần, một tay hao lược, một kè « chiến sĩ », Nguyễn Công Trứ ung dung và thích thảng, đánh xe đi ra ngoài cõi thế, vừa phây quạt vừa mỉm cười, để đua với cuộc đời, đua với số mệnh.

« Nguyễn công Trứ vào đời nghiêm trang như đức Trọng-Ni, ra đời hiền vui như thầy Trang Tử. Không phải chỉ là một thi nhân đáng lưu truyền hậu thế, mà là một quan niệm về nhân sinh đáng truyền bá ra giữa cuộc đời âu tây chật vật.

« Một người như Nguyễn tiên sinh, khi là một vị đại thần, rồi khi chỉ còn là một tên lính nhỏ, rồi từ một tên lính, lại nhảy lên một địa vị tướng quân, đánh Nam dẹp Bắc, cho đến khi về già, thắng một cái xe bò, và cô hầu non, ngao du khắp chín mươi chín đỉnh Hồng sơn, mà người như thế hẳn có thể dạy ta được một cái gì mới về sự sống của con người. Thật là « Lãng mạn », thật là ngông nhưng mà người ấy đã là một kẻ giúp đời, và có công lớn với Tô quốc. Nguyễn công Trứ đã tỏ ra cho chúng ta thấy rằng : văn chương và hành động là hai điều biệt lập, và một tâm hồn lãng mạn cũng không thể hại đến chí chiến đấu, nếu quả người ta muốn chiến đấu. » (1)

Trên Tràng-An số 108 (24-3-1936), Hán-Quỳ ca ngợi Thế-Lữ, Huy-Thông, Nhược-Pháp mà ông coi là giống Lamartine, giống V.Hurgo, giống Musset:

«Những cuộc cãi nhau về «thơ cũ» và «thơ mới» đã qua. Nay chúng ta chỉ biết có thơ. «Thơ mới» chỉ là một hình của Thơ để diễn tả những tình cảm và cảm giác của tâm hồn người ta ở thời đại mới.

«Thơ mới» đã đứng vững với tác phẩm giá trị của những thi sĩ có tài : Thế-Lữ, Huy-Thông, Nhược-Pháp.

«Cũng ba tên ấy gợi cho tôi ý viết bài này. Đây tôi không phê bình. Tôi chỉ là một người yêu thơ, ham đọc thơ nói chuyện cùng các bạn những điều hay hay mình đã thấy.

1) Lưu Trọng Lư, Tràng-An, 5.1.1943, số 107

Xem thơ của ba thi sĩ trên kia, trong trí tôi này ra một sự so sánh : Thi ca Việt Nam vào hồi này cũng tựa như thi ca nước Pháp vào khoảng 1830. Tôi không nói Thé-Lữ, Huy-Thông, Nhược Pháp giống đủ phương diện những thi sĩ Pháp hồi đó. Nhưng phong trào thơ bên Pháp hồi 1830 và thơ ta bây giờ có chỗ so sánh được.

«Với Lamartine, thi ca lãng mạn xuất hiện. Lemartine đem lại cho văn chương Pháp một lối thơ mới về tình cảm và âm điệu, hợp với tâm hồn người đương thời, nên được công chúng cực lực hoan nghênh. Cái buồn vẫn vơ, nỗi ước ao một đời cực lạc, những tiếng than náo nuột trong thơ Lamartine đã làm «mê» cả một xã hội. Nhưng bên cạnh thi sĩ cái hồi người ta đã đề ý đến một thi sĩ trẻ tuổi khác, Victor Hugo trong hai tập *Odes et Ballades* và *Les Orientales* đã từ thơ ly tao đi đến thơ hùng tráng. Buồn vẫn vơ và mơ ước cuộc đời lý tưởng cùng Lamartine người ta theo tri tưởng tượng của Hugo sống lại thời xưa mãnh liệt cùng những cảnh lộng lẫy của «phương đông». Đến năm 1830 Musset bước lên văn đàn, cười rộ. Tập *Contes d'Espagne et d'Italie* của ông là một tiếng cười hóm hỉnh và tinh quái lẫn giữa giọt nước mắt náo nùng của Lamartine và những cảnh rực rỡ oai nghiêm của Hugo.

«Ba thi sĩ đi ngang nhau làm thi ca Pháp rực rõ một thời,  
«Nhưng ta hãy đề công việc phê bình ba thi sĩ ấy cho nhà  
văn học sĩ nước Pháp..

«Mỗi lúc đọc thơ Thé-Lữ, tự nhiên tôi nghĩ đến Lamartine. Cũng như nhà thi sĩ Pháp, Thé-Lữ bắt đầu một kỷ nguyên mới về thi ca. Ông Hoài-Thanh đã bàn rõ điều này trong một bài phê bình thơ Thé-Lữ. Tôi chỉ nhắc qua rằng : Lamartine là

thi sĩ xã hội Pháp mong đợi sau những cuộc binh lửa khắp Âu châu dưới triều Napoléon Ier, cũng như Thé-Lữ đã «ru» người ta «dạy cho cả một thời đại yêu» (Hoài Thanh), kiếm sự an ủi trong tình yêu và mơ mộng tìm một lý do để vui sống sau những vụ đòn máu 1930. Thanh niên ta hồi đó đang bối ngợp trước những tấn kịch thảm khốc dễ làm họ chán đời vì chán nản. Thi sĩ Thé Lữ kịp thời ra an ủi họ. Những bài thơ đầu của Thé Lữ đăng ở báo Phong Hóa được người ta hoan nghênh cũng như tập *Méditations* của Lamartine được dân chúng Pháp ca tụng hơn một trăm năm về trước (1820).

«Nếu thơ Thé Lữ «ru» người ta thì thơ Huy Thông mạnh mẽ và mới lạ hơn. Ông Lê tràng Kiều đã ví Huy Thông nhà thơ lý tao và hùng tráng với V.Hugo. Sự so sánh ấy tôi tưởng đúng làm từ cái tuổi cho đến cái tài và nòng thơ «Siêng năng» của thi sĩ Phạm Huy Thông.

«Như Aliret de Musset, Nguyễn nhược Pháp đã dám cười; khi người ta đang mơ màng theo Thé Lữ hay hậm hực như mang hận chiến sĩ theo Huy Thông Musset nói truyện Ý pha Nho, Ý đại Lợi thì Nhược Pháp kéo chúng ta về «ngày xưa», ngày xưa cũng là một xứ lạ đối với hiện tại của nước ta. Trong cảnh lạ và khác ấy, thi sĩ Nhược Pháp ấy xen lẫn nụ cười của ông, nụ cười «hóm hỉnh» và có duyên rồi ông giục chúng ta cười theo...»

«Cả giống nhau giữa thi ca nước Pháp một trăm năm về trước vẫn thơ ta hiện giờ không làm tôi ngạc nhiên. Văn chương lâng man Pháp ảnh hưởng sâu xa đến văn chương hiện đại của ta. Vả lại thi ca ta cũng ở vào một trường hợp giống như thi ca Pháp vào hồi 1820-1830.

«Thể-Lữ, Huy-Thông .. cũng là những nhà thơ lãng mạn thành thử đối với Pháp về thi ca ta sống thut lùi một thế kỷ. Sự chậm trễ đó không có gì đáng trách vì ta theo gót người—nếu có thể nói được như thế. Mà trách sao được ? Chúng ta không có quyền kết án thơ lãng mạn. Tuy thế, xã hội ta ngày nay không phải là xã hội Pháp hồi năm 1830. Ta không thể cấm đoán thi sĩ lãng mạn; mơ màng song ta có quyền mơ ước : ngoài những giờ mơ màng đắm say trong giấc mộng các thi sĩ nên nhìn những cảnh đời xung quanh mình mà ca lên cho ta nghe những bài ca nói đến người nghèo, đưa con ghẻ xã hội một thi sĩ có chân tài thi dì trong giấc mộng đẹp đẽ hay trước một cảnh thực tế thảm khốc dơ dáy, cũng tìm được những vẫn hay ý mới. Cuộc đời hàng ngày là một kho tài liệu cho thi ca, cho thi ca lãng mạn nữa.

«Về tiêu thuyết ta đã có những quyền như Kép tư Bền của Nguyễn-công-Hoan, Giông Tố của Vũ-trọng-Phụng. Ta cũng mong các thi sĩ vẽ cho ta đọc những bài thơ nói đến sự thực gần ta như thế». (1)

Bây giờ không còn phải là lúc một tờ báo chỉ bênh thơ mới hay thơ cũ nữa. Trên mặt báo Tràng An, nhà thơ mới Lưu Trọng Lư, bỏ thơ mới, quay về dì vãng, ca ngợi, phê bình thơ cũ. Cũng trên mặt báo Tràng An nhiều người, vẫn tiếp tục tán dương thơ mới của nhiều nhà thơ mới, có điều họ không khen thơ mới như là thơ mới mà chỉ khen như là thơ hay, thơ có giá trị không đà động gì đến mới hay cũ.

Xuân Phương, trên Tràng An số 314 (22-4-38) phê bình và ca tụng ba tập thơ : *Hận chiến trường*, *Điêu tàn*, *Xác thu* là ba tập thơ ra đời năm 1937 :

---

(1) Hán Quỳ, Tràng An, 24-3-1936, số 108

«Với tập Xác thu, ta không phải theo ông Hoàng Diệp  
và bối chiến trường đầy cả xương, tanh cả máu, hay bay lên  
cùng Hàng đè nghe ngóng hơi thở của muôn tiên, đè hộp lấy  
giòng trăng đương chày. Ta chỉ nhẹ bước theo sát ông, nhập vào  
ông đè cùng ông nuốt lấy cái Đau thương, vồ lấy cái Chán nản  
trong người ông. Ta hãy nghe tim ông hồi hộp, hồn ông rung  
chuyển khi mùa thu tới :

*Tất cả mùa thu vàng xám lại.*

*Chán chường cũng lại giết hồn tôi.*

(Xót xa)

«Và trong lúc ông thất thiều đi tìm lại cái linh hồn trong sạch  
ngày xưa, ông chỉ thấy tro vơ những xác chết trên vệ đường :  
Hèo lánh bên đường ít quán tranh,

*Này đây sắp sửa lá xa cành*  
*Vài ba cánh cửa không buồn mở,*  
*Khói nhẹ lan chùm cỏ xám xanh.*

(Xác thu)

«In hình như ông Hoàng Diệp bị hoàn toàn thất bại trên  
đường tình, nên ông chỉ lấy cái Đau khὸ làm Nàng Thor đè  
ôm-apse, nâng niu trong những đêm buồn-nản ông đã quá tàn ác  
mà đặt tên người yêu ông là Nàng Đau đớn đè kêu gọi,  
van xin :

*Hỡi nàng Đau đớn của taơi !*  
*Khὸ lầm, cho ta một nụ cười,*  
*Hãy nắm tay ta thêm chút nữa*  
*Đè truyền cảm giác xuống đầu môi.*

(Đau đớn).

«Nhưng càng van xin chừng nào, người yêu ông vẫn  
THẾ HỆ 1932

Không buồn trở lại, nàng vẫn là một hình ảnh đau xót trong trí tưởng tượng của ông mà thôi :

*Anh chỉ yêu em... ngồi xích lại.  
Cho anh gạn hỏi một điều,  
Cho anh lọc hết giòng cay đắng  
· · · · ·  
Có phải em là : xác quanh-hiu.*

(Đau đớn).

« Từ cái buồn rướm máu ở đáy lòng ông cho tới cái buồn bao la của vũ trụ, của những buồn chiểu vàng úa, của một đêm trăng nhạt nhợt, ông đều tả ra với những lời thơ thật dễ thương và mới lạ :

*Trong tôi :  
Mặt trăng mờ nhạt.  
Ngôi chùa đỗ nát  
Con đường quanh hiu.  
Một buồn chiểu.  
Tôi đón lời tiễn,  
Tôi đưa lá chết  
Tôi nhìn đám tang,  
... Xác thu vàng !*

(Đám tang)

« Với ông Hoàng Đíệp, ta được thấy những khung cảnh nhỏ nhặt, xinh xinh và bao gồm được lầm ý nghĩa sâu xa.

*Ai đi nhặt tiếng vàng rơi  
Trong trăng trong gió, trong người, mùa Thu.*

« Ta cũng đủ hiểu tác giả muốn đi tìm những tấm ảnh tầm thường, dàn dị và diễn tả được cái tầm thường « Không màu sắc » ấy, là tài riêng của ông Hoàng Đíệp.

«Mùa Thu của ông mới và lạ lẫm, đầy những lá vàng đậm máu, vang dậy cả tiếng lòng u uất, hình ảnh của một đời tình đau khổ. (Nếu tôi không lầm)

« Về nghệ thuật, Tập *Xác Thu* hẳn có phần kém hơn hai Tập *Hận chiến trường* và *Điêu tàn*. Những lời thơ tóm chữ của ông Hoàng-Điệp cần phải sửa đổi thêm nhiều.

«Nhưng nói về ý tứ sâu xa để giải phẫu tình yêu, nói đúng hơn, một mối tình tuyệt vọng, tràn cả mùi «xót xa», cả vị «cay đắng», tập *Xác Thu* sẽ là một tập thơ có giá trị riêng về chỗ đó.

«Ông Thanh Tịnh với tập *Hận chiến trường* đã tả hết sự tàn ác của chiến tranh, đã nêu hồn ta lại những nơi tràn cả thây người, nặc cả mùi tanh của máu xương và xác sụa cả hơi thuốc súng. Có lúc ông lại nhịp đòn lòng theo điệu trầm bổng của một chiều mong đợi, của nỗi niềm thương tiếc dưới bóng trăng chênh, hay là một linh hồn «Lạc lối giữa thành sầu mù mịt».

«Giữa lúc ấy, ông Chế-lan-Viên lại ranh mãnh hơn, gan dạ hơn. Ông say xuống mồ vò tận đè đánh thức yêu ma. Ông bay lên nguyệt điện đè sai biều tinh tú. Ông lang thang đi tìm người chiêm nữ lúc ăn lúc hiện trong đêm biếc, giữa dòng trăng. Ông dien hẳn lên, ông không phải là ông nữa, ông là cái sọ dừa vỡ rạn, ông là đám dân chiêm sống lại, ông là muôn sao đang chói với, ông là máu, là xương, là tủy, là trăng là mây, là gió vv..

«Ông Hoàng-Điệp lại thăm kín, rụt rè quá. Ông không dám bước nặng; ông không dám la to, vì ông sợ phải lay đồ cả, cái im lặng đầy bí mật của đèn thâu của khói hương bay, của làn xương mỏng. Ông đi nhặt những mảnh trăng rơi là tà trên tà áo của thiếu nữ, ông ngừng hơi thở đè nghe những

xác cây nay rờ, những lời thỉn oan của chiếc lá lìa ngành. Ông lại một mình lảng lặng xây đắp trong hồn ông một cảnh thu kết bằng lá Đau Thương và Cảnh Chán Nản.

«Các thi sĩ thường sung sướng hay đau khổ và thường sống trong những cảnh tưởng tượng. Họ sống riêng trong những thế giới riêng của họ. Nhưng thế giới ấy là bối Chiến Trường của ông Thanh Tịnh, là cái tháp diêu tàn của ông Ché-Lan-Viên, là những xác lá chết của ông Hoàng Diệp.

«Nói tóm lại, làng thơ năm 1937 đã hiến cho ta ba viên ngọc quý :

*«Hận chiến trường, Diêu tàn và Xác thu»* (1)

Lương An, trên Tràng An số 12 (tháng 3 năm 1941) ca ngợi Lửa Thiêng của Huy Cận và nhận xét có một nguồn thơ bất diệt :

«Đọc những bài thơ này, người ta ngỡ đâu như đọc bài «Premières Solitudes» của Sully Prudhomme, tả bốn học trò còn nhỏ phải đưa vào trường, đêm khuya nhớ nhà ôm nhau mà sụt sùi.

«Tuy nhiên cái đời học sinh trẻ thơ ấy có bao giờ lâu dài được đâu, người ta chỉ có thể vô tư vào độ hai mươi trở xuống; từ tuổi ấy trở lên người ta đã bắt đầu bước vào cuộc đời và nhầm vị chua cay của nhân tình thế sự. Tâm trí, hoài bão, ý niệm rời ta cũng đổi khác đi. Lúc này là lúc phải lo âu, phải suy nghĩ để tìm lấy một xu hướng.

«Thi nhân của ta cũng thế. Tuy sự thay đổi trong đời chàng chỉ là một sự thay đổi không khí cồn cou nhưng cái tuổi không cho phép chàng ngây thơ như trước nữa. Bởi lẽ ấy người

---

(1) Xuân Phương, Tràng An, 22-4-1938, số 314

ta bắt đầu thấy Huy Cận buồn buồn. Mỗi buồn của thi nhân bao giờ cũng là một mối buồn vô hạn. Huy Cận cũng trở nên thi sĩ của tình cảm thống thiết, cũng tham lam đòi hỏi tình yêu, nhưng chàng thực chưa nặng tình cùng yêu mến như «Bạn chàng Xuân Diệu»

«Chàng cũng yêu tất cả, nhớ tất cả. Tâm hồn chàng là một khu vườn cũng theo mùa mà nở hoa hoặc hiu quạnh. Tâm hồn chàng bây giờ là đối tượng của những hiện tượng của thời tiết. Một điều đáng chú ý là cái nhớ của chàng rất dỗi mênh mang và ôm trùm cả vũ trụ.

«Nuôi một mối tình muôn dặm, yêu vẫn vơ một nàng cõi ngựa trong rạp xiếc, nằm trống lên thả mộng ra khắp phương trời, nếu không phải chàng Huy-Cận đang độ vô tư lự thì là ai nữa ! những hành động thơ ngây, những mối tình trẻ trung ấy phải là của một chàng thi nhân sống ngoài nhân tình thế sự; chàng thi nhân ấy nếu không phải Huy-Cận thì là ai nữa ! Nhưng ngày thơ áu ấy bây giờ không còn nữa. Bây giờ là độ thanh xuân chạm trán với cuộc đời, bây giờ là lo âu, là nghĩ ngợi. Bắt gặp cảnh biệt ly mà sầu, đi giữa đường thơm mà lo tình mắt, thấy dấu chân trên đường mà thẫn thờ, nghe mưa rơi lác đác mà buồn buồn, chao ôi, sao lòng chàng thi nhân của ta thiết tha và dễ cảm xúc đến thế.

«Sở dĩ Huy-Cận buồn thương như vậy là vì chàng lo sợ một ngày rất gần hạnh phúc sẽ không cưới duyên với chàng nữa, mà chàng thì ham sống và tin vào cuộc đời quá. Chàng sầu vì tâm can chàng bắt chàng phải thế. Đó là một trong những lý do đã đưa chàng lên lầu thơ bất tuyệt. Mỗi sầu của chàng có thể cho là một mối sầu vạn cổ.

«Từ đây Huy Cận là một con người nặng tinh sông núi, cảm gió sầu trăng. Bây giờ chàng đã thấy những sự mâu thuẫn của đời nên thơ chàng cũng rẽ vào lối «đoạn tràng». Chàng chạy theo rồi một mối tình mất mà thương tiếc; chàng ngâm ngùi khi nắng chiều xé vàng trên bãi; chàng nhớ nhà vì một cảnh tràng giang; chàng ngạc nhiên khi bắt gặp một cảnh thu trên núi riêng; chàng thẫn thờ sau một cái xe tang; chàng đau khổ khi nghĩ đến một ngày sắp tới người sẽ mất hết linh hoạt để «bước vào mồ nhỏ tí». Chàng đã bị những sự mất thấy tai nghe hàng ngày cảm hóa và làm cho xúc cảm nhiều quá. Ý nghĩ của chàng chỉ quanh quẩn trong cõi sầu thương; chàng là thế đó, trọn một đời thương nhớ và hồn bị thiên hạ bỏ đầu hưu; chàng than thở với Thượng Đế, đã làm ra thân thè con người để đau khổ và để làm nê tội lỗi.

«Huy Cận sinh ra với một tấm linh hồn đơn chiết, đa sầu đa cảm. Chàng than van không có bạn bè tri kỷ, chàng đi bơ vơ trên đường đời âm thầm và đau đớn. Tình yêu không lưu luyến chàng, mọi việc gợi ra trước mắt chàng sự ê chè, sự chán ghét. Tất cả những nguồn sống ở đời đối với chàng đơn sơ quá nên không thè làm cho cái tinh thần sinh hoạt của chàng (vie intellectuelle) đầy đủ được.

«Tả một phong cảnh tráng lệ biết bao. Mây dun núi bạc chim nghiêng cánh nhỏ, nhẹ nhè ánh chiều sa, tưởng ngàn ấy cũng đã đây đủ như một bức tranh của một họa sĩ tài hoa. Chính thi nhân cũng nhận rằng cái cảnh tràng giang ấy đã làm cho mình ca tụng và mê mẩn. Ta hãy nghe thi nhân nói cảm giác của mình :

*Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà*

«Ngày xưa, Thôi Hiệu đứng trước cảnh lâu hoàng hạc mà ngâm ngùi và thấy khói sóng trên sông mà nhớ nhà.

*Nhật mờ hương quan hà xứ thi,  
Yên ba giang thương sữ nhân sầu.*

nhưng ở đây, Huy Cận thấy trời nước mông mênh quá tráng lệ quá mà nhớ nhà. Vì lẽ ấy mà cảnh không tang thương, lòng không hoài cõi, sông không đùn sóng mà cũng ngậm ngùi mối tình lữ thứ.

«Tả một buổi chiều xuân», Huy Cận viết :

*Hai hàng cây xanh  
Đâm chồi hy vọng...  
Nhạc vươn lên trời.  
Đời măng đang dậy*

thật là nói đủ tất cả hy vọng, trẻ trung, êm dịu của một mùa xuân.

«Tả một cảnh thu ở rừng núi :

*Non xanh ngày cả buồn chiều  
Nhân gian nghe cũng tiêu điều dưới kia*

Xem chữ «ngày» nó nhẹ nhàng, thầm thỉa biết bao. Không mùa thu đến non xanh có buồn gì đâu; non xanh chỉ thấy trời buồn mà buồn lây mà thẫn thờ lây đầy thôi.

«Đại đề chỉ đơn cử ngắn ấy tỉ dụ kè cho hết thì quá dài. Những chữ vừa trích ra đây trong tập «Lửa thiêng» không phải fit. Đọc nó lên là thu được một cảm giác, thấy được một cử động, nghe được một dư thanh. Thực là những chữ «thần tình».

«Thơ Huy-Cận nhờ thế mà trong như thủy tinh và đẹp như ngọc thạch. Đọc Xuân Diệu thấy trong người sô; nỗi ngon trào lòng rào rạt; đọc Huy-Cận thấy trong người lâng lâng, tâm hồn khoan khoái. Trí phán đoán sáng suốt mắt nhận xét tinh vi, cách dùng chữ thần tình. Đó là ba đặc điểm của Huy-Cận.

«Văn Huy-Cận là một thứ văn chải chuốt; tình Huy-Cận là một tấm tình đơn giản mà thấm thiết.

«Đừng thấy chàng buồn buồn mà cho chàng là người lạnh nhạt hững hờ; đừng thấy văn chàng chậm trễ quá mà cho là mất vẻ tự nhiên. Huy-Cận viết văn rất điêu luyện; song không bao giờ đè rơi những ý niệm của mình. Bởi vậy khi đọc thơ Huy-Cận ta thấy trong người nhẹ nhàng nhu khoái. Đã lâu lắm từ ngày «Thơ thơ» ra đời đến nay mới lại có một tập thơ đã khiến người phải đọc đến mà sinh vô hạn cảm tình với tác giả.

«Tập thơ «Lửa thiêng» là một tập thơ rất đáng chú ý về tình cảm cũng như về văn pháp. Không cần so sánh cũng đủ nhận thấy đó là một tập thơ hay và tác giả là một thi nhân có đặc tài. Trong công cuộc xây đắp thi giới nước nhà, một tập thơ như thế là tất cả một sự gắng công, và có lẽ là một công trình văn nghệ rất đáng chú ý nữa.

«Huy Cận hiện đang đi tới giữa chúng ta với một tài hoa đương thời này nở. Tương lai của chàng chắc hẳn càng tốt đẹp và sáng lạn hơn nữa.

«Lửa thiêng» ra đời, được hoan nghênh nhiệt liệt, cái đέ không phải nghi ngờ gì nữa. Nhưng phần thưởng đích đáng nhất cho Huy Cận là tác phẩm của chàng sẽ được sống lâu (1).

Trên Tràng An số 405, 21-5-1939, 406, 24-5-1939, Xuân Tâm phê bình thơ của Xuân Diệu với lời lẽ rất toát và coi «Thơ thơ» là «một quyền sách đẽ đầu giường» của ông:

«Như tôi đã nói, nghệ thuật của Xuân-Diệu rất lão luyện

---

(1) Lương An, Tràng An, tháng 3 năm 1941, số 12

bên nhà thi sĩ có tài tâm hồn muôn diệu, lại có nhà thơ thơ tình  
xảo, có kinh nghiệm nhiều và nhất là rất tận tụy với nghề minh.

« Tuy lối thơ lục bát của Xuân Diệu không được mềm dẻo  
và du dương như của Thế Lữ, nhưng trái lại lối thơ hoàn toàn  
mới với những câu tâm chữ và văn liên tiếp, hay lối thơ gồm  
có từng đoạn bốn câu hoặc tứ tuyệt, hoặc thơ mới với  
văn song hành, lại rất xuất sắc.

«Đọc những bài Cảm xúc, Vì sao, Trăng, Huyền Diệu, yêu  
xa cách, phải nói, Đây mùa thu tối, Hẹn hò, Vô biên, Tương tư,  
Chiều, Với bàn tay ấy, và gần hết những bài khác, người ta  
thấy lời thơ chảy song suốt từ đầu đến cuối, không bỡ ngỡ  
không khó đọc, mà rất dễ dãi. Lắm đoạn vựt lên rất tự nhiên  
rất nhẹ nhàng, khiến ta thấy nó từ đáy hồn vựt ra như những  
tia sáng.

«Những đoạn ấy nhiều lắm, không thể không chép ra đây  
được, các bạn đọc qua cũng thấy, không phải tìm kiếm.

«Mà những đoạn thơ rất tự nhiên ấy có phải Xuân Diệu  
phun ngay ra như thế đâu. Chính thi sĩ đã trao đổi rất công phu,  
sửa đi sửa lại từng câu hay từng chữ nhỏ. Chính những bài thơ  
đã đăng ở báo Ngày Nay hay Tinh Hoa rồi, mà nay in trên sách  
lại khác dù tỏ rằng Xuân Diệu là một người thơ thơ cẩn mẫn,  
biết thận trọng nghệ thuật, và khi nào cũng cố gắng đạt được  
mục đích là sự hoàn mỹ.

«Ví dụ trong bài « Cảm xúc », câu thứ sáu bây giờ :

Đây là bình Thu Hợp trí muôn hương

«Khi trước :

Đây là bình Thu Nhập trí muôn hương

«Chữ thu nhập chỉ có một nghĩa là thu vào mà thôi nên

kém chữ thu hợp, có nghĩa thu vào mà còn chung, đúc còn trộn lẫn với nhau nữa.

«Trong bài «Đây mùa thu tối» câu thứ 4, khi trước :

*Với áo Chùng Thầm Mặt Dám Vàng;*

Bây giờ :

*Với áo Mơ Phai Dệt Lá Vàng,*

«Mùa thu mà có mặt thì cũng hơi kỳ thật. Chú áo của mùa thu dệt bằng lá vàng thì hợp lý và hay hơn nhiều.

Cũng trong bài ấy, câu thứ 13 khi trước :

*Én Bồ từng không, Oanh bay đi,*

Bây giờ :

*Mây vẫn từng không, Chim bay đi.*

«Mùa thu là mùa của chim én ở xa về bay lượn ở đồng nội mà lại bảo nó bỏ từng không thì sai quá. Huống gì mấy chữ «mây vẫn từng không» đã đúng mà còn may mắn hơn nữa.

«Không cần phải đưa ra nhiều, ba cái ví dụ trên đây chứng thật một cách rộng rãi rằng Xuân-Diệu trau dồi nghệ thuật rất công phu.

«Bên nhà thi sĩ đặc sắc, bên nhà thơ thơ có lương tâm ấy, lại thấy còn đèo thêm một nhà họa sĩ. Xuân-Diệu đã thấy «màu hoa mới thắm như kêu» (*Nụ cười xuân*), đã thấy «sắc đỏ của màu xanh» (*Đây mùa thu tối*). Phải có con mắt của họa sĩ mới thấy được những tết nhị của màu sắc như vậy.

«Với những câu :

*Lũ mây già, nghìn vạn khói lâm ly,*

*Đứng giữ lướt bùa vây trời nhỏ hẹp,*

*Vài chiếc qua, Mình Thân cong Mỏ Thép,*

*Qua vừa kêu, đến tự xứ đêm nào,*

*Những cây bàng là những bộ xương cao,*

*Nét ngờ ngần đã rèn bằng Sắt Cũ.  
Tết cắn lá—lá nằm trên Đất Ủ,  
Màu Lặng Yên không còn mộng xa bay ;  
Đất Đen kêu như sắt dưới chân giầy  
Tiếng rắn rỏi có pha màu Mực đậm.*

(Sắt)

« Xuân-Diệu đã vẽ ra một cảnh màu đông nếu tôi không làm, với những mùa chết, hay nói cho đúng hơn là màu đất và mùa tết. Những chữ «sắt cũ», «tết cắn lá», «màu lặng yên», «tiếng rắn rỏi pha màu mực đậm» làm ta thấy thật màu đỏ nâu vàng úa của băng, da bàng về mùa đông là mùa thay lá, và nhận thấy tác giả đã biết hòa hợp tiếng màu để làm nên một cảm giác nặng nề mệt nhọc phảng phất trong bài thơ từ đầu đến cuối.

«Nhà họa sĩ đã vẽ ra băng thơ những bông hoa xinh đẹp, đầy vẻ sống, linh hoạt một cách khác thường trong bài «Lạc quan», và hiến cho ta bức tranh tuyệt mỹ có cả tình cảm :

*Một tối bùa trời dăm sắc mây,  
Cây tim nghênh xuồng nhánh hoa gầy,  
Hoa nghênh xuồng, cỏ trong khi cỏ  
Nghênh xuồng làn rêu mờ tối đầy.  
Những lời huyền bí iáo lên trắng  
Những ý bao la dù xuồng tần,  
Những tiếng ân tình hoa bảo giỗ,  
Gió đào thổi thẻ bảo hoa xuân,*

(Với bàn tay ấy)

Đó là chưa nói đến mảnh khéo nhà nghè mà nhà thơ ~~đã~~ dùng để tả những ý tưởng của mình. Với hai câu :

... Và làm sao nhịp trắng Đang,

*Dịu Dàng Đàn những ánh tơ xanh.  
thi sĩ đã được một diệu đàn bằng thơ.*

(Trăng)

Với câu :

*Những luồng Run Rẩy Rung Rinh lá.*

(Đây mùa Thu tối)

• Xuân-Diệu đã nói cho ta nghe những lá run rẩy thật, nhờ ở cách sắp khôn khéo và tim tôi bốn chữ đi với nhau.

• Về cách dứt mạch câu (césure) Xuân-Diệu cũng tỏ ra minh nhanh nhẹn lắm. Khi đọc mấy câu :

*Thong thả chiều vàng thong thả lại...*

*Rồi đi... Đêm xám tối dần dần...*

*Cứ thế mà bay cho đến hết*

*Những ngày, những tháng, những mùa xuân.*

(Giờ tàn)

ta tưởng như nghe cả chiều lại, đêm đi và ngày tháng bay thật, nhất là câu cuối cùng, nhờ cắt làm ba mạch nên đọc lên một âm điệu đưa đầy rất đầy đủ.

• Còn những hình ảnh (images) mới mẻ may mắn, mà tôi đã nói rồi, và nhất là những chữ dùng rất ngộ nghĩnh, rất táo bạo mà không bao giờ đến lỗ mang, như Huy-Thông, thì Xuân-Diệu giàu lắm. Bất cứ bài nào cũng có, và chính đó là những chấm đặc sắc nhất của thơ thi sĩ. Thành thử khi ta đọc đi đọc lại càng thấy thâm thúy mà không bao giờ chán.

• Sau hết tôi mách các bạn một cái đặc điểm mà chỉ có một mình Xuân-Diệu có, lối thơ ngày thơ và dễ yêu : Các bạn hãy nghe :

*Ở nhỉ; sao hoa lại phải rơi?*

*Mất...*

*Thực là dị quá.— Mà tôi nữa :  
Sao nhì làm chi chuyện lại phai ?*

— Nếu không biết những câu thơ ấy của Xuân-Diệu, người ta hẳn phải cho là những lời ngây thơ của một thiếu nữ nào mới biết yêu và chưa hiểu đời với những thống khổ là gì.

— Cùng một loại thơ ngây ngô ấy, bài «*Đơn sơ*» hẳn là một tác phẩm bất hủ. Nó cảm động hơn ta với những chữ thông thường, rất tự nhiên, và nhất là với vẻ «có duyên» của nó.

• Một thi sĩ giàu tình yêu, hiều thấu đáo âm nhạc, giàu tình cảm, giàu sức tưởng tượng, và có một nghệ thuật tinh vi như Xuân-Diệu, hẳn là một thi sĩ hoàn toàn nhất mà ta có đến bây giờ.

«Và quyền *Thơ thơ* tác phẩm hoàn toàn như tác giả của nó là một quyền sách đẽ đầu giường (livre de chevet) mà chẳng bao lâu sẽ trở nên một người bạn thân ái của chúng ta.

• Phải chăng tôi đã xem *Thơ Thơ* với một tâm hồn «rất bạm» thi sĩ Xuân-Diệu? (1)

Trên Tràng An số 494 (15-3-1940) H.X.T. khen «Nữ thi sĩ Thu.Hồng, tác giả *Sóng Thơ*» :

«Tôi xin thú thật rằng đối với những tập thơ mới xuất bản của nhiều thi sĩ thành niên ta ngày nay, ngoài một vài người tôi đã quen làm bạn, như ông Thế-Lữ, ông Lưu-trọng-Lư, ông Xuân-Diệu, ông Huy-Thông, ông Thái-Can, ông Huy-Cận v.v... tôi thấy tôi lo sợ mỗi khi tôi cầm một tập thơ mà xem. Lo sợ mà lại thấy lạnh lùng nữa. Không phải là tôi thờ ơ với thi ca mới cũng không phải là tôi yên trí rằng nhiều thi sĩ thành niên ngày nay không có biệt tài trong sự làm thơ.

---

(1) *Xuân Tâm*, Tràng An, 21-5-1939, số 405

«Có lẽ là vì tôi dành để quá nhiều thì giờ để xem các thi ca xưa. Có lẽ là vì tôi thấy thi ca trong văn chương chúng ta hiện đang trải qua một thời kỳ phản văn, về đường thề cách cũng như về đường lý tưởng, làm cho độc giả chẳng biết lấy đâu mà căn cứ để suy nghĩ, để so sánh, chẳng biết lấy thái độ nào mà thấu hiểu và cảm động theo cái tâm tư của mỗi thi sĩ trong mỗi bài thơ.

«Đối với quyền Sóng Thơ mới ra đời, trước hết tôi cũng lạnh lùng như vậy. Tôi cầm tập thơ nhỏ xinh kia, lật những trang giấy nhanh chóng, rồi tự nói : Lại một tập thơ mới - Lại thi sĩ nữa ra đời - Mà là một nữ thi sĩ, ở Đế đô, một người trong Hoàng phái... Rồi tôi xem qua cũng nhanh chóng như thế thấy câu hay, câu không hay ; nhưng không để ý lắm. Chẳng khác lúc đi qua một vườn hoa của người xa lạ nhìn vào để ngắm cảnh rồi thảm nhiên trong giây lát đã bước qua vườn hoa ấy, và đôi mắt đã đưa nhìn khúc đường xa lạ khác.

«Vậy là tôi đã xalia tập Sóng Thơ, như tôi đã xao lلا nhiều tập thơ mới khác. Có lẽ tôi không nghĩ đến nữa, nếu một sự tình cờ không xui giục tôi quay lại vườn hoa cũ, quay lại với Sóng Thơ của nữ thi sĩ Thu-Hồng.

«Một buổi hội họp tại nhà một ông bạn, tôi đã được gặp nữ thi sĩ Thu-Hồng, một thiếu nữ trẻ tuổi, và nói chuyện rất tự nhiên và vui vẻ. Lẽ tự nhiên là nói chuyện «thơ». Rồi trong câu chuyện, nữ sĩ Thu-Hồng đọc cho chúng tôi nghe một đoạn của một bài thơ nàng mới làm và chưa in trong tập Sóng Thơ mới ra đời.

... Vì hiều lầm nên mới mong đừng nên hiều ;  
Mong chán nản chờ len vào niên thiều.  
Chờ len vào sớm quá tội em mà,  
Em nghe như thời ấy vẫn còn xa.

*Em chầm chập đê mong còn xa mãi,  
Hãy là hoa, xin hãy khoan là trái,  
Hoa nồng hương, mà trái có khi chua..*

« Đoạn thơ được nghe đó, cùng nhiều câu thơ khác, của nữ sĩ Thu Hồng đọc ra hôm ấy, tôi thấy có ý vị, và có một sự dàn đi hòa với một âm điệu dịu dàng. Vì cái cảm tưởng hôm ấy nên tôi mới đọc lại tập *Sóng Thơ*, bà Đạm phuong nữ sử có viết một câu phê bình rất ngắn, nhưng rất đúng : Ngòi bút của Thu-Hồng tuy chưa sành nghề cho lắm, nhưng có vẻ tự nhiên tao nhã. Tôi xin thêm rằng : có vẻ dàn đi và êm đềm tỏ ra một tâm hồn giàu cảm tình, hay thồn thức với cảnh đẹp của tạo hóa yêu văn chương, không hề oán hận, không hề than van. Vì vậy thơ cô không phải là tiếng kêu gào của những tấm lòng bị đau thương, không phải lời oán trách của những người è chè, chán nản. Chỉ như là những làn «sóng» dịp dàng uốn mlnh dưới một ngọn gió nồm thanh thanh mà mát mẻ; chỉ như những tiếng động rì rào trong lá.

*Gió qua, lá động rì rào,  
Khuya trăng chi chít muôn sao dệt trời.*

«Không phải là cô không có lúc lo sợ hay buồn bã. Nhưng tự lo sợ hay buồn bã của cô không bao giờ khốc liệt, có rì rào cũng vẫn êm đềm mà thôi.

*Buồn ngày xưa em buồn thêm một chút...  
hoặc là :*

*Vì đâu thoi thóp với canh tàn ?  
Rời rạc kia mây những muôn tan !  
Tan tác lòng em bao mộng đẹp,  
Cái tình vô hạn, khéo đa mang !*

«Sự tan tác không phải tấm lòng của cô ; chỉ là bao mộng đẹp mà thôi. Khối tình cô khéo đa mang, chỉ là « Cái tình vô hạn », một mối tình mênh mông bát ngát, nó không chung đúc

vào một người, một vật nào, có thể làm đau đớn gắt gao được.

Vì vậy cho nên, một tâm yêu,  
Lui không nèo bước, tới cam liêu.  
Khi yêu nào nghỉ xa xôi nữa,  
Mà khờ tình thêm cung rất nhiều !

«Với với ái tình, xem bốn câu thơ này, chúng ta thấy nữ sĩ Thu-Hồng, vẫn dùng lời êm dịu mà phân giải, mà nghị luận. Chúng ta có thể nói rằng « thi cảm » của cô không phải là của người mê say ; nó còn ở trong vòng khuôn của lý trí nhiều hơn của tình cảm.

«Sự dàn dị, một sự dàn dị mà chúng ta có thể gọi là tầm thường, cái «nên thơ» trong mỗi ý nghĩ hằng ngày trong mỗi câu nói đầu lưỡi, trong mỗi cử chỉ xung quanh ta, trong mỗi tư tưởng thông thường, ấy là chốn nữ sĩ Thu-Hồng đã khéo đi lượm những văn thơ, đi hái cho ta những cành hoa thơm đẹp..»

Đó là các đặc điểm, tôi sơ lược theo ý kiến riêng của tôi viết ra sau khi đọc xong tập *Sóng Thơ* của nữ sĩ Tôn nữ Thu-Hồng. Tập thơ in đẹp, có tựa của Đạm-Phuong nữ sử, và tranh vẽ bìa của nữ họa sĩ Mộng-Hoa.

«Chúng tôi xin giới thiệu quyển *Sóng Thơ* với độc giả» (1)

Trên mặt báo Ngày Nay, từ năm 1938 trở đi, Xuân-Diệu và Thế-Lữ phê bình thơ rất nhiều. Cũng như báo Tràng An, báo Ngày Nay hình như cũng đã xóa bỏ chữ cũ mới trong khi nói đến thơ. Đặc biệt là Thế-Lữ trong mục «Tin thơ» đã chỉ phê bình thơ như là thơ, bài vay, rất nhiều bài thơ cũ được ca ngợi và bài thơ mới bị cônз kích, cũng như vô vàn bài thơ mới được khen lao và bài thơ cũ bị chê bai.

Cuộc tranh luận thơ mới thơ cũ như vậy là đã đi hẳn vào lịch sử. Qua cuộc tranh luận kéo dài có hàng mươi năm, chẳng những làng thơ mới hăng say thảo luaji mà ngay đến làng thơ cũ cũng bỏ cái thói quen đè đặt, thảng thắn bày tỏ và bênh vực lập trường. Chẳng những thi ca mà cả nền văn học Việt Nam, nhờ vậy, đã tiến rất mạnh mẽ.

(1) H.X.T. Tràng An 15-3-1960, số 494.

# MỤC LỤC

	TRANG
I	
<b>* TẠI SAO XUẤT BẢN</b>	
<b>** MÃY LỜI NÓI ĐẦU</b>	XXV
<b>Chương I : ĐẶC TÍNH CHUNG THẾ HỆ 1939</b>	x
Mười một lý do khai mạc thế hệ mới :	
Những biến động chính trị . . . . .	1
Việc Bảo-Đại hồi loan . . . . .	2
Những cải cách của Nội các Bảo-Đại . . . . .	4
Đời sống xé rào của vị vua trẻ . . . . .	9
Bế mạc thế hệ cũ và xuất hiện thế hệ mới . . . . .	10
Nhiều báo mới ra đời . . . . .	10
Sự ra đời của Phong-Hóa và Tự-Lực Văn-Đoàn . . . . .	11
Kỹ thuật mới của báo Phong-Hóa . . . . .	11
Phong-Hóa đả kích thế hệ đàn anh . . . . .	16
Phong-Hóa đả kích tất cả báo chí đương thời . . . . .	23
Phong-Hóa đả kích lý tưởng văn hóa thế hệ trước . . . . .	23
Chương trình cải cách của Tự Lực Văn Đoàn . . . . .	27
Sự xuất hiện nhiều cuộc bút chiến . . . . .	32
Sự xuất hiện những tiêu thuyết mới . . . . .	33
Sự xuất hiện thơ mới . . . . .	33
Sự xuất hiện một thế hệ mới . . . . .	41
Các hiện tượng Văn học vừa bế mạc . . . . .	47
Các hiện tượng Văn học vừa khai mạc . . . . .	48
<b>Chương II : NỘI CHUNG VỀ PHÊ BÌNH VĂN HỌC</b>	54
Từ ngữ Nghệ thuật . . . . .	54
Từ ngữ Văn chương . . . . .	55
Từ ngữ Văn Học . . . . .	56
Từ ngữ Phê bình Văn học . . . . .	57
Từ ngữ Lịch sử Văn học . . . . .	58
Từ ngữ Văn học sử . . . . .	58
Sự khác biệt của Phê bình Văn học và Văn học sử	59

<b>Các trường phái phê bình</b>	59
Trường phê bình cổ điển	60
Trường phê bình lãng mạn	60
Trường phê bình khách quan	60
Trường phê bình ấn tượng	61
Trường phê bình sáng tạo	62
Trường phê bình triết học	62
Trường phê bình duy vật	64
Trường phê bình bác học	64
Kỹ thuật và công tác phê bình	65
<b>— Phê bình một tác phẩm dĩ vãng</b>	65
Nghiên cứu trạng thái bên ngoài của tác phẩm	65
Tìm ra tác giả	68
Tìm thời điểm sách ra đời	70
Nghiên cứu sự thành hình tác phẩm	71
Tìm hiểu ý tưởng chỉ huy	71
Tìm cách bố cục tác phẩm	73
Tìm hiểu công việc trình bày tác phẩm	77
Kiểm điểm tài liệu	80
Phê bình một tác phẩm quen biết nhiều	83
Phê bình nhà văn bậc hai, bậc ba	84
<b>— Phê bình tác phẩm hiện đại</b>	85
Phải biết chung cả sự nghiệp nhà văn	85
Phải biết chung về văn học nhiều ít đồng thời với	
tác phẩm được phê bình	87
Phải biết tổng quát về văn học	90
<b>— Phê bình một thời đại</b>	92
<b>— Viết Văn học sử</b>	93
<i>Chương III :</i>	
<b>SINH HOẠT PHÊ BÌNH VĂN HỌC THẾ HỆ 1932</b>	102
Đặc tính khối A, tức khối Cựu Học	106

<b>Đặc tính khối B, tức khối Cấp Tiến</b>	.	107
<b>Đặc tính khối C, khối chống Phong Hóa</b>	.	116
<b>Đặc tính khối D, khối Mác Xít</b>	.	124

**Chương IV :**

<b>MƯỜI VỤ ÁN VĂN HỌC THẾ HỆ 1932</b>	.	125
1) Vụ án BÁO CHÍ	.	125
2) Vụ án CŨ và MỚI	.	126
3) Vụ án PHAN KHÔI – TRẦN TRỌNG KIM	.	127
Phan-Khôi phê bình Nho giáo	.	127
Trần-Trọng-Kim trả lời Phan-Khôi	.	127
Phan-Khôi viết bài cảnh cáo các nhà học phiệt	.	128
Phan-Khôi mời Trần-Trọng-Kim đến chơi nhà	.	128
Mr. Logique		
Trần-Trọng-Kim mời Phan-Khôi trở về nhà học ta	.	128
mà nói truyện		
4) Vụ án TÂN ĐÀ – PHAN KHÔI	.	129
Phan-Khôi công kích «Cái cườn của Con Rồng	.	129
Cháu Tiên»		
Phan-Khôi công kích Tống Nho	.	130
Tân-Đà khai chiến với Phan-Khôi	.	132
Nguyễn-Tiến-Lãng đả kích Phan-Khôi	.	140
Vân-Bằng đả kích Phan-Khôi	.	142
5) Vụ án QUỐC HỌC.	.	145
Lê-Dư đặt vấn đề Quốc Học	.	145
Trịnh-Đinh-Rư bác lý thuyết về Quốc Học của Lê-Dư	.	146
Phạm-Quỳnh bày tỏ lập trường ủng hộ Trịnh-Đinh-Rư	.	147
Phan-Khôi công kích Phạm-Quỳnh	.	148
Phan-Khôi luận về Quốc học	.	152
Phạm-Quỳnh luận về Quốc học	.	155
Lê-Dư trả lời cả Phạm-Quỳnh lẫn Phan-Khôi	.	157
Nguyễn-Trọng-Thuật giàn hòa	.	159

<b>Phan-Khôi chống sự giàn hóa của Nguyễn-trọng-Thuật</b>	167
<b>6) Vụ án THƠ CŨ—THƠ MỚI . . . . .</b>	168
Phạm-Quỳnh ché thơ Đông Phương . . . . .	168
Phan-Khôi ché thơ cũ trên Đông Pháp . . . . .	169
Nguyễn-văn-Vĩnh và bài thơ Con Ve său và Con Kiến	170
Trịnh-Đình-Rư công kích thơ Đường . . . . .	170
Phan-Khôi kịch liệt đả kích thơ cũ và đề nghị cải cách : làm Bài Thơ Tình Già	175
Lưu-Trọng-Lư hướng ứng thơ mới	178
Các phe bệnh thơ cũ . . . . .	186
Các phe bệnh thơ mới . . . . .	187
<b>MẶT TRẬN BỀNH THƠ MỚI</b>	188
Phong-Hóa bệnh Thơ Mới . . . . .	188
Việt-Sinh ché thơ cũ . . . . .	192
Tứ-Ly chế diễu Tân-Đà . . . . .	194
Tứ-Ly chế thơ cũ trong vở kịch «Tuồng cò Tân thời»	196
Tứ-Ly chế thơ cũ trong hài kịch «Hội nghị Văn học»	202
Nhất-Linh công kích thơ cũ . . . . .	204
Nguyễn-tường-Bách công kích thơ cũ . . . . .	206
Tứ-Ly tinh sò văn học đề ca ngợi thơ mới . . . . .	210
Ngô Không phê bình Nguyễn-văn-Hanh . . . . .	211
Ngô Không tường thuật cô Kiêm diễn thuyết bệnh thơ mới	219
Thạch Lam tường thuật cô Kiêm diễn thuyết bệnh thơ mới	224
Lê Ta tường thuật cô Kiêm diễn thuyết bệnh thơ mới	225
Nguyễn-tường thuật Cô Kiêm diễn thuyết bệnh thơ mới	226
Lê Ta phê bình tập thơ «Những bông hoa trái mùa»	226
Nhị Linh công kích nhà thơ mới Đỗ Đình Vượng	232

Thạch Lam chửi thơ mới của Phan văn Ký	233
Lê Ta phê bình thơ mới của Đức Văn	235
Lê Ta phê bình thơ mới của Nguyễn Vỹ	235
An Điem phê bình thơ mới trên Phụ Nữ Tân Văn	344
Thạch Lan phê bình thơ mới của Hồ văn Hảo	245
Cô Nguyễn thị Kiêm bênh thơ mới	248
Phụ Nữ Tân Văn bênh thơ mới	258
Huân Minh ca ngợi thơ mới của Cô Kiêm	260
Chủ nhiệm Phụ Nữ Tân Văn ca ngợi thơ mới	263
Tác giả L.Đ ca ngợi thơ mới	265
Lưu Trọng Lưu ca ngợi thơ mới	275
Nguyễn thị Kiêm ca ngợi thơ mới	275
Phan văn Hùm phê bình nhà thơ Xuân Giang, tức	278
Đông Hồ	278
Đông Hồ lên tiếng trả lời Phan văn Hùm, tự nhận	.
là Xuân Giang	284
Lưu Trọng Lưu ca ngợi thơ mới	287
Lưu Trọng Lưu gởi thơ thứ nhứt cho Tân Đà	291
Lưu Trọng Lưu gởi thơ thứ hai cho Tân Đà	295
Hoài Thanh ca ngợi thơ mới trên T.T.T.B	299
Văn Thúc trên báo Loa ca ngợi thơ mới	302
Lê Tràng Kiều tinh sò thơ mới	306
Lê Tràng Kiều ca ngợi Thái Can	313
Lê Tràng Kiều ca ngợi Nguyễn Nhược Pháp	316
Lê Tràng Kiều ca ngợi Đông Hồ	318
Lê Tràng Kiều ca ngợi Nguyễn Vỹ	322
Lê Tràng Kiều ca ngợi Thế Lữ	325
Lê Tràng Kiều ca ngợi Vũ Đình Liên	329
Lê Tràng Kiều ca ngợi Lưu Trọng Lưu	330

## MẶT TRẬN THƠ CŨ :

Thái độ chung các nhà thơ cũ	334
------------------------------	-----

<b>Chất Hằng đả kích thơ mới của Phan Khôi</b>	335
<b>Thương Sơn bênh thơ cũ</b>	340
<b>Đặng Đinh đả kích thơ mới</b>	344
<b>Tùng Lâm Lê Cương Phụng đả kích thơ mới</b>	346
<b>Hoàng Tân Dân chê thơ mới phản động</b>	369
<b>Đầu Tiếp chê thơ mới</b>	369
<b>Tản Đà lần đầu tiên lên tiếng về thơ mới</b>	377
<b>Văn giới đổi với cái chết của Tản Đà</b>	383
<b>SỰ TRƯỞNG THÀNH CỦA THI CA VIỆT NAM :</b>	
<b>Lưu Trọng Lư đặt giá trị đích thực của thơ không phân biệt mới cũ</b>	385
<b>Hán Quỳ ca ngợi Thổ Lữ, Huy Thông, Nhược Pháp</b>	396
<b>Xuân Phương ca ngợi tập Xác Thủ của Hoàng Diệp</b>	399
<b>Xuân Phương ca ngợi hận chiến trường</b>	402
<b>của Thanh Tịnh</b>	402
<b>Xuân Phương ca ngợi Điều Tàn của Chế Lan Viên</b>	403
<b>Lương An ca ngợi Lửa Thiêng của Huy Cận</b>	403
<b>Xuân Tâm ca ngợi Xuân Diệu</b>	407
<i>(xin đọc tiếp nơi cuộn 2)</i>	
<b>* MỤC LỤC</b>	423



PHÊ BÌNH VĂN HỌC  
THẾ HỆ 1932  
của THANH LÃNG  
*Đo PHONG TRÀO VĂN HÓA* xuất bản  
Giấy phép số : 2339 BTTLPHNT  
ngày 26 tháng 7 Năm 1972

# Những tác phẩm của Thanh-Lãng

## ÁN LOÁT :

- 1— Văn chương chữ Nôm, Hà Nội, 1953.
- 2— Văn chương bình dân, Hà Nội, 1954.
- 3— Biểu nhất lâm Văn học cận đại VN. Saigon, 1957.
- 4— Apport Français dans la Littérature Vietnamienne, Saigon, 1962.
- 5— Bảng lược đồ Văn học Việt nam, 2 tập, Saigon, 1967.
- 6— Nghiên cứu giới thiệu «Sách Sổ Sang chép các việc» (tài liệu chữ quốc ngữ tối cổ chép tay về thế kỷ XVIII) Saigon, 1968.
- 7— Văn học Việt nam : Đổi kháng Trung hoa (từ đầu đến 1428), Saigon, 1969.
- 8— Văn học Việt nam : Thế hệ dân thân yêu đời (1428-1505), Saigon, 1969.
- 9— Phê bình Văn học Thế hệ 1932, Saigon, 1972 (2 tập)

## IN RONÉO :

- 10— Văn học VN : Thế hệ tố cáo thời thế (1505-1592), 63
- 11— Văn học VN : Thế hệ gấp gỡ Tây phương (1592-1729), 1963.
- 12— Văn học VN : Thế hệ thác loạn (1729-1788), 1963.
- 13— Văn học VN : Thế hệ Nguyễn Du (1788-1820), 1963
- 14— Văn học VN : Thế hệ Nguyễn Công Trứ (1820-1862), 1963.
- 15— Văn học VN : Tày chay Pháp (1862-1900), 1963.
- 16— Văn học VN : Thế hệ hóa dân cường quốc (1900-1913), 1963.
- 17— Văn học VN : Thế hệ điều hòa Âu-Á (1913-1932), 64.
- 18— Văn học VN : Thế hệ Đoạn tuyệt (1932-1945), 1964.
- 19— Lịch sử tiêu thuyết Việt Nam (1932-1945), 3 tập, 1964.
- 20— Những cuộc tranh luận Văn học (từ 1932-1945), 17 tập, 1966.

---

Giá 600 \$